

Hoàng Văn Hoan

Giọt nước trong biển cả



Lời nói đầu

Cách mạng Việt Nam kể từ năm 1858 thực dân Pháp đánh chiếm Đà Nẵng cho đến năm 1975 dinh lũy cuối cùng của đế quốc là Sài Gòn được hoàn toàn giải phóng, tính ra là một trăm mười bảy năm. Đó là một thời gian dài đặc nhân dân Việt Nam sống trong vòng khổ nạn do đế quốc gây nên. Đó cũng là thời gian dài đặc mà nhân dân Việt Nam kiên quyết đấu tranh giành độc lập cho Tổ quốc; phong trào này bị dập tắt, phong trào khác lại nhóm lên, người trước ngã xuống, người sau vẫn xốc tới, hàng triệu người đã bị tra tấn kìm kẹp nơi tù ngục và hy sinh trong các cuộc chiến đấu. Cuối cùng Hồ Chủ tịch dựa vào nguyên tắc chủ nghĩa Mác – Lê-nin và kết hợp với tình hình thực tế nước nhà, vạch ra một đường lối cách mạng đúng đắn đoàn kết được tất cả lực lượng yêu nước của toàn dân và tranh thủ sự đồng tình của nhân dân tiến bộ thế giới, thì cách mạng Việt Nam mới hoàn thành, đất nước Việt Nam mới thật sự được giải phóng và thống nhất.

Là một người dân mất nước, trong quá trình tìm hiểu cách mạng, tôi đã chịu ảnh hưởng sâu sắc của những nhà cách mạng tiền bối như Trương Công Định, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, v.v... cuối cùng được sự giáo dục của Hồ Chủ tịch, tôi đã trực tiếp

tham gia cách mạng từ năm 1926. Nhưng suốt mấy chục năm tham gia cách mạng, không bao giờ tôi nghĩ đến chuyện viết hồi ký; ngay những năm công tác ở Hà Nội, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng thường nhắc tôi viết hồi ký ghi lại những hoạt động của mình, một phần trong hoạt động của Đảng, tôi vẫn không định viết, vì sự đóng góp của mình đối với cách mạng chẳng qua chỉ là một giọt nước giữa biển cả mà thôi.

Nhưng qua hơn hai mươi năm làm việc gần gũi với Lê Duẩn, tôi được biết rõ Lê Duẩn là một kẻ âm mưu đặt lợi ích cá nhân và bè cánh lên trên lợi ích của dân tộc, đặc biệt là những năm trước và sau khi Hồ Chủ tịch mất, tôi được biết những hoạt động xấu xa nguy hiểm của y, như việc choán quyền Đảng, việc xuyên tạc lịch sử, việc động viên toàn bộ lực lượng chống Trung Quốc và xâm chiếm Cam-pu-chia, là những việc phản chủ nghĩa Mác – Lênin, phản cách mạng, phản lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc.

Qua nhận thức đó, tôi thấy cần phải viết hồi ký, không phải chỉ để nói lên sự đóng góp hết sức nhỏ bé của mình đối với cách mạng, mà chủ yếu để nói lên chủ trương đường lối và việc làm của Hồ Chủ tịch trong các thời kỳ hoạt động qua một số sự việc cụ thể, đồng thời nêu ra một số sự thật trong quá trình cách mạng đã bị Lê Duẩn cố tình che lấp, xóa nhòa hoặc xuyên tạc, để sau này những người có quan tâm đến cách mạng Việt Nam có thể tham khảo, không bị bọn bồi bút của Lê Duẩn lừa gạt.

Cuốn hồi ký này gồm bảy phần:

Phần thứ nhất “Trên đường tiến tới cách mạng”, viết theo sự yêu cầu của Phòng truyền thống xã nhà, xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Phần này đã gửi Phòng truyền thống xã, gửi Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Nghệ-Tĩnh, nay vẫn giữ nguyên, nhưng có đổi hai chữ “Do-thái” thành hai chữ “Tô-thái” trong câu đối viếng người mẹ của bạn. Việc sửa chữa này sẽ được giải thích rõ khi dẫn đến câu đối này ở trong phần.

Phần thứ hai “Những năm tháng hoạt động cách mạng ở Xiêm”.

Phần thứ ba “Những năm tháng hoạt động cách mạng ở Trung Quốc”.

Phần thứ tư “Những năm tháng trước và sau Cách mạng Tháng Tám”.

Phần thứ năm “Nhiệm vụ mới - Chinh đồn một số công tác ở hải ngoại”.

Phần thứ sáu “Những năm tháng là Đại biểu Chính phủ và Đại biểu Trung ương Đảng tại Trung Quốc”.

Phần thứ bảy “Cách mạng Việt Nam với sự phản bội của Lê Duẩn”. Phần này nói lên những sự thật trong quá trình Lê Duẩn chuyển biến từ một người cách mạng thành một người phản bội cách mạng với những nguyên nhân nội tại và ngoại tại của nó. Nguyên nhân nội tại là bản thân Lê Duẩn không tự cải tạo mình để phục vụ lợi ích cách mạng mà lại muốn lợi dụng cách mạng hòng nâng cao địa vị và danh vọng của mình, không quan tâm đến đời sống của nhân dân mà lại muốn lợi dụng sức mạnh của nhân dân hòng biến Việt Nam thành một nước bá chủ khu vực. Nguyên nhân ngoại tại là do một số người lãnh đạo Liên Xô với tư tưởng sô-vanh nước lớn, đã dùng mọi thủ đoạn ép buộc các nước trong “đại gia đình xã hội chủ nghĩa” và các đảng anh em phải tuân theo chủ trương, đường lối của mình, ai không nghe thì đả kích, thì phân hóa nội bộ, ủng hộ nhóm này hạ bệ nhóm kia, thậm chí có khi còn uy hiếp bằng lực lượng quân sự, hòng đạt tới mục đích làm bá chủ thế giới. Với mục đích đó, người lãnh đạo Liên Xô đã sử dụng Lê Duẩn trong mưu toan xây dựng một căn cứ quân sự mạnh ở Đông Dương để chống Trung Quốc và để mở phạm vi ảnh hưởng của mình xuống phía Nam Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

Ngoài phần chính ra còn có một phần phụ lục ghi lại lý lịch tóm tắt và một số hoạt động cụ thể của bản thân tôi.

Cuốn hồi ký này viết trong lúc phải suy nghĩ nhiều việc quan trọng khác, trong hoàn cảnh thiếu tài liệu gốc từ trong nước, trong hoàn cảnh sức khỏe

bị hạn chế, nên chỉ có thể viết những nét lớn một cách ngắn gọn. Sau này nếu có dịp tìm được tài liệu tham khảo đầy đủ hơn, có hoàn cảnh tốt hơn thì sẽ bổ sung.

Cuốn hồi ký này viết để tỏ lòng kính mến vô cùng đối với Hồ Chủ tịch, người lãnh tụ vĩ đại của dân tộc này đã từng rèn luyện nên một đội ngũ cán bộ hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, xây dựng nên một đội quân trung với Đảng, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

Cuốn hồi ký này viết để tỏ lòng kính mến vô cùng đối với các vị cách mạng tiền bối và tất cả những người anh hùng vô danh đã hy sinh trong các cuộc đấu tranh giành độc lập và tiến bộ xã hội ở Việt Nam suốt hơn một thế kỷ. Đồng thời để tỏ lòng biết ơn đối với những người bạn quốc tế đã đồng tình ủng hộ nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Cuốn hồi ký này viết cũng để tỏ lòng nhớ thương đối với người bạn già là người đã tham gia cách mạng từ những năm 1929, 1930, để tỏ lòng nhớ thương đối với người con trai, người con dâu và ba đứa cháu hiện đang bị bọn Lê Duẩn hãm hại ở trong nước.

Trong quá trình viết hồi ký, tôi được các cơ quan nghiên cứu tình hình Việt Nam tại Bắc Kinh cung cấp một số tài liệu tham khảo như: Các thứ sách báo chữ Việt mà cơ quan lưu trữ; một số tài liệu gốc của Quốc dân đảng Trung Quốc về các hoạt động của Hồ Chủ tịch khi ở Liễu Châu năm 1942-1943, việc Hồ Chủ tịch gặp Tư lệnh không quân Mỹ Chen-nót-tơ [1] và các hoạt động khác ở Côn Minh năm 1945; một số tài liệu về cuộc hội đàm Việt – Pháp ở Phong-tên-bơ-lô năm 1946, về cuộc hội đàm Việt – Mỹ ở Pa-ri năm 1968-1972 v.v... là những tài liệu tham khảo cực kỳ quan trọng. Qua sự tham khảo những tài liệu đó mà một số sự việc trước kia tôi chỉ biết đại thể, nay có căn cứ chắc chắn để ghi lại trong hồi ký một cách rõ ràng, đầy đủ.

Đối với tôi, đó là một sự giúp đỡ tận tình và hết sức quý báu. Nhân dịp xuất bản tập hồi ký, tôi xin tỏ lời cảm ơn sâu sắc và chân thành.

Hoàng Văn Hoan

Tháng 2 năm 1986 ở Bắc Kinh

Hoàng Văn Hoan

Giọt nước trong biển cả

Phần 1: Trên đường tiến tới cách mạng

P1 - Chương 1

Thời tuổi trẻ

Sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo ở làng Quỳnh Đôi, tỉnh Nghệ An, tuổi trẻ của tôi không lấy gì làm hạnh phúc. Cha tôi quanh năm dạy học ở các tỉnh Bắc kỳ, chỉ đến Tết mới về với gia đình độ vài ba tuần rồi lại đi biệt. Mẹ tôi vay nợ lãi đi buôn gánh lúa, gánh lúa bán tận chợ Lữ, chợ Sy, chợ Hoàng Mai, cách làng mười mấy cây số, gà gáy ra đi, tối mịt mới về đến nhà. Nợ lãi rất nặng, cứ đầu năm vay một trăm quan, thì cuối năm phải trả một trăm ba mươi quan. Có những năm, ba mươi Tết chưa trả đủ nợ, mẹ phải tránh ra nhà ông ngoại, nhưng chủ nợ vẫn tìm đến nơi réo chửi. Lại thêm tập tục phong kiến, mẹ tôi là nạn nhân của cảnh mẹ chồng nàng dâu, không mấy hôm khỏi bị mắng chửi, hành hạ.

Cảnh nhà chẳng vui vẻ gì, nên khi tôi lên sáu tuổi, mẹ tôi đã gửi ở nhà ông ngoại để học chữ Hán. Bảy, tám tuổi theo ông ngoại đi học ở các huyện Hoàng Hóa, Thọ Xuân; mười một tuổi theo ông dựng đi học ở huyện Thiệu Hóa; mười hai, mười ba tuổi theo ông bác đi học ở huyện Quảng Hóa. Các huyện kể trên đều thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Thời gian học với ông bác, tôi đã bắt đầu có sự hiểu biết chút ít ngoài sách vở. Bác tôi làm hương sư, dạy cả chữ nho lẫn chữ quốc ngữ ở trường làng Hồ Nam, huyện Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Tôi học không lấy gì làm thông minh, chỉ được chút ưu điểm là viết chữ tốt và đọc sách rành mạch. Bác tôi thường bảo tôi đọc báo Trung Bắc tân văn và đôi khi đọc truyện Kiều cho bác tôi nghe. Bác tôi giỏi chữ Hán và học khá rộng, nhiều khi kể cho tôi nghe những câu chuyện về nước Nhật duy tân, đến nay tôi còn nhớ đôi mẩu như:

- Ở Nhật có người “phùng nhân tiến tiếu”, gặp người là cười, cười cái hủ lậu của nước Nhật; lại có người “phùng nhân tiến khốc”, gặp người là khóc, khóc cái lạc hậu của nước Nhật.
- Thanh niên nước Nhật nhiều người say sưa công cuộc duy tân, quyết làm cho nước giàu mạnh. Có một chàng thanh niên mê mải suy nghĩ việc duy tân, đến nỗi có lần anh ta cởi quần lợi qua suối rồi cứ thế mà đi, quên cả mặc quần, đi đến nhà bạn mới sức nhớ ra.
- Ở Nhật có “Xung thiên thăng”, có “Tảo hải tuệ”. “Xung thiên thăng” nghĩa đen là dây chọc trời, có lẽ nói dây thép, dây điện. “Tảo hải tuệ” nghĩa đen là chổi quét biển, có lẽ là nói tàu quét thủy lôi hay là tàu đánh cá.

Luôn sáu bảy năm trời, mẹ tôi cho tôi đi học xa như vậy điều cốt yếu là muốn cho con học thành người; nhưng cũng còn lý do nữa là để con khỏi phải chịu cái cảnh thiếu não của tuổi trẻ và cũng bớt được miệng ăn cho gia

đình.

Năm tôi lên mười bốn tuổi, bà nội đã mất, nhà làm ăn cũng khá hơn trước, cha tôi nghỉ dạy học mấy năm để sắp xếp việc gia đình, đồng thời cho tôi ở nhà để kèm cặp cho tiếp tục học chữ Hán với cụ Hàn Tô, một người bác họ. Cụ Hàn là người nho học rất giỏi, nhưng đến khoa thi bị quan trường đánh hỏng chỉ vì không viết được chữ quốc ngữ, thứ chữ mà cụ cho là do bọn Tây bày đặt ra, không thèm học. Bị đánh hỏng, cụ khiêu nại đến tận kinh đô Huế, được các quan xét lại và lấy vớt, cho đỗ tú tài.

Thời cụ Hàn dạy học, chế độ khoa cử vẫn còn, nhưng đã có chỗ thay đổi. Học trò đi thi không phải thi làm thơ, phú bằng chữ Hán như trước, mà phải thi làm sớ, tấu, dụ và luận văn bằng chữ Hán, đồng thời còn phải làm luận văn bằng chữ quốc ngữ. *(Sớ hoặc tấu là những bài văn do các quan trong triều đình viết dâng lên nhà vua. Dụ là những bài văn của nhà vua viết để dạy bảo khuyên nhủ triều đình hoặc nhân dân. Luận văn là bài bình luận về một vấn đề nào đó do các quan chấm trường nêu ra)*. Nội dung các bài thi thường đề cập đến đề tài mới, cho nên người đi thi phải tìm đọc sách mới, chủ yếu là những sách bằng chữ Hán mà Trung Quốc xuất bản trong hồi đó. Trong một lớp học chữ Hán ở làng quê hẻo lánh như lớp của cụ Hàn Tô mà cũng thường có lúc bình những bài văn có một nội dung nói đến Lư-Thoa (Rousseau), Mạnh-Đức (Montesquieu), Bội-Căn (Bacon), Vực-Đa-Lợi-Á (Victoria), Đại-Bi-Bắc-Hoàng (Pierre le Grand), Nã-Phá-Luân (Napoléon), Hoa-Thịnh-Đôn (Washington) v.v... là những nhân vật đã làm nên sự nghiệp lớn, được coi là anh hùng của thời đại.

Tuy vậy, đối với những bài văn đó, thì thầy cũng như bạn thường chỉ tấm tắc khen về cách đặt câu tài, dùng chữ giỏi, điển tích mới, đối đáp chặt chẽ v.v... Vì vậy mà trong thời gian này, tuy có biết thêm một số kiến thức mới, nhưng tư tưởng tôi vẫn ngừng trệ trong khuôn khổ văn bài, thi cử mà thôi.

Năm 1918 là năm có khoa thi Hương cuối cùng, nhưng cụ Hàn còn bảo tôi cứ cố gắng học để khoa sau đi thi.

Sang năm 1919, nhân có khoa thi Hội cuối cùng, được biết chắc là không còn khoa cử nữa, thì cha tôi mới cho chuyển sang học trường Pháp - Việt.

Trường Pháp - Việt mở ở huyện lỵ cách làng tôi hơn ba cây số. Làng Quỳnh tuy nghèo, nhưng có truyền thống ham học, số học trò theo học trường Pháp - Việt huyện có tới gần bốn chục người. Nhiều gia đình nghèo mấy cũng cố cho con đi học, để nếu không đậu đạt thì cũng có ít nhiều chữ nghĩa, sau này đi dạy học, hoặc kiếm nghề làm ăn khác.

Thời gian tôi chuyển sang học trường Pháp - Việt, tư tưởng cũng vẫn là học để thi cử nhưng vì cách học đã đổi khác nhiều, không phải vùi đầu vào đóng sách vở và văn bài, được nghỉ chủ nhật, được nghỉ hè, nên có thì giờ tiếp xúc với nhiều người trong làng, trong huyện và đã bắt đầu hiểu được ít nhiều về những câu chuyện thời thế.

Làng Quỳnh có nhiều người học giỏi, lại là một làng nghèo nổi tiếng, người đi kiếm ăn khắp bốn phương, vì vậy tuy ở cách thành phố lớn, cách thành phố Vinh 60 cây số, cách thị trấn Thanh Hóa 80 cây số, nhưng có mối liên hệ khá rộng rãi, tự nhiên thành một nơi rất nhạy tin tức và tập hợp được nhiều chuyện đảng trong, đảng ngoài. Người ta thường hay bàn thảo những câu chuyện chống Pháp đã được khuếch đại và thần bí hóa, như chuyện Đội Quyên, Đội Phấn có phép tàng hình, hễ khi nào biết tin có địch đuổi theo thì múc một bát nước, bắc đôi đũa lên trên rồi niệm phù chú và bước qua bát nước là tránh được nạn. Những câu chuyện về Văn Thân, về Đề Thám, về Đông Kinh Nghĩa Thục cũng được người ta bàn thảo luôn.

Bản thân làng Quỳnh cũng là nơi có truyền thống đấu tranh cách mạng.

Người ta thường kể đến chuyện ông Nho Quý bị chém, ông Địa bị giặc bắn trên bờ sông Dinh, và kể đến chuyện những người nông dân dũng cảm, như

ông Cu Tào, bị lý trưởng bắt đi cáng quan huyện, ông ta nói thẳng với quan huyện: “Con từ nhỏ đến giờ không khiêng cáng cho ai, nay ông lý bắt cáng quan thì con phải làm, nhưng nhỡ đau vai chịu không nổi, có sinh việc gì thì xin quan tha tội”. Quan huyện sợ thằng này nó định quăng mình chẳng, liền bảo lý trưởng thay người khác.

Lại như ông Hồ Sỹ Đài không biết chữ, dám tự nguyện ra làm lý trưởng trong lúc làng khuyết lý trưởng mà không người nào dám ra làm. Ông làm lý trưởng hầu như tháng nào cũng bị quan huyện nọc ra đánh, bắt khai báo những người trong làng trốn theo “giặc”. Đánh bao nhiêu, ông cũng chỉ nói một câu: “Tôi không nuôi được họ, họ phải đi kiếm ăn, tôi không ngăn được và cũng không biết là họ đi đâu”. Khi làm lý trưởng cũng như khi thôi lý trưởng, ông vẫn là một người nông dân lao động.

Người ta cũng kể chuyện những ông cử thi đỗ rồi mà không chịu ra làm quan. Ông Hồ Khoan học giỏi nhưng đi thi để làm thuê bài lấy tiền, còn ông thì viết thâu bài cho quan trường đánh hỏng; ông Hoàng đỗ Phó bảng, ra làm tri huyện, nhưng chống Tây nên bị cách chức v.v...

Đặc biệt là dân làng nói nhiều về gia đình cụ Hồ Bá Ôn, án sát tỉnh Nam Định, hy sinh năm 1883 trong trận chống Pháp giữ thành Nam Định. Con cả của cụ là Hồ Bá Kiện tham gia phong trào Văn Thân, bị đế quốc bắt giam rồi bắn chết ở Lao Bảo. Con thứ hai là Hồ Thúc Linh đậu cử nhân, cũng hưởng ứng phong trào chống Pháp, khi bị bắt, đế quốc đốt mâm thau lên để tra tấn, ông thản nhiên tự ngồi lên mâm thau nóng để tỏ gan dạ của mình. Em dâu cụ là bà Lua, có thể coi là một nữ kiệt của làng Quỳnh Đôi. Bà thường đi lại từ Nghệ An ra Yên Thế chấp mối liên lạc giữa phong trào Nghệ - Tĩnh với Đề Thám. Nhiều lần gặp nguy hiểm, bà đều dùng mưu trí thoát tay địch. Đến khi bị sa lưới, quân thù tra tấn dã man, bà vẫn không khai. Mỗi lần sắp phải đòn, bà nhai một cục thuốc Lào to, làm người say mềm. Tỉnh ra, bà chỉ kêu

la: “Ông cha làm quan làm gì mà để tội cho con cháu thế này”. Bọn quan tra tấn bà nghe nói như chọc vào tim, đồng thời cũng không có chứng cứ gì để buộc tội, chúng đành phải thả bà, giao về địa phương quản thúc. Bà đã gửi con trai của mình là Hồ Học Lãm cho phong trào Đông du, đi theo cụ Phan Bội Châu qua Nhật, rồi sau về Trung Quốc. Cháu đích tôn của cụ là Hồ Bá Cự tức Hồ Tùng Mậu, năm 1919 xuất dương để hoạt động cứu nước, gây ảnh hưởng sâu sắc trong lớp thanh niên có chí khí của làng Quỳnh. Ngoài những người trong tầng lớp học sinh, thầy giáo có tâm huyết và ý chí cách mạng rõ nét, những người Hán học ở làng Quỳnh cũng có những người khí thái. Trong khi giao du với họ, tôi thường được nghe nhiều bài thơ, câu đối có ý nghĩa, có khi được trao tay mượn về đọc các sách tiến bộ. Về thơ văn, đến nay tôi còn nhớ một số bài, tuy có bài không biết rõ tác giả là ai, và cũng không biết có thật đúng nguyên văn không, nhưng lúc đó nghe được như thế nào thì bây giờ cứ ghi lại như thế:

- Thơ đầu xứ Thái đọc trước khi bị chém:

*Ba hồi lệnh giục thẳng cha kiếp,
Một nhát gươm đưa đến mẹ đời.
Sống là tướng mạnh ba quân cậy,
Chết cũng thân thiêng một góc trời.*

- Câu đối chửi Cao Ngọc Lệ:

Vô địa khả mai Cao Ngọc Lệ,
Hữu thiên bất tử Tống Duy Tân.

Tạm dịch:

*Không đất để chôn Cao Ngọc Lệ,
Có trời bất tử Tống Duy Tân.*

Có trời chẳng chết Tống Duy Tân.

Tống Duy Tân đỗ Tiến sĩ, có tư tưởng chống Pháp. Cao Ngọc Lê, học trò của Tống Duy Tân, đã mật báo những hoạt động cách mạng của Tống Duy Tân với Pháp, nên Tống Duy Tân đã bị xử chém.

Câu đối điều người mẹ của bạn mới mất:

Toàn quốc vô Thái Tây chi nam, toại linh nữ kiệt
tiêu trầm, đáo tử bất lưu Tô-thái bút.

Đồng bào dĩ Việt nam vi mẫu, đương thử anh hùng
thống khóc, cư tang hợp trước Mã-ni y.

Tạm dịch:

*Nam giới như Thái Tây là ai, để cho nữ kiệt
đắm chìm, đến chết không ghi sách Tô-thái
Đồng bào lấy Việt Nam làm mẹ, đương lúc anh hùng
gào khóc, ở tang nên mặc áo Mã-ni*

“Thái Tây” chỉ các nước phương Tây, chủ yếu là các nước châu Âu.

“Nam giới như Thái Tây là ai” ý nói ở phương Tây, nam giới tôn trọng phụ nữ, ở nước ta thì không như thế.

Tô-thái (Kossuth 1802 -1894) là một anh hùng dân tộc Hung-ga-ri. Trong tập hồi ký của mình, ông đã nói nhiều đến công ơn giáo dục của người mẹ. ^[2] .

- **Câu đối mừng người bạn thi đỗ Đình nguyên:**

Phụ giáp ư Hương, huynh ất ư Hội, quân hựu khô ư
Đình, khoa hoạn nhất gia tư, bạch trú đối nhân,
quốc sủng quân ân đa nhược thị?

Phan thê ư Nhật, Đặng lưu ư hải, Ngô thượng tù ư
ngục, ky my thiên lý ngoại, hoàng thành hồi thủ,

cầm bào hoa hốt vị hà như?

Tạm dịch:

*Cha là Thủ khoa, anh là Phó bảng, người lại đỗ Đình
nguyên, khoa hoạn riêng một nhà, rạng mặt với người,
lộc nước ơn vua nhiều đến thế?*

*Phan qua Nhật Bản, Đặng đày Côn Lôn, Ngô vẫn ở tù
ngục, xích xiềng ngoài nghìn dặm, quay đầu về nước,
hốt hoa áo gấm nghĩ làm sao?*

Câu đối này lấy ba nhà trí thức yêu nước là Thủ khoa Phan Bội Châu đang hoạt động ở Nhật, Phó bảng Đặng Nguyên Cẩn và Tiến sĩ Ngô Đức Kế đang bị giặc Pháp giam ở Côn Đảo, để kêu gọi lòng yêu nước của người mới thi đỗ.

- **Câu đối khóc Nguyễn Thái Bạt:**

Bạt là một người xuất dương vào hồi Đông du, sau về hàng Pháp. Bạt không thi Hương mà được Nam triều cho thi Hội, đỗ Hoàng giáp, rồi làm quan, được ít lâu thì Bạt chết. Khi còn bị giam, có người con gái hàng cơm thường đưa cơm cho y, sau được ra tù, rồi lấy nhau. Người ta đã đem những câu chuyện đó gói ghém trong câu đối rất có ý nhị như sau:

Xuất dã kỳ, tỵ dã kỳ, đại tiểu đẳng cánh kỳ,
khai mạc diễn thành bi hý kịch.

Tội bất tử, tù bất tử, phủ quý lai như tử,
cái quan nan định tạc kim bình.

Tạm dịch:

*Ra cũng kỳ, về cũng kỳ, đại tiểu đẳng càng kỳ^[3],
tán kịch buồn vui, sân khấu mở màn xem đã rõ.*

*Tội không chết, tù không chết, giàu sang đến mà chết,
lời bàn kim cổ, quan tài đây nắp định chưa xong.*

- **Thơ Phan Chu Trinh chửi bọn quan trường:**

Thế cục hồi đầu dĩ nhất không,
Giang sơn vô lệ khóc anh hùng.
Vạn dân nô lệ cường quyền hạ,
Bát cổ ^[4] văn chương túy mộng trung.
Trường thử bách niên cam thỏa mạ,
Bất tri hà nhật xuất lao lung?
Chư quân vị tất vô tâm huyết,
Bằng hướng tư thi độc nhất thông!
Tạm dịch:

*Nhìn lại cuộc đời thấy trống không,
Giang sơn ráo lệ khóc anh hùng.
Muôn dân nô lệ dưới quyền mạnh,
Tám vế văn chương giữa giấc nồng.
Trọn kiếp đành cam người chửi mắng,
Bao giờ mới thoát cảnh chuồng lồng?
Các ngươi chưa chắc không tâm huyết,
Hãy đọc thơ này ắt hẳn thông!*

Theo người truyền tụng, thì lúc đó Phan Chu Trinh đi thi, quan trường ra bài thơ đầu đề là “Chí thành thông thánh” nghĩa là “lòng chí thành có thể làm cho Thánh thông cảm”, lấy chữ “thông” làm vần. Phan Chu Trinh đã làm bài thơ trên để chửi chúng.

Ngoài những thơ văn khảng khái như thế, thời kỳ này còn có một số sách

cầm của Phan Bội Châu và một vài cuốn của Lương Khải Siêu như **Trung Quốc hồn**, của Khang Hữu Vi như **Biến pháp thông luận**, v.v... thường được bí mật chuyển qua tay những người yêu nước đến nhà bà Lụa ở làng Quỳnh, mà tôi cũng được đọc; lúc đó tuy chưa hiểu sâu sắc gì, nhưng đã biết suy nghĩ rằng mình phải có một lý tưởng, phải làm gì để cứu nước, giúp đời; mà nhất là bài thơ Phan Chu Trinh chửi bọn quan trường đã làm cho tôi chán ghét việc học hành trong lúc bấy giờ. Học ở trường huyện tôi thấy không có ý nghĩa, chỉ mong sao học mau hết lớp để có dịp vùng vẫy, bay nhảy cao xa hơn.

^[1]Claire L. Chennault (1890-1958) BT

^[2]Hai chữ “Tô-thái” ở đây, trước kia trong bản gửi cho Phòng truyền thống xã Quỳnh Đôi và Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Nghệ - Tĩnh đều viết là “Do-thái”, là không đúng. Nay sửa lại.

^[3]“Ra” là xuất dương, “về” là đầu hàng, “Đại đẳng khoa” là thi đỗ, “Tiểu đẳng khoa” là lấy vợ.

^[4]“Bát cổ” là một lối văn chương cũ của Trung Quốc. “Bát cổ” có nghĩa đen là “tám vế”.

Hoàng Văn Hoan

Giọt nước trong biển cả

Phần 1: Trên đường tiến tới cách mạng

P1 - Chương 2 & 3

II. Mơ ước xuất dương

Năm 1923, có tin đồn anh Hồ Tùng Mậu xuất dương từ mấy năm trước đã bí mật về nước và có ghé qua làng Quỳnh, tin này càng làm cho tôi suy nghĩ, ngày đêm ấp ủ điều mơ ước: Phải xuất dương để tìm đường cách mạng.

Mùa hè năm 1923, tốt nghiệp sơ học Pháp-Việt, nhưng tôi không tha thiết gì việc học hành nữa. Tháng tám năm ấy, nhiều anh em học sinh làng tôi thi vào trường trung học Vinh, hồi đó gọi là trường Quốc học. Tôi cũng đi Vinh, mượn có lấy chứng chỉ sức khỏe để xin thi vào Quốc học, nhưng thật ra là để nghe ngóng xem có manh mối gì về cách mạng không, chứ không nộp đơn đi thi. Hôm thi xong, khi có tin báo về làng Quỳnh được sáu người vào học Quốc học, thì tôi còn đang đá bóng ở sân đình, một ông Tú ^[1] trong làng đã mắng tôi là không chăm chỉ học hành, không biết lập chí.

Thật ra cái chí của tôi không thể nói cùng ai. Trong số bạn học, chỉ có anh Nguyễn Nhu và anh Dương Đình Thúc là người thường hay tâm sự. Nhưng hai anh này vừa học hết lớp nhất đã phải bỏ đi Hà Đông học nghề dệt rồi. Tôi không thi vào trường Quốc học, thì cha tôi bắt nộp đơn xin vào trường Quốc tử giám ở Huế, đây là một trường chuyên đào tạo lớp quan lại mới phục vụ cho chế độ bảo hộ và Nam triều, nên ai muốn thi là phải có quan huyện sở tại chứng thực. Hôm lên huyện xin chứng thực, tên tri huyện xem

đơn thấy tên cha tôi là Hoàng Minh Kha, hấn tưởng lầm là một người chức dịch giàu trong huyện cũng có tên là Minh Kha, nên rất vồn vã. Sau hỏi ra hấn biết là không phải, nên không cho chứng nhận và đuổi tôi ra. Thế là tôi khỏi phải thi vào Quốc tử giám.

Để cha tôi yên lòng, tôi thường chăm chỉ đọc sách, có khi tìm đọc cả một số sách cổ và thơ Đường.

Mùa hè năm 1924, tôi nộp đơn thi vào trường sư phạm Nam Định nhưng thi hỏng, tôi phải ra Bắc kiếm một nơi dạy trẻ ở làng Trung Sơn, tổng Kinh Triều, huyện Thủy Nguyên, tỉnh Kiến An, bên cạnh làng My Sơn, nơi cha tôi dạy chữ Hán. Tết năm ấy, lần đầu tiên tôi mang về cho mẹ được ba chục bạc tiền Tết của học trò. Mẹ tôi rất mừng.

Đầu năm 1925, tôi lại đi Thủy Nguyên nhưng lần này thực dân Pháp bắt các trường tư phải xin phép mới được dạy. Chưa có phương kế gì khác, tôi đành phải mời ông lý trưởng có con học với tôi cùng lên huyện xin phép. Vào huyện đường nộp đơn, tên tri huyện không thèm xem, hấn hất hàm bảo ra ngoài nhờ bọn nho lại viết đơn khác. Tôi đi qua nhiều chặng nhưng không ai viết giúp. Lúc đó người lý trưởng đã có kinh nghiệm việc quan, lấy tờ bạc giấy một đồng gấp vào trong lá đơn lúc nãy, bảo cứ thế đem nộp, quan huyện ngài sẽ nhận. Thật vậy, khi tên tri huyện giở đơn ra, thấy đồng bạc, hấn liền nhận đơn và bảo: Hãy về chờ quan sức.

Bấy giờ mới biết: Thi ra tất cả mọi người đến nộp đơn huyện đều phải mất tiền như thế, việc nhỏ thì một đồng, việc lớn thì năm, ba đồng. Một người nông dân vì có con bò chết, phải lên huyện báo chết để xin phép về chôn, cũng phải nộp một đồng bạc vào trong đơn.

Quan huyện chấp đơn rồi, tôi đi lang thang xem cảnh, thấy ở cổng huyện có một câu đối chữ Hán, rất tiếc đã lâu ngày, nay chỉ nhớ có một vế: “Thần môn như thị, băng hồ thu thủy chứng thần tâm”, nghĩa là “*Cửa quan thì*

đông như chợ, nhưng lòng quan thì như nước mùa thu đọng ở cái bình trong như băng”. Mĩa mai thay!

Rời huyện đường về Trung Sơn, bụng vẫn nghĩ rằng mình có biết chữ Hán, chữ quốc ngữ, lại có bằng sơ học Pháp-Việt, chắc thế nào cũng được phép dạy, nên cứ bảo học trò đến học như thường. Không ngờ được độ vài tuần thì có giấy quan huyện sức về phải đóng cửa trường. Thế là việc dạy học ở Thủy Nguyên chấm dứt.

Tôi lại trở về Quỳnh Đôi, cùng với một số anh em cùng chí hướng tìm cách hoạt động.

*

Tình trạng Quỳnh Đôi bây giờ vẫn trì trệ, bế tắc. Nhân dân lao động sống nghèo khổ. Lớp nhà nho cũ đã rút về hậu trường, chỉ biết rung đùi tự mãn về cái đất Quỳnh Đôi văn vật; lớp người học mới cũng chỉ lo về chuyện thi cử mới; còn những người có chí khí trước kia nay cũng im hơi lặng tiếng, đành chịu bó tay, có người chán đời đâm ra nghiện ngập thuốc xái.

Bài luận *Trung thôn lâm thắng* tôi làm trong khi tranh thủ học thêm chữ Hán với một ông giáo, đã nói lên tình trạng bế tắc đó. Ông giáo là một người nổi tiếng hay chữ trong làng Quỳnh thời bấy giờ. Một hôm, ông ra cho tôi bài luận *Trung thôn lâm thắng (Ngắm cảnh đẹp xóm Trong)*, với ý muốn gợi lên một bức vẽ về người và cảnh mà ông cho là đẹp.

Số là từ trước đến nay, các cụ trong làng thường tán tụng cái vẻ đẹp của làng Quỳnh với câu “Nam thiên thắng địa Quỳnh đệ nhất”. Theo các cụ thì làng Quỳnh Đôi, phía Nam có núi Yên Mã hình như cái yên ngựa; phía Bắc ở vùng Bất Hủ có Lèn Tàn; phía Tây có núi Hình Sơn hình như cái bâng, đó là Giáp bâng; phía Đông có núi Qui Sơn cũng hình như cái bâng, đó là Ất

bảng; ở trong làng thì có Cồn Bút, Cồn Nghiên; về phía Nam xa hơn Yên Mã là núi Hung, núi Thè hình như hai lá cờ. Do đó các cụ kết luận rằng làng Quỳnh Đôi nhiều người học hành thi đỗ là nhờ cái hình thế địa lý như vậy. Riêng về ông giáo thì rất thích cái cảnh chợ Nổi, ở đây có một hiệu bán thuốc Bắc, vài hiệu may và một quán rượu, cứ chiều đến thì người ta hay tụ tập ở đó để bàn tán chuyện này, chuyện nọ. Còn những người có tư tưởng mới và tiến bộ thì lại không tin cái thuyết địa lý ấy và không thích cái kiểu tụ tập bàn tán nhảm nhí. Vì vậy khi nhận đầu bài về làm, tôi muốn nhân dịp phát huy ý kiến của mình để phê phán.

Bài làm bằng chữ Hán, tạm dịch như sau:

Bàn về ngắm cảnh đẹp xóm Trong

Khách có một người: Thân không cao lớn, mặt thiếu đầy đặn; gió trăng ngập bầu rượu, non nước đầy túi thơ, cỏ lạ hoa thơm là nơi thích thú, núi kỳ sông đẹp là chốn nhơn nhơ.

Một hôm gặp nhau ở chợ Nổi, khách chấp tay và vái tôi mà hỏi rằng: Đây là nơi nào? Tôi thưa: Đây là xóm Trong, làng Quỳnh Đôi. Khách bèn mỉm cười: Nghe nói cảnh đẹp trời Nam, Quỳnh Đôi là bậc nhất; xóm Trong đã là đất Quỳnh Đôi, chắc hẳn không thiếu gì cảnh đẹp, vậy có thể chỉ cho biết một vài chỗ để nhân dịp qua đây thưởng thức chút ít được chăng?

Ôi! Lời nói của khách là lời nói gì? Giá phỏng các bạn gặp lúc đột ngột như thế chắc cũng lúng túng chưa biết bày tỏ ra sao để giải đáp được câu nói nghe ra có lý mà thực thì vô lý. May sao lúc đó, tôi được linh tính xui giục, đối đáp có vẻ trôi chảy, khách lại hình như cảm thấy hợp lý, im lặng mà nghe. Mấy lời như sau:

Quỳnh Đôi từ khi là Quỳnh Đôi đến nay, đã hơn năm trăm năm. Qua các đời Trần, Lê, rồi Nguyễn triều, người giỏi kẻ hiền kẻ sao xiết kể; trải qua bao cuộc bể dâu đến hiện tại, anh hùng chí sĩ không lúc nào không. Cái đất được

người ta cho là đẹp, chính là nhờ có người mà sinh đẹp vậy. Và xét về mặt địa lý thì: Núi Ngựa châu phía Nam, Lèn Tàn che phía Bắc, Hinh Sơn là Giáp bảng, Át bảng ấy Qui Sơn; nghiên bút sẵn sàng, cờ quạt chinh chiến. Quỳnh Đôi thật là cảnh đẹp trời Nam vậy. Nhưng vận có khi thịnh, khi suy; đời có lúc tốt, lúc xấu. Ngày nay nói đến Quỳnh Đôi, sao khỏi làm cho người ta sinh lòng ngậm ngùi. Nói về đất thì: Non Rùa đứng đó, rùa Thục không còn tuốt móng thiêng ^[2] ; núi Ngựa nằm kia, ngựa Hồ chẳng màng kêu gió Bắc ^[3] . Hòn Bảng mờ mờ, có tên tuổi hào kiệt Quỳnh Đôi đâu nữa. Lèn Tàn mơn mớn, chỉ rùm rờ cây cỏ Bất Hủ mà thôi. Địa thế không còn đáng trông cậy nữa. Nói về người thì: Đàn ông bê tha theo thuốc xái có hàng trăm; đàn bà chìm trong canh cử có hàng nghìn. Học trò thì chăm chú hai chữ khoa cử, chỉ lo thế nào được làm trợ giáo, làm thông phán, làm ký lục, làm tham biện, để mưu giàu sang cho thân mình, nhà mình; đến như nghĩa vụ quốc dân, luân lý xã hội, thì họ coi như là không đáng gì cả. Than ôi! Người học trò mà lại như thế ư? Mỗi lúc suy tầm, nghĩ trộm, lòng tôi như bị vò xé. Nhà nông thì chỉ chờ thời tiết tốt để cày cấy; người thợ thì chỉ nhờ bàn tay khéo để kiếm tiền, không chịu chú ý đến nông học và công học. Đến như thương giới, thì chẳng những đám thương nữ quen hát bài Hậu đình, không biết gì là thù hận mất nước ^[4] mà ngay cả bọn mày râu nam giới cũng không có người yêu nước như Huyền Cao ^[5] .

Ôi! Khí thiêng của núi Tùng, sông Mai ^[6] đã đến lúc tiêu tan rồi ư? Cái làng Quỳnh Đôi mà phong tục như vậy, nhân dân như vậy, thì sao có thể tự coi là thắng địa được? Quỳnh Đôi đã không phải là thắng địa, thì xóm Trong làm gì có cảnh đẹp đáng ngắm nữa.

Du khách nghe nói bỗng tỉnh người ra, bèn vịnh một bài thơ để nói lên sự giác ngộ của mình. Thơ rằng:

Giữa đường gặp gỡ may sao,

Nghìn vàng chưa dễ sánh bao nhiêu lời.

Cho hay cảnh đẹp vì người,

Tìm rồng bắt hổ^[7] thôi thôi chớ màng.

Luận văn chữ Hán là một thể văn tương đối tự do, nhưng vẫn chịu ảnh hưởng của lối “bát cổ”, nghĩa là phải có những câu hai vế đối nhau và phải dùng điển tích. Trong bài này tôi cũng tập dùng một số điển tích.

Kể ra bài làm như thế cũng được. Nhưng văn chữ lại nặng về tính chất kích động, có chỗ thiếu cân nhắc, như đoạn đầu có câu “Thân không cao lớn, mặt thiếu đầy đà”, chính là hình dáng con người của ông giáo. Lại như đoạn cuối có câu “Du khách nghe nói bỗng tỉnh người ra”. Đó là những câu làm cho ông giáo phát lòng, nên khi đưa bài cho ông xem, ông đã nói gắt một câu: Anh muốn đả kích tôi đấy à? Thế là ông trả lại bài không chấm.

*

Trong tình trạng trì trệ bế tắc của làng Quỳnh, một số thanh niên tiên tiến muốn làm cái gì để cải biến xã hội, nhưng cũng chưa tìm ra phương hướng rõ rệt.

Anh Nhu, anh Thúy đi học dệt ở Hà Đông về, cuối năm 1924 đã mở xưởng dệt gần chợ Nối. Nói là xưởng dệt, thật ra chỉ có một ngôi nhà lá với hai cái khung dệt cải tiến, so với khung dệt cổ truyền của Quỳnh Đôi đưa thoi bằng tay, làm ra lụa hẹp 40-50 phân, thì loại khung dệt này dùng dây giật đẩy thoi, dệt ra loại vải rộng 80-90 phân. Về tổ chức vẫn là cách làm ăn riêng lẻ. Tuy vậy, xưởng dệt cũng là một hiện tượng mới trong làng, nó trở thành nơi đi lại của những người yêu nước, quan tâm đến thời cuộc. Ở đây chúng tôi thường chuyển nhau đọc những cuốn sách yêu nước, như **Chuông độc lập**, **Hồn tự do** của Trần Hữu Độ, một số sách của Phan Bội Châu và một số bài

của Nguyễn Thượng Hiền, Phan Chu Trinh v.v. . .

Do ảnh hưởng của sách báo và phong trào tiến bộ ở các nơi dới đến, Quỳnh Đôi lúc này đã hình thành một nhóm “Tâm giao” gồm năm người là ông Cựu Đồn, ông Thuận, anh Nguyễn Nhu, anh Dương Đình Thúy và tôi. Chúng tôi thường trao đổi ý kiến với nhau về thời sự và chia nhau tiếp xúc với những người có chí hướng cách mạng. Chúng tôi bàn nhau mở lớp dạy quốc ngữ cho anh em lao động và mời thầy về làng dạy võ.

Về lớp chữ quốc ngữ, chỉ thu hút được độ mười lăm người đều là anh em nông dân yêu nước. Chúng tôi tranh thủ các buổi học để đọc báo chí, giảng tin tức và truyền bá ít nhiều thơ ca yêu nước một cách kín đáo. Bọn lý hào trong làng chưa có lý do gì ngăn cấm nên cứ để yên cho chúng tôi dạy. Còn lớp học võ là lớp bí mật, chỉ độ sáu, bảy người cứ đến đêm khuya mới tập trung ở trước sân nhà ông Thuận để luyện tập, do một người giỏi võ ở làng Cồn Sắt, phủ Diễn Châu được chúng tôi mời về làm giáo luyện. Tuy bí mật, nhưng chỉ vài tuần thì bị chánh tổng dò biết, dọa sẽ trình quan. Thế là phải giải tán.

Một vấn đề xã hội nghiêm trọng của làng Quỳnh Đôi hồi này là nạn hút thuốc phiện. Nhân khẩu làng Quỳnh Đôi chỉ trên dưới vài nghìn người mà có đến mấy chục cái bàn đèn và ba, bốn chỗ bán thuốc phiện; kẻ nghiện hút thuốc đủ các hạng người, trong đó có cả những người bất đắc chí như ông Hồ Thúc Linh, ông Hồ Khoan v.v. . .

Mấy anh em chúng tôi bàn với nhau, thảo ra một bài diễn văn chống nạn thuốc phiện, nhân ngày họp làng, tôi đem ra đọc giữa đình làng, vì chúng tôi đã tranh thủ được sự đồng tình của ông cử Thống là một nhân vật tiến bộ, có vai vế trong làng. Phải nói thật rằng bài diễn văn này căn bản là chịu ảnh hưởng của phong trào “cải lương hương chính” trong lúc đó. Nhưng dù sao, một cái tệ hại trong làng được dùng hình thức diễn văn đem ra phơi bày giữa

đình làng trước mặt các quan và các tổng lý thì vẫn là một việc táo bạo, mà những người tiến bộ đều lấy làm thích.

Một việc khác cũng tương đối có ý nghĩa là việc phản đối vụ kiện giữa ba họ. Năm 1925, ba họ lớn trong làng là Hồ, Hoàng, Nguyễn kiện nhau để giành được Chính phủ Nam triều phong sắc Thần cho Tổ họ mình, vì các vị Tổ của ba họ này đều là người khai cơ lập ấp ra làng Quỳnh. Đây là việc làm bè phái của mấy ông có vai vế trong các họ, gây ra ảnh hưởng xấu, mất đoàn kết trong dân. Chúng tôi phản đối vụ kiện, chia nhau đi vận động con cháu các họ đừng hưởng ứng. Anh Thúy, anh Lan viết truyền đơn quăng vào nhà mấy ông Cử ^[8] ; anh Nhu và tôi đến tận nhà cụ Hường Hoàng để nói lý. Cụ là người tai mắt trong họ và trong làng, thi Hương đậu Thủ khoa, thi Hội đậu Phó bảng, được bổ đi làm tri huyện, phong tước Hường–lô–tự–thiếu–khanh, nhưng vì cụ có tư tưởng chống Tây, bỏ quan về làng, sống thanh bạch, được dân kính nể. Chúng tôi gặp cụ trình bày mọi lẽ, vạch ra rằng kiện tụng chỉ làm hại cho dân và làm lợi cho bọn đục khoét. Bản thân cụ đã không thêm làm quan để khỏi phải luồn cúi, mà bây giờ lại đi kiện để xin phong sắc cho tổ tiên mình, như thế còn nghĩa lý gì nữa? Nghe chúng tôi nói, cụ im lặng, không cãi vào đâu được. Thế là vụ kiện được kết thúc bằng sự rút dần của những người đã khuấy động lên nó từ trước.

Năm 1925 là năm tôi thường đi Vinh, có lúc đi Nghi Lộc, Yên Thành, Anh Sơn và Thanh Hóa, nói là đi kiếm việc, nhưng thật sự là đi nghe ngóng tình hình, mong tìm ra manh mối xuất dương. Những lần đi Vinh, tôi thường tìm gặp các học sinh tiến bộ ở trường Quốc học. Qua câu chuyện nghe ở anh em, tôi được biết tên tuổi một số giáo sư tiến bộ như Hà Huy Tập, Trần Mộng Bạch; được biết ít nhiều tình hình ngoài nước như phong trào giải phóng ở Phi Luật Tân, Ai Cập, Ấn Độ, được nghe nói đến chủ nghĩa cộng sản “làm theo khả năng, hưởng theo nhu cầu”, và được nghe nói đến cách mạng Nga.

Đặc biệt là khi được biết tin Phan Bội Châu bị bắt và sắp bị đưa ra xử tại tòa án Đại hình ở Hà Nội, phong trào đòi thả Phan Bội Châu phát triển mạnh, lôi cuốn cả toàn dân. Ở Quỳnh Đôi, lúc này xưởng dệt anh Nhu và nhà ông Thuận ở phía sau xưởng dệt hầu như thành chỗ hội họp, những người quan tâm thời sự đều đến đó để hỏi tin tức, nghe báo chí và bàn tán nhiều việc có quan hệ đến Phan Bội Châu và quan hệ đến đất nước.

Những tác phẩm của Phan Bội Châu như **Thiên hồ đế hồ!**, **Hải ngoại huyết lệ thư**, **Y hồn đơn** trước kia bị coi là sách cấm phải đọc bí mật, thì nay được chuyển tay nhau đọc hầu như công khai. Tác phẩm của Phan Bội Châu về nội dung tuy có nhiều chỗ tiêu cực, nhưng toát lên một điểm rõ rệt là yêu nước, là thúc giục mọi người đoàn kết, hy sinh chiến đấu cho Tổ quốc. Văn chương Phan Bội Châu có một tác dụng hấp dẫn kỳ lạ, đọc đến nghe đến, hình như ai cũng muốn lao mình vào cuộc đấu tranh cách mạng ngay. Tự nhiên, tôi và những người cùng chí hướng càng có cảm giác như vậy.

Mơ ước xuất dương càng rạo rực. Chúng tôi nhờ bà Lua tìm manh mối để gặp cho được con cụ Phan Bội Châu là Phan Huynh, người mà chúng tôi nghe nói là thường tổ chức cho thanh niên đi nước ngoài. Khi chúng tôi gặp, Phan Huynh nhận sẽ đưa chúng tôi đi Xiêm ngay sau Tết âm lịch, miễn là tự kiếm được lộ phí.

*

Đầu năm 1926, các anh Nguyễn Nhu, Dương Đình Thúc, Hoàng Văn Hợp, Hồ Ngọc Chương, Dương Văn Lan và tôi quyết định xoay xở mọi cách để có thể đi Xiêm kịp chuyến sau Tết âm lịch. Nhưng theo Phan Huynh dặn thì mỗi người phải có 15 đồng bạc lộ phí, mà sáu chúng tôi chỉ gom góp được hai chục, thế là còn thiếu những bảy, tám chục! Làm thế nào? Chúng tôi vận

động một thanh niên con nhà giàu cùng đi, với điều kiện là anh ta phải xuất một trăm bạc. Vận động xong, sau Tết âm lịch được mấy hôm là bảy chúng tôi bí mật đánh đường vào Vinh gặp Phan Huỳnh giao tiền lộ phí, rồi nằm chờ ở phố Cống đệ nhị. Qua mấy ngày hồi hộp chờ đợi Phan Huỳnh cho biết người đưa đường bị trắc trở, nên chưa đi được. Chúng tôi phải lập tức về làng ngay để khỏi bị vỡ chuyện. Thế là chuyến đi thất bại.

Việc bảy thanh niên bỏ làng đi đột ngột đã gây ra dư luận xôn xao. Bọn tổng lý bắt đầu đánh hơi, dọa dẫm các gia đình có con ra đi. Các bậc cha mẹ hết sức lo lắng. Chúng tôi về đến làng, mỗi người nghĩ ra một cách trám trét chuyến đi thất bại của mình. Cuối cùng đều được yên ổn vô sự.

Tháng ba năm 1926, nhân dịp đám tang Phan Chu Trinh, tôi ra Hà Nội cũng vẫn với mục đích tìm manh mối cách mạng. Nhưng vẫn chưa tìm được. Vừa lúc Sở Hỏa xa mở lớp thi tuyển thêm xếp-tanh^[9], tôi nghĩ rằng nếu làm trưởng tàu thì sẽ có dịp đi Huế, đi Sài Gòn, cũng có thể đi Nà Sầm, Đồng Đăng, Lào Cai giáp giới Trung Quốc, càng thêm có cơ hội để tìm đường xuất dương. Vì vậy, tôi nộp đơn thi xếp-tanh. Các bài thi tôi làm đều tốt. Nhưng thi đậu rồi, chúng không bỏ đi tập sự trưởng tàu mà chỉ bỏ về ga Phủ Diễn, tập sự ký ga làm việc thu vé, bán vé và đánh điện báo.

Tập sự ký ga ở Phủ Diễn là một việc hoàn toàn trái với ý muốn. Nhưng ở đó thường gặp một số người cổ động cho **Hưng nghiệp hội xã** là một tổ chức thương nghiệp của những người yêu nước, được biết ở Thanh Hóa đã có chi điểm mà những người có chí khí thường hay qua lại. Vì vậy, tôi có ý muốn bỏ việc để đi Thanh Hóa.

Một hôm đang lúc làm việc, lão xếp ga mắng anh ký ga là đồ con lợn. Anh ký ga không trả lời, nhưng tôi nghe thì tức lộn ruột. Lúc ăn cơm, có đủ cả ba người, tôi nghiêm sắc mặt nói thẳng với lão xếp ga rằng: Lúc nãy, ông mắng ông ký là đồ con lợn. Ông ký mà ông còn mắng được như thế, thì tôi là

người tập sự lúc ông không vừa ý chắc ông cũng chả từ. Ông nên biết rằng xếp ga hay ký ga cũng chẳng qua là người làm thuê, kẻ trước người sau mà thôi.

Ít lâu sau, tôi viết thư về nhà nói ý muốn xin thôi việc. Mẹ tôi mấy lần đi chợ Sy qua ga Phủ Diễn thấy con làm ký ga chỉ đứng thu vé trước cửa ga, trông chẳng ra quái gì, nên cũng không phản đối. Thế là tôi đi Vinh, lấy có kém sức khỏe nộp đơn xin từ chức ký ga, để tiện bề đi lại giao du, tìm manh mối cách mạng. Và lần này thì dịp may đã đến với tôi.

III. Lên đường cách mạng

Mùa thu năm 1926, tôi đi Thanh Hóa, đến huyện Đông Sơn, chỗ anh Cù Minh Voi là bạn học cũ của tôi đang làm giáo viên ở một trường làng. Trong dịp ở nhà anh Voi, tôi viết một bài báo cho tờ **Tân thế kỷ** ở Sài Gòn chống lại luận điệu của bọn Nam triều phỉ báng phong trào để tang Phan Chu Trinh. Anh Voi xem, rồi dán tem gửi đi. Một tuần sau nhận được số báo **Tân thế kỷ** có đăng bài đó, anh Voi phấn khởi đem đi giới thiệu với bạn bè của mình.

Một hôm anh giáo Lập đến chỗ ở của anh Voi gặp tôi. Anh đi thẳng vào bài báo và văn thơ của tôi để trao đổi ý kiến về thời cuộc. Anh nói: Tôi đã được nghe câu đối Tết và bài thơ khai bút của anh, mới rồi lại được xem bài của anh viết ở **Tân thế kỷ**, biết rằng anh có lòng khâm phục nhà ái quốc Phan Chu Trinh, anh muốn đền ơn phú tái, và muốn đi đến cả những nước xa như Phi Luật Tân, Ấn Độ, Ai Cập là những chỗ đương có phong trào giải phóng. Vậy nếu cách mạng muốn anh đi xa hơn nữa, anh có đi không?

Thì ra đôi câu đối Tết và bài thơ khai bút mà tôi viết dán ở nhà trong dịp Tết âm lịch hồi đầu năm, anh Voi đã đọc lại cho các bạn giáo viên nghe, trong đó có anh Lập là một cán bộ cách mạng bí mật.

Câu đối Tết như sau:

*Xuân trời chẳng riêng ai, này khắp Bắc, Trung, Nam, ước hỏi thiều quang
đâu thể nhỉ.*

Tết người e có khác, thử qua Phi, Ai, Án, mà xem phong cảnh đó ra sao.

Thơ khai bút như sau:

Hăm một năm trời chóng biết bao

Bảy mươi chín nữa tính làm sao

Non sông vẫn cũ năm đà mới,

Ước vọng còn xa tuổi bổng cao

Một dạ quyết đền ơn phú tái,

Ba sinh không phụ đức cù lao.

Ước chi thêm tuổi càng thêm trẻ,

Trẻ mãi cho ta thử thế nào.

Câu đối và thơ viết ra lúc đó cũng chẳng qua chỉ để nói lên sự cảm xúc của mình, ngờ đâu lại được truyền tụng đến tai người cách mạng.

Tôi vốn đã biết anh giáo Lập ít nhiều qua sự giới thiệu của anh Voi, đồng thời lại thường gặp anh ở **Hưng nghiệp hội xã**, tin chắc anh là người cách mạng, nên không giấu tư tưởng của mình. Tôi nói: Tôi muốn theo cách mạng, cách mạng cần đến tôi, thì xa mấy tôi cũng đi.

Thế là anh Lập nhận ngay, và cho tôi biết sắp sửa có chuyến đưa người ra nước ngoài, cần chuẩn bị gấp.

Tôi lập tức về làng, thu xếp mọi việc, rồi viết một bức thư để lại cho cha tôi, nói thác ra rằng vì đường làm ăn lặn lội, con quyết chí ra đi, bao giờ làm nên sự nghiệp, báo đền được công ơn cha mẹ thì sẽ trở về nhà. Viết như thế là có ý đề phòng khi quan đòi hỏi thì người nhà có cớ để khai báo, đỡ phần trách nhiệm cho gia đình. Viết xong, tôi bí mật bỏ lá thư vào cái hòm đựng sách là chắc chắn khi cha tôi đi dạy học ở Kiến An về thế nào cũng mở. Còn

đối với mẹ tôi, thì chỉ nói là đi kiếm việc làm như mọi lần.

Qua mấy năm mò mẫm tìm tòi, lần này tôi mới được gặp người đưa đi nước ngoài học tập để làm cách mạng. Tôi chuẩn bị lên đường với tất cả lòng hăm hở và tin tưởng.

*

Tôi và anh giáo Lập cùng đi một chuyến tàu hỏa từ Thanh Hóa đến Hà Nội, ngủ tối trong nhà một người quản chúng ở Thái ấp Hoàng Cao Khải. Ngay hôm sau, đạp ô-tô đi Bắc Ninh, rồi lấy vé tàu lên ga Đồng Đăng. Tàu đến nơi khi trời đã tối được một hồi. Chúng tôi xuống tàu về phía bên kia ga để khuất mắt những người soát vé, nhìn thấy lỗ nhỏ độ khoảng hơn mười người nữa, đó là những anh em cùng đoàn xuất dương. Khi tàu chưa chuyển bánh, chúng tôi chạy nhanh về phía rừng. Tàu chạy xong, kiểm lại đủ người thì tạm lánh vào đám cây rậm bên đường để chờ. Một chốc, người giao thông đến gặp anh giáo Lập nói: Lối đi cũ bị lính đồng kiểm soát, chúng ta phải đi đường vòng, băng rừng suốt đêm nay thì mới qua biên giới được.

Sau một đêm leo trèo, lặn lội, chúng tôi đã sang tới thôn Nà Đầy, làng Công Chạp, thuộc đất Trung Quốc, ở nhà một người họ Lãng.

Đồng chí Tản Anh được Tổng bộ **Thanh niên cách mạng đồng chí hội** phái đến đón chúng tôi ở đây. Hoàn cảnh cách mạng Trung Quốc hồi này ở giai đoạn phát triển tương đối thuận lợi. Khi Tôn Trung Sơn còn sống, chủ trương liên Nga liên Cộng, ủng hộ công nông, khi chết còn để lại di chúc phải liên hợp với các dân tộc nhỏ yếu và những dân tộc đối đãi bình đẳng với Trung Quốc. Vì vậy, Tưởng Giới Thạch tuy ngầm có âm mưu xấu, nhưng chưa dám công khai trở mặt chống Cộng. Ở Quảng Đông, Chính phủ Quốc dân đảng mở trường võ bị Hoàng Phố, Hồ Chủ tịch đã bố trí được một

số cán bộ cách mạng Việt Nam vào học ở trường này.

Đồng chí Tản Anh với danh nghĩa cán bộ trường Hoàng Phố, đã chuẩn bị sẵn một lá cờ đề tám chữ “Hoàng Phố quân hiệu nhập ngũ sinh đội”^[10] công nhiên đưa chúng tôi đi từ biên giới đến thị trấn Long Châu. Ở đây chúng tôi nghỉ lại vài hôm trong nhà một người họ Lương, sau đó đáp tàu thủy đi Nam Ninh, rồi đi Quảng Châu.

Tuy dùng danh nghĩa là học sinh trường Hoàng Phố để đi đường đến Quảng Châu, nhưng chúng tôi không vào học trường này.

Trường cách mạng của chúng tôi là lớp huấn luyện chính trị do đồng chí Nguyễn Ái Quốc tổ chức. Địa điểm của lớp ở nhà số 5 Nhân Hưng Cai, thành phố Quảng Châu, trong một ngôi nhà bình thường như nhà ở của nhân dân.

Không rõ lớp này là khóa thứ mấy, nhưng sau này một số đồng chí nói chuyện về lớp huấn luyện Quảng Châu thì biết đây không phải là khóa đầu tiên. Người học gồm độ hơn hai chục anh em, phần nhiều xuất thân học sinh, trí thức. Có người mới tham gia bãi khóa ở Nam Định ra, có người là Tú tài nho học như anh Lê Mạnh Trinh.

Khóa học kéo dài khoảng gần hai tháng. Chương trình gồm nhiều bài giảng, đại khái có thể chia làm ba loại vấn đề: Vấn đề cách mạng thế giới, vấn đề cách mạng Việt nam, vấn đề phương pháp vận động cách mạng.

Các bài giảng về cách mạng thế giới nhằm so sánh cách mạng Nga với các loại cách mạng tư sản Anh, Pháp. Giảng viên chú ý phân tích sự khác nhau giữa cách mạng Nga với cách mạng của giai cấp tư sản và tiểu tư sản. Có nhiều đoạn phê phán chủ nghĩa tam dân của Tôn Trung Sơn.

Về cách mạng Việt Nam, các bài giảng nhằm phân tích sự áp bức bóc lột của đế quốc Pháp đối với nhân dân ta. Vạch ra lực lượng đấu tranh chủ yếu để đánh đổ đế quốc thực dân và phong kiến phải là công nông, có nhiều đoạn

phê phán đường lối mơ hồ của Phan Bội Châu như phân biệt “văn minh cách mạng” với “dã man cách mạng”, chủ trương phò Cường Để làm vua, sau lại suy tôn làm Tổng thống suốt đời, v.v... Bài giảng còn có chỗ phê phán học thuyết Găng-đi muốn giải phóng dân tộc bằng con đường “bất hợp tác”, “bất bạo động”.

Về phương pháp vận động cách mạng, có các bài về tuyên truyền, về tổ chức, về công vận, nông vận, phụ vận, học vận, v.v...

Hồ Chủ tịch trực tiếp lãnh đạo lớp học, nhưng không phải là giảng viên duy nhất. Bác lấy tên là Vương. Bác thường đến lớp nói chuyện với anh em về các vấn đề cách mạng Việt nam. Anh em học sinh, nhiều người đã ngầm biết Bác là Nguyễn Ái Quốc, sẵn có lòng hâm mộ từ khi còn ở trong nước; đến đây gặp Bác, được thấy tác phong giản dị, lối nói ngắn gọn, sâu sắc, dễ hiểu, thái độ nghiêm túc và tình đồng chí thân thiết của Bác, nên lại càng hết sức kính trọng.

Ngoài Bác ra, các giảng viên đều là cán bộ của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trong số này, có người đã lãnh đạo phong trào nông dân như đồng chí Bành Bái giảng về công tác nông vận; có người đã lãnh đạo phong trào công hội như đồng chí Lưu Thiệu Kỳ giảng về công vận.

Mỗi khi giảng viên Trung Quốc lên lớp, các đồng chí Hồ Tùng Mậu, Tân Anh hoặc Lâm Đức Thụ phiên dịch. Có lần ba người này đi vắng, Bác đã đích thân dịch cho anh em nghe. Nhiều người cứ tưởng Bác không thạo tiếng Trung Quốc, khi nghe Bác dịch nhanh gọn và nói chuyện trực tiếp với các đồng chí Trung Quốc thì rất khâm phục.

Sau mỗi lần nghe giảng, học viên chia tổ thảo luận. Mỗi người nhắc lại những điều mình hiểu, các đồng chí khác bổ sung, cho đến lúc nắm vững toàn bài mới thôi.

Lớp học còn tổ chức một tờ bích báo để cho anh em viết bài và viết thơ. Có

khi tổ chức những vở “Kịch cương” diễn ngay ở trong nhà. “Kịch cương” là một thứ kịch không có kịch bản, mà chỉ do một số người nêu ra chủ đề và nội dung kịch rồi tự phân vai và dự diễn. Khi diễn kịch, Bác thường đóng vai công nhân hoặc nông dân.

Ngoài việc nghe giảng và thảo luận ở tổ, chúng tôi còn được tham quan trường Hoàng Phố, thăm mộ của bảy mươi hai liệt sĩ Hoàng Hoa Cương, di tích nổi tiếng của cuộc Khởi nghĩa 27-4-1911 ở Quảng Châu.

Một dịp khác, nhân có hội nghị công nhân do Đảng Cộng sản Trung Quốc tổ chức, Bác đã giới thiệu cho lớp học đến dự thính một buổi.

Năm ấy, chúng tôi ăn Tết ở Quảng Châu, một cái Tết xa tổ Quốc giản dị nhưng đầm ấm trong tình đồng chí cách mạng. Tiếc rằng có vài ba người trong đám học viên quan niệm ăn Tết phải cỗ bàn no nê, đã ra hiệu bán một số quần áo lấy tiền nhậu nhẹt. Mấy người này về sau trong trường hoạt động cách mạng đều không kết quả gì.

Sau Tết, lớp học kết thúc. Chúng tôi được đưa đến mộ Phạm Hồng Thái làm lễ kết nạp vào **Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội**. Trước anh linh của người liệt sĩ kính yêu, với tiếng bom của mình ở Sa Diện đã thức tỉnh cả một thế hệ thanh niên yêu nước, chúng tôi đưa tay lên thề trọn đời phấn đấu hy sinh cho cách mạng quốc gia, cho cách mạng thế giới.

Sau đó, Tổng bộ phân phối công tác cho mỗi người, tôi và một số anh em được bố trí về nước hoạt động, mỗi người đi một lối riêng vào một thời gian khác nhau, để đảm bảo bí mật, phòng khi bị bắt thì không tổn thất hàng loạt cán bộ.

Khi về, đi đường thuận lợi hơn khi đi. Tôi vượt biên giới đến Đồng Đăng chỉ mất độ vài tiếng đồng hồ, đến ga trời chưa sáng, phải im lặng tựa lưng vào bức tường nhà ga chờ đợi, đến mờ sáng thì có tàu ở Nà Sầm xuống.

Mua vé về Hà Nội, nhưng tôi xuống ga Bắc Ninh, đi xe ô-tô hàng về Hà

Nội, rồi thuê xe tay đến Văn Điển, lấy vé về Trình Xuyên (Nam Định), ghé thăm cậu em vợ đang dạy học ở đó, để tìm hiểu tình hình ở nhà. Cậu em cho biết: Tết vừa qua tôi không về làng, cả nhà rất lo lắng. Trong họ có người bàn nên trình quan để sau này chúng khỏi làm lụy đến gia đình, cha tôi thì lưỡng lự, còn mẹ tôi thì nhất định không chịu và nói rằng: Con đã đi rồi, nếu quan đòi hỏi thì cứ nói không biết đi đâu, như vậy con còn có thể về được, chứ nếu đi trình quan, thì tự nhiên cắt mất con đường trở về của con sau này. Thế là người nhà không đi trình quan nữa. Nắm được tình hình như trên, sáng hôm sau tôi lập tức lên ga Trình Xuyên mua vé tàu về nhà. Lúc tàu chuyển bánh, bất giác buột miệng ngâm bài thơ của một tác giả không quen biết:

Văng vẳng tai nghe tiếng xúp-lê^[1],

Xúp lê như giục khách lòng quê.

Gánh tình non nước hai vai nặng,

Đánh cược bao nhiêu khách chẳng nề.

Về đến làng Quỳnh vào một buổi chiều tháng Giêng âm lịch, giữa lúc tiểu chi họ Hoàng đang tế tổ ở nhà thờ họ, tôi liền đi thẳng đến nhà thờ họ để mọi người thấy sự có mặt của mình. Ai hỏi về chuyến đi vừa qua, tôi đều trả lời: Đi Sài Gòn để kiếm việc làm, nhưng không được nên lại trở về. Ông Hồ Khoan là người tinh ý, mấy hôm sau gặp tôi, mỉm cười hỏi nhỏ: Đi không thoát chứ gì! Tôi trả lời lơ lửng: Bị lạc hậu.

Việc tôi đi Quảng Châu thế là trót lọt. Mơ ước xuất dương và gặp cách mạng thế là thực hiện. Giai đoạn thực tiễn cách mạng bắt đầu.

*

Bắt tay và hoạt động cách mạng, cần có một việc làm để che mắt bọn thống

trị và có nơi ở thuận tiện cho việc liên hệ với các đồng chí. Tôi nhờ người anh em tìm cho một nơi dạy học tư ở phố Cầu Giát. Chủ nhà là một người theo đạo Thiên chúa, nuôi com và trả lương cho tôi một năm 60 đồng để dạy chữ quốc ngữ và một ít chữ Pháp cho hai đứa con.

Hoạt động đầu tiên của tôi là gây cơ sở. Những người bạn tâm giao trong làng trước kia như anh Nhu, anh Thúy, ông Cự Đồn, ông Thuận, anh Dương Văn Lan, anh Hoàng Văn Hợp được tổ chức trước. Sau đó, phân công những người ở nhà thì tuyên truyền phát triển thêm trong làng, trong huyện; những người có điều kiện đi xa thì làm công tác “viễn phương tuyên truyền”, như ông Cự Đồn có quê ngoại ở Yên Thành thì phát triển tổ chức ở Yên Thành, anh Thúy làm máy dệt ở Nghi Lộc và hay đi Vinh thì phát triển ở Nghi Lộc và Vinh, anh Nhu hay đi Anh Sơn thì phát triển lên Anh Sơn, anh Lan dạy học ở Đò Cẩm thì phát triển ở Đò Cẩm.

Về phần tôi cũng thường đi Yên Lý, Vạn Phần nên liên lạc với đồng chí Võ Mai và các đồng chí **Thanh niên cách mạng đồng chí hội** ở vùng đó; có lúc đi Vinh gặp các đồng chí Trần Văn Cung, Nguyễn Văn Lợi để bàn công việc, nhưng người thường qua lại Cầu Giát liên lạc với tôi là anh giáo Lập, lúc này bí danh là Hoàng Lùn.

Năm 1927 là một năm đấu tranh gay gắt giữa Thanh Niên và Tân Việt.

Trước khi phân liệt, đồng chí Hoàng Lùn đã giới thiệu tôi gặp Đào Xuân Mai và Thái Văn Đức ở núi Quyết gần thành phố Vinh để thành lập liên tỉnh Thanh-Nghệ-Tĩnh với hai người này. Đây là một hình thức tổ chức hợp nhất giữa Thanh Niên và Tân Việt, nhưng qua một thời gian liên lạc, việc hợp nhất không thành, thì tôi không gặp nữa.

Hết năm 1927, tôi không dạy học ở Cầu Giát nữa để dễ cho việc đi lại hoạt động ở các nơi.

Đầu năm 1928, Tổng bộ Thanh niên ở Quảng Châu đưa tin về, trong cuộc

Khởi nghĩa Quảng Châu tháng chạp 1927, Tưởng Giới Thạch đã ra mặt phản động, đàn áp cách mạng Trung Quốc rất tàn khốc. Chúng bắt cả một số cán bộ cách mạng Việt Nam, trong đó có đồng chí Hồ Tùng Mậu. Kỳ ủy Trung kỳ chủ trương phát truyền đơn kêu gọi người Hoa ủng hộ cách mạng Việt Nam, đòi Tưởng Giới Thạch trả lại tự do cho các đồng chí cách mạng Việt Nam đã bị chúng bắt giam.

Các anh Dương Đình Thúc, Dương Văn Lan và tôi đều đi rải truyền đơn ở Vinh. Anh Thúc vì tổ chức nhầm một tên mật thám ở sở Đạc Điền, nên bị chỉ điểm và bị bắt trong khi làm nhiệm vụ.

Về phần tôi, làm trót lọt. Nhưng được tin anh Thúc bị bắt, tôi phải cảnh giác, tìm gặp anh Nhu bàn kế hoạch đề phòng bắt trắc. Chúng tôi chủ trương thay đổi luôn chỗ ở, đồng thời phải tìm cách ra Thanh Hóa gặp anh Hoàng Lùn để xin ý kiến. Mấy hôm sau, trên đường đi Thanh Hóa, tôi rẽ về làng lúc trời đã thật tối. Vừa bước vào nhà, mẹ tôi cho biết lính huyện mới về truy nã từ buổi chiều, phải cho chúng hai đồng bạc để chúng khỏi kiếm chuyện.

Đêm hôm đó, tôi nhả đồng chí Hoàng Văn Hợp^[12] đến dặn dò một số công việc trước khi ra đi, rồi đi ngủ ở một chỗ bí mật. Chuyến đi này được mọi người trong gia đình góp phần thu xếp nên rất chu đáo, không ai hay biết gì cả.

Là một người cách mạng tạm tránh giặc lùng bắt, tôi chỉ cố làm cho gia đình bớt lo lắng, chứ chẳng có gì dặn dò cha mẹ và ngay cả vợ tôi với đứa con đầu lòng mới hơn một tuổi. Tôi cũng không nghĩ rằng đây là chuyến đi đằng đẵng mười bốn năm xa Tổ quốc, mười tám năm xa gia đình.

Một mo cơm nắm, với chiếc cân bỏ trong cái xéo vải cầm ở tay, tôi đóng vai người buôn tơ, đang đêm băng qua mấy cánh đồng hẻo lánh, lên đường quốc lộ số 1, đi bộ ra Thanh Hóa. Qua bến đò Ghép rồi chân mỏi quá phải thuê xe tay đi đến thị xã, vào **Hưng nghiệp hội xã** giữa lúc anh em đang ăn cơm tối.

Đồng chí Hoàng Lùn gặp tôi, nghe báo cáo. Mấy hôm sau, cho tôi biết là Kỳ ủy quyết định phái tôi sang Xiêm hoạt động. Theo kế hoạch, tôi mượn xe đạp đi thẳng từ Thanh Hóa vào Vinh tìm gặp anh Võ Mai để bố trí kịp chuyển giao thông sang Xiêm sắp tới, vì anh là người có trách nhiệm tổ chức chuyển đi, đồng thời cũng là người phải qua Xiêm gặp anh em bên ấy để bàn việc liên lạc.

Anh Võ Mai đưa tôi tạm lánh ra Phủ Diễn, bí mật ở nhà anh Đậu Chương. Sau đó, ông Vương Thúc Xuân đưa tôi và anh Võ Mai vào Hà Tĩnh đến Hương Khê, nghỉ ở một nhà quán chúng bên ven rừng mấy hôm, rồi vượt rừng qua Lào đi sang Xiêm.

Đây là lần xuất dương thứ hai của tôi. Lần trước xuất dương sang Trung Quốc, đi tìm cách mạng, học cách mạng. Ra đi hồi hộp mà phần khởi như người đang mò mẫm trong đêm tối nhìn thấy ánh đèn cách mạng, xăm xăm bước tới. Lần này xuất dương sang Xiêm giữa lúc cách mạng đang bị khủng bố, lòng tôi không khỏi bồi hồi nghĩ đến các đồng chí, nghĩ đến cha mẹ, vợ con sẽ bị hào lý, quan lại làm khổ. Càng nghĩ càng thấy trách nhiệm của mình rất nặng nề, phải làm thế nào để một ngày kia có thể lấy lại được đất nước.

Tâm sự này thể hiện ở bài hát sa mạc trong vở kịch *Người xuất dương* do tôi soạn và cùng diễn với anh em ở U-đơn năm 1929:

*Núi xanh xanh ngắt một màu,
Trông vời cổ quốc dạ sầu xiết bao.
Động Trìm, động Trẹo thì cao,
Nước Xăm, Mòi thì lớn biết làm sao bây giờ.
Xa trông đỉnh Ác tờ mờ,
Dòng Oi chưa lội biết bao giờ cho tới nơi?
Dặm quan sơn khôn xiết nổi ái hoài,*

*Tình nhà nghĩa nước đôi vai nặng nề,
Giơ tay chỉ núi ta thề,
Thề non sông lấy lại ta sẽ về nước ta.*

Động Trìm, động Treo, đỉnh Ác là tên những dãy núi; nước Xăm, Mòi, dòng Oi là tên những dòng suối, dòng sông trên đường qua Xiêm.

Qua sáu ngày trèo đèo, lội suối, chúng tôi đến một địa điểm có mấy nhà Việt kiều cách Thà–khéc mấy cây số. Chờ trời tối, chúng tôi ra bờ sông ở một bến vắng, một kiều báo đã chèo thuyền lảng vảng ở chỗ đó. Chúng tôi lên thuyền vượt qua sông sang bên kia là Na-Khon Pha-nôm, một thị trấn trên bờ sông Mê Công thuộc về đất Xiêm.

Hôm ấy vào khoảng cuối tháng 5 năm 1928.

^[1]Người đồ Tú tài trong chế độ khoa cử nước ta thời phong kiến, trước năm 1919. (BT)

^[2]*Rùa Thục tuốt móng thiêng*. Nói về sự tích vua Thục An Dương Vương nhờ có móng rùa thần làm lẫy nỏ mà dẹp được giặc.

^[3]*Ngựa Hồ kêu gió Bắc*: Theo truyền thuyết cũ thì ngựa Bắc Hồ khi thấy gió Bắc là kêu hý lên. Ý nói tình cảm nhớ nước.

^[4]*Thương nữ hát bài Hậu đình*: Lấy ý trong câu thơ của Đỗ Mục đời Đường Trung Quốc: *Thương nữ bất tri vong quốc hận, cách giang do xướng Hậu đình hoa*, nghĩa là: Thương nữ biết gì thù hận mất nước, cách sông hát điệu Hậu đình hoa. Hậu đình hoa là một điệu hát không lành mạnh.

^[5]*Huyền Cao*: Một nhà buôn yêu nước đời Xuân Thu Trung Quốc.

^[6]núi sông lớn của huyện Quỳnh Lưu

^[7]thầy địa lý

^[8]Người đỡ Cử nhân trong chế độ khoa cử nước ta thời phong kiến, trước năm 1919. (BT)

^[9]trưởng tàu - Chef de train

^[10]Đội học sinh nhập ngũ của trường Hoàng Phố

^[11]còi xe lửa - soufflet

^[12]sau bị xử bắn ngay ở làng Quỳnh trong năm 1930

Hoàng Văn Hoan

Giọt nước trong biển cả

Phần 2: Những năm tháng hoạt động cách mạng ở Xiêm^[1] (1928-1935)

P2 - Chương 1 & 2

Khoảng cuối tháng 5-1928, tôi cùng anh Võ Mai sang tới đất Xiêm, được các đồng chí xếp tạm ở một trạm liên lạc tại Bản Mây thuộc phủ Na-khon. Anh Ngô Tuân, tức Ba Đốc thay mặt đoàn thể ở Xiêm gặp chúng tôi. Anh tưởng chúng tôi là người trong nước cử ra để học tập như các đợt trước, nên đã bảo chúng tôi: Các ông trở về nước thôi. Ngày nay ở Xiêm không nhận học sinh trong nước ra nữa.

Không lạ gì hồi ấy thủ tục giới thiệu liên lạc không thể làm được dàng hoàng. Tôi phải trình bày rõ lý do Kỳ ủy Trung kỳ điều động tôi ra Xiêm không phải để học tập mà là để hoạt động cách mạng. Còn anh Võ Mai là người của Kỳ ủy phái ra đặt mối liên hệ công tác giữa cơ sở **Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội** ở Xiêm với trong nước.

Để anh Ba Đốc hiểu thêm, tôi nói rõ việc có quen biết anh Tú Chính, tức Lê Mạnh Trinh, và anh Chu tức là Trần Văn Chấn v.v...là những người đã cùng

tham gia lớp huấn luyện với tôi ở Quảng Châu năm 1926 mà nay đang hoạt động ở Xiêm.

Ngay sau đó, chúng tôi được đưa sang nhà ông Lê Khoan ^[2], là cơ sở chính của trạm liên lạc.

Ở cạnh nhà ông Khoan có một lớp học của thiếu niên, giáo viên lớp này là anh Hoàng Trác, một người em họ và cùng quê với tôi xuất dương sang Xiêm từ trước. Chúng tôi đều biết nhau, nhưng không ai nhận họ, nhận quê gì cả, vì phải giữ nguyên tắc bí mật.

Ở độ dăm bảy hôm, tôi bắt đầu đi lại với anh em trong Tổ Hợp tác, một hình thức tổ chức quần chúng của **Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội** ở đây. Trong khi thăm hỏi, làm quen với anh em, tôi thường đọc một số thơ văn yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Yên Đổ, Tú Xương, Tản Đà v.v. . . dần dà anh em hiểu tôi là người có trình độ văn hóa; và hình như cấp trên đã cho biết tôi là cán bộ của đoàn thể, nên anh em đối đãi tốt, thân mến, và coi trọng hơn trước.

Ít lâu sau, anh Lê Mạnh Trinh đến gặp tôi và đưa tôi vào U-đơn. Còn anh Võ Mai, sau khi bàn bạc xong việc liên lạc thì trở về trong nước.

Thời gian tôi hoạt động ở Xiêm gồm hai giai đoạn, một giai đoạn trong Thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Xiêm, một giai đoạn dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Xiêm.

I. Giai đoạn hoạt động trong Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Xiêm

Tôi đến U-đơn vừa đúng dịp kỷ niệm Phạm Hồng Thái (19-6-1928). Các đồng chí phân công tôi trang trí hội trường và viết câu đối chữ Hán. Câu đối như sau:

Đại trượng phu vô sở vị nhi vi, tứ niên lai kỷ niệm hình hương, tiên chí khởi kỳ thân hậu hưởng.

Tinh thần giới yên tri tử bất tử, cửu tuyền hạ mộng hồn thi chúc, thành công lưu phó ngã đồng kiên.

Tạm dịch:

Kẻ trượng phu, làm không phải vì mình, đã bốn năm kỷ niệm vang lừng, tiên chí chẳng màng vinh dự ấy.

Cõi tinh thần, chết đâu phải là hết, dưới chín suối mộng hồn thao thức, thành công còn đợi chúng ta đây.

Thấy câu đối hay, cứ tưởng là do anh em ở đây làm, sau này xem sách văn học mới biết câu đối này vốn là của Đặng Nguyên Cẩn làm để điều một liệt sĩ cách mạng, mà anh em dùng lại, vì nó cũng thích hợp với lễ kỷ niệm Phạm Hồng Thái.

Trong lễ kỷ niệm đó, tôi còn được phân công đọc bài văn truy điệu Phạm Hồng Thái. Bài văn này do cụ Đặng Thúc Hứa - anh em thường gọi thân mật là Cố Đi - làm.

Kỷ niệm xong, các đồng chí phái tôi vào Noong-ôn, một vùng cơ sở của Thanh niên cách mạng đồng chí hội, cách U-đơn khoảng mười cây số, cùng làm việc với Cố Đi, phụ trách trường huấn luyện thiếu niên.

Trường có mười tám học sinh, phần lớn là con em Việt kiều, và một số thiếu niên từ Nghệ-Tĩnh gửi ra để học tập cách mạng. Các anh Mai Văn Quang, Dương Trí Trung, Đỗ Văn Hương v.v... hồi ấy mới 15, 17 tuổi đều là học sinh của trường này.

Đây là một nhà trường cách mạng vừa học vừa làm. Trò cũng như thầy, ngoài giờ học tập đều tham gia lao động.

Phần học tập chủ yếu là học văn hóa, có nội dung chính trị yêu nước. Cố Đi dạy chữ Hán, tôi dạy chữ quốc ngữ. Chúng tôi dạy cho các em biết lịch sử, địa lý của nước Việt Nam, biết tính toán, thuộc các bài văn, thơ yêu nước.

Mục đích chủ yếu là bồi dưỡng cho các em có lòng căm thù đối với giặc Pháp, có ý chí cách mạng, để sau này trở thành những người hoạt động cứu nước. Ngoài Cố Đi và tôi ra, thỉnh thoảng anh Lê Mạnh Trinh cũng đều giảng dạy cho các em một đôi buổi.

Điều kiện ăn ở của thầy trò trong nhà trường rất giản dị. Trường có hai ngôi nhà tranh. Nhà chính có ba gian là nơi học tập. Chính giữa nhà có một cái phản dài và khá rộng, đó là bàn học, hai bên hai dãy ghế. Ban đêm, bàn học biến thành giường ngủ của học sinh. Ngôi nhà phụ nhỏ hơn, vừa là nhà bếp, vừa là phòng ăn và nơi để các dụng cụ lao động.

Nếp sống của mọi người trong nhà trường khá quy củ, ngăn nắp. Mỗi buổi sáng, tôi và học trò đều ra sân tập thể thao (*Cố Đi đã 58 tuổi, người yếu được miễn*), sau đó đi lao động, lao động xong rồi mới vào học. Việc lao động của thầy trò trong trường chủ yếu là trồng khoai, trồng rau, trồng cây lưu niên, chăn nuôi lợn gà, nấu cơm, rửa bát, gánh nước v.v... Có khi thầy trò gánh khoai của mình trồng được đem vào làng đổi lấy thóc lúa của nhân dân địa phương.

Sản xuất như vậy cũng có ý nghĩa học tập, bồi dưỡng tinh thần cách mạng; nhưng chủ yếu là để bảo đảm đời sống cho cả thầy lẫn trò. Quỹ đoàn thể chỉ phụ cấp phần nào mà lớp học không thể tự túc được.

Hồi còn ở nhà, tôi chỉ là một anh học trò, không biết gì là lao động, khi giác ngộ cách mạng, mới bắt đầu có ý thức tham gia lao động ít nhiều, như gánh nước, đắp đường v.v... ở trong làng. Đến nay ở Noong-ôn, lao động chân tay đến với tôi đã trở thành công việc hàng ngày. Điều kiện sinh hoạt mới giúp tôi gần gũi quần chúng lao động nhiều hơn trước, và nhận thức sâu thêm về vai trò của công, nông trong cách mạng, điều mà Hồ Chủ tịch đã giảng dạy nhiều cho chúng tôi trong lớp huấn luyện ở Quảng Châu.

*

Ngoài việc dạy học ở Noong-ôn, tôi còn tham gia việc lãnh đạo chung của tổ chức Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Xiêm được thành lập từ năm 1925 tại Bản Đông, một làng Việt kiều ở huyện Phi-chật, thuộc tỉnh Phít-xa-nu-lốc miền trung nước Xiêm; năm 1927, 1928 phát triển đến các địa phương có Việt kiều tập trung ở các phủ U-đon Tha-xi, Xa-côn Na-khon, Na-khon Pha-nôm thuộc tỉnh U-đon, khu Đông Bắc Xiêm. Vì quần chúng Việt kiều ở Đông Bắc nhiều và rải rác ở nhiều địa điểm khác nhau, nên trung tâm lãnh đạo của Thanh niên cách mạng đồng chí hội chuyển từ Phi-chật ra U-đon.

Tháng 8 năm 1928, Hồ Chủ tịch đến Xiêm, sau một thời gian nghiên cứu, Bác đề nghị lập Tỉnh ủy U-đon để thống nhất việc lãnh đạo. Tỉnh ủy gồm năm đồng chí: Đặng Thái Thuyền tức Canh Tân, Võ Văn Kiều tức Đình, Trần Văn Chấn tức Tăng, Nguyễn Văn Dụ tức Hải, và tôi lấy tên là Nghĩa. Các đồng chí Võ Tòng tức Sáu, Lê Mạnh Trinh tức Tiến, đều ở Phi-chật đã duy trì cơ sở cũ, Đặng Thúc Hứa đã đi Xiêng-mày, Lăm-pang để xây dựng cơ sở mới, nên không tham gia ban Tỉnh ủy.

Thanh niên cách mạng đồng chí hội lãnh đạo quần chúng dưới hai hình thức là **Hội Hợp tác** với **Hội** Việt kiều Thân ái.

Hội Hợp tác là một tổ chức quần chúng trung kiên, nơi đào tạo những thành viên dự bị cho Thanh niên cách mạng đồng chí hội. **Hội Hợp tác** kết nạp những phần tử thanh niên yêu nước, chủ yếu là những thanh niên có chí hướng cách mạng ở trong nước mới ra, họ sống chung với nhau và làm ăn tập thể theo sự tổ chức của Hội. Có nhóm chuyên làm ruộng, có nhóm chuyên làm các nghề thủ công như thợ cưa, thợ mộc, thợ nề v.v... Số tiền thu nhập của mỗi tổ được dành ra một phần cho sinh hoạt tối cần thiết của các tổ

viên, phần còn lại dùng làm công quỹ của Hội để chi tiêu vào việc chung, như phái người ra nước ngoài hoặc về trong nước, xây dựng nhà trường, nuôi các em ăn học, chi tiêu về các công tác tuyên truyền, báo chí v.v...

Về sau **Hội Hợp tác** cũng kết nạp cả một số kiều bào ở Xiêm từ lâu. Nhưng những hội viên này làm ăn riêng, theo chế độ kinh tế độc lập. Ngoài việc đóng hội phí thường xuyên, họ còn nhận nuôi một vài em thiếu niên hoặc một vài cán bộ cách mạng chuyên nghiệp.

Tính đến cuối năm 1929, **Hội Hợp tác** Việt kiều có khoảng hơn một trăm hội viên.

Hội Việt kiều Thân ái là một tổ chức rộng rãi, có tính chất “mặt trận” của kiều bào. Ở hầu hết các địa phương có Việt kiều sinh sống đều có Hội Thân ái. Hội viên có hai hạng: Hội viên chính thức định kỳ hội họp và đóng hội phí hàng tháng, thường là người ở những vùng Việt kiều tập trung đông đảo. Hội viên cảm tình thường là những Việt kiều ở rải rác các địa phương xa, không tiện liên lạc hội họp, là những bà con “Việt kiều cũ” sống trên đất Xiêm lâu đời, đã vào quốc tịch Xiêm, nhưng còn giữ tinh thần dân tộc, ủng hộ cách mạng Việt Nam. Các hội viên cảm tình tùy theo khả năng và lòng hăng hái mà góp phần tinh thần hoặc vật chất giúp cho các hoạt động của Hội.

Ở những nơi đông đảo Việt kiều còn có **Hội Phụ nữ, Hội Thanh niên, Hội Thiếu niên**. Đó là những bộ phận của **Hội Việt kiều Thân ái**.

*

Trong công tác tuyên truyền, giáo dục quần chúng, **Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội** ở Xiêm đã làm những việc như: Xuất bản báo, mở lớp học cho thanh thiếu niên, tổ chức các buổi diễn giảng cho anh em tập

trình bày và thảo luận các vấn đề chính trị, tổ chức các ngày lễ kỷ niệm có ý nghĩa yêu nước như: kỷ niệm Phạm Hồng Thái, kỷ niệm ngày quốc sĩ^[3], kỷ niệm Nguyễn Sĩ Sách v.v... Trong những buổi lễ này thường tổ chức diễn kịch.

Ngoài việc tập hợp, giáo dục Việt kiều, tổ chức **Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội** ở Xiêm đã đưa được nhiều sách báo, tài liệu về nước, đưa được một số cán bộ trong nước ra Xiêm và đi Trung Quốc để hoạt động cách mạng, hoặc để đào tạo thành cán bộ cách mạng. Năm 1927, đã cử người sang Lào, thành lập Chi hội **Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội** ở Viêng Chăn, và đặt được một số cơ sở giao thông liên lạc ở các thị trấn Lào đối diện với Xiêm, như Xa-văn-na-khệt đối diện với Mục-đa-hán ở Xiêm, Thà-khéc đối diện với Na-khon ở Xiêm, và Viêng Chăn đối diện với Noong-khai ở Xiêm. Nhất là từ khi đồng chí Võ Mai sang Xiêm đặt mối liên lạc, thì quan hệ giữa cơ sở cách mạng ở Xiêm với cơ sở trong nước càng được mật thiết.

Sự hoạt động của Thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Xiêm đã có tiếng vang về trong nước. Tháng 6 năm 1928, **Việt Nam Quốc dân đảng** đã cử một đoàn đại biểu gồm ba người là Nguyễn Ngọc Sơn, Hồ Văn Mịch và Nguyễn Văn Tiêm, sang Xiêm đề nghị Tổng chi hội ở Xiêm giúp súng đạn để về nước chuẩn bị bạo động. Đoàn thể ở Xiêm đã tiếp xúc, thảo luận với họ một cách thân mật, mời họ tham gia lễ kỷ niệm Phạm Hồng Thái và tham quan một số địa phương Việt kiều có tổ chức hoạt động yêu nước. Mặt khác giải thích với họ rằng lúc này chưa phải thời cơ bạo động và từ chối việc giúp họ súng đạn, với lý do còn phải xin ý kiến của Tổng bộ ở Trung Quốc. mấy người đại biểu Việt Nam Quốc dân đảng này khi về tới Việt Nam bị bắt, đã khai báo tất cả.

Tham gia công tác lãnh đạo Thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Xiêm,

ngoài việc họp bàn các chủ trương công tác, tôi thường góp phần viết báo **Thân ái**; tổ chức các buổi diễn giảng, các lễ kỷ niệm, các đêm diễn kịch. Năm 1929, trong dịp Tết xuân, tôi đã soạn vở kịch nói **Người xuất dương** và cùng diễn với anh em ở U-đon. Lâu ngày quên hết cả cốt chuyện, chỉ nhớ trong vở kịch có một câu chuyện giữa thầy giáo và học trò trong một lớp học như sau:

Thầy giáo nói: Người Tây ở Việt Nam sung sướng lắm, ngay con chó của họ cũng được phụ cấp tiền ăn một tháng ba bốn mươi đồng.

Học trò hỏi: Thế lương thầy mỗi tháng bao nhiêu?

Thầy giáo đỏ mặt lên chốc lát, nhưng rồi bình tĩnh nói: Lương của thầy một tháng chỉ mười hai đồng, đến như lương ông đốc học ở một trường Pháp – Việt huyện cũng chỉ có ba mươi đồng.

Thanh niên cách mạng đồng chí hội cũng như các hội **Hợp tác** và **Thân ái**, trong những năm 1928 - 1929 đang ở trên đà phát triển tốt. Đó là nhờ sự đóng góp của nhiều người, kể từ những bậc tiền bối như Phan Bội Châu, Đặng Tử Kính, cho đến những thanh niên mới từ trong nước ra và những em nhỏ đang học ở các lớp thiếu niên. Nhưng người có công lao to lớn nhất về việc xây dựng cơ sở Việt kiều lâu dài ở Xiêm thì phải nói là Đặng Thúc Hứa, mà kiều bào đã quen gọi với một cái tên rất tôn kính và triu mến là “Cố Đi” hay “Thầy Đi”.

*

Để nói rõ công lao của Đặng Thúc Hứa, tôi trích dẫn một đoạn trong chương II của cuốn **Hoạt động cách mạng của Việt kiều ở Thái Lan**, nguyên văn như sau:

“Trong lớp người yêu nước trước khi có Đảng, có thể nói Đặng Thúc Hứa là

một người kiên trì cách mạng đến cùng, và đã tiến lên theo kịp các bước phát triển trong lịch sử cách mạng Việt Nam.

“Đặng Thúc Hứa đã từ chỗ tham gia phong trào **Cần Vương** chuyển qua đồng tình với việc phò Cường Đế theo chế độ quân chủ lập hiến, rồi tán thành việc giải tán **Duy tân hội**, lập ra **Việt Nam Quang phục hội** theo đường lối dân chủ tư sản, và cuối cùng chuyển qua cuộc vận động cách mạng do giai cấp công nhân lãnh đạo theo chủ nghĩa cộng sản.

“Sự chuyển biến của Đặng Thúc Hứa không phải là bị động, mà là một quá trình có suy nghĩ, nhận thức rõ ràng về sự tất yếu của cách mạng.

“Đặng Thúc Hứa xuất dương từ năm 1908, đến đất Xiêm năm 1909, là một trong những người đầu tiên xây dựng nên trại cày ở Bản Thầm từ năm 1910, khi cụ Phan Bội Châu hoạt động ở Xiêm, và là người duy trì cơ sở Bản Thầm cho đến cùng.

“Bên cạnh trại cày Bản Thầm, Đặng Thúc Hứa đã bắt đầu xây dựng từ năm 1911-1912 một cơ sở gọi là “Trại các em” để nuôi dạy con em những gia đình có căm thù với đế quốc Pháp từ trong nước gửi ra, hoặc con em các gia đình Việt kiều yêu nước ở Lào và ở Xiêm gửi tới. Mục đích của cụ là dạy cho các em bằng tiếng Việt, biết chữ nghĩa, biết lao động làm ăn, và nhất là biết yêu nước để sau này lớn lên trở thành người cách mạng cứu nước.

“Không bao lâu, Chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ, Chính phủ Xiêm đứng về phe Đồng minh của Pháp, các hoạt động yêu nước của Việt kiều gặp khó khăn lớn. Do sự can thiệp của Pháp, “Trại các em” của Đặng Thúc Hứa phải dời về Bản Đông, thuộc huyện Phi-chị. Năm 1916 bị Pháp thúc ép, Chính phủ Xiêm ra lệnh nội trong năm ngày tất cả người Việt Nam ở Bản Đông phải dời đi chỗ khác, nếu không thì khi quân Pháp đến bắt và tịch thu tài sản Việt kiều, họ sẽ không chịu trách nhiệm; vì lúc đó, theo điều ước bất bình đẳng Pháp–Xiêm thì người Pháp được hưởng quyền lãnh sự tài

phán, có thể xử phạt Việt kiều trên đất Xiêm mà chúng coi là người chịu sự bảo hộ của chúng. Trước tình hình đó, Đặng Thúc Hứa lại phải đưa các cháu qua Trung Quốc để tiếp tục học tập, rồi ở Trung Quốc hoạt động cho đến năm 1919.

“Thời gian này, Chính quyền cách mạng Trung Quốc ở một số tỉnh đã lọt vào tay bọn quân phiệt. Khi chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ, bọn quân phiệt Quảng Tây lung bắt cách mạng Việt Nam, bắt cả cụ Phan Bội Châu. Những cố gắng về quân sự của **Việt Nam Quang phục hội** ở trong nước cũng như ở Trung Quốc, ở Xiêm đều bị thất bại.

“Đứng trước diễn biến của tình hình trong nhiều năm qua, Đặng Thúc Hứa nhận thức được rằng cách mạng Việt Nam không thể ỷ lại vào sự giúp đỡ của nước ngoài, mà cũng không nên chỉ chú trọng vào những mưu toan bạo động như **Việt Nam Quang phục hội** đã làm bấy lâu nay. Ông bàn với Phan Bội Châu trở lại đất Xiêm tiếp tục gây dựng cơ sở với tư tưởng trường kỳ gian khổ, dựa vào nhân dân để làm cách mạng.

“Năm 1919, về đến Phi-chật, Đặng Thúc Hứa trao đổi ý kiến với Đặng Tử Kính về phương châm hoạt động cứu nước. Nhưng quan điểm hai người quá xa nhau. Đặng Tử Kính vẫn khư khư ôm chủ trương cũ, tôn thờ “minh chủ” Kỳ ngoại hầu Cường Đế, định lập ra một cái “Chính phủ lâm thời” để có cơ cho Cường Đế xin ngoại viện của Nhật Hoàng. Bàn đến việc vận động kiều bào thì Đặng Tử Kính cho họ là hạng người tha phương cầu thực, không có tri thức gì để bàn việc nước. Đặng Thúc Hứa phản đối hết mọi ý kiến của Đặng Tử Kính, ông cho rằng lúc này mà còn ôm lấy “Kỳ ngoại hầu”, dựa vào Nhật Hoàng là lỗi thời. Ông chủ trương phải nương tựa vào kiều bào, giáo dục kiều bào đoàn tụ lại làm cơ sở lâu dài cho cách mạng.

“Đặng Thúc Hứa thường hay lấy câu “Thập niên sinh tụ, thập niên giáo hối” nghĩa là “Mười năm tập hợp lực lượng, mười năm giáo dục nhân dân” ^[4], để

hình dung cái chí hướng và việc làm cụ thể của mình và đã thực hiện một cách kiên cường không biết mệt mỏi.

“Những lúc họp mặt với các đồng chí trong **Việt Nam Quang phục hội**, Đặng Thúc Hứa thường nêu lên quan điểm của mình. Cụ phê phán sự “giúp đỡ” của Chính phủ Nhật Bản đối với cách mạng Việt Nam chẳng qua chỉ là nêu ra cái chiêu bài “đồng văn, đồng chủng” để che giấu dã tâm “muốn làm một nước đàn anh ở châu Á” mà thôi. Khi Chính phủ Nhật giúp cụ Phan Bội Châu đào tạo một số thanh niên yêu nước Việt Nam thì họ chỉ dạy cho biết chữ Nhật, khoe khoang nước Nhật là tài giỏi; nhưng trong thâm tâm họ đang âm mưu đẩy Pháp ra để nhảy vào Việt Nam, và dùng những người đang học ở Nhật làm tay sai cho họ sau này. Thực tế đã cho thấy rằng đế quốc Nhật cai trị Triều Tiên cũng tàn bạo, chẳng khác gì đế quốc Pháp cai trị Việt Nam. Cụ thường nhắc anh em nhớ lại những chuyện đắng cay khi Chính phủ Nhật thỏa hiệp với Pháp, ra lệnh đuổi các học sinh yêu nước Việt Nam trong vòng 24 giờ phải rời khỏi nước đất Nhật, đến nỗi cụ Phan và anh em phải đấu tranh đòi kéo dài thời hạn trục xuất ra một tuần lễ.

“Đối với sự nghiệp cứu nước của người Việt Nam lưu vong ở Xiêm hồi ấy, Đặng Thúc Hứa thường ví như con thuyền đi giữa biển, chưa tìm ra luồng lạch. Cụ nói: “Chúng ta không sợ bị đắm thuyền mà chỉ sợ đi lạc hướng, ngược dòng”.

“Trong khi chưa tìm ra một đường lối cụ thể, Đặng Thúc Hứa rất chú trọng việc xây dựng cơ sở lâu dài trong Việt kiều ở Xiêm. Cụ thường bạn bạc với những anh em đồng tâm đồng chí rằng muốn gây cơ sở trong kiều bào thì “ở đâu có kiều bào, ở đó phải có mặt chúng ta. Chúng ta phải làm đầy tớ cho thiên hạ, chứ đừng làm ông thánh thế gian”. Cụ chủ trương nên tập hợp bà con Việt kiều lại thành làng, thành xóm trên đất Xiêm để bà con nương tựa vào nhau mà làm ăn, cùng nhau giữ gìn phong tục tập quán tốt đẹp của dân

tộc, nhất là để con em Việt kiều không quên tiếng mẹ đẻ, không quên nguồn gốc Tổ quốc Việt Nam. Từ chỗ đó sẽ tiến lên vận động kiều bào tham gia các công việc cứu nước.

Để thực hiện chủ trương trên, Đặng Thúc Hứa đã len lỏi đi khắp nơi có Việt kiều trên đất Xiêm để gần gũi và hướng dẫn quần chúng. Cụ đã đi rất nhiều nên kiều bào ở Xiêm thường gọi cụ là “Cố Đi”, “Thầy Đi”. Cụ thường đi bộ, và hầu như chỉ có đi bộ, để tiện dừng chân trên những xóm Việt kiều hẻo lánh ở rải rác khắp vùng Đông Bắc nước Xiêm. Đi tới đâu, Cụ Đi đều khuyến nhủ kiều bào đoàn kết, thương yêu, đùm bọc lấy nhau, và nhớ lấy cái nhục mất nước.

“Cố Đi đã bố trí một số người đồng tâm đồng chí của mình đi gây dựng cơ sở ở các nơi trên đất Xiêm như sau:

- Phái bà Nho ^[5] và một số người đi xây dựng lại cơ sở bản Đông.
- Phái ông Ngoét Vinh đi lập cơ sở Vật-pà, Nỏong-xẻng gần thị xã Na-khon, trên bờ sông Mê Công, đối diện với thị xã Thà-khéc trên đất Lào. Tiếp đó lại phái cố Khoan và cố Ngoét Đài đi lập cơ sở ở Bản Mày, Bản Phừng, dịch thị xã Na-khon năm cây số.
- Phái ông Châu đi lập cơ sở ở U-đon, và một số người khác đi lập cơ sở ở Noỏng-bua, cách thị xã U-đon ba cây số, và ở Đông-ôn, một khu rừng cách U-đon hơn mười cây số.

“Sau đó, Cố Đi bàn với anh em tiếp tục phát triển thêm các cơ sở dọc đường từ U-đon đi Xa-côn như Bản Hần, Noỏng-hán, từ Xa-côn đi Na-khon như Thà-hẹ, Cu-xu-man, v.v... và phát triển thêm cơ sở dọc theo sông Mê Công như U-thên, Na-ke, Thạt-pha-nôm, Mục-đa-hán, Noỏng-khai, v.v...

“Nhờ sự hoạt động kiên trì trong nhiều năm của Đặng Thúc Hứa và những người đồng tâm đồng chí của cụ như trên, Việt kiều rải rác trên đất Xiêm ngày càng quy tụ lại với nhau và có một mối liên hệ mật thiết.

“Hàng năm, Đặng Thúc Hứa thường đi một vòng qua những nơi có Việt kiều từ Pạc-nám-phô đến các tỉnh vùng Đông Bắc để thăm hỏi kiều bào, nhắc nhở bà con giữ vững lòng yêu nước, dạy dỗ con em, giữ gìn phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc, đồng thời tôn trọng phong tục tập quán và phát luật của người Xiêm. Đến đâu, cụ cũng lao động và sinh sống như một người dân thường. Vì vậy, cụ rất được kiều bào quý mến, mà ngay cả nhân dân Xiêm cũng thương yêu, thường gọi là “Thầu Đăm” ^[6] .

“Có lần Đặng Thúc Hứa bị thực dân Pháp theo dõi để bắt. Đương cục và nhân dân Xiêm ở địa phương đã báo trước để cụ tránh đi chỗ khác. Một lần nữa, Pháp giao thiệp với Chính phủ Xiêm vây bắt Cố Đi. Nhà đương cục địa phương không dám từ chối, nhưng đặt điều kiện với bọn Pháp là phải nhận diện cho đúng. Họ để Cố Đi ngồi lẫn với các ông già địa phương. Vì nước da ngăm đen và cái vẻ bề ngoài của Cố Đi rất giống người Xiêm, nên bọn Pháp không thể nhận ra. Cố Đi lại thoát nạn.

“Song song với việc gây dựng cơ sở lâu dài trong Việt kiều từ năm 1919, Đặng Thúc Hứa đã bố trí người làm giao thông liên lạc đi về nước để đưa một số thanh niên xuất dương sang Xiêm rồi giúp họ sang Trung Quốc hoạt động cách mạng.

“Từ năm 1920, nhiều thanh niên yêu nước đã xuất dương sang Xiêm. Họ được các cơ sở Việt kiều đón tiếp từ Na-khon, U-đon rồi đưa vào Phi-chít sinh hoạt một thời gian trong “Trại cày” của Cố Đi, sau đó được cấp tiền lộ phí và người đưa đường đi sang Trung Quốc. Có người như Đặng Thái Thuyền, ở lại Xiêm hoạt động.

“Năm 1923, một số thanh niên xuất dương từ Xiêm qua Trung Quốc như

Phạm Hồng Thái, Lê Hồng Phong, Lê Tản Anh, Hồ Tùng Mậu v.v... đã thành lập ra **Tâm tâm xã**, tách khỏi ảnh hưởng của đường lối Phan Bội Châu. Năm 1924, Phạm Hồng Thái ném tạc đạn ở Sa Diện, mưu giết toàn quyền Méc-lanh, gây tiếng vang lớn thúc đẩy phong trào cách mạng trong cả nước. Tiếp đó Hồ Chủ tịch về Trung Quốc, tập hợp, dìu dắt nhóm **Tâm tâm xã**, thành lập **Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội**.

“Số người xuất dương sang Xiêm từ năm 1920 đến năm 1924, 1925, lớp này tiếp đến lớp khác tổng cộng lại có hàng mấy chục người, số đông sang Trung Quốc, một số ở lại Xiêm, tham gia công việc vận động Việt kiều ở Xiêm.

“Hai chủ trương lớn của Cố Đi như trên – xây dựng cơ sở Việt kiều và vận động thanh niên xuất dương – là những đóng góp quan trọng cho việc phát triển **Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội** ở Quảng Châu và ở Xiêm sau này. “Tất nhiên không phải một mình Cố Đi làm hết mọi việc. Những người đồng tâm đồng chí của Cố Đi như ông Kim, ông Sáu (tức đồng chí Võ Tòng), bà Nho, ông Thuyên, ông Vinh, cô Khoan, cô Ngoét Đài, v.v... đều là những cán bộ đặc lực, những quần chúng trung kiên đã góp phần quan trọng thực hiện các chủ trương đúng đắn của Cố Đi. “Năm 1925, khi Hồ Chủ tịch phái người về Xiêm thành lập **Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội** thì Đặng Thúc Hứa là một trong những người lãnh đạo có uy tín lớn của Chi hội Thanh niên cách mạng đồng chí hội và trong Việt kiều ở Xiêm. “Năm 1928-1929, Hồ Chủ tịch về Xiêm hoạt động cách mạng, Bác đã đánh giá cao phẩm chất đạo đức và những cố gắng của cụ Đặng Thúc Hứa trong việc xây dựng cơ sở quần chúng Việt kiều. Lúc này các tổ chức yêu nước của kiều bào đã phát triển và được củng cố. Nhưng Cố Đi vẫn giữ vững chủ trương xây dựng cơ sở lâu dài. Cố đã xung phong xin Hồ Chủ tịch và Ban lãnh đạo cho đi xây dựng thêm cơ sở ở Xiêng-mày, Xiêng-rai và

Lăm-pang là những vùng ở phía bắc Xiêm gần biên giới Miến Điện và Lào, để làm những địa điểm dự trữ sau này có thể là chỗ dựa để hoạt động. Cố nói: “Hiện nay quần chúng kiều bào đã được tổ chức và phát triển tốt, cơ sở đã vững chắc. Nhưng tôi nghĩ cách mạng vẫn có thể có lúc còn gặp khó khăn, nên chúng ta cần phải xây dựng thêm những cơ sở mới. Người xưa có câu “giáo thọ tam quật” nghĩa là giống thọ khôn thường làm hang có ba ngách, như vậy chúng ta cũng phải có những cơ sở dự bị để chuẩn bị cho những bước sau này”. Hồ Chủ tịch và anh em đã đồng ý để Cố Đi đi Xiêng-mày. “Năm 1930, khi Đảng cộng sản thành lập, tuy vắng mặt, Cố Đi vẫn được vinh dự giới thiệu là một trong những người đảng viên đầu tiên của Đảng Cộng sản Xiêm. Năm 1931, Cố mang bệnh từ Xiêng-mày về U-đon, rồi mất ở đấy, thọ 61 tuổi. Cuộc đời hy sinh tận tụy của Cố đã để lại những kỷ niệm sâu sắc trong kiều bào và cán bộ ở Xiêm, và những công lao đáng ghi nhớ trong lịch sử cách mạng Việt Nam.”

II. Hồ Chủ tịch ở Xiêm

Hồ Chủ tịch đến Xiêm hai lần. Lần thứ nhất từ tháng 8- 1928 đến tháng 9- 1929. Lần thứ hai từ tháng 3 đến tháng 4-1930.

Hồi trước, học lớp huấn luyện ở Quảng Châu, tôi đã được Bác truyền thụ cho những hiểu biết đầu tiên về lý luận cách mạng. Năm 1928 ở Xiêm, tôi lại may mắn thường ở gần Bác, nhiều khi trực tiếp dưới sự chỉ đạo của Bác trong công tác hàng ngày.

Bác đến U-đon, nơi tôi hoạt động, vào khoảng tháng 8 năm 1928, sau một chuyến đi bộ mười lăm ngày từ Phi-chật ra. Bác đi bộ như vậy là vừa để tìm hiểu tình hình kiều bào trên đường đi vừa để bảo đảm bí mật.

Đến U-đon, Bác lấy tên là Chín. Năm ấy Bác mới 38 tuổi, nhưng phần đông anh em cán bộ đều còn rất trẻ mà Bác thì rất lão luyện, mực thước, nên mọi

người đều tôn trọng mà gọi Bác là “Thầu Chín”^[7]. Chỉ một số ít anh em đã từng học lớp huấn luyện ở Quảng Châu biết Bác là Nguyễn Ái Quốc mà thôi.

Tại U-đơn, Bác thường làm việc Noong-bua, địa điểm chính của các Tổ Hợp tác.

Trong các buổi gặp mặt với cán bộ và quần chúng ở U-đơn, Bác thường nói chuyện về tình hình trong nước và thế giới. Với cán bộ phụ trách, Bác thường trao đổi ý kiến về công tác cách mạng.

Cơ sở cách mạng ở U-đơn hồi này đã phát triển khá rộng, các Tổ Hợp tác có tới dăm chục người. Hội Việt kiều Thân ái có hàng mấy trăm hội viên. Báo **Đồng thanh** của **Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội** phổ biến khá rộng rãi trong quần chúng. Tuy nhiên hồi này một số thanh niên trong Tổ Hợp tác vẫn nghĩ rằng đất Xiêm chỉ là nơi hoạt động tạm thời; rồi đây chắc sẽ đi Trung Quốc học tập cách mạng, hoặc sẽ về nước công tác. Vì vậy tuy ở Xiêm đã lâu mà không mấy ai nghĩ đến việc học tiếng Xiêm, chữ Xiêm, chưa quan tâm đến việc tiếp xúc với nhân dân Xiêm. Cũng có một số ít anh em suy nghĩ lệch lạc: Nói sang Xiêm để làm cách mạng, nhưng rốt cuộc chỉ thấy lao động vất vả, cuốc đất, trồng cây, xẻ gỗ như người làm ăn bình thường. Trong khi đó cách mạng lại gặp khó khăn, như Khởi nghĩa Quảng Châu ở Trung Quốc bị thất bại, Tưởng Giới Thạch tàn sát những người cộng sản Trung Quốc và bắt bớ cả cán bộ Việt Nam ở bên đó. Đã có một vài người dao động phân vân, tìm cách trốn về nước.

Trong những dịp tiếp xúc với cán bộ và quần chúng, Hồ Chủ tịch thường nhấn mạnh về tinh thần cách mạng lâu dài, Bác phân tích tiền đồ của cách mạng nhất định sẽ đi đến thắng lợi nhưng trong khi chưa có thời cơ thì người cách mạng phải biết kiên trì, chịu đựng gian khổ, tuyên truyền, giác ngộ quần chúng và không ngừng rèn luyện ý chí phấn đấu cho bản thân mình.

Bác đề ra chủ trương đối nội thì Thanh niên cách mạng đồng chí hội phải mở rộng tổ chức, củng cố cơ sở quần chúng. Các Tổ Hợp tác trước kia chỉ lấy những thanh niên xuất dương từ trong nước ra nay cần kết nạp cả những kiều bào có lòng hăng hái cách mạng. Bác đề nghị đổi tên từ **Đồng thanh** ra từ **Thân ái** hướng dẫn anh em cán bộ viết bài thật dễ hiểu để phổ biến rộng rãi hơn nữa trong kiều bào, đưa tới cả những vùng đồng bào ở thưa thớt. Về mặt đối ngoại, Bác chủ trương phải làm cho người Xiêm có cảm tình hơn nữa với Việt Nam và cách mạng Việt Nam. Bác giáo dục cho kiều bào chú ý tôn trọng phong tục, tập quán của nhân dân bạn, và khuyên chúng tôi cố gắng tạo ra khả năng hoạt động hợp pháp hoặc nửa hợp pháp hơn nữa. Bác khuyên anh em nên học chữ Xiêm, tiếng Xiêm, và tự Bác làm gương trước. Chỉ trong một thời gian ngắn Bác đã nghe hiểu và nói được ít nhiều tiếng Xiêm.

Khi các Tổ Hợp tác, Bác tham gia lao động với anh em thanh niên để có dịp giúp đỡ anh em về nhận thức, tư tưởng và tác phong sinh hoạt hàng ngày. Mỗi khi có bà con Việt kiều đến thăm Tổ Hợp tác, Bác tranh thủ gặp gỡ, hỏi han bà con về đời sống, cách thức làm ăn. Nhiều khi bà con đem những chuyện khó xử trong gia đình để tâm sự với Bác, xin Bác góp ý kiến. Khi ở Noong-ôn, Bác cũng tham gia lao động với thầy và trò trong nhà trường. Nhiều hôm Bác tham gia buổi học, nêu các vấn đề cho anh em thảo luận.

Ở đây, trong chương trình giảng dạy có một môn gọi là “hùng biện”, cốt để học cho học trò quen cách biện luận và mạnh dạn nói chuyện trước đông đảo quần chúng. Một hôm Bác nêu vấn đề “Có nên giải phóng phụ nữ không?” Anh em rất hăng hái biện luận. Phần đông anh em chủ trương cần giải phóng phụ nữ Việt Nam. Cũng có nhiều người nói nên giải phóng phụ nữ từng bước, vì trình độ chị em hãy còn thấp kém. Nghe mọi người nói xong, Bác

nói: “Bây giờ mời thầy Nghĩ phát biểu.” Tôi bảo vệ ý kiến phải đấu tranh cho phụ nữ được giải phóng. Cuối cùng Bác cười vui vẻ và nói: Số đông anh em phát biểu đúng, làm cách mạng, chúng ta chống mọi sự áp bức, bóc lột, trong đó có việc chống áp bức phụ nữ. Nhưng không phải là chúng ta giải phóng cho phụ nữ, mà chính là phải làm cho chị em phụ nữ giác ngộ cách mạng, đấu tranh để tự giải phóng mình. Chẳng những phụ nữ phải giành được quyền bình đẳng trong mọi sự đối xử hàng ngày, mà còn phải giành lấy bình đẳng trong kinh tế, trong hoạt động chính trị xã hội nữa.

Mỗi lần có Bác tham gia nêu vấn đề thảo luận như thế, chúng tôi học tập thêm được nhiều điều mới mẻ, nâng cao được trình độ nhận thức cách mạng của mình.

Khoảng cuối năm 1928, Bác bàn với anh em nên xin phép Chính phủ Xiêm lập nhà trường ở Noong-bua.

Chúng tôi thực hiện chủ trương của Bác. Khi được giấy phép rồi, tất cả cán bộ và kiều bào bắt tay ngay vào việc xây dựng nhà trường, Bác cũng tham gia việc đào đất đắp nền, gánh gạch xây tường như mọi người.

Ở Noong-bua, Bác để khá nhiều thời gian dịch sách lý luận cách mạng cho cán bộ và kiều bào đọc. Bác đã dịch cuốn **Duy vật sử quan** mà Bác lấy nhan đề là **Lịch sử tiến hóa của loài người** và quyển **Cộng sản ABC**. Bác thường bảo tôi ngồi cùng dịch, nhưng thực thì Bác trông vào sách chữ Trung Quốc rồi đọc cho tôi viết. Khi dịch, Bác không câu nệ theo từng chữ trong nguyên bản, mà chỉ lấy ý chính chuyển thành những câu thật ngắn gọn, mộc mạc, để mọi người dễ hiểu, dễ nhớ. Có những đoạn dịch xong, Bác bảo đọc cho anh em quần chúng nghe. Nếu quần chúng thấy còn khó hiểu thì Bác dịch lại.

Ở U-đon ít lâu, Bác ra Xa-côn, kiều bào Xa-côn đông hơn ở U-đon. Cơ sở cách mạng cũng được xây dựng từ lâu, có Hội Hợp tác, Hội Thân ái, có

trường học cho thiếu niên v.v. . .

Sinh hoạt của Bác ở Xa-côn cũng như ở U-đon, vẫn hết sức giản dị, gần gũi quần chúng và có nề nếp, kế hoạch chặt chẽ, Bác đi lại tiếp xúc với kiều bào nhiều hơn trước. Có một số gia đình Việt kiều thờ Đức thánh Trần, thường cầu cúng, lên đồng; khi ốm đau thì xin tày hương, nước thải làm thuốc chữa bệnh. Thấy vậy, Bác đã soạn ra bài ca Trần Hưng Đạo kể rõ sự tích đánh giặc cứu nước của vị anh hùng dân tộc đời nhà Trần. Bài ca có đoạn như:

*Diên Hồng thẻ trước thánh Minh,
Lòng dân đã quyết hy sinh rành rành,
Nếu ai muốn đến giành đất Việt,
Đưa dân ta ra giết sạch trơn,
Một người Việt hãy đương còn,
Thì non sông Việt vẫn non sông nhà ...*

Với phương pháp tuyên truyền vận động của Bác, bài ca Trần Hưng Đạo được truyền bá mau chóng trong kiều bào. Đức thánh Trần “trừ ma sát quỷ” đã trở lại là một vị anh hùng cứu nước. Nhiều “đệ tử” của ngài đã giác ngộ, trở thành hội viên Hội Việt kiều Thân ái.

Ở Xa-côn ít lâu rồi Bác đi Na-khon. Ở đây, Bác cũng cộng tác với anh em Hợp tác và quần chúng như ở U-đon và ở Xa-côn, nhưng Bác chú ý nhiều đến việc đặt trạm liên hệ với trong nước. Có lúc Bác cùng đi thuyền với anh Nguyễn Tài dọc sông Mê Công, sát bên phía Lào để quan sát tình hình Việt kiều ở đó. Lúc còn ở U-đon, Bác cũng đã cùng đi với tôi đến Noong-khai, gọi các anh Chử và Mãn từ Viêng Chăn đến gặp để tìm hiểu tình hình công tác ở Lào và khả năng đặt mối liên lạc với bên Xiêm để đẩy mạnh cuộc vận động cách mạng ở Việt Nam.

Tháng 5-1929, Đại hội **Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội** do đồng chí Hồ Tùng Mậu triệu tập ở Hương Cảng, đã xảy ra phân liệt. Nhóm

Quốc Anh ^[8] và Kim Tôn bỏ Đại hội ra về để tổ chức Đảng cộng sản. Số đại biểu còn lại trong Đại hội quyết định khai trừ nhóm này. Hai đại biểu Thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Xiêm là Võ Tòng và Đặng Thái Thuyết đề nghị nên chờ ý kiến của đồng chí Vương ^[9] rồi sẽ quyết định, nhưng Đại hội cứ quyết định. Khi hai đại biểu ở Xiêm báo cáo với Bác tình hình phân liệt và nghị quyết của Đại hội Thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Hương Cảng, thì Bác đề nghị Chi hội ở Xiêm hãy hoãn việc phổ biến nghị quyết Đại hội để tìm cách thống nhất các nhóm.

Thế rồi, vào khoảng đầu tháng 9-1929, Bác rời khỏi Xiêm đi gặp Đông phương cục Quốc tế Cộng sản để xin ý kiến, được Đông phương cục giao nhiệm vụ thống nhất các nhóm cộng sản Việt Nam. Nhiệm vụ đó được thực hiện bằng một cuộc gặp mặt giữa các nhóm do Bác chủ tọa tại một địa điểm ở Hương Cảng.

*

Vào khoảng cuối tháng 3-1930, Bác đến Băng-cốc gặp các đồng chí cộng sản người Hoa để trao đổi ý kiến, rồi đi U-đơn gặp Tỉnh ủy Thanh niên cách mạng đồng chí hội ở U-đơn để thông báo tình hình về việc thống nhất các nhóm cộng sản Việt Nam và truyền đạt tinh thần của Quốc tế Cộng sản về việc thành lập **Đảng Cộng sản Xiêm**.

Tỉnh ủy U-đơn của **Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội** lúc này là trung tâm của toàn bộ cuộc vận động cách mạng trong Việt kiều ở Xiêm, gồm có các anh Đình, Tăng, Hải và tôi lấy tên là Dương, anh Đặng Thái Thuyết là Bí thư, nhưng đã bị bắt ở Băng-cốc trước đó một thời gian ngắn. Gặp Tỉnh ủy, Bác cho biết việc chia rẽ giữa các nhóm **Đông Dương Cộng sản đảng** và **An Nam Cộng sản đảng** đã được giải quyết tốt đẹp. Đại biểu

của hai nhóm đã họp ở Hương Cảng, thỏa thuận hợp nhất, cùng nhau thành lập ra **Đảng Cộng sản Việt Nam** ngày 6 tháng Giêng năm nay. Đảng đã thông qua chính cương, chương trình và điều lệ vắn tắt của Đảng, và đã nhất trí chấp nhận nhóm **Đông Dương Cộng sản Liên đoàn** tham gia vào **Đảng Cộng sản Việt Nam**, mặc dù Liên đoàn này được triệu tập đến hội nghị hợp nhất, nhưng vì tắc trở, đại biểu không đến kịp để tham dự.

Về vấn đề là ngày tháng thành lập Đảng, ở đây cần chú thích rõ một điểm là: Khi Bác nói thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 6 tháng Giêng năm nay, đã không nói rõ là ngày tháng âm lịch, mọi người nghe đều hiểu là ngày tháng dương lịch, nên từ đó về sau hàng năm cứ lấy ngày 6 tháng giêng dương lịch làm Ngày kỷ niệm thành lập Đảng. Mãi đến năm 1960, Liên Xô cung cấp tài liệu cho biết ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là ngày 3 tháng 2 năm 1930, chứ không phải là ngày 6 tháng Giêng như trước đã hiểu lầm. Vì vậy, Đại hội lần thứ ba của Đảng họp cuối năm 1960 mới ra nghị quyết lấy ngày 3 tháng 2 năm 1930 làm ngày thành lập Đảng.

Đối với bộ phận **Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội** ở Xiêm, Bác nói: Theo tinh thần nghị quyết của Quốc tế Cộng sản thì người cộng sản cư trú ở nước nào sẽ tham gia hoạt động vì sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản ở nước đó. Vì vậy người cộng sản Việt Nam ở trên đất Xiêm cũng có trách nhiệm giúp đỡ nhân dân bị áp bức, bóc lột Xiêm làm cách mạng. Đó là tinh thần quốc tế vô sản. Người cộng sản không thể chỉ lo toan sự nghiệp cách mạng của riêng nước mình, mà phải góp phần vào công cuộc cách mạng của giai cấp vô sản trên toàn thế giới ^[10] .

Bác đề nghị Tỉnh ủy lựa chọn một số người rất tốt trong Thanh niên cách mạng đồng chí hội chuyển thành người cộng sản để tham gia vào **Đảng Cộng sản Xiêm**.

Sau khi nghe Bác giải thích và giới thiệu, các đồng chí trong Tỉnh ủy U-đơn

đều hết sức phấn khởi, vì được biết trong nước đã có Đảng cộng sản để lãnh đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng, đồng thời được biết bản thân mình cũng được chuyển thành đảng viên cộng sản. Có điều lần này chúng tôi không chuyển thành đảng viên **Đảng Cộng sản Việt Nam**, mà là đảng viên của **Đảng Cộng sản Xiêm**. Việc chuyển Thanh niên cách mạng đồng chí hội thành Đảng cộng sản, đối với chúng tôi là một việc rất tự nhiên, vì từ lâu trong Thanh niên cách mạng đồng chí hội vẫn truyền bá tư tưởng cách mạng xã hội, hướng theo gương mẫu của Cách mạng Tháng Mười Nga, đi theo sự dìu dắt của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, một nhà cách mạng lão thành của Quốc tế Cộng sản.

Mấy hôm sau Tỉnh ủy triệu tập một số đồng chí cốt cán trong Thanh niên cách mạng đồng chí hội để nghe Bác nói chuyện.

Bác cũng giải thích lại những điều đã giải thích với chúng tôi mấy hôm trước. Bác nói người cách mạng Việt Nam ngày nay ở trên đất Xiêm phải vì lợi ích của cách mạng Xiêm mà hoạt động. Về tình hình xã hội nước Xiêm, Bác phân tích: Lúc này nước Xiêm là một nước phong kiến và nửa thuộc địa, chưa thể tiến hành ngay cách mạng xã hội chủ nghĩa, mà phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền kiểu mới do giai cấp vô sản lãnh đạo. Sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân chủ mới, nhờ sự giúp đỡ của lực lượng cách mạng thế giới, cách mạng Xiêm cũng có thể chuyển lên chủ nghĩa xã hội, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Nghe xong, anh em nêu ra nhiều câu hỏi. Một số đồng chí ngần ngại rằng chuyển sang **Đảng Cộng sản Xiêm** thì không góp phần được vào cách mạng Việt Nam, sợ kiêu bào không đồng tình. Bác lần lượt giải đáp các câu hỏi, anh em đều thỏa mãn.

Gặp xong anh em trong cuộc hội nghị rộng rãi, Bác lại gặp riêng Tỉnh ủy để bàn việc tổ chức cụ thể.

Bác đề nghị Tỉnh ủy Thanh niên cách mạng đồng chí hội chuyển thành Tỉnh ủy công sản. Trước đây Tỉnh ủy do đồng chí Đặng Thái Thuyến làm Bí thư, nay đồng chí đã bị bắt, chúng tôi cử đồng chí Đình làm Bí thư Tỉnh ủy.

Bác dặn dò chúng tôi lựa chọn những người có nhiệt tình cách mạng cao, phẩm chất đạo đức tốt, tự nguyện, tự giác trọn đời hiến thân cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa để kết nạp làm những đảng viên cộng sản đầu tiên. Sau đó Bác đề nghị Tỉnh ủy cử đồng chí Tăng thay mặt nhóm cộng sản người Việt cùng Bác đi tiếp xúc với nhóm cộng sản người Hoa, bàn việc thành lập Đảng Cộng sản Xiêm.

Đầu tháng 4-1930, Bác cùng anh Tăng đi vào Băng-cốc. Trước khi ra đi, Bác còn dặn dò Tỉnh ủy U-đon cần liên hệ, giúp đỡ các đồng chí Thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Lào chuyển sang thành Chi bộ cộng sản Lào.

Ngày 20-4-1930, một cuộc hội nghị do Bác là đại biểu Quốc tế Cộng sản chủ trì đã họp ở Băng-cốc. Hội nghị tuyên bố thành lập **Đảng Cộng sản Xiêm** và cử ra Ban Chấp hành Trung ương lâm thời, gọi tắt là Xiêm ủy, trong đó có anh Tăng là ủy viên Tỉnh ủy U-đon và anh Ngô Chính Quốc, một người Việt Nam sinh ở Xiêm.

Sau khi thành lập Đảng Cộng sản Xiêm, bác liền đi Mã-lai để giúp các đồng chí ở đó thành lập Đảng Cộng sản Mã-lai. Từ tháng 4-1930 về sau, Bác không trở lại đất Xiêm một lần nào nữa.

*

Qua hai lần hoạt động trên đất Xiêm, Bác đã để lại những việc làm có ý nghĩa lịch sử to lớn. Ngoài việc giúp những người cách mạng ở Xiêm thành lập Đảng Cộng sản Xiêm là một sự kiện quan trọng, Bác đã bồi dưỡng cả một lớp cán bộ cách mạng trong Việt kiều, giáo dục cho các đồng chí tư

tưởng cách mạng trường kỳ gian khổ, xây dựng tình cảm thân thiện giữa cách mạng Việt Nam với nhân dân Xiêm, xây dựng tinh thần quốc tế vô sản cho những người cách mạng Việt Nam ở Xiêm, góp phần gây mầm mống cách mạng trong nhân dân Xiêm.

^[1]Siam - tên cũ của nước Thái Lan-BT

^[2]thân sinh đồng chí Lý Tự Trọng

^[3]ngày điều ước Pa-tơ-nốt

^[4]Phương châm phục quốc của Câu Tiễn đời Xuân Thu Chiến Quốc ở Trung Quốc

^[5]tức Đặng Quỳnh Anh

^[6]ông già đen

^[7]tức là ông già Chín

^[8]tức Trần Văn Cung

^[9]tức Hồ Chủ tịch

^[10]Đó là nghị quyết của Quốc tế Cộng sản từ trước. Năm 1943, Quốc tế cộng sản giải tán thì nghị quyết đó cũng không còn là yêu cầu chung đối với các người cộng sản trên thế giới nữa

Hoàng Văn Hoan

Giọt nước trong biển cả

Phần 2: Những năm tháng hoạt động cách mạng ở Xiêm^[1] (1928-1935)

P2 - Chương 3

III. Giai đoạn hoạt động dưới sự lãnh đạo của đảng Xiêm

Sau khi Hồ Chủ tịch rời khỏi Xiêm, đồng chí Tăng trở về U-đơn gặp Tỉnh ủy, báo cáo lại tình hình của cuộc hội nghị thành lập **Đảng Cộng sản Xiêm** ở Băng-cốc ngày 20-4-1930 và những quyết định của hội nghị có liên quan đến nhiệm vụ công tác của Đảng bộ Việt kiều trong Đảng Xiêm.

Theo sự phân công của Xiêm ủy, Tỉnh ủy U-đơn phải phụ trách phát triển công tác vận động cách mạng trong toàn khu Đông Bắc nước Xiêm. Anh Tăng còn nhấn mạnh lời Bác dặn đi dặn lại nhiều lần là việc chọn lựa những đảng viên đầu tiên phải hết sức coi trọng. Do đó Tỉnh ủy quyết định đưa việc chuyển bộ phận Thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Xiêm thành một bộ phận **Đảng Cộng sản Xiêm** ra thảo luận trong nội bộ để mọi người được nói lên ý kiến của mình.

Qua thảo luận, tuyệt đại đa số hoan nghênh, chỉ có vài người chưa đồng ý với lý do là hoạt động cho cách mạng Xiêm thì sợ quân chúng Việt kiều không đồng tình, và có thể bị Chính phủ Xiêm khủng bố. Tỉnh ủy đã giải thích với các đồng chí là đã làm cách mạng thì ở đâu cũng có thể bị khủng bố, còn quân chúng đã là người bị áp bức, bóc lột thì bất kể người Việt hay người Xiêm đều có thể tán thành chủ nghĩa cộng sản, và người cộng sản đều

phải vận động, lãnh đạo họ làm cách mạng.

Tỉnh ủy lắng nghe ý kiến của mọi người và bước đầu lập ra một bản danh sách gồm mấy chục đồng chí trung kiên có phẩm chất tốt để kết nạp làm lớp đảng viên cộng sản đầu tiên.

Tháng 10-1930, tại một địa điểm gần tỉnh lỵ U-đon, Tỉnh ủy triệu tập cuộc hội nghị toàn thể các đảng viên người Việt thuộc các phủ U-đon Tha-xi, Xa-côn Na-khon và Na-khon Pha-nôm để xác định các chủ trương, phương hướng hoạt động. Các đồng chí ở Phi-chít không có ai về tham dự hội nghị, vì ở đây vừa trải qua một cuộc khủng bố nặng nề, sau khi xảy ra vụ mất tích một tên mật thám đã theo dõi bắt hai đồng chí Võ Tòng và Đặng Thái Thuyên. Trong cuộc khủng bố này, hầu hết các đồng chí đều bị bắt, 11 người bị trục xuất sang Hương Cảng, trong đó có đồng chí Lê Mạnh Trinh.

Trong cuộc hội nghị toàn thể đảng viên người Việt này, đồng chí Úa, đại biểu cho Xiêm ủy giới thiệu việc thành lập Đảng Cộng sản Xiêm, và tuyên bố Tỉnh ủy U-đon là một Đảng bộ của Đảng Cộng sản Xiêm, có trách nhiệm lãnh đạo công tác toàn khu Đông Bắc.

Để chuẩn bị cho việc hoạt động theo đường lối mới, Tỉnh ủy U-đon đã họp một cuộc hội nghị đặc biệt, thảo luận các vấn đề liên quan đến sự hoạt động của bộ phận người Việt ở Xiêm.

Sau khi có chủ trương cụ thể, các đồng chí đều phấn khởi bắt tay vào công tác. Phần lớn các thành viên Thanh niên cách mạng đồng chí hội và nhiều thanh niên tích cực trong các **Tổ Hợp tác** được kết nạp vào Đảng, đều hăng hái học tiếng Xiêm, chữ Xiêm để có điều kiện liên hệ với nhân dân Xiêm.

Các thanh niên được vào học trường Xiêm như anh Bích lấy tên là Thiên, anh Hương lấy tên là Xôm v.v... đã có một trình độ chữ Xiêm kha khá.

Thanh niên Cộng sản đoàn được tổ chức, lúc đầu ở U-đon, sau phát triển dần ra các địa phương khác.

Năm 1931, anh Đình, Bí thư Tỉnh ủy U-đơn mất vì bệnh, các đồng chí cử tôi làm Bí thư tỉnh ủy U-đơn. Lúc này tôi đã nói và đọc tiếng Xiêm khá thạo, được Tỉnh ủy phân công phụ trách **Thanh niên Cộng sản đoàn** và chỉ đạo việc tuyên truyền vận động quần chúng Xiêm.

Cuối năm 1931, trong nước có khủng bố trắng. Phong trào Xô-viết Nghệ Tĩnh gặp nhiều khó khăn, mấy đồng chí trong Tỉnh ủy Hà Tĩnh do đồng chí Bùi Khương dẫn đường, chạy qua Xiêm tìm mối liên hệ với Đảng. Do đó, Đảng bộ Việt kiều ở Xiêm lại gánh vác thêm một nhiệm vụ quan trọng là viện trợ cách mạng Đông Dương.

Công tác của Tỉnh ủy lúc này triển khai trên hai mặt hoạt động:

- Tuyên truyền vận động quần chúng Xiêm làm cách mạng.
- Viện trợ cách mạng Đông Dương.

Về công tác tuyên truyền vận động quần chúng Xiêm làm cách mạng, là những công tác hoàn toàn do Xiêm ủy lãnh đạo, tôi thấy không cần thuật lại, ở đây chỉ nói đến công tác viện trợ cách mạng Đông Dương.

*

Công tác viện trợ cách mạng Đông Dương được Xiêm ủy giao cho Đảng bộ Việt kiều phụ trách.

Khi các đồng chí Bùi Khương ^[1], Lê Lộc, Trần Xu v.v... ở Hà Tĩnh chạy

sang Xiêm, Tỉnh ủy đã mời các đồng chí vào U-đơn nghỉ ngơi, dưỡng sức, đồng thời để thông báo với Tỉnh ủy về tình hình trong nước. Vừa khéo lúc đó đồng chí Tản Anh bị trục xuất từ Vân Nam (Trung Quốc) qua Miến Điện đến Xiêm. Anh Tản Anh vốn là cán bộ lãnh đạo trong Tổng bộ **Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội** trước đây, có chân trong hội nghị hợp nhất thành lập **Đảng Cộng sản Việt Nam**. Anh em hoạt động ở Xiêm rất tin tưởng anh và biết anh là cán bộ lãnh đạo có năng lực và gần gũi với Hồ Chủ tịch nhiều, rất được Bác tin cậy. Tỉnh ủy đem vấn đề bàn bạc với anh Tản Anh. Mọi người đều nhất trí rằng nên thành lập một ban gồm mấy đồng chí ở trong nước mới chạy sang để xúc tiến việc viện trợ cách mạng Đông Dương. Nhiệm vụ của ban này là:

- Xếp đặt chỗ ăn ở, bồi dưỡng sức khỏe, bảo đảm an toàn cho các đồng chí cách mạng trong nước chạy ra.
- Mở lớp huấn luyện cho những đồng chí còn yếu về lý luận và kinh nghiệm công tác để khi trở về nước sẽ hoạt động tốt hơn.
- Tạo mọi khả năng để các đồng chí về nước càng sớm càng tốt, gây dựng lại cơ sở.

Còn việc liên lạc giữa các đồng chí với Trung ương **Đảng Cộng sản Đông Dương** ^[2] thì Tỉnh ủy sẽ báo cáo với Xiêm ủy và đề nghị Xiêm ủy hết sức giúp đỡ.

Bàn bạc xong, chúng tôi thu xếp cho đồng chí Tản Anh đi Trung Quốc, mặt khác báo cáo lên Xiêm ủy về các chủ trương nói trên. Xiêm ủy hoàn toàn nhất trí, coi việc viện trợ cách mạng Đông Dương là một nhiệm vụ quốc tế

của Đảng Cộng sản Xiêm, và giao cho Tỉnh ủy U-đơn thực hiện nhiệm vụ này.

Để thực hiện những nhiệm vụ kể trên, đầu năm 1932, Tỉnh ủy U-đơn đã phân công đồng chí Tiến và đồng chí Hải tổ chức **Đông Dương viện trợ bộ** để đẩy mạnh các mặt công tác. Sau một thời gian hoạt động, **Đông Dương viện trợ bộ** đã thu được một số kết quả như sau:

- **Bảo đảm đời sống cho các đồng chí trong nước chạy ra.**

Vận động kiều bào hăng hái nhận nuôi cán bộ trong nước ra, và quyên góp được hơn 5.000 đồng bạc Xiêm để chi phí cho việc cần thiết giúp đỡ cách mạng trong nước ^[3] .

Những người chạy ra hồi này gồm có các đồng chí trong phong trào Xô-viết Nghệ-Tĩnh; nhóm Vòng Hồng là những người cách mạng ở Nghệ An, vì có sự bất đồng với Đảng bộ tỉnh Nghệ An hồi ấy. Ngoài ra còn một số anh em hoạt động ở Lào, bị Pháp lùng bắt, cũng chạy sang Xiêm. Những người mới chạy sang đều được kiều bào nuôi, bồi dưỡng sức khỏe, sau đó được đoàn thể bố trí tham gia sản xuất, làm ăn, chờ cơ hội trở về nước.

- **Tổ chức huấn luyện cho các đồng chí.**

Đa số anh em chạy sang Xiêm, tuy có tinh thần hăng hái, nhưng khi ở trong nước chỉ lo việc đấu tranh và chống khủng bố, nhiều người chưa được học tập về lý luận cách mạng. Chúng tôi lấy bản Luận cương chính trị của **Đảng Cộng sản Đông Dương** và Điều lệ tổ chức các hội quần chúng của Đảng do các anh Lê Lộc, Trần Xu mang sang làm tài liệu huấn luyện chính, để bồi dưỡng lý luận và phương pháp công tác

cho các đồng chí. Những tài liệu này đối với các đồng chí ở Xiêm cũng rất quý, vì từ khi thành lập Đảng Cộng sản Xiêm, Xiêm ủy vẫn thường vạch ra được cương lĩnh, điều lệ rõ ràng. Nhiều đảng viên Việt kiều ở Xiêm cũng tham gia học tập với các đồng chí trong nước chạy ra. Ngoài những tài liệu kể trên, Tỉnh ủy cung cấp thêm các tài liệu mà ở trong nước không có hoặc rất hiếm, như **Đường cách mệnh, Nhật ký chìm tàu, Gương Nga, Lịch sử tiến hóa của loài người**, v.v... mà Hồ Chủ tịch đã biên soạn để giảng dạy cho chúng tôi ở Xiêm trong năm 1928-1929.

Cách huấn luyện là để các đồng chí đọc tài liệu và liên hệ thảo luận, huấn luyện viên chỉ góp ý và kết luận. Các đồng chí có trình độ khá như anh Lê Lộc, Trần Xu là Tỉnh ủy viên Hà Tĩnh hồi ấy vừa học tập với anh em vừa góp phần như huấn luyện viên. Để giữ nguyên tắc bí mật, chúng tôi tổ chức huấn luyện thành những lớp riêng cho các nhóm anh em khác nhau. Nhóm Vùng Hồng, nhóm anh em ở Lào, nhóm Nghệ Tĩnh v.v...

- **Bố trí một số cán bộ về nước hoạt động.**

Trước khi đưa cán bộ về nước, một cuộc họp ở Bản Mày, Na-khon được triệu tập gồm các đồng chí Hải, Tiến, Lộc, Xu, Bùi Khương, tôi cũng tham gia với tư cách Bí thư Tỉnh ủy U-đon. Trong hội nghị, anh Hải báo cáo rằng: Xiêm ủy đã đồng ý lập Ban Chấp hành Trung ương **Đảng Cộng sản Đông Dương** để trực tiếp chỉ huy mọi việc của Đảng Đông Dương. Ban gồm năm người: Hải, Tiến, Lộc, Xu, Bùi Khương, Hải là Bí thư. Tôi nghe thấy khác với chủ trương đã được Xiêm ủy thông qua là: “Việc các đồng chí trong nước chạy qua Xiêm liên hệ với Trung ương Đảng Đông Dương sẽ do Xiêm ủy giúp đỡ”. Nhưng

vì anh Hải nói là ý kiến của Xiêm ủy, nên tôi chỉ biết thế, mà không nói gì thêm.

Khi lập xong Trung ương **Đảng Cộng sản Đông Dương**, Hải thường đi Na-khon gặp người từ Thà-khek qua. Tôi vẫn cho đó là việc của Đảng Đông Dương nên không hỏi. Nhưng sau một thời gian báo cáo với Xiêm ủy, thì Xiêm ủy nói đó là chủ trương của Hải, chứ không phải chủ trương của Xiêm ủy. Xiêm ủy bắt Hải kiểm thảo và thi hành kỷ luật, cho Hải thoát ly khỏi **Đông Dương viện trợ bộ**.

Tháng 4-1932, anh Lê Lộc và mấy đồng chí khác về nước. Nhưng vừa về được vài tuần lễ, chưa kịp hoạt động gì thì bị bắt. Sau đó đồng chí Bùi Khương lại được phái về điều tra tình hình, chưa hoạt động được mấy thì bị lộ, phải chạy trở lại Xiêm.

Đầu năm 1933, đồng chí Trần Xu được bố trí đưa về Hà Tĩnh. Anh Xu đã nhen lại được phong trào, nhưng chưa được bao lâu thì bị bắt. Sau khi các đồng chí Hà Tĩnh bị bắt, Tỉnh ủy U-đơn tổ chức lại Đông Dương viện trợ bộ, gồm ba đồng chí Tiến, Ba Đốc và Tài, để tiếp tục mọi việc. Đồng chí Tiến là người phụ trách chính.

Cuối năm 1933, **Đông Dương viện trợ bộ** phái đồng chí Hoàng Lùn về nước để nắm tình hình. Đồng chí đã tích cực hoạt động, mở được một lớp huấn luyện 15 anh em. Nhưng sau đó đồng chí bị ốm nặng, được đưa vào nhà thương Vinh rồi mất ở đấy.

Năm 1934, đồng chí Ba Đốc và đồng chí Bùi Khương lại về Nghệ-Tĩnh. Anh Bùi Khương hoạt động ở Hà Tĩnh một thời gian thì bị bắt. Anh Ba Đốc hoạt động ở Nghệ An, đã liên hệ được với các đồng chí chưa bị bắt hoặc mới ra khỏi nhà tù, thành lập được Ban Tỉnh ủy Nghệ An, và liên hệ được với Đông Dương viện trợ bộ ở Xiêm.

Năm 1935, khi Đại hội lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Đông Dương

họp ở Ma-cao, đồng chí Ba Đốc được cử đi dự Đại hội với tư cách là đại biểu Trung kỳ.

- **Gây dựng phong trào cách mạng ở Lào.**

Từ năm 1930, Tỉnh ủy U-đon đã giúp đỡ Chi hội **Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội** ở Viêng Chăn thành lập Chi bộ của **Đảng Cộng sản Đông Dương**. Khi cách mạng ở Lào bị khủng bố, **Đông Dương viện trợ bộ** đã phái hai đồng chí Chấn và Chỉ sang Lào, hoạt động ở mỏ Bò-nèng và Phong-chiu, đặt liên lạc với các cơ sở Việt kiều ở Thà-khéc, Xa-văn-na-khệt và Pác-xê.

Tháng 9 năm 1934, **Đông Dương viện trợ bộ** đã lãnh đạo các cơ sở Đảng ở Viêng Chăn, Phong-chiu, Bò-nèng, Thà-khéc, Xa-văn-na-khệt và Pác-xê cử đại biểu về họp Đại hội thành lập Ban Xứ ủy Ai-lao lâm thời.

Năm 1935, khi Đại hội của **Đảng Cộng sản Đông Dương** họp ở Ma-cao, Xứ ủy Ai-lao đã cử đồng chí Nguyễn Văn Xô làm đại biểu Lào đi tham dự.

Những việc làm kể trên đã góp phần quan trọng vào việc củng cố lại hàng ngũ Đảng, qua cuộc Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng họp ở Ma-cao tháng 3-1935 do Ban chỉ huy ở ngoài của **Đảng Cộng sản Đông Dương** triệu tập.

*

Riêng về phần Đảng Xiêm, trong Xiêm ủy cũng có một sự thay đổi. Cuối năm 1933, anh Ngô Chính Quốc bị bắt ở Băng-cốc rồi bị đương cục Xiêm dẫn độ cho Pháp, tôi được chỉ định vào Xiêm ủy và phải đi Băng-cốc để trực tiếp tham gia công tác của Xiêm ủy. Được bổ sung vào Xiêm ủy và được đi Băng-cốc, đối với tôi là một việc rất phấn khởi, nhưng đến Băng-cốc phải sắp xếp công ăn việc làm như thế nào lại là một việc rất gay go. Khi ở Đông Bắc, tôi làm việc dạy học, ăn cơm của đoàn thể, thỉnh thoảng anh em **Tổ Hợp tác** lại cho năm ba đồng để tiêu vặt. Khi được điều động vào Băng-cốc, thì đoàn thể cấp cho 40 đồng bạc để tự mình lo liệu lấy cuộc sống. Đây là qui định chung, trước kia anh em khác đi công tác độc lập lâu ngày ở một địa phương xa cũng đều được cấp một món tiền như thế.

Vào Băng-cốc, vấn đề ngôn ngữ đối với tôi không phải là khó lắm, vì từ năm 1930, sau khi chuyển sang thành Đảng Cộng sản Xiêm tôi đã cố học chữ Xiêm và tiếng Xiêm. Tôi tự học và nhờ anh em thanh niên thạo chữ Xiêm bày cho tôi cách đọc. Tôi thường tìm những quyển sách tập đọc như quyển giáo dục công dân, hoặc tìm các bài, các tin tức trong các tờ báo hàng ngày để đọc và nhờ anh em uốn nắn cho về âm điệu, rồi tự mình đọc đi đọc lại nhiều lần, đọc to tiếng và rành mạch như kiểu đọc ở trong đài phát thanh hàng ngày. Còn nhớ hồi năm 1933 lúc Pha-da Pha-hôn Phôn-pha giu-hạ-xẻ-na^[4] là Thủ tướng Xiêm, cần nói tên Thủ tướng cho đúng, tôi đã phải luyện tập luôn mấy tuần mới nói được thật đúng như người Xiêm.

Vấn đề khó khăn nhất là vấn đề sinh sống. Xuất thân từ một nhà nho nghèo, lớn lên thì đi học, rồi tham gia cách mạng, tôi không có một nghề nghiệp gì trong tay.

Khi mới đến Băng-cốc, Xiêm ủy tạm xếp cho ở nhà một đồng chí giáo viên

người Hoa dạy trường tư. Nhưng ở một thời gian thấy đồng chí này thu nhập không đủ tiền thuê nhà và nuôi vợ con, tôi phải hết sức nghĩ cách kiếm nghề gì làm ăn để tự túc về sinh hoạt. Điều tra nghiên cứu mãi, mới phát hiện ra chỉ có việc bán báo là không đòi hỏi phải có kỹ thuật, không mất vốn nhiều mà lại có thể kiếm đủ ăn, và có điều kiện gần gũi quần chúng. Với 40 đồng bạc trong tay chỉ có thể làm nghề này.

Hồi ấy ở Bắc-cốc có hai loại báo hàng ngày. Loại báo nhỏ phải mua của nhà xuất bản mỗi số nửa xu, bán được một xu; loại báo lớn mua mỗi số ba xu, bán được năm xu.

Lần đầu tiên làm nghề bán báo, tôi không thể nào cất tiếng rao giữa phố đông người. Ngày thứ nhất, tôi mua 50 tờ báo nhỏ, cắp vào nách như một cậu học trò, đi đến từng nhà, đứng trước cửa mời người trong nhà ra mua báo. Cứ như thế, chỉ chạy độ hai tiếng đồng hồ là đã bán được hết 50 tờ báo, kiếm lãi 25 xu.

Nhưng cách bán này chỉ làm được mấy hôm, về sau mời cũng chẳng mấy ai mua nữa. Tôi bắt đầu phải học cách rao như các bạn đồng nghiệp khác.

Trước hết thử rao ở một quãng đường thật vắng người, vài ba hôm sau quen dần, thì mới rao ở phố đông người.

Anh em bán báo thường đến sở phát hành rất sớm, nhận vài trăm tờ, và nhanh nhẩu chạy đi bán khắp nơi, mỗi ngày họ kiếm được vài ba đồng, đủ nuôi vợ con. Về phần tôi chỉ cần mỗi ngày độ năm sáu hào là đủ sống. Tôi không phải cạnh tranh với các bạn đồng nghiệp. Mỗi buổi sáng tôi đến chỗ phát hành, lấy một tờ báo xem trước, xem có tin tức gì hấp dẫn, nếu có thì mua độ ba bốn mươi tờ, không thì mua độ hai mươi, hăm lăm tờ báo lớn.

Khi bán báo, tôi cứ đi thong thả, rao rõ những tin hấp dẫn đó thì dẫu đi qua chặng đường mà các bạn đồng nghiệp đã rao bán rồi, tôi vẫn bán được. Bình quân mỗi ngày kiếm được năm sáu hào, cũng có ngày kiếm được một đồng.

Như vậy đời sống vật chất của tôi có thể tự túc khá phong lưu. Tiền nhà mỗi tháng hai đồng, tiền cơm ăn ở quán hàng ngoài phố mỗi tháng mất từ ba đến năm đồng, tiền thuốc lá mỗi tháng một đồng rưỡi, còn lại là tiền xe điện để hoạt động cách mạng, tiền tiêu vặt và dành dụm phòng khi bất trắc. Mỗi ngày đi bán báo hết khoảng ba giờ là xong, tôi về phòng riêng tắm giặt rồi đi nghỉ ở vườn hoa hoặc ở quảng trường hoặc đi làm việc.

Hồi này người Việt ở Băng-cốc chỉ có anh Tăng và tôi. Vì đồng chí Bí thư Xiêm ủy bị ốm, anh Tăng phải quyền chức Bí thư phụ trách việc liên lạc với Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương và việc viện trợ cách mạng Đông Dương nói chung; tôi phụ trách công việc tuyên truyền của Xiêm ủy, nhưng công việc cũng không nhiều lắm, chỉ theo dõi các tờ báo Đảng ở địa phương và dịch các bài do anh em đảng viên người Hoa viết bằng tiếng Trung Quốc ra tiếng Xiêm trong dịp các ngày lễ quốc tế như Ngày Quốc tế Phụ nữ (8-3), Ngày Quốc tế Lao động (1-5), Ngày Cách mạng Tháng Mười Nga (7-11) v.v.. Ngoài ra, trong lúc đi bán báo hoặc trong lúc gặp gỡ công, nông và quân chúng lao động Xiêm thì làm việc tuyên truyền miệng.

Năm 1934, phong trào cách mạng Xiêm có phần phát triển. Ở Băng-cốc có ba cuộc bãi công của công nhân các nhà máy xay, công nhân xe lửa và công nhân lái xe ô-tô. Những người bãi công phần lớn là công nhân người Hoa, cũng có một số ít người Xiêm, nói chung là tự phát, những đảng viên người Hoa chỉ tác động vào các cuộc đấu tranh này một phần nào thôi.

Ở Đông Bắc, thì đảng viên người Việt hoạt động sát với người Xiêm hơn. Các tổ chức **Thanh niên cộng sản, Công hội, Nông hội** tuy còn nhỏ bé, nhưng đã có nhiều nơi, đồng thời đã có những cuộc đấu tranh nhỏ của nông dân đòi giảm thuế hoặc chống chế độ phu dịch. Đáng chú ý hơn là cuộc đấu tranh của học sinh Trường Sư phạm trung cấp Khô-rát với hàng trăm người

tham gia để chống chế độ nội trú hà khắc, chống việc cấm đọc báo chí. Cuộc đấu tranh đã bắt buộc nhà trường phải nhượng bộ.

Nhìn chung, phong trào tuy có tiến bộ, nhưng phương hướng đấu tranh vẫn chưa rõ ràng, nếp hoạt động thường vẫn là đến các ngày kỷ niệm quốc tế thì phát truyền đơn, treo cờ đỏ, hoặc tập hợp một số người trong phạm vi nhỏ kêu gọi làm cách mạng.

Từ năm 1932, 1933, chính quyền Xiêm đã bắt đầu khủng bố cộng sản, nhưng ở Băng-cốc, anh em đảng viên người Hoa thường là hoạt động trong phạm vi người Hoa, tuy cũng bị khủng bố, nhưng người Hoa rất đông^[5] nên không dễ tìm ra manh mối. Còn Đông Bắc thì Việt kiều tập trung ở một số địa phương như Na-khon, Xa-côn và U-don, nên mỗi lúc có hoạt động là đều có Việt kiều bị bắt, vì đương cục Xiêm cho là chỉ có Việt kiều làm. Có khi cảnh sát mang sẵn truyền đơn nhặt được ở ngoài đường ngoài phố, rồi xộc vào nhà Việt kiều, đưa truyền đơn trong người ra để bắt. Tình hình đó đã làm cho anh em Việt kiều thắc mắc. Nếu cứ làm thế này mãi, mỗi lần phát truyền đơn lại bị bắt bớ dần mòn, rồi sẽ đi tới đâu? Tuy vậy không ai nói ra. Đến lúc ở nhà tù Băng-khoảng, năm 1936–1937, anh em mới đưa vấn đề ra tranh luận, nhưng không đi đến kết quả gì, vì có người lấy cớ rằng không có Xiêm ủy là không thể thảo luận.

Hồi 1934, Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng ở Hương Cảng thường gửi về Xiêm một số báo chí, tờ **Bôn-sê-vích** nêu cao tinh thần đấu tranh không khoan nhượng. Có bài phê phán một đồng chí chủ trương rằng nơi nào mới khôi phục được một chi bộ thì chưa nên tổ chức quần chúng đấu tranh ngay, cho đó là chủ trương hữu khuynh.

Riêng tôi, lúc đó tuy chưa có tư tưởng chiến lược và sách lược, nhưng vẫn nghĩ rộng, cách hoạt động như thế này, nếu như trong xã hội người Hoa hoặc ở trong nước có quần chúng đông đảo hàng triệu người, thì còn có thể hoạt

động được kín đáo; còn như Việt kiều ở Đông Bắc vẫn vẫn có độ vài ba vạn, mà những nơi tập trung khá đông như ở U-đơn, Xa-côn, Na-khon, cũng mỗi nơi độ mấy nghìn người, nếu đương cục cứ thẳng tay khủng bố thì chắc chắn cơ sở dễ bị tan rã. Vì vậy trong dịp tháng 5 năm 1934, anh Tăng đi Hương Cảng họp hội nghị mở rộng của Ban chỉ huy ở ngoài của **Đảng Cộng sản Đông Dương**, tôi đã trao đổi điều suy nghĩ này với anh Tăng, và đề nghị trình bày với các đồng chí lãnh đạo của Đảng. Khi anh Tăng trở về đến Băng-cốc cũng chỉ nói theo như tinh thần của báo **Bôn- sê-vích**, còn một người, còn đấu tranh. Điều suy nghĩ này mãi đến khoảng mùa hè năm 1935, tôi có dịp gặp anh Hà Huy Tập ở Nam Kinh mới trực tiếp trình bày được đầy đủ.

Hơn một năm phụ trách công tác tuyên truyền của Xiêm ủy ở Băng-cốc, tuy có làm được một ít việc, nhưng nhiều lần tôi đã bị đau đầu kịch liệt. Bệnh này tôi mắc phải từ năm 1923, hồi còn học ở trường huyện, hễ gặp lúc có nắng là choáng váng đau đầu, phải luôn luôn đeo kính dâm. Hồi tham gia lớp huấn luyện ở Quảng Châu cũng thường bị đau, mỗi ngày đều phải uống thuốc. Ở Băng-cốc trong hai năm tôi phải vào bệnh viện ba lần vì đau đầu cấp tính. Vì vậy tôi xin phép Xiêm ủy cho đi Trung Quốc chữa bệnh với lý do là ở Trung Quốc điều kiện thuốc thang có thể tốt hơn ở Xiêm, đồng thời tôi có thể nhờ ông Hồ Học Lãm, một người yêu nước Việt Nam cùng quê với tôi giúp đỡ trong việc chữa bệnh.

Được sự đồng ý và giúp đỡ của Xiêm ủy, khoảng đầu tháng 3 năm 1935, tôi rời Băng-cốc đi qua Trung Quốc.

Hoàng Văn Hoan

Giọt nước trong biển cả

Phần 3: Những năm tháng hoạt động cách mạng ở Trung Quốc (1935-1942)

P3 - Chương 1

Năm 1926, tôi qua Trung Quốc chỉ ở Quảng Châu độ hai tháng dự lớp huấn luyện và tham gia Thanh niên cách mạng đồng chí hội rồi về nước công tác. Lần này qua Trung Quốc là được Xiêm ủy đồng ý cho đi để chữa bệnh, nhưng vì tình hình thay đổi, tôi phải ở lại công tác ở Trung Quốc từ năm 1935 cho đến năm 1942, tất cả là bảy năm. Để tiện cho việc trình bày, tôi xếp các hoạt động vào trong hai giai đoạn theo địa điểm và thời gian khác nhau. Giai đoạn thứ nhất là **Từ Nam Kinh đến Côn Minh**, giai đoạn thứ hai là **Từ Côn Minh đến Pác Bó**.

Giai đoạn thứ nhất: Từ Nam Kinh đến Côn Minh (1935-1939)

Giai đoạn này kể từ khi rời khỏi Xiêm tháng 3 năm 1935 do đến đầu năm 1939. Những hoạt động trong thời gian này sẽ được trình bày trong các mục nhỏ sau đây:

- Trên đường đến Nam Kinh.
- Hoàn cảnh mới, công tác mới.
- Sinh hoạt và đấu tranh ở Nam Kinh.
- Mất mối liên lạc với Xiêm ủy. Ở lại Trung Quốc.

I. Trên đường đến Nam Kinh

Đầu năm 1935, sau khi được Xiêm ủy cho phép qua Trung Quốc chữa bệnh, tôi và Tăng bạc đầu cùng đi một chuyến tàu qua Hương Cảng.

Đi tàu vượt biên đối với tôi là lần thứ nhất. Trời biển mênh mang, trong lòng vô cùng khoan khoái, trông về phía trước, tiền đồ rạng rỡ, đầy hứa hẹn.

Lúc gần đến Hương Cảng, Tăng bạc đầu kéo tôi ra ngoài boong tàu cùng dựa lan can, và nói: Đến Hương Cảng, chúng ta sẽ chia tay nhau. Tôi là người thuộc đường và thạo tiếng, không có điều gì lúng túng. Anh chưa chuộc đường, chưa thạo tiếng, nhưng cũng không ngại lắm. Lúc tàu đến bến, thả neo rồi sẽ có nhiều thuyền nhỏ, nhiều ca-nô đến đón khách, anh cứ xuống một chiếc ca-nô nào đấy cũng được, họ sẽ đưa anh về một khách sạn. Ở đó anh sẽ mua một tờ Thương báo xem mục quảng cáo về thuyền bè, thấy có tàu đi Thượng Hải thì mua vé ngay ở khách sạn đó. Nên mua vé “tài xoong” là loại vé rẻ tiền nhất, nhưng cần chú ý mua vé thuyền nào đi đến tô giới Anh, đừng mua vé thuyền đến tô giới Pháp, dễ bị nguy hiểm. Đến Thượng Hải, sẽ thuê một chiếc xe tay kéo đến “Bắc xa trạm”, đó là ga xe lửa đầu của tuyến đường Thượng Hải - Nam Kinh. Đến Nam Kinh cũng thuê một chiếc xe tay kéo đến nhà số 10 ở Tam Sơn Lý, đó là nhà ông Hồ Học Lãm.

Nói thì giản đơn, nhưng khi vào thực tế thì không giản đơn. Vừa bước chân xuống tàu đi Thượng Hải thì đã thấy vấn đề ngay. Thường thường, những người hành khách mua vé rẻ tiền, trước khi xuống tàu đã chuẩn bị thức ăn sẵn như củ cải muối, đậu phụ nhự v.v., và mang sẵn chăn chiếu. Họ xuống tàu sớm để chiếm chỗ tốt, đỡ bị sóng gió. Mình chẳng biết gì cả, đến nơi thấy quang cảnh mà ngao ngán, những chỗ tốt người ta đã chiếm và rải chăn chiếu sẵn, chỗ còn lại là những chỗ đầu sóng ngọn gió và là lối đường đi lại của mọi người. Đầu xuân, trời còn rét, gió biển thổi đều, trong người cảm

thấy buốt lạnh, chưa biết tính ra sao.

Một bà già Quảng Đông đoán hiểu tâm sự tôi, có phần ái ngại. Sau khi chuyện trò thăm hỏi, tôi tự xưng là một Hoa kiều Quảng Đông, lần đầu tiên ở nước ngoài về nước, nên bà rất thương và hết lòng giúp đỡ. Bà giúp gọi người phục vụ ở tàu đến nói chuyện, thuê cho một chiếc giường xếp hết hai đồng, và đặt cho một suất cơm năm ngày hết năm đồng, và cho mượn một chiếc chăn bông của bà. Cả trong thời gian ở dưới tàu, bà thấy tôi có gặp khó khăn gì, đều tích cực giúp đỡ.

Hôm đến Sơn Đầu, tàu cập bến mấy tiếng đồng hồ để lấy khách, lấy hàng và mua thêm thức ăn cung cấp cho hành khách. Bỗng có một người thiếu nữ đến trước mặt, đưa cho tôi một cái quạt. Tôi không hiểu tại sao trời lạnh thế này mà người ta lại đưa quạt, luýnh quýnh không biết đối phó ra sao, bà cụ liền dùng tiếng Quảng Đông nói gì với cô thiếu nữ ấy một hồi, cô ta bỏ đi, đến trước mặt người khác lại chia quạt ra, mọi người đều làm thinh, tỏ vẻ không cần. Cuối cùng một người đàn ông đứng tuổi nhận lấy cái quạt, mở ra xem, rồi nói một câu gì đấy, cô thiếu nữ quay mặt về phía sau, ra hiệu gọi anh kếp gảy đàn đến. Tiếng đàn và tiếng hát cùng nổi lên, hát khá hay, mọi người trong tàu nghe đều có phần chú ý. Hát xong, người đàn ông cho cô ta mấy hào. Bấy giờ mới vỡ lẽ, đây là một cô gái hát, cái quạt mà cô ta đưa cho người xem là một bản ghi các bài hát, điệu hát mà cô ta có thể hát được để cho khách chọn.

*

Tàu gần đến Thượng Hải, trông lên thấy san sát những lầu cao nhà lớn, đường sá rộng, xe cộ đi lại như thoi đưa. Người trên các đường gần bờ sông đông như kiến. Cảnh rất đẹp mắt, nhưng lòng mình vẫn phập phồng, nửa

mừng nửa lo. Khi tàu chuyển mình ghé vào bến, trông thấy trên một tòa nhà cao có lá cờ tam tài bay phất phới. Thôi! Đây là tô giới Pháp rồi!

Không hiểu vì sao lúc mua vé người ta bảo tàu vào tô giới Anh, mà bây giờ lại cập bến tô giới Pháp? Thôi sự việc đã đến thế đành phải tự nhiên, bình tĩnh để nghĩ cách ứng phó.

Trước kia, đã từng được nghe câu chuyện Bác Hồ bị cướp ở Thượng Hải; Bác cũng từ Hương Cảng đến Thượng Hải, lúc đến bến, thuê một chiếc xe ngựa đưa tới chỗ ở, thì chính chiếc xe ngựa đó là của bọn cướp bố trí để đánh lừa khách. Nó đưa Bác đến một ngõ hẻm, dừng xe lại, chỉ cho Bác đi vào một gian nhà ở phía sau, mấy đứa trong bọn chúng lục soát người Bác rất kỹ, chỉ thấy có năm đồng bạc, chúng kêu lên một tiếng “thằng ma dói”, thúi một quả đấm, rồi đẩy Bác ra. Vì tình hình trộm cướp ở Thượng Hải, Bác đã biết trước, nên có mấy trăm bạc, Bác đã lót vào trong bát tất, chúng không tình thấy. Tôi cũng học kinh nghiệm đó, có mấy chục bạc đã giấu vào một chỗ kín, nên về vấn đề trộm cướp không sợ lắm, mà chỉ lo ở tô giới Pháp có thể xảy ra vấn đề gì không may.

Lên bờ, tay xách một cái va-li nhỏ, trong chỉ có một chiếc quần ngắn và một bộ quần áo lót, lướt qua một dãy xe kéo đỗ sẵn hai bên đường để đón khách, ra về tự nhiên, hình như là một người đã quen thuộc lắm ở Thượng Hải. Đi một đoạn độ vài trăm thước, thấy một ông cụ già đang kéo chiếc xe không đi lang thang, trông vẻ mặt biết là người hiền lành, thật thà, tôi liền vẫy tay gọi đến rồi lên xe, rút trong túi một mảnh giấy viết sẵn ba chữ “Bắc xa trạm” đưa cho ông, ông xem xong, gật đầu một cái, rồi kéo đi ngay. Qua mấy dãy phố bỗng có một người khỏe mạnh kéo chiếc xe không, chạy song song với ông, hai người nói với nhau gì đấy. Tôi đâm hoảng, đang suy nghĩ thì cả hai chiếc xe cùng dừng lại, ông già chỉ vào chiếc xe kia, rồi giơ hai ngón tay cho tôi xem và ngả bàn tay ra trước mặt tôi. Tôi hiểu là ông đòi hai hào tiền xe.

Bây giờ mới rõ vì đường xa, ông già không đi được, nên đã gọi người kéo xe khỏe mạnh kia, chuyển khách cho nhau. Đó là thói quen trong nghề nghiệp của những người kéo xe.

Đi qua mấy dãy phố khỏi tô giới Pháp đến đất Trung Quốc, lại qua mấy dãy phố nữa, nhìn về phía trước đã thấy ba chữ “Bắc xa trạm” hiện ra rõ ràng trên một tòa nhà, đó là nhà ga Thượng Hải. Đến ga, người kéo xe dừng lại và giơ tay đòi tiền. Ở trên tàu thủy tôi đã chuẩn bị đổi mấy đồng bạc ra tiền hào để sẵn trong túi, liền lấy ra bốn hào đưa cho anh ta, anh ta lắc đầu, tôi đưa hai hào nữa, anh ta lại lắc đầu, tôi đưa thêm hai hào nữa, anh ta gật đầu, cười một cách vui vẻ, rồi kéo xe đi.

*

Ở Bắc xa trạm, chờ độ ba tiếng đồng hồ thì mua được vé và lên tàu đi Nam Kinh. Tàu sắp đến Hạ Quan (ga ở Nam Kinh), thì những người phục vụ các khách sạn đã nhảy lên xe giành khách. Một người đến gần bên tôi hỏi có ở khách sạn không? Tôi gật đầu, anh ta liền dán miếng giấy có nhãn hiệu của khách sạn vào chiếc va-li của tôi, và như vậy mọi việc đi từ ga đến khách sạn họ sẽ thu xếp.

Nhà khách sạn này là một khách sạn loại vừa ở một phố nhỏ, cách ga gần một cây số. Đến khách sạn vào khoảng bảy, tám giờ tối, người phục vụ đưa tôi vào một cái phòng chỉ cho ở đấy, rồi một chốc thì có cơm mang đến. Ăn cơm xong, tôi chuẩn bị nghỉ, thì một phụ nữ đã đứng tuổi xách một cái thùng sơn son để vào dưới gầm giường, im lặng bước ra. Lại một người phụ nữ nữa bước vào, tôi tưởng đây lại là một người phục vụ khác đến có việc gì, không ngờ chị này đến ngồi sát ngay người tôi, cười nói vồn vã, rồi khoác tay ôm lấy tôi. Bây giờ mới biết đây là gái điếm, tôi liền đứng phắt dậy, đẩy

nhẹ chị ta ra ngoài cửa, đóng cửa lại, xem xét qua trong phòng một chút, rồi nằm nghỉ.

Đến Nam Kinh là đã đạt được chỗ mục đích, bây giờ không còn lo lắng về mặt chính trị nữa. Nhưng ngày mai sẽ như thế nào. Có đến được nhà ông Hồ Học Lãm như Tăng bạc đầu đã nói không? Không gặp được ông ấy thì sao? Suy nghĩ nhiều, nhưng khuya rồi, cũng đánh một giấc cho đến sáng.

Hôm sau dậy sớm, để chuẩn bị cho đoạn đường sắp đi. Chừng khoảng bảy, tám giờ, người phục vụ khách sạn gõ cửa vào hỏi có ăn cơm sáng không, tôi lắc đầu, và đưa ra một tờ giấy viết sẵn mấy hàng chữ Trung Quốc, đại ý nhờ khách sạn thuê cho một chiếc xe tay kéo đến số nhà 10 Tam Sơn Lý trong thành phố. Anh ta liền xuống dưới nhà đưa lên một tờ giấy kê rõ số tiền mình phải trả:

Tiền phòng: 3 đồng

Tiền cơm tối: 1 đồng rưỡi

Hành lý: 5 hào

Mã thùng: 5 hào

Tôi xem không hiểu mã thùng là gì, lấy bút đánh một dấu hỏi ở bên. Anh ta lấy tay chỉ vào cái thùng sơn son để dưới giường mà người phục vụ tối hôm qua đưa đến. Tôi lại viết mấy chữ hỏi cái thùng ấy để làm gì? Anh ta cười mở nắp thùng ra xem, rồi đập lại và lấy bút gạch bỏ chỗ ở trong giấy viết “mã thùng 5 hào”. Thế là tôi chỉ phải trả có năm đồng, nhưng đối với mình là một số tiền quá lớn, không thể tưởng tượng được. Sau này ở Nam Kinh mới biết mã thùng là một thứ thùng để người ta dùng trong khi đại, tiểu tiện. Từ Hạ Quan đến nhà ông Hồ Học Lãm đường dài độ chín cây số, thông thường thì người ta đi xe công cộng chỉ mất một hào, mình đi xe tay cố nhiên là sẽ mất nhiều hơn, nhưng lại là một dịp tốt để ngắm phong cảnh. Sau hơn một tiếng đồng hồ, thì xe kéo đến Tam Sơn Lý, dừng trước nhà ông Hồ

Học Lãm. Trả tiền xe xong, tôi bấm chuông, trong nhà có một bà đã đứng tuổi ra mở cửa, đó là bà Hồ Học Lãm, bà nói mấy câu tiếng Trung Quốc, nghe không hiểu gì cả. Tôi hỏi lại bằng tiếng Việt: Đây có phải là nhà ông Hồ Học Lãm không? Biết là người Việt, bà ấy hỏi lại tôi bằng tiếng Việt: Ông là người ở đâu, có việc gì, đến hỏi ai ở đây? Tôi nói: Tôi là bà con ông Hồ Học Lãm, nhân có việc qua đây, muốn vào thăm ông. Bà ta liền đưa tôi vào nhà. Hôm ấy, vừa khéo là ngày chủ nhật, ông Hồ Học Lãm ở nhà, nên vào nhà thì gặp ngay.

Nguyên ông Hồ Học Lãm là người cùng làng với tôi, cháu cụ Hồ Bá ôn, án sát tỉnh Nam Định, hy sinh năm 1883 trong khi chống Pháp để giữ thành Nam Định. Ông cũng là chú của đồng chí Hồ Tùng Mậu, và mẹ ông là bà Lua, một người tích cực tham gia cách mạng trong thời kỳ Văn Thân, đã từng bị bắt giam và bị tra tấn rất tàn nhẫn mà vẫn không chịu khuất phục. Lúc 16, 17 tuổi, tôi thường hay đến nhà bà cụ, nghe chuyện cách mạng, vì vậy tình hình trong nhà đó, tôi rất hiểu biết. Khi gặp ông Hồ Học Lãm là tự nhiên nói đến tình hình gia đình, tình hình làng xóm, tình hình trong nước và sự dặn dò của bà cụ trong trường hợp đi ra ngoài có dịp gặp ông. Qua một hồi trò chuyện, ông Hồ đã biết rõ về tôi và khuyên tôi cứ yên tâm ở nhà ông.

^[1]tức Liễu Hán

^[2]cuối năm 1930 Đảng Cộng sản Việt Nam đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương

^[3]lúc này giá bạc Xiêm ngang giá với bạc Đông Dương

^[4]Phraya Phahon Phonphayuhasena (1887-1947)

^[5]hơn một triệu ở Băng-cốc

Hoàng Văn Hoan

Giọt nước trong biển cả

Phần 3: Những năm tháng hoạt động cách mạng ở Trung Quốc
(1935-1942)

P3 - Chương 2 & 3

II. Hoàn cảnh công tác mới

Lúc đó ở Nam Kinh, có độ vài chục người Việt Nam, gồm mấy loại: Có người cách mạng như anh Lê Thiết Hùng, con rể chưa cưới của ông Hồ Học Lãm, anh Cao Hồng Lĩnh trong nước mới ra, ở nhà một người Hoa kiều; có người đồng tình ủng hộ Đảng như gia đình ông Hồ Học Lãm và bốn anh em Việt Quốc chống tụi Nguyễn Thế Nghiệp và Vũ Hồng Khanh, từ Vân Nam đến là Đông A, Đỗ Đăng Trình, Lê Quốc Trụ ^[1] và Từ Chí Kiên ^[2]; có người lòng khùng như ông Trần Trọng Khắc mới ở nước Đức phát-xít về; cũng có người đã làm mật thám cho Pháp từ Xiêm trốn sang như Đặng Nguyên Hùng. Ngoài ra còn có một Biện sự xứ của Việt Quốc, đứng đầu là Vi Đăng Tường cũng gọi là Vi Chính Nam và một chàng thanh niên là Nghiêm Kế Tổ đang chuẩn bị đi học trường đặc vụ của Tưởng Giới Thạch. Đặng Nguyên Hùng và Trần Trọng Khắc cùng ở chung nhà với ông Hồ Học Lãm, còn Lê Thiết Hùng thì làm trung đội trưởng ở Giao thông binh đoàn, một vài tuần mới về nhà một hôm.

Tháng 4 năm 1935 lại đến thêm hai người nữa là anh Hải và anh Văn. Hải là người đã cùng tham gia lớp huấn luyện với tôi ở Quảng Châu từ năm 1926, sau được giới thiệu đi học ở Liên Xô. Văn là một đồng chí người Xiêm, đã chịu ảnh hưởng của Đảng và tham gia phát truyền đơn chống chính quyền

độc tài ở Xiêm, mà tôi đã gặp mấy lần ở Băng-cốc nay lại gặp lại.

Sau một thời gian, trao đổi ý kiến với anh Hải, chúng tôi quyết định tổ chức một lớp huấn luyện tại nhà ông Hồ Ngọc Lãm. Tôi, anh Cao Hồng Lĩnh và mấy anh em Việt Quốc có cảm tình với Đảng tham gia, Hải phụ trách huấn luyện.

Lớp huấn luyện chỉ độ hơn một tháng nhưng đối với tôi là một thu hoạch lớn. Đã mười năm làm cách mạng, sau lớp Quảng Châu, được nghe lý luận cách mạng tương đối có hệ thống, như tính chất cách mạng, lực lượng chủ yếu của cách mạng, đồng minh của cách mạng, chính sách mặt trận, kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của Liên Xô, vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê-nin, duy vật biện chứng, v.v... Mỗi lần nghe xong, tôi lại tóm tắt tinh thần dùng tiếng Xiêm giảng lại cho anh Văn.

Tháng 8 năm 1935, các anh Cáp, Truật, Đại, Kỳ ^[3], Trinh, Đức, Lộc, Luận bị Chính phủ Xiêm trục xuất từ Băng-cốc đến. Ông Hồ Học Lãm trước kia đã phải nuôi mấy người chúng tôi, nay lại thêm tám người nữa, phần lớn đều do ông phụ trách. Thật là một gánh quá nặng, nhưng ông vẫn vui lòng và thường khuyên anh em đừng ngại.

*

Vào khoảng tháng 9 năm 1935, anh Nhỏ ^[4] đến Nam Kinh, đó là đại biểu của Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng, người tôi muốn gặp đã từ lâu, nay mới được gặp.

Nguyên khi tôi xin phép Xiêm ủy đi Trung Quốc chữa bệnh, mục đích là cốt để nhờ ông Hồ Học Lãm giúp đỡ chữa cái bệnh đau đầu đã hơn mười năm. Nhưng ngoài ra còn có một mục đích trọng yếu hơn là muốn có dịp được gặp các đồng chí trong Ban chỉ huy, để xin ý kiến về công tác cách mạng

Xiêm.

Sự thực, năm 1930 sau khi thành lập xong Đảng Cộng sản Xiêm thì đại biểu Quốc tế Cộng sản đã vội vàng đi Mã-lai, chưa kịp có những chỉ thị ường tận về các mặt công tác. Riêng bộ phận Đảng Việt kiều ở Xiêm, về mặt công tác viện trợ cách mạng Đông Dương thì làm rất tốt. Nhưng về mặt công tác cách mạng Xiêm, bộ phận Việt Nam nên làm thế nào cho phù hợp với hoàn cảnh của kiều bào là một vấn đề còn mơ hồ. Năm 1931, sau khi anh Đình mất, tôi thay anh Đình làm Bí thư Tỉnh ủy U-đon, năm 1933 đến Băng-cốc công tác lại được bổ sung vào Xiêm ủy^[5] và phụ trách bộ phận tuyên truyền. Nhưng thực ra, tôi cũng như Tăng bạc đầu, người Việt Nam đầu tiên được chỉ định vào Xiêm ủy ngay từ lúc thành lập, đều rất lúng túng, chưa mò ra đường lối nên làm thế nào?

Năm 1934, Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng thành lập ở Hương Cảng, tôi bàn với Tăng bạc đầu phái một cán bộ đi gặp Ban chỉ huy báo cáo và xin ý kiến. Lúc anh này ở Hương Cảng về, hỏi công tác thì nói lời mờ, chẳng ra đầu đuôi, mà Ban chỉ huy gởi cho chúng tôi năm trăm bạc thì hẳn không báo cáo, dút túi làm của riêng để phung phí trong sinh hoạt vật chất của hẳn. Sau Tăng bạc đầu lại đi gặp Ban chỉ huy, khi về Băng-cốc, tôi hỏi đến vấn đề công tác cách mạng Xiêm của bộ phận Việt kiều, anh ta chỉ nói: “Vẫn như tinh thần báo Bôn-sê-vích của Đảng, là còn một người, còn đấu tranh”.

Năm 1934, cũng chính là năm Việt kiều ta ở Xiêm đang bị khủng bố, ở các địa phương như Na-khon, U-thên, Pha-nôm, Mưòng-mục, v.v... cảnh sát Xiêm đã nhét truyền đơn vào nhà Việt kiều rồi bắt. Sự quan hệ giữa Xiêm với Ban chỉ huy ở ngoài, cứ như Tăng bạc đầu nói thì Ban chỉ huy được Quốc tế Cộng sản giao nhiệm vụ giúp chỉ đạo cả Đảng Mã-lai và Đảng Xiêm. Nay ý kiến của Ban chỉ huy được Tăng truyền đạt là như vậy, thì phương hướng hoạt động của kiều bào vẫn không thay đổi. Tôi nghe nói, có

ý nghi ngờ là khi Tăng báo cáo công tác Đảng Xiêm với Ban chỉ huy đã thôi phòng thành tích mà không trình bày hết hoàn cảnh khó khăn chăng? Với sự suy nghĩ như thế, tôi quyết định xin phép Xiêm ủy đi Trung Quốc chữa bệnh, đồng thời để tìm dịp liên hệ với Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng. Vì vậy khi được gặp anh Nhỏ, tôi hết sức mừng rỡ, coi đây là một dịp may mắn để trực tiếp báo cáo tình hình cách mạng Xiêm với cấp trên.

*

Lúc gặp anh Nhỏ, tôi tự giới thiệu và nói việc được phép Xiêm ủy cho qua Trung Quốc chữa bệnh.

Anh Nhỏ nói: Về lý lịch và yêu cầu của anh, chúng tôi đã biết.

Tôi nói: Về lý lịch của tôi chắc các anh biết rõ; nhưng về yêu cầu của tôi chưa chắc các anh biết hết. Anh hãy cho tôi trình bày:

Tôi lần này xin phép Xiêm ủy đến Trung Quốc là có ý muốn nhờ ông Hồ Học Lãm giúp cho điều kiện chữa bệnh. Nhưng qua một thời gian xem xét, tôi thấy khả năng đó không có. Một là vì ông Hồ Học Lãm lương bổng không có mấy mà phải giúp anh em đồng chí chúng ta rất nhiều, ở đây hiện nay có hơn mười anh em không có nghề nghiệp đều do ông giúp đỡ. Hai là điều kiện chữa bệnh ở Nam Kinh rất kém: Ở Băng-cốc tôi vào bệnh viện chữa bệnh mấy lần, đều được xếp vào loại “làm phúc”, nhưng ăn uống và chữa bệnh hầu như ngang với loại mất tiền hạng thường. Còn ở đây không có chế độ “làm phúc” như vậy mà các bệnh viện có thiết bị tốt như bệnh viện Trung Ương, bệnh viện Cổ Lâu thì mỗi ngày phải mất ít nhất năm, bảy đồng bạc, lấy đâu ra số tiền lớn như vậy mà chữa. Vì thế bây giờ tôi không nghĩ đến việc chữa bệnh nữa.

Anh Nhỏ nói: Việc chữa bệnh của anh, chúng tôi cũng đã nghĩ đến, định sẽ

xếp cho anh cùng đi Liên Xô với anh Văn, anh Hải, vừa được chữa bệnh, vừa được học tập, đồng thời có thể giúp cho việc học tập của anh Văn, mà Hải cũng cho tôi biết là anh có khả năng đó. Nhưng hiện nay đường đi Liên Xô khó khăn quá, chắc chắn còn phải chờ một thời gian.

Tôi nói: Anh nói thế tôi rất phấn khởi, nhưng tôi còn một yêu cầu khác nữa, anh cho tôi nói thêm, đó là yêu cầu về đường lối và chủ trương cho công tác cách mạng ở Xiêm.

Đảng Cộng sản Xiêm được thành lập năm 1930 chủ yếu là hai bộ phận Đảng Hoa kiều và Đảng Việt kiều gộp lại. Về phía Hoa kiều, các đồng chí không có cơ sở và ảnh hưởng nhiều trong quần chúng Xiêm. Về phía Việt kiều thì ảnh hưởng trong quần chúng Xiêm khá tốt. Có nhiều địa phương, quần chúng Xiêm muốn đấu tranh chống thuế, chống phu dịch, đều tìm cán bộ ta yêu cầu lãnh đạo; trong giáo giới có một số giáo viên tiến bộ rất khâm phục ta và cũng muốn được ta giúp đỡ trong việc hoạt động; một số vợ con Việt kiều là người Xiêm đều theo ta; nhưng đồng chí thực sự là người Xiêm thì không có mấy. Toàn bộ Việt kiều ta ở Xiêm có chừng trên dưới ba vạn, nhưng số người ta tổ chức được thì chỉ độ mấy nghìn, mà phần nhiều là tập trung vào các địa phương mà đương cục đã hoàn toàn biết rõ, như U-đon, Xa-côn, Na-khon Pha-nôm v.v... Nếu cách hoạt động của chúng ta như trước, cứ đến những ngày kỷ niệm quốc tế như Ngày Cách mạng Tháng Mười, Ngày 1 tháng 5, hoặc Ngày Khởi nghĩa Quảng Châu, Ngày Xô-viết Nghệ An, v.v... là phát truyền đơn; có vài chục người bán hàng ở chợ cũng bãi thị, có vài trăm người ở địa phương cũng biểu tình, và nếu Chính phủ Xiêm sẽ dùng biện pháp như nhét truyền đơn vào nhà để bắt người, hay quá hơn nữa dùng biện pháp khủng bố bắt hết cả mọi người như ở Phi-chật thuộc tỉnh Phi-xa-nu-lóc ở miền Trung nước Xiêm hồi tháng 9 năm 1930, thì cơ sở cách mạng của chúng ta chắc chắn là không thể bảo toàn, sự cống hiến đổi

với cách mạng Xiêm sẽ giảm đi, mà công tác viện trợ cách mạng Đông Dương cũng sẽ bị ảnh hưởng không thể lường hết được.

Về tình hình nói trên, tôi đã trao đổi ý kiến với Tăng bạc đầu cần phải báo cáo rõ với Ban chỉ huy và xin ý kiến. Không biết Tăng bạc đầu có báo cáo với các anh như thế không?

Anh Nhỏ nói: Tăng bạc đầu có báo cáo với chúng tôi về công tác cách mạng của Đảng Xiêm, nhưng không nêu vấn đề như anh vừa nói: Hôm nay, nghe anh báo cáo rõ, tôi thấy có nhiều chỗ đáng phải suy nghĩ. Nhưng trước mắt, tôi chưa thể trả lời được, rồi đây chúng tôi sẽ thảo luận, có ý kiến gì sẽ nói với anh sau.

*

Nói xong vấn đề công tác Đảng Xiêm, anh Nhỏ hỏi ý kiến tôi về việc ông Hồ Học Lãm muốn thành lập ở Nam Kinh một tổ chức cách mạng.

Tôi nói việc này ông Hồ đã trao đổi ý kiến với Hải và tôi. Mục đích ông muốn như vậy là cốt để cho địa vị chính trị của anh em ta ở đây được hợp pháp hóa, đồng thời cũng có ý muốn xin được sự giúp đỡ của Trung ương Quốc dân đảng Trung Quốc. Tôi nghĩ trong hoàn cảnh hiện nay nếu làm được như vậy thì rất tốt, nhưng tôi vẫn còn suy nghĩ, không hiểu trong việc này Hải có ý định gì không? Vì thấy Hải rất hứng thú và rất tích cực hoạt động, mà đối với Hải thì tôi có chỗ nghi ngại.

Anh Nhỏ ngắt lời tôi, tỏ vẻ ngạc nhiên, hỏi: Ngài ngại thế nào?

Tôi nói về việc Hải, tôi phải báo cáo dài một chút. Hải là một người đã cùng tham gia lớp huấn luyện với tôi ở Quảng Châu từ năm 1926, bí danh là P.V... Hồi ấy tôi đã nhận thấy anh ta là người thích ăn chơi. Xa cách nhau nhiều năm, tôi chắc anh ta đã tiến bộ nhiều. Nhưng lần này qua mấy tháng

gần gũi, tôi thấy ở anh ta có nhiều chỗ không ăn khớp với tư cách một người cách mạng.

Xin kể một số việc làm thí dụ:

- **Thiếu nghiêm chỉnh trong quan hệ nam nữ:** Anh ta thường hay nói chuyện về sinh lý có tính chất khiêu dâm trước mặt phụ nữ. Có lần, buổi tối đi chơi công viên, thấy một cô gái ngồi trên ghế đá, anh ta chạy thẳng đến ngồi bên cạnh, anh Văn và tôi phải phát ngượng. Có lần dạo phố thấy một cô nữ sinh đi từ phía trước đến, anh ta rào bước, đu đưa tay ngoặc vào tay cô nữ sinh. Thậm chí anh ta còn nói rõ, cả chuyện người mọc sừng mà chính anh ta là tác giả của việc mọc sừng ấy. Anh ta nói như vậy cốt để khoe cái tài chim gái của mình, nhưng có khi quá mồm, anh ta cũng khoe cả cái tài của người vợ anh ta ở trong nước trước kia đã chim thẳng cảm như thế nào để thoát khỏi việc tra xét của bọn lính cảm khi đi tàu từ Hà Nội về đến Nam Định.

- **Thiếu nguyên tắc trong việc đấu tranh:** Trước hết tôi muốn nói đến việc đấu tranh với ông Trần Trọng Khắc. Ông ta là một người xuất dương từ hồi Đông Du, khi bị Nhật đuổi về Trung Quốc được cụ Phan Bội Châu xếp cho qua Đức học trường thuốc đỗ bác sĩ. Lần này về Trung Quốc được Trần Nghi, Tỉnh trưởng tỉnh Phúc Kiến, nguyên là bạn học của ông ta, giúp cho mấy nghìn bạc, đang chuẩn bị mở một phòng khám bệnh ở Nam Kinh để lấy tiền. Ông ta vẫn biết anh em cách mạng ở Xiêm bị trục xuất đến đang gặp khó khăn, do một mình ông Hồ Học Lãm giúp đỡ, nhưng phớt lờ hình như không có chuyện gì. Anh Văn bị sốt cao nằm ngay trước phòng ông ta mà ông ta cũng không hỏi một câu, vì cái lý luận của ông ta mà người bệnh cần thầy thuốc, chứ thầy thuốc không cần người bệnh. Người như vậy là rất xấu, thật đáng chê trách. Một hôm, Hải bàn tính dùng bạo lực bắt ông ta phải xuất tiền cho anh em. Ý kiến này tôi không tán thành, nhưng lại được mấy anh em Vân Nam đồng ý. Hải bèn lợi dụng lúc tôi đi vắng, được sự ủng hộ của

bà Hồ Học Lãm, kéo mấy anh em Vân Nam đến uy hiếp Trần Trọng Khắc. Tôi đi phở về, nghe trên gác có tiếng chân đạp mạnh, chạy lên thì thấy Hải và mấy anh em mỗi người cầm một thứ hung khí thô sơ lăm lăm nhìn vào Trần Trọng Khắc. Trần hoảng quá, xin nộp hai chục bạc. Tôi thấy đây là một hành động vô chính trị, nếu không nói thì sẽ mất uy tín của Đảng, tôi liền bước ngay vào phòng, nói thẳng:

“Cụ Trần, anh em chúng tôi ở đây gặp khó khăn, rất cần được sự giúp đỡ, nhưng Đảng chúng tôi không bao giờ chủ trương dùng biện pháp uy hiếp để được sự giúp đỡ. Cụ hãy giữ lại số tiền, sau này nếu cụ cứ tự nguyện giúp thì sẽ đưa. Còn các đồng chí làm như thế này là không đúng chủ trương của Đảng, xin mời xuống nhà, có gì chúng ta sẽ bàn với nhau”. Nghe tôi nói xong, các anh em Vân Nam đều rút. Hải cũng rút luôn.

Lại một cuộc đấu tranh khác là đấu tranh với Đặng Nguyên Hùng. Một hôm, Đặng Nguyên Hùng mời mấy anh em Vân Nam ăn cơm để ly gián Đảng với mấy anh em đó. Mấy anh em đem vấn đề báo cáo với chúng tôi và xin ý kiến. Chúng tôi chủ trương dùng lời nói thẳng, cự tuyệt không nhận. Hải lại chủ trương cứ nhận, rồi lúc đến sẽ chọn những món ăn và rượu rất đắt tiền để đánh nó một mẻ về mặt kinh tế. Mấy anh em Vân Nam là những người mới giác ngộ theo Đảng, chưa có kinh nghiệm hoạt động chính trị, cho rằng Hải là người giỏi, người lãnh đạo, nên tiếp thu ý kiến của Hải ngay. Trước hôm đi ăn, họ đến hiệu ăn điều tra tên các món ăn và rượu quý, để hôm sau lúc đến ăn sẽ gọi những món đó. Nhưng Đặng Nguyên Hùng là một tay láu cá, khi các anh em gọi thức ăn, trước mặt hắn không nói gì, nhưng hắn chạy thẳng vào bếp bảo nhà bếp làm món ăn khác rẻ tiền hơn. Còn rượu thì lúc người phục vụ đưa ra hai chai, vừa mở xong một chai, thì hắn giật lấy chai kia xem nhãn hiệu, rồi không cho mở nữa. Thế là kế hoạch đả kích nó về mặt kinh tế không thực hiện được. Mấy anh em liền đứng dậy mắng nó một

hồi, rồi bỏ đi. Hành động này đối với Đặng Nguyên Hùng cố nhiên là một đòn nặng, nhưng đứng về mặt phong độ mà xét thì hành động như vậy, người chính trị đứng đắn không bao giờ làm.

- **Có hành động đáng ngờ trong hoạt động chính trị:** Một hôm Hải nói với tôi: Vì sao chúng nó ^[6] bảo sẽ đến, bây giờ đã mấy tháng rồi mà chẳng thằng nào đến. Có lẽ ở Hương Cảng có chuyện gì rồi. Chúng ta cần đưa mấy anh em Vân Nam đi Thượng Hải hoạt động, đồng thời để tìm hiểu tình hình Hương Cảng ra sao. Tôi nói việc đi này phải có chủ trương của tổ chức mới làm được, nhưng Hải không nghe, cứ bảo mấy anh em Vân Nam chuẩn bị in rô-nê-ô và hành lý lên đường.

Tôi liền đem vấn đề này bàn với anh Lê Thiết Hùng, nhất trí nhận định rằng cần phải ngăn chặn, nếu cứ để vậy mà xảy ra vấn đề gì thì chúng ta phải chịu trách nhiệm với cách mạng, với Đảng.

Bàn xong, chúng tôi mời cả Hải và mấy anh em Vân Nam đến nói chuyện: Việc các anh đi Thượng Hải lần này là một việc rất mạo hiểm, chúng tôi không tán thành vì Đảng không có chủ trương như vậy, chúng tôi khuyên các anh đừng đi; nếu các anh cứ tự tiện đi thì đó là hành động cá nhân của các anh, xảy ra chuyện gì Đảng không chịu trách nhiệm. Mấy anh em Vân Nam nghe nói như vậy đều chối, Hải cũng đành phải thôi.

Qua các sự việc nói trên, tôi nghĩ rằng Hải có thể đã là một người biến chất. Không hiểu trong thời gian công tác với các anh, các anh có thấy gì không? Nghe xong, anh Nhỏ vỗ vai tôi và nói rằng: Đúng! Anh là một người có con mắt chính trị. Đáng lẽ về tình hình anh ta, chúng tôi không định nói với anh, nhưng bây giờ anh đã thấy rồi, thì tôi cũng nói để anh rõ:

Năm 1926, sau khi huấn luyện ở Quảng Châu một thời gian, hần được giới thiệu đi Liên Xô học tập chính trị, rồi học tập kỹ thuật vô tuyến điện, tất cả là bảy năm. Trong thời gian học, hần yêu một người con gái Nga con tư sản,

bạn học và đồng chí khuyên hấn đừng lấy, hấn cứ lấy. Khi học được kỹ thuật vô tuyến điện rồi, hấn dùng vô tuyến điện đánh cho Đảng Pháp bức điện, phê bình Đảng Pháp không hết sức giúp cách mạng Đông Dương. Đảng Pháp không hiểu đầu đuôi ra sao, nhờ Liên Xô điều tra mãi mới biết là hấn đã làm bậy như thế. Khi hấn từ Liên Xô về nước, đi đến Hải-xâm-uy, chiếc tàu chuẩn bị cho hấn đi còn phải chờ một thời gian rồi mới lên đường, hấn tự tiện trở lại Mạc Tư Khoa để gặp vợ, rồi mua vé lại đi Hải-xâm-uy. Vì thấy hấn lung tung như vậy, nên chúng tôi không để hấn tham gia Đại hội Đảng. Hấn bất mãn, bí mật liên lạc với lãnh sự Pháp ở Hương Cảng để hòng bắt cả Đại hội. Lãnh sự Pháp mặc cả với hấn nếu bắt được thì sẽ thưởng năm vạn bạc và sẽ cho đi du lịch một vòng qua các nước châu Âu. Hấn không ngờ chúng tôi không họp Đại hội ở Hương Cảng, mà lại họp ở Ma-cau, nên hấn đã vô huyệt, không bắt được gì cả. Đã vậy, hấn còn định tiếp tục lộn sòng trong hàng ngũ cách mạng. Nhưng chúng tôi có manh mối đã theo dõi hấn và biết khá rõ việc làm của hấn. Đại hội họp xong, chúng tôi truy hấn, hấn phải thú thật và nói: Tao thấy Đảng túng tiền quá, nên định lừa thằng Pháp lấy một ít tiền cho Đảng dùng! Chúng tôi hỏi: Thế bây giờ anh định thế nào? Hấn nói: Tao sẽ viết bức thư chửi thằng Pasquier ^[7] một mẻ để cắt đứt quan hệ với Pháp, rồi chúng mày cho tao đi Liên Xô ở với vợ tao. Đảng bảo làm gì, tao cũng làm. Chúng tôi nghĩ ý kiến này có thể tiếp nhận được, vì đưa hấn đi nhờ Liên Xô quản thúc tốt hơn là để hấn ở với mình. Hôm sau, hấn đưa cho chúng tôi một bức thư gửi Pasquier đã viết sẵn, đại ý: Tao suốt đời trung thành với chủ nghĩa cộng sản, chỉ vì thiếu tiền, tao định lừa chúng mày lấy một số tiền, không ngờ chúng mày lại ngu ngốc đến nỗi cho đó là một cơ hội có thể phá được cách mạng. Cuối thư hấn vẽ một anh đứng trật b...ra, và đề bên cạnh một câu “Thằng Pasquier mút b... tao”. Chúng tôi lấy bức thư gửi thằng cho Pasquier, rồi cho hấn đưa anh Văn đến đây đợi ngày đi Liên

Xô. Nhưng việc đi Liên Xô bây giờ rất khó khăn, chưa biết bao giờ mới có thể đi được.

*

Nói xong việc P.V., anh Nhỏ nói tiếp: Lần này tôi đến đây cốt để ổn định tư tưởng hẳn; ngoài ra còn có một nhiệm vụ nữa là xem xét tình hình mấy anh em bị trục xuất đến đây như thế nào? Về việc này, anh có ý kiến gì không? Tôi nói: Anh em ở Xiêm bị trục xuất đến có tám người, trừ anh Luân và anh Đức là hai người ở trong nước bị khủng bố chạy sang Xiêm từ năm 1931, tôi chỉ gặp một vài lần, nên không biết rõ. Còn các anh khác là những đồng chí và quần chúng rất tốt. Hiện nay ở đây về mặt chính trị đã có ông Hồ Học Lãm bảo đảm, không ngại gì, nhưng về mặt kinh tế, nếu cứ để ông Hồ phụ đảm mãi chắc không ổn. Theo ý tôi, nếu có thể thì đưa anh em đi Hoa Nam sắp xếp công tác cho họ, được cả càng tốt, nếu không được thì cũng giải quyết cho một số người đồng thời nếu có thể, anh nên đưa ông Hồ một số tiền đỡ gánh nặng cho ông ấy.

Anh Nhỏ nói: Tôi đã suy tính, ở Hoa Nam trước mắt cũng có nhiều khó khăn, có thể đưa đi một số, còn nữa vẫn phải để ở đây và vẫn phải nhờ ông Hồ. Anh ở đây cần nhờ ông Hồ giúp anh em kiếm việc làm, mà nhất là giúp đỡ anh em về mặt sinh hoạt chính trị. Đồng thời phải tìm cách ổn định tư tưởng và chú ý theo dõi hành động của Hải. Việc ông Hồ muốn thành lập một tổ chức cách mạng để đăng ký với đương cục ở đây là một sáng kiến hay, anh có thể cứ bàn với Hải cùng giúp ông Hồ làm, nhưng phải đảm bảo là một tổ chức quần chúng có tính chất phản đế dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tôi cũng đã nói với Hải như vậy, anh không ngại.

Mấy ngày sau, anh Nhỏ rời Nam Kinh mang theo các anh Truật, Đại, Kỳ,

Trinh, Đông A và Đỗ Đăng Trình. Thế là số người ông Hồ phải phụ đảm đã giảm đi một nửa. Tôi và mấy anh em khác còn ở lại Nam Kinh.

III. Sinh hoạt và đấu tranh ở Nam Kinh

Mùa đông đã đến, vấn đề trước tiên đặt ra cho chúng tôi là vấn đề nhà ở của anh em. Nguyên khi anh em ở Xiêm đến phải tạm xếp ở nhờ nhà một người bản nông ở thôn Tân Dân, đối diện với ấp Giang Môn gần ga Hạ Quan, cách nhà ông Hồ độ sáu, bảy cây số. Là một cái nhà có thể nói là dưới không phen, trên không tranh, mùa hè còn ở được, mùa đông thì không tài nào chống nổi rét. Tôi và anh Cáp mất hơn một tháng chạy khắp Nam Kinh để tìm nhà, cuối cùng tìm được một gian rẻ tiền ở trung tâm thành phố, cách nhà ông Hồ không xa lắm. Mỗi tháng vừa tiền nhà, tiền điện nước phải trả sáu đồng rưỡi.

Vấn đề nhà xong, lại đến vấn đề áo rét. Anh em ở xứ nóng đến, chẳng ai có áo rét cả. Tôi nghĩ nếu ở nhà ông Hồ thì thật là bất tiện, đành phải nói với Đặng Nguyên Hùng vay nó một ít tiền. Nó trả lời rằng: Mình làm gì có tiền mà cho vay. Nhưng hôm sau nó đưa cho bà Hồ Học Lãm ba chục bạc và nói có vẻ nhấn cho chúng tôi biết: Chúng nó là cộng sản, chúng nó đã hiểu câu “không lao động thì không được ăn”. Bây giờ tôi giúp chúng nó hai tháng, mỗi tháng 15 đồng, sau hai tháng nếu chúng nó không kiếm được việc làm thì mặc kệ, tôi không giúp nữa. Bà Hồ nhận tiền và kể lại câu nói đó với chúng tôi. Chúng tôi nói: Chúng tôi hết sức cảm ơn ông bà đã tận tình giúp đỡ chúng tôi. Cường Để không phải là cách mạng, được tin anh em bị trục xuất đến đây cũng còn gửi một trăm bạc để giúp đỡ. Còn thằng Đặng Nguyên Hùng ăn cơm cách mạng, rồi lại chửi cách mạng, chúng tôi không cảm ơn nó đâu.

Được tiền rồi, tôi và anh Cáp lại đi khắp Nam Kinh để mua áo. Mùa đông,

áo rét tự nhiên là đắt, tiền không đủ; gần cuối mùa đông, áo rét hạ giá, mới mua được mấy chiếc áo cho anh em. Việt Nam có câu “đông the, hè đụp” nói lên sự trái ngược trong cuộc sống của những người cùng khổ. Lần này qua việc mua áo rét cho anh em mới thấy hết ý nghĩa của câu nói ấy.

*

Một hôm sau khi ăn cơm trưa, ông Hồ Học Lãm gọi Hải và tôi đến nói chuyện: Anh em chúng mình ở đây, nhiều người chưa có việc làm, sinh hoạt khó khăn, mà chính trị lại không có danh nghĩa. Danh không chính thì ngôn không thuận. Trước tôi đã bàn với các anh nên lập một tổ chức cách mạng đăng ký với Trung ương Quốc dân Đảng Trung Quốc ở đây, như vậy về danh nghĩa sẽ được hợp pháp, đồng thời chúng ta yêu cầu họ giúp đỡ, nếu họ giúp cho được như giúp bọn Vi Đảng Tường thành lập một biện sự xứ ở đây thì càng tốt. Vậy các anh đã bàn tính thế nào chưa?

Tôi và Hải trả lời: Việc này chúng tôi đã bàn với các anh em, thấy nếu làm được như vậy thì rất tốt. Chúng tôi dự định thảo một bản điều lệ đưa cụ xem, nếu cụ thấy được thì chúng ta có thể bắt tay vào hoạt động. Ông Hồ tươi hẳn nét mặt lên bảo: Thế thì các anh thảo ngay đi, thảo xong đưa mình xem, rồi chúng ta cùng làm.

Mấy ngày sau, Hải thảo xong bản điều lệ bằng tiếng Việt, tôi dịch ra tiếng Trung Quốc, nội dung gần giống như điều lệ của Phản đế đồng minh, nhưng lấy tên hội là **Việt Nam độc lập đồng minh hội**.

Ông Hồ xem xong khen tốt, nhưng quen theo kinh nghiệm Trung Quốc thì những tổ chức có tên dài thường hay ghi rõ cả cái tên gọi tắt, nên ông đề nghị sau chữ **Việt Nam độc lập đồng minh hội** nên viết thêm mấy chữ “gọi tắt là **Việt Minh**”.

Chúng tôi đồng ý và đưa ra ngay một kế hoạch hoạt động cụ thể mà chúng tôi đã trao đổi trước:

- Ông Hồ sẽ viết thư mời Nguyễn Hải Thần và một vài người ở Quảng Châu lên đại biểu cho Việt kiều ở Quảng Đông. Còn ở Nam Kinh thì:

- Hồ Học Lãm, Lê Thiết Hùng: Đại biểu Việt kiều ở Nam Kinh. Đặng Nguyên Hùng nếu tham gia thì vào nhóm Nam Kinh, không tham gia thì thôi;

- Lê Quốc Trụ, Từ Chí Kiên: Đại biểu Việt kiều ở Vân Nam;

- Đặng Văn Cáp và tôi: Đại biểu Việt kiều ở Xiêm;

- Hải: Đại biểu Việt kiều ở Pháp;

- Cao Hồng Lĩnh: Đại biểu đoàn thể trong nước.

Không bao lâu, điều lệ được sửa chữa hẳn hoi cả chữ Việt cũng như chữ Trung Quốc.

Nguyễn Hải Thần cũng đã mang một người Việt kiều họ Vi từ Quảng Châu lên. Chúng tôi đưa điều lệ cho Nguyễn Hải Thần xem và nói rõ mục đích yêu cầu như chúng tôi đã bàn. Nguyễn Hải Thần tán thành ngay và rất vui mừng, buột mồm nói một câu: Chúng ta làm thế này nhất định Trung ương Quốc dân đảng Trung Quốc sẽ phải giúp. Lập được Biện sự xứ, tôi sẽ ở đây hoạt động, không trở về Quảng Châu làm cái nghề xem số như trước nữa.

*

Đầu năm 1936, ông Hồ Học Lãm viết thư xin Trung ương Quốc dân đảng tiếp kiến. Ông Hồ Học Lãm, Nguyễn Hải Thần, Hải, Lê Quốc Trụ và tôi cùng đi. Đến trụ sở Trung ương Quốc dân đảng Trung Quốc, một đại biểu của Trần Lập Phu, Bộ trưởng Bộ tuyên truyền của Quốc dân đảng Trung Quốc lúc đó ra tiếp. Nghe trình bày xong, ông ta nhận văn kiện, hứa sẽ đăng

ký và báo cáo với Bộ trưởng. Thế là việc thành lập **Việt Nam độc lập đồng minh hội** đã gặp thuận lợi bước đầu.

Cuộc hội nghị để tuyên bố thành lập Việt Minh được chuẩn bị gấp.

Qua việc giao thiệp, hội nghị được tổ chức tại phòng họp của Đảng bộ khu phố của Quốc dân đảng Trung Quốc. Tham dự cuộc họp về phía ta có ông Hồ Học Lãm, Nguyễn Hải Thần và những anh em khác độ 20 người. Về phía Trung Quốc có hai người đại biểu của Trung ương Quốc dân đảng Trung Quốc. Vi Đãng Tường đại biểu Biện sự xứ **Việt Nam Quốc dân đảng** ở Nam Kinh cũng được mời đến dự. Đặng Nguyên Hùng từ chối không tham gia.

Hội nghị bắt đầu bằng lời chào mừng của ông Hồ Học Lãm, rồi giới thiệu quá trình hoạt động của việc lập hội, việc Trung ương Quốc dân đảng Trung Quốc đã đăng ký điều lệ, rồi đọc điều lệ và tuyên ngôn thành lập. Đại biểu Trung ương Quốc dân đảng Trung Quốc ^[8] phát biểu ý kiến, đại ý tỏ vẻ hoan nghênh và có nhắc đến di chúc Tôn Trung Sơn là giúp đỡ các dân tộc nhỏ yếu, nhưng trong cách trình bày vẫn lộ ra cái ý muốn nói Việt Nam trước kia là thuộc Trung Quốc. Vi Đãng Tường cũng phát biểu ý kiến. Hội nghị giới thiệu mấy người phụ trách ^[9], đứng đầu là ông Hồ Học Lãm, Nguyễn Hải Thần và mấy người trong anh em chúng tôi. Cách tổ chức giản đơn như vậy, mục đích là cốt hợp pháp hóa thêm một bước về mặt chính trị của **Việt Minh**, mà thực chất là để hợp pháp hóa địa vị chính trị của anh em ta ở Nam Kinh trong lúc đó.

Để biểu thị sự hoạt động tích cực của Việt Minh, ông Hồ Học Lãm tự xuất tiền, ra một tờ tạp chí nhỏ bằng chữ Trung Quốc lấy tên là **Việt Thanh**, số lượng phát hành chỉ độ một trăm cuốn, cốt để gửi cho các cơ quan Quốc dân đảng Trung Quốc ở Nam Kinh, cũng có gửi cho Việt kiều ở Quảng Châu và Côn Minh độ vài chục cuốn.

*

Việc ông Hồ Học Lãm đứng ra lập **Việt Minh** là một việc có tác dụng rất quan trọng. Trên kia tôi đã nói về lai lịch của ông, nay nói thêm một vài điểm để thấy rõ cái tác dụng đó:

Sau khi phong trào Đông Du thất bại, ông Hồ Học Lãm ở Nhật về Trung Quốc, lặn lội nhiều nơi nhưng phần nhiều là ở gần cụ Phan Bội Châu cho đến lúc cụ bị bắt. Năm 1927, Tưởng Giới Thạch ra mặt phản cách mạng, các đồng chí chúng ta ở Trung Quốc gặp rất nhiều khó khăn. Lúc này ông ở Nam Kinh, sau xin được làm tham mưu ở Bộ Thanh mưu Tưởng Giới Thạch với cấp trung tá. Ông không tham gia Thanh niên cách mạng đồng chí hội, mà cũng không tham gia Đảng cộng sản, nhưng các đồng chí ta mỗi khi gặp khó khăn nguy hiểm chạy đến tìm ông, ông biết là cộng sản nhưng vẫn che chở và giúp đỡ một cách tích cực.

Thí dụ năm 1930, đồng chí Tản Anh^[10] lấy tên là Lê Bạt Quân đến Vân Nam hoạt động, bị bọn Vũ Hồng Khanh báo cho đương cục Vân Nam bắt. Ông biết tin, liền xin gặp Tổng tham mưu trưởng là Chu Bội Đức xin đánh điện cho Long Vân bảo tha. Chu Bội Đức nói: Thanh niên Việt Nam ở Trung Quốc hiện nay đều là cộng sản cả. Ông trả lời một cách thẳng thắn: Người Việt Nam chúng tôi đến Trung Quốc cốt là nhờ Trung Quốc giúp đánh Tây. Quốc dân đảng giúp thì họ theo Quốc dân đảng, Cộng sản đảng giúp thì họ theo Cộng sản đảng. Tôi không biết Lê Bạt Quân có phải là cộng sản không, nhưng tôi biết rõ anh ta là ở Nhật về, được ông Cường Để, một ông vua Việt Nam lưu vong ở Nhật giao phó nhiệm vụ, như vậy chắc chắn anh ta là một người yêu nước. Tôi xin Tổng tham mưu trưởng đánh điện cho Chủ tịch Long Vân yêu cầu tha cho anh ta. Chu Bội Đức ngẫm nghĩ một hồi rồi nói: Ông nói cũng có lý. Vậy ông thảo bức điện, tôi sẽ cho gửi đi cho

Long Vân. Ông Hồ thảo ngay bức điện, được Chu Bối Đức phê chuẩn rồi gửi đi. Đồng chí Tản Anh khỏi bị cầm tù và được trục xuất qua Miến Điện theo sự yêu cầu của đồng chí, sau một thời gian đồng chí đã tìm cách về Xiêm tiếp tục hoạt động cách mạng.

Lại thí dụ như năm 1933, đồng chí Đông A bị hiến binh bắt ở Nam Kinh, đồng chí khai là đến đây để tìm ông Hồ Học Lãm. Bọn hiến binh hỏi ông, ông nói: Người Việt Nam ở Trung Quốc biết tôi rất nhiều, nhưng tôi không biết họ, vậy phải cho tôi gặp mặt đã tôi mới trả lời được. Khi gặp đồng chí Đông A, ông không quen nhưng biết thật là người Việt Nam từ Vân Nam đến, ông cứ đảm bảo cho được tha và sau còn giúp cho vào học trường kỵ binh của Quốc dân đảng Trung Quốc.

Ông làm tham mưu cho Quốc dân đảng ở Nam Kinh đã tám năm, nhưng không được thăng chức, cứ vẫn là cấp trung tá. Có người bảo ông nên nhờ bạn đồng học đã làm quan to giới thiệu để được đề bạt. Ông trả lời: Tôi làm việc ở đây chẳng qua chỉ cốt kiếm cơm ăn để sống mà thôi. Có cơm ăn là được, “kẻ sĩ chẳng thà chịu khổ ở nơi ngòi rãnh” ^[11], chứ tôi không muốn nhờ ai đề bạt.

Lại như năm 1940, ông bị bệnh nặng nằm chữa ở bệnh viện Quế Lâm (Quảng Tây), bạn học của ông là Bạch Sùng Hy đến thăm, gọi Viện trưởng bệnh viện ra bảo phải hết sức cứu chữa cho ông, dù phải dùng thứ thuốc quý mấy cũng cứ dùng, hết bao nhiêu tiền do tôi (Bạch Sùng Hy) phụ trách. Ông cảm ơn Bạch và nói: Cách mạng Việt Nam lúc này đang cần được giúp đỡ, ông là một nhân vật lớn, tôi mong ông giúp cách mạng Việt Nam, còn cá nhân tôi thì những đồng học khác giúp cũng đủ.

Ông không phải là cộng sản. Ông là một người nho học, nhưng đã thực hành đúng mặt tích cực của một số giáo điều của đạo Nho như “ôn, lương, cung, kiệm, nhượng”, “lễ, nghĩa, liêm, sỉ, nhân, ái” v.v ... và ông đã giúp Đảng ta

và các đồng chí chúng ta rất nhiều.

Ông không phải là cộng sản, điều này Quốc dân đảng Trung Quốc biết rõ trăm phần trăm. Ông đứng ra lập **Việt Minh** trong lúc này đối với chúng ta mà nói là một sự che chở rất có hiệu lực.

Nhưng thời gian chúng tôi vận động thành lập Việt Minh, cũng là thời gian Tưởng Giới Thạch đang chống Cộng một cách ác liệt; mặc dầu phong trào đòi chống Nhật đang lan tràn khắp Trung Quốc, nhưng khẩu hiệu phản động của chúng là “Tiên yên nội, hậu nhượng ngoại”, hành động của chúng là thù giết oan một trăm người còn hơn bỏ sót một tên cộng sản. Riêng ở Nam Kinh, thì Vũ Hoa Đài, nơi thường xử bắn những người cộng sản, luôn luôn có tiếng súng nổ. Đã vậy, mà trong đám Việt Nam với nhau, những người tố cáo chúng tôi là cộng sản không phải là không có. Vì Đảng Tưởng căm thù chúng ta đã lôi kéo mấy người “đồng chí” của hắn; Đặng Nguyên Hùng đã mưu toan chia rẽ chúng ta mấy lần đều thất bại nên cũng hết sức căm thù. Bọn này chính là bọn cung cấp tình báo cho Quốc dân đảng Trung Quốc để phá hoại Việt Minh. Vì vậy, tờ **Việt thanh** chỉ ra được ba bốn số, ông Hồ Học Lãm hết tiền phải đình bản; Nguyễn Hải Thần tuy tích cực chạy vạy hết chỗ này đến chỗ khác đều không có kết quả, cuối cùng phải đưa người Việt kiều họ Vi cùng về Quảng Đông. Thế là mọi hoạt động đình chỉ. Cái tên **Việt Nam độc lập đồng minh hội** chỉ nằm trong sổ đăng ký của Văn phòng Trung ương Quốc dân đảng Trung Quốc mà thôi.

Nhưng sau đó bốn năm, cuối năm 1940, tình hình cách mạng đã thay đổi, được sự lãnh đạo trực tiếp của Bác Hồ, Biện sự xứ hải ngoại của **Việt Minh** được thành lập ở Quế Lâm, ông Hồ Học Lãm là Chủ nhiệm, anh Phạm Văn Đồng là Phó chủ nhiệm. **Hội Trung-Việt văn hóa cách mạng đồng chí** được thành lập, ông Hồ Học Lãm và anh Đồng đều tham gia Ban lý sự với tư cách là chánh, phó Chủ nhiệm **Việt Minh**, thì cái tên **Việt Minh** mới nổi

bật lên và cái tác dụng tích cực của nó mới được phát huy một cách thích đáng.

Việc Quốc dân đảng Trung Quốc không giúp đỡ cách mạng Việt Nam là việc mà chúng tôi đã lường trước. Vì vậy trong khi hoạt động, chúng tôi vẫn luôn luôn nghĩ đến việc tìm kiếm việc làm cho anh em.

Một hôm, chúng tôi bảo anh Đức nói chuyện riêng với Đặng Nguyên Hùng, yêu cầu hấn giúp tìm việc làm. Thấy anh Đức khù khờ, tưởng có thể lôi kéo được, hấn nhận sẽ giúp, nhưng đề ra mấy điều kiện rất đều cáng. Anh Đức báo cáo lại với chúng tôi, mọi người nghe đều căm tức, nhất trí quyết định phải vạch mặt hấn cho mọi người thấy rõ.

Một buổi tối sau Tết âm lịch, ở tầng dưới nhà ông Hồ Học Lãm anh em đã đến đông đủ. Nguyễn Hải Thần lúc đó chưa về Quảng Đông cũng có mặt. Kế hoạch đã định. Chúng tôi phái một người lên tầng trên mời ông Hồ và nhờ ông gọi Đặng Nguyên Hùng cùng xuống, anh em có việc muốn nói. Ông Hồ xuống thấy anh em đông đủ tỏ vẻ vui mừng, Đặng Nguyên Hùng thấy anh em đông đủ có vẻ lấm lét, nhưng làm ra vẻ bình tĩnh, hấn cũng ngồi xuống.

Anh Đức phát ngôn trước:

Thưa cụ Hồ, cụ Nguyễn và tất cả mọi người! Anh em chúng tôi ở đây đã lâu, không kiếm được việc làm, cứ phải nhờ vào cụ Hồ mãi, chúng tôi rất lấy làm khó coi. Mới rồi, tôi có nhờ ông Đặng Nguyên Hùng giúp tìm việc làm. Ông ấy nhận sẽ giúp, nhưng đề ra mấy điều kiện như sau:

1. Nếu bằng lòng thì ở với ông ấy, phụ trách làm cơm nước, giặt quần áo và quét dọn nhà cửa. Sẽ ăn cơm của ông ấy, nhưng phải ăn riêng.

2. Mỗi tháng ông ấy sẽ trả hai đồng bạc công, nhưng không lấy ngay từng tháng, mà cứ để ông ấy giữ, lúc nào đi đâu, ông ấy sẽ tính đưa cả cho một lúc.
3. Ở với ông ấy thì không được xem sách báo và đi lại với anh em.
4. Ông ấy còn nói rằng, trước mặt chưa đến ở với ông ấy ngay, mà phải chờ đến khi nào anh em rời Nam Kinh thì tôi sẽ lấy cớ gì đó xin ở lại, sau mới đến ở với ông ấy, để cho ông ấy khỏi mang tiếng chia rẽ. Thật là những điều kiện sỉ nhục. Không ở với ông ấy thì cứ phải nhờ vả cụ Hồ mãi, mà ở với ông ấy thì phải bỏ anh em, bỏ cách mạng. Xin hai cụ và anh em cho ý kiến nên xử trí như thế nào?

Đặng Nguyên Hùng đứng phắt dậy nói ngay: Mày đã mưa hết chưa? Những điều tao nói với mày, tao có thể nói với cả thiên hạ.

Nói xong, hắn định chuồn, nhưng anh Cáp, anh Lộc, anh Văn đã đứng ngáng trước cánh cửa đã khép và nhìn chăm chăm vào mặt hắn. Hắn ngồi im không dám động.

Theo sự phân phối trước của anh em, một người đứng dậy nói:

Anh Đặng Nguyên Hùng! Những điều anh nói với cách mạng anh dám nói với cả thiên hạ, còn những điều anh nói với mật thám, với đế quốc, không biết anh có dám nói với thiên hạ không? Chắc anh phải giấu kín. Hôm nay nhân có hai cụ và anh em đông đủ ở đây, tôi phải nói rõ để mọi người khỏi nhầm.

Anh cùng xuất dương qua Xiêm với nhiều người ^[12], người ta đều làm cách mạng, còn anh thì trốn tránh, luôn lọt để được đi học với lý do học được nhiều kiến thức sẽ giúp dân giúp nước được nhiều hơn. Nhưng anh đã đi học

ở một trường đạo Cơ đốc của Mỹ, rồi về tuyên truyền đạo Cơ đốc, và anh đã viết thư cho toàn quyền Đông Dương xin về đầu hàng. Toàn quyền Đông Dương trả lời bắt anh phải lập công chuộc tội, thế là anh nhận làm mật thám cho thằng Đỗ Hùng, lãnh sự của Pháp ở Băng-cốc, mỗi tháng lĩnh năm mươi đồng bạc Xiêm. Khi anh tốt nghiệp trường lục quân của Xiêm được làm chuẩn úy đóng ở Khôn-quảng thuộc tỉnh U-đon, anh đã bí mật đưa tin về tình hình cách mạng Việt Nam cho Pháp. Việc bại lộ, anh thấy ở Xiêm không làm ăn được nữa, phải chạy qua Trung Quốc, lại lừa cụ Hồ xin việc cho anh.

Việc làm của anh, chúng tôi thấy rõ như nhìn vào bàn tay của mình, nhưng chúng tôi tưởng anh đã xa rời địch và yên phận làm ăn thì thôi, không nói làm gì nữa. Ai ngờ anh cứ tiếp tục hoạt động chống cách mạng: Lúc anh em ở Xiêm mới bị trục xuất đến, anh chắc rằng họ sẽ oán trách cách mạng, nên đã nói xấu cách mạng và bị anh em phản kích lại. Lúc anh gặp mấy anh em Vân Nam, anh chắc rằng họ không ủng hộ cách mạng, nên đã tìm cách lôi kéo và bị các anh ấy vạch mặt. Anh giúp cụ Hồ ba chục bạc để mua áo rét cho anh em, anh đã nói những câu rất lếu láo, mà chúng tôi không thèm trả lời lại. Đến lần này, anh Đức nhờ anh kiếm việc, anh lại đưa ra mấy điều kiện rất đều cáng. Anh tưởng như vậy có thể làm nhục được người cách mạng chẳng? Không đâu! Như vậy anh chỉ tự làm nhục anh mà thôi. Tôi khuyên anh từ nay cứ yên phận làm ăn, đừng giở những trò dơ bẩn ấy ra nữa.

Người nói vừa dứt lời, Đặng Nguyên Hùng thấy cánh cửa đã mở, có thể thoát thân được, liền nói gượng một câu: “Tôi không thèm nghe chuyện các anh”, rồi lách cánh cửa, cút thẳng lên gác.

Nguyễn Hải Thần cúi mặt không nói một câu.

Ông Hồ Học Lãm lắc đầu, nhìn hút theo cái bóng đen của hắn tỏ vẻ khinh bỉ.

Kế hoạch xin việc làm không có kết quả, anh em vẫn phải dựa vào sự giúp đỡ của ông Hồ Học Lãm trong điều kiện rất túng bần, vậy cần phải sắp xếp thế nào cho thật hợp lý để giảm nhẹ phần phụ đảm cho ông Hồ được chừng nào hay chừng ấy. Chúng tôi đi tìm một gian nhà nhỏ cho ông Hồ ở Nhị Lang Miếu, đồng thời xếp anh Văn đến nấu cơm ở đó. Như vậy, ông Hồ sẽ bớt được một số tiền thuê nhà và người phục vụ. Hai anh em Vân Nam còn ở lại đã đi làm thợ giặt ở một hiệu giặt quần áo của người Hoa kiều từ trước rồi. Còn sáu người nữa là Hải, Cáp, Đức, Lộc, Luận và tôi thì tập trung ở gian nhà nhỏ mới thuê được trong mùa rét vừa qua. Thế là gánh nặng của ông Hồ bớt đi được thêm một phần và cách ăn ở của anh em được xếp đặt hợp lý hơn trước. Về việc này, đối với chúng tôi thì nghĩ như thế, nhưng đối với Hải thì lại khác. Số tiền được ông Hồ và Lê Thiết Hùng giúp lúc này mỗi tháng là hai mươi đồng, nhưng đã phải trả mất sáu đồng rưỡi tiền nhà và tiền điện nước, còn mười ba đồng rưỡi là tiền ăn của sáu người, thì mức sống nhất định là thấp. Hải là người thích ăn chơi, lại ở trong hoàn cảnh như thế, anh ta cũng phải tự kiểm chế một phần nào, nhưng vẫn thường thường tránh anh em đi ăn riêng ở ngoài, và thường thường tỏ vẻ bất mãn.

Vào khoảng tháng tám là tháng nóng nhất ở Nam Kinh, vừa nóng nực, vừa kham khổ, Hải không thể chịu được nữa, phải nói thật với chúng tôi là hấn muốn đi Thượng Hải và xin được giúp đỡ. Chúng tôi đồng ý và nói riêng với ông Hồ giúp cho hấn 15 đồng để đi.

Sau này được biết, hấn đến Thượng Hải dạy nhảy cho các cô gái nhảy ở hộp đêm. Năm 1937, xem báo trong nước thấy hấn bị bắt và bị kết án mười năm khổ sai, mười năm cầm cố. Tội nặng như thế, chắc là vì bức thư viết cho Pasquier ở Hương Cảng từ hồi năm 1935.

^[1]tức Trụ đen

^[2]tức Long Cong

^[3]Hoàng Sâm

^[4]tức Hà Huy Tập

^[5]Ban Chấp hành Trung ương Đảng Xiêm lúc đó gọi tắt là Xiêm ủy

^[6]ý muốn chỉ các đồng chí trong Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng

^[7]quan toàn quyền Đông Dương lúc đó

^[8]thực sự là người phụ trách của Đảng bộ khu phố

^[9]giới thiệu chứ không bầu cử, xem như việc đã rồi

^[10]quê ở huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An, tên thật là Lê Hồng Sơn

^[11]dịch nghĩa câu chữ Hán trong sách Mạnh Tử: “Sĩ ninh tử ư câu hác”

^[12]hắn xuất dương cùng một thời gian với các đồng chí Lê Hồng Phong, Hồ Tùng Mậu

Hoàng Văn Hoan

Giọt nước trong biển cả

Phần 3: Những năm tháng hoạt động cách mạng ở Trung Quốc
(1935-1942)

P3 - Chương 4 & giai đoạn II

IV. Mất mối liên lạc với Xiêm ủy, ở lại Trung Quốc

Vào khoảng cuối tháng chín năm 1936, anh Phùng Chí Kiên, người phụ trách việc liên lạc của Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng, gửi tiền và viết thư cho tôi gọi đi Hương Cảng.

Đến đó, anh chuẩn bị cho một chỗ ở chung với một gia đình công nhân, phải

góp tiền nhà mỗi tháng bốn đồng. Dẫn đến giới thiệu với chủ nhà xong, anh dắt tôi đi ăn cơm và nói chuyện:

Mới rồi, Xiêm ủy thông tri cho biết ở đó đang bị khủng bố nặng, phần nhiều cơ sở Việt kiều ở Đông Bắc bị phá vỡ, cán bộ chủ chốt bị bắt hầu hết, đề nghị chúng tôi xếp cho anh về Xiêm ngay. Bây giờ chỉ chờ giao thông ở Xiêm đến là anh có thể đi. Chỗ anh ở hiện nay là nhà một người công nhân tốt, nhưng anh phải ra về là một người thất nghiệp đang chờ xin việc làm, vì chúng tôi đã nói với họ như thế.

Đề ra về là người đi xin việc, cứ mỗi ngày sáng dậy là tôi phải đi, trưa mới về, nghỉ độ vài ba giờ, rồi chiều lại đi, có bữa đến chín mười giờ tối mới về. Thịnh thoảng gặp anh Phùng Chí Kiên một lần, đều nói chưa có tin tức. Cứ chờ như thế độ khoảng hơn một tháng, vẫn không có tin tức gì cả, anh Phùng Chí Kiên nói ở đây chờ lâu quá không nên, anh hãy về Nam Kinh đã. Tôi nói nếu còn chờ đợi tin tức bên Xiêm, thì tốt hơn là cho tôi về Quảng Châu để hễ có tin tức của Xiêm ủy là thu xếp việc đi Xiêm được nhanh chóng. Anh Phùng nói mới rồi chúng tôi đã gọi đám anh Cáp ở Nam Kinh về Quảng Châu mấy người chưa biết sắp xếp công việc đã ổn chưa, nếu anh về nữa chắc sẽ thêm khó khăn. Hiện nay ở Nam Kinh còn anh Văn, anh nên về Nam Kinh giúp đỡ anh ấy.

Thế là tôi lại về Nam Kinh.

*

Đến Nam Kinh, vừa khéo gặp dịp Giao thông binh đoàn đang có kỳ thi để tuyển thêm học binh, tôi liền nhờ anh Lê Thiết Hùng giới thiệu cho vào Giao thông binh đoàn để học nghề lái xe. Vào Giao thông binh đoàn rồi phải theo đơn vị đi tập kết và huấn luyện ở Vu Hồ, tỉnh An Huy. Được độ hai tháng,

thì nhận được điện của ông Hồ Học Lãm gọi về Nam Kinh, bụng bảo dạ rằng có lẽ có tin tức gì từ Hương Cảng. Nhưng khi về Nam Kinh gặp ông, thì ra ông đã xin cho được việc làm “tư thư” ở Bộ Tham Mưu nơi mà ông đang làm tham mưu ở đó. Tư thư là một chức vụ chuyên làm việc sao chép; lúc mới vào, đóng cấp chuẩn úy, sau vài tháng được lên cấp thiếu úy, lương mỗi tháng hơn ba mươi đồng. Thế là về mặt sinh hoạt đã có thể tự túc.

Ở Trung Quốc từ năm 1931, Nhật chiếm Đông Bắc lập ra Mãn Châu quốc, phong trào chống Nhật ngày càng lên cao. Nhất là từ cuối năm 1935, Hồng quân hoàn thành thắng lợi cuộc Vạn lý trường chinh. Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra khẩu hiệu “Đình chỉ nội chiến, đoàn kết chống Nhật” lại càng được nhân dân ủng hộ mạnh. Ở Thượng Hải, các ông Thẩm Quân Nho, Trâu Thao Phấn, Sa Thiên Lý, Vương Tạo Thời, Chương Nại Khí, Lý Công Phác và bà Sử Lương công khai tuyên truyền liên Cộng chống Nhật, bọn Tưởng bắt giam, buộc tội là thân Cộng, về đưa ra xử án tại Tô Châu. Vụ án này, nhân dân gọi là vụ án “bảy quân tử”. Trong phiên tòa xử án, một người quân tử đã nói: Người cộng sản ăn cơm, chúng ta cũng ăn cơm, sao người cộng sản biết chống Nhật, mà chúng ta lại không biết chống Nhật. Trong hàng ngũ của Tưởng Giới Thạch cũng có sự phân hóa sâu sắc. Tháng 12 năm 1936, Trương Học Lương bắt Tưởng Giới Thạch ở Tây An, đòi phải cam kết chống Nhật, và Tưởng cũng đã cam kết rồi mới được tha.

Tuy vậy, Nam Kinh vẫn là một chỗ rất đen tối, sách báo tiến bộ hầu như không lọt vào được, ngay ở đó có cuộc biểu tình của hàng vạn học sinh và sinh viên, mắt mình trông thấy rõ ràng, nhưng các báo Nam Kinh không đăng lấy một chữ! Chỉ thỉnh thoảng được đọc tờ Thế giới tri thức và một vài tờ báo tiến bộ xuất bản ở Thượng Hải thì mới biết rõ tình hình thế giới và sự phát triển về văn hóa và tư tưởng tiến bộ ở Trung Quốc trong lúc đó.

Tháng 7-1937, quân Nhật bịa chuyện một người lính Nhật mất tích, kéo

quân đến Lư Câu Kiều, uy hiếp thành phố Bắc Kinh. Dưới sức ép của nhân dân, Tưởng Giới Thạch phải tuyên bố kháng chiến. Nhưng tháng 8 năm 1937, quân Nhật chiếm Thượng Hải, rồi phá vỡ pháo đài Giang Âm, Tưởng Giới Thạch liền quyết định bỏ Nam Kinh. Chính phủ và các cơ quan khác đều dời đi Trùng Khánh, riêng Bộ Tham mưu bảy giờ đổi tên là Bộ Quân lệnh, thì dời đi Vũ Hán. Tôi là tư thư trong Bộ Quân lệnh, tự nhiên là phải đi theo cơ quan đến Vũ Hán.

*

Ở Vũ Hán, công việc sao chép tăng lên rất nhiều, viết giấy bản bằng bút lông, viết giấy than bằng bút chì, viết giấy sếp bằng bút sắt, văn kiện hàng đống, có khi viết không kịp. Phải làm việc cả ban đêm, rất mệt nhọc. Nhưng có một điều thú vị là sau khi Thượng Hải mất, Vũ Hán đã trở thành nơi trung tâm văn hóa của Trung Quốc. Nhiều nhân sĩ và người làm công tác văn hóa tiến bộ đều tập trung ở đây. Dưới hình thức “Quốc - Cộng liên hợp”, bọn Quốc dân đảng không thể không cho các báo và các hiệu sách của Đảng cộng sản và của những người có xu hướng chính trị tiến bộ ra mắt quần chúng. Vì vậy, mỗi ngày, ăn cơm trưa xong, tôi đều đến tiệm nước chè, mua một tờ Tân hoa nhật báo, cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Trung Quốc, vừa uống nước vừa đọc báo, đọc cho kỳ hết; ăn cơm tối xong lại đến Tân Hoa thư điểm hoặc Sinh Hoạt thư điểm tìm sách xem, xem xong thấy quyển nào cần đọc kỹ lại thì mua một quyển. Thời kỳ này, tôi đọc được khá nhiều sách, nên đối với tình hình thế giới, đối với tiền đồ của cuộc kháng Nhật của nhân dân Trung Quốc đã hiểu được rõ hơn, đối với chính trị kinh tế học, triết học và các thường thức về khoa học xã hội, đối với chủ nghĩa Mác –Lê-nin đều có những thu hoạch nhất định.

Mùa hè năm 1938, vào khoảng tháng sáu, anh Phùng Chí Kiên đến Vũ Hán, cho biết sự liên lạc với Đảng Xiêm đã hoàn toàn đứt hẳn. Anh bàn với tôi sẽ đi gặp đồng chí Diệp Kiếm Anh để thông báo về việc Trần Báo và giới thiệu anh Văn và tôi đi học ở Diên An.

Trần Báo khi ở Xiêm tên gọi là Choắt, chuyên làm việc phiên dịch cho các đồng chí ta ở trong Xiêm ủy. Năm 1934, được phái đi gặp các đồng chí trong Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng để báo cáo công tác, nhưng đã không làm tròn nhiệm vụ mà lại còn tham ô tiền Đảng. Năm 1937, các đồng chí cán bộ ta ở Xiêm đều bị bắt, hấn ở Băng-cốc càng lảng nhãng, Xiêm ủy phái hấn đưa bốn chục thanh niên Hoa kiều về nước tham gia Tân tứ quân. Nhưng hấn đã bỏ anh em ở Hương Cảng rồi đi lung tung, anh em chờ mãi, hết tiền ăn, phải kéo nhau về Quảng Châu, có người bắt đắc dĩ phải xin gia nhập quân đội Dur Hán Mưu, đã không được kháng chiến mà còn bị đối xử theo kiểu phát xít. Năm 1938, hấn đến Hán Khẩu gặp đồng chí Diệp Kiếm Anh, khoe là Hoa kiều ở Xiêm về nước kháng chiến, được đồng chí Diệp Kiếm Anh tiếp đãi tử tế, và có đưa cho hấn một cái danh thiếp, nên sau đó hễ gặp các đồng chí là hấn đưa danh thiếp của đồng chí Diệp Kiếm Anh ra khoe khoang.

Anh Phùng Chí Kiên kể tất cả lai lịch và hành động của Trần Báo cho đồng chí Diệp Kiếm Anh nghe, và đề nghị chú ý hấn. Tiếp đó, nói đến chuyện giới thiệu anh Văn và tôi đi học ở Diên An. Đồng chí Diệp Kiếm Anh tỏ lời hoan nghênh và nói sẽ giao cho đồng chí Trần Gia Khang gặp chúng tôi để bàn cụ thể.

Sau mấy lần bàn bạc với đồng Trần Gia Khang, tôi xin thôi việc tư thư ở Bộ Quân lệnh và đưa anh Văn đến cùng năm chờ ở Biện sự xử Bát lộ quân, đóng ở Đại Thạch Dương Hàng. Năm chờ độ hơn hai tuần, các đồng chí Bát lộ quân cho biết hiện nay đường đi có trắc trở, không thể đi được. Thế là

chúng tôi phải tìm cách ra khỏi Biện sự xứ, anh Văn lại về Giao thông binh đoàn với anh Lê Thiết Hùng, tôi đi Trường Sa, thủ phủ tỉnh Hồ Nam, ở với ông Hồ Học Lãm.

*

Nguyên khi Bộ tham mưu của Tưởng bỏ Thủ đô Nam Kinh thì chúng cũng bỏ cả ông Hồ Học Lãm bằng cách phong cho ông cái chức gọi là “Lưu thủ chủ nhiệm”. Lưu thủ chủ nhiệm nghĩa là ông chủ nhiệm phải ở lại để giữ cơ quan! Ông Hồ thấy rõ cách đối xử hèn mạt của chúng, nên trước khi Nam Kinh bị Nhật chiếm, ông đã đưa cả gia đình với anh Văn đi Vu Hồ, thuộc tỉnh An Huy, gửi lại ở chỗ anh Lê Thiết Hùng, còn ông thì đi Trường Sa, xin làm tham mưu ở Quân quản khu do Tỉnh trưởng tỉnh Hồ Nam Trương Trị Trung kiêm làm tư lệnh.

Trường Sa lúc này bình yên và náo nhiệt. Một số người tiền bộ tập hợp lại ở đó, thường mở các buổi diễn giảng về thời sự và các vấn đề có liên quan đến kháng chiến. Nếu diễn giảng đúng vào buổi tối thì tôi cũng đi nghe, vì ban ngày phải ở nhà đi chợ và nấu cơm cho ông Hồ Học Lãm.

Đùng một cái, được tin Quảng Châu mất, rồi Cửu Giang, Vũ Hán cũng mất nốt. Tình hình Trường Sa trở nên căng thẳng, dân chúng nháo nhác ngoài đường phố, hàng quán phần nhiều đóng cửa, các cơ quan lại dọn chạy.

Sáng sớm ngày 12-11-1938, hai chiếc thuyền lớn do Quân quản khu trưng dụng để chở nhân viên đi tản cư, trong đó có ông Hồ Học Lãm, Trần Bảo và tôi, bắt đầu rời bến, thì Trường Sa bốc cháy, khói lửa nghi ngút, máy bay Nhật bay liệng trên bầu trời.

Thuyền đến Tương Đàm, dân chúng cũng nhón nhác chạy loạn như ở Trường Sa, trên bến không có người khuân vác. Tôi ngồi ở bến trông nom

ông Hồ Học Lãm đương ốm. Trần Báo đi vào phố tìm mãi mới thuê được một chiếc kiệu để khiêng ông Hồ với một số đồ đạc cần thiết và rất nhẹ, còn bao nhiêu thì không quản nữa, vứt bỏ cả ở bãi bên.

Đi bộ độ mười ngày đến huyện Tân Hóa ở dọc đường, đọc báo mới biết Trường Sa không phải đã bị Nhật chiếm, mà vì tội Hán gian phao tin Nhạc Dương^[1] mất, nên “Ủy ban bảo vệ Trường Sa”, trong đó có vị tư lệnh Vệ Tuất và vị cảnh sát trưởng đã hạ lệnh “tiêu thổ” để chạy trốn. Làn cháy này làm chết năm vạn dân, và thiêu trụi không biết bao nhiêu là tài sản của Nhà nước và của nhân dân. Mấy tên Hán gian hạ lệnh “tiêu thổ” đã bị xử tử.

Lại đi bộ hơn mười ngày nữa mới đến huyện Nguyên Lăng, phía tây tỉnh Hồ Nam, trên đường ô-tô đi Quý Dương. Ở đây chúng tôi gặp đơn vị Giao thông binh đoàn mà anh Lê Thiết Hùng là tiểu đoàn phó, trong đó có nhiều người trước đã biết ông Hồ Học Lãm. Vì vậy mà chúng tôi có thể đi nhờ xe của họ từng chặng, từng chặng một để di chuyển dần về hậu phương xa hơn.

*

Trên các chặng đường, Hoàng Bình thuộc tỉnh Quý Châu là chỗ mà chúng tôi dừng khá lâu, vì ở đây yên tĩnh, ông Hồ có thể nghỉ để bồi dưỡng sức khỏe sau trận ốm. Thời gian ở đây, chúng tôi vẫn liên hệ thân mật với một số cán bộ trong tiểu đoàn của anh Lê Thiết Hùng, trong đó có hai anh trung đội trưởng tiến bộ, thường mang theo một số sách chính trị để đọc, nhưng có những quyển có một số chữ mà các anh không hiểu nghĩa, phải cầu cứu đến chúng tôi. Đó là những quyển sách nói về chủ nghĩa Mác-Lê-nin. Số là sau khi Tưởng Giới Thạch tuyên bố chống Nhật, việc Quốc –Cộng hợp tác đã thành hình, những nhà xuất bản cánh tả đã tìm một số chữ mới, thay thế những chữ có thể chọc mắt Quốc dân đảng, để thuận lợi cho việc phát hành.

Thí dụ như lấy chữ Y-lý-kỳ (*đọc âm là Y-li-xi*) hoặc lấy chữ Ô-lý-ngang-nặc-phu (*đọc âm là U-li-ang-nóp*) thay cho chữ Lê-nin. Lấy chữ Kha-nhĩ (*đọc âm là Kha-rơ*) thay cho chữ Mã-khắc-tư. Lấy chữ BỐ-nhĩ-kiều-á (*đọc âm na ná là Buốc-gioa*) thay cho chữ tư sản giai cấp. Lấy chữ Phổ-la-liệt-đáp-lợi-á (*đọc âm na ná là Prô-lê-ta-ri-a*) thay cho chữ vô sản giai cấp, v.v... Với trình độ tốt nghiệp trung học vùng Tưởng chiếm, họ không thể hiểu được những chữ đó.

Lại có một anh trung đội trưởng khác, trình độ thấp hơn, vì yêu một cô giáo tiến bộ ở nông thôn, mỗi lần gặp nhau, cô ta đều dặn mua cho mấy quyển sách chính trị. Nếu anh mua sách cho người yêu, mà mình không hiểu gì cả, nhờ nó hỏi thì sao? Anh ta phải cố gắng học trước, chỗ nào không hiểu phải hỏi cận kề để nắm chắc. Đó cũng là một cơ hội để chúng tôi giúp đỡ anh ta về mặt lý luận và nhận thức cách mạng.

Chỉ trong thời gian vài tháng, chúng tôi đã lôi kéo được các anh ấy thành những người có cảm tình với Đảng cộng sản, trong đó có anh Xì Khuân tỏ rõ ý muốn đi Diên An. Vì vậy, trong dịp gặp Bác Hồ, chúng tôi đã báo cáo với Bác, và Bác đã giới thiệu anh ấy với Biện sự xứ Bát lộ quân ở Quý Dương. Sau ngày Trung Quốc giải phóng, anh Xì Khuân có dịp liên hệ được với chúng tôi, mới biết rằng chúng tôi là người cộng sản Việt Nam.

Sau khi sức khỏe ông Hồ Học Lãm đã được bình phục, lại nhân có chuyến xe đi nhờ được, tôi đưa ông Hồ đi Quý Dương, thủ phủ tỉnh Quý Châu. Theo sự giới thiệu của mấy anh em Vân Nam, khi đến Quý Châu chúng tôi ở nhà Vũ Hồng Khanh, một người đã từng lấy danh nghĩa Việt Nam Quốc dân đảng hoạt động ở Vân Nam, sau vì việc giết người và tống tiền, bị đương cục Vân Nam trục xuất, đã đưa gia đình và một số thanh niên Việt kiều đến định cư ở đó.

Vũ Hồng Khanh vốn đã được nghe tiếng ông Hồ từ lâu, nay được gặp, thấy

là một người hiền lành, đạo mạo và khiêm tốn, y rất phục. Tôi đi theo ông Hồ, tự nhận là cháu, nên y cũng tin là một người cách mạng quốc gia. Chuyện trò khá mặn mà, hứa hẹn sau này về Côn Minh sẽ cùng nhau bàn bạc công tác vận động Việt kiều ở Vân Nam. Ở nhà Vũ Hồng Khanh không đầy một tháng, nhưng đã gây được ấn tượng tốt với mọi người trong nhà và mấy anh thanh niên Việt kiều theo Vũ Hồng Khanh từ Côn Minh đến. Đầu năm 1939, nhân dịp có xe đi Côn Minh (Vân Nam), tôi bàn với ông Hồ Học Lãm để tôi đi về trước. Ông đồng ý. Thế là tôi đi Côn Minh, cùng với các đồng chí ta ở đó tiếp tục hoạt động cách mạng.

Giai đoạn thứ hai

Từ Côn Minh đến Pác Bó (1939-1942)

Giai đoạn này kể từ khi đến Côn Minh đầu năm 1939 cho đến khi rời Trung Quốc về Pác Bó cuối năm 1942. Những hoạt động trong thời gian này sẽ được trình bày qua các mục nhỏ sau đây:

- Tình hình và công tác ở Côn Minh.
- Chuyển hướng hoạt động về phía Quảng Tây
- Hoạt động ở Long Châu.
- Hoạt động ở Tĩnh Tây.
- Bị bắt ở Bình Mãnh.

- Cuộc đấu tranh ở Liễu Châu.
- Chuẩn bị về nước.

Bốn mục trên trước đã phát biểu ở cuốn Đầu nguồn do Nhà xuất bản Văn học Hà Nội phát hành năm 1975, nay vẫn giữ nguyên, nhưng mỗi mục có thêm một đề mục nhỏ để thống nhất cách trình bày trong toàn phần.

I. Tình hình và công tác ở Côn Minh

Đầu năm 1939, sau Tết âm lịch độ một tháng, chia tay với ông Hồ Học Lãm, tôi đi từ Quý Dương đến Côn Minh. Đến nơi các đồng chí đã xếp cho ở nhà anh Tống Minh Phương, một gia đình được giác ngộ cách mạng và theo Đảng từ năm 1936. Tập làm thợ may ở đó một thời gian, rồi đi may ở một hiệu may nhỏ để vận động đám thanh niên thợ may Việt kiều. Sau xin vào làm thợ ở Xưởng chữa ô-tô Stai để vận động công nhân, nhưng chỉ được vài tháng thì xưởng biết là cách mạng, bị đuổi ra khỏi xưởng. Từ đó, khi thì ở chỗ anh Tống Minh Phương, khi thì ở chỗ anh Đỗ Đăng Trình; sau anh Phùng Chí Kiên đến tổ chức Ban hải ngoại và xếp được chỗ ở làm cơ quan bí mật để in tài liệu tuyên truyền, thì tôi thường ở chỗ anh Phùng Chí Kiên. Cần phác qua một vài nét chính về tình hình và công tác ở Côn Minh của các đồng chí chúng ta trong lúc đó:

Côn Minh là thủ phủ tỉnh Vân Nam, thuộc khu Tây Nam Trung Quốc. Theo điều ước bất bình đẳng Mãn Thanh ký với đế quốc Pháp năm 1885, công ty xe lửa Pháp đã xây dựng con đường xe lửa chạy suốt từ Hà Nội qua Lào Cai, Hà Khẩu, đến Côn Minh. Tất cả người Việt Nam làm việc trên xe lửa cũng như ở các ga đều là công nhân viên chức do công ty trả lương và điều khiển,

đương cục Trung Quốc không được đụng chạm đến.

Ở Côn Minh, người Pháp có lãnh sự quán, có đài vô tuyến điện, có bệnh viện riêng và một xưởng sửa chữa xe ô-tô là Stai. Số người Việt Nam qua Vân Nam ở trên các thị trấn dọc đường xe lửa có độ hơn hai nghìn, làm các nghề tự do như cắt tóc, thợ may và một số nghề vặt khác, đều là bà con của các công nhân viên chức của công ty xe lửa, đều thuộc quyền trị ngoại của lãnh sự Pháp.

Năm 1929, Nguyễn Thế Nghiệp tranh địa vị lãnh tụ Quốc dân đảng với Nguyễn Thái Học không được, mật thám đã bố trí cho chạy qua Vân Nam. Ở đây hắn đã câu kết với một tên Việt kiều mật thám của Quốc dân đảng Trung Quốc là Nguyễn Kim Ngữ và một tên xé-tanh tay chân của Pháp, “bí mật hoạt động” trong giới công chức Việt kiều. Năm 1930, sau khi cuộc Khởi nghĩa Yên Bái thất bại, Vũ Hồng Khanh lại từ trong nước chạy ra, nhập bọn với Nguyễn Thế Nghiệp. Được sự cho phép ngầm của đế quốc Pháp, và sự “giúp đỡ” của đương cục Trung Quốc, chúng đã tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng, đưa vào một số lưu manh làm cốt cán để uy hiếp và lừa dối quần chúng. Trụ sở Việt Nam Quốc dân đảng được lập ở nhiều nơi trong tỉnh Vân Nam. Tại Côn Minh, chúng còn có một cái hội quán, nói cho đúng là một cái ổ để cho cốt cán của chúng qua lại, còn các tên “lãnh tụ” như Nguyễn Thế Nghiệp, Vũ Hồng Khanh thì đều dựa vào sự quyên góp của kiều bào và sự tống tiền để tiêu xài một cách trụy lạc ở khách sạn. Một người quần chúng biết chuyện đem nói lại với bà con, chúng liền gọi đến hội quán phạt đứng nghiêm, tát vào mặt mấy cái rồi giao hẹn từ nay về sau không được nói chuyện “lãnh tụ”.

Thời gian chúng được hoạt động công khai cũng là thời gian chúng tranh giành nhau kịch liệt về hưởng thụ và địa vị, mâu thuẫn nội bộ lên đến cao độ. Nguyễn Thế Nghiệp, Vũ Hồng Khanh, bị Nguyễn Kim Ngữ đả kích ra

mặt và đưa nhiều việc ra bêu xấu, chúng liền cho cho người giết Nguyễn Kim Ngữ. Việc bị lộ, chúng đều bị bắt giam ở Côn Minh. Nguyễn Thế Nghiệp liền viết thư xin lãnh sự Pháp ở Côn Minh can thiệp, đến năm 1933 thì đương cục Vân Nam trục xuất chúng qua Quảng Tây.

Qua những sự việc kể trên, uy tín của chúng đã tụt xuống như xuống dốc, tất cả cơ sở của chúng ở các nơi đều bị tan rã. Một số người còn có ý thức cách mạng đều lìa bỏ chúng để tìm đường lối khác. Các anh Trần Quốc Tuấn, Đỗ Đăng Trình, Lê Quốc Trụ, Từ Chí Kiên, bỏ chúng đi Nam Kinh, đã gặp các đồng chí ta và được sự giúp đỡ chuyển biến dần theo đường lối của Đảng. Cuối năm 1935, các anh Vũ Anh, Đông A, Đỗ Đăng Trình được phái từ Nam Kinh về xây dựng cơ sở Đảng và tổ chức Chi bộ lấy tên là Chi bộ Vân - Quý.

Năm 1936, Vũ Hồng Khanh lại “bí mật” về Côn Minh hoạt động, nhưng quần chúng đã hết sức chán ghét. Những phần tử phản động vẫn ngấm ngấm chống cách mạng mà bây giờ Vũ Hồng Khanh còn dùng làm cốt cán, tính ra chỉ còn độ hơn mười người. Với sách lược đúng đắn, các đồng chí Chi bộ Vân - Quý vẫn hoạt động với danh nghĩa Quốc dân đảng, đồng thời tìm cách đưa đồng chí Vũ Anh cũng vào Đảng, hình thành một nhóm cánh tả trong đó để đấu tranh trực diện với Vũ Hồng Khanh. Qua một thời gian tuyên truyền vận động, nhóm cánh tả đã chiếm ưu thế tuyệt đối. **Hội lao công thân ái** cho công nhân và **Hội thiếu niên dục tài** cho thanh, thiếu niên được thành lập, nay đã do đồng chí Đông A nắm hoàn toàn. Khi đồng chí Đông A đề nghị đổi tên từ **Thiết huyết** ra từ **Đại chúng**, Vũ Hồng Khanh không chịu, hấn tự viết lấy từ **Thiết huyết** và tự in lấy gửi cho quần chúng nhưng đều bị quần chúng xé toạc hoặc phê chữ vào rồi gửi trả lại. Từ **Thiết huyết** chết, đồng chí chúng ta ra từ **Đại chúng** để tuyên truyền chủ chương của Đảng. Vũ Hồng Khanh hoạt động ở Côn Minh không lâu, thì bị quần chúng tố cáo với

đương cục Trung Quốc, lại bị trục xuất một lần nữa qua Quý Dương. Tuy vậy Vũ Hồng Khanh vẫn không ngừng hoạt động, và ở Côn Minh vẫn còn một số tay sai công khai hoặc bí mật liên hệ với hắn để tiếp tục chống cách mạng.

*

Năm 1939, sau khi tôi đến Côn Minh không bao lâu, thì Vũ Hồng Khanh lại về Côn Minh, lần này hắn được Nghiêm Kế Tổ, một tên đặc vụ của Trùng Khánh về che chở, nên đương cục coi là người được hoạt động hợp pháp. Nhưng trước kia cũng như bây giờ, những lần chúng triệu tập hội nghị, chúng ta đều phái đồng chí và đồng đảo quần chúng đến tham dự để vạch mặt, nên chúng rất sợ các cuộc họp công khai. Để trấn áp tinh thần quần chúng, một tên cốt cán đặc lực của chúng đã ý thế là sĩ quan của Quốc dân đảng Trung Quốc, trắng trợn rút khẩu súng ngắn đeo bên hông đặt lên bàn giữa nhà anh Tống Minh Phương, nói rằng: Hễ còn nghe mấy thằng cộng sản thì coi chừng đây! Một lần, chúng triệu tập một cuộc họp rất kín có mời đại biểu Quốc dân đảng Trung Quốc đến dự, chúng ta vẫn biết và xếp đặt một số quần chúng của ta đến. Hội nghị vừa khai mạc thì người gác cổng của chúng la to lên rằng “bọn Trịnh Đông Hải đã đến”. Thế là quần chúng nháo nhác, lộn xộn không thành trật tự nữa. Chúng phải tuyên bố hội nghị giải tán! Anh Tùng Sơn được bố trí trước, ngồi bên cạnh người Quốc dân đảng Trung Quốc, đã nói lại đầu đuôi cho họ nghe. Uy tín của chúng lại bị đập mạnh một lần nữa ngay cả trước mặt bọn Quốc dân đảng Trung Quốc. Tuy vậy, chỉ sau đó một thời gian, chúng lại thông qua báo chí và Thông tấn xã Trung ương của Quốc dân đảng Trung Quốc, ra một bản “tuyên ngôn đối với thời cuộc”, tuyên bố chủ trương hợp tác với Pháp. Tự nhiên đó là do

Quốc dân đảng Trung Quốc bảo chúng làm, nhưng đó cũng là sự phát triển hợp lô-gích với đường lối đầu hàng, phản cách mạng của chúng từ trước đến nay. Chúng ta liền lấy danh nghĩa “Việt Nam hưởng ứng Trung Quốc kháng địch hậu viện hội”, một tổ chức được thành lập từ năm 1937, ra tuyên bố vạch mặt. Bản tuyên bố viết bằng chữ Trung Quốc, được gửi đi cho tất cả thông tấn xã các nước, cho Chính phủ Tưởng Giới Thạch, cho các báo, các đoàn thể nhân dân Trung Quốc và cho kiều bào ta ở Vân Nam. Bộ mặt phản cách mạng của chúng càng được quần chúng thấy rõ.

Ngoài Vũ Hồng Khanh và Nghiêm Kế Tổ ra, còn có một nhóm Tờ-rốt-kit độ ba bốn tên, cầm đầu là một anh có trình độ văn hóa, biết vẽ, biết nặn tượng, chịu ảnh hưởng của Tạ Thu Thâu khá sâu, hay nói lý luận có vẻ cách mạng, có thể đánh lừa một số quần chúng. Hắn tuyên truyền vận động kiều bào xuống đường biểu tình chống Pháp và đòi đương cục Trung Quốc giảm thuế. Hắn đi vận động đến đâu cũng bị chúng ta đả thẳng cánh, âm mưu không thực hiện được và hoàn toàn bị cô lập.

Cuối năm 1939, đồng chí Phùng Chí Kiên từ Sơn Đầu về Côn Minh ^[2], tổ chức Ban hải ngoại của Đảng, để lãnh đạo mọi mặt công tác tại Trung Quốc, gồm ba người: Đồng chí Phùng Chí Kiên, đồng chí Vũ Anh và tôi lúc này lấy tên là Lý Quang Hoa. Ban hải ngoại ra một tờ báo nhỏ lấy tên là **Truyền tin**, sau đổi tên thành **Đồng thanh**, tuyên truyền chủ trương đoàn kết chống Pháp, ủng hộ Trung Quốc chống Nhật, đồng thời vạch mặt những luận điệu tuyên truyền lừa bịp của bọn Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ và bọn Tờ-rốt-kit.

*

Đầu năm 1940, Bác về Côn Minh lấy tên là Hồ Quang, đóng vai một giáo

quan cấp thiếu tá của Bát lộ quân, ở chỗ Tân Hoa thư điểm, nhưng thường lui tới chỗ đồng chí Phùng Chí Kiên để chỉ đạo công tác của Ban hải ngoại. Về chính trị, Bác đánh giá việc Chi bộ Vân - Quý lôi kéo được quần chúng đánh tan ảnh hưởng của bọn Nguyễn Thế Nghiệp và Vũ Hồng Khanh là một thành tích. Đồng thời cũng phê phán một số khuyết điểm, và đề ý kiến để Ban hải ngoại sửa chữa lại. Thí dụ, Bác nhận định cuộc bãi công của công nhân xe lửa trước đây do Chi bộ lãnh đạo, mục đích chỉ đơn thuần nhằm vào việc chống Pháp không chuyên chở vũ khí cho Trung Quốc, chứ chưa biết nhân đó mà tuyên truyền ý thức chống Nhật, ý thức cách mạng rộng rãi trong quần chúng. Vì vậy Bác đề nghị lấy danh nghĩa “**Việt Nam hưởng ứng Trung Quốc kháng địch hậu viện hội**” phát truyền đơn suốt dọc đường xe lửa Hà Khẩu - Côn Minh, kêu gọi kiều bào chống Pháp và giúp Trung Quốc chống Nhật.

Về việc tuyên truyền, Bác đề nghị đổi tên tờ **Đồng Thanh** ra tờ **Đ.T.**. Theo Bác giải thích, thì Đ.T. có thể hiểu là “Đồng Thanh”, cũng có thể hiểu là “Đồng Tâm”, cũng có thể hiểu là “Đấu tranh”, và cũng có thể hiểu là “Đánh Tây”. Các bài viết trong báo này thường được Bác duyệt và sửa chữa, nên chất lượng nâng cao và cách viết giản dị dễ hiểu hơn, quần chúng rất thích. Về việc liên lạc với các đồng chí cộng sản Vân Nam đã có từ trước, như liên lạc với đồng chí Trần Phương, đồng chí Mã Tử Khanh, nay được sự xúc tiến của Bác lại càng thêm củng cố và phát triển.

Để hiểu biết tình hình Việt kiều ta ở Vân Nam, bác đã cùng đồng chí Phùng Chí Kiên đi đến mấy chỗ dọc đường xe lửa có kiều bào ở đông như Mông Tự, Nghi Lương, Khai Viễn và Chỉ Thôn để liên hệ với quần chúng đang làm chay cho những người bị bom Nhật giết chết ở Bua Chai, Bác và anh Phùng đã tham gia lễ làm chay, anh Phùng lấy bài Khóc đồng bào bị nạn ở Bua Chai trong báo **Đ.T.** ra đọc, quần chúng rất xúc động.

Theo chỉ thị của Bác, để phát triển cơ sở ở vùng giáp giới, Ban hải ngoại đã phái đồng chí Lộc đến làm việc ở Hà Khẩu để liên lạc với quần chúng ở đó và đã bí mật liên lạc với trong nước.

Đầu tháng 5 năm 1940, anh Bùi Đức Minh^[3] đưa anh Phạm Văn Đồng và anh Võ Nguyên Giáp với thư giới thiệu của Trung ương nói vì trong nước đang có khủng bố nên gửi ra để ở ngoài tìm cách cho đi học. Ban hải ngoại đã bố trí cho hai anh bí mật gặp Bác. Bác quyết định sẽ giới thiệu cho hai anh đi học Trường đại học Quân chính Diên An. Trong thời gian chờ đợi, theo chỉ thị của Bác, chúng tôi đã tổ chức việc học lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô. Cách học là chia nhau mỗi người đọc một phần rồi báo cáo để mọi người phát biểu ý kiến. Lớp học này chỉ có anh Đồng, anh Giáp, anh Phùng Chí Kiên và tôi thường xuyên tham gia, các anh khác như anh Đặng Văn Cáp, anh Vũ Anh chỉ tham gia một đôi buổi.

*

Ngày 20-6-1940, Pháp mất Pa-ri. Bác gọi các đồng chí Ban hải ngoại đến bàn bạc tình hình, và quyết định chuyển hướng hoạt động công tác về biên giới, rồi về trong nước.

Có thể nói đây là một bước ngoặt lịch sử rất quan trọng.

Quyết định xong, Bác đi Trùng Khánh gặp Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc trao đổi ý kiến về thời cục. Chuyến này Bác đi hơn một tháng mới về, vì lúc đi thì mua vé máy bay, nhưng lúc về phải đi xe công cộng và chờ đợi ở dọc đường khá lâu.

Một vấn đề đặt ra phải suy nghĩ là về biên giới thì ở vùng nào? Ở đây, ngay từ khi Bác đến đã chú ý xếp đặt người ở biên giới, nhưng chính trị Vân Nam không tốt, dù có người ở biên giới cũng khó lòng hoạt động; hơn nữa, các

tỉnh giáp giới Vân Nam như Hà Giang, Lào Cai thì cơ sở quần chúng của chúng ta chưa có. Như vậy, cái hướng tính toán là phải nhằm về phía biên giới Quảng Đông hoặc Quảng Tây. Vừa khéo lúc Bác còn ở Trùng Khánh thì chúng tôi nhận được thư của ông Hồ Học Lãm nói cơ hội hoạt động cách mạng đã đến? Trương Bội Công được Quốc dân đảng Trung Quốc giúp đỡ, hiện đang liên lạc các nơi để tìm người cách mạng Việt Nam, đồng thời muốn mời ông Hồ Học Lãm ra hợp tác với ông ta trong việc này. Ông Hồ Học Lãm vốn biết Trương Bội Công không phải là người cách mạng, nên viết thư về Côn Minh đề nghị chúng tôi đi Quảng Tây gấp để nắm lấy ông ta kéo ông ta làm bầy. Khi Bác về đến Côn Minh, chúng tôi đưa việc đó ra báo cáo, Bác liền quyết định các đồng chí Phùng Chí Kiên, Vũ Anh và tôi đi Quý Dương gặp ông Hồ Học Lãm, đồng thời điện cho các anh Đồng, Giáp đang ở Biện sự xứ Bát lộ quân Quý Dương chờ ngày đi học Diên An, và anh Cao Hồng Lĩnh, người đưa anh Đồng và anh Giáp đi từ Côn Minh đến cùng ở lại Quý Dương chờ chúng tôi đến để cùng đi Quảng Tây.

II. Chuyển hướng hoạt động về phía Quảng Tây

Trương Bội Công vốn là người Việt Nam làm sĩ quan cấp thiếu tướng trong bộ đội Quốc dân đảng Trung Quốc. Trước đó vì sợ cách mạng liên lụy đến, nên ông ta tránh không gặp một người Việt Nam nào. Lần này, được Quốc dân đảng Trung Quốc giao trách nhiệm tổ chức việc tình báo và chuẩn bị sau này làm tiền đạo cho Hoa quân nhập Việt, ông ta mới cần đến người Việt Nam, và mới cần ông Hồ Học Lãm ra cùng hoạt động.

Theo sự giới thiệu của ông Hồ Học Lãm, chúng tôi đi gặp Trương Bội Công ở Đại Kiều^[4] là chỗ ông ta đặt cơ quan làm việc ở đó. Trương gặp chúng tôi thấy đều là những thanh niên tuấn tú có văn hóa, có chính trị và đặc biệt là am hiểu tình hình trong nước, khác với số người Việt Nam và Hoa kiều mà

ông ta đã tập hợp được.

Tự nhiên chúng tôi gặp ông ta là bàn bạc về thời cuộc, về tình thế cách mạng, và tình hình hoạt động của nhân dân trong nước và của kiều bào ở ngoài, đồng thời cũng làm một số việc cụ thể như viết một số tài liệu về tình hình trong nước, xuất bản tập thơ ca cách mạng, thuyết phục một số người Việt Nam và Hoa kiều chung quanh ông ta. Nhưng qua sự bàn bạc với ông ta và qua một vài sự việc, như việc bảo chúng tôi làm dự toán và sổ chi tiêu về sinh hoạt, việc vận động chúng tôi tập quân sự và đứng nghiêm lúc thấy ông ta đến v.v... là những việc rất ngu xuẩn, mà chúng tôi đều cự tuyệt, thì thấy rõ ông ta chỉ là một anh quân phiệt, tay sai Quốc dân đảng Trung Quốc, chỉ muốn lợi dụng chúng tôi làm tình báo, và đem khả năng của chúng tôi ra khoe khoang với Quốc dân đảng để lấy tín nhiệm mà thôi.

Nhưng cái việc ngu xuẩn nhất là việc ông ta viết tắt cả tên chúng tôi nộp cho Trương Phát Khuê và báo cáo rằng chúng tôi là nhân viên của cơ quan ông ta. Chúng tôi cực lực phản đối, bắt ông ta phải rút tên chúng tôi ra khỏi danh sách, và phải báo cho Trương Phát Khuê biết chúng tôi là những người cách mạng, không phải là nhân viên của ông. Tự nhiên làm như vậy thì ông ta không còn có chỗ đứng, nhưng chúng tôi vẫn kiên quyết đấu tranh đòi phải làm ^[5].

Một hôm, Bác từ Côn Minh đến, chúng tôi bí mật gặp để báo cáo. Bác phân tích tình hình, rồi chủ trương phải bỏ Trương Bội Công và đưa ông Hồ Học Lãm lên Quế Lâm để làm một cơ sở hoạt động. Sau đó ít lâu, chúng tôi thu xếp bỏ Trương Bội Công đi Quế Lâm.

*

Vào khoảng tháng 10 năm 1940, khi chúng tôi đến Quế Lâm thì Bác đã ở đó.

Ông Hồ Học Lãm cũng đã được xếp đặt đến chữa ở bệnh viện Quế Lâm rồi. Chúng tôi thường bí mật gặp Bác ở Biện sự xứ Bát lộ quân để báo cáo và xin chỉ thị về cách hoạt động.

Vấn đề đầu tiên là vấn đề lấy danh nghĩa gì để hoạt động? Bác chủ trương lấy danh nghĩa Việt Nam độc lập đồng minh hội, và mời ông Hồ Học Lãm đứng ra chủ trì để chúng ta dựa vào nó mà hoạt động. Chủ trương đó xuất phát từ chỗ Việt Minh là một tổ chức mà trước kia đã cùng với ông Hồ Học Lãm không phải là cộng sản mà lại thật lòng ủng hộ chúng ta, nếu ông đứng ra sẽ được nhiều điều thuận lợi.

Rất đồng tình với ý kiến này, ông Hồ Học Lãm nhận đứng tên là Chủ nhiệm Việt Minh, giới thiệu chúng tôi đi gặp Lâm Uất bạn học của ông, hiện đang làm Hiệu trưởng Phân hiệu quân sự trung ương tại Quế Lâm, đồng thời là Phó chủ nhiệm hành dinh khu Tây Nam của Tưởng Giới Thạch, mà Lý Tề Thâm là Chủ nhiệm. Qua sự giới thiệu của Lâm Uất, chúng tôi đi gặp Lý Tề Thâm.

Hôm gặp Lý Tề Thâm, chúng tôi đi cả sáu người: Lâm Bá Kiệt^[6], Dương Hoài Nam^[7], Trịnh Đông Hải, Phùng Chí Kiên, Cao Hồng Lĩnh và tôi lấy tên là Lý Quang Hoa. Theo kế hoạch của Bác, chúng tôi chuẩn bị sẵn một bản lý lịch tóm tắt của Việt Minh viết bằng chữ Trung Quốc đưa cho ông, và giới thiệu rằng ở Trung Quốc chúng tôi đã có “Biện sự xứ Việt Minh ở hải ngoại” do ông Hồ Học Lãm là Chủ nhiệm, Lâm Bá Kiệt là Phó Chủ nhiệm. Lúc đưa giấy, chúng tôi nói thêm mấy điểm đại ý như sau:

Ở Việt Nam hiện nay có hai tổ chức chính trị lớn là Đảng cộng sản và Việt Minh. Lực lượng của Đảng cộng sản chủ yếu là công nhân và có sự giúp đỡ quốc tế là Đệ tam Quốc tế. Còn lực lượng Việt Minh thì chủ yếu là trong các tầng lớp trên và ở nông thôn. Chúng tôi vẫn liên hợp với Đảng cộng sản vì họ là một lực lượng chống Nhật khá mạnh. Nhưng chúng tôi cũng rất cần có

sự viện trợ quốc tế, rất mong Chủ nhiệm hết sức giúp đỡ chúng tôi.

Lý Tề Thâm trả lời khá ôn tồn, đại ý như sau: Theo di chúc Tôn Tổng lý, chúng tôi phải giúp đỡ các dân tộc nhỏ yếu, nhưng trong phạm vi tôi có thể làm được thì rất nhỏ, nếu muốn có sự giúp đỡ lớn thì phải do Trung ương Đảng chúng tôi. Cuối cùng, ông ta không quên nhắc chúng tôi: Các anh hợp tác với Đảng cộng sản, cần chú ý đừng để cho họ nắm quyền lãnh đạo!

Qua cuộc nói chuyện với Lý Tề Thâm như vậy, cái danh nghĩa Việt Minh thực tế đã được thừa nhận, và cái danh nghĩa Biện sự xứ Việt Minh cũng mặc nhiên thành ra hợp pháp.

Sau đó ít hôm, Bác gợi ý: Chúng ta hoạt động cách mạng, cũng phải tỏ ra mình đã có cái gì trong tay, không đến nỗi nghèo túng lắm. Chúng ta nên thết anh bí thư của Lý Tề Thâm một bữa tiệc, để y kính nể mình và sẽ giúp mình nhiều hơn. Sau khi được Bác xuất cho một số tiền 500 đồng, chúng tôi đã làm một bữa tiệc chiêu đãi tại một hiệu ăn lớn là Quán Sinh Viên. Kết quả đúng như Bác dự kiến.

Cũng trong thời gian này, Bác đã giới thiệu qua nội bộ để anh Đồng gặp một số nhà văn tiến bộ Trung Quốc, vận động thành lập Hội văn hóa Việt-Trung. Ngày 8-12-1940, Hội được thành lập ở Câu lạc bộ Lạc Quần, lấy tên chính thức là **“Trung-Việt văn hóa công tác đồng chí hội”**. Ông Hồ Học Lãm và anh Đồng được giới thiệu vào Ban lý sự^[8] với tư cách là Chủ nhiệm và Phó chủ nhiệm Biện sự xứ Việt Minh ở hải ngoại. Việc thành lập này, các báo ở Quê Lâm hồi đó có đăng tin. Như vậy là địa vị hợp pháp của Việt Minh lại được đề cao lên một mức.

Lý Tề Thâm trước đây vốn là một người chống Cộng. Nhưng bây giờ với cái chức Chủ nhiệm hành dinh, ông ta chỉ có tiếng mà không có miếng, quyền hành thực sự đều nằm trong tay thiếu tướng Dương Kế Vinh, một tên trùm đặc vụ thân tín của Tưởng Giới Thạch được xếp đặt ở đó để bao vây và giám

thì ông ta. Ông ta thấy rõ điều này, nên đối với Việt Minh mà Trung ương đã đăng ký rồi, tỏ vẻ nhã nhặn và giúp đỡ chút ít thì vẫn không thiệt gì, mà về thể diện thì đối với ông ta lại là một việc có lợi. Còn Dương Kế Vinh thì rất láo xược, mỗi lần gặp chúng tôi, hắn đều tỏ vẻ xoi mói và thường nói chuyện theo kiểu “huấn thị”, thậm chí có lần hắn cứ nằm trên cái ghế xếp mà nói chuyện. Hắn đã biết chúng tôi đối với Trương Bội Công như thế nào rồi, nên không dám trắng trợn quá, nhưng hắn luôn luôn mượn chuyện đả kích cộng sản để thăm dò thái độ chúng tôi.

Một hôm, Dương Kế Vinh đến thăm ông Hồ Học Lãm ở bệnh viện, hắn nói trắng ra rằng chúng tôi là cộng sản. Ông Hồ Học Lãm đã đập lại một vỏ khá mạnh. Ông nói: Đối với cách mạng Việt Nam, các ông chưa giúp được gì, nhưng về phần riêng như cá nhân ông chẳng hạn, thì đã nhờ cách mạng Việt Nam mà phát tài hàng triệu. Ông muốn đảm thanh niên chúng tôi làm tình báo cho ông thì không được đâu, họ là những người cách mạng. Vì ông lười kéo không được nên ông đã vu cho họ là cộng sản chứ gì? Nếu ông nói họ là cộng sản thì ông hãy tìm cho được chứng cứ, tôi sẽ lấy cái đầu của tôi đảm bảo cho họ. Sau đó, Dương Kế Vinh không gặp ông Hồ Học Lãm nữa, và nói ông ấy cậy nhiều tuổi, nói át cả mình đi, mình nói lại không tiện.

Luôn nói đây sơ qua một chút về việc Nguyễn Hải Thần lúc mới đến Quê Lâm đã muốn chia rẽ ông Hồ Học Lãm với chúng ta, ông Hồ Học Lãm cũng đã cho một bài học đích đáng. Ông nói: Anh ^[9] với tôi qua Trung Quốc đã hơn bốn mươi năm mà chưa làm được một việc gì cho dân tộc. Nay chúng ta đã già rồi, phải để cho anh em thanh niên họ làm, chính họ mới là những người có năng lực làm nên sự nghiệp. Hiện nay Trung Quốc muốn đưa chúng ta ra chẳng qua là để cho họ lợi dụng là thôi, chứ thực ra thì chúng ta cũng không thể làm được gì nếu không có lực lượng của anh em trong nước. Tôi khuyên anh cứ ra làm việc tử tế, đừng nên kèn cựa với anh em. Nguyễn

Hải Thần nghe nói, không thích thú lắm, nhưng suy tính lợi hại, thì có chân ở Việt Minh lợi hơn, nên khi ở Quế Lâm, cũng như sau này về Tĩnh Tây, về danh nghĩa, ông ta vẫn tự nhận là người Việt Minh ^[10] .

Trong thời gian hoạt động ở Quế Lâm, nhờ có sự chỉ đạo trực tiếp của Bác, có tiếng nói và thái độ đúng đắn của ông Hồ Học Lãm, có sự ủng hộ tích cực của những người tiến bộ Trung Quốc, chúng ta đã giành được sự giúp đỡ nhất định của Lý Tề Thâm và đã có một địa vị hợp pháp rõ rệt.

*

Sau khi chúng tôi bỏ Liễu Châu đi Quế Lâm thì Trương Bội Công đưa cả đội ngũ về Tĩnh Tây, một huyện của Trung Quốc gần biên giới Cao Bằng.

Trương Trung Phụng, người trong đội của Trương Bội Công nhưng có cảm tình với cách mạng, gửi thư đến Quế Lâm cho chúng tôi, nói cán bộ trong nước chạy ra rất nhiều, các anh nên về gấp. Được tin ấy, Bác liền chỉ định các anh Võ Nguyên Giáp, Vũ Anh và Cao Hồng Lĩnh đi về Tĩnh Tây trước để bắt liên lạc với đám cán bộ đó, đồng thời vận động Trương Bội Công đánh điện lên Quế Lâm mời Biện sự xứ Việt Minh phái người về Tĩnh Tây để bàn tính công việc.

Được điện mời của Trương Bội Công, Bác và chúng tôi xếp đặt về Tĩnh Tây ngay. Lần này ra đi có vẻ đường hoàng vì Lý Tề Thâm đã tặng tám trăm bạc làm lộ phí và cấp giấy chứng minh thư đi đường với danh nghĩa “Hoa Nam công tác đoàn”, đóng dấu có hai chữ “Trung chính” ^[11] đỏ lòe và to tướng. Bác và tất cả chúng tôi kéo về Liễu Châu gặp các đồng chí Cáp, Lộc, Trình, Hiền,... từ Côn Minh đến đương chờ ở đó, rồi cùng nhau đường hoàng đi xe công cộng về Nam Ninh. Đến Nam Ninh ở độ hai ngày, rồi thuê thuyền đi Diên Đông. Trong khi đi thuyền, vì còn bí mật với một số đồng chí, nên Bác

đóng vai một ký giả Trung Quốc, thường nói chuyện với chúng tôi bằng tiếng Trung Quốc, khi nói về thời sự phức tạp thì nói bằng tiếng Pháp do anh Phạm Văn Đồng dịch. Đi thuyền độ bảy ngày thì đi Điền Đông, các anh Đồng, Lộc Trình và Hiền đi xe công cộng về Tịnh Tây trước, còn Bác, anh Phùng Chí Kiên, anh Cáp và tôi thì ở lại Thiên Bảo để chờ tin tức từ phía biên giới đến. Sau một hôm, anh Vũ Anh cưỡi xe đạp đến Thiên Bảo gặp Bác, báo cáo mọi việc chuẩn bị đã xong xuôi. Ngày thứ ba, Bác và chúng tôi đi bộ, ăn cơm trưa ở Túc Vinh ^[12] rồi tiếp tục đi, độ tám giờ tối đến Tân Khư, một phố nhỏ ở dọc đường, cách Tịnh Tây khoảng mười cây số, thì đã thấy các anh Vũ Anh và Hoàng Sâm chờ sẵn ở đấy. Bác và chúng tôi được xếp đặt ở trong một nhà quán chúng ngay trong phố Tân Khư.

*

Bác sở dĩ đến Tân Khư là cốt để chờ sự liên lạc của các đồng chí ở Tịnh Tây và trong nước.

Thời gian này, Bác và chúng tôi thường hẹn anh Đồng, anh Giáp đến gặp ở một chỗ khoảng giữa đường Tân Khư- Tịnh Tây để nghe phản ánh tình hình: Các anh em ở Liễu Châu về đã xếp đặt ổn. Số anh em bốn mươi ba người ^[13] từ Cao Bằng chạy ra, Trương Bội Công đã tập hợp lại tổ chức thành một đơn vị huấn luyện do Trương Trung Phụng phụ trách, nhưng thấy cách đối xử và huấn luyện quân sự theo kiểu phát-xít, nên anh em đã có ý định bỏ Trương Bội Công, chỉ còn nấn ná chờ cơ hội.

Một buổi chiều, Bác, anh Phùng Chí Kiên, anh Cáp và tôi ăn cơm chiều xong, đang đi bách bộ ở ngoài đường, thì gặp hội anh Lê Quảng Ba, Hoàng Sâm đi từ Tịnh Tây đến, nói tình hình nghiêm trọng, không thể ở chỗ Trương Bội Công nữa, đã thu xếp cho anh em ngày mai chạy về biên giới,

còn chúng tôi thì đến Pà Mông sẽ đi đường vòng hội hợp với anh em ở Cột Mả. Bác chỉ hỏi qua loa mấy câu, rồi để cho hai anh cứ đi. Còn Bác và chúng tôi thì vừa đi bách bộ vừa trao đổi ý kiến, thấy như vậy là không ổn, Bác bảo tôi và anh Cáp đi ngay Pà Mông gọi các anh Lê Quảng Ba, Hoàng Sâm về hỏi lại căn kẽ để xếp đặt cho kịp thời và thỏa đáng. Chúng tôi lập tức đi ngay, khoảng mười giờ tối đến Pà Mông, nửa đêm mới trở về đến Tân Khu. Bác giải thích cho anh Lê Quảng Ba biết rằng trong lúc này Quốc dân đảng Trung Quốc và Trương Bội Công đang hết sức cần đến người Việt Nam, nên họ không bắt và làm hại anh em đâu. Cứ về Tĩnh Tây tổ chức cho anh em đi đường hoàng, nói là về nước vận động quần chúng, sau khi đi trót lọt rồi sẽ viết thư cho Trương Phát Khuê phê phán Trương Bội Công và nói rõ lý do về nước của anh em. Như vậy, họ không thể cho mình là chạy trốn, và sau này Trương Bội Công cũng mất điều kiện để lợi dụng cách mạng. Nguyên vùng Tĩnh Tây, Bình Mãnh trong những năm Trung Quốc chống Nhật đã trở thành một bộ phận quan trọng của khu du kích Quảng Tây. Một số đồng chí chúng ta như Lê Quảng Ba, Hoàng Sâm một mặt tham gia du kích với quần chúng Trung Quốc, một mặt phát triển lực lượng cách mạng ở các vùng gần biên giới trong tỉnh Cao Bằng. Đến khi trong nước bị Pháp khủng bố, các đồng chí phải đưa một số cán bộ chạy ra ngoài tạm thời nương náu ở chỗ Trương Bội Công. Bỗng được tin đương cục Trung Quốc có lệnh cho lùng bắt, anh em sợ ở đó không đảm bảo nên mới đột ngột bỏ chạy. Đó là một cách xử lý thiếu sự trông thấy toàn diện mà Bác đã vạch ra và uốn nắn lại.

Sau khi được ý kiến của Bác, anh Hoàng Sâm ở lại Tân Khu với chúng tôi, còn anh Lê Quảng Ba thì trở lại Tĩnh Tây xếp đặt đưa anh em đi một cách công khai về Cột Mả, rồi phân tán rải rác xung quanh đó. Lúc ra đi, Trương Trung Phụng còn tỏ vẻ quyên luyến hẹn anh em sau này lại gặp nhau.

Việc 43 anh em rời Tĩnh Tây đã tiến hành được trót lọt, Bác bảo tôi thảo một bức thư bằng chữ Trung Quốc để anh em gửi cho Trương Phát Khuê. Thảo xong đưa Bác xem, Bác sửa lại mấy chỗ, tôi thấy sửa như thế ý vẫn đúng nhưng văn pháp không đúng, nên có ý thắc mắc hỏi lại. Bác trả lời: Chú chỉ biết viết thư là viết thư, chứ chưa biết chính trị. Người Việt Nam ở vùng dân tộc viết chữ Trung Quốc thế nào mà đúng văn pháp được. Viết sai như vậy họ mới tin là anh em viết. Có thể nói cái thư này hay ở chỗ viết dốt, nếu như viết đúng văn pháp lại là không hay. Việc tuy nhỏ nhưng đối với tôi là một bài học sâu sắc về công tác quần chúng và công tác thực tế.

Từ đó, tôi và anh Hoàng Sâm cứ thường đi lại vùng Pà Mông để củng cố và phát triển công tác quần chúng, vì quần chúng ở đây là những người có cảm tình với du kích, với đường lối của Đảng Cộng sản Trung Quốc và có cảm tình với cách mạng Việt Nam. Chính ở đây, cuối năm 1942, khi Bác còn ở trong nước ra đã lấy một người quần chúng đi dẫn đường, rồi người đó cùng bị bắt một lúc với Bác và bị giam chết ở nhà giam Liễu Châu.

Cuối năm 1940, đầu năm 1941, anh Bùi Đức Minh đưa đồng chí Hoàng Văn Thụ từ trong nước đến Tân Khư gặp Bác để báo cáo tình hình trong nước và tình hình chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương lần thứ tám.

Sau đó ít lâu, cơ sở biên giới đã được chuẩn bị xong, Bác và các anh Phùng Chí Kiên, Đặng Văn Cáp, Hoàng Sâm chuẩn bị về nước; còn tôi, theo chỉ thị của Bác, đi Long Châu để liên lạc và xây dựng cơ sở ở đây.

^[1]cách Trường Sa độ một trăm cây số

^[2]đồng chí bị bắt ở Hương Cảng năm 1938, bị trục xuất qua Sơn Đầu, ở đó huấn luyện dân quân du kích một thời gian rồi về Côn Minh

^[3]một đồng chí trong Chi bộ Vân – Quý đã về nước công tác từ trước

^[4]cách trung tâm Liễu Châu mấy cây số

^[5]Về tình hình Trương Bội Công sau này còn có chỗ nói rõ thêm

^[6]Phạm Văn Đồng

^[7]Võ Nguyên Giáp

^[8]Lý sự ủy viên hội

^[9]chỉ Nguyễn Hải Thần

^[10]việc này sẽ còn nói thêm ở các phần sau

^[11]đầu hành chính của Tưởng Giới Thạch

^[12]chỗ sau này Bác bị bắt

^[13]trong đó có anh Lê Quảng Ba

Hoàng Văn Hoan

Giọt nước trong biển cả

Phần 3: Những năm tháng hoạt động cách mạng ở Trung Quốc
(1935-1942)

P3 - giai đoạn II chương 3 đến 5

III. Hoạt động ở Long Châu

Hôm đi Long Châu, tôi có đi qua Tịnh Tây nhưng không ghé vào chỗ anh em, mà cứ đi thẳng luôn, dọc đường bắt bạn với một người nông dân đi Long Châu mua muối. Đi hơn hai ngày đến Thạc Long, một thị trấn chia cách với tỉnh Cao Bằng bằng một con sông nhỏ. Ở đây có hai nẻo đi: Một nẻo đi qua địa phận tỉnh Cao Bằng thì chỉ có bốn cây số mà đường bằng phẳng dễ đi; một nẻo khác đường xa mười hai cây số mà lại phải trèo qua mười chín đồi núi thì mới đến nơi có chỗ nghỉ đêm. Nẻo đường này người Trung Quốc gọi là “Xập cầu coòng”, nghĩa là mười chín đồi núi. Lúc sắp sửa

đến chỗ rẽ, người bạn nông dân bảo nên đi qua đường Việt Nam cho gần, nhưng chính lại vì mình là người Việt Nam nên không dám đi đường ấy, phải nói dối anh ta rằng tôi là đội viên Đội tuyên truyền kháng Nhật, nếu đi qua Việt Nam mà lính Pháp bắt được thì sẽ lộ chuyện. Vậy anh cứ chịu khó đi qua đường “Xập cầu coòng” với tôi cho vui. Anh ta đồng tình ngay mà không ngần ngại gì. Đi được một đoạn, thì gặp một người lính tuần tra biên phòng, người lính này nghĩ rằng chúng tôi có thuốc phiện hoặc vũ khí nên mới phải đi đường này để tránh Pháp, anh ta liền kiểm tra thấy cả hai người không có gì là đồ cấm, chỉ trong mình tôi có một chứng minh thư của Biện sự xứ Việt Minh, nói được phái đến Long Châu công tác. Anh ta hiểu giản đơn Việt Minh là đoàn thể chống Nhật nên cứ cho đi. Nhưng khi về đến trụ sở chỉ huy của đồn biên phòng, anh ta báo cáo với Thủ trưởng là một thiếu tá thường hay liên lạc với bọn Pháp ở biên giới Cao Bằng và đã từng bắt một số người Việt Nam giao cho Pháp để lấy tiền thưởng. Tên thiếu tá này liền gọi điện thoại báo cho đồn biên phòng ở cuối đường “Xập cầu coòng” biết để đón bắt.

Lúc đã đi hết mười chín đồi núi, xuống đến chỗ đường bằng, trông về phía trước thấy có một cái đồn và có lính đứng gác trước cửa. Tôi hỏi người bạn đường, được biết đó là đồn biên phòng của Trung Quốc, bấy giờ mới yên lòng. Nhưng đi gần đến cửa đồn thì thấy nhiều lính vác súng giắt lưỡi lê từ trong đồn đi ra, có vẻ chuẩn bị đón bắt. Thật vậy, lúc đến gần cửa đồn, một tiếng hô to “Đứng lại!”, rồi bọn lính chĩa súng vây quanh lấy hai người chúng tôi. Họ vẫn khám xét cũng chỉ thấy có cái chứng minh thư của Việt Minh và một tờ Quảng Tây nhật báo, anh đồn trưởng bảo đưa cả hai chúng tôi vào đồn để chờ ủy viên ^[1] đến xét. Tôi nói người cùng đi với tôi chỉ là một người đi mua muối, không có liên quan gì, đề nghị ông để anh ấy đi tự do, còn tôi, tôi sẵn sàng ở đây chờ ủy viên đến. Người buôn muối được tha.

Tôi vào đồn.

Đến chỗ làm việc, anh đồn trưởng hỏi chuyện một cách cặn kẽ. Tôi giải thích cho anh ta nghe Việt Minh là thế nào, và giờ tờ **Quảng Tây nhật báo** ra chỉ đoạn tin nói về việc thành lập **Trung- Việt văn hóa công tác đồng chí hội** ở Quế Lâm cho anh ta xem, và nói thêm rằng: Nếu các ông không tin thì có thể đánh điện lên hỏi ở hành dinh của Tưởng ủy viên trưởng ở Quế Lâm, hoặc đánh điện lên Trùng Khánh hỏi Trung ương cũng được, vì hội Việt Minh của chúng tôi đã đăng ký ở Trung ương Quốc dân đảng Trung Quốc từ đầu năm 1936. Nghe xong, ông ta liền tỏ vẻ khách khí, mời cùng ăn cơm, rồi xếp chỗ cho nghỉ ở đây. Hơn chín giờ tối, anh ủy viên từ Thạch Long đến, tôi cũng trình bày như đã nói chuyện với anh đồn trưởng lúc chiều. Tuy vậy, tôi đoán chắc thế nào họ cũng giải đi Long Châu là nơi cơ quan chỉ huy cấp trên của họ, nên tôi đề nghị sáng mai cho vài người lính hộ tống đưa tôi đến Long Châu. Ông ta đồng tình ngay.

Sáng sớm mai, cơm nước xong, tôi và hai người lính biên phòng cùng đi. Trong khi đi đường, tôi cố dò xem thái độ của họ thì thấy họ đối xử với mình tử tế, tôi đến quán trọ, tuy cùng ngủ ở một phòng nhưng ai ngủ giường nấy, không có vẻ canh gác như giải một người bị bắt. Vì vậy, mỗi lần qua hàng quán ngồi nghỉ, tôi đều mời họ ăn quà, uống nước và nói chuyện thân mật. Cứ cùng đi với nhau như vậy, độ khoảng bốn giờ chiều ngày thứ hai thì đến Long Châu, tôi tán họ, hãy ăn uống nghỉ ngơi một hồi đã, rồi sẽ vào cơ quan. Nói xong, tôi đưa họ vào một quán cơm ngay bên cạnh địa điểm liên lạc mà mình đang muốn tìm. Họ ngồi trong quán, tôi dạo ra ngoài, vừa đi được mười bước thì đã thấy anh Bùi Ngọc Thành và anh Hồ Đức Thành đứng ngay ở trước cửa. Hàn huyên rồi, anh Hồ Đức Thành bàn có thể đi cơ quan ngay, chắc không có việc gì đâu, vì ở đây đã có sự liên hệ với Quân bộ của Quân đoàn ba mươi một.

Tôi liền giục hai anh lính cùng ăn cơm, rồi cùng Hồ Đức Thành đi đến cơ quan gặp Đốc biện là người phụ trách cao nhất ở chuyên khu Long Châu. Lúc đó đã hết giờ làm việc, Đốc biện không điện thoại được với Quân bộ, nên để tôi ngủ ở đó một tối, sáng hôm sau mời cho người dẫn sang Quân bộ. Ở đây tôi được gặp Tham mưu trưởng Cẩm Duy Ứng, và tiếp đó lại được gặp Quân trưởng Vi Vân Tùng. Ông Quân trưởng được nghe tôi báo cáo về Việt Minh, nhưng không quan tâm lắm, mà lại quan tâm hỏi thái độ của Việt Minh đối với Phục quốc quân thế nào? Tôi trả lời: Về mặt tổ chức thì Phục quốc quân là do Nhật xây dựng nên, chúng tôi không thừa nhận, nhưng về cá nhân bất kỳ ai, nếu thật lòng chống Nhật thì chúng tôi sẵn sàng hợp tác. Ông ta có vẻ hài lòng, mời tôi uống nước và dặn sau này có việc gì thì cứ liên hệ với Cẩm Tham mưu trưởng. Thế là việc ở Long Châu được hợp pháp, sự hoạt động được dễ dàng nhờ có sự giúp đỡ của Quân bộ.

*

Ở Long Châu lúc bấy giờ có một nhóm Phục quốc quân bị Pháp đánh và Nhật bỏ rơi nên chạy qua đây, do đương cục Trung Quốc thu dụng. Nhóm này có khoảng năm trăm người tập trung ở huyện Thượng Kim do Hoàng Lương và Một Ý ^[2] chỉ huy; còn một nhóm nữa độ hơn bốn mươi người tập trung ở Lũng Già gần thị trấn Bắc Kiều do một người Việt Nam vận động đưa từ Thất Khê ra, cũng được Quân Bộ thu dụng, đãi ngộ như là một trung đội của Phục quốc quân.

Vấn đề trước hết là phải tìm cách liên lạc xem tình hình các nhóm này thế nào. Việc liên lạc được Cẩm Duy Ứng giúp đỡ, tiến hành khá thuận lợi. Tôi gặp nhóm anh em bốn mươi người ở Lũng Già trước, được biết trong đó có các anh Hoàng Minh Thảo, Nguyễn Thanh Đồng, Hoàng Điền là những

thanh niên dân chủ được tổ chức từ năm 1936, và anh Bé Hà Kinh, một người ở Thất Khê đã có sự liên lạc với cách mạng, tôi liền đặt quan hệ trực tiếp với các anh này để giúp họ hiểu biết về đường lối của Đảng, và qua họ giúp cho anh em thấy rõ việc đưa người ra đây cho Quân bộ dùng là một việc bị lừa dối. Sau khi biết như vậy, số lớn trong số nhóm người này đều bỏ về nước, còn tám người là các anh Hoàng Điền, Hoàng Minh Thảo, Nguyễn Thanh Đồng, v.v... ở lại đi học quân sự, thì khi đến Nam Ninh, Liễu Châu đều nhận là Việt Minh và đấu tranh đòi đi theo Việt Minh.

Còn đối với nhóm năm trăm người Phục quốc ở Thượng Kim thì vì đường xa và không có manh mối gì của mình ở trong đó, nên sự liên lạc không dễ. Một hôm, tôi gặp Cẩm Duy Ứng ngỏ ý muốn đi Thượng Kinh thăm anh em Phục quốc, ông ta đồng ý và cấp giấy giới thiệu cho đi. Tôi đưa Bé Hà Kinh cùng đi vì Bé là người Thất Khê chắc chắn có thể gặp được người quen biết ở trong nhóm đó.

Khi đến Thượng Kinh thì Hoàng Lương đi vắng, Lương Văn Ý đón tiếp chúng tôi tử tế. Chúng tôi tự giới thiệu là người Việt Minh được Quân bộ giới thiệu đến thăm anh em, đồng thời nói tình hình cách mạng trong nước cho ông ta nghe, ông ta tỏ vẻ rất thích. Tôi gợi ý hỏi ông ta rằng tôi muốn gặp anh em có được không? Ông ta trả lời: Cụ Hoàng^[3] đi vắng, tôi không dám quyết định. Ở đây có ông tham nghị họ Hoàng, người Trung Quốc, được Quân bộ phái đến chỉ đạo chúng tôi, nếu được ông ấy đồng ý thì tôi sẽ hạ lệnh triệu tập, vì anh em ở tản ra từng đơn vị nhỏ trong mấy làng xung quanh đây. Tôi liền nhờ Lương Văn Ý cho người đưa tôi đi gặp ông tham nghị. Ông này được nghe tôi kể chuyện Việt Minh đăng ký ở Trung ương, lập Biện sự xứ ở Quế Lâm và đọc thư giới thiệu của Cẩm Tham mưu trưởng, liền bảo Lương Văn Ý triệu tập toàn bộ anh em cho tôi gặp.

Sau hơn một tiếng đồng hồ, các đơn vị đã được triệu tập đến, xếp hàng trên

một bãi cỏ rộng, có người về báo cáo mời Lương Văn Ý và tôi ra. Thật là một chuyện không ngờ, mình chỉ nghĩ gặp anh em là đi đến gặp người này người khác tại chỗ ở của họ, biết đâu lại có một cuộc gặp với nghi thức long trọng như vậy. Nhưng như thế càng oai và càng tốt! Lương Văn Ý giới thiệu tôi với anh em và mời nói chuyện. Tự nhiên đây là một dịp hiếm có để giới thiệu với anh em về tình hình thế giới, tình hình cách mạng trong nước và chủ trương đoàn kết các lực lượng cách mạng ở ngoài nước. Anh em nghe rất phấn khởi. Sau đó các đơn vị giải tán về chỗ ở, chúng tôi cùng một số cán bộ độ hai mươi người cùng về chỗ Lương Văn Ý dự bữa cơm có vẻ như bữa tiệc chiêu đãi. Hôm ấy, trời khô ráo và sáng trăng, ăn cơm xong, một số cán bộ lại kéo chúng tôi ra bãi tập, tiếp tục nói chuyện. Thì ra trong đám này đã có người cảm thấy ở dưới sự kiểm chế của Quốc dân đảng Trung Quốc là không tốt, họ muốn có sự đoàn kết giữa Việt Nam với nhau để “người mình tự quản lấy việc mình”. Đêm hôm đó, hai chúng tôi ngủ lại ở chỗ Lương Văn Ý chuyện trò thêm với ông ta và hẹn sau này sẽ đến gặp Hoàng Lương. Sáng sớm, chúng tôi trở về Long Châu.

Mấy hôm sau, tôi gặp Cẩm Duy Ứng để cảm ơn về việc đã giới thiệu cho gặp Phục quốc quân; đồng thời đề nghị với ông ta về việc lập Biện sự xứ Việt Minh ở Long Châu, và trước mắt thì tạm lấy một danh nghĩa gì đấy để đi lại hoạt động cho dễ. Tôi đề nghị lấy danh nghĩa **Việt Nam Hoa kiều kháng Nhật công tác đội**, và lấy một cái huy hiệu để dùng lúc đi lại cho khỏi phải xin giấy chứng minh của Quân bộ luôn luôn. Ông ta đồng tình. Thế là chúng tôi mở một tiệc trà chiêu đãi giới thiệu việc thành lập **Việt Nam Hoa kiều kháng Nhật công tác đội**, giới thiệu tình hình cách mạng Việt Nam, sau đó đi đâu chúng tôi tự đeo huy hiệu của đội có đóng dấu Quân bộ. Huy hiệu này hiện nay đồng chí Hoàng Điền còn giữ được một cái.

*

Sau Tết âm lịch độ năm sáu ngày, anh Hoàng Sâm đến Long Châu gặp tôi truyền đạt chỉ thị của Bác giao thêm nhiệm vụ mới là lập cơ quan bí mật ở vùng Long Châu để khi cần thiết thì dùng đến. Theo sự giới thiệu riêng của Bác, tôi và anh Hoàng Sâm gặp một cán bộ chỉ huy du lịch ở Long Châu để bàn về việc này. Ông ta giới thiệu đi gặp một ông liên trưởng họ Mã đóng ở vùng Hạ Thạch giáp giới với ta, và chúng tôi đã đến thẳng Hạ Thạch gặp ngay ở liên bộ. Ông liên trưởng họ Mã này có lẽ là một cán bộ của Đảng. Qua mấy ngày ở liên bộ, chúng tôi thấy ông rất giản dị, có cảm tình rất tốt với anh em binh lính và nhân dân địa phương. Ở đó trời mưa phùn đã mấy hôm liền, nhưng ông và ông thôn trưởng đã xắn quần lên cùng chúng tôi đi xen xét nhiều nơi trong vùng, cuối cùng chúng tôi đã tìm được một cái thung lũng có một gia đình nông dân ở, có thể làm cơ quan bí mật đi lại với trong nước, và nếu cần thì có thể in sách, báo, tài liệu ở đó.

Ngoài việc tìm lập cơ quan bí mật ra, chúng tôi còn đến các nơi có cơ sở quần chúng tốt ở Trung Quốc mà trước kia đồng chí Hoàng Văn Thụ đã từng được giúp đỡ, như đến Bản Kịch liên lạc với ông Phan, đến Bản Chang liên lạc với ông Tài Thầu, và liên hệ với một số người có cảm tình với cách mạng Việt Nam ở Long Châu, trong đó có anh Triệu Khổ Nhân, một người biên tập chủ yếu của tờ **Long Châu nhật báo**, để tuyên truyền cách mạng và vận động họ giúp đỡ.

Hoạt động ở Long Châu như vậy có thể nói là có kết quả.

Tôi về Pác Bó để báo cáo công tác. Còn anh Hoàng Sâm vẫn ở lại Long Châu để củng cố thêm tinh thần và giúp đỡ các anh còn ở Lũng Già về ý kiến khi cần có sự giúp đỡ.

IV. Hoạt động ở Tĩnh Tây

Lần này, trên đường về Pác Bó, khi qua Tĩnh Tây, tôi vào chỗ anh em ở mấy hôm để nắm tình hình. Ở đây, các anh Đồng, Giáp đã tổ chức được chỗ ở riêng biệt, không dính với đám Trương Bội Công. Ngoài những anh em ở Côn Minh về, còn có Nguyễn Hải Thần và Trần Bảo cũng nhận là Việt Minh và cùng ở một chỗ. Sự quan hệ với Trương Bội Công bề ngoài không có gì căng thẳng, nhưng ai làm việc này, anh em mình đã có sự liên hệ trực tiếp với Trần Bảo Thương, Chủ nhiệm Chỉ huy sở, đại biểu cho Trương Phát Khuê.

Ở Tĩnh Tây ít hôm, anh Lộc đưa tôi về Pác Bó gặp Bác để báo cáo công tác, rồi lại ra Tĩnh Tây cùng các anh Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp hoạt động công khai. Tôi được chỉ định làm Bí thư Đảng, chịu trách nhiệm báo cáo và liên lạc với Trung ương Đảng trong nước.

Trong thời gian này, công tác chủ yếu của chúng tôi ở Tĩnh Tây là chuẩn bị triệu tập đại hội thành lập hội **Việt Nam dân tộc giải phóng đồng minh** thay cho cái gọi là **Việt Nam dân tộc giải phóng ủy viên hội** mà Trương Bội Công và bè lũ đã tuyên truyền rùm beng là cơ quan lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Nguyên vào khoảng giữa năm 1940, khi Trương Bội Công được gọi ra thành lập cơ quan tỉnh báo, Quốc dân đảng Trung Quốc cho phép y dùng cái tên **Việt Nam dân tộc giải phóng ủy viên hội** in vào phong bì và giấy viết thư để dùng. Đó chẳng qua chỉ là cái biệt hiệu của cơ quan tỉnh báo do Trương Bội Công điều khiển. Tháng tám năm ngoái, lúc ở Liễu Châu, chúng tôi đã thấy, đã hiểu và không thèm đếm xỉa đến. Nhưng khi chúng tôi bỏ Liễu Châu đi Quế Lâm, thì Trương Bội Công vội vã chạy đến Tĩnh Tây mở một tiệc trà chiêu đãi tuyên bố việc thành lập cái “ủy viên hội” ấy và giới thiệu những người phụ trách của “ủy viên hội”, trong đó có Trương Bội Công,

Nguyễn Hải Thần và hai người Hoa kiều.

Chiêu đãi và tuyên bố xong, Trương Bội Công liền phái Nguyễn Hải Thần đi Quế Lâm để vận động xin viện trợ, thì vừa khéo lúc đó các anh Võ Nguyên Giáp, Vũ Anh, Cao Hồng Lĩnh cũng đến Tĩnh Tây, các anh bàn với nhau cử anh Võ Nguyên Giáp cùng đi với Nguyễn Hải Thần để lái ông ta chuyển ra thành người Việt Minh, vì năm 1936 khi thành lập Việt Minh ở Nam Kinh, Nguyễn Hải Thần được chúng tôi gọi từ Quảng Đông lên, có tham gia mọi việc hoạt động rất tích cực. Còn hai anh Vũ Anh và Cao Hồng Lĩnh vẫn ở lại Tĩnh Tây để thực hiện chỉ thị của Bác: Tìm cách nắm lấy số hơn bốn mươi anh em từ trong nước ra; phân hóa đám người của Trương Bội Công, vận động Trương Bội Công đánh điện lên Quế Lâm mời đại biểu Biện sự xứ Việt Minh về Tĩnh Tây để bàn bạc công việc.

Mọi kế hoạch bố trí của ta đều đạt kết quả: Anh Giáp đưa Nguyễn Hải Thần đi Quế Lâm và kéo ông ta về với Việt Minh thật; hơn bốn mươi anh em trong nước ra, ta cũng nắm được thật; Trương Bội Công cũng đánh điện lên Quế Lâm mời Việt Minh thật.

Thực ra, việc chúng ta kéo cả một đoàn người công khai từ Quế Lâm về Tĩnh Tây là kết quả hoạt động dưới sự chỉ đạo tỉ mỉ và khôn khéo của Bác. Tuy nhiên, bức điện của Trương Bội Công vốn có ý nghĩa quan trọng là ở chỗ ông ta phải thừa nhận sự tồn tại của Việt Minh, thừa nhận phải bàn bạc với Việt Minh mới có thể đóng nổi vai trò giả danh cách mạng, mới được sự tín nhiệm của Quốc dân đảng Trung Quốc.

Nhưng chúng ta về Tĩnh Tây lại không phải là để “bàn bạc công việc” với Trương Bội Công, mà để tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng ở ngoài nước, tổ chức lực lượng cách mạng ở trong nước, để đấu tranh vạch mặt y, phân hóa lực lượng của y.

Với mục đích đó, chúng ta đề nghị lập hội **Việt Nam dân tộc giải phóng**

đồng minh mà anh em thường hay gọi gọn là “Hội giải phóng” thay cho cái gọi là **Việt Nam dân tộc giải phóng uỷ viên hội**. Chúng ta đã giải thích: Đã gọi là giải phóng Việt Nam, thì phải có quần chúng Việt Nam, phải có người Việt Nam cả ở ngoài nước lẫn trong nước, chứ nếu chỉ có một nhóm người thoát ly quần chúng quanh quẩn ở đây thì giải phóng gì?

Chúng ta đề nghị thành lập “Hội giải phóng” bằng cách triệu tập một cuộc đại hội ở Tĩnh Tây, gồm đại biểu ở hải ngoại và đại biểu các đoàn thể cách mạng trong nước, để thông qua điều lệ và cử ra ban lãnh đạo chung. Chúng tôi sẽ tham gia và sẽ thông tri cho các đoàn thể Việt Nam trong nước cũng đến Tĩnh Tây tham gia.

Không có lý do gì để bác bỏ, Quốc dân đảng Trung Quốc đành phải đồng ý với đề nghị của chúng ta. Nhưng nói cho đúng thì dụng ý của họ không phải ở chỗ thành lập “Hội giải phóng” mà ở chỗ muốn qua việc đó để dò xem lực lượng thực sự ở trong nước của ta như thế nào. Quốc dân đảng Trung Quốc đã đồng ý thì Trương Bội Công tự nhiên là phải cúi đầu làm, chẳng còn chối cãi vào đâu được.

*

Vào khoảng tháng 4 năm 1941, các đại biểu của ta từ trong nước ra để dự Đại hội thành lập hội **Việt Nam dân tộc giải phóng đồng minh** đã đến đông đủ.

Đại biểu của chúng ta, người từ trong nước ra cũng như người đang ở Tĩnh Tây, hoặc từ Long Châu đến, đều được theo sự nhu cầu trong lúc đó mà “phân vai”. Có người là đại biểu địa phương như đại biểu cho tỉnh này, tỉnh khác, đại biểu cho Trung kỳ, Nam kỳ v.v... Có người đại biểu cho đoàn thể, như thanh niên, nông dân, văn hóa, v.v... Đặc biệt có một người lấy tên Hà

Đức Phương đại biểu cho lãnh tụ Việt Minh là Hoàng Quốc Tuấn vì sức khỏe và đường sá khó khăn quá không thể đến được. Hoàng Quốc Tuấn là một cái tên tự chúng ta bịa ra để giới thiệu với đương cục Trung Quốc.

Dự Đại Hội về phía Trương Bội Công có độ năm, sáu người. Về phía Việt Minh có độ hai chục người. Về phía Trung Quốc có đại biểu đương cục Tĩnh Tây, đại biểu Chỉ huy sở của Trương Phát Khuê, mấy người quân nhân có trách nhiệm ở vùng biên giới, Ngũ Căn Hoa, đội trưởng Trung - Việt biên khu chính trị công tác đội; và Chủ nhiệm Dương Kế Vinh, đại biểu Lý Tế Thâm từ Quế Lâm về.

Đại hội thành lập diễn ra rất đơn giản: Sau khi khai mạc và tuyên bố việc thành lập, anh Hà Đức Phương thay mặt Tổng bộ đọc bức thư của lãnh tụ Hoàng Quốc Tuấn gửi Đại hội; rồi Trương Bội Công đọc bức điện Đại hội gửi “Tuởng uỷ viên trưởng”. Tiếp đó, phía Trung Quốc có Nhan Tăng Vũ, sư trưởng sư đoàn đóng dọc biên giới phát biểu ý kiến tỏ thái độ đồng tình với cách mạng Việt Nam; rồi đến Dương Kế Vinh diễn giảng theo kiểu huân thị, đại ý nói cách mạng Việt Nam không dựa vào sức mạnh Trung Quốc, không ủng hộ Hoa quân nhập Việt thì không thể làm gì được.

Phần nói chuyện xong, Đại hội cử ra Ban Chấp hành Trung ương: Về phía Trương Bội Công có vài người. Về phía Việt Minh có anh Phạm Văn Đồng, anh Võ Nguyên Giáp và tôi là uỷ viên chính thức, Trần Báo là Uỷ viên Trung ương dự khuyết, còn một số người nữa là người ở trong nước, không nhớ tên. Ban giám sát Trung ương gồm có ba người là Nguyễn Hải Thần, Bùi Ngọc Thành và Đặng Văn Cáp mà Nguyễn Hải Thần là Chủ tịch.

Dưới Ban chấp hành Trung ương, chia ra các tổ:

- Tổ Chính vụ: Trương Bội Công , Lâm Bá Kiệt, Dương Hoài Nam, Lý Quang Hoa...
- Tổ Quân sự: Lê Thiết Hùng, Trương Trung Phụng...
- Tổ Ngoại giao: Trần Bảo...
- Tổ Tài vụ: Cao Hồng Lĩnh... ^[4]

Thế là trong danh sách Trung ương, danh sách Ban giám sát và cả danh sách các tổ đều không có một người Hoa kiều nào. Đó là một thắng lợi rất có ý nghĩa. Nguyên trong quá trình vận động, đương cục Trung Quốc và Trương Bội Công cố nài cho được hai người Hoa kiều là Mai Công Nghị và Dương Thanh Dân vào. Đồng chí ta cũng phân vân không dám quyết định, nhưng khi báo cáo với Bác, Bác nói dứt khoát: Đã là cách mạng Việt Nam thì không thể do Hoa kiều lãnh đạo. Chúng tôi đã đấu tranh theo hướng đó, và cuối cùng họ không có lý do gì để áp đặt theo ý muốn của họ.

Đối với Đại hội, Trương Phát Khuê có gửi một bức trướng mừng, đề bốn chữ “Minh chúc thiên nam”, tôi dịch là “Soi rạng trời nam”. Dịch như vậy là có ý muốn lấy bốn chữ dịch bốn chữ cho cân đối và dễ đọc, nhưng nếu dịch đúng theo ý tứ của họ, thì phải dịch là “Nhìn rõ phía Nam của trời”, ý tứ là trời của họ, chứ không phải trời Việt Nam.

Lý Tế Thâm cũng gửi một bức trướng mừng, đề bốn câu thơ:

Trung - Việt dân tộc,

Thuần xỉ quan thiết.

Tiền sử đồ tồn,

Duy thiết dữ huyết.

Bài thơ này, tôi đã dịch thành tiếng Việt và viết luôn vào phía dưới bài thơ chữ Hán. Dịch như sau:

Hai dân tộc Trung - Việt,

Như môi răng quan thiết.

Rửa thẹn, mưu sống còn,

Chỉ có sắt và huyết.

Ngoài ra, còn một bức trưởng mừng của **Hội phản xâm lược đồng minh Triều Tiên** được bọn Quốc dân đảng Trung Quốc nặn ra ở Quế Lâm, do một “Trương Bội Công Triều Tiên” là Lý Nhược Sơn nặn.

Sau khi Đại hội họp xong, Bác kế hoạch cho đưa những thứ này về triển lãm lưu động ở một số nơi trong tỉnh Cao Bằng để gây ảnh hưởng, và tuyên truyền cách mạng ta được “Đồng minh” giúp.

Mục đích ta tham gia tổ chức Hội giải phóng này cốt để hợp pháp hóa những hoạt động của chúng ta ở nước ngoài, và cũng để tranh thủ sự viện trợ ở ngoài về vật chất cũng như về tinh thần được chừng nào hay chừng ấy, nhưng Việt Nam độc lập đồng minh hội vẫn là một tổ chức hoàn toàn độc lập.

Việc thành lập Hội giải phóng theo đề nghị của chúng ta lần này, về chính trị cũng như về thành phần cơ cấu “lãnh đạo”, chúng ta đã chiếm ưu thế tuyệt đối, và có thể nói chúng ta nắm sự chi phối hoàn toàn. Nhưng như vậy, thì cái Hội giải phóng đó có thể coi là một tổ chức lãnh đạo cách mạng được không? Không! Đây chỉ là một cơ cấu chính trị do Quốc dân đảng Trung Quốc và tay sai của chúng định lập ra để phục vụ cho mục đích đen tối, mà chúng ta đã đấu tranh uốn nắn nó thành ra một thứ công cụ có thể dùng để làm lợi cho cách mạng của ta. Về điểm này, ngay bản thân chúng tôi lúc đầu cũng chưa thấm nhuần hết, nên khi Hội thành lập xong, chúng tôi đã xuất bản một tờ báo nhỏ lấy tên là **Giải phóng**. In xong đưa về nước mấy số, Bác xem rồi phê phán và giải thích: Việc lãnh đạo cách mạng là do Đảng ở trong nước, chứ không phải là **Hội giải phóng**. Ra báo thế này sẽ làm cho quần chúng hiểu lầm. Cần đình chỉ, không ra nữa. Những số đã in ra rồi thì chỉ để

mấy tờ gửi cho một số cơ quan của Trung Quốc, còn nữa phải đốt hết, tuyệt đối không được phát cho quần chúng. Việc này tuy cũng bình thường và đã qua đi lâu rồi, nhưng tôi muốn nhắc lại để thấy rõ cái ý nghĩa chiến lược và sách lược của chúng ta do Bác Hồ trực tiếp chỉ đạo trong lúc đó.

*

Trong khi chuẩn bị cho Đại hội thành lập Hội giải phóng, chúng ta ^[5] đã yêu cầu đương cục Trung Quốc giúp huấn luyện cho một số cán bộ quân sự ^[6] và một số cán bộ về môn bộc phá. Đương cục Trung Quốc đã đáp ứng yêu cầu đó với sự tính toán bản thủ là sẽ nhồi sọ cán bộ ta, để từ nội bộ ta chúng nặn ra một số tay sai đặc lực.

Sau khi Hội giải phóng thành lập, cán bộ Việt Minh từ Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên và một ít ở dưới xuôi lục tục kéo ra để dự các lớp huấn luyện. Lớp bộc phá có mười hai người được tổ chức ngay tại Tịnh Tây, bên hồ Đại Long Đàm, gần Chỉ huy sở của Trần Bảo Thương, chỉ huấn luyện độ hai mươi ngày rồi phái về nước công tác. Còn lớp quân sự, có độ sáu mươi người, thì họ bảo tập trung ở Biển Đông với lý do ở Tịnh Tây không có điều kiện vật chất, nhưng thật ra thì họ muốn đưa anh em đi xa để dễ bề khống chế. Khi anh em còn ở Biển Đông, chúng ta đề cử anh Lê Thiết Hùng làm phụ trách, sau họ tìm cách gạt đi, đưa người của họ vào thay, ngăn cản không cho anh em liên lạc với chúng tôi, đồng thời đưa anh em đi Nam Ninh, xa Tịnh Tây hơn, và cứ chần chừ mãi cho đến khoảng cuối năm 1941, mới bắt đầu mở lớp huấn luyện. Trong quá trình huấn luyện họ đã dùng trăm phương nghìn kế để phân hoá và lôi kéo anh em, nhưng kết quả họ đã không lôi kéo được ai, vì anh em biết đoàn kết, đấu tranh, quyết không để một người nào sa ngã thành tay sai của họ.

Đi đôi với âm mưu huấn luyện, họ còn có âm mưu muốn tìm hiểu lực lượng của chúng ta sâu hơn nữa. Trương Phát Khuê yêu cầu chúng ta cho một người sĩ quan họ Lục cấp thượng tá ^[7] vào Việt Nam để quan sát. Bác chỉ thị cứ đồng ý cho vào. Đến Việt Nam, Lục thượng hiệu đã được đi qua những núi cao, rừng rậm, những suối nhỏ, hồ sâu, đã đến nhiều làng bản, đã luôn luôn gặp đội vũ trang của ta, đã đi vòng quanh những trạm gác và đồn lính của địch, và đã ném cái cảnh vất vả. Ban ngày chỉ được ở trong nhà quần chúng hoặc ở trong hang núi, ban đêm mới được đi, đi rất mệt, rất khổ và nhiều lúc rất nguy hiểm; nhưng đến đâu ông ta cũng được quần chúng trai, gái, già, trẻ của các dân tộc Thổ, Mán, Nùng, Kinh hoan nghênh và tiếp đãi rất hậu, với danh nghĩa là tiếp đãi “Bạn đồng minh”. Kế hoạch hướng dẫn đi quan sát và sự tiếp đãi đều do Bác trực tiếp vạch ra và chỉ đạo thực hiện tỉ mỉ.

Quan sát xong, về đến Tĩnh Tây, Lục thượng hiệu viết một bản báo cáo dài năm mươi tờ ^[8] trình Trương Phát Khuê với kết luận: Hơn tám mươi phần trăm nhân dân ở mấy tỉnh mà ông ta đã thị sát ^[9] đều theo Việt Minh, nên Trung Quốc muốn làm gì ở Việt Nam có hiệu quả, nhất định phải liên hệ với Việt Minh mới được. Có nhiên báo cáo của ông ta có nhiều chỗ thổi phồng lên để khoe công, nhưng cái kết luận như thế lại là một thực tế.

*

Một việc buồn cười, là **Hội giải phóng** vừa thành lập xong thì Trương Bội Công chuẩn đi Bình Mãnh ngay, và chỉ mấy hôm sau đó, khi nội bộ chúng ta đang liên hoan với nhau thì Trương Bội Công bị bắt ở Bình Mãnh, với cái tội danh là dính vào việc buôn lậu. Đúng, Trương có làm cái nghề buôn lậu thật, một số học trò quân sự của y đóng quân ở biên giới đã thông đồng với y

chuyển hàng lậu từ Việt Nam về Trung Quốc, đồng thời chuyển vật tư chiến tranh từ Trung Quốc sang cho Nhật và Pháp ở Việt Nam. Nhưng nguyên nhân chủ yếu không phải ở chỗ đó, mà là vấn đề chính trị.

Nguyên Trương Bội Công từ khi được Quốc dân đảng Trung Quốc dùng đến nay đã liên tiếp vấp phải nhiều thất bại: Việc thứ nhất là khi ở Liễu Châu chúng tôi đòi phải rút tên khỏi danh sách đội công tác của ông ta. Việc thứ hai là lớp học sinh hơn bốn mươi người ở Tịnh Tây bỏ về nước và viết thư tố cáo. Việc thứ ba là từ khi đến Tịnh Tây ông ta không đưa được một người nào từ trong nước ra và một người nào từ nước ngoài về, trái lại Việt Minh thì nào là cán bộ, nào là học sinh, hầu như lúc nào cũng có người qua lại. Và việc thất bại lớn nhất là trong việc thành lập Hội giải phóng lần này, độ sức với Việt Minh, ông ta đã tỏ ra là hoàn toàn vô dụng.

Ngoài ra, còn một việc nữa cũng dính đến chính trị là việc bán “ủy nhiệm trạng”^[10] cho một số Hoa kiều mong sau này “Quốc quân” đến thì đã có chức tước sẵn, sẽ được hưởng nhiều quyền lợi. Việc bán ủy nhiệm trạng này làm cho Chính phủ Pháp phải chính thức phản kháng ở Trùng Khánh đòi Chính phủ Trung Quốc phải xử lý. Đây là cái có trực tiếp mà Tưởng Giới Thạch phải hạ lệnh cho Trương Phát Khuê bắt Trương Bội Công. Bắt Trương Bội Công cố nhiên là một hình thức giáo dục để làm cho y sau này trở thành một tay sai ngoan ngoãn hơn. Nhưng cũng có ý nghĩa nữa là ra oai cho người khác biết rằng, quyền trong tay họ, họ muốn bắt ai lúc nào cũng được.

*

Sau khi Trương Bội Công bị bắt, nhóm người bộ hạ của y dần dần phân tán đi, đặt dưới quyền điều khiển trực tiếp của Chỉ huy sở. Mọi hoạt động cách

mạng ở Tĩnh Tây hầu như đều do nhóm Việt Minh nắm cả.

Tháng 5 năm 1941, Trung ương họp Hội nghị lần thứ tám ở Pác Pó, tôi được gọi về tham dự. Nhưng trong quá trình Hội nghị, tôi thường phải chạy đi chạy lại giữa Pác Pó với bên kia biên giới để bố trí việc cảnh giới từ hướng Bắc, bảo đảm an toàn cho Hội nghị ^[1]. Vì vậy, tôi chỉ tham dự Hội nghị một số buổi.

Về chủ trương đường lối mà Hội nghị vạch ra đều đã ghi rõ trong văn kiện của Đảng. Ở đây, tôi chỉ kể lại một vài việc mà trong lúc đó tôi có ấn tượng rất sâu:

- Trong hội nghị, theo ý kiến của Bác, Trung ương đã quyết định đổi tên **Mặt trận phản đế Đông Dương** thành **Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh**, gọi tắt là **Việt Minh**. Như vậy, tổ chức Việt Minh mà chúng tôi sử dụng ở Trung Quốc hồi đầu năm 1963 như một sách lược đối phó với hoàn cảnh để hoạt động hợp pháp, thì từ cuối năm 1940, qua sự chỉ đạo của Bác, đã có những hoạt động thực sự, và nay đã trở thành một mặt trận rộng rãi, tập hợp quần chúng đông đảo của các hội cứu quốc, thực hiện đường lối chiến lược “liên minh tất cả các lực lượng giai cấp, đảng phái, các nhóm cách mạng cứu nước, các tôn giáo để chống Pháp, Nhật”, như nghị quyết Trung ương đã xác định.

- Trong Hội nghị, các đồng chí đề nghị Bác làm Tổng bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng để trực tiếp lãnh đạo cách mạng cả nước, nhưng Bác đã kiên quyết từ chối, và đề nghị cử đồng chí Trường Chinh, người đã từng lãnh đạo công tác Đảng trong nước, đảm nhiệm chức vụ Tổng bí thư của Đảng. Tuy vậy, đồng chí Trường Chinh cũng như toàn thể Trung ương vẫn coi Bác là bậc thầy, vẫn dành cho Bác quyền lãnh đạo cao nhất.

Hội nghị Trung ương xong, các anh Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt về xuôi hoạt động. Vì đường đi từ Pác Pó về xuôi bị địch kiểm soát gắt gao,

nên phải vượt biên giới sang Trung Quốc, đi vòng qua Long Châu, rồi về lối Thất Khê, Lạng Sơn. Anh Cao Hồng Lĩnh tổ chức chuyến đi này. Khi qua các trạm gác của Quốc dân đảng Trung Quốc, anh Lĩnh cứ dùng giấy đi đường “Hoa Nam công tác đoàn” do Lý Tế Thâm cấp cho chúng tôi trước đây, nên khi gặp rắc rối đã giải quyết được trót lọt, không xảy ra việc gì đáng tiếc.

Về phần tôi, sau Hội nghị Trung ương, tôi cũng đi Long Châu để xếp đặt công việc ở đó, đặc biệt là việc thành lập Biện sự xứ Việt Minh ở Long Châu và giới thiệu anh Cao Hồng Lĩnh làm Chủ nhiệm Biện sự xứ.

Cũng trong thời gian này, tôi đã gặp các anh Hoàng Văn Kiêu, Bé Chấn Hưng từ Lạng Sơn chạy ra, tôi đã phổ biến chương trình và phương pháp hoạt động của Việt Minh, phái các anh về củng cố cơ sở ở vùng Hội Hoan và các vùng gần biên giới Việt – Trung. Đó là một công việc có liên quan đến công tác Nam tiến sau này nhằm đánh thông đường Cao Bằng - Lạng Sơn xuống Thái Nguyên.

*

Mọi công tác của Việt Minh đều phát triển thuận lợi. Nhưng không phải là thuận lợi cho mưu đồ xấu xa của Quốc dân đảng Trung Quốc, càng không phải là thuận lợi cho việc Hoa quân nhập Việt. Về điều này đương cục Trung Quốc hiểu rất rõ, đặc biệt là Trần Bảo Thương, người trực tiếp phụ trách Chỉ huy sở Tịnh Tây lại càng rõ hơn ai, và càng có trách nhiệm phải tích cực đối phó.

Nếu trước kia ông ta đặt hy vọng vào Trương Bội Công, thì bây giờ Trương đã bị bắt, ông ta đặt hy vọng vào Nguyễn Hải Thần và Trần Báo, những người cũng có danh nghĩa là “phụ trách” của Việt Minh và là người mà ông

ta nhận thấy có thể tin cậy.

Thời gian trước và sau khi lập **Hội giải phóng**, Trần Bảo Thương định dùng thủ đoạn lung lạc, nên đối với chúng tôi có vẻ rất trịnh trọng và rất tốt. Cứ thường thường mời chúng tôi đến ăn cơm, một vài tuần lại mời chúng tôi đến nói chuyện về tình hình Việt Minh cho nhân viên Chỉ huy sở và một số cơ quan hữu quan nghe. Khi chúng tôi đến nói chuyện, Trần Bảo Thương thường chạy ra cửa đón bắt tay, và mọi người đều đứng dậy chào rồi mời ngồi xuống như một lớp học chào thầy giáo rồi mới nghe giảng.

Có lần ông ta còn ngỏ ý muốn ủy nhiệm tôi làm thượng tá để “dễ bề liên lạc”. Nhưng chúng tôi đã biết đây là một thủ đoạn nhằm biến mình ra thành người bộ hạ của họ, để họ dễ sai khiến, nên chúng tôi đã báo cáo với Bác, và cự tuyệt không nhận. Nhưng cũng trong thời gian này, Nguyễn Hải Thần lại gọi cháu gái và cháu rể về Tĩnh Tây chạy chọt xin việc làm ở Chỉ huy sở; chúng tôi giải thích và nghiêm nghị nói dứt khoát là không nên làm như thế, Nguyễn Hải Thần vẫn bí mật đi lại Chỉ huy sở nài xin.

Mục đích của Nguyễn Hải Thần đi với chúng ta là cốt để có địa vị, có danh vọng và lợi lộc riêng, nhưng trong quá trình gần gũi, ông ta thấy chúng ta chỉ là những người cách mạng, không vì danh lợi, và cũng không giúp gì cho ông ta. Thêm vào đó lại có Trần Báo là một tên phản Đảng, hàng ngày to nhỏ mách nước cho ông ta cùng tìm cách đẩy chúng tôi đi chỗ khác để chúng có thể choán được vị trí chi phối. Chúng đã báo cho Trần Bảo Thương biết chúng tôi là cộng sản, và bịa đặt ra chứng cứ để xác minh điều chúng báo cáo. Cho nên sau khi Hội giải phóng được thành lập chỉ mấy tháng thì Trần Bảo Thương tỏ vẻ lạnh nhạt với chúng tôi, có khi nói thẳng ra rằng chúng tôi là cộng sản. Và một việc rất láo xược là Dương Kế Vinh đã trắng trợn nêu ý kiến đòi anh Phạm Văn Đồng và anh Võ Nguyên Giáp phải đi Trùng Khánh học Tam dân chủ nghĩa! Những chuyển biến đó chúng tôi đều

về Pác Pó báo cáo với Bác. Sau khi nghe báo cáo và nghiên cứu đầy đủ, Bác chủ trương các anh Đồng, Giáp, Lê Thiết Hùng, Cao Hồng Lĩnh và một số người khác đều về nước; còn tôi thì ở lại với nhiệm vụ duy trì cứ điểm Tịnh Tây, và hòa hoãn được Nguyễn Hải Thần chừng nào hay chừng ấy. Cụ Lê Nhuận Chi, anh Phạm Việt Tử, anh Mã Thành Kính cũng ở lại Tịnh Tây với tôi.

Việc đại bộ phận các đồng chí ta kéo về nước đã làm cho Nguyễn Hải Thần hí hửng, càng tỏ ra đối lập. Còn Trần Bảo Thương thì hết sức bức tức, bất kể có chuyện gì đều to nhỏ với Nguyễn Hải Thần và Trần Bảo, ông ta chẳng những không vốn vĩa với tôi như trước, mà còn hết sức tránh không gặp. Tôi về Pác Pó báo cáo, Bác chủ trương hãy cứ cố gắng duy trì thêm nữa, Trung ương sẽ bố trí người gặp Nguyễn Hải Thần để thuyết phục, may ra có thể giữ ông ta lại được. Nhưng lần này, tôi trở lại Tịnh Tây thì Nguyễn Hải Thần lại càng căng. Ông ta đã kéo cụ Lê Nhuận Chi, anh Phạm Việt Tử, anh Mã Thành Kính đi ăn ở một chỗ khác ngoài trụ sở của Việt Minh trước kia, để cô lập tôi về mặt chính trị và làm khó khăn về mặt kinh tế. Đồng thời ông ta báo cáo với Trần Bảo Thương là Việt Minh có âm mưu ám sát ông ta.

Cuối năm 1941, tôi lại về Pác Pó báo cáo, Bác nói: Tình hình Tịnh Tây như vậy là tôi có thể sắp xếp về nước công tác, nhưng hãy đến Bình Mãnh tìm cách báo cáo cho Trần Bảo Thương biết là mình về nước, để khỏi mang tiếng “chạy trốn”, rồi sẽ về. Chuẩn bị xong, đồng chí Đàm Minh Viễn đưa tôi ra Bình Mãnh ở nhà Lương Tĩnh Sơn, Chủ nhiệm Biện sự xứ của Chỉ huy sở Bình Mãnh. Lương là một người thường tỏ vẻ tiến bộ, hay trao đổi ý kiến về cuộc kháng chiến Trung Quốc, về tình hình quốc tế với chúng tôi, thường hay gặp các đồng chí Lê Quảng Ba, Hoàng Sâm, Đàm Minh Viễn, và tỏ vẻ đồng tình với cách mạng Việt Nam. Nhưng ở nhà Lương Tĩnh Sơn chỉ một buổi tối, thì sáng hôm sau tôi bị bắt ở đó.

V. Bị bắt ở Bình Mãnh

Việc tôi bị bắt ở nhà Lương Tĩnh Sơn là một việc có lai lịch. Lương Tĩnh Sơn vốn là một anh tư sản nhỏ kiêm địa chủ ở Bình Mãnh, được Trần Bảo Thương ủy nhiệm làm chuyên viên ở Bình Mãnh với chức thiếu tá. Hắn thường đi lại Tịnh Tây để báo cáo công việc với Chỉ huy sở, và thường gặp chúng tôi, tỏ ra là một người thân thiện, đôi khi đưa những sách báo tiến bộ cho chúng tôi xem, hoặc cho chúng tôi biết những tin tức có tính chất “nội bộ”. Đồng thời ở Bình Mãnh, mỗi lúc có anh Lê Quảng Ba, Đàm Minh Viễn, Hoàng Sâm đến đó vẫn thường ở nhà hắn. Lần này từ Pác Pó về nhà hắn, tôi liền nhờ hắn gọi điện thoại báo cho Trần Bảo Thương biết là tôi hiện đang ở Bình Mãnh, nhưng hắn nói quanh co không chịu điện thoại, tôi đã có ý nghi ngờ nhưng vẫn tỏ vẻ bình tĩnh như không có ý nghĩ gì.

Tối hôm ấy, hắn cưới vợ lẽ, tôi còn bỏ ra mấy đồng bạc để mua pháo mừng hắn. Trong lễ kết hôn, hắn mời tôi ăn cơm với Đường Ngạn, một tay thổ phỉ nổi tiếng ở địa phương được Trần Bảo Thương phong chức tham nghị với cấp thượng tá. Cùng ăn cơm còn có anh hương trưởng và anh giáo viên ở Bình Mãnh. Có thể nói đó là một mâm cỗ thết những người thượng khách mà Lương Tĩnh Sơn là người chủ ngồi tiếp đãi từ đầu đến cuối. Tiệc vui xong, tôi nghỉ ngay ở nhà khách của hắn. Sáng sớm, tôi còn ngủ, hắn đã đến bên cạnh giường lay tôi và nói: Đồng chí Lý! Hương trưởng muốn mời đồng chí. Bừng mắt dậy thì thấy bốn anh lính đồng có đeo súng pác-học đã đứng bên cạnh giục tôi mặc áo đi qua hương công sở ngay.

Đến hương công sở, chúng chẳng nói chẳng rằng, bắt tôi cùm lại ở bên chái nhà, rồi bỏ đi. Sau hai tiếng đồng hồ, thấy anh giáo viên đi qua, tôi gọi anh ta nhờ đi nói với Lương Tĩnh Sơn rằng tôi muốn gặp. Anh giáo viên cũng chỉ ì ề một vài câu, rồi bỏ đi. Khoảng mười giờ, Lương Tĩnh Sơn cho người

nhà mang cơm đến, tôi từ chối không ăn. Độ khoảng mười một giờ, Đường Ngạn đến thấy tôi bị cùm tỏ vẻ sùng sốt và bức tức, hấn gọi bọn lính đồng đến mắng: Chúng mày không biết đồng chí Lý là một người cách mạng Việt Nam hay sao? Dù trên có lệnh giữ đồng chí ấy, chúng mày cũng phải đối xử một cách lễ phép. Ở đây, chúng mày có đồng người, có vũ trang, đồng chí ấy còn chạy đi đâu và còn kháng cự gì được mà chúng mày đối xử một cách dã man như thế! Chúng mày phải mở cùm cho đồng chí ấy ngay!

Bọn lính đồng mở cùm xong, Đường Ngạn liền mời tôi cùng ngồi ở bàn nói chuyện. Hấn nói: Không hiểu ở trên Chỉ huy sở hay ở trên Trung ương hiểu làm đồng chí như thế nào, nhưng bọn nhãi con ở đây đã vô lễ với đồng chí, xin đồng chí đừng chấp. Bây giờ, hương công sở theo lệnh trên sẽ giải đồng chí đi huyện Trấn Biên, phải đi đường hơn ba ngày và qua ba hương công sở, tôi sẽ gọi điện cho các hương công sở ở địa phương dọc đường chiếu cố đồng chí. Còn bây giờ ra đi, tôi sẽ cho một người đi hộ tống để bọn nhãi con không dám làm bậy. Nói xong hấn bảo bọn lính đồng ra phố đặt một bát phở ngon đưa về mời tôi ăn.

Nghe nói và thấy cử chỉ của Đường Ngạn như thế, tôi hiểu rằng đây chỉ là một tấn kịch có bố trí, chứ Lương Tĩnh Sơn, hương trưởng, thầy giáo hay Đường Ngạn cũng chỉ là một đồng một cốt mà thôi. Ăn phở xong, bốn tên lính đồng có mang súng và mang theo một cuộn thừng, giục tôi lên đường. Đường Ngạn liền gọi ngay anh cán bộ của hấn mang một khẩu pác-hoọc cùng đi với tôi và bốn anh lính đồng. Đi đường, bụng bảo dạ rằng chuyến này thế nào chúng cũng giết ngầm mình ở dọc đường, vì trước đây đã nghe chuyện anh Vi Nam Bào, một người Việt Nam ở Long Châu cũng bị chúng giải đi và giết ngầm ở dọc đường. Nghĩ vậy, nên mỗi lúc đi qua khoảng rừng rậm hễ thấy có lối đường mòn rẽ về một bên, thì đã chờ đợi việc chúng đưa vào đường rẽ để bắn chết. Nhưng sau nhiều lần đi qua quãng rừng rậm đều

không thấy xảy ra việc gì, nên tôi có phần yên tâm. Gần tối, đến một hương công sở thì thấy anh hương trưởng từ trong chạy ra, gọi thẳng tên tôi là đồng chí Lý, rồi mời vào công sở. Xem giấy má và ký nhận xong thì bốn anh lính đồng và anh cán bộ của Đường Ngạn ở Bình Mãnh chào hương trưởng, rồi đi chỗ khác, còn hương trưởng vẫn ngồi nói chuyện với tôi. Một hồi, cơm trong nhà bung ra có rượu thịt tử tế. Ông ta cùng ngồi ăn với tôi và khuyên đừng ngại, chắc có sự hiểu lầm gì đây, đến huyện sẽ được giải quyết thôi. Đêm hôm ấy, tôi được xếp ngủ ở trong phòng làm việc của hương trưởng, có chăn màn tử tế, và cũng có mấy người lính gác, nhưng chỉ đốt lửa ngồi sưởi ở phòng bên ngoài.

Ngày hôm sau, hương trưởng này cho hai anh lính đồng giải tiếp đi, một mặt gọi điện thoại cho hương trưởng sắp tới, nói Đường tham nghị^[12] dặn phải chiếu cố đồng chí Lý, không được ngược đãi. Buổi chiều đến hương thứ hai, thấy anh hương trưởng này cũng vẫn đối đãi tử tế. Và đến hương thứ ba cũng vậy. Đường Ngạn là một anh thổ phi sao lại đối đãi với mình tốt như thế? Lúc đó cứ nghĩ rằng hắn là thổ phi nhưng vẫn có một chút khí phách giang hồ; sau nghĩ kỹ thì thấy rằng đây có lẽ là một sự bố trí của Trần Bảo Thương để hòng sau này còn có thể mua chuộc mình được.

Khi gần đến huyện Trấn Biên, tôi lấy tờ danh thiếp mang tên Lý Quang Hoa và chức vụ Ủy viên Trung ương Ban Chấp hành của Hội giải phóng Việt Nam, viết sẵn mấy hàng chữ ở mặt sau nói muốn được gặp mặt huyện trưởng để trình bày.

Nguyên ông huyện trưởng này trước kia đã đến Tĩnh Tây nhiều lần, có lần cùng ăn cơm với chúng tôi trong bữa tiệc do chuyên viên khu Thiên Bảo chiêu đãi. Ông này có cảm tình với cách mạng Việt Nam và rất khâm phục Nguyễn Hải Thần. Khi đến huyện, tôi đưa ngay tám danh thiếp cho người truyền đạt nhờ trình bày với huyện trưởng đang đứng làm lễ hạ cờ ở gần

cổng huyện. Ông ta nhận được danh thiếp liền đến gặp tôi và đi thẳng vào phòng thu phát hỏi lấy công văn, rồi đưa tôi lên công đường, vào phòng riêng cùng ngồi.

Trước khi đi vào câu chuyện, ông ta giở công văn ra xem, tôi ngồi trước mặt trông thoáng qua đoạn đầu, thì ra chính Lương Tĩnh Sơn đã báo cho Trần Bảo Thương và Trần Bảo Thương mệnh lệnh cho y nói với hương trưởng ở Bình Mãnh hợp đồng bắt tôi giải lên huyện. Xem công văn xong, ông ta nói: Theo tinh thần trong giấy tờ thì có lẽ người ta nghi cho anh có quan hệ với địch? Tôi đã biết rằng việc bị bắt là do Nguyễn Hải Thần, mà huyện trưởng này rất phục Nguyễn Hải Thần, nếu sau này ông ta biết rõ Nguyễn Hải Thần đề nghị bắt, thì có lẽ ông ta cũng cho mình là người không tốt. Vì vậy, tôi đã kiếm lời đón trước với ông ta: Tôi lần này bị bắt chắc không phải là chuyện gì hiểm nghi, mà chính là vì trong nội bộ chúng tôi có hai ý kiến khác nhau về chủ trương cách mạng: Một ý kiến cho rằng cách mạng Việt Nam thì phải dựa vào lực lượng Việt Nam là chính, mà lực lượng đó là cơ sở quần chúng Việt Nam; một ý kiến cho rằng cách mạng Việt Nam trong lúc này không cần tổ chức quần chúng mà chỉ nhờ vào việc Hoa quân nhập Việt là có thể giải quyết. Tôi là người chủ trương theo ý kiến trên. Có lẽ vì thế mà người ta muốn gây khó dễ cho tôi. Tôi đề nghị ông cứ đưa tôi về Tĩnh Tây gặp chủ nhiệm Trần Bảo Thương thì mọi việc sẽ rõ ràng. Huyện trưởng nghe xong, ngẫm nghĩ một chút, rồi nói: Việc nội bộ của các anh chúng tôi không hiểu nhưng tôi đã quen biết anh, tôi sẽ hết sức giúp anh trong phạm vi quyền hạn của tôi. Nói xong, ông ta gọi người giám ngục đến dặn rằng: Đồng chí Lý là một người cách mạng Việt Nam, không biết vì sự hiểu lầm gì mà ở trên giao chúng ta tạm giữ, vậy anh đưa đồng chí Lý xuống dưới trại cùng với anh, và đối đãi tử tế, để chờ chỉ thị.

Tôi tỏ lời cảm ơn huyện trưởng, rồi cùng đi xuống chỗ anh giám ngục, cùng

ở chung một phòng và cùng ăn cơm với anh ta, chứ không bị nhốt vào nhà giam như các tù phạm khác. Sau đó khoảng độ hai mươi ngày, huyện trưởng gọi tôi lên huyện đường với sắc mặt vui mừng và nói: Việc anh đã được giải quyết, chúng tôi đã nhận được chỉ thị của Chủ nhiệm Trần Bảo Thương bảo đưa anh về Tĩnh Tây. Ngay lúc đó, cảnh sát trưởng ở huyện được gọi đến giao nhiệm vụ chuẩn bị ngày mai đưa tôi lên đường. Lần này từ Trấn Biên đi Tĩnh Tây, tuy cũng là một người bị giải đi, có cảnh sát trưởng và bốn người cảnh sát cùng đi theo, nhưng đi đường họ đối xử rất tử tế, không có vẻ đối xử như một người tù. Đi đường bốn hôm đến Tĩnh Tây, anh cảnh sát trưởng đưa tôi vào Chỉ huy sở làm thủ tục giao người xong thì xin ra về. Khi rời Chỉ huy sở, anh ta còn chào tôi theo lối nhà binh và nói sau này mong có dịp gặp nhau.

*

Từ Trấn Biên đến Tĩnh Tây vào khoảng đầu năm 1942. Chỉ huy sở nơi mà mình được giải đến chính là nơi trước kia thường được mời đến ăn tiệc và báo cáo tình hình Việt Nam. Ông Khoa trưởng, người phụ trách mình lại là người trước kia đã thường đưa đón mình và nghe mình báo cáo, nên đối với mình vẫn khách khí, ông ta nói: Hiện nay Chủ nhiệm còn đi Liễu Châu độ vài ba tuần nữa mới về, đồng chí cứ ở đây với chúng tôi, có việc gì Chủ nhiệm về sẽ giải quyết. Thế là tôi được xếp ở trong một cái phòng gần chỗ ông ta làm việc, ăn cơm ngay ở Chỉ huy sở và có một người lính cần vụ giúp đỡ những việc cần.

Mấy hôm đầu tôi còn dè dặt không đi ra ngoài, nhưng dần dần thấy bình thường nên thử đi ra ngoài cơ quan dạo chơi xem, luôn dăm bảy ngày như thế mà vẫn không thấy ai chú ý gì cả. Một hôm tôi nói với anh cần vụ là tôi

sẽ đi ra phố, không thấy anh ta phản ứng gì và cũng không thấy báo cáo với người phụ trách. Tôi liền đi ra cổng, rồi đi thẳng đến chỗ trụ sở cũ của mình, thì thấy nhà cửa vắng teo, chỉ có vợ chồng Vi Đức Minh ở đấy, hỏi ra mới biết Nguyễn Hải Thần và tất cả mọi người đều đã đưa nhau đi Liễu Châu, còn Vi Đức Minh nay là nhân viên của Chỉ huy sở nên vẫn ở lại. Sau đó đi dạo qua một lượt quanh tất cả các phố, thấy cảnh tượng đều như cũ, người qua lại tấp nập trên phố đều là người Trung Quốc, không ai hiểu mình là thế nào và có tâm tư gì.

Dạo phố xong, về đến Chỉ huy sở, tôi giờ bức thư mà lúc nãy lấy ở chỗ Vi Đức Minh ra xem, thì ra là thư của anh Lê Tùng Sơn từ Côn Minh gửi đến. Nguyên từ khi rời Côn Minh cho đến nay, tôi cũng như anh Vũ Anh đều không liên hệ với anh em Côn Minh, nay xem thư thì mới biết anh Lê Tùng Sơn vẫn tiếp tục đấu tranh chống bọn Vũ Hồng Khanh, và nhờ sự giới thiệu của người bạn Trung Quốc, anh được biết tình hình và địa chỉ chúng tôi, nên mới viết thư tỏ ý muốn đến Tĩnh Tây gặp nhau để bàn bạc công việc. Tôi liền viết thư trả lời nhanh, khuyên đấu tranh với Vũ Hồng Khanh cần phải có sách lược để duy trì cho được cơ sở ở đó; còn việc đi Tĩnh Tây thì hiện nay chưa nên, vì anh em đã về nước hết, đi đến sẽ gặp khó khăn. Như thế là tôi đã gián tiếp báo tin và nói được ý kiến về công tác với anh em ở Côn Minh đã hơn một năm không có liên lạc.

Ở Chỉ huy sở được độ hai mươi hôm thì Chủ nhiệm Trần Bảo Thương ở Liễu Châu về. Sau khi nghỉ ngơi độ vài giờ, ông ta cho người mời tôi đến nói chuyện. Ông ta nói: Gần đây có sự hiểu lầm nhau nên đã làm phiền đến anh, bây giờ các đồng chí Việt Nam đã đi Liễu Châu hết, anh tính thế nào? Tôi trả lời ngay: Tôi cũng biết Chủ nhiệm đã hiểu tôi, nên mới bảo huyện trưởng Trần Biên đưa tôi về đây, và trong thời gian ở đây, qua việc Khoa trưởng đối xử tốt, tôi đã biết là Chủ nhiệm không có ý nghĩ gì xấu đối với

tôi. Tôi rất cảm ơn. Bây giờ các đồng chí Việt Nam không còn ai ở đây nữa, tôi đề nghị Chủ nhiệm cho tôi đi Liễu Châu gặp các đồng chí Việt Nam để bàn tính công việc. Ông ta vui vẻ trả lời: Được! Tôi sẽ giúp đỡ anh. Thế là ngày hôm sau có xe đi Liễu Châu, ông ta cho giấy giới thiệu lên gặp Bộ tư lệnh Quân khu bốn, tức là Bộ tư lệnh của Trương Phát Khuê. Đồng thời đưa cho một cái phong bì trong đó có năm trăm bạc làm lộ phí, và gọi người phó quan dẫn dò đưa tôi lên xe cùng đi Liễu Châu. Nói cho đúng là đưa đi Liễu Châu để giám thị.

Cuộc đấu tranh mới lại tiếp tục, nhưng không phải chỉ đối phó với nhóm Trương Bội Công như trước kia, mà phải đối phó ngay với Nguyễn Hải Thần, Trần Bảo, với nhóm Phục quốc và cả với chủ trương của Quốc dân đảng muốn lập Chính phủ bù nhìn Việt Nam để phục vụ việc Hoa quân nhập Việt.

^[1]chức vụ của người chỉ huy đồn biên phòng có trách nhiệm làm việc giao thiệp với Pháp

^[2]Lương Văn Ý là quan một hồi Pháp thuộc nên gọi là Một Ý

^[3]tức Hoàng Lương

^[4]Về tên người cụ thể có thể có chỗ chưa thật chính xác, sau này sẽ điều tra thêm

^[5]Việt Minh

^[6]theo ý Bác là cốt để có người lấy súng của chúng mang về

^[7]gọi theo kiểu Trung Quốc là Lục thượng hiệu

^[8]có đưa cho chúng tôi xem

^[9]sự thật chỉ loanh quanh trong một số khu vực được chúng ta bố trí

^[10]giấy uỷ nhiệm làm chức này, chức nọ

^[11]Anh Chu Văn Tân chịu trách nhiệm cảnh giới từ hướng Nam, phía Lạng Sơn

^[12]tức Đường Ngạn

Hoàng Văn Hoan

Giọt nước trong biển cả

Phần 3: Những năm tháng hoạt động cách mạng ở Trung Quốc (1935-1942)

P3 - giai đoạn II chương 6

VI. Cuộc đấu tranh ở Liễu Châu

Xe đến Liễu Châu không dừng ở ngoài phố mà chạy thẳng vào trong Bộ tư lệnh Quân khu bốn, tôi chợt nghĩ có lẽ họ sẽ bắt mình cùm lại đột ngột như ở hương công sở Bình Mãnh? Nhưng khi xe dừng lại trước cửa phòng truyền đạt. Người phụ trách phòng truyền đạt nói ngay: Ở đây có một lớp huấn luyện vô tuyến điện cho các đồng chí Việt Nam do ông Hồ Quốc Tuý phụ trách. Có lẽ đồng chí đến đây gặp ông Hồ Quốc Tuý trước, rồi sau muốn gặp ai thì tùy đồng chí.

Hồ Quốc Tuý tên là Trương Quốc Trụ, gọi là Trụ Đen, là một người Việt kiều ở Vân Nam trước kia chống tại Nguyễn Thế Nghiệp, Vũ Hồng Khanh, đã gặp chúng tôi ở Nam Kinh và được chúng tôi giác ngộ theo Đảng. Hiện nay anh ở đây phụ trách nhóm học vô tuyến điện gồm bốn người Việt Minh và ba người Phục quốc cũng có cảm tình với Việt Minh. Gặp tôi, anh Trụ rất mừng, vì trước đây Nguyễn Hải Thần và Trần Báo đã phao tin là tôi bị bắt và thể nào cũng bị giết chết. Anh kể lại cho tôi nghe tình hình hoạt động của

các nhóm Việt Nam ở đây và cho biết Nguyễn Hải Thần được Trần Báo làm quân sư quạt mo, đã tự nhận mình là đại biểu cho Việt Minh, mà cụ thể là đại biểu cho anh em học sinh học ở lớp vô tuyến điện và lớp quân sự. Anh em chẳng ai thừa nhận chúng nó, nhưng không biết tình hình ở trong nước và ở Tĩnh Tây ra sao, còn nghe ngóng xem, nên cũng không phủ nhận.

Hôm ấy, tôi ở lại chỗ anh Trụ cùng ăn cơm và nói chuyện suốt đêm. Qua cuộc nói chuyện đã nắm được một số tình hình như sau:

Nguyễn Hải Thần hiện nay đã được Trương Phát Khuê giúp cho mấy nghìn bạc, và có một cái nhà ở hai tầng, không phải trả tiền nhà. Cụ Lê Nhuận Chi, các anh Phạm Việt Tử, Mã Thành Kính, Từ Chí Kiên và Trương Trung Phụng cũng đều ở đấy. Về công việc hoạt động ông ta chỉ bàn bạc với Trần Báo, đầu đuôi ra sao anh em mọi người đều không biết. Tiền được Trương Phát Khuê giúp ông ta cũng nắm hết, anh em có người không có giấy đi cũng không có tiền mua, ngay cụ Lê Nhuận Chi thường đau bụng luôn, xin mấy đồng bạc để mua thuốc uống cho đỡ đau cũng không được.

Tôi hỏi: Trương Trung Phụng trước kia là người của Trương Bội Công, sao nay lại ở chỗ Nguyễn Hải Thần? Anh Trụ nói: Từ khi Trương Bội Công bị bắt ở Tĩnh Tây, nhóm người của ông ta bị dần dần phân tán đi mỗi người một nơi, còn Trương Trung Phụng thì nhập bọn với Nguyễn Hải Thần, nhưng bây giờ hình như anh ta đã biết Nguyễn Hải Thần cũng chẳng tốt đẹp gì, nên có vẻ thân thiện với ta, nếu ta khéo công tác thì có thể lôi kéo được. Anh Trụ nói thêm: Ở đây còn có một nhóm Phục quốc được Trung Quốc đưa từ Long Châu lên cũng đang ở Đại Kiều là chỗ trụ sở của Trương Bội Công trước kia. Nhóm này sống như một đơn vị bộ đội của Trung Quốc, nên rất khó tiếp xúc.

Thế là tình hình hoạt động và địa chỉ của Nguyễn Hải Thần, tôi đã nắm chắc. Tôi còn định ở chỗ anh Trụ ít hôm nữa để tìm hiểu thêm tình hình và bàn

bạc cách ứng phó cụ thể, thì ngay hôm sau đi phố bỗng gặp Nguyễn Hải Thần và Trần Báo. Cả hai người chợt thấy tôi thì hết sức ngạc nhiên. Để trấn an tinh thần họ, tôi nói: Tôi chuyến này nhờ có Trần Chủ nhiệm giúp đỡ lộ phí và cấp giấy chứng minh cho lên đây, chứ không thì chật vật còn lâu mới đến đây được. Hiện nay cụ và anh em ta ở đâu? Nguyễn Hải Thần chối ngay: Chúng tôi hiện nay còn phân tán mỗi người một nơi, chưa có chỗ ổn định. Tôi hỏi: Thế cụ ở đâu? Nguyễn Hải Thần nói: Tôi ở “Hoàn cầu lữ quán”, nhưng bây giờ tôi có việc phải chạy, ông cứ đến đấy hỏi thì lữ quán sẽ chỉ cho biết. Nói xong, ông ta rút một mảnh giấy trong túi ra định viết số buồng đưa cho tôi. Nhưng tôi đã biết là nói láo, nên trả lời: Thôi cụ không phải viết nữa, tôi đến đó chắc sẽ tìm được. Cuộc gặp Nguyễn Hải Thần và Trần Báo chỉ ngắn ngủi như thế. Nhưng tới hôm sau, qua sự thông báo của anh Trụ, anh Phạm Việt Tử đưa cả Trương Trung Phụng và Mã Thành Kính đến chỗ hẹn gặp tôi để trao đổi tình hình cụ thể, thì đều nhận định rằng, việc đầu tiên là phải làm thế nào để tôi đến ở chỗ Nguyễn Hải Thần với anh em thì địa vị chính trị của mình được hợp pháp, rồi dần dần sẽ đấu tranh, giải quyết các vấn đề khác.

Kế hoạch đã bàn kỹ, ngày hôm sau, tôi đến thẳng chỗ ở của Nguyễn Hải Thần nhưng hành lý vẫn để chỗ anh Trụ. Tôi đến đó trong khi Nguyễn Hải Thần và Trần Báo đều đi vắng. Mấy giờ sau, Nguyễn Hải Thần về đến nhà thì thấy tôi đã đường hoàng ngồi ở đấy, ông ta lúng lúng không biết nói năng và xử trí thế nào? Tôi nói ngay: Địa điểm này Chỉ huy sở đã cho tôi biết rõ trước khi tôi đến Liễu Châu, vì vậy hôm trước gặp cụ ở đường phố, cụ nói là ở “Hoàn cầu lữ quán”, tôi đã không ghi số phòng và cũng không đến tìm gặp. Hôm nay đến đây, tôi muốn nói thực là chúng ta cần phải đoàn kết chặt chẽ thì mới làm nên sự nghiệp cách mạng, và cũng mới có địa vị xứng đáng ngay ở Liễu Châu này. Tôi trước kia công tác ở Trung Quốc đã

lâu, tôi có nhiều bạn bè quen biết, nếu tôi ở chỗ khác thì vẫn có người giúp đỡ, nhưng về mặt công tác nếu mỗi người ở một nơi thì đối với đương cục cũng như đối với các nhóm Việt Nam hoạt động ở đây sẽ có ấn tượng không tốt, và ngay bản thân công việc của chúng ta cũng bị trở ngại. Hôm nay tôi đề nghị cụ, cụ Lê và các anh em bàn bạc kỹ xem như thế có đúng không và có cần thiết không? Bây giờ tôi hãy về chỗ ở của tôi, vài hôm nữa tôi sẽ đến. Sau khi tôi ra về, cụ Lê, các anh Phạm Việt Tử, Tử Chí Kiên, Trương Trung Phụng, Mã Thành Kính đều nói lý với Nguyễn Hải Thần một cách cương quyết là thế nào cũng phải mời anh Lý Quang Hoa về đây, nếu không thì tất cả các anh em Việt Minh ở Liên Châu sẽ không ủng hộ cụ. Nguyễn Hải Thần im lặng.

Hai hôm sau, tôi lại đến như một người đến chơi, chứ không mang theo hành lý. Cả nhà đang ăn cơm ở tầng dưới, mọi người đều vồn vã chào hỏi, nhưng Nguyễn Hải Thần thì lảm li, không nói gì cả. Cơm nước xong, vợ Nguyễn Hải Thần và mấy đứa cháu thì dọn dẹp, còn các người khác đều lên tầng trên nói chuyện. Tôi không động gì đến việc chỗ ở mà chỉ nói về tình thế cách mạng. Mọi người đều đồng thanh nói: anh Lý cần phải đến đây ở với chúng tôi. Nguyễn Hải Thần vẫn im lặng, tôi cứ tiếp tục nói chuyện. Lúc đứng dậy ra về, tôi mới nói một câu như là kết luận: Tôi ở chỗ khác cũng được, nhưng hai cụ và các anh đều thấy rằng tôi đến đây thì có lợi cho công tác hơn, như vậy ít hôm nữa tôi sẽ đến. Thế là chỗ ở đã được giải quyết.

*

Về ở chỗ Nguyễn Hải Thần, tôi liên lạc với các anh em để tìm hiểu tình hình thêm về các mặt.

- **Về nhóm Trương Bội Công.** Sau khi Trương Bội Công bị bắt ở Tĩnh Tây,

bọn tay chân đều bị Trần Bảo Thương trực tiếp nắm và phân phối đi hết, chỉ có Trương Trung Phụng thì đi với Nguyễn Hải Thần. Trương Bội Công hiện nay ở Liễu Châu tuy còn bị quản thúc nhưng vẫn được ưu đãi. Trong các hoạt động, tuy vẫn thường được nêu tên, nhưng không ra mặt, có chăng y chỉ bí mật gặp những người như Nguyễn Hải Thần, Trần Bảo hoặc Hoàng Lương, Nông Kinh Du mà thôi.

- **Về nhóm Phục quốc quân.** Nhóm này có độ năm trăm người tập trung ở Đại Kiều, nơi đội công tác của Trương Bội Công trước kia. Nông Kinh Du và Hoàng Lương cầm đầu, Lương Văn Ý chỉ huy quân sự. Nông Kinh Du vốn là một tên địa chủ ở Lộc Bình (Lạng Sơn) sở dĩ được coi là lãnh tụ vì đa số người trong đơn vị Phục quốc quân trước kia hoặc là cố nông hoặc là người cày ruộng rẽ của hắn. Hắn được Quốc dân đảng Trung Quốc phong cho cái chức tham nghị và xếp cho một chỗ ở riêng biệt, chỉ ăn chơi, không dính dáng gì đến công việc của đơn vị; Nông Quốc Long là con hắn được phong chức đại đội trưởng, dưới sự chỉ huy của Lương Văn Ý. Đơn vị này từ lúc ở Thượng Kim cũng như hiện nay ở Liễu Châu, được Quốc dân đảng Trung Quốc coi như là một đơn vị biệt động của họ, nên Nông Kinh Du cũng như Hoàng Lương đều bị họ sai khiến như những người bộ hạ, thực sự không có một chút quyền bính gì.

Phục quốc quân là một đội quân rất phức tạp. Trong đó có những người bị áp bức lôi cuốn vào như đám nông dân trước cày ruộng rẽ cho Nông Kinh Du; có người bị chúng bắt vào để phục dịch như nấu cơm, gánh nước, khâu vá đồ đạc. Cũng có một số ít giáo viên, công chức vì mù quáng mà đi theo, nhưng khi tập trung ở Đại Kiều huấn luyện quân sự theo kiểu phát-xít thì họ phản đối cả Nông Kinh Du và Hoàng Lương, đòi ở riêng; Quốc dân đảng Trung Quốc cũng xếp cho ở một khách sạn nhỏ để nắm riêng, hòng sau này có thể lợi dụng. Đây có thể gọi là nhóm ly khai, có độ bảy, tám người mà

trước kia tôi gặp ở Thượng Kim đã tỏ vẻ đặt hy vọng vào Việt Minh, nhưng khi ở Liễu Châu họ thấy Nguyễn Hải Thần và Trần Bảo tự xưng là người “lãnh đạo” của Việt Minh lại không làm đúng như chủ trương của Việt Minh mà họ đã được biết, nên họ cũng không tin và tỏ ý khinh bỉ.

- Về nhóm Nguyễn Hải Thần, Trần Bảo và các anh em Việt Minh :

a) Về Nguyễn Hải Thần:

Từ đầu năm 1936, khi được ông Hồ Học Lãm gọi lên Nam Kinh vận động thành lập Việt Minh, y là một người hoạt động tích cực; nhưng sau không được sự giúp đỡ của Quốc dân đảng Trung Quốc thì y quay về Quảng Đông. Cuối năm 1940, khi Trương Bội Công được bọn Tưởng tin dùng, thì y theo Trương Bội Công về Tịnh Tây rồi lên Quế Lâm để hoạt động yêu cầu viện trợ. Vừa khéo lúc đó anh Võ Nguyên Giáp, Vũ Anh, Cao Hồng Lĩnh về đến Tịnh Tây, đã kịp thời chủ trương bố trí anh Võ Nguyên Giáp đi kèm để lái y nghiêng về phía mình. Theo sự lãnh đạo tài tình của Bác, ở Quế Lâm chúng ta đã đưa ông Hồ Ngọc Lãm ra làm cho vai trò Việt Minh nổi bật lên, mà chúng ta còn kéo được cả Nguyễn Hải Thần về phía mình. Một hôm chúng ta đã mở cuộc họp báo chí do Nguyễn Hải Thần chủ tọa và anh Võ Nguyên Giáp báo cáo về tình hình công tác và ảnh hưởng của Việt Minh ở trong nước. Một tờ báo của Tưởng là **Tảo dãng** đã đăng cái tin ấy lên, Trương Bội Công ở Tịnh Tây đọc thấy tin đó đã nổi khùng, vắt tờ báo xuống đất, chửi một câu rất thô tục: “Thằng Nguyễn Hải Thần ngu như chó!”. Vì vậy khi ở Tịnh Tây mở Đại hội thành lập Hội giải phóng, Nguyễn Hải Thần đã ở với chúng ta và là đại biểu của Việt Minh. Nhưng khi Trương Bội Công bị bắt, và tiếp đó không lâu Việt Minh lại gặp khó khăn, phần lớn cán bộ đều về nước công tác, thì Nguyễn Hải Thần lại đề nghị Trần Bảo Thương bắt tôi, hòng để nắm lấy bộ phận anh em Việt Minh còn ở lại làm cái vốn, tự xưng là người phụ trách của Việt Minh để lừa đảo chính trị.

b) Về Trần Báo:

Những việc làm của Nguyễn Hải Thần từ lúc ở Tĩnh Tây như đã nói trên đều là do Trần Báo, một tên phản bội đã có lai lịch từ lâu, làm mưu sĩ. Nguyên từ năm 1937 hắn được Đảng Cộng sản Xiêm giao nhiệm vụ đưa mấy chục thanh niên Hoa kiều đến Trung Quốc để gia nhập Tân tứ quân, nhưng vì sợ chiến đấu gian khổ, hắn bỏ mặc số thanh niên đó ở Hương Cảng, rồi lêu bêu chạy chỗ này chỗ khác cho đến cuối năm 1940 hắn gặp Nguyễn Hải Thần, thì hai bên ngoặc với nhau, nhưng vì trước kia hắn là đảng viên, nên khi gặp chúng tôi, ngoài mặt hắn vẫn tỏ ra theo tổ chức mà thật sự thì hắn đã là một tên đặc vụ đem tình hình nội bộ và chủ trương hoạt động của Đảng mách nước cho Nguyễn Hải Thần bí mật báo cáo và tự hắn cũng báo cáo với Quốc dân đảng Trung Quốc. Cái âm mưu gây khó dễ cho các đồng chí phụ trách của ta ở Tĩnh Tây chính là âm mưu của Trần Báo. Chẳng thế mà khi các đồng chí chúng ta đã về nước và tôi đã bị bắt, thì hắn được phong làm trung tá, mặc quân phục đảng hoàng đến lớp học quân sự ở Điền Đông^[1] để uy hiếp tinh thần và lừa bịp anh em, đồng thời xung với đương cục Trung Quốc cũng như với đám Phục quốc quân và các nhóm người khác rằng: Nguyễn Hải Thần với hắn là đại biểu Việt Minh, mặc dù không một anh em Việt Minh nào thừa nhận.

c) Về các anh em Việt Minh mà Nguyễn Hải Thần và Trần Báo tự nhận là đại biểu thì có ba nhóm:

Nhóm lớn nhất là nhóm học ở lớp quân sự gồm sáu mươi người do chúng ta lục tục từ trong nước đưa ra mà Quốc dân đảng Trung Quốc đã tập trung ở Điền Đông và bố trí cho Trần Báo đến gặp. Nhóm này hiện đã di chuyển đến Liễu Châu, nhưng tập trung huấn luyện riêng biệt ở gần sân bay cách Liễu Châu độ bảy, tám cây số. Anh em bị quản chế rất nghiêm ngặt, chỉ ngày chủ nhật mới cho phép một vài người đi ra ngoài, đó là cơ hội duy nhất để anh

em liên lạc với các nhóm Việt Minh khác ở Liễu Châu, mà người thường được anh em cử ra là Hoàng Minh Thảo, cũng có một đôi lúc là anh Hoàng Văn Thái.

Một nhóm Việt Minh khác là nhóm vô tuyến điện, trong đó có bốn người Việt Minh và ba người Phục quốc mà anh em đã bí mật tổ chức vào Việt Minh. Việc tổ chức người Phục quốc vào Việt Minh như thế là một việc vội vã và không cần thiết, nên tôi đã phê phán và dặn anh em cứ tiếp tục giác ngộ họ, nhưng không sinh hoạt theo lối tổ chức, đợi xem sau này học xong họ có thật đi với mình không, và phải qua thử thách công tác mới có thể coi là Việt Minh thực sự. Nhóm học vô tuyến điện này, anh Trụ Đen là người phiên dịch và giúp đỡ về mặt chính trị.

Và sau cùng là nhóm Việt Minh ở trong nhà Nguyễn Hải Thần ^[2]. Nguyễn Hải Thần và Trần Báo thì vẫn lén lút hoạt động riêng, còn tất cả những người khác thì vẫn đoàn kết thành một khối chặt chẽ, kể cả Trương Trung Phụng lúc này vẫn không tin theo Nguyễn Hải Thần và Trần Báo, nhưng vẫn chờ đợi nghe ngóng.

*

Một cuộc họp của Việt Minh tổ chức trong một ngày chủ nhật với kế hoạch chu đáo. Khoảng tám giờ sáng, mấy anh em học ở lớp vô tuyến điện, anh Trụ Đen và mấy người ở trong nhà đều có mặt đông đủ. Anh em lớp quân sự vì hoàn cảnh hạn chế nên không thể đến tham gia. Cuộc họp bắt đầu, một anh trong lớp vô tuyến điện nói: Đã mấy tháng nay, sau khi đồng chí Lý Quang Hoa bị bắt, chúng tôi không được biết tin tức gì ở trong nước cũng như ở ngoài, đồng thời nghe nói ngoại giao của ta đã thất bại, Trung Quốc không ủng hộ, các đồng chí phụ trách đều chạy trốn về nước, lại còn có tin

nói đồng chí Lý thế nào cũng bị giết. Hôm nay đồng chí Lý đã đến đây, chúng tôi đề nghị được thông báo về tình hình trong nước và ngoài nước, tình hình về sự việc sẽ xảy ra và triển vọng công tác của chúng ta sau này như thế nào?

Tôi nói: Từ khi tôi bị bắt đến nay, mọi tình hình tôi đều không biết, tôi đề nghị đề cử Nguyễn Hải Thần và anh Trần Báo báo cáo. Nguyễn Hải Thần đỏ bừng mặt lên, nói ngay một câu: Tôi có biết gì đâu mà báo cáo. Còn Trần Báo thì ngồi im thin thít, không nói một lời. Không khí bỗng trở nên nặng nề như sắp có giông tố, oi bức không có một chút gió.

Tôi liền nói: Cụ Nguyễn Hải Thần và anh Trần Báo đã không báo cáo thì tôi báo cáo một vài nét lớn.

1. Tình hình cách mạng trong nước phát triển rất thuận lợi, phong trào Việt Minh đã lan rộng khắp Bắc, Trung, Nam.
2. Tình hình ở ngoài này hay nói một cách cho đúng là tình hình đối ngoại mà người ta thường gọi là ngoại giao thì tôi muốn nói một vài ý nghĩ như sau: Lúc chúng ta nói ngoại giao là chúng ta đứng trên lập trường đại biểu của đoàn thể cách mạng, của dân tộc, lấy tư cách bình đẳng mà nói chuyện với người ta. Nếu trong trường hợp người ta không xem mình là đại biểu của đoàn thể cách mạng, không xem mình là đại biểu dân tộc thì mình không nói chuyện. Đến như việc một số đồng chí phụ trách của chúng ta về nước, là cốt để làm công tác trong nước, chứ không phải là chạy trốn. Đoàn thể cách mạng bao giờ cũng tập trung cán bộ ở những chỗ có công tác nhiều nhất và quan trọng nhất. Ngày nay công tác trong nước rất nhiều và rất quan trọng, còn ở ngoài thì không có việc gì nhiều, vì vậy mà không cần để nhiều cán bộ. Như vậy, sao lại gọi là ngoại giao thất bại? Những người mượn tiếng ngoại giao nhưng không mưu lợi gì cho cách mạng, cho dân tộc, mà chỉ lo kiếm địa vị, kiếm lợi cho thân mình và cho gia đình mình, những người đó

không thể gọi là những người ngoại giao, mà là những người phản bội.

Nghe xong, anh Trụ liền quắc mắt, vung tay lên, nói một câu như búa bổ: “Những đứa phản bội cách mạng như vậy phải tiêu diệt chúng nó đi!”.

Nguyễn Hải Thần tái mặt đứng dậy toan xuống nhà, một anh em nắm lấy tay kéo lại nói mời cụ hãy ngồi lại. Nguyễn Hải Thần giằng co nói: Thì để cho người ta xuống nhà đi tiểu chứ! Rồi giật tay đi thẳng xuống dưới nhà. Trần Báo thấy thế cũng đứng dậy, đi ngay vào cái phòng ngủ của hắn ở cạnh đó, rồi khép cửa, đóng khoá lại.

Tất cả mọi người nhìn nhau cười, anh Trụ lại nói: Trần Báo thì không thể chạy trốn đi đâu được. Nếu không ra đây thì chúng ta sẽ đập cửa vào kéo cổ ra. Trần Báo nghe nói hoảng quá, phải lóp ngóp chạy ra, ngồi nguyên ở chỗ cũ.

Còn đối với Nguyễn Hải Thần, chúng ta đã nắm được thóp của ông ta là tự nhận với đương cục Trung Quốc là “lãnh đạo” Việt Minh, nên có người lấy danh nghĩa Việt Minh nói: Hôm nay là Hội nghị Việt Minh, cụ Nguyễn Hải Thần làm chủ tọa, nếu dở cuộc bỏ chạy không đến nữa, thì chúng ta sẽ ra nghị quyết khai trừ khỏi Việt Minh, rồi thông báo cho anh em, cho tất cả người Việt Nam ở đây và cho cả đương cục Trung Quốc nữa. Nguyễn Hải Thần nghe nói rất hoảng, trong khi đã có người từ trên gác xuống nói “mời cụ lên”, nên lại phải lóp ngóp lên.

Hội nghị lại tiếp tục. Việc đả kích Nguyễn Hải Thần và Trần Báo bước đầu như thế là đủ, chúng ta còn phải lôi kéo giữ họ lại trong Việt Minh để còn phải đấu tranh trên nhiều mặt trong điều kiện rất khó khăn. Tôi nói xoa dịu mấy câu để khôi phục lại không khí của hội nghị: Hôm nay trong hội nghị chúng ta có đồng chí hơi nóng nảy, làm cho cụ Nguyễn Hải Thần và anh Trần Báo không vừa ý. Tuy vậy cụ Nguyễn và anh Trần Báo cũng phải suy nghĩ, vì trong lúc mọi người đang quan tâm muốn biết đến công tác của đoàn

thể và của cách mạng mà thái độ của cụ Nguyễn và anh Trần Báo lại như vậy, thì anh em nổi nóng cũng có thể là một việc dễ hiểu. Nguyên tắc làm việc của chúng ta là tập trung dân chủ, thiểu số phục tùng đa số, hạ cấp phục tùng thượng cấp, toàn thể phục tùng Trung ương. Giữ vững nguyên tắc như thế thì dù chúng ta có ý kiến gì bất đồng với nhau vẫn có thể bàn bạc đi tới giải quyết. Cụ Nguyễn nhận là một trong những người phụ trách của Việt Minh, điều đó không sai, vì khi Việt Minh thành lập từ năm 1936 cụ đã là một người hoạt động tích cực, về sau này cụ vẫn ở với Việt Minh. Hiện nay tình hình ở Liễu Châu rất phức tạp, chúng ta cần thông cảm với nhau, cần đoàn kết chặt chẽ thì mới đối phó được với tình hình, mới giải quyết được vấn đề và mới mang lại lợi ích cho cách mạng, việc không vui đã xảy ra trong hội nghị hôm nay của chúng ta đến đây nên xem là hết. Cụ Nguyễn, anh Trần Báo cũng như các anh em khác không nên để lại trong lòng. Nghe xong, Nguyễn Hải Thần và Trần Báo như được khôi phục lại thể diện, anh em hiểu ý đều nói: Chúng tôi tán thành ý kiến của anh Lý, sau này chúng ta phải làm việc như vậy mới đúng.

Hội nghị kết thúc.

*

Việc Hoa quân nhập Việt đang được chuẩn bị tích cực, nhưng cái “tổ chức cách mạng” của người Việt Nam để phục vụ cho việc đó thì do sự bất lực của Nguyễn Hải Thần và những tên tay sai khác mãi đến nay vẫn chưa thành lập được; Bộ tư lệnh Quân khu bốn lần này phải tự đứng ra làm lấy. Giấy mời đến Bộ tư lệnh để bàn việc cách mạng Việt Nam do Bộ tư lệnh triệu tập đã được bí mật gửi cho Nguyễn Hải Thần và Trần Báo, nhưng đã lọt vào tay Trương Trung Phụng. Trương Trung Phụng đưa giấy cho tôi xem và hỏi ý

kiến nên xử trí như thế nào?

Một cuộc hội nghị Việt Minh lập tức được triệu tập. Khi anh em đến đông đủ, Trương Trung Phụng đưa giấy ra báo cáo. Nguyễn Hải Thần và Trần Báo hết sức ngạc nhiên và lúng túng. Cụ Lê Nhuận Chi, anh Phạm Việt Tứ và anh Trạ đều nói: Cách mạng Việt Nam là một việc rất quan trọng, Quân khu bốn đã mời đến để bàn bạc thì chúng ta nhất định phải đi. Nhưng tình hình trong nước cũng như trong tình hình chúng ta ở ngoài này, chỉ có anh Lý Quang Hoa là nắm vững. Vậy nên đề nghị với Quân khu bốn cử thêm anh Lý Quang Hoa cùng tham dự, như vậy khi có việc quan trọng chúng ta đã có ba người để bàn bạc.

Trước ý kiến đó, Nguyễn Hải Thần không thể chối cãi, chỉ nói: Đúng! Đúng! Thế là hội nghị cử ngay anh Từ Chí Kiên thảo công văn gửi Trương Phát Khuê. Nội dung công văn đã được chúng tôi chuẩn bị trước, nên khi viết xong đưa ra, Nguyễn Hải Thần không sửa chữa một chữ nào và đành phải ký tên, đóng dấu, cho người đưa đi ngay. Ngay chiều hôm ấy, bức công văn được chuyển lại, bên cạnh đó phê một chữ “khả”, nghĩa là “được”, trên chữ “khả” có đóng dấu đỏ của Trương Phát Khuê.

Sáng sớm ngày hôm sau, Nguyễn Hải Thần, Trần Báo và tôi cùng đi đến Bộ tư lệnh Quân khu bốn, vào phòng họp thấy ngoài những người Việt Nam được mời, còn có thiếu tướng Dương Kế Vinh và hai người Hoa kiều là Mai Công Nghị và Dương Thanh Dân. Một chốc, thiếu tướng Ngô Thạch, Tham mưu trưởng Quân khu bốn, đại biểu cho Trương Phát Khuê đến chủ tọa. Ngô Thạch nói: Hôm nay mời các đồng chí đến cốt để bàn việc thành lập hội **Việt Nam phản xâm lược đồng minh**, mong các đồng chí bàn bạc nhất trí để có thể thành lập được sớm. Việc gấp rút, thời cuộc không chờ đợi chúng ta. Nói xong, Dương Thanh Dân đưa ra một bản cương lĩnh in sẵn, đọc cho mọi người nghe. Nghe xong, mọi người đều im lặng. Tôi đứng dậy xin phát biểu

ý kiến:

Về bản cương lĩnh này, tôi mới nghe qua, chưa đủ thời giờ suy nghĩ, nhưng sơ bộ thấy có chỗ chúng ta còn phải thảo luận thêm. Thí dụ:

- Về điểm “lấy chủ nghĩa tam dân làm cương lĩnh xây dựng Việt Nam sau này”, tôi thấy chủ nghĩa tam dân là rất tốt, nhưng trong đó có chủ trương “Bình quân địa quyền, tiết chế tư bản”, như vậy có làm cho giai cấp địa chủ và giai cấp tư sản sợ sệt, không dám đi theo chúng ta chăng?
- Về điểm “lấy Việt Bắc làm căn cứ địa cách mạng”, theo tôi hiểu thì Việt Nam là một dải đất giăng dài trên hàng nghìn cây số, mà Bắc, Trung, Nam lại cách trở sông núi rất nhiều. Cuộc chiến tranh chống Nhật ở Việt Nam đòi hỏi mỗi kỳ, thậm chí là mỗi tỉnh đều phải có căn cứ địa. Nay nói “lấy Việt Bắc làm căn cứ địa cách mạng”, nói như thế đã thật chính xác chưa? Cũng còn nên thảo luận.
- Về việc “Hoa quân nhập Việt”, theo tôi hiểu thì có thể tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng Việt Nam. Nhưng đây là cương lĩnh cách mạng Việt Nam, thì phải nói đến việc cách mạng, việc tuyên truyền tổ chức quần chúng, chứ nếu chỉ nói “Hoa quân nhập Việt” mà thôi, thì có thể không toàn diện.

Tôi nói xong, Ngô Thạch sầm mặt lại, Mai Công Nghị liền nói một câu để vớt lại bầu không khí đang nặng nề: Những ý kiến của đồng chí Lý Quang Hoa nói có chỗ đáng cho chúng ta phải suy nghĩ và bàn bạc thêm, nên chẳng

chúng ta hãy thành lập một ban trừ bị để nghiên cứu lại bản cương lĩnh đó, đồng thời bàn bạc lại những việc cụ thể mà rồi đây chúng ta phải làm.

Như đã có xếp đặt trước, Dương Thanh Dân đứng dậy đến bên cạnh Ngô Thạch đưa ra một tờ giấy viết sẵn mấy cái tên, Ngô Thạch xem rồi nói: Tôi đề nghị hội trừ bị gồm có các đồng chí:

- Nguyễn Hải Thần,
- Nông Kinh Du,
- Nông Quốc Long,
- Hoàng Lương,
- Trần Báo,
- Mai Công Nghị,
- Dương Thanh Dân. ^[3]

Tôi nghe xong, liền đứng dậy nói: Về phía Trung Quốc thì Bộ tư lệnh đề nghị ai chúng tôi cũng tán thành, còn về phía Việt Nam, chúng tôi thấy nên để các đồng chí Việt Minh trao đổi ý kiến thêm.

Ngô Thạch nói cắt ngang: Ủy ban trừ bị chỉ là một cái ủy ban để nghiên cứu một thời gian ngắn rồi giải tán, có quan trọng gì lắm mà phải thay đổi cho phiền phức.

Mọi người đều nói: Ý kiến của Tham mưu trưởng rất đúng!

Ngô Thạch liền đứng dậy, tuyên bố hội nghị kết thúc, rồi đi thẳng không chào hỏi ai cả!

*

Từ đó, mỗi hôm cứ ăn cơm sáng rồi là Nguyễn Hải Thần và Trần Báo đi họp hội nghị. Mặc dù đã quy định là mỗi ngày hội nghị xong về phải báo cáo, nhưng Nguyễn Hải Thần và Trần Báo không ngày nào chịu báo cáo, và chỉ nói rằng hôm nay không có việc gì.

Một hôm, tôi gặp Dương Thanh Dân, đã biết y là một người muốn dò la tình hình, nên tôi nói: Ông Dương Thanh Dân, công việc hội nghị trù bị làm tốt chứ? Về công việc của hội, tôi có một số ý kiến muốn phát biểu, nhưng phát biểu như thế nào? Y nói: Đồng chí có thể nói với tôi, tôi sẽ báo cáo lại với hội nghị.

- Nhưng tôi không biết hội nghị đã tiến hành đến đâu, và đang bàn việc gì thì phát biểu cũng khó, và có thể rất lạc lõng.
- Ở đây, tôi có biên bản của hội nghị, đồng chí có thể lấy xem, có ý kiến gì, cứ nói thẳng với tôi, tôi đảm bảo sẽ báo cáo lại một cách trung thực.

Nói xong, Dương Thanh Dân rút trong kẹp ra một bản biên bản, đưa cho tôi và hẹn lúc khác sẽ gặp.

Thì ra hội nghị trù bị đã không bàn gì đến cái cương lĩnh của cái hội gọi là “Việt Nam phản xâm lược đồng minh”, mà chỉ bàn việc Hoa quân nhập Việt, và đã đi tới quyết định một danh sách chính phủ bù nhìn lâm thời gồm:

- Nguyễn Hải Thần, Chủ tịch,
- Hoàng Lương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng
- Mai Công Nghị, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao,
- Dương Thanh Dân, Bộ trưởng Bộ Tài chính,
- Trần Báo, Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền,
- Nông Kinh Du, Cố vấn.
- v.v...

Việc rất nghiêm trọng! Tôi phải bàn bạc với các anh em để đối phó. Ngày hôm sau, hội nghị Việt Minh lại được triệu tập. Tôi đi thẳng ngay vào vấn đề:

- Cụ Nguyễn Hải Thần và anh Trần Báo đã hơn một tuần nay đi họp về không báo cáo, nói là không có việc gì, nhưng sự thật thì sự việc đã phát triển đến một bước không thể tưởng tượng. Người ta đã định thành lập chính phủ lâm thời sau khi Hoa quân nhập Việt với một danh sách đầy đủ!
- Cụ Nguyễn Hải Thần là Chủ tịch, nhưng quyền hạn Chủ tịch như thế nào?
- Hoàng Lương là một người do Nhật nặn ra, bây giờ sao lại làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng?
- Mai Công Nghị là Hoa kiều, sao lại làm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao?

- Dương Thanh Dân cũng là Hoa kiều, sao lại làm Bộ trưởng Bộ Tài chính?
- Nông Kinh Du là một người không biết chính trị là gì, sao lại làm Cố vấn?
- Còn anh Trần Bảo, thì Quốc phòng người ta nắm, Ngoại giao người ta nắm, anh sẽ tuyên truyền cái gì? Và tuyên truyền cho ai?

Bất kể chính quyền của một nước nào, Quốc phòng, Ngoại giao, Tài chính đều là những bộ quan trọng, đáng lẽ người cách mạng phải nắm, sao chúng ta phải để người thân Nhật và Hoa kiều nắm, mà không dám có ý kiến? Hơn nữa lại không báo cáo với đoàn thể? Sự việc đã như vậy, bây giờ cụ Nguyễn Hải Thần và anh Trần Bảo nghĩ thế nào? Và nói với đoàn thể như thế nào? Nguyên trong quá trình bàn bạc và khi lập danh sách chính phủ bù nhìn lâm thời, Nguyễn Hải Thần cảm thấy mình không có quyền hành gì, đã lấy làm bất mãn, nhưng không dám hé môi, nay tôi gài vào chỗ ngứa, ông ta mới nổi khùng lên, nói cụt ngùn một câu: Thôi từ nay về sau mặc kệ họ, tôi không đi họp nữa!

Thế là từ đó luôn mấy hôm, Nguyễn Hải Thần và Trần Bảo cứ nằm lì ở nhà, không đi họp. Trương Phát Khuê nóng ruột quá, phải viết thư mời toàn ban trừ bị đến tiếp kiến để thuyết phục, Nguyễn Hải Thần vẫn bướng, nhất định không đi. Tôi liền nói: Cụ không đi như vậy sẽ mất lòng Trương Phát Khuê, và nếu họ sẽ bất chấp, gạt phăng cả cụ và Trần Bảo đi, rồi cứ làm thế nào? Lúc bấy giờ Nguyễn Hải Thần sợ có tội với Trương Phát Khuê, đồng thời cũng nghĩ đến địa vị tương lai của mình trong cái tổ chức bù nhìn ấy, nhưng

không còn cách gì đối phó, nên phải làm lành với tôi, hỏi rằng: Thế ông bảo bây giờ nên làm thế nào?

*

Sau khi nghỉ họp một lúc, tôi lại mời mọi người ngồi lại và trình bày ý kiến: Bây giờ muốn sửa chữa thì phải sửa chữa tận gốc, tức là phải sửa lại cả cái ban trù bị, để mình có tiếng nói vững vàng ở trong đó, chứ nếu như bây giờ thì có đưa ra ý kiến gì cũng bị gạt đi mà thôi. Tôi nghĩ ngày mai cụ cứ nên đi gặp Trương Phát Khuê, nhưng không đi với tư cách ủy viên của ủy ban trù bị, mà đi với tư cách Việt Minh thì nói chuyện mới có tư thế. Nguyễn Hải Thần nghe nói rất thích, trả lời ngay: Thế ngày mai, cả ông và các anh em cùng đi với tôi vào gặp Trương Phát Khuê.

Thế là ngày mai, Nguyễn Hải Thần, Trần Bảo, cụ Lê Nhuận Chi, anh Phạm Việt Tử, Trụ Đen, Long Cong và tôi cùng đi vào Bộ tư lệnh. Đến phòng khách thấy các người trong ban trù bị đã ở đầy đông đủ, họ nhìn chúng tôi với con mắt kỳ lạ, vì hôm nay, Trương Phát Khuê mời đến họp ủy ban trù bị, sao lại có những người không có trách nhiệm mà cũng đến đông thế? Tự nhiên không một ai mở miệng, họ chỉ nhìn nhau và nói với nhau bằng khoe mắt mà thôi.

Một chốc, thấy bóng Trương Phát Khuê từ phòng riêng bước ra, Dương Thanh Dân hô to một tiếng: Nghiêm! Mọi người đều đứng dậy như đối với thượng cấp. Trương Phát Khuê đi vào rất tự nhiên, không bắt tay ai cả, đến ngay cái ghế bành chỗ danh dự nhất, rồi ngồi phịch xuống. Ông ta vốn không biết trong ủy ban trù bị có những ai và làm việc như thế nào, nên khi gặp chúng tôi, ông ta đều cho là ủy viên của ban trù bị cả, và nói: Ủy ban trù bị đã làm việc như thế nào? Phải chóng đi chứ, sao lại chậm trễ quá?

Nguyễn Hải Thần đã hậm hực sẵn trong bụng, liền không khách khí gì cả, bóp ngay một câu: Chúng tôi không thừa nhận ủy ban trừ bị, vì ủy ban đó là do Ngô Tham mưu trưởng chỉ định, chứ không phải chúng tôi bầu ra.

Trương Phát Khuê nghe xong, sững sốt không biết đầu đuôi ra sao. Dương Thanh Dân, một tay chạy việc lão luyện nói đỡ ngay rằng: Thừa Trưởng quan, Nguyễn tiên sinh nói đúng đấy, vì hôm thành lập uỷ ban trừ bị, Ngô Tham mưu trưởng chưa nghe hết ý kiến các đồng chí Việt Nam. Có lẽ Trưởng quan để cho các đồng chí Việt Nam bàn tính lại, rồi tự lập lấy uỷ ban trừ bị thì hơn. Trương Phát Khuê như được cứu khỏi chỗ bế tắc, liền trả lời là đồng ý và khuyên các đồng chí Việt Nam nên cố gắng làm việc mau. Cuộc gặp Trương Phát Khuê đến đó là hết.

Lúc ra về, Nguyễn Hải Thần hí hửng coi như một thắng lợi do sự thẳng thắn dám nói của ông ta mang lại. Về đến nhà, chúng tôi mời Nguyễn Hải Thần cùng ngồi lại để đánh giá sự việc mới xảy ra và bàn tính ngay cách tiến hành sau này. Nguyễn Hải Thần phát biểu ý kiến ngay: Bây giờ chúng ta cần chủ động họp người Việt Nam lại để bầu ra uỷ ban trừ bị mới, ông Lý Quang Hoa và một số anh em ta thế nào cũng phải có chân trong đó, còn hai người Hoa kiều thì phải để ra ngoài, chỉ làm cán bộ thôi. Tôi mời anh em phát biểu ý kiến, nhưng mọi người đều suy nghĩ, chưa ai phát biểu. Tôi gợi ý: Làm như cụ Nguyễn nói thì dứt khoát đấy, nhưng về sẽ mất lòng Bộ tư lệnh, mất lòng Trương Phát Khuê, Ngô Thạch và Dương Kế Vinh, như vậy có tốt không? Hay là chúng ta chỉ làm một việc rất đơn giản là không động gì đến uỷ ban trừ bị cũ, mà chỉ đề nghị bổ sung thêm mấy người mới. Như vậy, công việc sẽ tiến hành được thuận lợi hơn. Nguyễn Hải Thần nghe ra tám tắc khen và mọi người đều đồng ý.

Trong việc bổ sung người vào uỷ ban trừ bị, chúng tôi đã nghĩ đến một người trong nhóm ly khai Phục quốc. Nhưng qua quá trình liên hệ với họ,

thấy nhóm này cũng phức tạp, về mặt đả kích uy tín Hoàng Lương và Nông Kinh Du trong đám Phục quốc thì họ làm được phần nào, còn về các mặt khác thì họ không có tác dụng. Nay nếu đề nghị đưa ra một người của họ và ban trừ bị, thì phải qua những thủ tục phiền phức, mà cũng chưa chắc đã có lợi, chỉ bằng Việt Minh cứ giới thiệu người Việt Minh. Suy tính kỹ, chúng tôi bàn với Nguyễn Hải Thần viết thư giới thiệu với Trương Phát Khuê. Thế là Lý Quang Hoa và Phạm Việt Tử lại là ủy viên của ban trừ bị. Nhưng trước mắt còn nhiều khó khăn, công việc không phải vì thế mà được giải quyết trót lọt.

*

Không bao lâu, ủy ban trừ bị của hội **Việt Nam phản xâm lược đồng minh** lại được mời đến họp ở Bộ tư lệnh Quân khu bốn. Ngô Thạch và Dương Kế Vinh đều không có mặt. Dương Thanh Dân nghiêm nhiên xem mình như Chủ tịch điều khiển cuộc họp, thông thả nói: Ban trừ bị trong mấy kỳ họp qua đã bàn một số vấn đề, nhưng mới rồi Nguyễn tiên sinh đã đề nghị bổ sung ban trừ bị để bàn lại. Vậy hôm nay, hội nghị chưa có văn kiện gì, xin mời các vị ai có ý kiến gì thì phát biểu. Hội nghị im lặng. Mai Công Nghị nói: Lần trước đồng chí Lý Quang Hoa đã nêu một số ý kiến về bản cương lĩnh. Các ý kiến đó đang được Bộ tư lệnh nghiên cứu, nay đồng chí Lý có ý kiến gì, xin mời nói thêm. Tôi nói: Lần trước tôi phát biểu một số ý kiến cũng chỉ là một sự gợi ý. Nay tôi xin phát biểu thêm ý kiến về cái tên và cái tính chất của hội. Theo tôi nghĩ thì cái tên “Phản xâm lược đồng minh” có tính chất là một tổ chức quốc tế, chẳng hạn như “Phân hội phản xâm lược đồng minh quốc tế ở Trung Quốc” có thu nạp cả người ngoại quốc như người Anh, người Pháp, v.v... Vậy đối với cái tên “Phản xâm lược đồng

minh Việt Nam” người ta cũng có thể hiểu là một cái phân hội tổ chức quốc tế ở Việt Nam. Mà theo cương lĩnh thì nó là một tổ chức chỉ đạo cho cách mạng Việt Nam. Vậy chúng ta hãy suy nghĩ xem cái tên đó có thích hợp với tính chất của cương lĩnh không? Tôi nói xong, hội nghị không thấy ai phát biểu. Dương Thanh Dân đưa mắt nhìn mọi người như có vẻ thúc giục, rồi nói: Vấn đề đồng chí Lý mới nêu ra có thể là một vấn đề mà mọi người chưa có ý kiến ngay được. Để tôi xin báo cáo với Trương Trường quan và Ngô Tham mưu trưởng đã, rồi sau sẽ hay. Thế là hội nghị kết thúc. Từ đó về sau, Bộ tư lệnh Quân khu bốn không mời ủy ban trừ bị họp nữa.

Rõ ràng, vấn đề cách mạng Việt Nam nên tổ chức như thế nào, và nên làm gì? Không phải do ủy ban trừ bị quyết định, mà là do Bộ tư lệnh Quân khu bốn, hay nói cho đúng hơn là do Trùng Khánh quyết định.

Về tình hình kháng chiến chống Nhật ở Trung Quốc trong thời gian đó: Các chiến trường địch hậu do Đảng cộng sản lãnh đạo với sự chiến đấu anh dũng của Bát bộ quân và Tân tứ quân, đã xây dựng được nhiều khu giải phóng rộng lớn; Kháng Nhật liên quân cũng hoạt động mạnh ở vùng Đông Bắc. Còn ở các chiến trường chính, phải đối diện với địch, thì tuy có một số tướng lĩnh yêu nước kiên quyết chống Nhật nhưng không được sự ủng hộ của Tưởng Giới Thạch, nên đều bị thất bại, các thành phố chủ yếu đều bị Nhật chiếm, tệ hơn nữa là ở Nam Kinh, Uông Tinh Vệ đã lập chính phủ bù nhìn làm tay sai cho Nhật công khai chống lại tất cả các lực lượng kháng chiến. Sau khi Nhật tập kích cảng Trân Châu và đánh chiếm nhiều nơi ở Châu Á như Hương Cảng, Nam Dương, Mã-lai, Miến Điện; Anh, Mỹ phải trực tiếp tham chiến; Tưởng Giới Thạch như được sự khuyến khích đã hết sức hí hửng, đẩy mạnh chuẩn bị việc Hoa quân nhập Việt, nhưng cái tổ chức “cách mạng Việt Nam” để phục vụ cho việc Hoa quân nhập Việt lại liên tiếp bị phá sản bởi sự bất lực của bọn tay sai. Vì vậy, chúng phải xem xét lại vấn

đề, bố trí lại lực lượng, tìm kiếm thêm cốt cán. Sau khi kế hoạch lập “Việt Nam phản xâm lược đồng minh” bị bác lại, thì chúng đưa Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ từ Trùng Khánh về, rồi thả Trương Bội Công, rồi tiếp tục bằng việc đưa Đặng Nguyên Hùng^[4] và Nguyễn Tường Tam đến, tới cuối năm 1942 thì chúng đã gạt hẳn những người Việt Minh chân chính ra, không tổ chức “Việt Nam phản xâm lược đồng minh” nữa, mà chuẩn bị tổ chức ra cái gọi là **Việt Nam cách mạng đồng minh hội**.

*

Việc chúng sẽ gạt những người Việt Minh chân chính ra là việc mà chúng tôi đã đoán trước, nên sau khi được tin Vũ Hồng Khanh và Nghiêm Kế Tổ đến, thì anh em đã bàn đến việc tôi cần tìm cách rút lui, và bản thân tôi cũng thấy việc rút lui là cần thiết, vì Nghiêm Kế Tổ là đặc vụ của Trùng Khánh, đã biết tôi từ lúc còn ở Nam Kinh, còn Vũ Hồng Khanh đã biết tôi là cộng sản từ lúc còn ở Côn Minh; hai tên này đến thì bộ mặt thật của mình không còn giấu giếm được nữa.

Một hôm, tôi xin gặp Trương Phát Khuê và nói thẳng với ông ta rằng: Mục đích tôi đến đây là cốt để bàn bạc với người Việt Nam về công tác cách mạng. Nhưng bây giờ tôi thấy đúng như lời Trưởng quan đã nói, những người Việt Nam ở đây đều không phải là người cách mạng, mà chỉ là những người mưu toan quyền lợi riêng mà thôi. Như vậy, nếu cứ theo đuổi cuộc hoạt động với họ ở đây cũng không có lợi ích gì. Hiện nay ở Trung Quốc đang chống Nhật, ở Việt Nam cũng đang chống Nhật, tôi mong muốn Trưởng quan giúp tôi một cách nào đó, miễn là tôi có thể góp phần vào công cuộc chống Nhật là được.

Trương Phát Khuê vốn có ý muốn đẩy tôi đi, nay được tôi đề nghị thế thì

ông ta rất vừa ý, nên trả lời ngay: Nếu anh bằng lòng thì tôi sẽ ủy nhiệm anh về làm việc ở **Trung-Việt biên khu chính trị công tác đội** với Ngũ Căn Hoa ở Tịnh Tây, ở đó Chủ nhiệm Trần Bảo Thương sẽ giúp đỡ anh.

Đây là một việc không ngờ! Được về Tịnh Tây có thể sẽ là một dịp rất tốt để tìm cách về nước được mau chóng! Tôi tỏ lời cảm ơn ông ta, và ngày hôm sau thì được giấy ủy nhiệm làm “dịch thuật quan” với cấp bậc trung tá ở Trung-Việt biên khu chính trị công tác đội.

Trước khi lên đường về Tịnh Tây, tôi tìm gặp các anh em Việt Minh ở đây để dặn dò một số ý kiến:

Việc thành lập hội Việt Nam phản xâm lược đồng minh từ trước đến nay chúng ta phản đối. Nhưng bây giờ tôi sẽ đi về Tịnh Tây, nếu họ cứ chủ trương lập, mà anh em ta cứ tiếp tục phản đối thì không lợi. Vì số đông người Việt Nam ở đây, nhất là mấy trăm anh em Phục quốc đều hy vọng có một đoàn thể cách mạng nào đó, để tự người Việt Nam chỉ đạo lấy người Việt Nam, để thoát khỏi cái vòng kim kẹp mà bấy lâu nay họ phải chịu. Vì vậy, sau khi tôi đi rồi, nếu họ muốn lập cái hội gì đó thì anh em cứ để mặc họ, mà ta chỉ tuyên truyền là không tin tưởng, vì cái hội với những người lãnh đạo như thế thì chẳng có thể làm nên trò trống gì. Như vậy đến lúc sự thật chứng minh ý kiến ta là đúng, thì uy tín của Việt Minh vẫn giữ được, và sau này có dịp vẫn có thể lôi kéo được quần chúng. Anh em đều nhận thấy như thế là đúng.

Tôi chia tay với anh em, về Tịnh Tây để chuẩn bị cho việc về nước công tác.

^[1]đại bộ phận người trong lớp này là người của Việt Minh đưa từ trong nước ra

^[2] có thể coi như trụ sở của Việt Minh.

^[3] Thời gian này Trương Bội Công bị bắt ở Tĩnh Tây có lẽ còn chưa được tự do, nên không có tên

^[4] lai lịch Đặng Nguyên Hùng đã nói rõ ở trong mục Sinh hoạt và đấu tranh ở Nam Kinh

Hoàng Văn Hoan

Giọt nước trong biển cả

Phần 3: Những năm tháng hoạt động cách mạng ở Trung Quốc
(1935-1942)

P3 - giai đoạn II chương 7

VII. Chuẩn bị về nước

Lần này rời Liễu Châu lại có vẻ đường hoàng, có giấy ủy nhiệm với chức vụ khá cao và có tiền lộ phí đi đến Tĩnh Tây.

Tĩnh Tây bây giờ với Tĩnh Tây hơn một năm trước đây đã hoàn toàn khác hẳn. Trụ sở Việt Minh đã đóng cửa, cán bộ Việt Minh không còn ai đi lại; những người Việt Nam và Hoa kiều trong đám Trương Bội Công cũng vắng tanh, đến nỗi ngay cả trong các hiệu ăn, hiệu nước chè trước kia rất nhộn nhịp bây giờ vắng teo, không thấy một người nào quen. Cái quang cảnh hiu quạnh không khỏi gây ra những xúc cảm ngổn ngang, nhưng có một điều chắc chắn là về đến Tĩnh Tây thì nhất định có thể về đến trong nước.

Theo thủ tục làm việc, thì đã được ủy nhiệm là nhân viên của đội Biên chính, trước hết là phải gặp đội trưởng đội Biên chính Ngũ Căn Hoa để nhận công việc. Ông này khi gặp tôi tỏ vẻ vui mừng nói: Đồng chí Lý chuyển này

về đây làm việc chắc hẳn sẽ giúp ích cho “bản đội” được nhiều. Chúng tôi rất hoan nghênh. Chúng tôi đã định để đồng chí phụ trách bộ phận xuất bản tài liệu tiếng Việt, mà hiện nay một đồng chí Phục quốc quân điều từ Liễu Châu về đang phụ trách. Trước kia trong lớp bóc phá cũng như trong các cuộc hội nghị, đồng chí đã tỏ ra là một người có khả năng “dịch thuật” rất nhiều. Trưởng quan Trương Phát Khuê ủy nhiệm đồng chí làm chức vụ này là có sự cân nhắc.

Về nhiệm vụ của bộ phận xuất bản tài liệu tiếng Việt thì tôi đã biết rõ chỉ là in phát những tài liệu phản động để nhồi sọ người xem, mặc dù những tài liệu đó in rồi cũng chỉ để xếp đống ở cơ quan hoặc đem vứt bậy ở biên giới, quân chúng mình không ai xem đến. Tuy vậy, về nguyên tắc là mình không thể nhúng tay vào việc này, phải tìm lý do để từ chối. Tôi nói: Về công tác này hiện nay đã có một đồng chí Phục quốc quân phụ trách, nếu để tôi thay thế đồng chí ấy thì có thể mất đoàn kết, sau này sẽ khó làm việc. Tôi đề nghị đội trưởng cứ để đồng chí ấy phụ trách như cũ, tôi sẽ giúp duyệt lại những văn kiện mà đồng chí ấy phiên dịch hoặc biên soạn. Như vậy kết quả vẫn tốt mà nội bộ lại êm thấm hơn. Ngoài việc đó ra, tôi có thể dịch quyển Tam dân chủ nghĩa là một tài liệu chính trị rất quan trọng, cần được dịch cẩn thận và đúng đắn. Ngũ Căn Hoa thấy tôi nói có lý, liền đồng ý.

Mấy hôm sau, cũng theo thủ tục, tôi phải đi gặp Chủ nhiệm Trần Bảo Thương. Khi gặp, ông ta tuy cũng nói một cách ôn tồn nhưng có vẻ uy hiếp ra mặt. Vì trước kia ông ta thường hay gặp tôi với tính chất là gặp khách, còn lần này gặp với tính chất tiếp kiến một người bộ hạ. Ông ta nói: Bây giờ anh đã là cán bộ của chúng tôi thì phải thật lòng thật dạ làm việc, tôi rất tin anh, nhưng Bộ tư lệnh Quân khu bốn thì chưa chắc đã tin anh, nếu có chỗ sơ suất mà Bộ tư lệnh phải can thiệp thì chúng tôi cũng khó lòng đảm bảo sự an toàn cho anh. Anh phải biết rằng cách mạng Việt Nam nếu không có chúng

tôi giúp thì không làm được nên chuyện đâu. Đấy, anh thử xem các anh Lâm Bá Kiệt, Dương Hoài Nam từ khi bỏ Tịnh Tây về đến nay cũng chỉ loay hoay ở vùng biên giới, có làm nên trò trống gì. Đội trưởng Ngũ Căn Hoa đã xếp đặt công tác cho anh, anh nên hết sức cố gắng. Nghe xong, tôi chỉ trả lời mấy câu khách khí, rồi xin phép ra về. Thế là buổi tiếp kiến kết thúc.

Từ hôm về Tịnh Tây đến nay không gặp được một người quen nào, không hiểu tình hình trong nước, nhất là tình hình biên giới ra sao. Câu nói “các anh Lâm Bá Kiệt, Dương Hoài Nam cũng chỉ loay hoay ở vùng biên giới” của Trần Bảo Thương vô tình đã làm cho tôi biết được cái đầu mối quan trọng. Từ đó, tôi hàng ngày cứ đem quyển Tam dân chủ nghĩa ra dịch, rồi cứ sáng dậy và lúc ăn cơm chiều xong thì ra ngoài cổng thành đi bách bộ, có bữa đi vài cây số rồi mới quay về. Làm như thế cốt để xem có người theo dõi mình không, nhưng lần nào cũng không thấy gì cả.

*

Một buổi chiều trời mát, vào khoảng bốn giờ, chuông điện thoại réo lên ở phòng làm việc, tôi cầm máy lên nghe rõ ràng: Sáu giờ chiều hôm nay, Phó chủ nhiệm Đặng Khuông Nguyên mời đồng chí đến ăn cơm ở khách sạn... bên cạnh cửa thành phía Nam. Tôi hỏi lại một lần nữa thì vẫn nói đúng như thế. Tôi trả lời vâng, vâng, rồi đặt máy nghe xuống.

Kỳ lạ! Đặng Khuông Nguyên là một tay đặc vụ, trợ thủ đắc lực của Dương Kế Vinh, hắn đã biết mình rất rõ trong cuộc đấu tranh ở Liễu Châu, sao bây giờ lại đặc biệt mời mình đến khách sạn ăn cơm? Có lẽ hắn muốn gọi mình đến để tóm cổ chứ gì? Nghĩ thế, tôi liền xếp gọn sách vở và bút giấy ở trên bàn, mặc áo đi thong thả đến chỗ khách sạn để quan sát, thấy có bốn anh lính

cầm súng giắt lưỡi lê đứng gác ở cửa. Đúng rồi! Đặng Khuông Nguyên “mời” đến bắt là việc chắn chắn! Tôi cứ thẳng đường đi ra ngoài cửa thành, rồi đi về phía đường cái có đông người qua lại, vừa đi vừa nghĩ cách đối phó.

Làm thế nào để khỏi bị bắt? Có lẽ phải chạy đi Pà Mông, nơi đã có những quần chúng từng thề thốt sống chết có nhau? Nhưng không ổn! Tịnh Tây - Pà Mông cách nhau hơn hai chục cây số, mà lại phải đi theo đường ô tô hơn mười cây số, rồi mới rẽ vào đường nhánh nhỏ. Chạy lối ấy không thể thoát được. Vậy nếu bị bắt thì làm thế nào cho người mình biết để đến cứu? Tôi tính đi tính lại chỉ có một cách là cứ đến ăn cơm, nếu bị bắt thì quần chúng sẽ biết, và trong đám quần chúng đó nhất định là có người của mình. Đúng sáu giờ, tôi đến khách sạn đã thấy anh đại úy quen mặt ở đội Biên chính đứng ngay chỗ có bốn tên lính gác. Anh ta chào tôi, rồi đưa vào phòng khách đã có anh Khoa trưởng của Đặng Khuông Nguyên chờ sẵn, và Hoàng Quốc Chính, một tên tay sai độc ác, và đặc lực nhất của Vũ Hồng Khanh ở Côn Minh cũng ở đây. Mời các người ngồi vào chỗ xong, anh Khoa trưởng nói: Hôm nay Phó chủ nhiệm Đặng Khuông Nguyên ủy quyền cho tôi mời các đồng chí ăn cơm, nhưng rất tiếc Phó chủ nhiệm đột nhiên có việc gấp phải đi, chưa chắc đã về kịp để ăn cơm với các đồng chí. Anh đại úy nói thêm mấy câu có vẻ phân trần: Nguyên hôm nay, Phó chủ nhiệm chỉ định mời đồng chí Hoàng Quốc Chính, nhưng tôi đã đề nghị với Khoa trưởng rằng đồng chí mới được Trưởng quan Trương Phát Khuê ủy nhiệm về làm việc ở đội Biên chính với cấp bậc trung tá, nên mời luôn. Được Khoa trưởng đồng ý là tôi gọi điện báo cáo với đồng chí, chứ không kịp gửi thiệp mời.

Thế là việc đã rõ. Bữa tiệc hôm nay nói Đặng Khuông Nguyên mời là cốt để cho có vẻ long trọng, chứ thực thì chỉ anh Khoa trưởng chủ trì, mà anh này không biết mình là thế nào, nên mới nghe lời anh đại úy mời mình đến dự.

Hoàng Quốc Chính vốn đã biết tôi từ ở Côn Minh nhưng hắn nghe được lờm bõm một đôi tiếng như “Trưởng quan Trương Phát Khuê”, “đội Biên chính”, “cấp bậc trung tá” v.v... mà lại được Đặng Khuông Nguyên mời, thì hắn tin là tôi đã bị mua chuộc làm tay sai như hắn, vì vậy ngồi đối diện với nhau mà vẫn không có vẻ gì tỏ ra đối lập. Khi ngồi vào bàn ăn, anh Khoa trưởng, anh đại úy và tôi vẫn chuyện trò với nhau bằng tiếng Trung Quốc, còn hắn thì chỉ biết ăn không biết nói, tự cảm thấy ngượng nghịu. Tôi liền bảo hắn muốn gì cứ nói bằng tiếng Việt, tôi sẽ phiên dịch. Như vậy câu chuyện sẽ rôm rả hơn, mà mình đỡ phải đối phó. Ăn cơm xong, đang uống cà phê và chuẩn bị ra về, thì Đặng Khuông Nguyên từ phía ngoài đi vào, hắn liếc thấy rõ cả mấy người trong tiệc, nhưng lơ đi như không thấy, bước thẳng lên gác chỗ làm việc của hắn. Sau mấy phút, anh Khoa trưởng mời tôi và Hoàng Quốc Chính lên gác chào Phó chủ nhiệm. Chúng tôi theo lời bước lên gác, Đặng Khuông Nguyên cũng đứng dậy bắt tay một cách miễn cưỡng và nhìn vào mặt Hoàng Quốc Chính, chứ không nhìn tôi, nói mấy câu khách sáo: Hôm nay rất tiếc, tôi bận việc về muộn quá để các đồng chí phải chờ. Tôi vẫn thân nhiên như một người phiên dịch, dịch lại cho Hoàng Quốc Chính nghe, và bảo hắn nên nói mấy lời cảm ơn, rồi xin về sớm kéo Phó chủ nhiệm đi làm việc về mệt. Hoàng Quốc Chính nghe theo sự gợi ý của tôi và nói một thôi độ vài phút. Tôi dịch ra tiếng Trung Quốc bằng cách thêm bớt một đôi chỗ để có lợi cho hoàn cảnh oái oăm của mình trong lúc đó. Nói xong, tôi bảo Hoàng Quốc Chính xin cáo từ. Cuộc tiếp kiến chỉ diễn ra trong khoảng bốn, năm phút với lời nói chuyện đứng chứ không ngồi, không uống nước, không hút thuốc, mặc dù ở cạnh đó vẫn có bộ bàn ghế và ché nước, thuốc lá để sẵn. Trong quá trình liên hệ với Quốc dân đảng Trung Quốc kể từ khi ở Quê Lâm cuối năm 1940 đến nay đã gần 20 năm, thấy rõ chúng đã dùng cái thủ đoạn hai mặt, một mặt là đả kích trắng trợn qua bàn tay của Dương Kế Vinh, và

một mặt là vuốt ve mua chuộc qua bàn tay của Trần Bảo Thương. Nhưng những thủ đoạn ấy chỉ là những câu chuyện buồn cười sau này mà thôi. Tôi đang định một ngày nào đó, hễ có dịp là chuồn về nước.

*

Một tuần lễ trong đầu tháng tám năm 1942, Chỉ huy sở mở cuộc đại hội thể thao cho các đơn vị và bộ đội ở đó. Chương trình đại hội kéo dài năm ngày, gồm các môn thi điền kinh, bóng chuyền, bóng rổ, đấu kiếm, đua ngựa v.v... rất linh đình. Quần chúng xung quanh vùng hàng ngày lũ lượt kéo nhau đến xem như ngày hội, các cơ quan và bộ đội thuộc hệ Chỉ huy sở của Trần Bảo Thương cũng rất bận rộn, hầu hết thì giờ đều để vào đó.

Vào ngày thứ tư là ngày sắp kết thúc của đại hội, quần chúng đi xem càng đông, nhân viên công tác càng bận. Nhân dịp này, ăn cơm sáng xong, tôi thung thình ra ngoài cổng thành đi bách bộ, rồi nhắm hướng về biên giới một mạch đi luôn. Đi khỏi Tỉnh Tây độ bốn cây số, ngoảnh lại không thấy ai theo, liền đi rẽ vào một chỗ rậm cỏ bộ quần áo len, mặc bộ quần áo kiểu học sinh vào, rồi đi vào trong làng mua một đôi dép rom và một cái nón đội đi như người học sinh đi đường thường hay dùng.

Đoạn đường từ Tỉnh Tây đến Pác Pó dài gần sáu mươi cây số, thường thì phải đi hai ngày. Dọc đường có mấy trạm nghỉ chân là Đường Lầu, Cột Mạ là những chỗ có quần chúng cảm tình với cách mạng bảo vệ. Chỉ ngại ở Cột Thăm, nhưng lúc đi qua vẫn không thấy có động tĩnh gì, nên cứ rảo bước đi thẳng. Đi khỏi Cột Thăm độ vài cây số thì một trận mưa giáng xuống như trút nước, áo quần ướt hết, nhưng bây giờ thì hoàn toàn yên tâm, không sợ có người đuổi bắt nữa.

Vừa xẩm tối thì đến Cột Mả là chỗ có anh thôn trưởng và anh thôn phó là những người có cảm tình với cách mạng Việt Nam. Tôi không vào nhà anh thôn phó ở ngay giữa phố, mà đi vội đến nhà anh thôn trưởng ở cuối thôn. Đến dưới nhà sàn nghe tiếng nói ở trên nhà hình như tiếng anh thôn trưởng, nhưng khi lên nhà hỏi thì người em nói không ở nhà. Tôi liền nói: Nếu thôn trưởng không ở nhà thì để tôi đi xuống nhà thôn phó. Nói vậy nhưng xuống khỏi cầu thang thì tôi đi thẳng ra ngoài thôn, rồi tuột xuống một cái dốc dài độ bốn, năm trăm mét, đi thêm một đoạn, đến mấy dãy ngô bên rìa núi đá gồ ghề thì trời tối hẳn. Bụng rất đói, tôi vào dãy ngô tìm mấy bắp mới mọc thật non, bóc vỏ đi rồi cứ cả hạt lẫn lõi nhai nuốt như ngựa. Ăn xong, đi loanh quanh phía núi đá tìm một chỗ ngồi có thể dựa lưng để nghỉ cho qua đêm. Trời tờ mờ sáng, tôi đứng dậy đi ngay, trèo qua mấy dốc đá thì đến Pò-văn, ngay ở chỗ mốc giáp giới Việt - Trung, nhưng là địa phận Trung Quốc, vào nhà một người quần chúng thấy đương nấu rượu. Người nhà thấy mình áo quần ướt và lấm bẩn khắp nơi, thì hiểu ngay đêm qua mình đã gặp một sự bất trắc gì đó, liền nói mấy câu an ủi rồi lấy cái bát to rót đầy một bát rượu nóng mời uống. Tôi vừa uống vừa hỏi thăm tình hình Pác Pó, bỗng nhìn xuống sân thấy anh Lê Quảng Ba đi qua, mừng quá, đặt bát rượu xuống, xuống thang gác chạy ra vồ lấy ngay. Anh Lê Quảng Ba cười, chỉ về đường sau nói: “Ông ké đi sau ấy!”. Vừa nghe xong câu nói thì đã thấy Bác từ dưới dốc bước lên. Gặp nhau, Bác nói ngay: Chắc là ở ngoài ấy khó khăn nên chạy về đây phải không? Thôi, cứ đi đến chỗ nhà Đại Hoa, mình đi có việc, sau sẽ gặp. Nói xong, Bác cứ đi. Tôi lên nhà uống hết bát rượu, hơi khô quần áo, vò qua các chỗ lấm cho sạch đất, phải giữ sạch, rồi đi qua biên giới. Xuống một đoạn dốc khá xa nữa thì đến nhà Đại Hoa ở Pác Pó.

Hoàng Văn Hoan

Giọt nước trong biển cả

Phần 4: Những năm tháng trước và sau cách mạng tháng Tám

P4 - Chương 1

Sau mười bốn năm hoạt động cách mạng ở nước ngoài ^[1], tôi lại có dịp về hoạt động cách mạng trực tiếp ở trong nước, góp phần xây dựng Khu giải phóng Việt Bắc.

Tôi về Việt Bắc với một điều kiện thuận lợi, là đã biết tiếng Thái-lan, cơ bản giống như tiếng các dân tộc Nùng, Tày ở các tỉnh Việt Bắc giáp với Trung Quốc. Hơn nữa, trong những năm 1940, 1941 hoạt động ở Tĩnh Tây, Long Châu, với nhiệm vụ là Bí thư Đảng ở hải ngoại, tôi thường phải về nước báo cáo công tác, và mỗi lần về như vậy đều ở bên cạnh Bác như ở hang Pác Pó, ở Lũng Nặm, ở Khuổi Nặm, có lúc đến một hai tuần, cho nên đã hiểu được đường lối xây dựng khu giải phóng, cách thức giáo dục cán bộ và huấn luyện quần chúng của Bác, mặc dù lần này về Việt Bắc trong lúc vắng mặt Bác hơn một năm.

Phần này gồm sáu mục:

- Củng cố và phát triển Việt Minh ở Cao Bằng.
- Tiến xuống Lạng Sơn.
- Hồ Chủ Tịch bị bắt ở Trung Quốc và những hoạt động của người.

- Hồ Chủ tịch gặp Tư lệnh không quân Mỹ ở Côn Minh.
- Hội nghị toàn quốc của Đảng và Quốc dân Đại hội ở Tân Trào.
- Những ngày tháng sau Cách mạng Tháng Tám.

I. Củng cố và phát triển Việt Minh ở Cao Bằng

Theo lời Bác dặn ở Pò Vẩn, tôi về Pác Pó ở nhà anh Đại Hoa gần chỗ trước kia Bác thường làm việc, để chờ việc liên lạc với Tỉnh ủy Cao Bằng ở Nhượng Bạ, phủ Hòa An.

Ở nhà anh Đại Hoa được một hôm, trong lúc đang nằm nghỉ mát buổi trưa, thì anh thôn trưởng Cột Mả đến.

Anh hỏi: Chiều hôm qua có phải anh đến nhà tôi không? Tôi hỏi vặn, sao anh biết tôi đến nhà mà anh lại tránh đi không gặp? Hôm qua lúc tôi đi qua dưới sân nhà của anh thì tôi đã nghe tiếng anh nói rõ ràng, mà lúc lên nhà em anh lại bảo là anh đi vắng?

Anh thôn trưởng giải thích. Nguyên do thế này: Trước kia mỗi lúc anh gặp tôi, anh đều nói tiếng phổ thông, nhưng lần này gặp em tôi anh lại nói tiếng Quảng Đông, tôi nghĩ là bọn Quốc dân đảng đến bắt, nên tôi tránh ở trong buồng, nắm sẵn khẩu súng đã lên đạn, nếu thật là bọn Quốc dân đảng đến bắt tôi, thì tôi bắn chết, rồi đốt nhà và đưa cả gia đình vào Việt Nam. Tôi đã bảo thằng em tôi giơ đèn lên soi mặt anh để ở trong buồng tôi xem, nhưng anh cứ ngoảnh mặt đi, tôi không thấy rõ. Sau khi anh nói xuống nhà thôn phó, tôi đoán chắc là anh, nên bảo em tôi xuống nhà phó thôn trưởng xem, thì không thấy, tôi lại ngờ là kẻ gian nên bảo em tôi cùng hai người nữa mang theo ba khẩu súng đi ngay ra phía đầu thôn xem, nếu là Lý Quang Hoa thì đưa về nhà, kéo để nằm bụi, nằm bờ ở ngoài trời tội nghiệp. Nếu không phải Lý Quang Hoa thì bất kỳ ai cũng phải bắt về để xét hỏi rõ ràng.

Tôi nói: Té ra là chuyện như thế. Hôm qua khi em anh nói là anh không có nhà, thì trời đã chấp chạng tối, tôi nói xuống nhà phó thôn trưởng là để đánh lạc hướng chú ý của em anh, nhưng thực ra thì tôi ra đầu thôn, đi về phía Việt Nam, chạy nhanh xuống cái dốc dài, đến chỗ bãi ngô thì tối mịt. Đường núi đá gồ ghề không trèo leo được, tôi đành phải kiếm một chỗ nấu thân bên cạnh một hốc đá ở gần bãi ngô, đến mờ sáng mới ra trèo núi đến Pò Văn vượt qua biên giới rồi về đây.

Anh thôn trưởng hỏi: Vì sao anh lại phải làm khổ mình như thế? Tôi nói: Ở Tĩnh Tây Trần Bảo Thương muốn ép tôi làm việc cho Quốc dân đảng, tôi nhất định không làm nên phải chạy về nước. Ngủ ở nhà anh, nếu đang đêm xảy ra chuyện gì mà anh không ở nhà thì không biết làm cách gì để đối phó. Vì vậy tôi phải rời nhà anh đi ngay.

Anh thôn trưởng xin lỗi: Tôi thật hồ đồ quá nên đã làm khổ anh. Nhưng bây giờ đã đến đây bình yên vô sự thì tôi rất mừng.

Chuyện trò xong, anh thôn trưởng xin về. Tôi bảo anh hãy nán ná chờ, để tôi viết bức thư gửi cho Trần Bảo Thương, đồng thời cũng nhờ chuyển đến Trương Phát Khuê, Tư lệnh Quân khu bốn ở Liễu Châu. Thư đại ý nói, tôi rời Tĩnh Tây về Việt Nam là để làm việc, vì công việc ở trong nước cần đến tôi hơn, nên tôi phải về nước chứ không phải là tôi bỏ trốn. Kèm theo bức thư, còn có một bài thơ chữ Hán như sau:

Xà thử tung hoành nhật,

Ngư long tịch mịch thì.

Kinh cung nghi khúc mộc,

Việt điều sào nam chi.

Vong dương lao khả bố,

Thất mã phúc an tri.

Long tuyên khởi mai một,

Thiêm quang chung hữu kỳ.

Tạm dịch:

Rắn lộn đương khi được gặp thời,

Cá rồng đành phải vắng tăm hơi.

Cây cong, cung bắn, trông mà sợ,

Chim Việt càn nam vốn chẳng rời.

Dê mất đã đành cần sửa trại,

Ngựa chuồn mà hóa được ơn trời.

Long tuyền há dễ chôn vùi mãi,

Múa tít rồi đây sẽ sáng ngời.

Viết thư xong, gói ghém đề phong bì cẩn thận, rồi nhờ anh thôn trưởng đưa về Cột Mả dán tem gửi đi cho Trần Bảo Thương ở Tịnh Tây.

*

Trong những ngày chờ đợi ý kiến của Tỉnh ủy Cao Bằng, tôi vẫn ở nhà Đại Hoa giúp các đồng chí địa phương củng cố vùng Lục Khu thuộc Sóc Giang, mà anh Đại Lâm ^[2] là người phụ trách, đồng thời cũng là người phiên dịch khi tôi nói chuyện hoặc giảng giải các vấn đề cách mạng với người địa phương.

Thời gian ở Pác Pó, anh Đại Lâm thường đưa tôi đi nói chuyện với quần chúng, tham gia mấy đám cưới của cán bộ trong vùng. Có lần còn cùng đám thanh niên tham gia buổi hát của họ với đám thanh niên nữ ở trong làng. Cách hát này, tiếng Nùng gọi là “lượn tại”, cũng như ở Nghệ Tĩnh gọi là “hát ghẹo”, ở nhiều nơi miền Bắc gọi là “hát đúm”. Bắt đầu bên nam hát ở ngoài cổng làng hay một nơi cách gần chỗ ở các cô gái. Nếu hát hay và đối đáp được các cô gái vừa lòng thì được mời vào nhà chuyện trò, trao đổi tình

tự. Nếu không được các cô gái mời vào thì coi là cuộc hát thất bại, phải chuẩn bị cuộc hát khác, hoặc thôi sau không hát nữa.

Qua một thời gian tiếp xúc với cán bộ và nhân dân địa phương, tôi đã nghe hiểu được khá nhiều tiếng Tày, và đã soạn một số thường thức chính trị thành những bài ca giản dị bằng tiếng Tày để phổ biến trong quần chúng. Thí dụ bài Tình hình thế giới nguyên bằng tiếng Tày, tạm dịch như sau:

*Thế giới chúng ta ở,
Chia ra làm năm châu.
Và cứ mỗi một châu,
Lại chia ra nhiều nước.
Anh, Pháp, Ý và Đức,
Là thuộc về châu Âu.
Nước ta và Nhật, Tàu,
Là thuộc về châu Á,*

.....

Một hôm các đồng chí đi công tác về báo cáo, trong khu đã tổ chức được hầu khắp, chỉ riêng có một làng có mấy tên hào lý phản động cứ rêu rao là Việt Minh vào làng thì bắt nộp cho Tây, Nhật để lấy thưởng, vì vậy cán bộ không ai dám lọt vào. Làng này lại ở giữa đường đi rất quan trọng, nếu không tổ chức được làng này thì cả vùng đều bị ảnh hưởng. Chúng tôi bàn với nhau, nên dùng một số thanh niên nam hát giỏi, đến làng đó hát với các cô gái, nếu được các cô gái mời vào tình tự, thì lấy đó làm cơ sở phát triển dần ra đám thanh niên, rồi dần dần đến các người già, và sau đó người già sẽ nói cho bọn phản động biết Việt Minh là một tổ chức đánh Tây, đánh Nhật để cứu nước cứu dân, có tổ chức khắp các châu, các phủ huyện và có vũ trang rất mạnh, nếu chống đối với Việt Minh thì không tốt đâu. Chúng tôi gọi anh Nhâm đến bàn chuyện này, vì anh là một thanh niên hát giỏi, đi hát

ở đâu các cô gái cũng rất thích, thường có cô làm giày gửi biếu. Anh Nhâm cho rằng đó là một phương pháp hay, có thể làm được, mà không bị nguy hiểm. Quả vậy, anh Nhâm dẫn một nhóm thanh niên đến làng đó hát mấy lần, thì các cô gái mời vào làng để trao đổi tình tự. Anh Nhâm làm công tác một thời gian thì cả làng đó bằng lòng theo Việt Minh. Cố nhiên mỗi lúc cán bộ Việt Minh đến thì vẫn phải phân công cho những người thật giác ngộ chú ý đề phòng mấy tên phản động.

*

Sau một thời gian công tác ở Lục Khu, tôi đi Hòa An gặp đồng chí Bác Vọng, Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng, và đồng chí Vũ Anh, trước đã cùng với tôi công tác ở Xiêm nay mới được cử vào Ủy viên Trung ương trong Hội nghị Trung ương lần thứ tám. Hai anh cho biết rằng, theo ý Bác Hồ thì công việc Nam tiến là rất cần thiết. Anh Giáp phụ trách đánh thông đường qua Bắc Cạn đến Thái Nguyên đã hoạt động từ hơn một năm nay; còn đường qua Lạng Sơn xuống Thái Nguyên thì chưa có ai phụ trách. Tỉnh ủy muốn tôi phụ trách đánh thông đường xuống Lạng Sơn. Tôi nhận lời ngay và đề nghị Tỉnh ủy xếp cho một số cán bộ chính trị vững, thông thạo đường sá và biết ứng phó khi có việc xảy ra. Tỉnh ủy đồng ý, nhưng xếp cán bộ như thế không phải một lúc đã làm ngay được, trước mắt hãy giúp Tỉnh ủy củng cố và phát triển Việt Minh ở Cao Bằng.

Tôi ở chỗ Tỉnh ủy được mấy hôm thì được phái đến vùng Đào Ngạn mở một số lớp huấn luyện cho cán bộ địa phương, do anh Hải Khoát phụ trách đồng thời cũng là người phiên dịch như anh Đại Lâm ở vùng Lục Khu. Đào Ngạn là một vùng đã được tổ chức khá rộng, hầu hết các làng đều theo Việt Minh, chỉ mở những lớp huấn luyện để phổ biến một số thường thức cách mạng và

bày cách làm việc cụ thể. Mỗi lớp huấn luyện chỉ độ hơn mười ngày, số người học có trên dưới mười người, có lúc đông đến độ hai chục người, đại bộ phận là thanh niên nam nữ, đôi khi cũng có một số người bốn năm mươi tuổi, hoặc một vài chú bé độ mười ba, mười bốn tuổi, nhưng đều không biết chữ.

Cách huấn luyện rất giản đơn, mỗi bài học đặt thành mấy câu hỏi cho người học tự trả lời trước, thường thì người học đều trả lời không được. Thế là mình mới nêu ra câu trả lời ngắn gọn và rất dễ hiểu, để các người học nói lại mỗi người độ một vài lần. Khi mọi người đều nói lại được, thế là xong. Vì quần chúng không biết chữ nên không có sách vở ghi chép gì cả, họa hoặc có người ghi chép được cũng không ghi chép để khỏi lộ bí mật. Một vài thí dụ cụ thể về cách huấn luyện:

- Huấn luyện về vấn đề tuyên truyền, thì trước hết đặt câu hỏi: Tuyên truyền là gì? Trả lời: Tuyên truyền là làm cho người ta ghét Tây, ghét Nhật và theo cách mạng.
- Huấn luyện về vấn đề tổ chức, thì trước hết phải đặt câu hỏi: Tổ chức là gì? Trả lời: Tổ chức là rủ người vào Hội Việt Minh, hoặc vào Hội Thanh niên, Hội Phụ nữ.
- Huấn luyện về thường thức chính trị, thì đặt câu hỏi: Bọn ông tuần ^[3], ông phủ, ông huyện, ông châu ^[4] có tài giỏi không? Thường thì người học đều cho là tài giỏi; vậy phải giải thích, bọn đó là rất ngu, vì Tây, Nhật cướp nước ta mà bọn đó lại coi Tây, Nhật như là bố, là mẹ.

Chúng ta mới là tài giỏi hơn họ, vì chúng ta biết đoàn kết đánh Tây, đánh Nhật để cứu nước.

- Du kích sao lại đánh được Tây, Nhật? Trả lời: Tây, Nhật tuy mạnh, nhưng du kích có cách đánh giỏi: Địch đánh thì ta rút; địch rút thì ta đuổi; địch nghỉ thì ta quấy; địch mệt thì ta đánh.
- Bí mật là gì? Trả lời: Bí mật là ai hỏi gì thì cứ nói không biết, không nghe, không thấy. Như vậy là “địch có mắt như mù, địch có tai như điếc”, ta làm gì địch cũng không biết.

Ngoài ra còn nói một số thường thức trong cuộc sống như cách hòa thuận trong gia đình, thân mật với láng giềng, thành thật với đồng chí, và cảnh giác đề phòng kẻ địch.

Huấn luyện tuy giản đơn, mộc mạc như vậy, nhưng kết quả rất tốt. Những người được huấn luyện về đều trở thành những cán bộ thực tế. Không những họ lôi kéo được cả bố mẹ và anh chị em trong gia đình, mà còn lôi kéo được cả những người trong làng trong xóm.

Cách huấn luyện giản đơn mộc mạc như thế chính là cách tôi học được ở Bác Hồ từ trước kia trong lúc ở Thái-lan, và gần đây thường được gần gũi Bác trong thời gian đi lại từ Tĩnh Tây về Cao Bằng, ở Pác Pó, ở Lũng Lạm, ở Khuổi Nậm.

*

Sau khi ở Đào Ngạn một thời gian, tôi lại về Nhượng Bạ để chuẩn bị lấy cán bộ Nam tiến đánh thông đường xuống Lạng Sơn, nhưng Tỉnh ủy Cao

Bằng vẫn chưa xếp được người cùng đi, tôi ở lại Nhượng Bản giúp phát triển và củng cố Việt Minh ở vùng này.

Sao làm cách mạng là phận sự của mình mà lại nói rằng giúp? Nói rằng giúp, vì Bác có chủ trương những cán bộ miền xuôi công tác ở vùng dân tộc thiểu số không trực tiếp tham gia vào ban lãnh đạo địa phương, vì trực tiếp tham gia sẽ làm cho các đồng chí địa phương sinh lòng ỷ lại, không tự chủ được công việc của mình, vì vậy chỉ nên làm việc với danh nghĩa cố vấn để đảm bảo tôn trọng quyền tự quyết của các đồng chí địa phương. Các anh về Cao Bằng từ những năm 1940, 1941, như Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Cao Hồng Lĩnh, Lê Thiết Hùng đều làm việc với danh nghĩa cố vấn. Đây là một chủ trương rất sáng suốt của Bác, nhằm để phòng sự bao biện của các đồng chí miền xuôi, thường là những người có trình độ chính trị và văn hóa cao hơn; đồng thời để nâng cao lòng tự trọng và tự quyết của các đồng chí địa phương là dân tộc thiểu số.

Ở Nhượng Bản nhân dân địa phương đã biết tiếng Việt nhiều, nhưng khi đi công tác tôi thường đi với đồng chí Bác Vọng, Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng, là người thông thuộc địa phương và cũng là người phiên dịch khi cần thiết.

Thời gian này tôi được xếp ở nhà ông Lén tại Lũng Voài gần di tích Thành nhà Mạc, nơi mà cơ quan báo chí tỉnh Cao Bằng đóng và phát hành ở đó.

Tuy nói ở nhà ông Lén nhưng thường thì phải ở các hang núi đá trên cao, có khi được tin Tây đến lục soát thì phải ở hẳn trên núi, do cán bộ địa phương cung cấp gạo muối đưa lên rồi mình phải tự nấu lấy ăn. Bài thơ Cõi tiên đã thể hiện tình cảnh ở trên núi như sau:

Núi cao cao ngất tầng mây,

Đá lô xô mọc cỏ cây rậm rì.

Quanh năm chẳng người đi kẻ lại,

Suốt ngày rành chim gáy thú kêu.

*Bút nào tả cảnh đìu hiu,
Người nào bước tới chẳng xiêu xiêu lòng.
Vịn chỏm đá lên vòng quanh mãi,
Lên càng cao thì lại càng xa.
Đỉnh non chót vót một tòa,
Hoa che lá phủ đây là cõi tiên.*

.....

*

Đợi một thời gian mấy tháng mới xin được anh Hoàng và anh Nam ^[5] cùng đi đến tổng Xuân Sơn, Cao Bằng để đánh thông xuống phủ Tràng Định thuộc tỉnh Lạng Sơn. Đường đi đến Xuân Sơn phải qua làng Đề Thám, một làng đã theo Việt Minh, nhưng Tây bắt phải rào làng và đêm đến thì phải đóng cổng làng không được mở. Mỗi lần đi đều phải đi đêm và đi qua làng đó, các đồng chí trong làng đã để một chỗ có cột rào có thể nhô lên được để cán bộ chui vào chui ra khi đi qua làng muốn vào hỏi tin tức hoặc lấy giao thông.

Hôm lên đường đi Xuân Sơn, đồng chí Bác Vọng dặn phải giữ gìn sức khỏe, ở đó người lạ đến thường thì ba bốn ngày là bị sốt rét đấy. Lúc nghe nói tôi không tin, nhưng lúc đến Xuân Sơn được ba ngày thì sốt rét thật, một thứ sốt rét rừng, lúc nổi cơn rét thì phải đắp ba bốn cái chăn cũng cứ run lẩy bẩy, nhưng hết cơn rét thì lại đi lại ăn uống như thường.

Tại Xuân Sơn, tôi ở nhà một cụ già ở làng Rộng Bó. Cụ có bốn người con: Con trai cả là Kim Hạ, không hoạt động công khai; con thứ hai là Phong Cúc, một chị phụ nữ góa chồng; con thứ ba là Kim Khánh đã có gia đình, và con út là Kim Bôi, một thanh niên mới lớn lên; cả bốn người đều là cán bộ

tích cực tham gia cách mạng trong vùng này. Được sự cộng tác tích cực của các đồng chí nên tổ chức Việt Minh được củng cố và phát triển khá nhanh. Ở Xuân Sơn một thời gian độ vài ba tuần lại phải về gặp Tỉnh ủy ở Nhưộng Bạ mấy hôm để nắm tình hình, trao đổi ý kiến và cũng để xin thuốc sốt rét, mà các đồng chí phải mua từ Cao Bằng, với phương pháp nhờ nhiều người quần chúng mua rồi góp lại, chứ không dám mua nhiều một lúc sợ bị Tây phát hiện. Thuốc sốt rét lúc đó chủ yếu là ki-nin, mỗi lúc xin được nhiều là vài chục viên, ít là được mười viên, cho nên khi sốt rét chỉ dùng mấy viên, hết sốt rét rồi là thôi, phải để dành không dám dùng nữa.

Đầu năm 1944, Tỉnh ủy phái thêm một số cán bộ và đồng chí Đàm Minh Viễn lấy tên là Kỹ Sư là một người có năng lực và rất xông xáo, nên công việc Nam tiến phát triển khá nhanh. Chỉ một thời gian thì các tổ chức Việt Minh ở Xuân Sơn được củng cố và phát triển nhanh đến các vùng thuộc châu Thạch An, như Bốc Thượng, Nà Ngòi, Nà Đổng, Nà Kẽ, Nà Mu, Nà Cọn, Nậm Tàn, giáp với Cao Môn, Bắc Khê thuộc tỉnh Lạng Sơn. Ở các nơi này đã mở được độ mười lớp huấn luyện, cũng như ở Đào Ngạn và Nhưộng Bạ, mỗi lớp độ mười hai đến hai mươi người, thời gian trên dưới mười ngày, và cách thức cũng huấn luyện giống như trước.

Thời gian ở châu Thạch An thấy quần chúng có một kiểu hát đặc biệt là “lượn sương”, những bài hát đều là kiểu thơ Đường bốn câu ba vần. Có lẽ trước kia do một ông đồ nho nào đấy đã dùng kiểu thơ Đường đặt ra các bài hát bằng tiếng Tày, và phổ biến khá rộng rãi. Để đáp ứng sự đòi hỏi của cách mạng, tôi tuy không phải là một người hát giỏi, nhưng cũng cố gắng dạy cho đám thanh niên nam nữ những bài về, bài hát tiếng Tày trước kia và đặt một số bài “lượn sương” để phổ biến trong quần chúng. Bài Phôi chuyện nước Nam ^[6] đăng ở tập thơ Một đôi vần là bài “lượn sương” làm trong thời gian này.

Vào khoảng cuối năm 1943 đầu năm 1944, đế quốc Pháp khủng bố ráo riết. Ở Xuân Sơn có khi đã phải làm lán ở trong một khu rừng, gần đám rẫy của đồng chí Kim Khánh, các đồng chí thường đưa gạo muối đến và báo cáo tình hình địa phương, chỉ thỉnh thoảng mới đi vào làng tiếp xúc với quần chúng. Lúc về Nhượng Bạ cũng ở hẻm trong hang núi. Lúc này phần đông cán bộ Cao Bằng đều phải thoát ly gia đình làm lán trại ở rừng núi, chứ không ở trong nhà trong làng. Cán bộ thoát ly nhiều như vậy, Tây cũng hoảng, bèn bảo lão tuần Bách, tuần phủ Cao Bằng triệu tập bọn tổng lý lại bày cách dụ dỗ cán bộ ra đầu thú. Một cán bộ thiếu cảnh giác, đã chủ trương cho cán bộ ra đầu thú để “tiện cho công tác”. Đấu tranh với khuynh hướng này, tôi đã làm bài thơ Mẹo quan và bài thơ Chống khủng bố đăng lên báo **Việt lập** để sửa chữa lại tình trạng hữu khuynh đó.

Bài Mẹo quan có câu:

*Người cách mạng đã ra cứu nước,
Phải khăng khăng sau trước một lòng,
Mẹo quan lừa dắt vào tròng,
Người cách mạng quyết là không mắc lừa.*

Bài chống khủng bố có câu:

*Chó chạy đã cùng đường,
Quay cổ lại cắn sửa.
Tây, Nhật đã cùng đường,
Phải giã tay khủng bố.*

.....

*Chúng ta cứ vững lòng,
Cùng nhau chống khủng bố.
Rồi đây đánh Nhật, Tây,
Nhật, Tây nhất định đổ.*

^[1]ở Thái-lan từ 1928 – 1935, ở Trung Quốc 1935 - 1942

^[2]anh ruột của Đại Hoa

^[3]tuần phủ

^[4]tri châu

^[5]cả hai đều đã từ trần từ mấy năm trước đây

^[6]Nói chuyện nước Nam

Hoàng Văn Hoan

Giọt nước trong biển cả

Phần 4: Những năm tháng trước và sau cách mạng tháng Tám

P4 - Chương 2 đến 4

II. Tiến xuống Lạng Sơn

Mặc dù Tây, Nhật khủng bố ráo riết, nhưng việc tiến xuống Lạng Sơn là một nhiệm vụ chiến lược nhất định phải thực hiện cho bằng được. Nguyên kế hoạch trước là tiến về phía Cao Môn, Bắc Khê, nhưng một hôm, ở một con suối gần Cao Môn, hai đồng chí cán bộ xuống suối tắm, đã để súng và áo quần trên bờ suối, bị bọn lính đông Cao Môn đi tuần trông thấy từ đường xa, về báo cáo với châu đoàn Thể ở Cao Môn, châu đoàn Thể bắt lĩnh đồng phải canh gác suốt ngày đêm ở dọc biên giới Cao-Lạng. Thế là kế hoạch đánh thông vào Cao Môn, Bắc Khê phải ngừng lại.

Vào khoảng tháng 5-1944, khi về Nhượng Bạ được đọc bài thơ của Bác viết trên một tờ báo Quảng Tây, do Trần Bảo Thương chuyển đến, và nhấn

cho biết là Bác đã được khôi phục tự do.

Nguyên thơ bằng chữ Hán, có bốn câu:

Vân ủng trùng sơn, sơn ủng vân,

Giang tâm như kính tĩnh vô trần.

Bồi hồi độc bộ Tây phong lĩnh,

Giao vọng nam thiên ức cố nhân.

Tạm dịch:

Mây núi chen nhau cảnh trập trùng,

Lòng sông như một tấm gương trong.

Một mình dạo bước Tây phong lĩnh,

Bạn cũ trời Nam những nhớ trông.

Tuy Trần Bảo Thương đã nhắn cho biết là Bác được tự do, nhưng tôi vẫn cố suy nghĩ từng chữ từng câu trong thơ, để tìm hiểu ý tứ thật của nó. Tôi nghĩ: Mây núi chen nhau là nói ý cuộc đấu tranh cực kỳ phức tạp; lòng sông gương sáng là nói ý cách mạng vẫn dào dạt như nước ở dòng sông, và vẫn được vẹn toàn trong sáng; bồi hồi dạo bước bên núi Tây Phong rõ ràng là ý nói Bác đã được tự do; nhớ bạn cũ trời Nam là ý nói Bác muốn về nước. Tôi nghĩ như vậy, và nói ý nghĩ đó với các đồng chí Bác Vọng, Vũ Anh, đồng thời xin thêm mấy chục viên ki-nin để chuẩn bị đi Lạng Sơn. Chúng tôi quyết định chuyển đi này không tiến về Cao Môn, mà đi đường Keo Quí, tiến về Tràng Định, mặc dù đi con đường này phải trèo đèo lội suối rất khó khăn, và có một vài chỗ có bọn tay sai đắc lực của Pháp cản trở, như ở Nà Mèng, Nà Cáo. Nhưng chúng tôi vẫn cố gắng vượt qua, đến Tà Lừa rồi đến thẳng Thất Khê, một nơi đã có cơ sở từ trước, lúc đồng chí Hoàng Văn Thụ hoạt động ở đó.

Đến Thất Khê, chúng tôi thường ở nhà đồng chí Hoàng Minh Xương ở Bản Chang, đồng chí Trần Đức Hình ở Toổng Cột, từ đó cùng cố các nơi đã có

cơ sở và phát triển thêm các nơi ở những vùng chung quanh. Trong khi củng cố và phát triển, chúng tôi được sự hợp tác đặc lực của những đồng chí đã biết nhau từ lúc ở lớp huấn luyện bộc phá ở Tỉnh Tây như đồng chí Như Ý, đồng chí Lâm, đồng chí Khai Lạc; một số đồng chí đã tham gia Đại hội thành lập Hội giải phóng từ năm 1941 ở Tỉnh tây như đồng chí Bé Hà Kinh; và một số đồng chí khác đã gặp nhau ở Long Châu như đồng chí Bé Chấn Hưng, đồng chí Hoàng Văn Kiêu; các đồng chí này đều là những người đã được phổ biến đường lối Việt Minh và thông thuộc tình hình địa phương. Trong mấy năm qua, mặc dù ở Lạng Sơn bị khủng bố nặng, nhưng các đồng chí này đã khôn khéo hoạt động giữ cơ sở và phát triển thêm nhiều. Một số đồng chí đã đánh thông Nà Nhàn, Nà Voài, Nà Cà, thuộc Cao Bằng; Pác Xiếc, Tà Lừa, thuộc Lạng Sơn. Thế con đường xuống Thất Khê đã thông suốt.

Những nơi kể trên tuy đã có tổ chức Việt Minh nhưng chưa rộng khắp, đường qua Keo Quí xuống vẫn phải đi đêm. Keo Quí là một khu rừng cây cối um tùm, các bản dọc đường đi từ bản này đến bản kia phải lội suối, thường người ta đi đêm là phải thấp đuốc, nhưng mình không dám thắp đuốc, phải bắt một ít đom đóm gói vào trong khăn mùi xoa, đeo ở sau cổ người đi trước để cho người đi sau thấy mà đi theo. Có khi qua suối gặp những chỗ khúc khuỷu khó đi thì phải vịn vào người giao thông mà đi, có những bước gồ ghề đặc biệt thì người đi trước phải đưa chân người đi sau đặt vào chỗ bước chắc chắn thì mới bước qua được.

Ở vùng Cao Môn, các đồng chí Đường Văn Thúc, Trần Văn Liêm cũng đã nắm được các vùng Khau Chang, Khuổi Nháo, Khuổi Hải Tậu, Khuổi Thó, Khuổi Chăn, Khuổi Phầy, đồng chí Toàn và một số người khác cũng đã gây được cơ sở ở một số nơi.

Ở Thất Khê một thời gian, chúng tôi còn tổ chức được các anh xếp và cai

người Việt trong đồn Thất Khê. Xếp Ân quê ở Nghệ An, cai Đài quê ở Cao Bằng là người liên lạc mật thiết. Chúng tôi đã nói chuyện nhiều với anh hai về tình thế cách mạng, đã mời hai anh đến ăn cơm ở nhà đồng chí Trần Đức Hình, và đã có thể đi thẳng vào chỗ nhà ở của vợ con các anh ấy mà vẫn được an toàn.

Các anh xếp Ân và cai Đài nghị chúng tôi lấy đồn Thất Khê bằng cách nửa đêm đột nhập vào đồn ^[1], các anh ấy sẽ phối hợp đưa đi bắt tên đồn trưởng người Pháp ở tại phòng ngủ, rồi các anh ấy sẽ hạ lệnh cho lính chuyển súng ống đạn dược ra chỗ căn cứ của ta.

Theo các anh ấy thì hầu hết người Việt ở trong đồn đều muốn theo Việt Minh và sẵn sàng hợp tác với các anh ấy làm việc đó.

Nói thì giản đơn như vậy, nhưng chúng tôi phải tính toán kỹ trước khi khởi sự. Anh Đàm Minh Viễn phải về Cao Bằng để xin Tỉnh ủy một số đạn tốt, vì chúng tôi tuy mỗi người đều có một khẩu súng bát ^[2] để hộ thân, nhưng có lần ban đêm gặp lính đồng phải bắn súng thì đạn thôi không nổ. Còn tôi thì đi Bộ Cục thuộc Long Châu Trung Quốc để liên hệ với quân chúng; phòng trường hợp lấy được đồn rồi, Tây đưa lực lượng các nơi đến phản công, thì phải chuyển bộ đội sang đây. Bộ Cục là nơi mà năm 1940 khi anh Chu Văn Tấn khởi nghĩa Bắc Sơn thất bại đã đưa một số bộ đội đến tạm nương náu ở đó, và cũng là nơi mà năm 1941 khi tôi đến lập Biện sự xứ Việt Minh ở Long Châu cũng thường đi lại để liên hệ với quân chúng địa phương và anh em trong nước. Quân chúng Bộ Cục giác ngộ cách mạng cao, họ xem cách mạng Việt Nam cũng như cách mạng của mình nên khi nghe tôi nói ý định muốn lấy Thất Khê thì họ trả lời ngay, nếu ở Việt Nam gặp khó khăn phải qua đây hàng trăm người chúng tôi cũng có thể giúp đỡ được.

Tuy được quân chúng Bộ Cục sẵn sàng làm hậu viện cho việc chiếm đồn Thất Khê, nhưng thực ra thì điều kiện chủ quan và khách quan vẫn chưa thật

chín mươi. Tôi nghĩ cần đi Tịnh Tây một chuyến gặp Trần Bảo Thương để nói lại mối quan hệ và cũng để tìm hiểu thêm tin tức về Bác. Nghĩ vậy, tôi liền viết một bức điện nhờ người đưa đến Sở bưu chính Long Châu đánh cho Trương Phát Khuê, đại ý nói: Tôi muốn đi đến Tịnh Tây gặp Chủ nhiệm Trần Bảo Thương, mong được sự đồng ý của Trưởng quan.

Hai hôm sau Trương Phát Khuê trả lời “đồng ý”. Tôi dùng bức điện trả lời này như là giấy thông hành đi qua con đường cũ trên đất Trung Quốc: Bồ Cục, Long Châu, Khô Cạp, Bảo Hy, Thạc Long, Hạ Lôi, Hóa Động, Tịnh Tây, rồi qua Đường Lầu, Cột Mạ về Pác Bó. Đi đường này tuy xa nhưng an toàn hơn và cũng để nhìn lại cái cảnh cũ đã từng quen thuộc trước đây gần hai năm kể từ tháng 8-1942 tôi rời Tịnh Tây về nước.

Đầu tháng 7-1944, tôi lên đường. Khi đến Tịnh Tây, tôi vào Chỉ huy sở của Trần Bảo Thương, ông ta lại vồn vã tiếp đón chuyện trò thân mật, và thết một bữa tiệc rất sang. Trong bữa tiệc, Trần Bảo Thương hỏi nhiều về tình hình Nhật, Pháp và tình hình phát triển của cách mạng Việt Nam. Tôi nói ở Việt Nam ngày nay không phải là người Pháp làm chủ, mà thật sự là người Nhật. Người Pháp cũng vẫn muốn chống Nhật, nhưng họ lại thẳng tay khủng bố đối với các lực lượng Việt Nam chống Nhật. Vì vậy, chủ trương của chúng tôi là phải chống cả Pháp, cả Nhật. Với chủ trương chống Pháp, chống Nhật, các đoàn thể cách mạng đều phát triển rất sâu rộng.

Nói xong tình hình Việt Nam, câu chuyện chuyển sang bài thơ của Hồ Chủ tịch. Trần Bảo Thương hỏi, trước đây tôi có gửi một tờ báo Quảng Tây trong đó có bài thơ viết tay của đồng chí Hồ Chí Minh, chắc anh có được xem. Tôi trả lời: Vâng, tôi có được xem và được đọc cả bài họa của Chủ nhiệm nữa, tôi đang định viết bài thơ của tôi để trình Chủ nhiệm, đồng thời nhờ Chủ nhiệm chuyển đến Liễu Châu cho đồng chí Hồ Chí Minh. Bài thơ như sau:

Bích không vị tảo tận nùng vân,

*Nam văn thiên hà tẩy khát trần,
Thanh khí tương cầu chung hữu ứng,
Đoạn kim tần mộng kiến giai nhân.*

Tạm dịch:

*Trời xanh chưa quét sạch mây vẩn,
Khó kéo sông Ngân rửa bụi trần.
Thanh khí đã cầu thì phải ứng,
Chia vàng luôn mộng thấy giai nhân.*

Chia vàng luôn mộng thấy giai nhân, đối với Hồ Chủ tịch là có ý nói luôn luôn mong ước được sự chỉ giáo của Bác, mà đối với Trần Bảo Thương là có ý nói luôn luôn mong được sự giúp đỡ. Hai chữ “chia vàng” là lấy ý ở câu “nhị nhân đồng tâm kỳ lợi đoạn kim” trong sách cổ của Trung Quốc, nghĩa là hai người cùng một lòng, lợi ích như chia vàng cho nhau. Nghe tôi đọc xong, Trần Bảo Thương khen hay và bảo người đưa bút giấy ra để tôi ghi lại. Trần Bảo Thương còn cho biết, đồng chí Hồ Chí Minh hiện nay đã được hoàn toàn tự do, đang chuẩn bị, có lẽ không lâu cũng sẽ về nước đây.

Cuộc gặp Trần Bảo Thương như vậy là rất tốt.

Ngày hôm sau tôi lên đường về nước, lại vẫn qua Đường Lầu nghỉ một đêm, rồi hôm sau đi thẳng đến Pác Bó, chỉ ở nhà Đại Hoa vài hôm rồi đi Nhượng Bạ.

Hội này Cao Bằng đang bị khủng bố riết, tôi vẫn ở Lũng Voài, nhưng không ở nhà ông Lén như trước, mà phải ở một cái lán ở trên núi đá, thỉnh thoảng mới xuống dưới làng hoạt động. Một thời gian sau gặp anh Vũ Anh, được biết Bác đã về nước và đã phê phán chủ trương phát động chiến tranh du kích mà Hội nghị Cao- Bắc-Lạng vẫn còn ghì lại chưa giải quyết.

Nguyên trước đây vào khoảng tháng 5-1944, tôi về Lam Sơn gặp Tỉnh ủy Cao Bằng thì cũng gặp cả anh Đồng, anh Giáp và anh Vũ Anh. Anh Giáp dự

thảo ra một văn bản như một cương lĩnh hành động để đưa Tỉnh ủy thảo luận. Trong đó chủ trương phát động chiến tranh du kích ở Cao-Bắc-Lạng và một số ý kiến cụ thể về việc tổ chức các đội du kích. Tôi xem văn bản này thấy rằng chủ trương phát động chiến tranh du kích là không đúng, vì có hai điều kiện chưa được giải quyết. Một là chưa có liên lạc quốc tế ^[3]. Hai là sự liên lạc Bắc-Trung-Nam chưa được thông suốt. Nếu phát động chiến tranh du kích thì sẽ gặp nhiều khó khăn, sẽ bị cô lập. Cố nhiên trong lúc này nơi nào có thể tổ chức đội du kích thì ta vẫn cần tổ chức để luyện tập và lúc cần vẫn có thể đánh du kích.

Anh Giáp nói, đã tán thành việc tổ chức đội du kích thì phải tán thành chủ trương chung là phát động chiến tranh du kích, vì hai việc là gắn chặt với nhau. Chủ trương của anh Giáp được anh Đồng ủng hộ. Tôi lý luận mãi hai anh vẫn không nghe. Sau tôi chỉ dặn anh Vũ Anh phải giải thích để các đồng chí Tỉnh ủy thấy rõ rằng với tình thế hiện nay, đặt vấn đề phát động chiến tranh du kích là không thực tế.

Tháng 7-1944, Hội nghị Cao-Bắc-Lạng họp ^[4]. Vấn đề phát động chiến tranh du kích được thảo luận sôi nổi. Anh Vũ Anh trình bày chủ trương này là chưa nên, nhiều đồng chí trong hội nghị đều phân vân, cuối cùng hội nghị quyết định hãy tạm gác lại để nghiên cứu thêm. Thế là vấn đề phát động chiến tranh du kích không biểu quyết ^[5]. Đi đôi với vấn đề phát động chiến tranh du kích, còn có vấn đề thành lập Quân giải phóng. Vấn đề này cũng không có quyết định của Hội nghị Cao-Bắc-Lạng nhưng anh Giáp cứ làm, anh Vũ Anh lấy danh nghĩa ủy viên Trung ương tuyên bố giải tán.

Trong khi đang đấu tranh căng, thì Bác từ Trung Quốc về.

Bác giải thích:

1. Về vấn đề chủ trương phát động chiến tranh du kích ngay là không đúng, vì với điều kiện hiện nay, nếu phát động chiến tranh du kích thì sẽ gặp nhiều khó khăn không thể giải quyết được. Chỉ nói về mặt quân sự thì cán bộ và vũ khí cũng chưa đủ, chưa có một lực lượng mạnh.
2. Về vấn đề Quân giải phóng, Bác nói là chưa đến lúc lấy tên là Quân giải phóng mà chỉ nên lấy tên là Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, tính chất của nó là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là đội vũ trang tuyên truyền. Đồng thời đối với việc anh Vũ Anh tuyên bố giải tán, Bác cũng phê bình là một việc làm chưa cân nhắc cẩn thận.

Biết rõ ý kiến của Bác, trong lòng tôi như trút được gánh nặng, rất phấn khởi và tin tưởng rằng chủ trương lớn và đại cục đã có Bác làm rường cột, không phải lo nữa. Chỉ cố gắng làm tốt công việc cụ thể trong phận sự của mình.

*

Cao Bằng đang bị khủng bố nặng. Ở Đông Khê, những nơi mới có tổ chức Việt Minh, quần chúng có vẻ sợ sệt. Thí dụ một hôm anh Hoàng, anh Nam và tôi đi tới một nhà quần chúng cơ sở vào khoảng mười giờ đêm, chủ nhà nói trong nhà có người lạ không nên vào, hãy cứ tạm ở ngoài lán ở đồng ruộng, để người lạ đi rồi sẽ vào. Chúng tôi biết đây chỉ là một cách từ chối khéo chứ làm gì có người lạ trong nhà. Chúng tôi nói, nếu đúng là người lạ chưa hiểu rõ ra sao thì để chúng tôi lấy tư cách là hào lý địa phương đến xét hỏi. Chủ nhà nói, các đồng chí không cần xét hỏi, bây giờ hãy mời các đồng chí tạm ở trên gác chuồng trâu bên cạnh nhà, đến sáng tôi bảo người lạ đi đi, rồi các đồng chí sẽ vào nhà. Tiếp đó, hôm sau chúng tôi đến một nhà ở gần

Năm Tàn, quần chúng đón tiếp rất thân mật, nhưng cho chúng tôi biết trong làng có ông thầy mo khuyên đừng để các đồng chí ở trong làng. Chúng tôi đề nghị mời ông thầy mo đến nói chuyện. Sau khi nghe giải thích mọi lẽ cho ông thầy mo và cho cả quần chúng nghe, thì họ thấy sự lo sợ là không cần thiết. Ông thầy mo chẳng những đồng ý để chúng tôi ở trong làng mà còn mời chúng tôi đến ở ngay nhà ông ta. Sau khi nghe giảng giải về cách chống khủng bố, chẳng những quần chúng mới được tổ chức đều yên tâm, mà chúng tôi còn phát triển thêm nhiều làng ở vùng Nà Cốc, Khuổi Hoảng, tổ chức được ba lớp huấn luyện và bồi dưỡng được thêm một số cán bộ mới. Trong khi chúng tôi đang chinh đốn công tác ở vùng Đông Khê thì Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945). Bộ máy thống trị của Pháp hoàn toàn tan rã, chỉ một số rất ít hào lý và xã đoàn vẫn mù quáng chống Việt Minh, còn nữa thì tỏ ý muốn theo Việt Minh hoặc biết Việt Minh hoạt động cũng làm ngơ. Năm cơ hội, chúng tôi hoạt động mạnh, cứ mang súng ống đi công khai ban ngày từ làng này đến làng khác. Chúng tôi đi đến đâu đều mở những cuộc mít tinh lớn để nâng cao khí thế cách mạng của quần chúng và đề bẹp sự hung hăng của một số tên phản động mù quáng. Hoạt động xong ở Đông Khê, chúng tôi trở lại Xuân Sơn cũng mở mấy cuộc mít tinh lớn như vậy, rồi mới đi về Nhượng Bạ gặp đồng chí Bác Vọng. Vừa khéo lúc đó lại gặp Bác từ Pác Bó trên đường đi về cùng xuôi, tôi cũng cùng đi với Bác một chặng đường. Trong khi đi đường Bác vẫn lên cơn sốt, anh Phạm Việt Tử tiêm ki-nin thẳng vào mạch máu cho Bác, anh nói tiêm như thế mau lành, tôi chẳng hiểu gì về thuốc cũng tin như thế là đúng. Đến năm 1946 công tác ở Khu bốn, tôi bị sốt rét, anh y tá cũng tiêm ki-nin thẳng vào mạch máu cho tôi. Vừa rút kim ra thì tôi ngất xỉu đi, tự cảm thấy mình không thể sống, may được các đồng chí xung quanh lấy nước nóng chườm cho một hồi lâu mới tỉnh lại bình thường. Sau hỏi thầy thuốc được giải thích

rằng tiêm ki-nin vào mạch máu là rất nguy hiểm. Bây giờ mới biết trước kia anh Phạm Việt tử tiêm cho Bác mà không xảy ra việc gì, chẳng những may cho Bác, mà cũng là may cho cả dân tộc.

Đi cùng đường với Bác được một hôm thì chia tay, Bác đi về phía Tuyên Quang, tôi đi về phía Đông Khê xuống Lạng Sơn.

Chuyến này tôi đi Lạng Sơn có được thêm một số cán bộ mới. Anh Phan Bội phụ trách điện đài để liên lạc với Trung ương, anh Đàm Minh Viễn và một số đồng chí nam giới như: Hoàng Điền, Quốc Toàn, Bảo An, Đức Vinh, Tân Cương, Tuấn Sơn, và một số phụ nữ như chị Nguyệt Nga ^[6], chị Vũ Bào, chị Yến, chị Thuần, chị Ngọc, chị Bích v.v... Với một số cán bộ mới này công tác ở Tràng Định lại được đẩy mạnh.

*

Sau cuộc đảo chính, quân Pháp tuy đã tan rã nhưng ở Tràng Định không phải mọi sự đều dễ dàng, có nơi còn có một số tên phản động ngoan cố vẫn cương quyết đối lập với cách mạng, và canh phòng rất nghiêm ngặt. Chỉ sau khi tước vũ khí và giải quyết được tên lý trưởng ở Nà Cạo rồi viết thư bắt anh phó lý ở Lũng Bó nộp năm khẩu súng, và đưa bộ đội đi bắt tên phó lý Khen ở Bình Quân, vì tên này trước kia đã chặt đầu anh giáo Lợi nộp cho Tây để lấy mấy chục cân muối, bây giờ vẫn ngoan cố chống Việt Minh. Từ đó thế lực phản động mới rút cổ lại, quần chúng mới hết lo ngại và hăng hái theo Việt Minh.

Một việc cũng ảnh hưởng khá quan trọng đến tình hình là thổ phỉ từ phía Trung Quốc, nhân khi Pháp đổ, Nhật chưa lập được trật tự vững vàng, cũng nhảy vào quấy rối, cướp trâu bò, bắt phụ nữ, làm cho dân chúng rất lo sợ, chưa tin rằng Việt Minh có thể bảo vệ được an ninh cho mình. Chúng tôi

phải tổ chức việc đánh thổ phỉ, đánh được mấy chuyến làm cho thổ phỉ không dám quấy nhiễu nữa thì dân chúng mới tin, bọn châu đoàn và xã đoàn các địa phương mới tự nguyện nghe theo sự chỉ huy của cán bộ Việt Minh. Một việc lớn là cuộc đánh vào đồn Pò Mã, diệt một tên tổng đoàn ngoan cố, treo cờ Việt Minh lên trên đồn, tước vũ khí và tuyên bố quân đội ai theo Việt Minh, ai muốn về quê nhà thì Việt Minh đảm bảo an toàn và giúp đỡ cho về. Việc này làm cho quần chúng rất phục. Nhưng các đồng chí quân sự đã phạm một sai lầm là say sưa với thắng lợi, cứ đóng quân ở trong đồn luôn nhiều ngày. Sau sửa chữa lại, chỉ treo cờ Việt Minh ở đồn, còn lực lượng vũ trang thì tỏa ra các vùng chung quanh để làm công tác tuyên truyền, tổ chức quần chúng. Đồng thời quy định, dù có quân Nhật đồn đồn Pò Mã cũng không đánh, để Nhật khỏi khủng bố nhân dân địa phương, còn mình thì bảo toàn lực lượng để chuẩn bị những cuộc tiến công lớn. Quả vậy, lúc quân Nhật kéo đến Pò Mã, thấy đồn bỏ trống, thì chúng cho là Việt Minh dùng “kế không thành” như Khổng Minh ở Trung Quốc trước kia đã làm, nên chỉ quanh quẩn trong đồn một hồi rồi toàn bộ rút lui về Thất Khê.

Qua các việc nói trên, các châu đoàn, xã đoàn đều tỏ ý nghe theo Việt Minh. Nhưng bước đầu, bộ đội chưa nhiều, chúng tôi không bắt họ nộp súng mà chỉ giao hẹn khi nào bộ đội cần thì sẽ lấy.

Một việc quan trọng nữa là ở xã Kim Đồng có một tên cán bộ Việt Minh hủ hóa, cưỡng bức quần chúng phải quyên tiền và công khai ép một chị phụ nữ đã có người yêu phải ăn ở với mình. Việc này ảnh hưởng trong quần chúng rất xấu. Một hôm chúng tôi đưa một trung đội Việt Minh đến, kêu gọi quần chúng họp mít tinh ở một khu rừng để nghe truyền đạt chính sách. Anh cán bộ hủ hóa đó trong lúc đến trước Đài chủ tịch để báo cáo tình hình thì Đoàn chủ tịch hạ lệnh cho quân đội bắt, tước súng và xét người ngay tại chỗ, thấy trong người còn có mấy nghìn bạc. Đoàn chủ tịch hỏi quần chúng được biết

đó là số bạc của quần chúng bị ép phải quyên góp, Đoàn chủ tịch liền tuyên bố số bạc ấy trả lại cho những người đã quyên góp, đồng thời xử bắn tại chỗ anh cán bộ đó. Thế là tiếng đồn vang đi khắp nơi. Bộ máy thống trị của Pháp tự giải thể. Việt Minh hoàn toàn làm chủ trên tất cả các mặt. Nhân dân có việc gì khó khăn hoặc có việc gì mâu thuẫn nội bộ cũng tìm hỏi Việt Minh để giải quyết, trên thực tế, một Chính quyền cách mạng đã hình thành, ở nhiều nơi lý trưởng đã nộp triện, xã đoàn và lính đông đã tự động nộp súng cho Việt Minh.

Bộ đội vũ trang của Việt Minh đã công khai đi lại giữa ban ngày, đi đến đâu bọn phản động đầu sỏ đều chạy trốn hoặc ra xin đầu hàng, còn nhân dân thì được bảo vệ chu đáo, và tổ chức học tập rộn rịp.

Ngoài Trảng Định ra, các anh Chu Văn Tấn, đã đánh thông từ Bắc Sơn lên đến Tân Trào, các anh Khai Lạc, Bế Chấn Hưng, Hoàng Văn Kiều cũng đã giải quyết xong các đồn Nà Sầm, Đồng Đăng, Văn Mịch, Bình Gia, Diêm He, liên hệ với nhau thành một khối. Các đồn Đông Khê, Pắc Boóc ở Cao Bằng cũng đã theo Việt Minh. Thế là con đường Cao Bằng-Lạng Sơn đã hoàn toàn thông suốt. Đội vũ trang tuyên truyền ở Cao Bằng cũng đã kéo xuống Lạng Sơn và phối hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang ở đây. Các sĩ quan Pháp và tri phủ, tri châu đều chạy trốn, các xã đoàn và lính đông đều theo Việt Minh.

Những thành tích đạt được trong mấy năm của các đồng chí Việt Bắc nói chung cũng như của phân tôi nói riêng là nhờ có chủ trương đường lối đúng đắn vạch ra và sự chỉ giáo về cách làm việc khôn khéo của Hồ Chủ tịch từ trước, mặc dù Người đang bị giam giữ ở Trung Quốc từ tháng 8 năm 1942 mãi cho đến tháng 9 năm 1944 mới về nước trực tiếp nắm việc lãnh đạo.

III. Hồ Chủ Tịch bị bắt ở Trung Quốc và những hoạt động của Người

Việc Hồ Chủ tịch đi Trùng Khánh gặp Tưởng Giới Thạch là một chủ trương chiến lược rất quan trọng, từ trước đến nay rất ít người biết, có người biết ít nhiều thì cũng vì lẽ này hoặc lẽ khác tránh đi không nói, cũng có người lại nói Hồ Chủ tịch đi Trùng Khánh là cốt để gặp Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc chứ không phải để gặp Tưởng Giới Thạch. Cách suy nghĩ như thế là xuất phát từ chỗ không thấy rõ sự cần thiết của cách mạng Việt Nam trong lúc đó là phải có một vị trí quốc tế, cụ thể là phải có sự quan hệ rõ ràng với Trung Quốc, một nước trong phe Đồng minh chống phát-xít, một nước mà phần lớn đất đai đã bị Nhật chiếm, đang tiến hành cuộc chiến tranh chống Nhật và đang chuẩn bị việc Hoa quân nhập Việt. Hồ Chủ tịch bị bắt ở dọc đường và giam giữ hơn một năm là việc không ngờ, nhưng với một thái độ chính trị đúng đắn và những hành động khôn khéo, ở Liễu Châu Hồ Chủ tịch đã tranh thủ được sự đồng tình của Trương Phát Khuê và Tiêu Văn, được đưa vào Ban Chấp hành của **Việt Nam cách mạng đồng minh hội** và được đi về qua lại hoàn toàn tự do. Đó chính là điều kiện thuận lợi cho Hồ Chủ tịch về nước lãnh đạo việc chuẩn bị khởi nghĩa trước Cách mạng Tháng Tám, và cũng là điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh giữa Việt Minh-Việt Quốc-Việt Cách sau Cách mạng Tháng Tám mà Việt Minh là kẻ chiến thắng.

Sự việc có thể tóm tắt vào ba điểm như sau:

- Hồ Chủ tịch bị bắt và cuộc vận động của ta chống việc bắt Hồ Chủ tịch.
- Hồ Chủ tịch tham gia Việt Nam cách mạng đồng minh hội.

- Hồ Chủ tịch được tự do về nước.

1. Hồ Chủ tịch bị bắt ở Trung Quốc và cuộc vận động của chúng ta chống việc bắt Hồ Chủ tịch

Việc Hồ Chủ tịch bị bắt ở Trung Quốc cuối năm 1942 là việc chúng ta đã biết, nhưng chỉ biết qua loa. Đến như những hoạt động của Người như thế nào để đạt được kết quả chính trị có lợi cho mình, cho cách mạng thì rất ít người biết. Có người trong lúc đó được biết một đôi chút về Người, khi viết hồi ký lại huênh hoang thêu dệt ra một số tình tiết để tỏ vẻ mình là người biết rõ sự việc, là người được Hồ Chủ tịch tin cậy, dặn dò và giao phó việc này, việc nọ. Thực ra, thời gian ở Liễu Châu khi chưa tham gia Việt Nam cách mạng đồng minh hội, Người chỉ chăm chú rèn luyện thân thể, cặm cụi đọc sách, báo và dịch cuốn Tam dân chủ nghĩa, không nói chuyện chính trị và tiếp xúc với một “nhà chính trị” Việt Nam nào, vì Người cảnh giác đối với các “nhà chính trị” đó. Sau khi tham gia Việt Nam cách mạng đồng minh hội, Người lại rất chan hòa với mọi người, và yêu cầu mọi người phải thật lòng đoàn kết trong mục đích chung là chống Nhật cứu nước. Chính vì thái độ đó mà được Trương Phát Khuê kính nể, tin cậy và cuối cùng để cho được hoàn toàn tự do. Những sự việc cụ thể mà tôi thuật lại trong mục này là đã tham khảo những tài liệu gốc của Quốc dân đảng Trung Quốc trong lúc đó mà gần đây mới sưu tầm được, để chứng minh sự thật một cách rõ ràng, chắc chắn hơn.

Sự thật là sau hơn một năm lãnh đạo công tác ở Cao Bằng, Việt Minh đã phát triển rộng khắp trên các tỉnh Việt Bắc, cuộc chiến tranh chống phát-xít trên thế giới cũng phát triển nhanh chóng, Hồ Chủ tịch thấy cần phải đi

Trùng Khánh gặp Tưởng Giới Thạch và bà Tống Khánh Linh, Chủ tịch **Phân hội phản xâm lược đồng minh Trung Quốc** để đặt mối quan hệ chính thức với phía Trung Quốc, một trong năm nước lớn Đồng minh chống Phát-xít.

Ngày 20-8-1942, anh Lê Quảng Ba đưa Bác đi từ Pác Bó đến biên giới Trung Quốc, rồi xếp đặt một đồng chí Trung Quốc đưa Bác đi, còn anh thì lại trở về nước. Khi đến phố Túc Vinh thuộc chuyên khu Thiên Bảo tỉnh Quảng Tây thì Bác bị bắt.

Bác đi Trùng Khánh với danh nghĩa là đại biểu Phân hội phản xâm lược đồng minh Việt Nam đi gặp Tưởng Ủy viên trưởng để tỏ lòng tôn kính và gặp người phụ trách Phân hội phản xâm lược đồng minh Trung Quốc để thương lượng công việc chống Nhật. Với danh nghĩa như vậy, đáng lẽ nước Trung Quốc đang chống Nhật thì phải tiếp đãi thân mật và hết sức giúp đỡ; nhưng trái lại, đương cục địa phương lại lấy cớ giấy tờ không hợp lệ, tùy tiện bắt giải đi như một người tù mà chẳng cần xét hỏi gì cả.

Việc Bác bị bắt ở Túc Vinh ta chưa biết ngay, mãi đến cuối tháng 10-1942, quần chúng Trung Quốc nhắc cho biết, thì Tỉnh ủy Cao Bằng mới quyết định một mặt vận động các đoàn thể quần chúng và kiều bào hải ngoại liên danh viết thư đòi phía Trung Quốc phải thả ngay nhà cách mạng lão thành Việt Nam đang lãnh đạo phong trào chống Nhật; một mặt phái anh Hoàng Đình Ròng^[7] đến biên giới lấy danh nghĩa Phân hội phản xâm lược đồng minh Việt Nam đánh điện cho Tôn Khoa, Viện trưởng Viện Lập pháp Trung Quốc yêu cầu thả ngay Hồ Chủ tịch. Bức điện bằng chữ Hán, nội dung như sau:

Kính gửi Tôn Viện trưởng: Đại biểu của Hội chúng tôi là Hồ Chí Minh đi Trùng Khánh để dâng cờ tỏ lòng kính trọng đối với Tưởng Ủy viên trưởng, khi đi qua Tịnh Tây thì bị bắt, kính xin Ngài điện cho địa phương thả ngay.

Tôn Khoa nhận được điện liền chuyển ngay cho Ngô Thiết Thành, Bí thư trưởng Ban Chấp hành Trung ương Quốc dân đảng Trung Quốc. Ngày 9 tháng 11, Ngô Thiết Thành điện cho Chính phủ Quảng Tây và Trương Phát Khuê bảo phải xét rõ và thả ngay. Nhưng lúc đó Bác còn bị giải đi trên quãng đường Đồng Chính – Nam Ninh, nên Chính phủ Quảng Tây và Trương Phát Khuê vẫn chưa tìm ra manh mối.

Vào khoảng trung tuần tháng 11-1942, tôi đến Nhượng Bạt gặp các anh Vũ Anh, Bác Vọng, Phạm Văn Đồng đưa vấn đề ra bàn thì thấy rằng chỉ viết thư và đánh điện cho nhà đương cục Trung Quốc chắc không có kết quả, cần phải gây thành một dư luận quốc tế thì mới có sức ép với Quốc dân đảng Trung Quốc. Chúng tôi quyết định viết thư cho các hãng thông tấn lớn trên thế giới. Bức thư gửi cho Trung ương Thông tấn xã Trung Quốc tôi viết bằng chữ Hán; bức thư gửi cho các hãng TASS Liên Xô, UPI Mỹ, Roi-to Anh và AFP Pháp thì anh Đồng viết bằng chữ Pháp. Nội dung bức thư như sau:

“Tiền tuyến Trung – Việt ngày 15-11-1942,

“Gần đây giữa cách mạng Việt Nam với đương cục Trung Quốc phát sinh một sự hiểu lầm rất nghiêm trọng. Đồng chí cách mạng Hồ Chí Minh đại biểu Phân hội phản xâm lược đồng minh Việt Nam đi Trùng Khánh để dâng cờ tỏ lòng kính trọng đối với Tưởng Ủy viên trưởng và đề bàn công việc với Phân hội phản xâm lược đồng minh Trung Quốc. Ngày 2 tháng 9 đi đến quãng đường giữa Tịnh Tây và Thiên Bảo bị đương cục địa phương tùy tiện bắt với lý do là giấy thông hành không hợp lệ.

“Phân hội phản xâm lược đồng minh Việt Nam, do sự hoạt động của đồng chí Hồ Chí Minh, được thành lập từ năm 1941 bao gồm nhiều đoàn thể như Thanh niên, Phụ nữ, Nông dân với hơn hai mươi vạn hội viên phân bố khắp cả nước, từ Nam kỳ, Trung kỳ cho đến Bắc kỳ.

“Đồng chí Hồ Chí Minh là người có uy tín lớn và rất trọng yếu của Phân hội phản xâm lược đồng minh Việt Nam, nay bị bắt ở Trung Quốc, đã gây nên một sự bất mãn lớn của những người cách mạng Việt Nam đối với Trung Quốc. Gần đây nhiều đoàn thể nhân dân Việt Nam đã gửi thư tới Trùng Khánh nói rõ vấn đề, nhưng cho đến nay đồng chí Hồ Chí Minh vẫn bị giam giữ. Đề nghị quý Thông tấn xã vận động đương cục Trung Quốc tha ngay đồng chí Hồ Chí Minh.

“Bức điện này nếu quý Thông tấn xã thấy cần thì có thể công bố.”

Khi các thông tấn xã ở Trùng Khánh nhận được bức thư này thì Hồ Chủ tịch đã bị giải đến Quế Lâm, nhưng qua một thời gian mấy tháng, Quế Lâm vẫn không điều tra ra manh mối, nên lại giải về cho Quân khu bốn ở Liễu Châu để Quân khu bốn xử lý. Quân khu bốn coi Hồ Chủ tịch là một người tình nghi chính trị, giữ lại chỗ giam giữ quân nhân, nhưng cung cấp cho ăn uống đầy đủ, được đọc sách báo và không bắt phải làm khổ công. Tháng 7- 1943, Quân khu bốn quan sát biết là một nhân vật hoạt động quốc tế, Trương Phát Khuê liền chuyển về Bộ chính trị Quân khu và giao cho tướng Hầu Chí Minh, phụ trách việc “cảm hóa”.

Đối với Hồ Chủ tịch, Hầu Chí Minh tỏ vẻ kính nể, thường ngồi cùng ăn uống và trò chuyện rất bình đẳng, nhưng tìm hiểu về thân phận thì Hồ Chủ tịch cự tuyệt không trả lời. Sau do sự phát giác của nội tuyến ^[8] thì mới biết rõ Hồ Chí Minh là Lý Thụy, là Nguyễn Ái Quốc, là Hoàng Quốc Tuấn, là lãnh tụ cộng sản và lãnh tụ Việt Minh.

Tên phản Đảng Trần Báo mách cho đương cục biết rõ lai lịch của Bác, mục đích là cốt để cho Bác mất hẳn tự do hoặc bị giết hại thì hẳn mới có thể đứng vững. Nhưng không ngờ sau khi biết rõ thân phận của Bác, Trương Phát Khuê lại càng kính nể và ưu đãi hơn trước. Trong bản báo cáo của Trương Phát Khuê gửi Trung ương Quốc dân đảng hồi tháng 1-1944 có đoạn nói:

“Hồ Chí Minh từ lúc dời đến Bộ chính trị Quân khu vẫn được ưu đãi và được cảm hóa với một thái độ kính nể. Lúc đó Trương Phát Khuê đã có ý định tha Hồ Chủ tịch về Việt Nam. Về việc này, bọn phái viên của Tưởng ở Liễu Châu tỏ vẻ rất bức tức, nhưng Trương Phát Khuê vẫn không thay đổi thái độ.

2. Hồ Chủ tịch tham gia Việt Nam cách mạng đồng minh hội

Như ở phần thứ ba đã nói, Quân khu bốn định lập Hội phản xâm lược đồng minh Việt Nam làm cơ quan lãnh đạo cách mạng Việt Nam, lấy Việt Bắc làm căn cứ, lấy chủ nghĩa tam dân làm cơ sở dựng nước và lập Chính phủ lâm thời Việt Nam để phục vụ việc cho Hoa quân nhập Việt, là những chủ trương không hợp lý mà chúng ta nhân danh Việt Minh đã chỉ vạch ra, Quân khu bốn phải gác lại không bàn chuyện lập Hội phản xâm lược đồng minh nữa. Sau khi hai người Việt Nam Quốc dân đảng là Vũ Hồng Khanh và Nghiêm Kế Tổ, được Trùng Khánh làm hậu thuẫn, từ Côn Minh đến Liễu Châu thì Quân khu bốn chuyển hướng, chuẩn bị thành lập Việt Nam cách mạng đồng minh hội với ý định hoàn toàn gạt Việt Minh ra ngoài.

Ngày 1-10-1942, Đại hội thành lập **Việt Nam cách mạng đồng minh hội** ^[9] chính thức khai mạc ở Liễu Châu. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương gồm bảy người là: Trương Bội Công, Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ, Trần Báo, Nông Kinh Du, Trương Trung Phụng; mà ủy viên thường vụ là Trương Bội Công, Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh. Xem danh sách thì Trương Bội Công, Nguyễn Hải Thần có địa vị cao, sự thực thì Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ là người của Trùng Khánh nắm ưu thế.

Mong Việt Cách sẽ trở thành một công cụ đặc lực cho việc Hoa quân nhập Việt, Trương Phát Khuê bổ nhiệm Hầu Chí Minh làm Chủ nhiệm Bộ chính

trị Quân khu kiêm chức “Đại biểu chỉ đạo Việt Nam cách mạng đồng minh hội”.

Ngày 1-9-1943, Hà Chí Minh định triệu tập một cuộc Đại hội Việt Cách để bàn bạc việc chinh đồn nội bộ, nhưng rồi Trương Bội Công, Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Nông Kinh Du vẫn mỗi người một phách, vẫn ngấm ngầm tranh giành, chèn ép nhau nên cuộc họp không thực hiện được, mãi đến cuối năm 1943, tình hình Việt Cách vẫn như cũ chẳng có gì thay đổi. Trương Phát Khuê thấy rõ Hà Chí Minh là bất lực, bèn tự mình đứng ra trực tiếp nắm lấy quyền chỉ đạo, đồng thời chỉ định tướng Tiêu Văn làm phó. Một văn phòng của Đại biểu chỉ đạo được thành lập do Tiêu Văn làm Chủ nhiệm.

Tiêu Văn trao đổi ý kiến với Hồ Chủ tịch về việc muốn triệu tập một cuộc đại hội để chinh đồn Việt Cách bằng cách đưa một số người mới vào ban lãnh đạo, trong đó có Hồ Chủ tịch. Hồ Chủ tịch nói, hiện nay các thành viên của hội Việt Cách đều là người ở hải ngoại, chưa có đại biểu trong nước; như vậy, gọi là họp đại hội không ổn, có lẽ chỉ nên gọi là hội nghị đại biểu các đoàn thể của Việt Cách ở hải ngoại, thì thích hợp hơn. Đến như việc tôi^[10] tham gia Hội Việt Cách như thế nào, thì do Trương Trưởng quan và Tiêu Chủ nhiệm quyết định. Hồ Chủ tịch cũng đề nghị nếu họp hội nghị thì nên để Nguyễn Tường Tam tham gia, vì y tuy là người của Đảng Đại Việt thân Nhật, nhưng là một người có học vấn, nếu được tham gia hội nghị thì sẽ hết sức cảm ơn Trương Trưởng quan và sẽ có thể tự cải tạo thành một người trong hàng ngũ chống Nhật.

Được nghe Tiêu Văn báo cáo những ý kiến trên của Hồ Chủ tịch, Trương Phát Khuê rất tán thưởng và quyết định triệu tập ngay hội nghị để chinh đồn lại bộ máy lãnh đạo của Việt Cách.

Hội nghị đại biểu họp tại Liễu Châu từ ngày 25 đến ngày 28-3-1944, gồm 15

đại biểu các đoàn thể, trong đó có đại biểu Hội giải phóng ở Vân Nam là Lê Tùng Sơn vốn đã theo Việt Minh, đại biểu Biệt động quân ở Nam Ninh là Nguyễn Thanh Đồng cũng là Việt Minh, đại biểu Đảng Đại Việt là Nguyễn Tường Tam và đại biểu Phân hội phản xâm lược đồng minh Việt Nam là Hồ Chí Minh.

Những đoàn thể có đại biểu được mời đến tham dự hội nghị lần này, trước kia đều không có chân trong Việt Cách.

Kết quả việc chỉnh đốn lần này là: Trước kia bảy người trong Ban Chấp hành trung ương có Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Nông Kinh Du, thì bây giờ ba người này chỉ ở trong Ban giám sát, ba người mới được thay vào là Lê Tùng Sơn, Bồ Xuân Luật và Trần Đình Xuyên. Hồ Chủ tịch và Nguyễn Tường Tam được bầu làm Ủy viên Trung ương dự khuyết. Sau một thời gian Trần Đình Xuyên bị gạt, Hồ Chủ tịch được trở thành Ủy viên Trung ương chính thức. Thế là Hồ Chủ tịch đã có một địa vị vững chắc trong Việt Nam cách mạng đồng minh hội.

3. Hồ Chủ tịch được tự do về nước

Việc cải tổ Việt Cách ở Liễu Châu tiến hành xong (28-3-1944) một thời gian thì đầu tháng 6-1944, Tiêu Văn đi Côn Minh để cải tổ Phân hội Việt Cách ở Vân Nam. Kết quả của việc cải tổ là Ban Chấp hành Phân hội năm người thì ba người là Việt Minh^[11] ; Ban thường vụ ba người thì hai người là Việt Minh^[12] ; Ban giám sát ba người thì có một người là Việt Minh^[13] . Kết quả đó làm cho Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ hết sức bất mãn và tỏ thái độ chống đối. Tiêu Văn liền cho bắt ngay Nghiêm Kế Tổ và Vũ Quang Phẩm đang hoạt động ở Đông Hưng và định cho bắt luôn cả Vũ Hồng Khanh đang ở Côn Minh với cái tội “vi phạm kỷ luật, chống phá Phân hội Việt Cách”. Vũ Hồng Khanh được Trùng Khánh che chở nên không bị bắt, nhưng từ đó

về sau bị cấm không được trở lại Liễu Châu nữa.

Ngày 9-8-1944, Hồ Chủ tịch được Trương Phát Khuê để cho hoàn toàn tự do để chuẩn bị việc về nước.

Trước khi về nước Hồ Chủ tịch dự thảo kế hoạch công tác và một số yêu cầu viện trợ cụ thể đưa Trương Phát Khuê. Kế hoạch công tác là xây dựng hai căn cứ địa du kích ở dọc biên giới tương đối gần nhau để có thể dễ bề liên lạc. Hai căn cứ địa cần độ 600 khẩu súng; ngoài ra còn cần 400 khẩu súng nữa để tổ chức một số tiểu đội, động thì đánh du kích, tĩnh thì làm vũ trang tuyên truyền. Về kinh phí xin cấp cho hai vạn năm nghìn tiền Đông Dương để chi phí về tiền ăn trong hai tháng đầu và một số tiền Trung Quốc đủ dùng cho trong lúc đi đường từ Liễu Châu về đến Việt Nam.

Về phần cá nhân, Hồ Chủ tịch yêu cầu mấy việc như sau:

1. Yêu cầu Trương Phát Khuê viết một bức thư gửi các đoàn thể yêu nước Việt Nam.
2. Yêu cầu có một thư ủy nhiệm của Trung ương Việt Cách phái Hồ Chủ tịch về nước công tác.
3. Yêu cầu cho một bản địa đồ Việt Nam dùng cho quân sự.
4. Yêu cầu Trương Phát Khuê cho một chứng minh thư dài hạn để tiện việc đi lại.
5. Xin một số tài liệu tuyên truyền như quyển Tội ác giặc Nhật và một số tranh ảnh.

6. Xin một khẩu súng nhỏ để tự vệ.
7. Xin một số kinh phí cần thiết cho cá nhân trong buổi đầu.

Sau khi nhận được kế hoạch công tác và yêu cầu về cá nhân, Trương Phát Khuê liền cấp cho:

- Một cái hộ chiếu dài hạn để tiện cho việc đi lại, các thứ giấy tờ cần thiết khác và một số thuốc chữa bệnh.
- Bảy vạn sáu nghìn tiền Trung Quốc.

Đến như số kinh phí để xây dựng căn cứ địa và một số tiểu đội du kích thì còn nghiên cứu chưa cung cấp ngay.

Ngày 20 tháng 9 năm 1944, Hồ Chủ tịch cùng 18 cán bộ rời Liễu Châu qua Long Châu, Tịnh Tây, Bình Mãnh về Cao Bằng.

Theo hồi ký của đồng chí Mạc Nhất Phàm^[14], thì lúc Bác đến Bình Mãnh sức khỏe không tốt, đồng thời trong nước đang bị khủng bố nặng, Bác phải bí mật tránh ở nhà anh Lâm Kiến Thông ở Lũng Y thuộc xã Bình Mãnh. Các đồng chí ở Lũng Y sợ để trong làng dễ bị lộ, phải làm lán trong rừng để Bác ở và phái mấy đồng chí luân lưu thường trực săn sóc và bảo vệ Bác một thời gian rồi mới đưa Bác về Pác Bó.

VI. Hồ Chủ tịch đi Côn Minh gặp tư lệnh không quân Mỹ

Việc Hồ Chủ tịch đi Côn Minh gặp Tư lệnh không quân Mỹ cũng là một

việc rất ít người biết, có người biết ít nhiều cũng tránh đi không nói. Tôi thấy đây cũng là chủ trương chiến lược rất quan trọng, cần phải thuật lại đầy đủ để mọi người thấy rõ sự thật. Những sự việc cụ thể mà tôi thuật lại trong mục này cũng đều có tham khảo tài liệu gốc của Quốc dân đảng Trung Quốc trong lúc đó mà gần đây mới sưu tầm được.

Mùa đông năm 1944, Mỹ phái nhiều máy bay từ Trung Quốc qua đánh Nhật ở Việt Nam. Một chiếc máy bay bị Nhật bắn rơi xuống một khu rừng gần thị xã Cao Bằng. Trung úy phi công tên là San (Shan) bị Nhật lùng bắt, được quần chúng địa phương thu dụng, che chở rồi đưa đến vùng biên giới gặp Hồ Chủ tịch. Trong khi đi đường trung úy San được săn sóc và đối đãi rất tốt, chỉ khổ một điều là không hiểu tiếng Việt và tiếng Pháp nên ai nói gì cũng nghe không ra. Khi gặp Hồ Chủ tịch bỗng được nghe một câu tiếng Anh: “Chào phi công, phi công ở đâu đến?” thì anh cảm động quá, ôm chầm lấy Bác và nói: “Tôi nghe tiếng nói của ông y như tiếng nói của bố tôi ở bên Mỹ”. Chuyện trò một hồi rồi Hồ Chủ tịch hỏi: “Bây giờ phi công có yêu cầu gì không?” San nói: “Cơ quan chỉ huy của tôi ở Côn Minh, tôi mong được các ông giúp đưa đến biên giới Trung Quốc, thì tôi sẽ được đón về Côn Minh”. Bác nói, tôi cũng có việc đang định đi Trung Quốc đây. Anh có thể cùng đi với tôi, Trung úy San nói, như thế thì rất tốt, đến Trung Quốc tôi sẽ đề nghị cơ quan chỉ huy của tôi mời ông cùng đi Côn Minh.

Việc lên đường được chuẩn bị gấp. Ann Phùng Thế Tài đưa Bác và Trung úy San đi Côn Minh, cùng đi trên đất Trung Quốc được năm ngày thì đương cục Trung Quốc tách riêng ra, chỉ tiếp đãi và đưa trung úy San đi Côn Minh, còn Hồ Chủ tịch thì để mặc tự mình đi mà không ngăn cản, vì Hồ Chủ tịch đã được tư lệnh không quân Mỹ ở Trung Quốc mời, mà lại có sẵn hộ chiếu dài hạn do Trương Phát Khuê cấp cho từ trước. Báo cáo của Trương Phát Khuê gửi Trùng Khánh cũng chứng nhận việc Hồ Chủ tịch đi Côn Minh là

do Mỹ mời.

Cuối năm 1944, Hồ Chủ tịch đến Nghi Lương ở nhà anh Hoàng Quang Bình, nghỉ ngơi mấy hôm để hỏi han tình hình rồi đi Côn Minh.

Đến Côn Minh Bác ở nhà anh Tống Minh Phương, người đã báo cáo xin biểu cả toàn bộ gia tài cho cách mạng, bề ngoài vẫn là một hiệu bán cà phê, thực tế là trụ sở làm việc để Bác có thể tiếp xúc với những người có quan hệ. Ở đây vợ chồng anh Tống Minh Phương coi Bác như bậc thầy bậc cha, tiếp đãi và săn sóc hết sức chu đáo. Cụ Lê Nhuận Chi, anh Phạm Việt Tử rời Liễu Châu về Côn Minh từ cuối năm 1942 cũng cùng vợ chồng anh Tống Minh Phương hết sức giúp đỡ Bác.

Bác đến Côn Minh với danh nghĩa là ủy viên Trung ương của hội Việt Cách, tất nhiên có trách nhiệm xem xét tình hình Phân hội Việt Cách ở Vân Nam, và giúp đỡ cán bộ về tư tưởng và cách thức làm việc, khiến cho Phân hội trở thành một tổ chức cách mạng được quần chúng tin cậy.

Nhưng mục đích của Hồ Chủ tịch trong dịp đến Côn Minh là liên hệ với quân Đồng minh Mỹ để cách mạng Việt Nam có một vị trí quốc tế rõ ràng trong phe Đồng minh chống phát-xít.

Ở nhà anh Tống Minh Phương không lâu thì Bác đi gặp tướng Chen-nót-tơ, Tư lệnh không quân Mỹ đóng ở Vân Nam. Chen-nót-tơ trực tiếp gặp và chuyện trò thân mật.

Qua sự giới thiệu của Hồ Chủ tịch, được biết các tổ chức chống Nhật ở Việt Nam đều gia nhập mặt trận Việt Minh, Chen-nót-tơ hỏi: Việt Minh có thể tổ chức một cái “trạm cứu hộ” để cứu giúp những phi công Đồng minh nhảy dù xuống Việt Nam được không? ^[15]

Hồ Chủ tịch trả lời, có thể làm được và sẵn sàng làm để phối hợp với quân Đồng minh đánh Nhật. Hiện nay tổ chức chống Nhật ở Việt Nam phát triển rộng, nếu Mỹ giúp vũ khí đạn dược và phương tiện thì Việt Nam sẽ có lực

lượng nhiều hơn để đánh phá quân Nhật. Đến như việc “cứu hộ” quân nhảy dù Đồng minh, thì chúng tôi đã làm, việc trung úy San được cứu hộ và được an toàn đưa đến Trung Quốc là một bằng chứng cụ thể.

Chen-nót-tơ hài lòng với câu trả lời trên, nhưng không quên đặt vấn đề yêu cầu Việt Minh làm tình báo cho Mỹ. Hồ Chủ tịch nói chúng tôi không làm nhân viên tình báo Mỹ, nhưng chúng tôi có thể thông báo tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam cũng như tình hình hoạt động của Nhật ở Việt Nam để phối hợp cùng nhau đánh Nhật. Chúng tôi xem đó là một sự hợp tác chặt chẽ giữa Việt Minh với các nước Đồng minh. Về việc này chúng tôi đã tuyên truyền và giáo dục quần chúng từ năm 1941 sau khi Việt Minh ra đời. Chúng tôi hiểu Việt Nam chỉ phải đứng về phe Đồng minh và hợp tác chặt chẽ với Đồng minh trong việc chống Nhật thì mới có thể giải thoát khỏi ách thống trị của phát-xít Nhật.

Ngoài việc gặp Chen-nót-tơ ra, Hồ Chủ tịch còn tiếp xúc một số người Mỹ khác để bàn việc cụ thể. Khi rời Côn Minh, người Mỹ tặng Bác khẩu súng bát, hai vạn viên đạn, một số thuốc chữa bệnh và một số tiền. Bác không nhận tiền, chỉ nhận súng đạn, thuốc chữa bệnh, tỏ lời cảm ơn và nói mong sau này Mỹ sẽ giúp nhiều hơn nữa.

Thời gian Hồ Chủ tịch ở Côn Minh cũng là thời gian xảy ra một số việc quan trọng:

- Ở Trung Quốc, ngày 11-11-1944 Liễu Châu bị Nhật chiếm, Bộ tư lệnh Quân khu bốn phải chuyển về Bách Sắc, một thị trấn không lớn thuộc Quảng Tây. Các “nhân vật trọng yếu” của Việt Cách như Trương Bội Công, Nguyễn Hải Thần, Trần Báo, Nông Kinh Du đã hoảng hốt chạy

khỏi Quảng Tây; sáu trăm quân Phục quốc cũng tán loạn, chỉ còn 140 người cùng với Bồ Xuân Luật, Lê Tùng Sơn chạy theo Bộ tư lệnh Quân khu bốn về đến Bách Sắc.

- Ở Việt Nam, ngày 9-3-1945 quân Nhật đảo chính Pháp, ngày 13-3 Bảo Đại tuyên bố ngoan ngoãn làm tay sai cho Nhật.
- Ở Pháp, ngày 24-3-1945 Chính phủ Đờ-gôn tuyên bố quyết tâm trở lại cai trị Việt Nam. Chính phủ Tưởng Giới Thạch vì không muốn gây rắc rối trong việc bang giao với Pháp, nên không tỏ thái độ phản đối, thì nhóm Việt Nam Quốc dân đảng ở Côn Minh cũng ngậm tăm, nhưng cũng ở Côn Minh, ngày 7-4-1945 Dương Bảo Sơn được sự chỉ dẫn của Hồ Chủ tịch, đã nhân danh phân hội Việt Cách họp báo tuyên bố chống chủ trương của Đờ-gôn, trong lời tuyên bố có đoạn nói: “Vận mệnh của Việt Nam phải do nhân dân Việt Nam quyết định, người Pháp không có quyền can thiệp. Hiện nay nhân dân Việt Nam đã có bộ đội vũ trang, do đoàn thể cách mạng^[16] lãnh đạo, đang chiến đấu với kẻ thù”. Buổi họp báo có Tiêu Văn tham gia làm cno người ta hiểu rằng thái độ của Dương Bảo Sơn là thái độ của Quân khu bốn.

Ở đây cũng cần nhắc thêm một việc là, sau khi Nhật đảo chính Pháp ở Việt Nam, một số tàn quân Pháp chạy đến biên giới Trung Quốc. Trương Phát Khuê đã đưa ra một kế hoạch giải quyết, trong đó có đoạn nói: Đối với quân Pháp, Trung Quốc giữ mối quan hệ đồng minh, cùng nhau chiến đấu; đối với Đảng cách mạng Việt Nam^[17] thì hết sức giúp đỡ, sau khi quân Nhật bị đuổi ra khỏi Việt Nam, sẽ do Đảng cách mạng Việt Nam thành lập chính quyền mới, tuyên bố nước Việt Nam độc lập^[18]. Thấy kế hoạch có mâu thuẫn, một

nhà báo thuộc phe Tưởng hỏi, vì sao đã giúp Pháp lại giúp Việt Nam độc lập? Trương Phát Khuê trả lời, giúp Pháp là một cách nói hữu nghị, giúp cho Việt Nam độc lập mới là thực chất.

Qua hai việc kể trên, chúng ta có thể thấy rõ, lúc đó Trùng Khánh chủ trương chấp nhận việc người Pháp trở lại thống trị Việt Nam; Trương Phát Khuê và Tiêu Văn thì chủ trương giúp cho Việt Cách lập chính quyền mới; tuyên bố nước Việt Nam độc lập, cố nhiên quan niệm của Trương Phát Khuê và Tiêu Văn là độc lập dưới sự che chở của Trung Quốc. Đó là cái lý do chính mà Trương Phát Khuê không được Trùng Khánh tín nhiệm, việc Hoa quân nhập Việt phải chuyển từ tay Trương Phát Khuê qua tay Lư Hán, đã đành trong việc để cho Lư Hán phụ trách việc Hoa quân nhập Việt còn có một ý đồ quan trọng nữa là để hắt cẳng Long Vân ở Vân Nam.

- Tháng 3- 1945, Hà Ứng Khâm, Tổng tư lệnh lục quân Trung Quốc đến Côn Minh để bố trí việc Hoa quân nhập Việt. Ngày 30-3-1945, Tiêu Văn đến Côn Minh gặp Hà Ứng Khâm yêu cầu lúc Hoa quân nhập Việt, vẫn giữ được trách nhiệm giúp Việt Cách thành lập Chính phủ Việt Nam độc lập thân Trung Quốc. Yêu cầu này được Hà Ứng Khâm đồng ý ^[19].

Việc khác nhau giữa Tưởng Giới Thạch và Trương Phát Khuê làm cho chúng ta hiểu được vì sao Hồ Chủ tịch khi ở Liễu Châu, được ưu đãi và được đưa vào Ủy ban Trung ương của Việt Cách (3-1944), được tự do đưa 18 cán bộ về nước (9-1944), được tự do đi Côn Minh gặp Mỹ (cuối 1944) mà không bị ngăn trở, được hoạt động với danh nghĩa Việt Cách ở Côn Minh, được tự do trở về Bách Sắc, rồi lại một lần nữa tự do về nước.

Hồ Chủ tịch ở Côn Minh một thời gian tương đối lâu đến đầu tháng 4-1945 thì mới rời Côn Minh đi Bách Sắc.

Hồ Chủ tịch đến Bách Sắc được hai hôm thì Tiêu Văn cũng từ Côn Minh về

Bách Sắc.

Tiêu Văn bố trí cho mấy tốp biệt kích vào Việt Nam:

- Tốp Bồ Xuân Luật lãnh đạo 50 người vào phía Long Bang.
- Tốp Trương Trung Phụng lãnh đạo 55 người vào phía Bình Mãnh.
- Tốp Ngô Quang Hợp lãnh đạo 50 người vào phía Đông Khê, Thất Khê.
- Hồ Đức Thành cũng mang một số người vào phía Bình Ca.

Trong khi các tốp biệt kích đang chuẩn bị vào Việt Nam thì Hồ Chủ tịch đã gấp rút lên đường về nước.

Tháng 5- 1945 về đến Việt Bắc, khi gặp các anh Vũ Anh, Võ Nguyên Giáp, Bác bảo cần tìm một địa điểm thích hợp để làm chỗ trung tâm liên lạc. Hai anh đi tìm địa điểm đã bàn với anh Song Hào và anh Chu Văn Tấn chọn Tân Trào là chỗ thích hợp nhất, vì đó là một nơi đã có chính quyền nhân dân, có cơ sở quần chúng tốt, có núi rừng hiểm trở mà lại ở xa đường cái lớn.

Bác đến Tân Trào không bao lâu, thì một số người Mỹ, trong đó có thiếu úy Tô-mát (Thomas) nhảy dù xuống một sân bay nhỏ mà chúng ta mới phát một đám rừng và dọn dẹp xong.

Thiếu úy Tô-mát được xếp ở một chỗ trên núi Tân Trào để làm việc liên lạc. Hồ Chủ tịch thường đến gặp nói chuyện thân mật về tình hình thế giới, về tiền đồ của cuộc chiến tranh chống phát-xít. Tô-mát cảm thấy rất thoải mái và tin Việt Minh là thật lòng với phe Đồng minh.

Việc liên lạc với Mỹ như thế là cốt để gây ảnh hưởng trong nhân dân, để tạo uy thế lợi cho việc khởi nghĩa cướp chính quyền từ tay Nhật. Nhưng Hồ Chủ tịch cũng tính toán lực lượng của ta còn yếu, chưa chắc trước khi quân Đồng minh đến ta đã giành được chính quyền trong phạm vi cả nước, mà quân Đồng minh đến thì nhất định có Pháp, như vậy là ta phải nói chuyện với Pháp. Hồ Chủ tịch thông qua vô tuyến của Mỹ điện cho tướng Pháp Xanh-tơ-ni ^[20] ở Côn Minh, đề nghị gặp nhau để trao đổi ý kiến, nhưng vì trắc trở không gặp nhau được. Sau Cách mạng Tháng Tám đến Hà Nội, Xanh-tơ-ni là Trưởng đoàn đại biểu Pháp ở Việt Nam đàm phán với Hồ Chủ tịch và ký kết Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946.

*

Việc Bác đi Trùng Khánh gặp Tưởng Giới Thạch ^[21], việc đi Côn Minh gặp Tư lệnh không quân Mỹ và việc liên hệ với tướng Pháp Xanh-tơ-ni trước Cách mạng Tháng Tám thật ra ít người biết, có người biết ít nhiều cũng tránh đi không nói, vì họ nghĩ rằng như thế là hữu khuynh, là thỏa hiệp. Cách nghĩ như vậy là không phù hợp với thực tế, không hiểu hết ý nghĩa chiến lược và sách lược của sự việc.

Chúng ta đều biết, từ Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tám (5-1941) quyết định lấy Mặt trận Việt Minh thay cho Mặt trận phản đế thì chúng ta đã tuyên truyền là chúng ta đứng về phe Đồng minh chống phát-xít. Chúng ta đã phái 12 người đi học bộc phá và 60 người đi học quân sự ở Trung Quốc là một biểu hiện ta đứng về phe Đồng minh. Quần chúng ta cứu phi công Mỹ và Bác đi Côn Minh gặp Tư lệnh không quân Mỹ cũng là biểu hiện ta đứng về phe Đồng minh, Bác có ý muốn bàn bạc với Tướng Pháp Xanh-tơ-ni cũng là biểu hiện ta đứng về phe Đồng minh, vì trong cuộc chiến tranh thế giới lần

thứ hai đã phân định thành hai phe rệt, phe phát-xít là Đức, Ý, Nhật; phe Đồng minh là Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc. Trong đại hội lần thứ bảy của Quốc tế Cộng sản họp ở Mạc Tư Khoa năm 1935 đã quyết định các Đảng cộng sản trên toàn thế giới cần lập Mặt trận chống phát - xít là đã chống phát-xít thì khi có phe Đồng minh chống phát-xít là ta phải ủng hộ phe Đồng minh. Việc ủng hộ phe Đồng minh và đứng về phe Đồng minh chúng ta đã tuyên truyền nhiều, nhưng trên thực tế ta chưa trực tiếp liên hệ được với phe Đồng minh. Ta đã biết chắc phát-xít nhất định sẽ thất bại, Đồng minh nhất định sẽ thắng, ta cần phải có một hình thức liên hệ thực tế với Đồng minh thì khi Đồng minh thắng ta mới có một địa vị, có tiếng nói của mình. Đến như việc muốn liên hệ với Pháp để trao đổi ý kiến, là vì Bác đã biết chắc khi quân Nhật thua, Đồng minh đồng ý cho Pháp trở lại Việt Nam, nếu không có sự chuẩn bị trước thì lúc đó sẽ bị động. Vì vậy việc Bác định gặp Tưởng ở Trùng Khánh, gặp Mỹ ở Côn Minh và muốn trao đổi ý kiến với Xanh-tơ-ni là một chủ trương chiến lược rất sáng suốt. Về mặt sách lược, thì Bác biết rất rõ là cách mạng thì phải dựa vào quần chúng, không có quần chúng tức là không có lực lượng, phải tự mình tổ chức vũ trang, không có vũ trang là không thể chiến đấu, vũ trang đó ta có thể lấy ở địch, nhưng ta phải có một cái vốn. Bác cũng biết rất rõ là Mỹ tuy đồng tình Pháp trở lại Việt Nam nhưng Mỹ vẫn muốn hắt cẳng Pháp. Tưởng tuy phải thừa nhận quyền bảo hộ của Pháp ở Việt Nam nhưng cũng vẫn muốn trong dịp Hoa quân nhập Việt sẽ gây khó dễ cho Pháp. Bác vẫn biết Mỹ và Tưởng sẽ không giúp cho chúng ta gì nhiều đâu, nhưng gặp để tranh thủ ảnh hưởng, tranh thủ được sự giúp đỡ dù rất ít cũng vẫn tốt, gặp để phân hóa họ, để hạn chế họ.

Đó là vấn đề sách lược. Hãy xem bọn đặc vụ Trùng Khánh khi thấy Trương Phát Khuê đề cho Bác tham gia Việt Nam cách mạng đồng minh hội, để cho

Bác tự do về nước, để cho bác tự do đi gặp Mỹ ở Côn minh mà không ngăn cản, thì chúng rất cảm tức, báo cáo với Trùng Khánh phê phán Trương Phát Khuê là tả khuynh, Tiêu Văn là thân Cộng, đồng thời cho việc Bác đi Côn Minh là “liên Mỹ, chống Hoa”, việc muốn liên hệ với Xanh-tơ-ni là “thỏa hiệp với Pháp chống Trung Quốc”. Tất cả những việc đó nói lên việc Bác muốn gặp Tưởng, gặp Mỹ là muốn trao đổi ý kiến với Pháp là những việc có tính chất chiến lược và sách lược đó hoàn toàn có lợi cho cách mạng. Sự thực lịch sử đã chứng minh như vậy.

^[1]lính gác ở cổng đồn và mấy nơi trọng yếu trong đồn đều do các anh ấy phụ trách bố trí người của mình đứng gác

^[2]Có lẽ là Coll Bát (súng ngắn Coll, ổ đạn có 8 viên) chẳng? BT

^[3]ý nói Hồ Chủ tịch còn bị giữ ở Trung Quốc nên chưa hiểu tình hình quốc tế ra thế nào

^[4]tôi ở Lạng Sơn không tham gia

^[5]hiện nay có một số tài liệu nói Hội nghị Cao -Bắc- Lạng đã quyết định phát động chiến tranh du kích, nói như thế là không đúng sự thật

^[6]tức Vân

^[7]Hoàng Đình Giông?

^[8]nội tuyến ở đây là tên phản Đảng Trần Báo

^[9]gọi tắt là Việt Cách

^[10]Hồ Chủ tịch tự xưng

^[11]Phạm Việt Tử, Lý Đào, Phạm Minh Sinh

^[12]Phạm Việt Tử, Lý Đào

^[13]Dương Bảo Sơn

^[14]người Quảng Tây vào Việt Nam tham gia cách mạng từ năm 1942

^[15]Trạm cứu hộ nói ở đây cụ thể là một cái sân bay nhỏ để máy bay trực thăng (máy bay thì đúng hơn vì khi đó, ở Trung Hoa và Đông dương chưa có trực thăng. BT) có thể lên xuống và một chỗ ở cho một số người Mỹ làm việc liên lạc.

^[16]mập mờ không nói rõ Việt Minh hay Việt Cách

^[17]muốn nói là Việt Cách

^[18]nguyên văn trong Việt Nam vững biên của Hình Sâm Châu tháng 7-1947. Hình là đại biểu Trung ương Quốc dân đảng Trung Quốc đóng ở một vùng biên giới Việt - Trung

^[19]về tình hình Hoa quân nhập Việt sẽ nói rõ hơn trong mục Những ngày tháng sau Cách mạng Tháng Tám

^[20]Có lẽ tác giả nhầm, Sainteny J. không đeo hàm tướng bao giờ. BT

^[21]không gặp được vì bị bắt ở dọc đường

Hoàng Văn Hoan

Giọt nước trong biển cả

Phần 4: Những năm tháng trước và sau cách mạng tháng Tám

P4 - Chương 5 đến 6

V. Hội nghị toàn quốc của Đảng và quốc dân đại hội ở Tân Trào

Vào khoảng tháng 6-1945, ở Lạng Sơn chúng tôi đang bàn việc phân phối công tác, các anh Lê Thiết Hùng, Hoàng Điền, Bế Chấn Hưng về phía Hội Hoan để chỉnh đốn và thành lập chính quyền; anh Đàm Minh Viễn, ông Ké Lộc ^[1] và tôi đi xuống phía Bắc Sơn để cùng các đồng chí địa phương giải

phóng tỉnh lý Lạng Sơn.

Trong lúc đang chuẩn bị đi Lạng Sơn thì tôi được điện Trung ương gọi về Tân Trào để tham gia Hội nghị toàn quốc của Đảng đang chuẩn bị họp. Tôi giao nhiệm vụ cho anh Đàm Minh Viễn và các đồng chí, còn tôi và anh Hoàng Hữu Nam lên đường đi Tân Trào. Đi Tân Trào chuyến này không phải lén lút, mà đi công khai ban ngày có vũ trang yểm hộ, xuất phát từ Thất Khê, qua Bình Gia, La Hiên, Thượng Lung, Thần Sa, Phú Đô, Quán Vuông, vượt đèo De, đến Tân Trào.

Đến đây anh em liền đưa đi gặp Bác. Bác không ở trong nhà dân, mà ở một cái lán trên núi không xa làng lắm. Cứ vẫn một bộ quần áo chàm như ông già người Nùng, và một cái bàn đánh máy chữ. Bác làm việc không biết mệt mỏi. Lúc này Bác đã khỏe hơn trước, không sốt rét như lúc ở Trung Quốc mới về. Bác hỏi rất tỉ mỉ về tình hình Lạng Sơn. Nghe xong, Bác nói: Tình hình như thế là rất tốt, bây giờ chúng ta đã có đủ điều kiện để khởi nghĩa chính quyền. Vài hôm nữa các đồng chí Bắc, Trung, Nam đến đầy đủ rồi sẽ họp Hội nghị toàn quốc của Đảng để bàn định. Thời gian là rất khẩn cấp và rất quan trọng.

Tôi biết là Bác đang suy nghĩ và đang làm việc, nên xin cáo biệt, xuống dưới làng để xem xét.

Tôi và anh Hoàng Hữu Nam được xếp ở một nhà dân trong làng. Các anh em dưới xuôi cũng lục tục đến khá đông. Một hôm máy bay Mỹ đến thả dù lương khô và một ít quân trang xuống ngay giữa làng Tân Trào, mọi người hiểu rằng đó là sự tiếp tế của quân Đồng minh, đều rất vui mừng, nhưng vẫn chưa thấy hết sự khó khăn phức tạp do việc quân Đồng minh đến, mà Bác đang phải suy nghĩ, tính toán.

Lúc này ta đã có điện đài nên nắm được tình hình thế giới khá nhạy.

Ngày 2-5-1945, quân Liên Xô đánh thẳng vào Béc-lanh, sào huyệt cuối cùng

của phát-xít Đức. Giải quyết xong phát-xít Đức, ngày 8-8-1945, Liên Xô kéo quân vào vùng Đông Bắc Trung Quốc đánh tan đội quân Quan Đông của Nhật. Nhưng Nhật thua rồi quân đồng minh vào Việt Nam thì sao? Việc Hoa quân nhập Việt đang chuẩn bị riết, Hoa quân nhập Việt thì sao? Cũng có thể là quân Anh, Mỹ, Pháp vào, thì sao? Việc phát-xít Nhật thua là một cơ hội rất tốt để giải phóng đất nước, nhưng việc quân Đồng minh vào lại là một việc rất phức tạp phải tính toán việc đối phó, phải có mưu lược.

Ngày 13-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp do Bác chủ tọa. Những người tham gia Hội nghị ở Bắc có các anh Trường Chinh, Nguyễn Lương Bằng, ở Trung có anh Nguyễn Chí Thanh; ở Nam có anh Hà Huy Giáp; ở Việt Bắc có anh Võ Nguyên Giáp và tôi; ở Thái-lan và Lào về có các anh Dương Trí Trung, Trần Đức Vịnh; ngoài ra còn có một số đồng chí khác nay không nhớ rõ tên.

Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở nhà một người dân trong làng Tân Trào. Sau khi nghe báo cáo các nơi, Bác phân tích: Lúc này tuy Nhật chưa đầu hàng, nhưng phát-xít Đức đã đầu hàng Liên Xô đánh thẳng vào Béc-lanh; sáu mươi vạn quân của Nhật ở “Mãn Châu quốc” đã bị quân Liên Xô đánh tan, thì phát-xít Nhật nhất định sẽ phải đầu hàng, đó là việc có thể biết chắc chắn. Phát-xít Nhật đầu hàng thì quân Đồng minh sẽ vào tiếp quản Đông Dương. Quân Đồng minh đây có thể là quân Anh, quân Pháp, cũng có thể là quân Quốc dân đảng Trung Quốc, vì việc Hoa quân nhập Việt đã được chuẩn bị từ năm 1940, 1941. Bất kể là quân nào vào, đứng về mặt quốc tế mà nói là ta không thể cự tuyệt và nói cho đúng là ta cự tuyệt họ cũng cứ vào. Như vậy là ta phải tiếp xúc, phải nói chuyện với họ, và nói chuyện với họ là ta phải có thế mạnh, thế mạnh đó là nước Việt Nam đã giành được độc lập từ tay Nhật. Như vậy là khi Nhật đầu hàng thì ta phải cướp lấy thời cơ làm tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Việc này ta có thể

làm được vì ta đã có cơ sở quần chúng trong toàn quốc. Và quân đội của Pháp thì sau khi bị Nhật đảo chính đã tan rã, còn quân bảo an theo Nhật thì phần nhiều đã chịu ảnh hưởng của ta. Hội nghị họp ngắn gọn. Trừ một số đồng chí phải ở lại để tham gia Quốc dân Đại hội, còn nữa là về địa phương và đơn vị để chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Riêng tôi được giao nhiệm vụ làm Bí thư Khu giải phóng ở lại Việt Bắc để tiếp tục củng cố và phát triển chính quyền cách mạng, đề phòng lúc lực lượng ta phải trở lại Việt Bắc.

Ngày 16-8-1945, Quốc dân Đại hội họp ở đình Tân Trào, do Tổng bộ Việt Minh triệu tập. Đại biểu các đảng phái chính trị, các đại biểu đoàn thể nhân dân và đại biểu các dân tộc độ 60 người tham gia. Tôi tham gia Đại hội với tư cách là Ủy viên Tổng bộ Việt Minh.

Ở Quốc dân Đại hội, với danh nghĩa là người lãnh đạo của Việt Minh, Bác phân tích tình hình thế giới và trong nước cũng như đã phân tích ở Hội nghị toàn quốc của Đảng. Đồng thời giới thiệu những chủ trương lớn của Việt Minh là đoàn kết tất cả các lực lượng nhân dân để đánh Pháp, đánh Nhật, xây dựng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Lúc này, Nhật đã tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, nên Bác cũng nói đến vấn đề quân Đồng minh vào tiếp quản Đông Dương. Bác đặt câu hỏi, bất kể một nước nào của phe Đồng minh vào thì ta phải thế nào? Nếu ta chống lại, thì có nghĩa là ta cự tuyệt quân Đồng minh, như vậy là về danh nghĩa không thuận. Ta phải nói chuyện với họ, mà nói chuyện với họ thì ta phải có một cái thế mạnh, thế mạnh ấy là chính quyền, là đại biểu của nước Việt Nam đã độc lập. Chúng ta phải gấp rút phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong phạm vi toàn quốc từ tay Nhật. Nhưng đối với Nhật, chúng ta cũng phải khôn khéo thuyết phục để họ không chống lại ta. Ta có thể làm được như thế vì Nhật đã đầu hàng, vì ta có sức mạnh của nhân dân do Việt Minh lãnh đạo. Ta lại có khu giải phóng,

tiền có thể công, lui có thể thủ. Chúng ta phải đoàn kết nhất trí, kiên quyết vượt mọi khó khăn giành lại độc lập cho Tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam mới, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Đó là phương châm chung, chúng ta phải nắm vững. Nhưng chúng ta cũng phải tính đến một tình thế khó khăn nhất có thể xảy ra là, quân Pháp vào với một lực lượng mạnh, bất chấp tất cả một mực liều lĩnh tiến công ta, lại được Anh, Mỹ hết sức ủng hộ cũng có thể được cả sự chấp thuận của Quốc dân đảng Trung Quốc, thì ta phải thế nào? Ta phải đánh, đánh với giáo mác, với tất cả vũ khí thô sơ, thà chết không chịu làm nô lệ. Đồng thời với sự kiên quyết đánh, ta vẫn phải đàm phán với Pháp. Đàm phán thế nào? Để có thể giảm bớt sự hy sinh của ta, để có thể tranh thủ được sự đồng tình của nhân dân Pháp và dư luận thế giới; ta có thể đòi Pháp phải thừa nhận nước Việt Nam độc lập trong khuôn khổ khối liên hiệp Pháp, có quốc hội, có chính phủ, có quân đội, có tài chính và chính sách ngoại giao riêng; chúng ta đảm bảo quyền lợi kinh tế và văn hóa của Pháp ở Việt Nam; sau năm năm thì nước Việt Nam hoàn toàn độc lập. Ta đặt điều kiện như vậy mà Pháp không chấp nhận hoặc chấp nhận giả dối thì ta kiên quyết đánh, ta tuy yếu nhưng chính nghĩa thuộc về ta, sự đồng tình của nhân dân Pháp và dư luận thế giới thuộc về ta, thì ta nhất định thắng.

Nghe xong, mọi người đều phấn khởi, nhất trí tán thành những chủ trương lớn và mệnh lệnh tổng khởi nghĩa của Việt Minh, đồng thời cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, để kêu gọi và lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa.

Quốc dân Đại hội kết thúc, mọi người gấp rút chuẩn bị về địa phương. Các đồng chí Trung ương ở miền xuôi đã về ngay sau Hội nghị toàn quốc của Đảng. Anh Võ Nguyên giáp và một số cán bộ quân sự chuẩn bị mang bộ đội về chiếm Thái Nguyên. Bác cũng chuẩn bị về xuôi, còn tôi thì như Trung

ương đã quyết định, phải ở lại Tân Trào để củng cố hậu phương làm căn cứ cho cuộc khởi nghĩa do Việt Minh lãnh đạo đương chuẩn bị bùng nổ.

Về vấn đề đàm phán với Pháp là một vấn đề Bác đã nói rõ trong Quốc dân Đại hội ở Tân Trào, và sau Cách mạng tháng Tám Bác đã đàm phán với Xanh-tơ-ni đi đến Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946. Nhưng về sau trong tài liệu về Quốc dân Đại hội Tân Trào ta tránh đi không nói đến. Tôi thấy việc này cần nói rõ, đây là một chủ trương rất sáng suốt có tình có lý xuất phát từ chỗ nhìn xa thấy rộng, từ chỗ biết người, biết ta. Cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi chính là nhờ có sự nhìn xa thấy rộng, sự chỉ đạo sáng suốt vừa kiên quyết chiến đấu vừa có sách lược mềm dẻo của Bác đã tranh thủ được một hoàn cảnh hết sức có lợi cho mình.

*

Cùng ở Tân Trào với tôi có anh Hoàng Hữu Nam, phụ trách điện đài để liên lạc với Trung ương, có anh Lê Giản và chị Châu giúp việc. Được mấy hôm, chúng tôi đang chuẩn bị triển khai công tác, thì được tin quân Nhật ở Thái Nguyên đã giao cho ta một số vũ khí và để cho quân ta tự do đi qua Thái Nguyên về xuôi. Tiếp đó là tin mừng liên tiếp dội đến.

Ngày 19 tháng 8, nhân dân Hà Nội vùng dậy giành chính quyền, đó là ngày mà sau này chúng ta gọi là “Cách mạng Tháng Tám”.

Ngày 21 tháng 8, Việt Minh điện vào Huế yêu cầu Bảo Đại thoái vị. Bảo Đại liền đánh điện mời Đại biểu Việt Minh vào Huế tiếp thu chính quyền.

Ngày 24 tháng 8, Bảo Đại tuyên bố xin làm công dân nước Việt Nam độc lập.

Ngày 25 tháng 8, tại Hoàng cung Huế, Bảo Đại làm lễ trao ấn kiếm cho cán bộ Việt Minh là Trần Huy Liệu và Cù Huy Cận.

Ngày 30 tháng 8, Bác về đến Hà Nội. Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập, gồm:

Hồ Chí Minh

Chủ tịch kiêm Bộ trưởng
Bộ ngoại giao

Võ Nguyên Giáp

Nội vụ

Chu Văn Tấn

Quốc Phòng

Phạm Văn Đồng

Tài Chính

Nguyễn Mạnh Hà

Kinh tế

Lê Văn Hiến

Lao động

Dương Đức Hiền

Thanh niên

Đặng Thai Mai

Giáo dục

Vũ Trọng Khánh

Tư pháp

Đào Trọng Kim

Giao thông công chính

Phạm Ngọc Thạch

Y tế vệ sinh

Nguyễn Văn Tố

Xã hội

Trần Huy Liệu

Tuyên truyền

Cù Huy Cận, Nguyễn Văn Xuân

Bộ trưởng không bộ

Trần Huy Liệu và Nguyễn Văn Xuân trước là đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng, sau gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương.

Ngày mùng hai tháng chín (2-9-1945), hơn năm mươi vạn quần chúng họp mít tinh ở vườn hoa Ba Đình. Cờ đỏ sao vàng tung bay ngập trời. Đúng ba giờ chiều, Bác bước lên lễ đài với tư cách là Chủ tịch Chính phủ lâm thời, đọc bản Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Phối hợp với Hà Nội, và các nơi trong toàn quốc, ngày 24 tháng 8, Sài Gòn cũng vùng dậy, treo cờ đỏ sao vàng khắp thành phố, và ngay đêm hôm đó khâm sai đại thần Hồ Văn Ngà xin giao quyền cho Việt Minh.

Ngày 25 tháng 8 ở thị sảnh Sài Gòn, Ủy ban hành chính Nam bộ, Chủ tịch là Trần Văn Giàu ra mắt nhân dân và kêu gọi toàn thể nhân dân đại đoàn kết.

Ngày 2 tháng 9, hàng chục vạn quần chúng họp mít tinh ở sau nhà thờ Đức Bà để nghe tuyên ngôn độc lập của Hồ Chủ tịch đọc tại Hà Nội.

Ngày 4 tháng 9, một cuộc họp Việt Minh mở rộng tại tòa thị sảnh Sài Gòn,

mời đại biểu các đoàn thể nhân dân thành lập “Ủy ban nhân dân Nam bộ”, thay cho Ủy ban hành chính Nam bộ. Trần Văn Giàu hôm trước là Chủ tịch Ủy ban hành chính nay là Ủy viên của Ủy ban nhân dân, Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch là Chủ tịch.

Được những tin tức như trên, chúng tôi rất phấn khởi, nhưng cũng rất nóng ruột. Để nắm tình hình cụ thể hơn, chúng tôi phái anh Hoàng Hữu Nam về Hà Nội, thì anh được lệnh Trung ương bảo ở lại Hà Nội làm Thứ trưởng Bộ Nội vụ giúp cụ Huỳnh Thúc Kháng mới được Hồ Chủ tịch mời từ Quảng Nam ra làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ thay anh Võ Nguyên Giáp. Thế là anh Hoàng Hữu Nam không trở lại Tân Trào nữa. Độ hơn một tuần sau, tôi lại đích thân về Hà Nội vừa gặp lúc năm mươi vạn nhân dân Hà Nội đang biểu tình phản đối việc quân đội Anh giúp Pháp chiếm Ủy ban nhân dân Nam bộ [2]. Tôi đi thẳng vào Bắc bộ Phủ, nơi Chính phủ lâm thời làm việc, gặp Bác và các đồng chí Trung ương để xin ý kiến về công tác. Bác nói: Trọng tâm công tác ngày nay là “bảo vệ chính quyền”, tôi cũng phải thu xếp về Hà Nội gấp để cùng Trung ương nắm vững thời cuộc. Thế là tôi phải quay về Tân Trào thu xếp mọi việc rồi đưa cả anh Lê Giản, chị Châu cùng về Hà Nội. Về đến Hà Nội, tôi giới thiệu anh Lê Giản và chị Châu với anh Nguyễn Lương Bằng để phân phối công tác, còn tôi thì ở một chỗ với Bác tại nhà anh Trịnh Văn Bô, phố Hàng Đào, sau chuyển đến ngôi nhà số 8 phố Hàng Trống bên cạnh nhà hội quán “Khai trí tiến đức” cũ, trông thẳng ra nhà Thủy Tạ ở hồ Hoàn Kiếm [3].

Không bao lâu, Trung ương quyết định anh Chu Văn Tân về Việt Bắc nắm Khu giải phóng, anh Giáp phụ trách Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tổng tư lệnh Vệ quốc quân [4], tôi làm Thứ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Ủy viên chính trị Vệ quốc quân toàn quốc.

Lúc này quân Anh đã vào miền Nam gây tội ác. Còn quân Trung Quốc vào

Việt Nam thì không phải là quân Trương Phát Khuê như đã chuẩn bị từ năm 1940-1941, mà là quân Vân Nam do tướng Lư Hán chỉ huy. Trương Phát Khuê thì chỉ phái Tiêu Văn ^[5] vào Việt Nam với danh nghĩa là Đoàn đại biểu chỉ đạo giúp cho Việt Nam cách mạng đồng minh hội thành lập chính phủ ở Việt Nam. Âm mưu của Tưởng Giới Thạch trong việc điều quân Vân Nam vào Việt Nam là cốt để thực hiện việc hắt cẳng Long Vân ở Vân Nam cũng như trước kia đã âm mưu hắt cẳng Trần Tế Đường ở Quảng Đông, Bạch Sùng Hy ở Quảng Tây v.v...

Việc quân Anh và quân Trung Quốc vào tiếp quản Việt Nam đã tạo nên một tình thế cực kỳ phức tạp sau Cách mạng Tháng Tám.

VI. Những ngày tháng sau cách mạng tháng Tám

Những ngày tháng sau Cách mạng Tháng Tám là những ngày tháng rất căng thẳng, chúng ta phải đối phó với quân Nhật, đối phó với quân Anh ở phía nam vĩ tuyến 16 và quân Tưởng ở phía bắc vĩ tuyến 16, đối phó với quân Pháp được Anh, Mỹ ủng hộ trở lại Đông Dương hòng đặt lại nền bảo hộ đối với Đông Dương như trước kia.

1. Về việc đối phó với quân Nhật

Quân Nhật tuy đã đầu hàng vô điều kiện nhưng họ nói là đầu hàng phe Đồng minh chứ không đầu hàng Việt Minh. Họ không chịu giao vũ khí cho ta, cá biệt có chỗ họ còn gây khó khăn cho việc hoạt động của ta nữa.

Đối với quân Nhật, Trung ương chủ trương chủ yếu là dùng phương pháp thuyết phục. Nói cho họ biết Việt Nam là của nhân dân Việt Nam. Trước kia Pháp xâm chiếm, và gần đây Nhật xâm chiếm, nhân dân Việt Nam đều chống lại. Ngày nay nhân dân Việt Nam đã vùng dậy giành tự do độc lập cho mình, thì các ông cần phải ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân

dân Việt Nam. Các ông không giao vũ khí cho chúng tôi, thì khi quân Đồng minh đến, các ông cũng phải giao cho quân Đồng minh. Như vậy giao vũ khí cho chúng tôi là các ông đã làm một việc nghĩa, các ông sẽ được nhân dân Việt Nam hoan nghênh mà không mất gì hết. Nếu các ông đối chọi với nhân dân Việt Nam thì chúng tôi phải cương quyết chống lại, ít nhiều các ông vẫn phải hy sinh, và hy sinh như vậy đối với các ông ngày nay mà nói thì chỉ là một cái chết uổng trong khi đáng được sống. Nước Việt Nam ngày nay đã là một nước độc lập, các ông nên tỏ ra là người biết điều, ủng hộ nền độc lập của nhân dân Việt Nam.

Cách giải thích này làm cho người Nhật thấy có lẽ phải. Nhưng dù sao họ vẫn phải để vũ khí nộp cho quân Đồng minh. Có nơi họ kín đáo giao cho ta một số, cũng có nơi ta mua họ một số. Còn đại bộ phận là họ giữ thái độ trung lập không can thiệp đến sự hoạt động của ta. Cũng có một số người Nhật sợ bị quân Đồng minh báo thù, nên nhờ ta che chở, cho họ trà trộn vào trong nhân dân ta. Số người này tuy ít, nhưng ở đâu cũng có, có người được chúng ta đối xử tốt, sau này chúng ta kháng chiến chống Pháp, họ còn giúp ta huấn luyện quân sự, hoặc làm một số việc phục vụ như lái xe, sửa chữa máy móc v.v. . . Một vài người cụ thể mà tôi còn nhớ là Lam Sơn, đại tá quân đội Nhật và Thanh Tùng, trung úy quân đội Nhật đã giúp ta ở Nghệ An khi tôi là Bí thư Quân khu bốn và sau khi về Nhật, họ là nhân vật tích cực trong Hội hữu hảo Nhật – Việt.

Việc đối phó với quân Nhật tuy cũng phức tạp nhưng chỉ trong một thời gian ngắn. Khi quân Đồng minh đến thì thuộc quyền quân Đồng minh, ta không phải đối phó nữa.

2. Về việc đối phó với quân Anh ở miền Nam

Quân Anh nguyên trước kia được sự thỏa thuận của Mỹ, phụ trách chiến khu

miền Nam kể từ vĩ tuyến 16 trở xuống, nên khi Nhật đầu hàng, thì tự nhiên là quân Anh có quyền giải giáp quân Nhật trong phạm vi chiến khu của mình.

Ngày 12-9-1945, tức là sau ngày quân Nhật đầu hàng (15-8) gần một tháng, quân Anh do thiếu tướng Gơ-la-xây^[6] chỉ huy 1.400 quân^[7], phần lớn là người Ấn Độ, đổ bộ vào Sài Gòn.

Ngày 20-9-1945, quân Anh ra thông cáo cấm báo chí Việt Nam không được xuất bản, cấm người Việt không được mang vũ khí.

Ngày 21-9-1945, quân Anh dùng tàu chiến của mình chở quân Pháp vào Sài Gòn, đồng thời ra lệnh thiết quân luật cấm người Việt không được hội họp, không được ra phố kể từ 9 giờ tối cho đến 5 giờ sáng.

Ngày 22-9-1945, quân Anh chiếm Khâm Lớn Sài Gòn và thả 5.000 tù binh Pháp trước kia bị Nhật bắt giam giữ, đồng thời cho phép người Pháp lấy súng đạn trong kho vũ khí của Nhật, thay quân Nhật đóng giữ các bến tàu, kho tàng và xưởng đóng tàu Ba Son.

Ngày 23-9-1945, quân đội Anh che chở cho quân đội Pháp chiếm Sở cảnh sát Trung ương, kho bạc; đồng thời chiếm luôn cả Tòa thị chính Sài Gòn, trụ sở Ủy ban nhân dân Nam bộ. Thành phố Sài Gòn nói chung là bị quân Pháp kiểm soát.

Ngày 5-10-1945, Pháp phái tướng Lơ-cơ-le^[8] đưa quân Âu-Phi tăng viện cho Sài Gòn, đồng thời cho quân nhảy dù xuống Cam-pu-chia và Lào, với mục đích là chiếm lại toàn bộ Đông Dương.

Ngày 12 tháng 10, Pháp tung quân ra chiếm Gia Định, Gò Vấp và Phú Mỹ.

Ngày 23 tháng 10 chiếm Thủ Dầu Một và Biên Hòa^[9].

Ngày 29 tháng 10 chiếm Vĩnh Long.

Ngày 30 tháng 10 chiếm Cần Thơ.

Ngày 1 tháng 2 năm 1946, quân Pháp chiếm Ban Mê Thuột, rồi đổ bộ chiếm

Nha Trang, Khánh Hòa và Đà Lạt. Mấy hôm sau thì thị trấn các tỉnh Gò Công, Mỹ Tho, Sa Đéc, Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên, Rạch Giá, Cà Mau đều bị quân Pháp chiếm đóng.

Trước tình hình đó, Ủy ban nhân dân Nam bộ phải rút về Bến Tre, cắt đứt cầu phà, phá hoại đường sá, tổ chức cuộc kháng chiến chống Pháp. Đồng thời còn phải đối phó với một lực lượng tự xưng là quốc gia do một đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng là Nguyễn Hòa Hiệp cầm đầu cướp bóc nhân dân và phá hoại kháng chiến.

Để hỗ trợ cho cuộc kháng chiến miền Nam, miền Bắc đã liên tiếp phái những đội quân Nam tiến do các anh Hoàng Đình Ròng^[10], Đàm Minh Viễn và sau là Nguyễn Bình dẫn đầu, sát cánh với nhân dân miền Nam chống Pháp. Các anh này đều đã hy sinh ở miền Nam trong khi làm nhiệm vụ.

3. Về việc đối phó với quân Tưởng ở miền Bắc

Ở miền Bắc hai mươi vạn quân Tưởng do tướng Lư Hán chỉ huy từ Vân Nam vào để giải giáp quân Nhật, và một đơn vị do tướng Tiêu Văn chỉ huy từ Quảng Tây vào với danh nghĩa là đại biểu Trương Phát Khuê giúp cho Việt Nam cách mạng đồng chí hội thành lập Chính phủ. Đây mới là một vấn đề cực kỳ phức tạp.

Cả hai lực lượng của Lư Hán và Tiêu Văn vào Việt Nam với một nhiệm vụ giao phó từ Trùng Khánh là “Diệt Cộng cầm Hồ”, nghĩa là “Diệt cộng sản, bắt Hồ Chí Minh” đồng thời dựng lên một chính phủ bù nhìn tay sai đặc lực cho Quốc dân đảng Trung Quốc.

Về bọn Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ thì Lư Hán cũng như Tiêu Văn đều biết từ trước là những người hoạt động với danh nghĩa Việt Nam Quốc dân đảng, nhưng là người của Trùng Khánh, ở Vân Nam là để theo dõi hành

động của Long Vân, cũng như ở Quảng Tây là để theo dõi hành động của Trương Phát Khuê, cho nên lúc Lư Hán đi máy bay vào Hà Nội, Vũ Hồng Khanh xin đi theo, Lư Hán đã từ chối không cho đi theo. Mãi đến cuối tháng 9-1945, Vũ Hồng Khanh mới đi đến thị trấn Lào Cai thì chính quyền ở đó đã vào tay nhân dân và được bộ hạ của tướng Lư Hán là Lý Du Sinh ủng hộ. Vì vậy, Vũ Hồng Khanh không hoạt động gì được, bèn đổi đường đi đến Sa Pa, chỉ đạo cho bọn Triệu Việt Hùng chiếm Sa Pa, thì Lý Du Sinh cho bắt giam bọn Triệu Việt Hùng và giữ luôn cả Vũ Hồng Khanh, chỉ sau khi Trùng Khánh hạ lệnh phải thả, thì mới được thả. Tuy vậy, sau này ở một số nơi như Lào Cai, Yên Bái, Nghĩa Lộ, Việt Trì, Phú Thọ, Vĩnh Yên, Hải Ninh v.v.... chúng vẫn dựa vào sự ủng hộ của quân Tưởng, lập được cơ quan tuyên truyền phản cách mạng trong vòng bao vây của quân và dân ta ở chung quanh.

Ngày 20-10, khi Vũ Hồng Khanh đến Hà Nội thì các đảng viên của Việt Quốc nhưng bấy giờ đã theo Việt Minh như Nguyễn Văn Xuân, Bùi Văn Hách, Phạm Quang Chúc, Trần Ngọc Tuấn, Trần Đức Chính đã đứng ra lập “Ủy ban cải tổ Quốc dân đảng”. Bọn Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ tuy không được Tiêu Văn và Lư Hán đồng tình, nhưng được Trùng Khánh ủng hộ, nên vẫn hoạt động ráo riết, đã kết hợp với bọn Nguyễn Tường Tam, Trương Tử Anh, Đỗ Tiến Hỷ, thu hút được một số quan lại, công chức và tư sản vào đảng, bọn này đã dựa vào sự che chở của quân Tưởng mà làm bậy, nên quần chúng rất ghét.

Đến như Nguyễn Hải Thần thì từ đầu tháng 9 đã vào Lạng Sơn, dựa vào uy quyền và lực lượng của Tiêu Văn, đã tước vũ khí của một số đơn vị bộ đội ta và triệu tập bọn quan lại, thân hào nói xấu Việt Minh. Khi đến Hà Nội, được bọn Đại Việt tôn làm lãnh tụ tối cao, lập trụ sở ở đường Quan Thánh và một số nơi khác, do Nhượng Tống làm Bí thư, Nguyễn Triệu Luật làm Chính uỷ,

Tạ Nguyên Hối làm Ủy viên kinh tài. Các trụ sở đều treo cờ Việt Nam cách mạng đồng minh hội. Ngày song thập^[11], Việt Nam cách mạng đồng minh hội tổ chức kỷ niệm ở Nhà hát lớn, Tiêu Văn đến tham gia, đã chỉ thị cho Nguyễn Hải Thần chỉ được nói về Cách mạng Tân Hợi, không được nói lung tung ra ngoài vấn đề.

Đề Tiêu Văn và Lư Hán bớt lo ngại, ngày 11-11-1945, Hồ Chủ tịch công khai tuyên bố “Đảng Cộng sản Đông Dương tự giải tán”, người cộng sản sẽ là những hội viên của “Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác”. Về việc này, tôi được phái vào các tỉnh Khu bốn để giải thích cho các Đảng bộ biết, vì thời cục chúng ta phải tuyên bố như vậy, nhưng Đảng vẫn tồn tại, vẫn bí mật hoạt động để lãnh đạo nhân dân đấu tranh.

Việc tuyên bố Đảng cộng sản tự giải tán đã làm cho tình hình bớt căng thẳng.

Ngày 19 tháng 11, Tiêu Văn lấy danh nghĩa là đại biểu Trương Phát Khuê đứng ra tổ chức một cuộc hội nghị hòa giải có Quốc dân đảng, Việt Nam cách mạng đồng minh hội và Việt Minh tham gia. Sau khi bàn bạc, cả ba phái đều thỏa thuận thành lập một Chính phủ liên hiệp, quân đội các bên không dùng vũ lực giải quyết những vấn đề bất đồng, đồng thời chấm dứt việc công kích nhau trên báo chí, và cuối cùng đồng ý lập một đội quân đưa vào Nam cùng đồng bào miền Nam kháng chiến. Cố nhiên đội quân ấy đều là người Việt Minh.

Chúng ta tán thành việc thành lập Chính phủ liên hiệp. Nhưng đề nghị cứ tiến hành tổng tuyển cử đúng ngày 23 tháng 12 như đã quy định để lập ra Quốc hội, rồi Quốc hội sẽ bầu ra Chính phủ thì dân chủ hơn. Vũ Hồng Khanh và Nguyễn Hải Thần lấy cớ chuẩn bị không kịp, đề nghị hoãn. Ta đồng ý hoãn đến ngày 6 tháng 1 năm 1946 sẽ tổng tuyển cử. Nhưng đến ngày đó, Vũ Hồng Khanh và Nguyễn Hải Thần vẫn nói chuẩn bị không kịp,

đòi phải để 50 ghế cho Quốc dân đảng và 20 ghế cho Việt Nam cách mạng đồng minh hội mà không cần phải qua tuyển cử. Ta đồng ý và cứ tiến hành tổng tuyển cử đúng ngày 6-1-1946. Ở miền Bắc cuộc bầu cử rất thuận tiện. Ở miền Nam thì một số thành phố phải bầu cử trong khói lửa, nhưng nhân dân vẫn tích cực tham gia.

Tổng tuyển cử xong, ngày 24-2-1946, do Tiêu Văn dàn xếp một cuộc họp ba phái đã thỏa thuận và ký kết việc lập Chính phủ liên hiệp do Hồ Chí Minh là Chủ tịch. Nguyễn Hải Thần là Phó Chủ tịch, Việt Minh và Đảng Dân chủ nắm bốn bộ, còn Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ thì dành cho các nhân sĩ trung lập, không đảng phái.

Ngày 2-3-1946, Quốc hội họp kỳ thứ nhất, thừa nhận 70 ghế của Quốc dân đảng và của Việt Nam cách mạng đồng minh hội và làm một số việc như sau:

1. Bầu ra Chính phủ liên hiệp kháng chiến gồm:

Hồ Chí Minh

Chủ tịch

Nguyễn Hải Thần

Phó Chủ tịch

Nguyễn Tường Tam

Ngoại giao

Chu Bá Phượng

Kinh tế

Y tế	Trương Đình Chí
Giáo dục	Đặng Thai Mai
Tài chính	Lê Văn Hiến
Tư pháp	Vũ Đình Hòe
Giao thông công chính	Trần Đăng Khoa
Nội vụ	Huỳnh Thúc Kháng
Quốc phòng	Phan Anh
Bộ trưởng không bộ	Bồ Xuân Luật

2.

3. Thành lập Ban cố vấn do Vĩnh Thụy^[12] là Cố vấn tối cao đứng đầu.

4. Thành lập Ủy ban kháng chiến gồm 9 ủy viên, Võ Nguyên Giáp là Chủ tịch, Vũ Hồng Khanh là Phó Chủ tịch.

5. Thành lập Ban thường trực Quốc hội, Chủ tịch là Nguyễn Văn Tố, thành viên gồm có Lê Tư Lành, Trần Tấn Thọ là đại biểu Việt Nam cách mạng đồng minh hội do Quốc hội thừa nhận chứ không phải do dân tuyển cử.

Tuy ta đã nhân nhượng như vậy để tranh thủ hòa bình nhưng Nguyễn Hải Thần và Vũ Hồng Khanh vẫn dựa vào sự che chở của quân Tưởng chống đối ta ra mặt. Ở đền Quan Thánh bên cạnh Hồ Tây chúng lập đài phát thanh nói xấu Việt Minh suốt ngày. Các ổ hoạt động của bọn Việt Quốc lập ở trường tiểu học Đỗ Hữu Vỹ^[13] vẫn hoạt động ráo riết, mặc dù ngày 28-2-1946, Tưởng Giới Thạch vẫn ký hiệp ước thừa nhận chủ quyền của Pháp ở Đông Dương mà chúng vẫn không hay biết gì cả. Đến khi quân đội của Tưởng rút, thì chúng cũng lẻo đẻo rút theo. Một số người bị chúng bỏ rơi thì đều đầu hàng ta, ta vẫn để yên, sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, quân Pháp tập kết vào dưới vĩ tuyến 17, một số trong bọn này đã đi theo quân Pháp vào miền Nam. Vì sao theo mệnh lệnh của Trùng Khánh là phải “Diệt cộng sản, bắt Hồ Chí Minh”, mà với hơn hai mươi vạn quân đội vẫn không thực hiện được? Là vì Lư Hán cũng như Tiêu Văn đều biết Nguyễn Hải Thần và Vũ Hồng Khanh là phẩm chất không tốt, Nghiêm Kế Tổ là đặc vụ của Trùng Khánh được giao nhiệm vụ dò xét hoạt động của họ. Tiêu Văn là tham mưu cao cấp của Trương Phát Khuê đã chuẩn bị việc Hoa quân nhập Việt từ những năm 1940-1941, nay Tưởng không tin mà để cho quân Vân Nam nhập Việt, nên không thích thú lắm, đồng thời đối với Hồ Chủ tịch cũng đã có lòng kính nể từ lúc còn ở Liễu Châu. Riêng về Lư Hán thì biết rất rõ việc Tưởng Giới Thạch cho quân Vân Nam vào Việt Nam là âm mưu điệu hổ ly sơn để hất cẳng Long Vân và khống chế Vân Nam, nên trong lòng nhiều nỗi bức dọc,

làm việc với một thái độ tiêu cực.

Nhưng điều quan trọng là chúng ta đã nắm được nhân dân, khi quân Tưởng vào, dọc đường đã gặp phải cảnh tảo chay của nhân dân. Nếu bây giờ thắng tay quá, Việt Minh sẽ vận động khắp nơi làm vườn không nhà trống thì quân đội sẽ gặp nhiều khó khăn. Còn bắt Hồ Chí Minh thì tất sẽ gây một mối hận thù quá lớn, toàn dân Việt Nam sẽ nổi dậy chiến đấu, thì biết đâu lại bị Tưởng Giới Thạch đổ tội vào đầu, cho là bất lực và trù trừ.

Hơn nữa, trong phạm vi toàn miền Bắc, tuy quân Tưởng đã làm nhiều việc ngang ngược, cướp bóc hãm hiếp nhân dân, nhưng cán bộ và nhân dân ta tuyệt đối tin theo Hồ Chủ tịch, tích cực chuẩn bị chiến đấu nhưng tránh tất cả mọi sự khiêu khích. Tôi còn nhớ việc cán bộ một số nơi như ở Chèm, tước súng của một trung đội quân Lur Hán, Hồ Chủ tịch liền phái Anh Nguyễn Đức Quì đến bắt buộc phải trả lại đủ số vũ khí cho quân Lur Hán và thi hành kỷ luật với người cán bộ chủ trương làm việc đó.

Nắm được dân, tích cực chuẩn bị chiến đấu nhưng không nóng nảy trước sự khiêu khích, đồng thời khéo làm công tác với Tiêu Văn và Lur Hán đó là bí quyết để phá tan cái ảo tưởng ngông cuồng “Diệt cộng sản, bắt Hồ Chí Minh” của Tưởng Giới Thạch. Phải nói rằng tình thế muôn cân một sợi tóc như thế, nếu không có Hồ Chủ tịch đứng mũi chịu sào, đưa con thuyền Việt Nam vượt qua nhiều thác ghềnh, thì không thể giữ được chính quyền non trẻ, bảo toàn và gây dựng được lực lượng để đối phó với tình thế hết sức phức tạp đang sẵn sàng diễn ra trên bước đường đi tới của chúng ta.

Rõ ràng việc đối phó với quân Tưởng ở miền Bắc đến đây xem như là đã kết thúc thắng lợi. Nhưng nếu khi Hồ Chủ tịch bị giữ ở Liễu Châu không được Trương Phát Khuê và Tiêu Văn kính nể, không được bầu làm Ủy viên Trung ương hội Việt Cách, không được tự do về nước để kịp thời chuẩn bị tư tưởng cho cuộc khởi nghĩa; đặc biệt là sau Cách mạng Tháng Tám, trong việc đấu

tranh với Việt Quốc, Việt Cách, nếu Tiêu Văn không đóng một vai trò dàn xếp đặc lực, không công nhận vai trò quan trọng của Hồ Chủ tịch trong Chính phủ liên hiệp, thì tình hình Việt Nam lúc đó có thể phát triển theo chiều hướng khó khăn cho cách mạng nhiều hơn. Vì vậy đối với thái độ của Trương Phát Khuê và Tiêu Văn trong lúc đó, đứng về lợi ích cách mạng Việt Nam mà nói, là một thái độ có tác dụng tích cực, cần được đánh giá một cách khách quan.

Tiện đây, tôi thấy cần nói một vài ý nghĩ về Trần Bảo Thương, chủ nhiệm Chỉ huy sở Quân khu bốn ở Tĩnh Tây, người đã hạ lệnh bắt tôi hồi cuối năm 1941 theo đề nghị của Nguyễn Hải Thần và Trần Báo. Nếu Trần Bảo Thương như những người Quốc dân đảng phản động khác, thì từ đó tôi đã mất hết điều kiện hoạt động cách mạng. Nhưng Trần Bảo Thương đã coi tôi là một người lãnh đạo của Việt Minh và đối đãi tử tế suốt cả quá trình tôi bị bắt giữ. Cuối cùng Trần đã cấp năm trăm bạc lộ phí và phái người đưa tôi đi Quân khu bốn ở Liễu Châu để giám thị, nhưng không báo cáo gì xấu về tôi. Khi gặp Hồ Chủ tịch ở Liễu Châu, Trần cũng tỏ thái độ kính nể, nhận chuyển bài thơ của Hồ Chủ tịch có kèm theo bài họa của ông về Cao Bằng cho chúng tôi, và thông báo cho biết Hồ Chủ tịch đã được tự do. Tất cả những việc đó tỏ ra Trần Bảo Thương là một người có phong độ chính trị đúng đắn, đặc biệt là mới đây được biết, ở Đài Loan, Trần Bảo Thương đã bị xử bắn vì tội “thân Cộng”. Như vậy, chúng ta có thể nói Trần Bảo Thương là một người tiên bộ, một nhân sĩ dân chủ yêu nước.

4. Bây giờ nói đến việc đối phó với quân Pháp

Như mục V đã nói, khi ở Quốc dân Đại hội ở Tân Trào, Bác đã nêu vấn đề nếu Đồng minh cho Pháp tiếp quản Đông Dương thì thế nào? Và Bác đã kết luận: Như vậy là ta phải nói chuyện với Pháp, mà nói chuyện với Pháp thì ta

phải có thể mạnh, thể mạnh ấy là chính quyền, là đại biểu của một nước Việt Nam đã giành được độc lập từ tay quân Nhật. Bác đánh giá như vậy là hoàn toàn đúng, vì cuối năm 1944 Trương phát Khuê để Bác tự do về nước, Bác đã nhân dịp đưa một phi công Mỹ từ Cao Bằng qua Côn Minh gặp Bộ chỉ huy không quân Mỹ ở đó, đã mong manh biết việc quân Pháp sẽ vào tiếp quản Đông Dương. Ngày 24 tháng 3 năm 1945, Thủ tướng Chính phủ lâm thời Pháp là Đờ-gôn lại tuyên bố ý đồ muốn trở lại cai trị Đông Dương bằng cách thành lập một liên bang gồm năm xứ Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ, Ai-lao, Cao Miên trước kia^[14]. Như vậy, việc quân Tưởng vào tiếp quản miền Bắc Việt Nam chỉ là việc nhất thời mà ta cần phải chịu đựng và khôn khéo đối phó nhất thời, chứ đối tượng phải đối phó lâu dài ở Việt Nam cũng như ở Đông Dương là quân Pháp.

Về phía Pháp, theo sự dàn xếp của Mỹ, cũng có sự bàn bạc thỏa thuận với Tưởng Giới Thạch, để quân Tưởng rút về Trung Quốc, quân Pháp thay thế. Bối cảnh của việc dàn xếp này là vì sau khi quân Nhật đầu hàng, Mỹ muốn Tưởng Giới Thạch tập trung toàn bộ binh lực để tiêu diệt lực lượng của Đảng cộng sản và Quân giải phóng ở Trung Quốc. Muốn thế phải có sự dàn xếp thỏa thuận giữa Pháp-Tưởng. Sự thỏa thuận đó đã đi đến kết quả là ngày 28-2-1946, Tưởng ký hiệp định với Pháp thừa nhận quyền bảo hộ của Pháp ở Đông Dương, đổi lấy việc Pháp trả lại các tô giới ở Thượng Hải, Hán Khẩu, Quảng Châu, trả lại Quảng Châu Loan và bán lại đường sắt Vân Nam cho Trung Quốc. Còn Tưởng thì cam đoan quân Trung Quốc phải rút khỏi Bắc Việt Nam trước ngày 31 tháng 3 năm 1946. Cố nhiên quân Tưởng chây lười mãi đến tháng 5-1946 để vơ vét thêm một ít rồi mới rút hết.

Thế là việc quân Pháp tiến vào Đông Dương như Hồ Chủ tịch đã đoán trước từ lúc ở Quốc dân Đại hội Tân Trào là một sự thật đã xuất hiện và cách giải quyết cũng vẫn như Hồ Chủ tịch đã nói ở Quốc dân Đại hội là phải nói

chuyện với Pháp.

Qua một quá trình bàn bạc, ngày 6 tháng 3 năm 1946, Hiệp định sơ bộ được ký kết giữa Hồ Chủ tịch và Xanh-tơ-ni, Tổng đại diện của Pháp ở Hà Nội ^[15]. Hiệp ước nói rõ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một nước tự do trong Khối liên hiệp Pháp, có chính phủ, có nghị viện, có quân đội và tài chính riêng. Pháp được đưa vào Việt Nam thay thế quân Tưởng để giải giáp quân Nhật ở miền Bắc. Hai bên Việt, Pháp ngừng bắn ở miền Nam tạo không khí thuận lợi để mở tiếp cuộc đàm phán giải quyết vấn đề ngoại giao của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và vấn đề quyền lợi kinh tế văn hóa của Pháp ở Việt Nam. Việc thống nhất Nam – Bắc sẽ do toàn dân quyết định. Bản phụ lục Hiệp định còn nói rõ số quân Pháp đưa vào thay thế quân Tưởng là một vạn năm nghìn người (lúc này quân Pháp không có người Việt mà chỉ có người Âu-Phi), và chỉ được đóng ở một số nơi trên miền Bắc do ta chỉ định. Hiệp định cũng quy định rõ, mười tháng sau khi ký kết, quân Pháp phải dần dần rút hết khỏi Việt Nam nội trong năm năm.

Ý nghĩa quan trọng của Hiệp định sơ bộ là Pháp phải thừa nhận sự tồn tại của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và phải được sự đồng ý của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thì mới đưa quân vào và chỉ được đóng quân ở những nơi do ta qui định.

Một ý nghĩa quan trọng nữa của Hiệp định sơ bộ là một vạn năm nghìn quân Âu-Phi của Pháp vào thì hai mươi vạn quân Tưởng phải rút và bọn tay sai là Nguyễn Hải Thần và Việt Nam Quốc dân đảng cũng phải rút. Bọn tay sai này trước có một bộ phận quấy rối bằng quân sự ở một số nơi, nhưng nay đã mất hết chỗ dựa mà lại không kịp rút đi nên phải đầu hàng ta hoặc bị ta tiêu diệt.

Ta vẫn biết Pháp ký với ta như vậy, mục đích là cốt để được đưa quân vào, rồi sau sẽ từng bước dùng vũ lực mở rộng ảnh hưởng tiến tới lật đổ chính

quyền của ta, trở lại thống trị toàn cõi Đông Dương. Nhưng ta vẫn ký như vậy để cho hai mươi vạn quân Tưởng rút khỏi miền Bắc, đồng thời cũng để có hoàn cảnh chuẩn bị lực lượng kháng chiến chống Pháp một khi chúng không thi hành đúng hiệp định đã ký kết.

Đi đôi với việc ký Hiệp định sơ bộ với Pháp, Hồ Chủ tịch đã có sự bố trí chiến lược tỉ mỉ: Một bộ phận các anh công tác ở các khu căn cứ cũ, nay lại về chỗ cũ để chuẩn bị chiến đấu; anh Nguyễn Lương Bằng đã tháo dỡ một số máy móc chuyển đi Thái Nguyên xây dựng binh công xưởng; tôi được phái vào Khu Bốn bàn với các anh Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Chí Thanh chuẩn bị mọi mặt, đồng thời đến Thanh Hóa bàn kế hoạch lập khu căn cứ ở núi Nưa, nơi trước kia Nguyễn Huệ đã dùng làm căn cứ tiến quân ra Thăng Long đánh bại đội quân xâm lược của Mãn Thanh do Tôn Sĩ Nghị chỉ huy. Sau khi ký Hiệp định sơ bộ, Hồ Chủ tịch đã gặp Đắc-giăng-li-ơ ở vịnh Hạ Long và đã thỏa thuận: Quốc hội Việt Nam cử một đoàn đại biểu qua Pháp, đồng thời Pháp cũng cử một đoàn đại biểu qua Việt Nam để cùng với đại biểu Chính phủ ta bàn bạc chuẩn bị mọi việc cần thiết cho việc ký một hiệp ước chính thức ở Pa-ri.

Ngày 16-4-1946, đoàn đại biểu Quốc hội ta do anh Phạm Văn Đồng dẫn đầu lên đường sang Pháp.

Ngày 17-4-1946, đoàn đại biểu Chính phủ ta do anh Võ Nguyên Giáp dẫn đầu, họp hội nghị với đoàn đại biểu Pháp ở Đà Lạt để chuẩn bị cho việc ký kết chính thức ở Pa-ri, nhưng do sự ngoan cố của Pháp, nên đã không thu được kết quả gì.

Ngày 30-5-1946, Hồ Chủ tịch với tư cách là thượng khách của Chính phủ Pháp lên đường đi Pa-ri để thương lượng với Chính phủ pháp giải quyết vấn đề thống nhất Nam-Bắc, vấn đề ngoại giao của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và vấn đề quyền kinh tế và văn hóa của Pháp ở Việt Nam như

Hiệp định sơ bộ (6-3) đã quy định.

Nhưng trong khi Hồ Chủ tịch đang trên đường đi sang Pháp thì ngày 1 tháng 6, Cao ủy Pháp ở Sài Gòn tuyên bố thành lập nước Cộng hòa Nam kỳ^[16] và thành lập Chính phủ Nam kỳ gồm:

Nguyễn Văn Thỉnh

Thủ tướng kiêm Nội vụ

Nguyễn Văn Xuân

Phó Thủ tướng

Trần Văn Trọng

Tư pháp

Nguyễn Thành Lập

Tài chính

Lưu Văn Lang

Công chính

Ứng Bảo Toàn

Canh nông, Thương mại,
kỹ nghệ

Nguyễn Thanh Giang

Giáo dục

Khương Hữu Long

Lao động xã hội

và một Hội đồng tư vấn Nam kỳ 12 người, trong đó có 4 người Pháp và 8 người Việt quốc tịch Pháp.

Ngày 6-7-1946, Hội nghị Phong-ten-bơ-lô khai mạc. Trong lời phát biểu của mình, đoàn đại biểu ta đã nghiêm khắc phê bình việc quân đội Pháp làm không đúng Hiệp định sơ bộ đã ký kết. Đồng thời kịch liệt lên án việc thành lập nước Cộng hòa Nam kỳ.

Ngày 9 tháng 7, hội nghị họp lần thứ hai thông qua chương trình hội nghị, mỗi tuần họp hai lần vào ngày thứ ba và thứ sáu; bầu ra bốn ủy ban thảo luận các vấn đề chính trị, kinh tế, quân sự và ngoại giao.

Nhưng đến ngày 2 tháng 8, Cao ủy Pháp ở Đông Dương là Đắc-Giăng-li-ơ triệu tập hội nghị Đà Lạt có đại biểu Lào là Xa-phung, đại biểu Miên là Châu Long, đại biểu Cộng hòa Nam kỳ là Nguyễn Văn Xuân^[17] tham gia, “để xác định nguyên tắc tổ chức Liên bang Đông Dương”.

Đoàn đại biểu của ta ở Phong-ten-bơ-lô tuyên bố: Nếu nhà đương cục Pháp ở Nam kỳ có quyền quyết định vận mệnh của các nước Đông Dương, thì Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 không còn giá trị và Hội nghị Phong-ten-bơ-lô cũng không còn ý nghĩa gì nữa. Đồng thời tuyên bố tạm ngừng Hội nghị Phong-ten-bơ-lô đến lúc nào sự mờ ám ở Đà Lạt được làm sáng tỏ thì sẽ họp. Đoàn đại biểu ta tỏ lòng hy vọng sẽ có lúc họp lại.

Ngày 14-8-1946, Chính phủ Pháp đưa ra một bản dự thảo thanh minh, thừa nhận Hiệp định sơ bộ 6-3 là cơ sở để bàn bạc, nhưng lại nêu ra một lô vấn đề về chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao của Việt Nam đều do Pháp không chế.

Ngày 18 tháng 8, Đoàn đại biểu ta đưa ra một bản trả lời từng điểm, nêu rõ chủ quyền Việt Nam về các vấn đề, đồng thời đưa ra những đề nghị cụ thể về việc trưng cầu ý dân để nhân dân Nam kỳ tự định đoạt sự quy thuộc của Nam kỳ. Nhưng Pháp không chấp nhận bất kỳ một giải pháp nào của ta.

Đoàn đại biểu ta thanh minh lấy làm tiếc việc Hội nghị Phông-ten-bơ-lô không đạt kết quả mong muốn, rời rời nước Pháp về nước. Hồ Chủ tịch vẫn còn ở lại để tiếp tục giao thiệp.

Ngày 14-9-1946, Hồ Chủ tịch đại biểu Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mút-tê^[18], Bộ trưởng Bộ thuộc địa, đại biểu Chính phủ lâm thời Cộng hòa Pháp ký Tạm ước 14 tháng 9, hứa hẹn tháng Giêng năm 1947 có thể khôi phục Hội nghị Phông-ten-bơ-lô.

Sau khi ký xong Tạm ước, Hồ Chủ tịch cũng về nước.

Ngày 28-10-1946, Quốc hội họp kỳ thứ hai, trao toàn quyền cho Chính phủ đứng đầu là Hồ Chủ tịch để chỉ đạo việc đối phó với mọi tình thế. Đồng thời bầu Ban thường trực Quốc hội để giám sát Chính phủ, gồm 15 người do cụ Bùi Bằng Đoàn là Trưởng ban, hai cụ Tôn Đức Thắng, Phạm Bá Trục^[19] là Phó ban. Cụ Tôn Đức Thắng được cử làm quyền Trưởng ban vì cụ Bùi Bằng Đoàn ốm không đến dự được kỳ họp. Tôi cũng được bầu làm một ủy viên trong Ban thường trực Quốc hội.

Ngày 20-11-1946, Pháp gây hấn ở Móng Cái, Tiên Yên, Lạng Sơn.

Ngày 21-11-1946, Pháp gây hấn ở Hải Phòng

Ngày 17-12-1946, Pháp gây vụ thảm sát ở phố Hàng Bún, phố Hàng Than và nhiều nơi khác ở Hà Nội.

Ngày 18-12-1946, Pháp cho quân đội chiếm Bộ Tài Chính và Bộ giao thông. Đồng thời Móc-li-e^[20], tướng chỉ huy quân đội Pháp đưa tối hậu thư đòi tự vệ và công an ta phải hạ vũ khí.

Tình thế đã đến lúc ta phải kháng chiến thật sự.

Ta chỉ để lại một trung đoàn bảo vệ Thủ đô, còn Hồ Chủ tịch và cán bộ cao, trung cấp đều quay lại Việt Bắc. Tôi được phái vào Khu bốn với tư cách là Bí thư Khu đảng ủy, Chủ nhiệm Việt Minh và Đại diện Chính phủ Trung ương tại Khu bốn.

Ngày 19-12-1946, Hồ Chủ Tịch kêu gọi toàn dân đứng dậy chiến đấu. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp bắt đầu.

Lần này tôi hoạt động ở Khu bốn với một hoàn cảnh khá thuận lợi là ba tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh quân Pháp không dám động tới, và được sự cộng tác đặc lực của các anh Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Chí Thanh và các anh trong Khu ủy, Tỉnh ủy, mọi mặt công tác đều được tiến hành tốt. Tháng 3 năm 1948 thì được Trung ương ủy nhiệm qua Thái-lan phụ trách một nhiệm vụ mới.

^[1]tức Mạc Nhất Phàm

^[2]4 giờ sáng ngày 23-9 quân Pháp chiếm

^[3]ngôi nhà này sau đã bị bom Mỹ ném tan nay không còn nữa

^[4]lúc này Giải phóng quân đổi tên là Vệ quốc quân

^[5]có Nguyễn Hải Thần và hai đoàn bộ binh đi theo

^[6]Douglas Gracey (1894-1964). BT

^[7]Khoảng 26.000 lính thuộc Quân đoàn Ấn Độ số 20; 1.400 là số quân Pháp đi kèm. BT

^[8]Philippe Leclerc de Hauteclocque (22/12/1902 -28/12/1947) BT

^[9]quân Anh -Ấn chiếm rồi giao cho Pháp

^[10]Hoàng Đình Giông? BT

^[11]ngày 10 tháng 10. (Quốc khánh Trung hoa Dân quốc. BT)

^[12]tức Bảo Đại

^[13]Đỗ Hữu Vỹ? BT

^[14]Tuyên bố Brazzaville

^[15]Chính xác là: Cao ủy Cộng hòa Pháp tại Bắc Bắc-kỳ. BT

^[16]Nước Cộng hòa Nam kỳ Tự trị.BT

^[17]lúc này Thủ tướng là Nguyễn Văn Thỉnh đã tự sát

^[18]Marius Moutet. BT

^[19]công giáo

^[20]Louis Morliere. BT

Hoàng Văn Hoan

Giọt nước trong biển cả

Phần 5: Nhiệm vụ mới - chinh đồn một số công tác ở hải ngoại
(1948-1949)

P5 - Chương 1 đến 3

Tháng 3-1948, anh Phạm Ngọc Thạch từ Thái-lan về nước báo cáo công tác và chuyển lên Trung ương Đảng lời đề nghị của các đồng chí ở Thái-lan, xin Trung ương cử tôi sang Thái phụ trách công tác.

Vừa khéo trong dịp này tôi cũng đang có mặt ở Việt Bắc để xin ý kiến Bác và Trung ương Đảng về việc chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn Đảng bộ Liên khu IV.

Tối hôm ấy, bên bếp lửa ở nơi làm việc của Bác trong rừng Việt Bắc, có cả Bác, anh Trường Chinh, anh Thạch và tôi.

Qua lời báo cáo của anh Thạch thì công tác trên địa bàn Thái-lan hồi này đang triển khai nhiều mặt. Nhưng anh em cán bộ phụ trách trong kiều bào thì có tình trạng “cá mè một lứa”, không ai chịu ai. Ở Băng-cốc tuy đã có cơ quan phái viên Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhưng anh em phụ trách Việt kiều ở Đông Bắc Thái-lan liên hệ không mật thiết và không hỗ trợ tích cực cho công tác của Phái đoàn, đồng thời anh em ở Phái đoàn cũng hầu như không quan tâm đến việc vận động kiều bào của anh em ở Đông Bắc.

Anh Thạch nói: Các đồng chí công tác lâu năm ở Thái-lan đều biết anh Hoan là một cán bộ phụ trách của ta ở bên ấy từ trước. Anh em đề nghị Bác và Trung ương cử anh Hoan sang Thái chỉ đạo công tác thì chắc rằng sẽ đoàn kết được cán bộ, và các mặt hoạt động ở đấy cũng sẽ phát triển một cách thuận lợi hơn.

Bác và anh Trường Chinh hỏi tôi: Thế nào là đồng chí Hoan đi được chứ?

Tôi trả lời: Nếu Bác và Trung ương ủy thác thì tôi xin sẵn sàng nhận nhiệm vụ.

Thế là tôi thu xếp trở vào khu IV, tiến hành xong cuộc Đại hội đại biểu toàn Đảng bộ Liên khu, và bàn giao công tác Bí thư Liên khu ủy cho anh Nguyễn Chí Thanh rồi lại trở ra Việt Bắc để chuẩn bị các thủ tục đi Thái-lan.

Về mặt Đảng, tôi được giới thiệu là Đại diện Trung ương Đảng, có trách nhiệm chỉ đạo toàn diện công tác vận động Việt kiều ở Thái-lan, ở Ấn Độ, Miến Điện, ở Tiệp Khắc và ở Pháp. Về mặt chính quyền, Hồ Chủ tịch ký giấy ủy nhiệm tôi là Đặc phái viên Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở hải ngoại.

Khoảng cuối tháng 5 đầu tháng 6-1948, tôi trở lại Khu IV, về thăm nhà độ hai hôm rồi lên đường sang Thái-lan.

Lần này ở Thái-lan không lâu (1948-1949), nhưng qua những năm trước và sau cách mạng Tháng Tám, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bác, đối phó với tụi phản động, giải quyết những vấn đề trong tình thế nguy nan, tôi đã nắm được một số nhận thức cơ bản về chiến lược và sách lược, nên trong hoàn cảnh sóng gió, tuy là sóng nhỏ gió nhẹ, nhưng phải đứng mũi chịu sào và phải độc lập suy nghĩ, đã giải quyết được một số vấn đề trong tình hình khó khăn phức tạp như:

- Chinh đồn công tác vận động Việt kiều ở Thái-lan.
- Chinh đồn công tác Phái đoàn ở Băng-cốc và ở Răng-gun.
- Chinh đồn công tác giúp đỡ cách mạng Lào, Miên.
- Giải quyết một số vấn đề trên đường đi Bắc Kinh.

I. Chinh đồn công tác vận động Việt kiều ở Thái-lan

Trước khi đi vào vấn đề chính, tôi thấy cần nhắc lại quá trình hoạt động cách mạng của Việt kiều ở Thái-lan. Năm 1930 sau khi Đảng Cộng sản Xiêm thành lập, Việt kiều hoạt động dưới sự chỉ huy trực tiếp của Đảng Cộng sản Xiêm. Năm 1938 Xiêm ủy quyết định cách mạng Xiêm phải do nhân dân Xiêm làm là chính, ngoại kiều chỉ hoạt động trong tổ chức yêu nước của mình. Năm 1941, sau khi Nhật chiếm Việt Nam một năm, Việt Minh ra đời, kêu gọi toàn dân đoàn kết chống Nhật, Pháp. Việt kiều ở Thái-lan^[1] hưởng ứng lời kêu gọi đó, chuyển hướng hoạt động cách mạng về Đông Dương. Trong nhiệm vụ chống Nhật, Pháp cứu nước, kiều bào đã đóng góp phần xứng đáng của mình. Nhưng trong việc lãnh, thì Ban lãnh đạo lúc này gọi là Đặc ủy vẫn còn vương vít một ít tư tưởng của những năm trước kia. Do đó, việc chinh đồn công tác vận động Việt kiều đã trở thành một đòi hỏi gấp rút. Sang Thái-lan, thoát đầu tôi đến Bưng-cà độ hai hôm, thì anh em đưa tôi vào U-thên, rồi đi Na-khon. Ở đây được tin anh Nguyễn Đức Quì, phái viên Chính phủ đã từ Băng-cốc ra U-bôn dự lễ khánh thành nông trường của Việt kiều mới xây dựng xong. Tôi quyết định đi U-bôn để gặp anh Quì ngay. Các đồng chí ở U-bôn biết tôi là Ủy viên Trung ương Đảng và là Đặc phái viên của Chính phủ ở hải ngoại, thì muốn xếp đặt cho tôi ăn ở thật đàng hoàng để tỏ sự trọng thị. Nhưng tôi đề nghị cứ xếp cho tôi ở nhà một quần chúng, và giữ bí mật, tôi sẽ tham dự lễ khánh thành nông trường như một người cán bộ thường.

Anh Quì gặp tôi báo cáo tình hình công tác ở Thái. Lúc này Phi-bun Xổng-khram đã nắm chính quyền, những điều kiện thuận lợi cho hoạt động yêu nước của Việt kiều không còn nữa.

Với sự ủy nhiệm của Hồ Chủ tịch, và theo như dự kiến ban đầu khi Bác gặp tôi trước ngày sang Thái-lan, thì Bác có ý định tôi sẽ thay anh Quì làm Đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở Thái, để anh Quì về nước nhận công tác khác. Nhưng sau khi nghe báo cáo tình hình, tôi cân nhắc lại vấn đề và thấy rằng cần giữ nguyên vị trí của anh Quì là Đại diện Chính phủ thì có lợi hơn. Trong lúc này nếu thay anh Quì, thì nhà đương cục Thái-lan có thể nhân lúc mình thay đổi đại diện mà phủ nhận luôn cả vai trò Đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, với lý do là nước Thái-lan chưa hề chính thức công nhận Chính phủ Hồ Chí Minh.

Tôi bàn với anh Quì cứ tiếp tục giữ nhiệm vụ phái viên Chính phủ. Tôi sẽ đứng phía sau, chịu trách nhiệm về mặt đường lối chủ trương và phụ trách công tác Đảng, để giúp đỡ anh hoàn thành nhiệm vụ đại diện cho Nhà nước và kiều bào ta trước chính quyền Thái-lan.

Lễ khánh thành nông trường U-bôn được tổ chức khá long trọng. Vì khi Việt kiều ở Lào mới tản cư sang Thái-lan, Chính phủ Pri-đi đã giúp đỡ rất nhiều, trong đó có việc cho đất để lập “nông trường”. Trong mấy năm thuận lợi, cán bộ Tổng hội Việt kiều cứu quốc đã tổ chức cho kiều bào tản cư đến U-bôn dựng nhà trên một khu đất rộng rãi, chia nhau mỗi gia đình một khoảnh đất bằng nhau để sản xuất. Tuy làm ăn vẫn là cá thể, nhưng cách sắp xếp nhà cửa thì đồng loạt, ngay hàng, thẳng lối, trông như một nông trường tập thể. Cán bộ và kiều bào tự hào về cách tổ chức của mình, gọi đó là “nông trường”. Nhân dân Thái-lan cũng gọi đó là “ni-khôn Duôn” ^[2].

Tôi thấy sự cố gắng của anh em chăm lo đời sống kiều bào là rất đáng khuyến khích, nhưng gọi đây là “nông trường” thì vừa không đúng với nội

dung vừa có hại về chính trị. Chính phủ Phi-bun có thể vì hai tiếng “nông trường” mà e ngại Việt kiều gây ảnh hưởng cách mạng trong nhân dân Thái-lan, sẽ tìm cách làm khó dễ cho ta sau này. Tôi bàn với anh Quì nên bỏ cái tên gọi là “nông trường”, và cần làm cho người Thái hiểu rõ đây chỉ là một xóm làm vườn của Việt kiều lánh nạn chiến tranh từ Lào sang.

Vấn đề “nông trường” U-bôn chỉ là một biểu hiện trong tình trạng chung. Tôi đề ý điều tra nghiên cứu và thấy rằng cần phải có một sự uốn nắn chung.

*

Ở U-bôn mấy hôm, trao đổi ý kiến với anh Quì xong, tôi đi ra U-đon gặp các đồng chí Đặc ủy Việt kiều và Tổng hội Việt kiều cứu quốc.

Kết hợp những điều tai nghe mắt thấy trên đường đi từ Bung-càn qua Na-khon, U-bôn đến U-đon, và nghe thêm báo cáo của các đồng chí phụ trách, tôi thấy rằng trong những năm từ ngày kháng chiến đến nay, cán bộ và kiều bào ta đã làm được nhiều việc, nêu cao tinh thần đoàn kết, yêu nước, và đã làm cho nhân dân Thái-lan nể phục. Nhưng trong mấy năm tình hình chính trị Thái-lan có phần thuận lợi, anh em đã áp dụng một số hình thức không thích hợp với hoàn cảnh của người lánh nạn. Đến khi tình thế chuyển sang khó khăn, sau cuộc đảo chính của Phi-bun anh em vẫn chưa nhận thức đầy đủ sự cần thiết phải chuyển hướng triệt để, nên tuy đã hạn chế bớt một số hoạt động phô trương, lộ liễu nhưng vẫn còn lại khá nhiều những biểu hiện chủ quan, hình thức, nếu không thay đổi thì có thể nguy hiểm đến cuộc vận động yêu nước của Việt kiều.

Điều đáng chú ý là anh em hoạt động trên đất Thái-lan mà ít chú ý đọc báo chí Thái-lan để theo dõi thái độ chính trị của nhà đương cục như thế nào. Ở U-đon, tôi xem mấy tờ báo Thái-lan thấy họ tung tin vu khống Việt kiều vì

phạm trật tự trị an, đốt nhà và cướp của ở nơi này nơi khác. Tuy nhiên đó là những tin tức bịa đặt vu khống hoàn toàn trái ngược với sự thật. Nhưng rõ ràng họ đang chuẩn bị dư luận cho một cuộc đàn áp Việt kiều.

Tôi bàn với Đặc ủy triệu tập một cuộc hội nghị mở rộng, gồm tất cả cán bộ phụ trách các Chi bộ Đảng, các Chi hội Việt kiều cứu quốc địa phương để giải quyết một số vấn đề về nhận thức tình hình và phương hướng công tác lâu dài của Việt kiều.

Hội nghị được tiến hành trong ba ngày 15, 16, 17 tháng 8 năm 1948.

Qua báo cáo của Đặc ủy và các đại biểu địa phương đến dự hội nghị, có thể khái quát tình hình hoạt động yêu nước của Việt kiều như sau:

Tháng 3-1946, Việt kiều ở Lào tản cư sang Thái-lan, nâng tổng số Việt kiều từ 4-5 vạn lên tới 9-10 vạn người. Bà con tản cư được kiều bào cùng với nhân dân và Chính phủ tiến bộ Thái-lan tận tình giúp đỡ, nên sớm ổn định được đời sống. Trong năm 1946, Đặc ủy và kiều bào đã tổ chức được chi đội Trần Phú, đưa về Nam bộ tham gia kháng chiến. Năm 1947 tổ chức hai đoàn Cứu Long I và Cứu Long II mang vũ khí về nước. Sau ngày kháng chiến toàn quốc bùng nổ, hàng ngàn thanh niên Việt kiều xung phong tòng quân, sang mặt trận Lào và Cam-pu-chia giúp nhân dân hai dân tộc bạn đánh Pháp xâm lược. Địa bàn Thái-lan trở thành hậu phương của “Mặt trận miền Tây”. Ở nhiều tỉnh giáp biên giới Lào và Cam-pu-chia có cơ sở huấn luyện quân đội, sản xuất và sửa chữa vũ khí cho mặt trận. Nhiều khi cơ quan chỉ huy của các đặc khu đóng trên đất Thái-lan, anh em chiến sĩ sang Lào hoặc Cam-pu-chia đánh giặc rồi trở về Thái-lan an dưỡng và huấn luyện. Trong hai năm 1946-1947, Chính phủ Pri-đi rất nhiệt tình ủng hộ cuộc kháng chiến của ta, đã giúp đỡ Việt kiều tản cư có công ăn việc làm, còn giúp cả một số vũ khí cho ta đưa về nước, và mặc nhiên để cho Việt kiều hoạt động yêu nước trên đất Thái-lan với một thiện cảm rõ rệt.

Trong điều kiện thuận lợi như thế, cán bộ cũng như kiều bào không tránh khỏi chủ quan, có một số việc làm vi phạm chủ quyền của nước sở tại mà không tự biết, như treo cờ đỏ sao vàng ở nhiều nơi, cán bộ và chiến sĩ mang vũ khí đi lại tự nhiên trên đất Thái-lan. Khi anh Trần Văn Giàu ở Băng-cốc ra thăm Việt kiều ở Đông Bắc, thì bố trí đón tiếp nghi vệ, có cả bộ đội Việt kiều bồng súng chào v.v... Một số cán bộ công khai biểu thị mình là người cộng sản. Tài liệu, sách báo cộng sản được để ngay ở trụ sở Hội Việt kiều cứu quốc và ở hiệu sách “Thay-mày”. Ngay cái tên đặt cho hiệu sách: Thay-mày có nghĩa là nước Thái mới, hoặc người Thái mới, cũng tỏ rõ một ý thức chính trị không chặt chẽ.

Cán bộ cũng như kiều bào, đầy nhiệt tình yêu nước, rất tự hào về cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, về lãnh tụ vĩ đại của mình. Nhưng anh em chưa có một nhận thức toàn diện về địa bàn hoạt động của mình và về địa vị chính trị của mình trên đất Thái-lan.

*

Trong hội nghị Đặc ủy mở rộng, tôi đã nêu lên một số vấn đề để anh em thảo luận, và phát biểu một số ý kiến, tập trung vào mấy điểm chính:

Trước hết tôi nói về vị trí chiến lược của địa bàn Thái-lan:

Từ ngày Đảng ta thành lập, Đảng bộ Việt kiều Thái-lan đã có những đóng góp quan trọng, nhất là thời kỳ hoạt động của Đông Dương viện trợ bộ sau khi cao trào Xô-viết Nghệ-Tĩnh thất bại; tiếp đến thời kỳ tổ chức Việt kiều Thái-Lào tham gia cuộc cách mạng 1945 ở Lào. Ngày nay cuộc kháng chiến của nhân dân ta đang ở trong giai đoạn khó khăn, bị bao vây bốn phía, Đảng bộ Việt kiều ở Thái-lan đóng một vai trò rất quan trọng. Nhờ có cơ sở kiều bào đông đảo với truyền thống cách mạng sâu sắc, lại được mấy năm trước

đây Chính phủ tiền bộ Thái-lan tạo điều kiện thuận lợi cho Việt kiều hoạt động yêu nước, nên địa bàn Thái-lan đã trở thành cửa ngõ duy nhất cho cuộc kháng chiến Việt Nam và Đông Dương thông ra quốc tế. Muốn liên lạc được với các Đảng anh em, các nước trong phe xã hội chủ nghĩa và dân chủ nhân dân, thì nhất thiết phải giữ cho được cửa ngõ này. Muốn tranh thủ được sự ủng hộ của thế giới bên ngoài, làm cho nhân dân Pháp cũng như nhân dân thế giới hiểu rõ chính nghĩa của cuộc kháng chiến Việt Nam, phản đối sự xâm lược tội ác của đế quốc Pháp, cũng phải ra sức giữ vững cửa ngõ quốc tế này. Muốn tiếp tế về nước những khí tài, vật liệu cần thiết cho kháng chiến, càng phải giữ vững cửa ngõ Thái-lan. Do đó địa bàn Thái-lan có vị trí chiến lược vô cùng quan trọng đối với cách mạng Việt Nam và Đông Dương trong giai đoạn hiện tại. Cũng do đó trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi kiều bào đều phải giữ vững cái chỗ đứng của mình ở trên đất Thái-lan. Tiếp đó tôi nói về địa vị chính trị của Việt kiều và đường lối ngoại giao nhân dân *Việt-Thái thân thiện*.

Muốn gánh vác được nhiệm vụ nặng nề trên địa bàn chiến lược quan trọng này, trước hết mỗi cán bộ, đảng viên phải nhận rõ mình và quần chúng Việt kiều chỉ là những kiều dân ăn nhờ, ở độ trên đất nước người. Đã là kiều dân, thì dù có được điều kiện hoạt động thuận lợi đến đâu cũng phải tôn trọng pháp luật, phong tục tập quán của nước người ta. Mấy năm qua, do được Chính phủ tiền bộ Thái-lan và nhân dân Thái-lan giúp đỡ nên kiều bào đã làm được nhiều việc quan trọng. Nhưng anh em cán bộ cũng như kiều bào thường coi nhẹ vấn đề này. Một số hình thức hoạt động mà anh em đã làm từ năm 1940-1947, như treo cờ đỏ sao vàng tràn lan là không đúng đâu. Theo luật quốc tế thì bất cứ nước nào, cờ ngoại quốc chỉ được treo ở cơ quan đại diện quốc gia của mình mà thôi. Các việc đóng quân, luyện quân, lập binh công xưởng trên đất Thái-lan chỉ có thể làm được khi mà Chính phủ tiền bộ

Thái-lan hoàn toàn đồng tình, ủng hộ cuộc cách mạng của nước ta. Tuy nhiên cũng phải làm một cách kín đáo. Những hình thức phô trương như cán bộ ở Mặt trận miền Tây về cứ mang vũ khí đi ngênh ngang, cho bộ đội bông súng chào v.v... là vi phạm nguyên tắc trong quan hệ quốc gia mà các đồng chí không biết.

Trước đây Chính phủ tiến bộ và nhân dân Thái-lan thông cảm sâu sắc với ta nên mặc nhiên để cho ta làm, nhưng các hoạt động phô trương, hình thức như trên vẫn làm cho một số người không đồng tình, và có thể là mục tiêu cho những phần tử khiêu khích phá hoại mối tình *Việt – Thái thân thiện*.

Từ sau cuộc đảo chính 11-1947, phái phản động Thái-lan lên cầm quyền, các đồng chí đã hạn chế một phần các hoạt động phô trương nói trên; nhưng nội dung và hình thức hoạt động hiện nay vẫn còn nhiều biểu hiện chủ quan, lộ liễu, có thể gây hậu quả xấu. Ngày nay cần phải thanh toán triệt để những hình thức hoạt động xã hội không thỏa đáng nói trên.

Tránh lộ liễu, tránh khiêu khích chỉ mới là một mặt. Muốn đối phó với sức ép của thế lực phản động Thái-lan, chúng ta cần tranh thủ cho được cảm tình sâu sắc của nhân dân Thái-lan. Đây mới là biện pháp căn bản và lâu dài.

Trước đây Hồ Chủ tịch đã giáo dục cán bộ và kiều bào ta gần gũi, thân thiện với nhân dân Thái-lan. Cố Đi đã thực hiện tốt và vận động kiều bào làm việc này. Ngày nay cách mạng Việt Nam thắng lợi, nhân ta đã có chính quyền, chúng ta càng phải đề cao khẩu hiệu *Việt – Thái thân thiện*. Một mặt chúng ta luôn tỏ rõ tinh thần yêu mến nhân dân Thái-lan, tôn trọng phong tục tập quán và pháp luật của nước Thái. Mặt khác chúng ta làm cho nhân dân bạn hiểu rõ chính nghĩa của cuộc kháng chiến Việt Nam, đồng tình và bảo vệ Việt kiều hoạt động yêu nước, phản đối sự khủng bố, đàn áp của Chính phủ Thái-lan. Chẳng những tranh thủ cảm tình của nhân dân lao động, mà còn tranh thủ cảm tình của các nhân sĩ và các quan chức. Ngày nay đương cục

Thái-lan tuy đã nắm được Chính phủ Trung ương, nhưng chưa với tay đến hết các địa phương, nếu các quan chức địa phương đồng tình với hoạt động yêu nước của Việt kiều thì chúng ta vẫn giữ được một điều kiện thuận lợi rất lớn.

*

Sau khi xác định mấy phương châm lớn, tôi nêu lên cho anh em thảo luận một số biện pháp cụ thể. Có người cho rằng Phi-bun tuy bản chất chống Cộng, nhưng bấy lâu nay còn bận đối phó với tình hình nội bộ, thanh toán lực lượng chống đối trong nhân dân Thái-lan, chưa thể rảnh tay để đàn áp Việt kiều. Cách suy nghĩ hoàn toàn không chính xác, nó dẫn tới hành động chủ quan, mất cảnh giác. Qua báo chí hàng ngày, chúng ta đã thấy rõ Chính phủ Thái-lan đang chuẩn bị dư luận để đàn áp Việt kiều, chúng ta phải tích cực chuẩn bị để đối phó, và phải có ngay những biện pháp cụ thể.

Phải dẹp lại ngay các hành động phô trương, lộ liễu trước đây, nhưng vẫn phải giữ vững và phát huy tinh thần yêu nước của quần chúng Việt kiều. Cờ đỏ sao vàng và ảnh Hồ Chủ tịch là biểu tượng thiêng liêng đối với kiều bào, ta không thể bỏ hẳn đi. Nhưng để tránh khiêu khích, ta sẽ vận động kiều bào đưa cờ ảnh vào nhà, trang trí thành ra bàn thờ Tổ quốc. Nếu họ còn can thiệp, thì ta sẽ nói đó là tín ngưỡng của nhân dân, kiều bào có thể dùng lý lẽ đấu tranh để bảo vệ quyền yêu nước của mình.

Việc đi lại của cán bộ và kiều bào cần phải hết sức tranh thủ được mọi sự thuận lợi. Trước đây Đặc uỷ có chủ trương không nên để kiều bào lấy giấy “tàng đạo”, là giấy chứng nhận kiều dân, để được tự do đi lại trên đất Thái-lan, vì các đồng chí sợ rằng một khi đã lấy giấy “tàng đạo” thì sẽ mất danh nghĩa là những người dân lánh nạn chiến tranh. Chủ trương này không đúng,

tự mình gây ra trở ngại cho mình và cho kiều bào trong sự đi lại, làm ăn hàng ngày. Việc lấy giấy “tàng đạo” tuy có tốn kém, mỗi giấy phải nộp mấy trăm bạc, nhưng chúng ta phải tạo điều kiện cho cán bộ và kiều bào sớm được tư thế hợp pháp để làm ăn đi lại hoạt động yêu nước.

Hình thức hợp pháp là điều rất cần thiết, cần phải làm ngay. Nhưng đó chưa phải là điều căn bản nhất. Điều căn bản nhất là phải ra sức củng cố lực lượng đoàn kết, đấu tranh của kiều bào. Về mặt tổ chức, phải vững chắc, nhưng gọn nhẹ, kín đáo. Hội Việt kiều cứu quốc ngày nay còn được hoạt động, nhưng phải dự kiến một ngày kia sẽ bị cấm, ta phải sẵn sàng chuyển sang hình thức “Việt kiều cứu tế” để tránh màu sắc chính trị. Như vậy một khi Chính phủ Thái-lan cấm Việt kiều không được hoạt động chính trị thì ta sẽ không bị động. Hiện nay một số cán bộ thoát ly phải hạn chế lại thật ít. Cán bộ đảng cũng như cán bộ Hội Việt kiều cứu quốc cần bám sát quần chúng và dựa hẳn vào quần chúng, sống và làm ăn như mọi kiều bào, không để cho người Thái nhận biết mình là người hoạt động chính trị.

Dựa vào kiều bào để giữ gìn bí mật, đồng thời mỗi cán bộ đều phải hết sức tuân theo những nguyên tắc hoạt động bí mật trong cách sống và làm việc hàng ngày. Hội nghị đã thảo luận mấy biện pháp cụ thể sau đây: Cơ quan làm việc và trong nhà cán bộ phải dọn dẹp hết các thứ vũ khí, quân trang, cũng như sách báo tài liệu “đỏ”. Chiến sĩ từ Mặt trận miền Tây trở về trong kiều bào không được mặc quần áo nhà binh, mang vũ khí như trước. Cán bộ không được mang theo trong mình các tài liệu chính trị, phòng khi bị bắt thì cảnh sát cũng không có chứng cứ để buộc tội mình. Trong vòng năm ngày, mọi cơ quan, cán bộ đều phải chấp hành triệt để các biện pháp trên. Ai không thực hiện nghiêm chỉnh, để xảy ra bắt bớ, tổn thất cho cách mạng là có tội với nhân dân, với Tổ quốc.

*

Trong khi thảo luận các chủ trương, biện pháp, các đồng chí đã liên hệ với các hoạt động cụ thể ở địa phương mình. Có đồng chí phụ trách Chi hội Việt kiều cứu quốc Na-khon nói, ngay lúc này kiều bào Na-khon đang chuẩn bị rước đuốc thật rầm rộ để kỷ niệm ngày Tổng khởi nghĩa 19 tháng 8. Anh em quyết định để đồng chí về ngay địa phương mình lập tức đình chỉ cuộc rước đuốc.

Sau khi cuộc hội nghị mở rộng đã giải quyết xong các vấn đề chung, tôi họp riêng với một số cán bộ, đảng viên trung kiên, nói rõ thêm về trách nhiệm lãnh đạo của Đảng để bảo đảm cho các nghị quyết được thực hiện. Anh em đánh giá kết quả cuộc hội nghị mở rộng vừa qua là đã mở mang nhận thức cho cán bộ, đảng viên nắm được nhiệm vụ, phương châm hoạt động một cách có hệ thống.

Tôi ở lại U-đon thêm một thời gian để theo dõi tình hình. Khoảng cuối tháng 8, các đồng chí báo cáo cho biết ở một số địa phương xảy ra việc khám xét nhà cán bộ và cơ quan Hội Việt kiều cứu quốc, cảnh sát Thái-lan đón các ngã đường ra vào U-đon để kiểm soát Việt kiều, nhưng họ không bắt được tài liệu, vũ khí gì cả. Điều đó chứng tỏ anh em cán bộ địa phương đã chấp hành nghị quyết của hội nghị một cách nghiêm chỉnh.

Cuộc hội nghị tháng 8-1948 ở U-đon vừa là cơ sở cho việc duy trì, phát triển hoạt động yêu nước của Việt kiều, vừa là cơ sở để giải quyết vấn đề đoàn kết nội bộ. Thật ra những điều lung củng trước đây trong một số cán bộ chủ chốt chẳng qua là do phong cách làm việc không hợp nhau. Nhưng trong khi mà đường lối hoạt động chưa được rõ ràng thì những sự khác nhau lặt vặt thường dẫn tới mâu thuẫn, mất đoàn kết. Một khi đường lối hoạt động đã được vạch rõ thì những điều lặt vặt không ăn ý nhau sẽ được dẹp đi.

Trong khi gần gũi các đồng chí cán bộ chủ chốt, tôi phê bình thái độ sai lầm của một số anh em không tích cực ủng hộ các hoạt động của Phái đoàn Chính phủ ở Băng-cốc. Có thể là một số đồng chí ở Băng-cốc cũng có khi có sự phóng túng trong sinh hoạt và hành động, nhưng đó không phải là vấn đề chính trị cơ bản. Tôi phải thuyết phục các đồng chí phụ trách kiều bào ở Đông Bắc khá nhiều về điểm này: Trước kia, cách mạng chưa nắm chính quyền, tất cả anh em cán bộ đều ăn ở kham khổ như nhau. Ngày nay, chúng ta đã giành được chính quyền Nhà nước, những người đóng vai đại diện Nhà nước phải có cái bề thế trang trọng. Chúng ta ủng hộ các đồng chí đại diện Nhà nước không phải là vì cá nhân các đồng chí đó, mà là vì lợi ích dân tộc, vì lợi ích cách mạng. Một vài cá nhân nào đó có thể phạm sai lầm trong sinh hoạt, ta cần nghiêm khắc phê bình, xây dựng. Nhưng không nên lẫn lộn việc phê bình cá nhân với việc ủng hộ hoạt động của một cơ quan đại diện Nhà nước. Nhất là trước mặt Chính phủ và nhân Thái-lan, biểu hiện sự ủng hộ của quần chúng Việt kiều đối với người đại diện Nhà nước là một điều rất quan trọng.

Khi đã nhận rõ ý thức chính trị anh em trong cơ quan, mấy đồng chí trước kia thành kiến với anh em trong cơ quan Phái đoàn Chính phủ ở Băng-cốc đã thay đổi thái độ. Mọi quan hệ được cải thiện tốt đẹp hơn.

II. Chỉnh đốn công tác phái đoàn ở Băng-cốc và ở Răng-gun

Từ U-đon, tôi đi một vài địa phương để xem xét việc thực hiện nghị quyết hội nghị vừa qua và thăm mấy gia đình cơ sở cách mạng rồi vào Băng-cốc. Ở Băng-cốc hồi này có cơ quan của Phái đoàn Chính phủ ta, cơ quan Thông tấn xã Việt Nam và một cơ sở bí mật tiếp tế về nước trực thuộc Ủy ban kháng chiến Nam bộ.

Trong thời gian từ 1946 đến 1948, các đồng chí ở đây đã làm được một số

việc góp phần vào công cuộc kháng chiến ở trong nước và tuyên truyền ảnh hưởng của Việt Nam ra ngoài nước. Nhưng nhìn chung thì công tác còn thiếu toàn diện, nơi ăn chỗ ở thì luộm thuộm chưa có bề thế một cơ quan Đại diện Chính phủ ở một nước nào đó là phải quản tất cả các hoạt động của nước mình trên đất nước sở tại, để nắm rõ tình hình và thống nhất chỉ đạo. Thế nhưng cơ quan Phái đoàn của chính phủ ta ở đây lại chỉ nắm một số hoạt động có tính chất đối ngoại, còn công việc của các ngành khác thì hầu như không quan tâm và cũng không đủ sức với tới.

Như vậy, muốn chỉnh đốn công tác của Phái đoàn, trước hết là phải có một hình thức tổ chức nào đó để đảm bảo sự liên hệ giữa Phái đoàn với các ngành khác, như bộ phận vận động Việt kiều, bộ phận quân sự miền Tây, bộ phận tiếp tế v.v... được sát sao hơn, thì công tác mới tiến hành được thuận lợi.

Tôi đưa ra ý kiến này bàn với anh Quì và một vài anh trong Đặc ủy thì mọi người đều thấy là hợp lý. Tiếp đó, tôi báo cáo Trung ương xin cho lập một ban cán sự lấy tên là Ban cán sự Trung ương ở hải ngoại để lãnh đạo toàn diện các mặt công tác phải tiến hành trên địa bàn Thái-lan. Những công tác ấy là:

- Tổ chức, động viên Việt kiều Thái-lan đoàn kết yêu nước, ủng hộ kháng chiến và giữ vững “cửa ngõ” thông ra quốc tế cho công cuộc kháng chiến Việt Nam và Đông Dương.
- Chỉnh đốn công việc giúp Lào và Cam-pu-chia từ phía Tây.

- Chỉ đạo công tác tiếp tế về nước. Công tác này trước đây là một ngành hoạt động riêng, không tham gia sinh hoạt với Đảng bộ ở đây, nay đặt dưới sự chỉ đạo của Ban cán sự Trung ương.
- Chỉ đạo công tác đối ngoại, gồm cả việc tuyên truyền quốc tế, hoạt động của các đại diện chính phủ ở Thái-lan, Miến Điện.
- Liên lạc và hướng dẫn việc hoạt động của cán bộ ở các nơi khác như ở Pháp, ở Tiệp.

Ban cán sự Trung ương do tôi là Bí thư, anh Quì là Phó Bí thư và một số đồng chí phụ trách các ngành là ủy viên, như anh Hồng, anh Song Tùng trong Đặc ủy Việt kiều; anh Khanh, anh Bình trong Ban chỉ đạo Mặt trận miền Tây; anh Cao Hồng Lĩnh và anh Dung Văn Phúc đang phụ trách một bộ phận tiếp tế.

*

Được sự đồng ý của Trung ương, Ban cán sự Trung ương vừa thành lập xong, đang chuẩn bị họp bàn việc chỉnh đốn cơ quan Phái đoàn ở Băng-cốc, thì phát hiện việc Lê Hy tùy tiện bỏ cương vị đi đâu không ai biết, Lê Hy trước kia hoạt động ở Nam bộ, khi Nam bộ bắt đầu kháng chiến thì chuyển sang Thái-lan, phụ trách Thông tấn xã Việt Nam, bên cạnh Phái đoàn Chính phủ.

Trong công tác, Lê Hy thường đi lại giao thiệp với Sứ quán Liên Xô ở Băng-cốc. Do sự thông cảm giữa các đồng chí Liên Xô với ta, trong hoàn cảnh hoạt động ở một nước thuộc hệ thống tư bản chủ nghĩa, mà nhiều khi các đồng chí Liên Xô không đòi hỏi thủ tục giấy tờ phiền phức, chỉ cần nói

miệng là được các đồng chí giúp đỡ tận tình.

Khoảng tháng 9-1948, Lê Hy nhân lúc anh Quì đi Đông Bắc, đã lợi dụng địa vị công tác của mình tự ý đi đến Sứ quán Liên Xô nói dối là Đảng định phái anh ta đi Mạc Tư Khoa để phát hành bản thông tin Việt Nam. Thế là Sứ quán Liên Xô giúp đỡ tận tình và làm thủ tục cho anh ta đi Liên Xô.

Lê Hy đi một thời gian rồi mà anh em ở cơ quan Phái đoàn Chính phủ và ở Thông tấn xã Việt Nam vẫn không hay biết gì cả. Khi anh Quì ở Đông Bắc về, cảnh sát Thái-lan hỏi Lê Hy đi đâu, anh Quì trả lời là chưa biết.

Khi tôi đến Băng-cốc, nghe anh Quì báo cáo, tôi phán đoán có hai khả năng: Hoặc là Lê Hy đã bị cảnh sát Thái-lan bắt, nhưng họ giả vờ hỏi; hoặc là Lê Hy thấy tình thế khó khăn, đã bỏ nhiệm vụ đi ẩn náu ở một nơi nào trên đất Thái-lan.

Sau khoảng hơn một tháng, Sứ quán Liên Xô thông báo cho biết Lê Hy đã tới Mạc Tư Khoa an toàn thì anh em mới yên tâm. Có điều là anh em chỉ thấy yên tâm về việc Lê Hy không bị bắt, mà không biết đặt thành vấn đề cảnh giác trước một hành động vô kỷ luật nghiêm trọng như thế. Nhất là khi ra đi, Lê Hy còn đem theo cả một anh người Úc, nói là đảng viên cộng sản, do anh Phạm Ngọc Thạch đưa từ Xin-ga-po về, giúp ta trong việc phiên dịch. Anh vẫn ở cơ quan Thông tấn xã Việt Nam tại Băng-cốc.

Được báo cáo về vấn đề này, tôi bàn với anh Quì rằng, việc Lê Hy bỏ cương vị công tác là một hành động vô nguyên tắc, có khi không phải chỉ vì sợ sệt, mà có thể còn có nguyên nhân chính trị gì chăng? Vậy trước mắt phải tìm cách hạn chế ngay những hậu quả xấu có thể xảy ra. Đối với đương cục Thái-lan nếu họ hỏi lại lần nữa, anh Quì sẽ trả lời là anh ta đi thăm bà con Việt kiều ở các địa phương hoặc đi công việc riêng trong khi tôi không có mặt ở Băng-cốc nên không rõ, một thời gian nữa chắc sẽ có tin. Đối với Sứ quán Liên Xô thì phải thông báo ngay cho các cho các đồng chí biết việc Lê

Hy đi là một hành động tự do vô kỷ luật mà cơ quan Đại diện Chính phủ Việt Nam ở Băng-cốc hoàn toàn không biết trước, và đề nghị các đồng chí báo cáo ngay việc này về nước cho Trung ương Đảng và Chính phủ Liên Xô biết, để khỏi hiểu lầm đối với Đảng và Chính phủ ta, và ngăn chặn những việc làm vô nguyên tắc của Lê Hy ở Mạc Tư Khoa.

Về sau tìm hiểu thêm, chúng tôi được biết Lê Hy hành động vô kỷ luật như vậy là do y đã chịu ảnh hưởng tư tưởng sai lầm của Trần Ngọc Danh, Đại diện Chính phủ ta ở Pháp.

Danh và Hy là cán bộ của Đảng, xa rời thực tế cách mạng trong nước. Họ đọc nhiều sách vở lý luận, nhưng không tiêu hóa tốt, nên đã phạm sai lầm. Họ không hiểu vì sao Đảng ta đã nắm chính quyền mà chỉ nêu cao khẩu hiệu độc lập, thống nhất dân tộc, chứ chưa nói ngay đến việc làm cách mạng ruộng đất, chưa có chủ trương hạn chế chủ nghĩa tư bản ở trong nước, và chưa lên tiếng đả kích đế quốc Mỹ như các Đảng Liên Xô, Trung Quốc và các Đảng Đông Âu đã làm và đang làm. Họ không hiểu rằng từ năm 1945-1946, trong hoàn cảnh chính quyền cách mạng Việt Nam còn trứng nước, phải đối phó với nhiều loại thù trong giặc ngoài, Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng đã vận dụng sách lược mềm dẻo, khôn khéo, thêm bạn bớt thù, cố tránh những mũi nhọn đả kích có thể tránh được để tập trung lực lượng vào kẻ thù cụ thể số một trước mắt là đế quốc Pháp xâm lược.

Hiểu sai lầm về đường lối của Đảng đã là nguy hiểm, họ còn đi xa hơn nữa: Một người ở Pháp, một người ở Thái-lan, bí mật trao đổi với nhau những tư tưởng hoài nghi, chống Đảng, hẹn nhau tìm cách sang Liên Xô và Đông Âu để làm một việc bậy bạ là nói xấu Đảng ta. Trong khi Lê Hy ở Băng-cốc chuẩn bị đi thì Trần Ngọc Danh ở Pa-ri đã tự ý tuyên bố giải tán cơ quan Đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở Pháp và đòi sang Tiệp.

Còn Lê Hy thì vẫn tưởng rằng đã lừa được Đại sứ Liên Xô ở Băng-cốc rồi,

thì mọi chuyện đều xong xuôi, không ngờ Chính phủ Liên Xô đã biết được hành động vô nguyên tắc của y nên đã không cho ở Mạc Tư Khoa và bắt buộc phải dời sang Tiệp. Ở đây, Danh và Hy lại tìm cách lung lạc mấy đồng chí đại diện Thanh niên, Công đoàn Việt Nam ở Pra-ha, nhưng anh em không nghe theo.

Việc này cuối năm 1949 tôi đi qua Tiệp thì mới có dịp gặp Trần Ngọc Danh và Lê Hy để phê bình họ.

*

Việc Lê Hy tự ý sang Liên Xô là một biểu hiện đột xuất rất nghiêm trọng, có tính cách cá biệt, nhưng phần nào cũng có liên quan đến lẽ lối làm việc thiếu chặt chẽ hồi này ở Băng-cốc. Một vài anh em phụ trách công tác đối ngoại ở đây cũng có phần phóng túng trong sinh hoạt. Thấy Pri-đi là người có tư tưởng xã hội, có nhiệt tình ủng hộ Việt Nam kháng chiến, có đồng chí đã tự xưng mình là cộng sản, đi đâu cũng nói chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa xã hội, phong cách này dẫn đến một kết quả trái ngược là những người cộng sản ở một số nước như Thái-lan, Mã-lai, Miến Điện, thì hoài nghi đồng chí này có phải là cộng sản chân chính không? Nhưng nhiều người trí thức tiểu tư sản lại hiểu lầm đồng chí đó là lãnh tụ quan trọng của Đảng Cộng sản Đông Dương trong khi Chính phủ phản động Thái-lan rất chú ý theo dõi và chuẩn bị tóm bắt.

Trung ương Đảng được báo cáo về tình hình này, đã quyết định điều động ngay đồng chí đó về nước. Tôi phải thuyết phục khá nhiều mới bố trí đưa được đồng chí về nước để tránh khỏi sự rắc rối trong tình hình chính trị Thái-lan đang chuyển biến ngày càng xấu.

Trong công tác đối ngoại và tuyên truyền quốc tế hồi này, các đồng chí ở

Băng-cốc đã làm được nhiều việc: Đặt cơ quan Phái viên Chính phủ ở Miến Điện, do anh Trần Văn Luân phụ trách; mở rộng quan hệ ngoại giao giữa Phái đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với Sứ quán các nước ở Băng-cốc như Liên Xô, Ấn Độ, Miến Điện, Pa-ki-xtan và In-đô-nê-xi-a; đặt liên hệ với các đoàn thể Thanh niên, Công đoàn thế giới, có bộ phận thường trực ở Tiệp Khắc; Thông tấn xã Việt Nam ở Băng-cốc ra được bản tin tiếng Anh **Vietnam News** gửi đi nhiều nước và gửi đến kiều bào ở các nơi trên thế giới.

Tuy nhiên trong khi làm được nhiều việc, cũng thấy có chỗ hình thức phô trương không cần thiết.

Các đồng chí đã lập ra một cơ quan gọi là “Ban liên lạc quốc tế của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”, có trụ sở công khai ở Băng-cốc, liên hệ rộng rãi, hoạt động sôi nổi. Báo chí phương Tây đã tung tin rằng đây là một thứ bàn giấy của “Cô-min-phooc”^[3] ở Đông Nam Á. Tôi đề nghị giải tán “Ban liên lạc quốc tế” này để lấy cán bộ tăng cường cho công tác đối ngoại và thông tin ở Băng-cốc và Răng-gun, đẩy mạnh hoạt động về thực chất, để tránh khỏi sự chú ý của Chính phủ phản động Thái-lan.

Nhìn vào cách ăn ở của cơ quan Phái đoàn Chính phủ ở Băng-cốc thấy rất luộm thuộm, chưa có thể thống của một cơ quan đại diện quốc gia. Nhân viên công tác thì đi đứng, ăn mặc rất tùy tiện. Tôi bàn với anh em thuê hẳn một biệt thự tương đối đàng hoàng để tách rời Phái đoàn Chính phủ ra khỏi chỗ làm việc của cơ quan thông tin, và xây dựng một nếp sống trong cơ quan vừa bình đẳng thân ái vừa nghiêm túc, mọi người phục vụ công tác với tinh thần cách mạng cao, trong tư thế của một cơ quan nhà nước có kỷ luật chặt chẽ. Anh em đã tìm được một ngôi nhà khá tốt ở phố Xả-thon, đủ nơi làm việc và ăn ở cho vài chục cán bộ, có sân, vườn rộng rãi và kín đáo, có bộ mặt là một cơ quan của phái đoàn Chính phủ. Nề nếp sinh hoạt và công tác

cũng được chỉnh đốn hơn trước.

Ở Răng-gun, cơ quan Phái viên quán của anh Trần Văn Luân còn lù xì hơn ở Băng-cốc. Có khi người ta mời Đại diện Chính phủ Việt Nam đi dự tiệc mà vợ chồng anh Luân phải thuê xe xích lô để đi. Muốn giữ thể diện, không để người ngoài thấy cảnh thiếu thốn của mình, các đồng chí phải xuống xe cách nơi dự tiệc khoảng nửa cây số rồi đi bộ tới.

Thật ra hồi này công quỹ của ta ở ngoài nước rất nghèo. Tiền bạc Việt kiều ủng hộ chỉ có hạn, tuy rằng kiều bào rất hăng hái đóng góp. Sự cung cấp của Chính phủ từ trong nước lại càng khó khăn. Nhưng chúng ta không thể giữ nguyên tình trạng lù xì như thế trong công tác ngoại giao. Tôi đề nghị Ban cán sự chuẩn y cho cơ quan Đại diện Chính phủ ta ở Răng-gun mua một chiếc ô tô nhỏ làm phương tiện đi lại trong khi hoạt động đối ngoại.

*

Khoảng cuối năm 1948 đầu năm 1949, Ban cán sự Trung ương triệu tập hội nghị cán bộ làm công tác đối ngoại ở các nơi về Băng-cốc để thảo luận một số vấn đề hoạt động ngoại giao và tuyên truyền. Anh Trần Văn Luân, Đại diện Chính phủ ở Răng-gun cũng về dự.

Trong hội nghị này anh em nêu ra nhiều vấn đề, và tôi cũng có dịp trình bày một số ý kiến về nguyên tắc hoạt động đối ngoại:

Vấn đề quan trọng hàng đầu trong hoạt động đối ngoại là phải giữ vững và thể hiện được đường lối và chính sách của Chính phủ ta. Trong sự quan hệ và tiếp xúc hàng ngày, người cán bộ công tác đối ngoại phải luôn luôn giữ nguyên tắc, chống mọi biểu hiện tự do cá nhân, thoát ly đường lối, chính sách của Chính phủ. Trong công tác đối ngoại mỗi hành động sai nguyên tắc đều có thể gây thiệt hại đến việc lớn của quốc gia ^[4].

Một số đồng chí thường băn khoăn về cách ăn mặc, nói năng, tiếp đãi phải như thế nào. Những điều đó đều phải chú ý, nhưng vấn đề căn bản là phải giữ được thể diện của quốc gia, không thể để cho người ta coi thường hoặc hiểu lầm về quốc gia mình. Vì vậy, có khi bề trong chúng ta hết sức tiết kiệm, dè sẻn, nhưng bề ngoài ta phải có cái bề thế của một cơ quan đại diện quốc gia, nhất là những người làm ngoại giao phải hết sức nghiêm túc và đứng đắn.

Cũng trong dịp này, tôi nói thêm về đường lối ngoại giao nhân dân. Bất cứ ở nước nào, công tác ngoại giao cũng cần tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân nước đó đối với cuộc kháng chiến chống đế quốc của dân tộc ta. Không chỉ cán bộ ngoại giao làm công tác ngoại giao, mà chính là phải vận động quần chúng Việt kiều tham gia công tác ngoại giao nhân dân. Đường lối ngoại giao nhân dân càng có ý nghĩa quyết định khi mà trên thế giới chưa có một nước nào chính thức công nhận chính phủ kháng chiến của ta. Cho đến năm 1948-1949 ngay cả Liên Xô và các nước Đông Âu cũng chưa thừa nhận chính phủ ta, còn Trung Quốc thì chưa giành được thắng lợi trong phạm vi cả nước.

Để phát triển công tác ngoại giao nhân dân, việc thông tin tuyên truyền ở Băng-cốc cũng được cải tiến một bước. Cuối năm 1948 ra thêm bản tin bằng tiếng Thái lấy tên là **Khào Việt Nam**, nghĩa là Tin Việt Nam, có nội dung tuyên truyền đúng mức, được các nhà chùa, các nhân sĩ Thái-lan mua nhiều. Năm 1949, các đồng chí dịch cuốn sách *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* ra tiếng Thái, vận động người Thái viết lời tựa và xuất bản, để giới thiệu lãnh tụ kính yêu của dân tộc ta với nhân dân Thái-lan. Nhìn chung mấy công việc đã giải quyết ở Băng-cốc đều có tính chất chinh đốn lề lối làm việc. Một mặt giữ vững cái thể hợp pháp và thể thống của cơ quan đối ngoại, mặt khác xây dựng một phong cách làm việc thận trọng chu

đáo trong hoàn cảnh phải luôn luôn cảnh giác, đối phó với thế lực phản động có thể khiêu khích hoặc phá hoại mình.

III. Chinh đồn công tác giúp đỡ cách mạng Lào, Miên

Việc giúp đỡ cách mạng Lào và Cam-pu-chia là một nhiệm vụ quan trọng của Ban cán sự Trung ương. Công tác này đã được Đặc ủy ở Đông Bắc và các đồng chí phụ trách ở Bắng-cốc tiến hành từ trước. Ngay khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Trung ương Đảng chỉ thị cho Đảng bộ Việt kiều ở Thái-lan tích cực chi viện mặt trận Lào và Cam-pu-chia từ phía tây. Các đồng chí đã thành lập ra “Ủy ban quân sự Mặt trận miền Tây” có anh Vũ Hữu Bình phụ trách về mặt quân sự, các anh Trần Văn Giàu, và Lê Hữu Quán phụ Trách về mặt chính trị, các anh Xô, Khanh, Cung v.v... làm ủy viên.

Từ năm 1946 đến năm 1948, các đồng chí đã phân bố Mặt trận miền Tây từ Thượng Lào xuống Tây Bắc Cam-pu-chia thành 5 đặc khu. Phần lớn cán bộ Việt kiều đổ dồn sang Mặt trận miền Tây. Tiền của kiều bào đóng góp hàng triệu bạc cũng chi dùng phần lớn cho Mặt trận miền Tây.

Đối với các vị thành viên trong Chính phủ Lào Ít-xa-la lưu vong sang Thái-lan, các đồng chí ta ở Bắng-cốc thường đi lại giúp đỡ cả về sinh hoạt lẫn chính trị. Nhưng khả năng giúp đỡ của ta rất có hạn, mà bọn gián điệp Pháp, Mỹ thì tung tiền ra lung lạc và lôi kéo một cách ráo riết làm cho những thành viên trong Chính phủ Lào dần dần bị phân hóa. Một số người không chịu nổi gian khổ, không nhìn thấy phương hướng kháng chiến lâu dài, đã lần lượt bỏ về Lào, như Cà-tây, Khăm-mão, Xu-va-na Phu-ma v.v... trong đó Cà-tây đã trở thành tay sai đắc lực cho Pháp chống lại kháng chiến. Chỉ còn Hoàng thân Xu-pha-nu-vông kiên trì đại nghĩa, nắm lực lượng cán bộ và quân chúng Lào ở Thái-lan, liên hệ mật thiết với anh em Việt Nam, có lúc có thác mắc, nhưng rồi bỏ qua và tiếp tục sự nghiệp kháng chiến đến cùng. Trong

khi đó ở các vùng Thượng, Trung và Hạ Lào đều có một số người tích cực chống Pháp, như Xi-thôn Cô-ma-dam, Xinh-ca-pô, Phu-mi Vông-vi-chít v.v... họ đều có sự liên hệ mật thiết với ta.

Về phía Cam-pu-chia, các đồng chí ta ở Băng-cốc đã liên hệ với một số người Khơ-me chống Pháp, bàn với họ lập ra ủy ban dân tộc giải phóng Cao Miên. Ủy ban này có lúc đã xây dựng được lực lượng đưa về đất Miên hoạt động ở vùng Biền Hồ, Bát-tăm-băng và vùng Tây Bắc Cam-pu-chia. Nhưng về sau trong nội bộ của họ mâu thuẫn nhau, mỗi người nắm một ít lực lượng, đánh lại nhau, một số trở thành người cướp bóc nhân dân.

Việt kiều ở Thái-lan cũng có một số đơn vị sang hoạt động trên đất Cam-pu-chia, anh em có khu căn cứ ở vùng núi Đăng-rếch, trên biên giới Cam-pu-chia –Thái-lan; đã tuyên truyền, vận động ở một số vùng có Việt kiều trên đất Cam-pu-chia, rồi đặt liên hệ với Ban cán sự Miên trực thuộc Ủy ban kháng chiến Nam bộ.

Khi tôi đến Băng-cốc thành lập Ban cán sự Trung ương thì các hoạt động của ta giúp đỡ kháng chiến Lào và Cam-pu-chia đang được xúc tiến. Có thể nói rằng sự cố gắng của cán bộ và kiều bào trong công tác này là rất lớn. Cuộc chiến đấu của các chiến sĩ Việt kiều trên Mặt trận miền Tây rất gian khổ và đầy tinh thần cách mạng. Tuy nhiên vấn đề tồn tại cũng còn khá nhiều.

Một hôm anh Quì cho tôi biết Hoàng thân Xu-pha-nu-vông muốn rời Băng-cốc đi nơi khác. Đây là một việc có ý nghĩa chính trị đột xuất. Hoàng thân Xu-pha-nu-vông vốn là người kiên quyết kháng chiến, liên hệ mật thiết với ta. Vì sao nay Hoàng thân lại muốn rời khỏi Băng-cốc mà đi?

Sau khi điều tra nghiên cứu, chúng tôi hiểu rằng việc này có liên quan đến một số hành động vô chính trị của anh em ta ở bên đất Lào. Việc đáng chú ý nhất là một đơn vị bộ đội ta ở Hạ Lào định tìm cách lấy súng của đơn vị bộ

đội người Lào, vì anh em suy nghĩ một cách giản đơn rằng súng ấy vào tay mình sẽ được sử dụng có hiệu quả hơn. Việc này đã gây ra lúng củng to. Nguyễn Đình Hin cho biết Hoàng thân Xu-pha-nu-vông bất bình trước những hành động như thế và giảm sút lòng tin đối với sự giúp đỡ của ta. Chúng tôi xác định rằng sự bất bình có Hoàng thân Xu-pha-nu-vông là có thể hiểu được, và bản chất của Hoàng thân không giống với những người đã bỏ cuộc trở về đất Lào trước đây. Điều đáng ngại là có một lực lượng nào đó đang lôi kéo ông, hoặc ông đang đi tìm một lực lượng nào giúp đỡ dân tộc Lào thay cho sự giúp đỡ của Việt Nam. Lực lượng này có thể là nhóm người Thái tự do vốn có quyền lợi liên quan đến vùng dân tộc Lào trên đất Thái-lan. Có thể xấu hơn nữa là bọn Mỹ đang muốn nắm những con bài để nhúng tay vào Đông Dương. Vô luận thế nào, việc tranh thủ lại lòng tin của Hoàng thân Xu-pha-nu-vông là rất cần thiết.

Tôi bàn với anh Quì phải gặp Hoàng thân ngay, tổ chức một bữa cơm thân mật như là để tiễn đưa, những phải nói rõ được hai vấn đề: Trước hết anh Quì thay mặt anh em Việt Nam ở đây chân thành thừa nhận với Hoàng thân rằng việc làm của đơn vị bộ đội tình nguyện ở Hạ Lào vừa rồi là sai lầm rất đáng tiếc, chúng tôi đã nghiêm khắc phê phán những người làm sai và đặt thành vấn đề phải trả lại số vũ khí đó.

Khi đã nói rõ được thái độ chân thành tự phê bình của ta rồi, còn làm cho Hoàng thân hiểu rằng chúng ta sẵn sàng giúp đỡ ông trong chuyến đi này, đồng thời phân tích rõ những người đang mời Hoàng thân đi với họ không phải là có thiện chí với nhân dân Lào và cuộc kháng chiến giành độc lập của Lào đâu. Ngày nay hai dân tộc Việt-Lào cùng chung một kẻ thù xâm lược là đế quốc Pháp cho nên có sự hợp tác chiến đấu Lào-Việt là đáng tin cậy hơn hết. Trong quá trình hợp tác chiến đấu, cán bộ cấp dưới có lúc phạm sai lầm, nhưng đường lối chính sách của Hồ Chí Minh và Chính phủ Việt Nam

chúng tôi là hết sức chân thành, có thủy, có chung. Trong lúc này Hoàng thân tạm ra đi, chúng tôi thu xếp mua vé máy bay và phái một cán bộ cùng đi với Hoàng thân; sau này nếu gặp khó khăn xin Hoàng thân cứ trở lại để cùng nhau lo toan sự nghiệp lớn của hai dân tộc Lào- Việt.

Hoàng thân Xu-pha-nu-vông đi Mường-lơi một thời gian liên hệ và tìm hiểu thì thấy rõ những người mời Hoàng thân không phải là người thật lòng vì cách mạng Lào, nên lại quay về Băng-cốc tiếp tục liên hệ với ta, tổ chức lực lượng kháng chiến Lào. Ít lâu sau, ông trở về Lào, hợp tác chặt chẽ với cán bộ Việt Nam và các đồng chí Lào xây dựng quân đội Pa-thét Lào đẩy mạnh cuộc kháng chiến Lào đến thắng lợi.

Từ một số vấn đề trước mắt, như việc Hoàng thân Xu-pha-nu-vông ra đi, tôi tìm hiểu sâu thêm toàn bộ công tác giúp đỡ cách mạng Lào, Miên. Tôi gặp nhiều đồng chí cán bộ phụ trách các đặc khu, nghe anh em báo cáo tình hình, nêu ra những khó khăn, vướng mắc cần giải quyết. Cuối năm 1948, Ban cán sự Trung ương họp hội nghị cán bộ Mặt trận miền Tây, xác định những ưu khuyết điểm trong công tác giúp đỡ cách mạng Lào, Miên.

Hội nghị đánh giá cao những cố gắng lớn lao của cán bộ, chiến sĩ Việt kiều trên các đặc khu đã chịu đựng gian khổ, hy sinh phấn đấu vì lợi ích của cách mạng Lào, Miên cũng như vì lợi ích của cách mạng Việt Nam. Mặt khác hội nghị đã tổng kết ra một số vấn đề tồn tại như:

- Ý thức về việc giúp đỡ dân tộc bạn chưa thật chính xác. Tuy nói là “giúp”, nhưng thật ra thì nặng về công việc của Việt Nam nhiều hơn. Các đồng chí còn sao nhãng việc vận động, tổ chức quần chúng, lập căn cứ địa, huấn luyện bộ đội, cán bộ cho bạn.

- Nặng quân sự, nhẹ chính trị. Việc tuyên truyền quần chúng tuy có làm, nhưng thực chất là bộ đội đi làm công tác dân vận để có chỗ bao dung cho mình đánh giặc, chứ chưa đặt thành một nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng cơ sở cách mạng trong nhân dân Lào và Khor-me.
- Chủ trương “tả” và máy móc. Nhiều việc làm ở Việt Nam được anh em mang sang áp dụng ở Lào và Cam-pu-chia một cách cứng nhắc, như tổ chức “Ủy ban nhân dân”, dịch chương trình điều lệ Việt Minh để huấn luyện cho người Lào và Khor-me.
- Vụng về trong việc đối đãi với cán bộ bạn. Có đồng chí đem chương trình huấn luyện về chủ nghĩa cộng sản để lên lớp cho cán bộ người Khor-me mà không phân biệt đối tượng nào là thích hợp. Một số người học tập xong thì hoài nghi và xa dân ta.

Sau khi báo cáo về Trung ương những nhận xét tổng quát nói trên, tôi bắt tay vào nghiên cứu một đường lối chung cho công tác giúp đỡ cách mạng Lào, Miên. Đầu năm 1949, tôi tập trung thời gian để viết bản “Đề cương công tác Lào, Miên”, với tinh thần là không những chỉ phổ biến trong cán bộ Việt Nam công tác ở Lào, Miên xem, mà còn phải để cho cán bộ chủ chốt của Lào, Miên cùng xem để phối hợp làm việc với nhau cho thật tốt.

Tháng hai năm 1949, Bản đề cương được đem ra hội nghị Ban cán sự Trung ương mở rộng để thảo luận, bổ sung thêm ý kiến. Hội nghị này có nhiều cán bộ chủ chốt của Mặt trận miền Tây tham dự. Anh em đều nhất trí tán thành bản “Đề cương công tác Lào, Miên”, và coi đó là một tài liệu về đường lối, dùng để phê bình cho cán bộ, chiến sĩ đang công tác trên các đặc khu ở Tây Lào và Tây Bắc Cam-pu-chia. Đề cương có mấy phần chủ yếu như sau:

Phần thứ nhất, kiểm điểm “Ba năm công tác Lào, Miên” (1946, 1947,

1948), đã đánh giá tổng quát:

“Chúng ta tuy giúp được Lào, Miên gây chính quyền, gây phong trào cách mạng và tổ chức kháng chiến, nhưng Lào, Miên vẫn chưa có một cơ sở nhân dân to rộng; cơ quan hành chính kháng chiến Lào, Miên còn yếu; lực lượng vũ trang nhân dân Lào, Miên chưa có; bộ đội chủ lực Lào, Miên vẫn chưa thành. Nói tóm lại là cơ sở kháng chiến Lào, Miên chưa vững.

“Chúng ta tuy đã mở mặt trận Lào, Miên làm cho Pháp bối rối, nhưng chúng ta vẫn chưa cản hẳn được chúng. Chúng vẫn còn dùng được các phương tiện ở Lào, Miên để đánh ta, vẫn còn dùng một số tài nguyên và hàng hóa của ta cung cấp cho bộ máy thống trị của chúng ở Lào, Miên để phá hoại cuộc vận động giải phóng Lào, Miên.

“Chúng ta tuy đã gây được thiện cảm giữa Lào-Miên-Việt, nhưng trong một đôi hành động vụng về, chúng ta đã làm cho nội bộ Lào, Miên lung củng, làm cho những phần tử có ý phá hoại bám lấy để hòng chia rẽ Việt Nam với Lào, Miên.

“Những khuyết điểm ấy bởi đâu sinh ra?

“Có thể nói là vì chúng ta chưa nhận rõ tính chất và đặc điểm cách mạng Lào, Miên, chưa có thái độ đúng trong việc giúp đỡ Lào, Miên, chưa nắm được công tác chính của Lào, Miên.

Phần thứ hai, nói về tính chất và đặc điểm cách mạng Lào, Miên có đoạn phân tích như sau:

“Nhìn bao quát ta thấy rằng Lào, Miên đang ở một mức tiến hóa thấp hơn Việt Nam...

“Bởi vậy, cách mạng Lào, Miên không thể là cách mạng xã hội hay cách mạng tân dân chủ, mà chỉ là cách mạng dân tộc giải phóng.

“Cách mạng Việt Nam cũng là cách mạng dân tộc giải phóng, nhưng vì tình hình kinh tế, chính trị và xã hội của Việt Nam đã cao hơn, nên khẩu hiệu

cách mạng Việt Nam là độc lập và dân chủ đi đôi. Còn khẩu hiệu Lào, Miên thì chỉ độc lập và dân chủ. Để thực hiện mục đích độc lập, Lào miên, phải đoàn kết toàn dân, phải không phân biệt phong kiến hay tư bản, không phân biệt giàu, nghèo, không phân biệt người có tư tưởng cấp tiến hay chưa có tư tưởng cấp tiến, miễn là thật lòng đánh Pháp giành độc lập là phải gắn bó nhau lại thành một khối thống nhất, cùng nhau kháng chiến.

“Nhưng nói thế không phải là cách mạng Lào, Miên sẽ mang lại kết quả “độc tài”. Chúng ta phải biết rằng, mặc dù cách mạng Lào, Miên còn thấp kém, còn non, nhưng đã là cách mạng thì dù muốn hay không muốn, thực sự cũng là đứng về mặt trận dân chủ thế giới. Hơn nữa là trong quá trình cách mạng mọi việc đều phải nhờ vào dân, cái ý thức dân chủ sẽ nảy ra trong đầu óc nhân dân cũng như trong đầu óc người lãnh đạo. Nội dung dân chủ đã có đầy đủ, thì hình thức dân chủ sẽ ứng thời mà ra. Chế độ quân chủ lập hiến, hình thức Ủy ban dân tộc giải phóng là những cái bao hàm tính chất dân chủ một phần nào, mà còn tiến bộ dần, tiến bộ nữa. Trong giai đoạn hiện thời, miễn cưỡng đưa khẩu hiệu dân chủ ra là có hại cho sự đoàn kết dân tộc của Lào, Miên, có lợi cho địch...”

Nói về đặc điểm cách mạng Lào, Miên, bản đề cương nêu lên ba điều mâu thuẫn trong quá trình phát triển vượt bậc của cuộc kháng chiến của hai dân tộc bạn:

1. Chưa có cơ sở nhân dân mà đã có chính quyền...
2. Chưa có bộ đội cách mạng mà đã phải đấu tranh quân sự...
3. Bộ máy lãnh đạo yếu...

“Như vậy, cách mạng Lào, Miên ngày nay tuy là ở giai đoạn cao nhưng phải chú trọng lắm những công tác của giai đoạn thấp là gây dựng cơ sở quần chúng, gây dựng căn cứ địa.”

Phần thứ ba, nói về phương châm giúp đỡ cách mạng Lào, Miên gồm bốn điểm chính:

“a. Không đứng trên lợi ích Việt Nam mà làm công tác Lào, Miên... Chúng ta là một dân tộc bị xâm lăng, là một dân tộc cách mạng, trong việc giúp Lào, Miên, chúng ta phải hoàn toàn đứng trên lập trường lợi ích của Lào, Miên... Việc bộ đội đánh Xiêm-riệp rồi kéo cả về Nam, việc Quảng Trị mượn súng Lào mà trả chậm trễ, việc lấy bộ đội của ông Xi-thôn đưa về Khu V, đều là những việc cầu thả trái với lập trường “không đứng trên lợi ích Việt Nam mà làm việc Lào, Miên”.

“b. Nắm chắc nguyên tắc dân tộc tự quyết... dân tộc tự quyết là một nguyên tắc căn bản để giải quyết vấn đề giữa hai dân tộc cũ quan hệ với nhau. Một chủ trương gì có quan hệ đến vận mệnh dân tộc Lào, Miên thì phải do Lào, Miên tự quyết định lấy. Thí dụ Lào, Miên sau này sẽ cùng với Việt Nam thành lập một liên bang Đông Dương hay tự mình lập riêng một nước độc lập... là những vấn đề chúng ta tuyệt đối không thể đặt ra một cách miễn cưỡng. Nhưng một người chân chính cách mạng Lào, Miên tuyệt đối không phải là người chỉ đánh Pháp mà lại cừu thị với Việt Nam...

“c. Không đem chủ trương Việt Nam ứng dụng vào Lào, Miên như lắp máy... Để tránh khỏi bệnh lắp máy, chúng ta phải điều tra nghiên cứu tình hình kinh tế, chính trị, xã hội Lào, Miên thật kỹ càng. Với cán bộ Lào, Miên gần gũi ta, chúng ta phải hiểu biết thật rõ... Bây giờ hỏi chính sách dịch ở Lào, Miên thế nào? Sinh hoạt của các tầng lớp nhân dân Lào, Miên thế nào? Tự hỏi rồi tự trả lời thì thấy rằng chúng ta đối với Lào, Miên còn xa lạ lắm.

Đã xa lạ như vậy, thì chủ trương đưa ra làm sao mà thích hợp, làm sao mà tránh khỏi được cái bệnh lấp máy.

“d. Giúp đỡ tiến tới cách mạng Lào, Miên tự làm lấy được.

“Cách mạng không phải là một món hàng nhập cảnh, mà là cái kết quả của sự giác ngộ và sức đấu tranh của quảng đại nhân dân. Cách mạng Lào, Miên là việc của nhân dân Lào, Miên. Nếu nhân dân Lào, Miên không giác ngộ, cán bộ Lào, Miên không biết làm việc thì dù Việt Nam có đem đại bộ phận lực lượng đến cũng không thể giải quyết được. Để tiến tới Lào, Miên có thể tự làm lấy được, chúng ta cần tuyệt đối tránh bệnh bao biện là cái bệnh sinh ra từ chỗ không biết dùng người đến chỗ không dám tin người... Bất kể một công việc gì chúng ta cũng phải tìm cách gần gũi cán bộ Lào, Miên và lôi kéo cán bộ Lào, Miên gần gũi chúng ta, chịu khó bày vẽ, dìu dắt họ, đưa họ từ chỗ dễ đến chỗ khó, từ việc nhỏ đến việc to, từ chỗ thực tế tỉ mỉ đến chỗ lý luận cao xa. Như vậy là họ sẽ làm được việc, họ sẽ thành nhân tài, như vậy thì việc giúp đỡ Lào, Miên mới thật là có thể đạt đến mục đích”.

Phần thứ tư, nói về “Nhiệm vụ cần kíp của Lào, Miên ngày nay: Xây dựng và củng cố căn cứ địa”.

“Tuy tốn biết bao nhiêu công của, nhưng lực lượng kháng chiến Lào, Miên hiện nay còn yếu. Về chính trị và kinh tế thì nói chung là đương bị địch kiểm soát. Về nhân dân thì tản mạn, chưa có tổ chức. Về quân sự thì chỉ có vài ba đơn vị đi phiêu lưu chiến đấu, cơm gạo phải mang từ nơi xa đến ăn, cán bộ và bộ đội lúc bị thương thì phải đi nước ngoài. Cơ quan chỉ đạo kháng chiến như Chính phủ Lào còn phải lưu vong. Ủy ban dân tộc giải phóng Miên thì lũng củng, không có tác dụng thật sự.

“Trước tình trạng này cố nhiên chúng ta phải chú trọng tổ chức nhân dân, nhưng không phải tổ chức nhân dân như trong hồi bí mật, cũng không phải chỉ lo lập chính quyền, mà lại càng không phải chỉ có tác chiến. Chúng ta

phải chú ý cả ba mặt tổ chức (tổ chức nhân dân, xây dựng chính quyền, xây dựng bộ đội đánh giặc). Ba mặt công tác ấy cộng lại là thành căn cứ địa.

“Không có căn cứ địa, đội quân phiêu lưu cứ phiêu lưu, sẽ hao mòn, sẽ rời rã.

“Không có căn cứ địa, chính quyền cách mạng không thể tồn tại.

“Không có căn cứ địa thì không thể kháng chiến...”

Trong phần này có một tiểu mục nói về việc xây dựng chính đảng ở Lào, Miên:

“... bộ máy chính quyền phải làm việc chính quyền, quân đội phải chuyên tâm về quân sự; chỉ có chính đảng mới đi sâu vào nhân dân được, thật sự giác ngộ và động viên được nhân dân... Chính đảng là một đoàn thể gồm những phần tử giác ngộ hơn hết, kiên quyết hy sinh hơn hết. Nếu tổ chức quần chúng là một cái quả thì chính đảng là cái hạt, nếu tổ chức quần chúng là một đội quân thì chính đảng là bộ tham mưu không thể thiếu được.

“... Tính chất cách mạng Lào, Miên là độc lập, thì chính đảng mà Lào, Miên cần có cũng là một đảng độc lập, chứ không phải là đảng dân chủ như một số cán bộ Lào đã chủ trương, cũng không phải là đảng xã hội như một số cán bộ Miên đã chủ trương.

Đề cương công tác Lào, Miên được Hội nghị cán bộ công tác Lào, Miên thông qua. Và sau đó được gửi về báo cáo Trung ương và được phổ biến rộng rãi trong cán bộ và chiến sĩ Việt kiều trên chiến trường Lào, Miên. Nhờ đó mà công tác giúp đỡ Lào, Miên được chuyển biến và phát triển mạnh hơn trước. Còn các đồng chí Lào, Miên khi được đọc Bản đề cương thì rất phấn khởi vì thấy rõ Việt Nam giúp Lào, Miên là vì lợi ích của Lào, Miên, chứ không phải vì lợi ích của Việt Nam.

Tháng 10-1949, Trung ương điện ra Băng-cốc chỉ định tôi phụ trách đoàn đại biểu Công đoàn Việt Nam tham gia Hội nghị Công đoàn Á-Úc họp ở

Bắc Kinh vào khoảng cuối năm 1949. Tôi chuẩn bị lên đường đi Bắc Kinh ngay. Cùng đi với tôi có anh Bùi Các là một người giỏi tiếng Anh, tiếng Pháp và rất thạo về việc giao thiệp trong lúc đi đường. Có thể nói, chuyến đi này nếu không có anh thì không thể đi đến nơi, đến chốn.

^[1]lúc này nước Xiêm đã đổi tên là nước Thái

^[2]nông trường Việt Nam

^[3]Cục thông tin Cộng sản quốc tế

^[4]hồi này Đảng ta chưa ra hoạt động công khai, nên khi trình bày các vấn đề trong hội nghị rộng rãi có cán bộ ngoại Đảng, tôi không nói gì về Đảng

Hoàng Văn Hoan

Giọt nước trong biển cả

Phần 5: Nhiệm vụ mới - chinh đốn một số công tác ở hải ngoại
(1948-1949)

P5 - Chương 4

IV. Giải quyết một số vấn đề trên đường đi Bắc Kinh

Đi từ Thái-lan qua Trung Quốc, thông thường là đi tàu biển từ Băng-cốc sang Hương Cảng, rồi đi xe hỏa vào nội địa Trung Quốc. Nhưng lúc này Trung Quốc mới giải phóng, vùng Hoa Nam chưa thật yên ổn, mà Hương Cảng lại là địa bàn thống trị của Anh, đi qua đó có thể xảy ra những chuyện không hay. Chúng tôi quyết định đi đường qua Miến Điện, Ấn Độ, rồi đến

Tiệp và Liên Xô là những nước có cảm tình với cách mạng Việt Nam. Hơn nữa, ở Tiệp còn có một số cán bộ Việt Nam phụ trách công tác Công đoàn và công tác sinh viên ở đó, cũng cần phải đi qua tìm hiểu cụ thể thì việc chỉ đạo mới sát được. Cách tính toán như vậy cơ bản là đúng, nhưng thực tế trên đường đi thì không giản đơn.

Trước khi ra đi, chúng tôi có đánh điện cho đồng chí Lê Đức Chinh, đại biểu thường trú của Công đoàn Việt Nam ở Tiệp, đồng thời điện cho đồng chí Lu-y Xây-giăng, Chủ tịch Công đoàn thế giới từ Pháp qua Tiệp biết rõ tôi là Trưởng đoàn, một người nữa là thư ký Đoàn đại biểu Công đoàn Việt Nam, và nhờ đồng chí làm thủ tục nhập cảnh Tiệp, Liên Xô và Trung Quốc.

Chúng tôi rời Băng-cốc sớm qua Răng-gun để chờ tin trả lời của anh em ở Tiệp về việc nhờ đồng chí Lu-y Xây-giăng xin chứng nhận quá cảnh. Trong thời gian chờ đợi, tôi mở những buổi nói chuyện chung với anh em ta ở Răng-gun. Nội dung nói chuyện cũng như tinh thần đã nói với anh em ở Thái-lan. Chờ độ hai mươi ngày thì được điện trả lời từ Pra-ha^[1] : “Visa prôt Bombay”, nghĩa là việc chứng nhận nhập cảnh đã sẵn sàng ở Bom-bay^[2] .

Chúng tôi lập tức lên đường đi Bom-bay, đến Lãnh sự quán Tiệp ở đó, hỏi về việc chứng thực nhập cảnh, thì Lãnh sự quán trả lời rằng, chúng tôi không được Chính phủ chỉ thị gì hết về việc này. Thế là chúng tôi phải đưa cho ông Lãnh sự Tiệp 50 rúp-pi^[3] để nhờ ông đánh điện về hỏi. Không lâu, chúng tôi nhận được chứng nhận của Tiệp cho nhập cảnh. Nhưng liên hệ với các hãng máy bay, chúng tôi được biết rằng, muốn đi Tiệp, chẳng những phải có chứng nhận nhập cảnh của Tiệp, mà còn phải có chứng nhận quá cảnh của những nước mà máy bay phải bay qua nữa thì hãng máy bay mới bán vé. Thế là chúng tôi phải đến Lãnh sự quán Ý, Lãnh sự quán Thụy Sĩ, Lãnh sự quán I-rắc để xin chứng nhận. Họ đều trả lời là không có quan hệ ngoại giao với Việt Nam, nên không thể cho chứng nhận. Chúng tôi nghĩ tình hình như

thế này, nếu cứ ở Bom-bay mãi cũng không giải quyết vấn đề, chi bằng đi qua Pa-ki-xtan, may ra có thể xin được chứng nhận của các nước đi qua chẳng, bằng không thì lúc gặp khó khăn có thể nhờ ông Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, hoặc ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ giúp, vì hai ông này có cảm tình rất tốt với Việt Nam và đã thật sự giúp một số cán bộ Việt Nam trong một số trường hợp hoạt động cho cách mạng.

Chúng tôi liền đi Ca-ra-si, một thành phố lớn của Pa-ki-xtan. Ở đây chúng tôi được ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ tiếp rất thân mật, ký giấy gia hạn cho ở Ca-ra-si ba tháng, và nói nếu có gặp việc gì khó khăn, thì cứ nói thật, ông ấy sẽ hết sức giúp theo khả năng. Ở đây cũng như ở Bom-bay, chúng tôi vẫn phải qua lại các hãng máy bay để tìm hiểu. Các nhân viên trong Công ty hàng không Pa-ki-xtan biết chúng tôi là người Việt Nam đi dự Hội nghị Công đoàn Á-Úc nên hết sức tìm cách giúp đỡ. Một hôm người phụ trách sân bay báo cho biết rằng có một chiếc máy bay Anh đi Tiệp, khi qua Rôm^[4] chỉ dừng ở sân bay một giờ để lấy xăng rồi bay luôn. Như vậy hành khách chỉ phải ngồi đợi ngay ở sân bay mấy chục phút, nên không phải lấy chứng nhận quá cảnh. Các ông nên tranh thủ mua vé đi chuyển máy bay này, tuy tiền vé khá đắt nhưng có thể đến Tiệp ngay trong ngày. Nghe nói chúng tôi rất mừng và mua vé ngay. Thế là ngày hôm sau chúng tôi lên máy bay đi Tiệp. Khi đến Pra-ha thì đã thấy anh Chính đại biểu Công đoàn Việt Nam và anh Hướng đại biểu sinh viên Việt Nam ở Tiệp đứng đón sẵn ở chỗ đón khách.

*

Đến Pra-ha, chúng tôi ở một khách sạn hạng vừa, liên hệ với anh Chính và

anh Hướng được biết rằng, đồng chí Lu-y Xây-giăng và hai anh cán bộ ta từ Bắg-cốc đến đã cùng đi Bắc Kinh rồi, còn chứng thực quá cảnh Liên Xô của chúng tôi thì đã xin ở Sứ quán Liên Xô. Anh Bùi Các đến ngay Sứ quán Liên Xô hỏi về chuyện chứng thực, lúc đầu Sứ quán nói không có, nhưng anh Các nói quả quyết là đồng chí Lu-y Xây-giăng thông báo cho biết là đã xin chứng thực ở đây xong xuôi. Sứ quán Liên Xô nghe nói liền nhận lời sẽ tìm lục, và ba ngày sau thì cho biết là đã tìm được chứng thực của anh Các mà không có chứng thực của tôi. Anh Các nói đã có thì phải có cả hai người, vì anh chỉ là thư ký đoàn, còn một người nữa là đồng chí Hoan mới là Trưởng đoàn. Sứ quán Liên Xô lại nhận lời tìm lục thêm.

Trong khi chờ đợi chứng thực, chúng tôi được anh Chính báo cáo cho biết là Lê Hy bị Liên Xô đuổi qua đây, được Trần Ngọc Danh bảo đảm hiện còn ở Pra-ha. Trần Ngọc Danh là người đã tuyên bố giải tán Phái đoàn nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Pháp, và được Trung ương Đảng Pháp giới thiệu qua Tiệp hình như để lập một cơ quan đại diện Chính phủ ở đây. Đương cục Tiệp đã cho một cái nhà đảng hoàng và có đủ tiện nghi. Vợ anh Danh là Thái Thị Liên hiện đang học trường âm nhạc Tiệp.

Chúng tôi còn hỏi thêm về hoạt động của anh Danh, được biết là anh Danh có hoạt động chống Đảng rất tích cực.

Danh là em ruột của Trần Phú, giác ngộ cách mạng sớm, được giới thiệu đi học ở trường Đông Phương đại học Liên Xô. Anh ta học lý luận nhiều, nhưng tiêu hoá không tốt vì không có thực tế. Anh ta thấy sau Cách mạng Tháng Tám, Đảng không thủ tiêu giai cấp tư sản và địa chủ, không tuyên bố làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, mà lại gần gũi với các nước như Ấn Độ, Miến Điện, Pa-ki-xtan và In-đô-nê-xi-a là những nước tư bản, thì anh ta cho là Đảng hữu khuynh. Anh ta đã viết thư cho một số đảng nói đường lối của Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng là không đúng. Trong khi đó, chị Hồ Thị

Minh là một nữ thanh niên miền Nam được cử sang Pháp học, đã hỏi vặn rằng, nếu nói Đảng là không đúng thì làm sao mà Đảng lại đưa Cách mạng Tháng Tám đến thành công và vận động toàn dân đứng dậy chống Pháp? Danh không trả lời được câu nào, nhưng cứ phổ biến tư tưởng chống Đảng trong đám cán bộ công tác ở Tiệp. Trong số cán bộ bị tuyên truyền đó có anh Chính và anh Hướng là không tin nhưng không đủ lý luận để bác lại. Hai anh này ở Pra-ha, còn các người khác thì đã cùng đồng chí Xây-giăng đến Bắc Kinh để dự Hội nghị Công đoàn Á-Úc.

Đây là một tình hình rất nghiêm trọng, tôi thấy cần phải được giải quyết gấp rút. Tôi phải nói chuyện với anh Chính và anh Hướng hai buổi, giúp các anh ấy có đủ nhận thức để chống lại lý thuyết của Danh. Sau đó tôi gặp đồng chí phụ trách Tân Hoa xã ở Pra-ha nói chuyện về tình hình khó khăn trong lúc đi đường, nhờ đồng chí đánh điện về Bắc Kinh báo cáo với Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc biết là có thể tôi không kịp đến dự Hội nghị Công đoàn Á-Úc, đồng thời tôi nói cho đồng chí hiểu tình hình tư tưởng của cán bộ Việt Nam ở Pra-ha, và mượn đồng chí một số tài liệu của Đảng Cộng sản Trung Quốc như những bài nói chuyện trong thời kỳ chống Nhật của đồng chí Mao Trạch Đông, của đồng chí Lục Định Nhất để làm tài liệu tham khảo thuyết phục những lệch lạc của cán bộ Việt Nam đang công tác tại Pra-ha trong lúc đó. Đồng chí rất nhiệt tình giúp đỡ, tìm lục cho kỳ được những tài liệu đó rồi đưa cho tôi.

Sau khi xem xong tài liệu, tôi và anh Các đến chỗ ở của Danh để nói chuyện. Tôi trực tiếp phê bình Danh về việc tuyên bố giải tán cơ quan Phái đoàn là một việc làm sai nguyên tắc. Danh biện hộ rằng, lúc đó Pháp cho người khiêu khích, thậm chí cho bọn côn đồ lái xe để đâm vào xe của Phái đoàn. Tôi nói, cũng có thể như thế, nhưng cơ quan Phái đoàn là của Nhà nước, mà người phụ trách cơ quan là người do Nhà nước bổ nhiệm. Người phụ trách

dù nguy hiểm đến mấy cũng không có quyền quyết định giải tán một cơ quan của Nhà nước. Hơn nữa, nếu người phụ trách này thôi việc, thì Nhà nước còn có thể bổ nhiệm người khác đến thay, chứ nếu tuyên bố giải tán Phái đoàn thì Nhà nước muốn bổ nhiệm người khác đến thay cũng được. Nếu nói rằng Pháp muốn gây khó khăn đối với Phái đoàn, mà anh lại tuyên bố giải tán Phái đoàn, thì như vậy là âm mưu của thực dân Pháp đã thực hiện được một cách dễ dãi. Trước sự giải thích đó, Danh đã biết đuối lý nhưng vẫn nói quanh co không chịu nhận sai lầm. Trong dịp này tôi cũng phê bình Lê Hy, nhưng Lê Hy cứ ngồi im không nói gì, không thừa nhận mà cũng không biện hộ. Cuối cùng tôi nói, cả hai anh đều rời nước đã khá lâu, nay nên về nước để báo cáo công tác với Chính phủ và nhận nhiệm vụ mới. Lê Hy vẫn không nói gì. Còn Danh thì nói rằng tôi đang có bệnh, thầy thuốc khuyên không nên đi máy bay và đi tàu. Tôi hiểu ý là Danh vì có sự giới thiệu của Trung ương Đảng Pháp, được Đảng Tiếp đãi đặc biệt, nên muốn ở lại Tiếp chứ không muốn về nước.

Vấn đề Trần Ngọc Danh và Lê Hy ở Pra-ha bước đầu chỉ giải quyết được đến đó, còn phải báo cáo với Trung ương mới giải quyết được triệt để ^[5]. Tuy vậy, đối với hai anh Chính và Hướng thì lại là một thu hoạch lớn. Anh Chính đã nói: Trước kia nghe Trần Ngọc Danh nói, chúng tôi vẫn cho là không đúng, nhưng không đủ lý luận để chống lại. Nay được nghe anh phê bình và giải thích cả về mặt lý luận và mặt thực tiễn, chúng tôi đã nắm chắc vấn đề. Bây giờ thì chúng tôi có đủ sức để chống lại những chủ trương sai trái của Trần Ngọc Danh. Chúng tôi vẫn hết sức tin tưởng chủ trương của Trung ương và của Hồ Chủ tịch là hoàn toàn đúng.

Sau mấy hôm làm việc với các anh Chính, Hướng và phê phán xong Danh, Hy, thì sứ quán Liên Xô ở Pra-ha cũng tìm ra được cả giấy chứng nhận nhập cảnh của anh Các và của tôi. Nhưng thời gian chứng nhận chỉ còn sáu ngày

nữa là hết hạn. Chúng tôi phải gấp rút rời Pra-ha đi Mạc Tư Khoa để tranh thủ đến Bắc Kinh càng sớm càng tốt.

Hoàng Văn Hoan

Giọt nước trong biển cả

Phần 6: Những năm tháng là đại biểu Chính phủ và đại biểu Trung ương Đảng tại Trung Quốc (1950-1957)

P6 - Chương 1 & 2

Ngày 25 tháng 12 năm 1949, tôi và anh Bùi Các đi xe hỏa rời Pra-ha, Thủ đô Tiệp Khắc, hai ngày hôm sau thì đến Mạc Tư Khoa. Chúng tôi tìm một khách sạn nhỏ thuê một phòng ngủ nhỏ để đỡ tốn tiền. Khách sạn biết chúng tôi là khách nghèo nhưng tiếp đãi rất tốt và xếp cho một cái phòng ngủ hai người, tính mỗi ngày 25 rúp. Xếp đặt chỗ nghỉ xong, chúng tôi liền đi đến Sứ quán Trung Quốc làm thủ tục nhập cảnh để gấp rút lên đường đi Bắc Kinh.

Lại một việc bất ngờ. Sứ quán Trung Quốc nói, cách đây độ một tháng có mấy người Việt Nam cùng đi với đồng chí Lu-y Xây-giăng qua đây cũng làm thủ tục nhập cảnh Trung Quốc để họp Hội nghị Công đoàn Á-Úc, lúc qua đây các đồng chí đó đều nói là sẽ còn có bạn Việt Nam đến sau. Tôi nói, chính tôi là người được ủy nhiệm làm Trưởng đoàn đại biểu Công đoàn Việt Nam, còn người đi cùng với tôi là thư ký của Đoàn đại biểu. Chúng tôi đều đi từ Thái-lan đến, nhưng vì khi qua Ấn Độ và Pa-ki-xtan bị mắc kẹt nên bây giờ mới đến được Mạc Tư Khoa. Sứ quán nói, Hội nghị Công đoàn Á-Úc đã họp xong rồi, mà chúng tôi cũng không được chỉ thị gì của Chính phủ về việc này. Như vậy, nguyên tắc là chúng tôi không thể cấp chứng thực cho

các bạn nhập cảnh.

Tôi nói, đã đành nguyên tắc là như vậy, nhưng chúng tôi là người Việt Nam, đi qua các nước tư bản gặp rất nhiều khó khăn nên đến chậm, nay lại phải trở lại qua các nước đó, thì chúng tôi càng gặp rất nhiều khó khăn. Hơn nữa là chúng nhận quá cảnh Liên Xô của chúng tôi cũng chỉ còn bốn ngày nữa là hết hạn. Nếu các đồng chí không thể cho chúng nhận nhập cảnh, thì chúng tôi đề nghị các đồng chí cho chúng nhận quá cảnh để chúng tôi có thể đi qua Trung Quốc về Việt Nam. Lúc qua Bắc Kinh, chúng tôi sẽ trình bày với Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Chúng tôi tin chắc rằng, về việc chúng tôi đi dự Hội nghị Công đoàn Á-Úc, Trung ương Đảng chúng tôi đã có thông tri cho Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc biết rồi. Nghe nói có lý, Sứ quán Trung Quốc bằng lòng cấp giấy chứng nhận quá cảnh.

Sau khi được giấy chứng nhận, chúng tôi liền mua vé xe hỏa đi Bắc Kinh.

Ngày 31 tháng 12 năm 1949, chúng tôi đến Mãn Châu Lý, ga xe lửa đầu tiên ở biên giới Trung-Xô trên đất Trung Quốc. Ở đây, chúng tôi được xếp ngay ở Ngoại sự xứ Trung Quốc và được tiếp đãi rất thân mật. Ngày 1 tháng giêng năm 1950, chúng tôi được Ngoại sự xứ xếp cho đủ mọi phương tiện và phái một đồng chí Giải phóng quân đưa chúng tôi về Bắc Kinh đến thẳng Bộ Ngoại giao. Khi đến Bộ Ngoại giao thì thấy mấy anh trước đây cùng đi với đồng chí Lu-y Xây-giăng từ Tiệp Khắc đến Bắc Kinh họp Công đoàn Á-Úc đã ngồi chờ sẵn ở đó. Chuyện trò một lúc về việc trắc trở trên đường đi và nghe các anh thuật lại tình hình Hội nghị Công đoàn Á-Úc, Bộ Ngoại giao xếp tôi và anh Bùi Các đi ở sở chiêu đãi của Bộ ở Lang Phòng Đầu Điều để chờ ý kiến giải quyết của Quốc vụ viện Trung Quốc.

Trong khi chờ đợi thì được tin Hồ Chủ tịch và anh Trần Đăng Ninh cũng đang trên đường đi từ biên giới đến Bắc Kinh, để gặp Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Đến Bắc Kinh, Hồ Chủ tịch được xếp ở Trung Nam Hải gần chỗ làm việc của Mao Chủ tịch và Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Tôi cũng được xếp vào Trung Nam Hải cùng ở một chỗ với Hồ Chủ tịch.

I. Ở lại Bắc Kinh theo chỉ thị của Hồ Chủ tịch

Ở Trung Nam Hải, Hồ Chủ tịch hỏi rất cặn kẽ về tình hình kiều bào ta ở Thái-lan, về sự hoạt động của các Phái đoàn Chính phủ ta ở Thái-lan, ở Miến Điện, ở Pháp, và tình hình các anh em được phái ra hoạt động ở nước ngoài. Tôi báo cáo rõ từng điểm một. Nghe xong, Hồ Chủ tịch kết luận, công tác của Ban cán sự Trung ương ở hải ngoại như vậy là tốt. Nhưng hiện nay, Trung Quốc đã giải phóng, cán cân lực lượng đã nghiêng về phía có lợi cho cách mạng của nhân dân thế giới, đặc biệt là có lợi cho cuộc kháng chiến của Việt Nam. Cuộc kháng chiến chống Pháp mấy năm nay, với sự cố gắng của bản thân chúng ta đã thu được kết quả lớn. Nay Trung Quốc đã quyết tâm viện trợ chúng ta về mọi mặt, như vậy, trọng tâm hoạt động đối ngoại của chúng ta bây giờ không ở Thái-lan nữa, mà phải chuyển qua Trung Quốc. Như vậy, chú có thể phải ở lại Bắc Kinh để nhận nhiệm vụ mới. Công việc sẽ có thể có nhiều cái mới phải học hỏi, phải cố gắng. Nhưng điều quan trọng là các đồng chí Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ và Chu Ân Lai đều tỏ lòng sẵn sàng ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam, mặc dù Trung Quốc mới giải phóng, các đồng chí cũng còn có nhiều khó khăn phải khắc phục.

Nguyên từ năm 1938-1940, Hồ Chủ tịch từ Liên Xô về Trung Quốc để tìm liên lạc với tổ chức cách mạng Việt Nam và đã gặp Ban hải ngoại Đảng Việt Nam ở Côn Minh. Tháng 6-1940, phát-xít Đức đánh chiếm Thủ đô Pháp, Hồ Chủ tịch chủ trương chuyển hướng hoạt động về biên giới Việt – Trung rồi về nước, thì đã đi Trùng Khánh gặp Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc

để trao đổi ý kiến về thời cuộc. Đến nay trong khoảng mười năm xa cách với các đồng chí Trung Quốc, Hồ Chủ tịch đã thành công trong việc xây dựng một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đã kháng chiến chống Pháp có kết quả, nên khi gặp Mao Chủ tịch đặt vấn đề viện trợ, thì Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc coi là một nhiệm vụ quốc tế hàng đầu trong tư thế là một nước lớn nhất ở Châu Á đã thoát khỏi địa vị một nước nửa phong kiến, nửa thuộc địa bị các đế quốc chia cắt và khống chế do sự nhu nhược đầu hàng của triều đình phong kiến Mãn Thanh và của Chính phủ tư bản quan liêu Tưởng Giới Thạch.

*

Ở Trung Nam Hải, Mao Chủ tịch tổ chức và chủ trì một bữa tiệc long trọng chiêu đãi Hồ Chủ tịch, có hầu hết các vị lãnh đạo cao cấp của Đảng như Lưu Thiệu Kỳ, Chu Đức, Chu Ân Lai, Đồng Tất Vũ, Lâm Bá Cừ và sáu bảy đồng chí khác nữa tham dự. Có thể nói đây là một bữa tiệc mừng sự thành công của Cách mạng Tháng Tám, bữa tiệc ca ngợi quyết tâm và ý chí kiên cường chống Pháp của nhân dân Việt Nam, ca ngợi sự lãnh đạo tài tình của Hồ Chủ tịch và của Đảng Cộng sản Đông Dương. Đồng thời là bữa tiệc tỏ mối tình đoàn kết chiến đấu cao cả của Trung Quốc đối với cuộc chiến đấu anh dũng của nhân dân Việt Nam. Trong bữa tiệc, đồng chí Lưu Thiệu Kỳ hỏi Hồ Chủ tịch: Những người tham gia lớp huấn luyện ở Quảng Châu hồi năm 1925-1926 nay còn những ai? Hồ Chủ tịch nói: Còn đồng chí Hoàng Văn Hoan (*vừa nói vừa chỉ vào tôi*) hôm nay cũng có mặt ở đây.

Tiếp đó, Hồ Chủ tịch nói cho biết đồng chí Lưu Thiệu Kỳ là một trong những người thường giảng bài ở lớp huấn luyện Quảng Châu. Tôi liền bung một chén rượu đến chúc sức khỏe đồng chí Lưu Thiệu Kỳ và hứa hẹn sẽ hết

lòng hết sức phục vụ cách mạng. Đồng chí Lưu Thiếu Kỳ cũng chúc sức khỏe tôi và cả hai người cùng cạn hết chén rượu.

Sau bữa tiệc, hai Đảng đi vào bàn bạc công việc thực chất.

Đồng chí Lưu Thiếu Kỳ nói: Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã quyết định thừa nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, và sẽ bàn với Liên Xô cũng thừa nhận, để Việt Nam có một địa vị mạnh trên trường quốc tế.

Hiện nay, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã được Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân Đông Âu và Triều Tiên, Mông Cổ thừa nhận. Nước Anh cũng thừa nhận. Nước Pháp cũng đang chuẩn bị thừa nhận. Bây giờ chúng tôi thừa nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, thì chắc chắn Pháp sẽ hoãn lại việc thừa nhận chúng tôi, nhưng chúng tôi không sợ. Chúng tôi mạnh lên, Pháp sẽ phải thừa nhận. Bây giờ vấn đề chính là phải tích cực ủng hộ cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam mau tới thắng lợi.

Với ý định này, Trung Quốc đề nghị đồng chí Rô-sin, Đại sứ Liên Xô tại Trung Quốc đánh điện về báo cáo với Chính phủ Liên Xô và đề nghị đề Hồ Chủ tịch qua Liên Xô gặp đồng chí Sta- lin để trình bày trực tiếp. Sau khi Liên Xô trả lời đồng ý, đồng chí Rô-sin mở một bữa tiệc hoan nghênh Hồ Chủ tịch qua thăm Liên Xô, có anh Trần Đăng Ninh và tôi cùng tham gia.

Trong bữa tiệc, Hồ Chủ tịch giới thiệu tôi sẽ là người đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam tại Trung Quốc. Sau này có việc gì cần trao đổi ý kiến hoặc đề nghị giúp đỡ thì xin các đồng chí hết sức giúp đỡ.

Sau hai hôm, Hồ Chủ tịch và anh Trần Đăng Ninh đi Mạc Tư Khoa, còn tôi phải ở lại Bắc Kinh liên hệ với các đồng chí Văn phòng Trung ương Đảng Trung Quốc và các đồng chí phụ trách Bộ Ngoại giao Trung Quốc để chuẩn bị mọi sự cần thiết cho việc thành lập Sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc.

Bàn xong công việc ở Mạc Tư Khoa rồi, Hồ Chủ tịch lại đáp máy bay về Bắc Kinh ở thêm mấy ngày để bàn một số việc cụ thể. Hồ Chủ tịch đề nghị

cử tôi làm Đại biểu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Đại biểu Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương bên cạnh Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc. Mao Chủ tịch đồng ý. Hồ Chủ tịch gấp rút về nước để triển khai mọi mặt công tác trong điều kiện mới.

*

Sau khi Hồ Chủ Tịch và anh Trần Đăng Ninh về nước, tôi cũng rời khỏi Trung Nam Hải ra ở khách sạn Lục Quốc, sau đổi tên là khách sạn Quốc tế, chiêu đãi sở của Quốc vụ viện, trực tiếp liên hệ với đồng chí Lý Khắc Nông, Phó Bộ trưởng Bộ Ngoại giao để chuẩn bị việc thành lập sứ quán.

Lúc này, Bộ Ngoại giao Trung Quốc đang chuẩn bị mở một lớp huấn luyện đặc biệt đào tạo một số cán bộ ngoại giao đầu tiên để phái đi làm Đại sứ Trung Quốc tại các nước. Tôi được sự đồng ý của Thủ tướng Chu Ân Lai cũng tham dự lớp huấn luyện này với danh nghĩa là một Hoa kiều mới về nước. Trong Bộ Ngoại giao chỉ riêng đồng chí Lý Khắc Nông được biết tôi là người Việt Nam. Dự lớp huấn luyện xong, đồng chí Lý Khắc Nông phái một cán bộ thạo việc cùng tôi tiến hành thực hiện việc lập sứ quán. Chúng tôi chọn một tòa nhà lớn, nguyên trước là một cái trường học của Mỹ ở ngõ “Sử Gia” làm sứ quán. Các đồ đạc cần dùng cho một sứ quán và cho các nhân viên sứ quán, các người phục vụ như người nấu cơm, người đốt lò, người quản lý, người làm vệ sinh v.v. . . đều được Bộ Ngoại giao cung cấp đầy đủ và rất chu đáo. Không bao lâu, một số cán bộ trong nước gửi ra, một số cán bộ điều từ Thái-lan về đều lần lượt đến Bắc Kinh. Bộ máy nhỏ gọn của sứ quán tổ chức xong, thì thư ủy nhiệm của Chính phủ từ trong nước cũng đã gửi đến.

Theo thủ tục ngoại giao thì Đại sứ đặc mệnh toàn quyền mới trình Quốc thư

lên Chủ tịch nước, còn Đại biểu Chính phủ thì chỉ trao thư ủy nhiệm cho Bộ Ngoại giao là được. Nhưng với sự chiếu cố đặc biệt, Bộ Ngoại giao cũng tổ chức việc yết kiến Mao Chủ tịch, với lễ nghi tương tự như lễ nghi trình Quốc thư. Yết kiến Mao Chủ tịch xong, Bộ Ngoại giao Trung Quốc còn giới thiệu liên hệ với Đại sứ Liên Xô, Đại sứ Tiệp Khắc đã có mặt tại Trung Quốc, liên hệ với một số ngành có quan hệ đến công tác Việt Nam, như văn hóa, kinh tế, v.v. . . liên hệ với các vị lãnh đạo Đảng và Chính phủ thành phố Bắc Kinh, các vị Phụ trách các đoàn thể như Công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ.

Trong khi liên hệ với các Đại sứ quán các nước anh em, các Đại sứ đều đặt câu hỏi: Vì sao Việt Nam không đặt quan hệ ngoại giao với Trung Quốc ở cấp Đại sứ, mà chỉ đặt ở cấp Đại biểu Chính phủ. Các Đại sứ hỏi như vậy là vì quan hệ ngoại giao ở cấp Đại sứ là cao nhất, còn ở cấp Đại biểu Chính phủ thì thấp hơn. Trước mình cứ tưởng Đại biểu Chính phủ tức là Đại sứ. Bây giờ tiếp xúc rộng mới biết có sự phân biệt như thế. Báo cáo về nước, Trung ương Đảng và Chính phủ biết rõ vấn đề này mới quyết định việc ủy nhiệm tôi làm Đại sứ. Vì vậy, tuy đã hoạt động ngoại giao như một Đại sứ, nhưng mãi đến ngày 20-12-1950 thì mới có sự bổ nhiệm làm Đại sứ, và đến ngày 28-4-1951 mới lại trình Quốc thư với danh nghĩa là Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Trung Quốc. Đồng thời với việc ủy nhiệm làm Đại sứ tại Trung Quốc, tôi còn được ủy nhiệm kiêm chức Đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Việt Nam tại Mông Cổ và tại Triều Tiên.

*

Cuộc kháng chiến chống Pháp ở trong nước đang tiến hành một cách quyết

liệt, tất cả cán bộ trong nước đều phải tập trung lực lượng vào đó, nên việc hoạt động ngoại giao ở ngoài nước gần như toàn bộ đều được Trung ương và Chính phủ giao phó cho tôi phụ trách. Đối tượng phải liên hệ mật thiết trong lúc đó là đại sứ các nước anh em, đặc biệt là Đại sứ Liên Xô và Đại sứ Tiệp Khắc, chẳng những để tỏ tình hữu nghị mà còn để học hỏi những kiến thức về ngoại giao. Ngoài ra còn qua lại nhiều với đại sứ các nước như Ấn Độ, Miến Điện, Pa-ki-xtan, chuyện trò và giới thiệu tình hình Việt Nam với họ để tranh thủ sự đồng tình ủng hộ về mặt tinh thần, mặc dù các nước đó vẫn chưa tuyên bố thừa nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đối với các sứ quán phương Tây ^[6] như Phần Lan, Đan Mạch, Thụy Sĩ, v.v... cũng thường có sự gặp gỡ để gây tình cảm.

Để mở rộng quan hệ đối ngoại, tháng 5 năm 1950, Trung ương và chính phủ quyết định phái tôi đi dự lễ kỷ niệm Quốc tế lao động 1-5 ở Liên Xô và đi dự lễ Quốc khánh Tiệp Khắc 9-5, để luôn tiện giải quyết một số vấn đề ở Tiệp Khắc mà cuối năm 1949 đi qua vẫn còn gác lại chưa giải quyết.

Dự lễ kỷ niệm ngày Quốc tế lao động, lần đầu tiên được thấy vẻ oai hùng của Hồng quân Liên Xô trang bị bằng vũ khí tối tân, thể hiện sức mạnh vô địch của nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, tận mắt thấy cái khí thế của mấy chục vạn nhân dân Liên Xô, hàng ngũ chỉnh tề, tinh thần hiên ngang, nối tiếp nhau diễu hành qua Hồng Trường trước Đài chủ tịch, trước Lăng Lê-nin. Dự xong lễ kỷ niệm, tôi được hướng dẫn đi xem chung bộ mặt hùng vĩ của thành phố Mạc Tư Khoa và một số nhà máy. Ban đêm, tôi được đưa đi xem các tiết mục văn nghệ như ca kịch, xiếc, múa rối v.v... Trước kia thường nghe nói Liên Xô là Tổ quốc của giai cấp vô sản thế giới, là ngọn đèn pha soi đường cho các dân tộc bị áp bức tiến lên, thì chuyến này thật sự được chứng kiến rõ ràng, càng làm cho lòng tin tưởng đối với tiền đồ cách

mạng thêm vững chắc. Những cái được trông thấy và được hiểu biết về Liên Xô, có thể hình dung bằng hai tiếng “Vĩ đại! Vĩ đại!”.

*

Để chuẩn bị cho việc đi dự lễ Quốc khánh Tiệp Khắc, tôi đến gặp các đồng chí Sứ quán Trung Quốc ở Mạc Tư Khoa để tìm hiểu cách thức và nhờ giúp một số việc. Lần này đến Sứ quán, được đồng chí Đại sứ Vương Giá Tường tiếp đón niềm nở và thân mật. Đồng chí nói: Cuối năm ngoái, đồng chí đến Sứ quán chúng tôi chưa biết là ai. Nay được biết đồng chí là một cốt cán cách mạng Việt Nam, lại được đồng chí đến thăm Sứ quán, chúng tôi rất phấn khởi. Đồng chí Vương Giá Tường thuật lại cho biết đầu năm nay, trong dịp Hồ Chủ tịch gặp đồng chí Sta-lin, đồng chí cũng có tham gia. Đồng chí Sta-lin rất quan tâm đến cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống Pháp, và phân công việc viện trợ Việt Nam cho chúng tôi (Trung Quốc) là người phụ trách chính. Chúng tôi nhất định sẽ hết sức giúp đỡ Việt Nam và tin chắc rằng cuộc kháng chiến của Việt Nam nhất định sẽ đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Tôi nói, lần này tôi đến Sứ quán là cốt để tỏ tình hữu nghị của nhân dân Việt Nam đối với nhân dân Trung Quốc, đồng thời trong việc đi dự lễ Quốc khánh Tiệp Khắc có một số việc thuộc về lễ tiết tôi không biết, muốn được sự chỉ giáo của các đồng chí. Nghe nói trong lễ Quốc khánh, đại biểu các nước đều có đọc lời chúc mừng. Tôi đã dự thảo lời chúc mừng và đã dịch sẵn ra tiếng Trung Quốc để nhờ các đồng chí sửa chữa lại cho đúng cách thức, đồng thời nhờ các đồng chí giúp dịch ra tiếng Pháp và đánh máy cho một bản tử tế để lúc đến Tiệp, đưa cho Ban tổ chức Quốc khánh Tiệp dịch ra tiếng Tiệp và đọc trong buổi lễ.

Đồng chí Vương Giá Tường cầm lấy bản dịch chữ Trung Quốc xem và nói: Viết như thế này là được rồi, không phải sửa chữa gì nữa, để chúng tôi sẽ dịch và đánh máy ra chữ Pháp một bản cho đồng chí dùng. Về chữ Pháp ở Sứ quán chúng tôi không có người giỏi lắm, nhưng cũng tạm dịch được. Chuyện trò xong, đồng chí Vương Giá Tường đề nghị sẽ tổ chức cuộc gặp mặt với một số cán bộ cốt cán của Sứ quán để nghe tôi giới thiệu về tình hình Việt Nam. Tôi nhận lời. Buổi gặp mặt và giới thiệu được tổ chức ngay sau đó chỉ độ mười lăm phút. Tự nhiên đây là một dịp tốt để tôi giới thiệu về quan hệ khăng khít giữa cách mạng hai nước từ khi có Đảng cộng sản Trung Quốc, về tình hình sau Cách mạng Tháng Tám và tình hình cuộc kháng chiến chống Pháp trong lúc đó. Tiếp theo buổi nói chuyện là một bữa tiệc thân mật hết sức vui vẻ. Tiệc xong, Đại sứ Vương Giá Tường đưa bản dịch chữ Pháp đã đánh máy chỉnh tề cho tôi và chúc cuộc đi thăm Tiệp Khắc sẽ thành công tốt đẹp.

Việc gặp Sứ quán Trung Quốc như vậy là đạt kết quả mong muốn. Ngày hôm sau tôi lên máy bay đi Tiệp, Sứ quán Trung Quốc còn cử người đi tiễn chân ở sân bay Mạc Tư Khoa.

Dự lễ Quốc khánh Tiệp Khắc là một việc cực kỳ quan trọng trong đời tôi và cũng là việc quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Lần đầu tiên Đại biểu nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa dự lễ Quốc khánh, lễ kỷ niệm long trọng nhất của một nước bạn, có dịp tiếp xúc với những nhân vật quan trọng, những người đồng chí cách mạng của các nước anh em, được chứng kiến sự trọng thị của các nước đối với Việt Nam, được đứng trên Đài chủ tịch kiểm duyệt cuộc duyệt binh và cuộc diễu hành của hàng chục vạn quân chúng. Đó không phải là sự hãnh diện của cá nhân, mà là sự hãnh diện của cả một dân tộc dưới sự cai trị của đế quốc gần một thế kỷ, nay trở thành một dân tộc độc lập, có một địa vị hân hoi trên trường quốc tế.

Lễ kỷ niệm được tổ chức hết sức ngăn nắp và chu đáo. Việc nào ra việc ấy, khớp nhau rất nhịp nhàng không có một chút gì là cật rập lộn xộn. Một việc đặc biệt còn mãi trong trí nhớ của tôi là khi tôi ở khách sạn, chỗ chiêu đãi quốc tế của Chính phủ Tiệp trong dịp Quốc khánh, một chị phục vụ phụ trách việc trật tự trong phòng và phục vụ khách một cách hết sức thân mật và chu đáo. Lúc đầu mình cứ tưởng chị ta là một người phục vụ thông thường như ở các khách sạn khác, không ngờ khi Quốc khánh xong, khách và chủ cùng liên hoan với nhau, thì mới biết đó là một sinh viên năm thứ năm trường Đại học luật! Thông thường thì một sinh viên đại học như thế ở Việt Nam hoặc ở một nước nào khác thì không bao giờ chịu làm một người phục vụ như thế, nhưng ở đây thì bản thân người phục vụ đó lại xem là một vinh dự được phục vụ bạn quốc tế trong dịp Quốc khánh. Đó là một việc mà tôi cho là phải học tập, mà khi về nước báo cáo với Trung ương hoặc chuyện trò với cán bộ tôi thường nhắc đến.

Theo sự giới thiệu của các bạn cùng dự lễ Quốc khánh, thì Tiệp Khắc không phải là một nước lớn ở châu Âu, nhưng đời sống vật chất của nhân dân thì xếp vào bậc thứ hai trên thế giới ^[7]. Thành phố Pra-ha không đồ sộ như Mạc Tư Khoa, nhưng là một thành phố lâu đời rất xinh đẹp và rất sạch sẽ, trên đường phố không có một mảnh giấy vụn hay một mẩu thuốc lá vút bừa bãi như các thành phố châu Á mà tôi thường trông thấy.

Có thể nói dịp tham gia lễ Quốc khánh Tiệp Khắc là một dịp để hiểu biết được cái nền văn minh vật chất của châu Âu.

Xong lễ kỷ niệm Quốc khánh rồi, tôi còn ở lại Pra-ha hơn một tuần để gặp Ban liên lạc Trung ương Đảng Cộng sản Tiệp Khắc để giới thiệu tình hình Việt Nam và bàn một số công việc như nhờ Trung ương Đảng Tiệp giúp đỡ những cán bộ Việt Nam từ Pháp về, giúp phương tiện cho nhập cảnh, quá cảnh, trường hợp cần thiết thì yêu cầu giúp cả về lộ phí.

Lần này tôi đến Tiệp, Trần Ngọc Danh đang chữa bệnh ở Xlô-vác có về Praha thăm tôi rồi lại đi Xlô-vác. Còn Lê Hy thì thường đi với tôi trong những lúc đi dạo phố và là người phiên dịch. Lúc rời Tiệp về Bắc Kinh, tôi cũng xếp cho Lê Hy cùng về, còn Trần Ngọc Danh thì vẫn ở Tiệp tiếp tục chữa bệnh một thời gian rồi sẽ về nước.

II. Môi tình thắm thiết Việt–Hoa

Trong thời gian tám năm làm Đại sứ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Trung Quốc và Đại biểu Trung ương Đảng Việt Nam bên cạnh Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, một việc không bao giờ phai nhạt trong trí nhớ của tôi là môi tình thắm thiết Việt – Hoa, là sự giúp đỡ cực kỳ to lớn có tính chất quyết định đưa cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam hoàn toàn thắng lợi.

Là một người chứng kiến lịch sử, tôi thấy mình có trách nhiệm ghi lại và tóm tắt sự giúp đỡ đầy tinh thần quốc tế vô sản của Trung Quốc đối với Việt Nam, để nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới quan niệm được sự quan trọng của nó.

Sự giúp đỡ của Trung Quốc đối với Việt Nam có thể trình bày vắn tắt qua bốn mặt như sau:

1. Sự ủng hộ của Trung Quốc về mặt chính trị và ngoại giao

Từ tháng 12-1946 toàn dân Việt Nam đứng lên kháng chiến chống Pháp, tuy đã bước vào giai đoạn cầm cự, nhưng vẫn chưa có một nước nào trên thế giới thừa nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Chỉ sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập được hơn ba tháng, thì ngày 18-1-1950 Chính phủ Trung Quốc chính thức tuyên bố thừa nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tiếp theo Chính phủ Trung Quốc, ngày 30-1-1950, Liên Xô

cũng tuyên bố thừa nhận, và tiếp theo Chính phủ Liên Xô, Chính phủ các nước dân chủ nhân dân ở Đông Âu và Triều Tiên, Mông Cổ ở châu Á liên tiếp thừa nhận. Các nước khác ở châu Á như Ấn Độ, Miến Điện Pa-ki-xtan tuy chưa chính thức công bố thừa nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhưng đều tỏ vẻ đồng tình và hữu nghị rõ rệt.

Việc Trung Quốc dẫn đầu phe xã hội chủ nghĩa thừa nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã làm cho Việt Nam có một địa vị vững chắc trên trường quốc tế. Đó là một việc cực kỳ quan trọng trong lịch sử đấu tranh giành độc lập của nhân dân Việt Nam. Vì vậy, chúng ta đã lấy ngày 18 tháng Giêng làm “Ngày thắng lợi ngoại giao”, và hằng năm cứ đến ngày đó là tổ chức kỷ niệm long trọng.

- Tại hội nghị Giơ-ne-vơ năm 1954, Trung Quốc hoàn toàn ủng hộ lập trường của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đồng chí Chu Ân Lai, Trưởng đoàn đại biểu Trung Quốc hợp tác chặt chẽ với đồng chí Mô-lô-tốp, Trưởng đoàn đại biểu Liên Xô cùng với đoàn đại biểu Việt Nam, phá tan âm mưu phá hoại hội nghị của Mỹ, đi đến kết quả miền Bắc Việt Nam hoàn toàn giải phóng, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trở thành một nước có thủ đô, có hải cảng, có địa vị Quốc tế, đủ điều kiện làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất Tổ quốc. Tình hình phát triển của lịch sử đã chứng tỏ Hiệp định Giơ-ne-vơ là một thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam, vì có miền Bắc vững mạnh làm cơ sở, thì mới đẩy mạnh được cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam. Sự công hiến của Trung Quốc trong cuộc hội nghị cũng như sự giúp đỡ trên chiến trường Việt Nam đã có tác

- Đi đôi với việc tích cực giúp đỡ Việt Nam khôi phục và phát triển kinh tế ở miền Bắc, Trung Quốc còn kiên quyết ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam Việt Nam với quyết tâm và lời lẽ đanh thép như “Trung Quốc sẽ dành cho nhân dân miền Nam Việt Nam mọi sự viện trợ cần thiết về vật chất, và để chuẩn bị sẵn sàng, một khi nhân dân miền Nam Việt Nam cần đến, sẽ cử người sang kề vai sát cánh cùng chiến đấu với nhân dân miền Nam Việt Nam”. Ở Trung Quốc, đài phát thanh và các báo chí thường xuyên đưa tin về cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam Việt Nam, ra nhiều sách và tranh ảnh xây dựng thành nhiều tác phẩm văn nghệ như kịch múa “Lửa hận rừng dừa”,để tranh thủ nhân dân thế giới đồng tình và ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam Việt Nam.
- Sau khi đế quốc Mỹ ném bom ở miền Bắc từ tháng 8 năm 1964, Trung Quốc đã đẩy lên một cao trào mới giúp Việt Nam chống Mỹ. Chúng ta còn nhớ rõ cảnh tượng hàng trăm triệu nhân dân các tỉnh của Trung Quốc đã đổ ra đường phổ biến tình ủng hộ Việt Nam, Mao Chủ tịch và Thủ tướng Chu Ân Lai đích thân tham dự cuộc mít tinh của hơn một triệu người ở Bắc Kinh, và nghiêm trang tuyên bố: Sự xâm phạm của Mỹ đối với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tức là sự xâm phạm đối với Trung Quốc và nhân dân Trung Quốc sẽ áp dụng mọi biện pháp cần thiết, thậm chí không tiếc chịu đựng một sự hy sinh

dân tộc lớn nhất, dốc toàn lực ủng hộ nhân dân Việt Nam tiến hành đến cùng cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước.

Sự thực lịch sử đã chứng tỏ, sự ủng hộ mạnh mẽ của Trung Quốc có một tác dụng hết sức quan trọng trong việc ngăn chặn đế quốc Mỹ đang muốn trực tiếp tiến công vào miền Bắc Việt Nam.

2. Sự giúp đỡ của Trung Quốc về mặt vật chất trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và xây dựng kinh tế ở miền Bắc Việt Nam

Chính phủ Trung Quốc đã từng tuyên bố, “bảy trăm triệu nhân dân Trung Quốc là hậu thuẫn vững mạnh của nhân dân Việt Nam, đất nước bao la của Trung Quốc là hậu phương chắc chắn của Việt Nam”. Đây không phải chỉ là lời nói mà sự thực cũng đúng như vậy. Từ năm 1950 đến năm 1978, tổng số viện trợ của Trung Quốc dành cho Việt Nam trị giá hơn hai mươi tỷ đô-la Mỹ, chiếm 41% tổng số viện trợ của Trung Quốc cho nước ngoài. Trong thời kỳ chống Pháp từ năm 1950 đến năm 1954, Trung Quốc là nước duy nhất viện trợ quân sự cho Việt Nam. Toàn bộ vũ khí, đạn dược và quân trang, quân dụng của quân đội Việt Nam là do Trung Quốc trực tiếp cung cấp theo dự trù hàng năm và nhu cầu của các chiến dịch ở Việt Nam. Trong thời kỳ chống Mỹ, phần lớn vũ khí đạn dược và quân trang, quân dụng cũng do Trung Quốc cung cấp, gồm quần áo, thuốc men, y cụ và nhiều đại bác, xe tăng, thiết giáp, cao xạ, tên lửa, máy bay, tàu chiến, cùng các phụ tùng thay thế và dầu mỡ v.v... đủ trang bị cho hơn hai triệu quân đội Việt Nam và thường xuyên cung cấp đủ số đạn dược và trang bị cần thiết cho việc tác chiến liên tục trên các chiến trường.

- Về mặt giúp đỡ Việt Nam khôi phục và xây dựng kinh tế ở miền Bắc, ngay sau khi hòa bình được lập lại năm 1954, theo yêu cầu của Hồ Chủ tịch, Trung Quốc đã giúp Việt Nam lập tức khôi phục lại đường sắt từ Hà Nội đến Đồng Đăng dài chừng 200 cây số đã bị phá hoại hoàn toàn trong chiến tranh. Lúc đó, Trung Quốc chưa sản xuất được loại đường ray hẹp, Mao Chủ tịch liền quyết định tháo dỡ đường ray của đường sắt Đồng Bò ở tỉnh Sơn Tây Trung Quốc ^[8] để lắp cho đường sắt Việt Nam, đồng thời trang bị đủ toàn bộ đầu máy và toa tàu. Với sự giúp đỡ của các nhân viên kỹ thuật và công nhân Trung Quốc, chỉ trong bốn tháng là quãng đường sắt ấy đã làm xong, “làm cho nước ta càng gần gũi Trung Quốc, Liên Xô và các nước bạn khác. Nó nối liền Hà Nội với Bắc Kinh, Mạc Tư Khoa và các thủ đô khác cho đến Béc-lanh” (lời Hồ Chủ Tịch). Tiếp đó, Trung Quốc bắt đầu giúp Việt Nam xây dựng một nền kinh tế tương đối toàn diện để làm cơ sở vật chất thực hiện tự lực cánh sinh.
- Từ năm 1954, Trung Quốc giúp Việt Nam xây dựng 450 hạng mục, đến tháng 3 năm 1978 đã hoàn thành 339 hạng mục, gồm những công trình như nhà máy xay, nhà máy đường, nhà máy dệt, nhà máy dệt kim, nhà máy giấy, nhà máy phát điện, nhà máy hóa chất, nhà máy cao su, nhà máy xà phòng, nhà máy thuốc lá, nhà máy diêm, nhà máy bóng đèn phích nước, nhà máy tráng men, nhà máy làm đồ sứ, nhà máy văn phòng phẩm Hồng Hà, nhà máy mì chính, nhà máy phân hóa học, nhà máy thuốc trừ sâu, xưởng đóng tàu, nhà máy gang thép Thái Nguyên, thiết bị mỏ quặng, hệ thống vô tuyến điện, nông trường quốc

doanh, trường kỹ thuật nông nghiệp, và tiếp tục làm lại đường sắt từ Hà Nội đến Lào Cai, đến Thái Nguyên, xây lại cầu Hàm Rồng v.v... Tất cả những hạng mục do Trung Quốc giúp Việt Nam đã đáp ứng một cách rất thiết thực yêu cầu của nền kinh tế Việt Nam và của đời sống nhân dân Việt Nam. Đến sau năm 1965, khi máy bay Mỹ bắn phá miền Bắc, Trung Quốc lại đáp ứng yêu cầu của Chính phủ Việt Nam, cử nhiều đoàn chuyên gia và nhân viên kỹ thuật sang giúp Việt Nam tháo dỡ các thiết bị máy móc của mấy chục cơ sở công nghiệp do Trung Quốc viện trợ để sơ tán đến những nơi an toàn, khỏi bị máy bay Mỹ tàn phá.

- Về các loại hàng hóa dùng để chi viện tiền tuyến và giải quyết đời sống cho nhân dân, riêng từ năm 1965 đến năm 1975 Trung Quốc đã viện trợ hơn năm triệu tấn lương thực, hơn ba trăm triệu mét vải, hơn ba vạn chiếc ô tô, hơn sáu trăm tàu thủy đủ các loại, hơn một trăm đầu máy và hơn bốn nghìn toa xe lửa, gần hai triệu tấn xăng, và các thứ hàng dệt và bách hóa trị giá bảy trăm triệu đồng nhân dân tệ.

Một khoản viện trợ quý giá đặc biệt là từ năm 1955 đến năm 1976, Trung Quốc đã giúp cho Việt Nam hơn sáu trăm triệu tiền mặt Mỹ kim để Việt Nam sử dụng cơ động vào cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam trong khi Trung Quốc cũng rất cần ngoại tệ để xây dựng đất nước.

3. Cử cố vấn, chuyên gia, nhân viên kỹ thuật và bộ đội Trung Quốc sang giúp Việt Nam

Từ năm 1950 trở đi, nhiệm vụ khẩn cấp của Việt Nam là đẩy mạnh cuộc

kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi. Theo yêu cầu của Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng Việt Nam, Trung Quốc đã cử Đoàn cố vấn quân sự và Đoàn cố vấn chính trị sang giúp Việt Nam.

- Nhiệm vụ của Đoàn cố vấn quân sự do đồng chí Vi Quốc Thanh dẫn đầu và giúp Việt Nam xây dựng quân đội và phổ biến kinh nghiệm tác chiến. Ngoài việc giúp Tổng quân ủy Việt Nam ra, còn có các tổ cố vấn về tham mưu, chính trị hậu cần, giúp các đại đoàn ^[9] chủ lực 308, 312, 316, 304 và các Binh chủng khác. Qua sự giúp đỡ của các cố vấn Trung Quốc kết hợp với sự cố gắng vượt bậc của bản thân quân đội Việt Nam, ta đã xây dựng thành công một đội quân chủ lực gồm mấy sư đoàn đã chiến, có khả năng tiêu diệt từng bộ phận sinh lực quan trọng của địch và thực tế đã chiến thắng quân địch trong các chiến dịch từ chiến dịch Biên Giới (cuối năm 1950) cho đến chiến dịch Điện Biên Phủ (năm 1954), đi đến giải phóng toàn bộ miền Bắc Việt Nam.
- Nhiệm vụ của Đoàn cố vấn chính trị do đồng chí La Quý Ba đứng đầu là góp ý kiến với Đảng Lao động Việt Nam và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về chính sách và công tác cụ thể của các ngành để xây dựng khu giải phóng vững mạnh đủ sức chi viện tiền tuyến. Ngoài việc đồng chí Trưởng đoàn cố vấn thường xuyên trao đổi ý kiến với Bộ Chính trị Trung ương Đảng, còn có các tổ cố vấn giúp các ngành tài chính, thuế, ngân hàng giao thông vận tải, công an, tình báo, v.v... Các cố vấn Trung Quốc đã cùng cán bộ Việt Nam xây dựng nên phương châm chính sách bộ máy tổ chức, chế độ công tác và cách thức làm việc cho các ngành, bồi dưỡng được nhiều cán bộ có

trình độ chính trị và chuyên môn để thúc đẩy mọi công tác tiến lên. Đến năm 1955, khi miền Bắc Việt Nam đã được hoàn toàn giải phóng, theo đề nghị của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đoàn cố vấn chính trị mới toàn bộ rời Việt Nam về nước^[10]. Đồng chí La Quý Ba được ủy nhiệm làm Đại sứ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tại Việt Nam.

- Từ năm 1954 đến năm 1978, khi hòa bình được lập lại ở Việt Nam sau Hội nghị Giơ-ne-vơ, nhiệm vụ khẩn cấp ở miền Bắc là khôi phục nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá và xây dựng nền móng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc làm cơ sở thực hiện thống nhất Tổ quốc. Để xây dựng các hạng mục công nông nghiệp do Trung Quốc viện trợ, nhiều Đoàn chuyên gia trung Quốc của các ngành được lần lượt cử sang Việt Nam, do đồng chí Phương Nghị làm Trưởng đoàn chuyên gia^[11].

Các chuyên gia đó làm việc rất tận tụy, được các cán bộ, công nhân viên Việt Nam hết sức mến phục. Đến năm 1978, khi bọn Lê Duẩn ráo riết chống Trung Quốc, Chính phủ Trung Quốc mới quyết định rút toàn bộ chuyên gia về nước.

- Một điều cần nói rõ là, cố vấn hoặc chuyên gia Trung Quốc công tác ở Việt Nam, phía Việt Nam chỉ phải cung cấp cơm ăn, nhà ở và phương tiện giao thông, còn tiền lương, tiền trợ cấp và các khoản chi tiêu khác đều do phía Trung Quốc tự giải quyết.

Đó chẳng những cũng là một khoản viện trợ lớn, mà còn là một thái độ chính trị rõ ràng cán bộ Trung Quốc công tác ở Việt Nam cũng chỉ bình thường như cán bộ Việt Nam, không có một sự ưu việt nào trong

đời sống. Theo thống kê chưa đầy đủ, thì số cố vấn, chuyên gia và nhân viên kỹ thuật của Trung Quốc sang giúp Việt Nam từ năm 1950 đến năm 1978, tổng số có đến 20.000 người. Hồ Chủ tịch đánh giá rất cao sự cống hiến các cố vấn, chuyên gia và nhân viên kỹ thuật Trung Quốc. Người từng nói, “Bác tuyệt đối tin nhiệm các cố vấn Trung Quốc”, Người đã từng đích thân tặng huân chương cao nhất của nước Việt Nam cho các đồng chí Trưởng đoàn cố vấn chuyên gia. Chính phủ và Tổng quân ủy Việt Nam cũng tặng nhiều huân chương cho các đồng chí Trung Quốc để tuyên dương công lao của các đồng chí đó trong công cuộc kháng chiến và kiến thiết của Việt Nam.

- Từ năm 1965 đến năm 1970, khi đế quốc Mỹ điên cuồng bắn phá miền Bắc, theo yêu cầu của Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Mao Chủ tịch và Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã phái hơn ba mươi vạn bộ đội Trung Quốc gồm phòng không, công trình, đường sắt và hậu cần, mang theo toàn bộ vũ khí, trang bị, phương tiện, máy móc và vật liệu sang giúp Việt Nam, và đã hoàn thành được những nhiệm vụ quan trọng như đắp được 1.231 cây số đường ô tô, 476 cây số đường sắt, xây thành sân bay Yên Bái v.v... Đồng thời với việc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng, các đồng chí còn bắn rơi nhiều máy bay Mỹ, cùng quân dân Việt Nam bảo vệ được các đường giao thông từ Bắc vào Nam. Ở những nơi đóng quân, các đồng chí Trung Quốc còn tích cực giúp nhân dân địa phương sơ tán người già, trẻ con, đào hầm hố phòng không, cứu chữa những người bị bệnh, bị thương v.v...gây thêm được mối tình thắm thiết giữa nhân dân hai nước Việt - Trung. Trong khi làm nhiệm vụ quốc tế, hơn một nghìn đồng chí Trung Quốc đã bị hy sinh và hơn ba nghìn đã bị thương trên

đất Việt Nam. Đến tháng 7 năm 1970, khi làm xong nhiệm vụ, toàn thể bộ đội đó đã trở về Trung Quốc. Sự có mặt của bộ đội Trung Quốc ở Việt Nam còn có một ý nghĩa hết sức quan trọng là làm cho đế quốc Mỹ không dám đưa quân trực tiếp đụng đến đất đai miền Bắc, để quân dân ta có điều kiện dốc sức vào cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam.

4 - Ngoài những mặt nói trên, Trung Quốc còn thật sự là hậu phương vững chắc của Việt Nam

Dưới sự bắn phá của máy bay Mỹ, giao thông vận tải là một vấn đề rất khó giải quyết. Trung Quốc đã tìm đủ trăm phương ngàn kế giúp ta giải quyết vấn đề này một cách có hiệu quả, như giúp ta đặt đường ống dẫn dầu dài chừng 4.000 cây số để đưa dầu Trung Quốc đến tận miền Nam Việt Nam. Bắt đầu từ năm 1967, Trung Quốc điều động 500 chiếc xe vận tải trực tiếp chuyển hàng vào Việt Nam. Sau khi cảng Hai Phòng bị Mỹ thả thủy lôi phong tỏa, Trung Quốc lại điều động thêm 2.200 chiếc xe vận tải chia ra năm đường chở các hàng viện trợ vào trong nội địa Việt Nam.

Về đường biển, sau năm 1965, Trung Quốc đã mở một đường bí mật cho tàu đi theo bờ biển chở hàng viện trợ đến mấy hòn đảo nhỏ ở Trung bộ để tiện cho Việt Nam chuyển vào miền Nam. Trung Quốc còn dành hai cửa biển ở đảo Hải Nam để Việt Nam dùng làm trạm chuyển tiếp vật tư vào Nam.

Một điều có tầm quan trọng đặc biệt là Trung Quốc đã bỏ ra nhiều ngoại tệ mở một con đường qua Cam-pu-chia đến tận Nam bộ để chở hàng viện trợ của Trung Quốc như vũ khí, đạn dược, lương thực, thuốc men thẳng đến cho Quân giải phóng miền Nam.

Trung Quốc còn thường xuyên giúp vận chuyển các hàng viện trợ của Liên Xô và các nước khác qua cảnh Trung Quốc sang Việt Nam và không lấy tiền

cước đối với toàn bộ hàng viện trợ quân sự.

Một điều quan trọng nữa là Trung Quốc còn để cho Việt Nam sử dụng đất đai của mình làm địa bàn hoạt động và cung cấp cho các thiết bị như:

- Trong thời kỳ chống Pháp, Trường lục quân của Việt Nam được đặt ở tỉnh Vân Nam do thiếu tướng Trần Tử Bình và thiếu tướng Lê Thiết Hùng phụ trách, để huấn luyện cán bộ quân sự với sự giúp đỡ của một số huấn luyện viên Trung Quốc.

Trước chiến dịch Biên Giới, một số bộ đội chủ lực mới được xây dựng như Đại đoàn quân tiên phong ^[12] v.v... trực tiếp kéo sang Trung Quốc nhận toàn bộ vũ khí trang bị rồi về nước tác chiến ở biên giới.

- Trong thời kỳ chống Mỹ, các phi đoàn của không quân Việt Nam từng sang huấn luyện, ăn nấu và hoạt động ở sân bay tỉnh Vân Nam trong khi sân bay Việt Nam bị máy bay Mỹ uy hiếp.

Xây dựng một đài phát thanh dự bị cho Việt Nam ở Tỉnh Vân Nam. Khi Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam bị máy bay Mỹ ném bom tối 18-12-1972 ở Hà Nội, thì chỉ sau chín phút, Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam ở Vân Nam đã thay Đài tiếng nói Việt Nam ở trong nước tiếp tục phát thanh, thông báo kịp thời tin thắng lợi cho nhân dân cả nước.

Ở Quế Lâm thuộc Quảng Tây có bệnh viện Nam Khê Sơn gồm 600 giường bệnh dành riêng cho các bệnh nhân Việt Nam. Trong thời gian bảy năm, đã có hơn 5.000 cán bộ Việt Nam đến đó điều trị. Sau đó, toàn bộ thiết bị của bệnh viện đã giao lại cho Việt Nam mang về nước.

Cũng ở Quế Lâm, còn có Trường thiếu niên Việt Nam chủ yếu dạy con em liệt sĩ và học sinh miền Nam tập kết.

Ngoài ra, Hội chợ Quảng Châu còn dành riêng một phòng triển lãm cho Việt Nam, để giúp Việt Nam tiêu thụ các thứ hàng hóa ra nước ngoài. Trung Quốc còn giúp Việt Nam in các loại sách báo, tranh ảnh, từ điển, sách giáo khoa v.v...

Thủ tướng Chu Ân Lai thường dạy các đồng chí Trung Quốc phụ trách công tác viện trợ phải “luôn luôn nghĩ như nhân dân Việt Nam nghĩ, và làm gấp những việc nhân dân Việt Nam cần gấp”. Tinh thần của Trung Quốc giúp đỡ Việt Nam là: Bớt ăn, bớt mặc, bớt dùng, ưu tiên cung cấp cho Việt Nam những hàng hóa và thiết bị có chất lượng tốt và phải tìm trăm phương ngàn kế, kể cả đi mua sắm ở nước ngoài để giúp cho Việt Nam các hàng cần thiết với tinh thần không kêu khổ, không tuyên truyền, làm nghĩa vụ quốc tế của mình một cách thầm lặng. Theo chỉ thị của Thủ tướng Chu Ân Lai, đồng chí Lý Cường, Bộ trưởng Bộ Ngoại thương Trung Quốc từng đích thân đến tận con đường Trường Sơn xem xét tình hình vận chuyển hàng viện trợ vào Nam dưới sự bắn phá dữ dội của máy bay Mỹ. Hồ Chủ tịch đã từng hình dung sự giúp đỡ của Trung Quốc đối với Việt Nam là khảng khái, vô tư, hết sức to lớn và có hiệu quả. Người nói: “Tinh thần quốc tế cao cả đó và tình thân ái của nhân dân Trung Quốc đối với nhân dân Việt Nam làm chúng ta rất cảm động và biết ơn”.

Sự thực lịch sử trong hai mươi tám năm (1950-1978) Trung Quốc viện trợ Việt Nam đã chứng tỏ rằng: Sự giúp đỡ của Trung Quốc đối với Việt Nam là nhân tố quốc tế không thể thiếu được để nhân dân Việt Nam giành lấy thắng lợi trong cuộc cách mạng cũng như trong việc kiến thiết. Ngược lại, sự thật

lịch sử trong mấy năm qua (1978-1986) cũng chứng tỏ rằng: Không có sự giúp đỡ của Trung Quốc thì Việt Nam đã lâm vào tình cảnh hết sức khó khăn bế tắc.

Việc ghi lại tóm tắt tình hình Trung Quốc giúp đỡ Việt Nam có nghĩa là ghi lại một trang sử quan trọng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, một trang lịch sử đẹp đẽ nhất trong mối quan hệ vừa là đồng chí vừa là anh em giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân Trung Quốc. Cố nhiên đối với sự giúp đỡ quan trọng về quân sự của Liên Xô như tên lửa, để ta có thể bắn rơi máy bay B-52 của Mỹ, sự giúp đỡ của Liên Xô trong việc xây dựng, cũng như sự giúp đỡ của các nước anh em khác, chúng ta cũng vẫn phải luôn luôn ghi nhớ và biết ơn.

^[1]Thủ đô Tiệp

^[2]một thành phố lớn của Ấn Độ

^[3]tiền Ấn Độ

^[4]Thủ đô Ý

^[5]sau khi về nước, cả hai người đều bị Trung ương phê phán và khai trừ không thời hạn ra khỏi Đảng

^[6]không ủng hộ Pháp chống Việt Nam

^[7]bậc nhất là nhân dân Hà Lan

^[8]cũng là đường ray hẹp

^[9]sư đoàn

^[10]Đoàn cố vấn quân sự cũng về nước

^[11]sau đổi thành Phòng đại diện kinh tế của Trung Quốc ở Việt Nam

^[12]Sư đoàn 308

Hoàng Văn Hoan

Giọt nước trong biển cả

Phần 6: Những năm tháng là đại biểu Chính phủ và đại biểu Trung ương Đảng tại Trung Quốc (1950-1957)

P6 - Chương 3

III. Một số hoạt động ở trong nước

Tôi tuy là Đại sứ Việt Nam và Đại biểu Trung ương Đảng tại Trung Quốc, nhưng là ủy viên Trung ương Đảng và ủy viên Ban thường trực Quốc hội, nên thường phải về nước báo cáo công tác và tham gia một số hoạt động ở trong nước. Đặc biệt là sau thắng lợi chiến dịch Biên giới, việc đi lại dễ dàng hơn trước, tôi càng có dịp về nước hoạt động được nhiều hơn. Những hoạt động ở trong nước có cảm nghĩ sâu sắc mà đến nay vẫn còn in sâu trong trí nhớ, có thể kể ba việc như sau:

- Về chiến dịch Biên giới, tháng 9-1950.
- Về Đại hội lần thứ hai của Đảng, tháng 2-1951.
- Về vấn đề sửa sai sau cải cách ruộng đất, tháng 9-1956.

1. Về chiến dịch Biên giới (tháng 9-1950)

Nói đến chiến dịch Biên giới, trước hết cần phải hiểu lai lịch của nó. Đầu năm 1950, khi cuộc kháng chiến chống Pháp của ta đang ở giai đoạn cầm cự, nhân dịp cách mạng Trung Quốc thắng lợi, nước Cộng hòa Nhân dân

Trung Hoa thành lập (1-10-1949), Hồ Chủ tịch bí mật qua Bắc Kinh đặt vấn đề yêu Trung Quốc viện trợ. Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Mao Chủ tịch đã vui vẻ chấp nhận ngay yêu cầu đó. Việc trước tiên là ngày 18-1-1950 Trung Quốc tuyên bố thừa nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa như đã nói ở mục trên. Sau đó Trung Quốc phái một đoàn cán bộ do đồng chí La Quý Ba dẫn đầu vào Việt Nam để cùng Trung ương Đảng Việt Nam nghiên cứu tình hình kháng chiến. Qua sự nghiên cứu thấy rằng, muốn được sự viện trợ to lớn của Trung Quốc thì điều kiện quan trọng là phải khai thông vùng Biên giới Việt-Trung, nghĩa là phải tiêu diệt được quân Pháp ở vùng Biên giới. Và như vậy là Trung Quốc phải giúp nhiều mặt, mà mặt quan trọng là kinh nghiệm quân sự. Được báo cáo của các đồng chí, Mao Chủ tịch đồng ý phải khai thông Biên giới bằng cách mở chiến dịch Biên giới, và quyết định phái đồng chí Trần Canh, một vị tướng tài đã đánh quen trăm trận và đã quen biết Hồ Chủ tịch ở Quảng Châu từ những năm 1925-1926, đến giúp Việt Nam tổ chức chiến dịch này.

Đầu tháng 7 năm 1950, đồng chí Trần Canh mang theo một số cán bộ xuất phát từ Vân Nam, trèo đèo lội suối đến Việt Bắc gặp Hồ Chủ tịch ở một địa điểm trong khu rừng thuộc tỉnh Thái Nguyên, đó là “Phủ Chủ tịch của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”. Ở đây, Hồ Chủ tịch và đồng chí Trần Canh cùng nghiên cứu chiến dịch Biên giới. Trời nóng, hai người thường mặc áo may-ô suông sã như người trong một nhà, cùng chỉ trỏ trên một bản địa đồ để ở trước mặt, bàn tính về cách đánh của chiến dịch. Hồ Chủ tịch nói: “Có người chủ trương đánh vào cứ điểm địch ở Cao Bằng, giải phóng được Cao Bằng tức là khai thông được Biên giới”. Đồng chí Trần Canh cho rằng, Cao Bằng là một cứ điểm lớn của địch, quân đội ta chưa quen đánh trận địa lớn, đánh vào đó chắc phải kéo dài ngày và có thể phải hy sinh nhiều. Rất tốt là ta đánh Đông Khê, một cứ điểm nằm trên đường Cao Bằng- Lạng Sơn, ở đó

lực lượng địch chỉ có độ ba trăm, ta có thể đánh thắng mau và gọn. Như vậy quân địch ở Cao Bằng sẽ bị cô lập, Thất Khê sẽ phải kéo đến cứu viện, ta sẽ chặn đánh tiêu diệt địch trên đường hành quân. Mục đích của chúng ta là tiêu diệt binh lực địch càng nhiều càng tốt. Địch bị tổn thất nặng thì hoặc phải co lại hoặc phải tháo chạy, thế là ta giành được thế chủ động ở Biên giới. Hồ Chủ tịch rất tán thưởng ý kiến này và đưa ra bàn ở Bộ Chính trị và Bộ chỉ huy quân đội thì mọi người đều đồng ý. ^[1]

Kế hoạch đã định. Mọi việc chuẩn bị cho chiến dịch bắt đầu. Hồ Chủ tịch đích thân ra mặt trận Biên giới nắm việc chỉ đạo chiến dịch. Đồng chí Vi Quốc Thanh từ phía Quảng Tây đến với một bộ máy đầy đủ gồm các cố vấn thanh mưu, chính trị, hậu cần, là những đồng chí cán bộ ưu tú của Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc. Mỗi tình hữu nghị chiến đấu giữa quân đội cách mạng hai nước Việt-Trung chan hòa khắp dọc vùng Biên giới. Nhân dân các dân tộc hết sức phấn khởi và tin tưởng, tích cực xông ra chi viện tiền tuyến. Một cảnh tượng chiến tranh nhân dân hiện ra trước mắt chúng ta.

*

Ngày 16-9-1950, quân đội ta đánh thắng vào Đông Khê, đến sáng ngày 18-9-1950 thì toàn bộ 300 quân địch ở đây bị tiêu diệt. Sau khi Đông Khê mất, viên chỉ huy binh đoàn địch ở Cao Bằng là thượng tá Sác-tông (Charton) phải bỏ Cao Bằng đưa toàn bộ binh đoàn chạy về phía Thất Khê, viên chỉ huy binh đoàn địch ở Thất Khê là thượng tá Lơ-pa-giơ (Lepage) đưa hai nghìn quân lên phía Đông Khê để cứu viện, đều bị quân ta bao vây chặn đánh kịch liệt. Qua nhiều ngày đêm liên tục chiến đấu, đến ngày 8-10 thì cả hai binh đoàn đều bị ta tiêu diệt. Thượng tá Sác-tông, thượng tá Lơ-pa-giơ và một số sĩ quan chỉ huy địch bị ta bắt sống. Bộ chỉ huy địch ở Hà Nội, hết

sức hoảng sợ phải ra lệnh cho các đồn ở Thất Khê, Nà Sầm, Đồng Đăng, Lạng Sơn, Lào Cai phải toàn bộ rút lui. Hệ thống phòng ngự của Pháp ở Biên giới hoàn toàn bị tan rã. Khu giải phóng của ta với Đại hậu phương Trung Quốc nối liền với nhau thành một dải.

Sau khi chiến dịch Biên giới thắng lợi, trong một cuộc hội nghị cán bộ, Hồ Chủ tịch nói: “Thắng lợi của chiến dịch Biên giới là thắng lợi của tinh thần chủ nghĩa quốc tế vô sản”. Tư lệnh chỉ huy chiến dịch Võ Nguyên Giáp nói: “Chiến dịch Biên giới đã phá tan sự phong tỏa của thực dân ở Biên giới, phá tan ý đồ chiến lược của địch muốn cô lập ta. Thắng lợi này sẽ ảnh hưởng rất lớn cả về mặt quân sự, chính trị và kinh tế, đó là một thắng lợi lớn nhất trong lịch sử kháng chiến Việt Nam. Thắng lợi đó chứng tỏ tư tưởng quân sự Mao Trạch Đông hết sức thích hợp với hoàn cảnh Việt Nam và cuộc đấu tranh vũ trang của ta”.

Riêng tôi, sau khi đi dự Quốc khánh Tiệp Khắc (9-5) về qua Bắc Kinh một thời gian, vào khoảng đầu tháng 9 thì về đến Biên giới, lúc chiến dịch đang chuẩn bị. Khi nghe nói Trung ương hai Đảng chủ trương đánh Đông Khê trước chứ không đánh Cao Bằng trước, thì chỉ hiểu giản đơn rằng, Đông Khê là một cứ điểm nhỏ dễ đánh hơn Cao Bằng, nhưng sau khi đánh Đông Khê rồi, binh đoàn Sác-tông và binh đoàn Lơ-pa-giơ đến cứu viện đều bị diệt gọn, thì mới thấy rõ chủ trương đánh Đông Khê là một chủ trương chiến lược rất sáng suốt, chiến thuật “đánh điểm diệt viện” và chiến thuật “vận động chiến” quả là chiến thuật có hiệu quả rõ rệt. Khi chiến dịch kết thúc, tôi cùng với một số cán bộ địa phương đi thẳng vào thị trấn Cao Bằng để quan sát, thì thấy là một thành phố bỏ trống, chẳng những không còn một tên địch nào, mà ngay cả dân chúng cũng đã sơ tán hết. Tôi chỉ ở thị trấn Cao Bằng hai hôm rồi lại trở về chỗ Trung ương và Hồ Chủ tịch làm việc. Báo cáo công việc và nhận chỉ thị xong, tôi lại sang Trung Quốc. Ngày 5-11-1950

đến Bắc Kinh, mang theo thư Trung ương Đảng Việt Nam gửi Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, và gặp đồng chí Lưu Thiếu Kỳ để thông báo cụ thể về mọi vấn đề.

Công tác ở Bắc Kinh một thời gian, đầu năm 1951, tôi lại về nước để tham gia Đại hội lần thứ hai của Đảng.

2. Về Đại hội lần thứ hai của Đảng (tháng 2-1951)

Đại hội Đảng họp từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951 ở một khu rừng tỉnh Tuyên Quang, được gọi là Đại hội lần thứ hai của Đảng Cộng sản Đông Dương, cũng gọi là Đại hội thành lập Đảng Lao động Việt Nam. Vì sao thế? Để thấy rõ vấn đề, tôi thấy ở đây cần nhắc lại tóm tắt quá trình thành lập và sự phát triển của Đảng trong hơn hai mươi một năm qua.

Ngày 3-2-1930, ba nhóm Cộng sản Việt Nam dưới sự chủ trì của Hồ Chủ tịch, chủ trương thống nhất cả ba nhóm thành một Đảng Cộng sản Việt Nam. Cuối năm 1930, theo ý kiến của Quốc tế Cộng sản, Trung ương chủ trương đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương với ý nghĩa là một Đảng cộng sản chung cho cả ba nước Đông Dương là Việt, Miên, Lào cùng chống thực dân Pháp. Sau phong trào Xô-viết Nghệ-Tĩnh, thực dân Pháp khủng bố ác liệt, phong trào bị lắng xuống. Năm 1935 Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương triệu tập một cuộc hội nghị ở Ma-caoa để chỉnh đốn lại hàng ngũ của Đảng. Cuộc hội nghị này được gọi là Đại hội Ma-caoa, Đại hội lần thứ nhất của Đảng. Đại hội đã bầu đồng chí Hà Huy Tập làm Tổng Bí thư của Đảng thay cho đồng chí Trần Phú đã hy sinh. Tháng 9-1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập, nhưng nước Việt Nam bị chia thành hai phần, một phần từ vĩ tuyến 16 trở vào do quân Anh tiếp quản, một phần từ vĩ tuyến 16 trở ra do quân Tưởng tiếp quản, phần lớn lãnh thổ Miên và Lào đều bị quân Pháp trở lại chiếm đóng.

Để đối phó với tình hình phức tạp đó, ngày 11-11-1945 Đảng Cộng sản Đông Dương công khai tuyên bố tự giải tán. Tuyên bố như vậy nhưng thực tế Đảng vẫn tồn tại lãnh đạo cách mạng dưới danh nghĩa Mặt trận Việt Minh. Qua hơn bốn năm anh dũng kháng chiến chống Pháp, nhất là sau thắng lợi chiến dịch Biên giới, Việt Nam đã nối liền với Trung Quốc, Liên Xô và các nước trong phe xã hội chủ nghĩa thành một khối vững chắc. “Những chuyển biến mới của tình hình thế giới và tình hình trong nước đòi hỏi Đảng ta công khai hoạt động để lãnh đạo, tổ chức và động viên toàn Đảng và toàn dân quyết chiến và quyết thắng thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn”. Vì vậy Trung ương Đảng đã quyết định triệu tập cuộc Đại hội lần thứ hai của Đảng. Đại hội lần này có mấy điểm nổi bật cần nêu rõ, đặc biệt là việc thành lập Đảng Lao động Việt Nam và việc nêu cao tầm quan trọng của kinh nghiệm cách mạng Trung Quốc và tư tưởng Mao Trạch Đông đối với cách mạng Việt Nam.

*

Việc thành lập Đảng Lao động Việt Nam

“Sau khi nước Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa ra đời, Đảng ta đã trở thành Đảng nắm chính quyền; sinh hoạt chính trị và phương thức hoạt động của Đảng cũng có những thay đổi mới, khác với thời kỳ hoạt động không hợp pháp trước kia. Để phù hợp với tình hình mới và yêu cầu mới của cách mạng, điều lệ của Đảng cần phải bổ sung và sửa đổi cho thích hợp. Hơn nữa, từ khi thành lập, Đảng Cộng sản Đông Dương là Đảng chung của giai cấp công nhân cả ba nước Việt Nam, Cam-pu-chia và Lào. Từ ngày kháng chiến toàn quốc, Việt Nam là một xã hội có ba tính chất: Dân chủ nhân dân, một

phần thuộc địa và nửa phong kiến. Trong khi đó, ở Cam-pu-chia tuy hai phần ba đất nước đã được giải phóng và ở Lào đã có những chiến khu giải phóng rộng lớn ở cả Thượng Lào, Trung Lào và Hạ Lào, nhưng nhìn chung ở hai nước đó phổ biến vẫn là xã hội thuộc địa và phong kiến, và ở nhiều nơi thuộc nước Lào, giai cấp vẫn chưa phân hóa rõ rệt. Cho nên, tuy cả ba dân tộc đều cùng ở trên bán đảo Đông Dương, cùng có chung một kẻ thù là bọn xâm lược Pháp và can thiệp Mỹ, và cùng phát triển trong chu kỳ chiến tranh và cách mạng mới của thế giới, nhưng điều kiện lịch sử và dân tộc của mỗi nước không giống nhau. Tình hình đó đòi hỏi mỗi nước cần có một Đảng hợp với tình hình thực tế của nước mình.

“Hình thế trên đây đã đề ra yêu cầu gấp rút triệu tập Đại hội lần thứ hai của Đảng, đề nghị rõ chính cương, sách lược của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, quyết định việc Đảng ra hoạt động công khai và sửa đổi điều lệ Đảng cho thích hợp tình hình và nhiệm vụ cách mạng mới, bầu lại Ban Chấp hành Trung ương để thay mặt Đại hội lãnh đạo công việc chung của toàn Đảng, toàn dân” [2] .

Như vậy, việc thành lập Đảng Lao động Việt Nam là sự chấm dứt của Đảng Cộng sản Đông Dương, đồng thời cũng là sự xúc tiến việc Cam-pu-chia và Lào sẽ lập ra chính đảng riêng của mình để lãnh đạo cách mạng Cam-pu-chia và Lào cho đúng với điều kiện lịch sử và dân tộc của các nước đó.

*

Việc nêu cao tầm quan trọng của kinh nghiệm cách mạng Trung quốc và tư tưởng Mao Trạch Đông đối với cách mạng Việt Nam

Từ trước, các Đảng cộng sản và công nhân trên thế giới đều đặt nhiệm vụ nghiên cứu và học tập kinh nghiệm cách mạng Nga và học thuyết Mác- Lê-

nin. Từ khi cách mạng Trung Quốc thành công, thì các đảng đều đặt vấn đề nghiên cứu và học tập kinh nghiệm cách mạng Trung Quốc và tư tưởng Mao Trạch Đông. Riêng cách mạng Việt Nam thì từ trước Cách mạng tháng Tám (1945), Hồ Chủ Tịch đã dùng kinh nghiệm của cách mạng Trung Quốc kết hợp với hoàn cảnh thực tế của ta, xây dựng Khu giải phóng, xây dựng quân đội và chính quyền, xây dựng Mặt trận thống nhất dân tộc, đưa cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền, cuộc kháng chiến chống Pháp đến giai đoạn cầm cự. Lần này ở Đại hội lần thứ hai của Đảng lại nâng cao tầm quan trọng của việc học tập kinh nghiệm cách mạng Trung Quốc và tư tưởng Mao Trạch Đông thành một nhiệm vụ cho toàn Đảng, bằng cách ghi rõ vào trong điều lệ mới của Đảng một đoạn như sau: “Đảng Lao động Việt Nam lấy học thuyết của Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin, Sta-lin và tư tưởng Mao Trạch Đông kết hợp với thực tế của cách mạng Việt Nam làm nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam của tất cả mọi hành động. Có thể nói đó là một việc đặc biệt, đó là sự thể hiện tình hữu nghị chiến đấu khăng khít giữa hai nước Việt-Trung như môi với răng.

Chúng ta còn nhớ tại Hội trường Đại hội, “trước mặt các đại biểu, dưới chân dung của Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin là chân dung của Sta-lin và Mao Trạch Đông”^[3]. Và trong bức điện Đại hội thành lập Đảng Lao động Việt Nam gửi Đảng Cộng sản Trung Quốc có đoạn nói: “Đảng Lao động Việt Nam nguyện noi gương anh dũng Đảng Cộng sản Trung Quốc, học tập tư tưởng Mao Trạch Đông, tư tưởng lãnh đạo nhân dân Trung Quốc và các dân tộc Á Đông trên con đường độc lập và tự chủ”^[4].

Kinh nghiệm của cách mạng Trung Quốc và tư tưởng Mao Trạch Đông đã ảnh hưởng khá sâu rộng trong Đảng và trong cuộc chiến đấu của nhân dân ta để bảo vệ Tổ quốc. Trong bài giới thiệu quyển **Kháng chiến nhất định thắng lợi** của anh Trường Chinh trên báo **Nhân Dân** ngày 2-1-1956 có đoạn

nói: “Đảng có đường lối chính trị và đường lối quân sự đúng đắn, lấy chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Mao Trạch Đông làm nền tảng”. Lại có đoạn nói: “Đồng chí Trường Chinh theo tinh thần chỉ thị của Hồ Chủ tịch, đã vận dụng một cách sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Mao Trạch Đông để phân tích quy luật chiến tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam, vạch rõ phương châm chiến lược và chiến thuật của cuộc trường kỳ kháng chiến”.

Trong bài xã luận **Mừng 30 năm thành công vĩ đại của Đảng Cộng sản Trung Quốc**, báo **Nhân dân** ngày 28-1-1951 viết: “Để mừng 30 năm đấu tranh thắng lợi của Đảng Cộng sản Trung Quốc, chúng ta phải:

...Học tập kinh nghiệm phong phú của Đảng Cộng sản Trung Quốc về mọi mặt: Đấu tranh vũ trang, kinh tế, tài chính, chính sách mặt trận, chính quyền dân chủ nhân dân v.v...”

Và trong dịp kỷ niệm mười năm chiến thắng Điện Biên Phủ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết bài *“Những bài học thắng lợi của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ nói riêng và của cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân ta chống đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ nói chung”* đăng trên báo **Nhân dân** ngày 7-5-1964 có đoạn viết: “Từ năm 1950 trở đi, sau cách mạng Trung Quốc thắng lợi, quân đội và nhân dân ta càng có điều kiện học tập những kinh nghiệm quý báu của Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc, học tập tư tưởng quân sự Mao Trạch Đông. Đó là một yếu tố quan trọng giúp vào sự trưởng thành nhanh chóng của quân đội ta, góp phần vào những thắng lợi liên tiếp của quân ta, đặc biệt là trong chiến dịch Thu Đông năm 1953-1954 và trong chiến dịch Điện Biên Phủ vĩ đại...”

Điểm qua một vài nét lớn như trên, chúng ta thấy những kẻ sau này chủ trương xâm lược Cam-pu-chia, khống chế Lào và chống Trung Quốc là đã phản bội đường lối Hồ Chủ tịch, là vong ơn bội nghĩa đến và trụy lạc đến

chùng nào?

3. Hội nghị Trung ương về vấn đề sửa sai cải cách ruộng đất (tháng 9-1956)

Cải cách ruộng đất là một chủ trương chiến lược nhằm xóa bỏ chế độ bóc lột phong kiến ở nông thôn, nâng cao đời sống của nông dân để đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi.

Để đảm bảo việc cải cách ruộng đất được tiến hành đúng đắn, tháng 2 năm 1953 Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã thông qua một Cương lĩnh về vấn đề ruộng đất; tháng 12 năm 1953 lại đề nghị Quốc hội ra đạo luật cải cách ruộng đất để thực hành việc cải cách ruộng đất trên toàn miền Bắc.

Đồng thời một Ủy ban cải cách ruộng đất được thành lập để chỉ đạo việc thực hành cải cách ruộng đất.

a) Cương lĩnh ruộng đất của Đảng. Có mấy điểm về nguyên tắc cơ bản như sau:

- Tịch thu ruộng đất, trâu bò nông cụ và tài sản của bọn Việt gian phản quốc.
- Tịch thu hoặc trưng thu (tùy tội nặng nhẹ) ruộng đất, trâu bò, nông cụ và tài sản của địa chủ phản động và cường hào gian ác.
- Trưng mua ruộng đất, trâu bò, nông cụ của địa chủ kháng chiến và địa chủ thường; địa chủ kháng chiến, nhân sĩ dân chủ được chiếu cố một cách thích đáng.
- Không được đụng đến ruộng đất, trâu bò, nông cụ, nhà cửa và tài sản của trung nông.

- Không được đụng đến ruộng đất của những người có ít ruộng đất phải phát canh vì tham gia công tác kháng chiến, vì thiếu sức lao động hoặc vì bận làm nghề khác.
- Để thực hiện cải cách ruộng đất phải phát động quần chúng theo đúng đường lối của Đảng ở nông thôn: Dựa hẵn vào bản cổ nông, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, liên hiệp phú nông, tiêu diệt chế độ phong kiến từng bước và có phân biệt, phát triển sản xuất, đẩy mạnh kháng chiến.

b) Luật cải cách ruộng đất do Quốc hội thông qua còn quy định cụ thể:

- Về việc tịch thu, trưng thu, trưng mua ruộng đất (chương II).
 - Về việc chia ruộng đất (chương III).
 - Về cơ quan chấp hành và thực hiện cải cách ruộng đất (chương IV).
- Trong chương này có hai điều quy định chặt chẽ nhằm hạn chế sự lệch lạc trong khi chấp hành, như điều 34 quy định: “Thành phần giai cấp do hội nghị đại biểu nông dân bình nghị. Những người đương sự phải được dự hội nghị để tham gia bàn định”. Điều 36 quy định: “Đối với kẻ phạm pháp thì xét xử theo pháp luật, nghiêm cấm việc bắt bớ và giết chóc trái phép, đánh đập hoặc dùng mọi thứ nhục hình khác”.

c) Một ủy ban cải cách ruộng đất được thành lập: Gồm Trường Chinh, Tổng Bí thư Trung ương Đảng là Trưởng ban; Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Hồ Viết Thắng, Ủy viên Trung

ương Đảng là ủy viên.

Việc cải cách ruộng đất do Trung ương đề ra với chủ trương đường lối như trên và một ủy ban chỉ đạo gồm những thành viên quan trọng như vậy là hoàn toàn đúng đắn và cần thiết. Nhưng khi thực hành thì do tác phong gia trưởng và ý thức tả khuynh của Trường Chinh đã đưa đến những sai lầm nghiêm trọng là đánh tràn lan vào trung nông, phú nông và những người có một ít ruộng đất cho thuê, đánh tràn lan cả vào cơ sở Đảng.

Tôi còn nhớ trong một cuộc hội nghị Trung ương năm 1955, Ủy ban cải cách ruộng đất báo cáo về đợt thí nghiệm ở Thái Nguyên do Hoàng Quốc Việt lãnh đạo. Trong đợt có năm trăm địa chủ lọt lưới và bốn trăm địa chủ bị quy sai. Các ủy viên Trung ương đã nêu lên rằng, những người lọt lưới, thì sau có thể quy định lại, nhưng những người bị quy sai, thì mất hết cả tài sản, cả danh dự, gây thành một sự thù oán trong nhân dân, đó là một việc rất nguy hiểm không thể để xảy ra tình trạng ấy. Ý kiến đó đã không được Ủy ban cải cách coi trọng, mà lại tự do cho phép các đội cải cách ruộng đất được bắn địa chủ gian ác để nâng cao khí thế nông dân. Việc bắn địa chủ mở đầu từ Thái Nguyên, sau lan tràn đi nhiều nơi, coi đó là một phương pháp tốt, để nâng cao uy thế nông dân.

Tiếp đó việc cải cách ruộng đất mở rộng ra thành vấn đề chính đồn tổ chức Đảng. Do phương pháp chỉ nghe nhân chứng không trọng vật chứng, và phương pháp nhục hình ép phải cung nhận, kết quả là chỗ nào cũng có người “phản Đảng” hoặc người “chui vào Đảng để phá hoại”. Ở Nghệ-Tĩnh là nơi cơ sở Đảng mạnh nhất, thì cũng là nơi bị phá hoại nghiêm trọng nhất.

Từ trước, Trung ương vốn tin ở Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương, nay vì sai lầm lớn ở Nghệ-Tĩnh, sự phản ứng mãnh liệt của nhân dân vang dội đến Hà Nội, Trung ương phải khẩn cấp họp hội nghị đặc biệt để nghiên cứu tình hình. Việc sửa sai bắt đầu.

*

Hội nghị Trung ương về sửa sai cải cách ruộng đất họp vào tháng 9 năm 1956, là một cuộc hội nghị họp nhiều ngày nhất ^[5] từ khi có Đảng. Hầu hết các đồng chí Trung ương đều cho rằng trong quá trình cải cách ruộng đất, Ủy ban có cách ruộng đất đã không thi hành đúng chủ trương của Đảng. Thí dụ:

- Đảng chủ trương “đấu lý” để nâng cao giác ngộ của nông dân và làm cho địa chủ biết việc bóc lột nông dân là không đúng thì các đội cải cách đã để cho nông dân xỉ vả người bị gọi là địa chủ, thậm chí chủ trương để cho nàng dâu xỉ vả mẹ chồng, con xỉ vả bố mẹ, mà người bị gọi là địa chủ cứ phải cúi đầu chịu, không được thanh minh phải trái, có người bị bao vây chặt chẽ đến nỗi cơm không có ăn, hàng xóm hoặc bà con quá thương phải giấu lén đưa cho củ khoai, củ sắn.
- Đảng chủ trương những gia đình có công với cách mạng, hoặc “địa chủ kháng chiến” được chiếu cố, thì các đội cải cách ruộng đất đều coi họ như địa chủ có tội ác với nhân dân mà đấu tố lung tung.
- Đảng chủ trương những người có một ít ruộng cho thuê, nhưng nguồn sống chính là nhờ vào việc làm ăn khác, như đi buôn, làm thợ v.v... thì chỉ khuyên họ trả ruộng đất cho nông dân, mà không coi là địa chủ, nhưng các đội cải cách cứ vẫn coi là địa chủ, để mặc cho nông dân tùy tiện xỉ vả. Vì vậy, những người chỉ năm ba sào ruộng mà cũng bị coi là địa chủ trở thành một hiện tượng phổ biến. Những người là trung nông đáng lý phải được đoàn kết chặt chẽ trong hàng ngũ của

nông dân, những người phú nông đáng lý phải được ở vào địa vị được liên hiệp trong cải cách thì một số không ít cũng bị coi là địa chủ, bị tịch thu hết ruộng đất nhà cửa, của cải, bị đủ mọi điều sỉ nhục mà không có quyền được chửi cãi.

Tai hại hơn là lúc chuyển sang giai đoạn “chỉnh đốn tổ chức” thì chẳng những đánh vào trung nông và phú nông, mà còn đánh cả vào các tổ chức cơ sở Đảng, phần lớn những người đảng viên vào Đảng từ năm 1930, hoặc tham gia Thanh niên cách mạng đồng chí hội từ những năm 1925-1926 đều bị đầu tố và giam cầm. Đặc biệt là ở Nghệ-Tĩnh, do Đặng Thỉ phụ trách thì nhà tù dựng lên khắp nơi, hầu hết cơ sở Đảng đều bị đánh phá tan nát. Những sai lầm như trên đã được nêu lên khá rõ rệt và đầy đủ, nhưng người phụ trách Ủy ban cải cách ruộng đất là Trường Chinh tuy không chửi cãi được, nhưng cứ lý luận rằng cải cách đã đưa lại ruộng đất cho nông dân là một thắng lợi lớn, còn những sai lầm thì tránh né không thừa nhận một cách thẳng thắn. Hoàng Quốc Việt cũng không nhận sai lầm. Chỉ có Lê Văn Lương, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương là thành thực nhận sai lầm trong việc chỉnh đốn tổ chức. Hồ Chủ tịch tuy không ở trong Ủy ban cải cách ruộng đất, nhưng với cương vị là Chủ tịch Đảng, đã nghiêm khắc tự phê bình trước Hội nghị về việc thiếu kiểm tra đôn đốc, và chủ trương kiên quyết sửa sai.

Hội nghị Trung ương đáng lẽ phải có một nghị quyết tổng kết kinh nghiệm về cải cách ruộng đất. Nhưng Trường Chinh vừa là Tổng Bí thư Trung ương Đảng vừa là Trưởng ban cải cách ruộng đất, vì tư tưởng không thông, nên dự thảo nghị quyết mấy lần đều không được Hội nghị Trung ương chấp nhận. Kết quả vì cuộc họp đã lâu quá không thể kéo dài, đành phải kết thúc bằng

chủ trương kiên quyết sửa chữa và thi hành kỷ luật với một số người phụ trách. Còn về nghị quyết thì phải tạm gác lại, giao cho Trường Chinh viết lại để trình Trung ương duyệt trong một phiên họp khác.

Về việc thi hành kỷ luật, Trung ương quyết định như sau:

- Trường Chinh thôi chức Tổng Bí thư Trung ương Đảng, chức vụ này tạm do Hồ Chủ tịch kiêm.
- Hoàng Quốc Việt rút ra khỏi Bộ Chính trị.
- Lê Văn Lương rút ra khỏi Bộ Chính trị và thôi giữ chức Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng.
- Hồ Viết Thắng rút ra khỏi Ban Chấp hành Trung ương.

Để bổ sung vào Bộ Chính trị, Hội nghị Trung ương bỏ phiếu bầu Nguyễn Duy Trinh, Lê Thanh Nghị và Hoàng Văn Hoan làm ủy viên Bộ Chính trị. Đồng thời Trung ương cũng nghĩ đến việc Hồ Chủ tịch vừa là Chủ tịch Đảng, vừa kiêm chức Tổng Bí thư thì sẽ phải quản cả mọi việc sự vụ, cần phải nhắm đến người thay thế chức vụ Tổng Bí thư.

Lê Duẩn là một cán bộ công tác ở miền Nam, trước đã viết thư đề nghị Trung ương phải cải cách ruộng đất để cải thiện đời sống nông dân. Các đồng chí trong Bộ Chính trị đều nghĩ rằng một người đã có sáng kiến như vậy thì chắc chắn có thể giúp Hồ Chủ tịch trong chức vụ là Bí thư Trung ương Đảng. Không bao lâu thì Lê Duẩn được điều từ miền Nam ra làm việc ở miền Bắc.

*

Vào khoảng cuối năm 1956 đầu năm 1957, Lê Duẩn đến Hà Nội, Trung ương quyết định ủy nhiệm làm quyền Tổng Bí thư để giúp Hồ Chủ tịch giải quyết các việc hàng ngày của Ban Chấp hành Trung ương.

Với tư cách là quyền Tổng Bí thư Trung ương Đảng, nhưng Lê Duẩn không mãi miết ở bàn giấy như Trường Chinh, mà liên hệ rộng rãi với cán bộ đảng viên với các nhân sĩ dân chủ. Trong các cuộc họp Bộ Chính trị hay Trung ương cũng tỏ ra khiêm tốn, lắng nghe ý kiến của người khác và phát biểu không nhiều. Theo anh ta nói, thì mới ra miền Bắc chưa hiểu tình hình, cần phải học hỏi, đặc biệt là cần phải nghiên cứu tình hình kinh tế để xây dựng miền Bắc.

Về việc sửa sai trong cải cách ruộng đất, trong một cuộc họp Bộ Chính trị, Lê Duẩn có nêu một số ý kiến, cho rằng cải cách ruộng đất sai lầm chủ yếu là ở chỗ không dựa vào Đảng, mà chỉ dựa vào các tổ cải cách ruộng đất. Ở Trung Quốc sau khi giải phóng, cải cách ruộng đất ở các vùng Hoa Trung, Hoa Nam phải dựa vào tổ cải cách ruộng đất là vì ở đó cơ sở Đảng rất yếu, có chỗ hầu như không có. Còn ở Việt Nam, qua nhiều năm chiến đấu, cơ sở Đảng đã phát triển sâu rộng trong nhân dân, nhưng cải cách ruộng đất chẳng những không dựa vào Đảng mà lại còn đánh tràn lan cả vào cơ sở Đảng. Qua sự phân tích đó, Bộ Chính trị thấy rằng việc thảo nghị quyết Trung ương tổng kết kinh nghiệm cải cách ruộng đất, giao cho Lê Duẩn phụ trách là hợp lý. Lê Duẩn từ chối với lý do Trường Chinh là người phụ trách cải cách ruộng đất thì cứ để Trường Chinh phụ trách thảo nghị quyết là tốt hơn.

Nhưng rồi Trường Chinh cứ mắc mứu dây dưa mãi cho đến Đại hội lần thứ ba của Đảng cuối năm 1960 mà nghị quyết vẫn không thảo ra được. Trong lịch sử Đảng, lần đầu tiên một cuộc họp Trung ương quan trọng như thế mà không có một bản nghị quyết tổng kết là một việc làm cho đảng viên hết sức

thắc mắc. Chẳng những hội nghị Trung ương không có nghị quyết, mà ngay cả trong quá trình sửa sai, Trường Chinh vẫn không dứt khoát, nên những án oan, án giả không được minh oan và người bị quy sai thành phần cũng không được tuyên bố một cách rõ rệt, cho nên mỗi oán thù trong cải cách ruộng đất vẫn ăn sâu trong lòng một số người, thậm chí cho đến ngày nay vẫn chưa phai nhạt. Trường Chinh vốn là một người có uy tín lớn trong Đảng trong nhân dân vì thời gian trước và sau Cách mạng Tháng Tám đã nghiêm chỉnh chấp hành đúng chủ trương đường lối của Hồ Chủ tịch, đã góp phần đáng kể vào việc thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, vào việc đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi. Nhưng qua việc sai lầm trong cải cách ruộng đất và việc sửa sai không triệt để, nên uy tín bị sụt xuống rõ rệt, đặc biệt là do sự mớm ý hết sức khéo léo của Lê Duẩn, càng làm cho sự tin tưởng của cán bộ và đảng viên dần dần chuyển từ Trường Chinh qua Lê Duẩn, mà bản thân Trường Chinh có lẽ cũng không ý thức đến.

Tham dự xong Hội nghị Trung ương về cải cách ruộng đất, tôi lại trở ra Bắc Kinh. Thủ tướng Chu Ân Lai được biết tin và rất quan tâm về vấn đề sai lầm trong cải cách ruộng đất, khi gặp tôi liền hỏi: Việc sai lầm trong cải cách ruộng đất có liên quan gì đến các đồng chí cổ vấn Trung Quốc không? Tôi trả lời: Kinh nghiệm cải cách ruộng đất của Trung Quốc là rất tốt. Ủy ban cải cách ruộng đất ở Việt Nam phạm sai lầm, như coi thành phần địa chủ lên quá nhiều, đánh vào phần lớn phú nông và trung nông, đánh vào những người chỉ có một ít ruộng đất nhưng nguồn thu nhập chính là ở nghề nghiệp khác, đánh vào những địa chủ kháng chiến, địa chủ có công lao với cách mạng, đặc biệt là đánh tràn lan cả vào cơ sở Đảng, thì đó là sai lầm của Ủy ban cải cách ruộng đất Việt Nam, chứ không phải là sai lầm của các cổ vấn Trung Quốc.

Sai lầm trong cải cách ruộng đất, đối với Trường Chinh là một bi kịch, đối với Lê Duẩn lại là một dịp tốt để từng bước xây dựng bè cánh, dần dần xa lìa đường lối của Hồ Chủ tịch, đưa vận mệnh Tổ quốc đến chỗ tai nạn.

^[1]Ghi chép của tác giả trùng với quan điểm của Trung Quốc và ngược với quan điểm của Việt Nam về việc ai chủ trương đánh Đông Khê. BT

^[2]Ba mươi lăm năm đấu tranh của Đảng *tập II trang 95-96*

^[3]báo Nhân dân ngày 11-3-1951

^[4]báo Nhân Dân ngày 11-3-1951

^[5]gần một tháng

^[6]báo Nhân dân ngày 24-11-1957

^[7]báo Nhân dân ngày 6-12-1960

^[8]Nguyễn Văn Kinh là Đại sứ Việt Nam tại Liên Xô, nên hội đàm xong thì ở lại Liên Xô chứ không về nước

^[9]thủ phủ Khu tự trị Nội Mông (Hohhot-BT)

^[10]thủ phủ Tây Tạng (Lhasa-BT)

^[11]báo Nhân dân ngày 7-8-1964

^[12]cùng đi với tôi từ Cu Ba về

^[13]chỉ dùng danh nghĩa Đoàn đại biểu Chính phủ chứ không dùng danh nghĩa Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ như thường lệ

^[14]báo Nhân dân ngày 11-2-1965

^[15]báo Nhân dân ngày 19-4-1965

Hoàng Văn Hoan

Giọt nước trong biển cả

Phần 7: Cách mạng Việt Nam với sự phản bội của Lê Duẩn
(1957-1979)

P7 - Chương 1 & 2

Tháng 4-1957, Trung ương quyết định cử anh Nguyễn Khang thay tôi làm Đại sứ ở Trung Quốc, anh Trần Độ thay tôi làm Đại sứ ở Triều Tiên, còn tôi thì về nước nhận nhiệm vụ khác.

Thời gian này công tác ở Đảng triển khai trên nhiều mặt. Tôi được phân phối phụ trách công tác Quốc hội giúp Bác Tôn là Trưởng Ban thường trực Quốc hội nhưng tuổi cao sức yếu, mà tôi là Ủy viên Ban thường trực Quốc hội được Quốc hội bầu từ tháng 10-1946.

Năm 1961 tại Đại hội Đảng bộ Hà Nội, tôi được bầu làm Bí thư Thành ủy Hà Nội. Sau một thời gian không lâu, Trung ương quyết định tôi thôi chức Bí thư Thành ủy Hà Nội, chuyển sang giữ chức Trưởng Ban liên lạc đối ngoại Trung ương Đảng.

Thế là từ năm 1957 về sau, sinh hoạt chính trị của tôi gắn liền với sinh hoạt Bộ Chính trị Trung ương Đảng, trừ trường hợp tôi phải dẫn đầu (hoặc tham gia) Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ, hoặc dẫn đầu Đoàn đại biểu Quốc hội đi hoạt động ở nước ngoài, và trường hợp tôi phải nghỉ ngơi dưỡng bệnh. Theo quy định, Bộ Chính trị mỗi tuần họp một lần, khi Hồ Chủ tịch vắng mặt thì Lê Duẩn chủ trì; hội nghị Trung ương thì toàn thể Bộ Chính trị là Đoàn Chủ tịch, mỗi ủy viên Bộ Chính trị luân lưu chủ tọa hội nghị một ngày hoặc một buổi theo sự sắp xếp trong thời gian hội nghị.

Do sự quan hệ về công tác, tôi thường xuyên tiếp xúc với Lê Duẩn suốt từ năm 1957 đến năm 1979, và do sự tiếp xúc đó, mà tôi được biết rõ Lê Duẩn là con người như thế nào.

Lê Duẩn là một người thông minh, hiểu biết chính trị nhiều cả về mặt lý luận cũng như mặt thực tiễn. Nhưng là một người không thật thà, có dã tâm lớn về danh vọng và địa vị, ưa nịnh hót, ghét người trung trực, không có phong độ của một người đàn anh trong hàng ngũ cách mạng. Điều đó không có gì khó hiểu, vì hầu hết người cách mạng đều xuất thân từ xã hội cũ, từ xã hội phong kiến và thuộc địa, khi vào hàng ngũ cách mạng vẫn mang theo ít nhiều ảnh hưởng tư tưởng của xã hội đó. Tuy vậy người cách mạng thật lòng muốn đi cải tạo xã hội thì đồng thời phải tự cải tạo mình. Trong quá trình thực tiễn cách mạng sẽ dần dần tự cải tạo mình trở thành người có phẩm chất, có đạo đức cách mạng, trở thành người thật lòng thật dạ phục vụ quyền lợi cách mạng, quyền lợi Tổ quốc và nhân dân.

Nhưng qua hơn hai mươi năm gần gũi, quan sát, tôi thấy Lê Duẩn là một người không tự cải tạo. Đã không tự cải tạo để phục vụ lợi ích cách mạng, thì dần dần sa ngã thành một người phản bội cách mạng là lẽ tất nhiên.

Cách mạng Việt Nam bị Lê Duẩn phản bội trong bối cảnh quốc tế là phe xã hội chủ nghĩa và phong trào Cộng sản quốc tế bị rạn nứt do Khrushchev, người choán quyền Đảng Cộng sản Liên Xô từ tháng 9 năm 1953 gây nên; và bối cảnh là Hồ chủ tịch bị đau yếu luôn trong mấy năm và mất trước ngày miền Nam giải phóng.

Cách mạng Việt Nam bị Lê Duẩn phản bội chẳng những là một việc đau xót cho nhân dân Việt Nam mà cũng là một việc đau xót cho cả những người đã từng hết lòng hết sức giúp nhân dân Việt Nam chống đế quốc giành độc lập dân tộc, đau xót cho cả những người lương thiện muốn thế giới có một nền hòa bình, muốn nhân dân Việt Nam ấm no hạnh phúc.

Lê Duẩn được điều động ra miền Bắc công tác vào khoảng cuối năm 1956 đầu năm 1957. Mấy năm mới đến vì chưa xây dựng được vây cánh, chưa có một địa vị vững chắc trong cơ cấu lãnh đạo của Đảng, nên y còn khiêm tốn tỏ vẻ chan hòa với mọi người. Cuối năm 1960, trong Đại hội lần thứ ba của Đảng Lao động Việt Nam, y được chính thức bầu làm Bí thư thứ nhất Trung ương Đảng thì nhích dần từng bước, từng bước xa rời khỏi đường lối của Đảng và của Hồ Chủ tịch, đến sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng thì trắng trợn trở thành một tên phản bội cách mạng. Những hành động phản bội cụ thể của y là việc lợi dụng Đại hội lần thứ tư của Đảng cuối năm 1976 gạt một phần ba (23/71) ủy viên Trung ương ra khỏi Ban Chấp hành Trung ương mới; việc ép Trung ương ra khỏi Ban Chấp hành Trung ương mới; việc ép Trung ương Đảng ra nghị quyết chống Trung Quốc (7-1978); việc ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt – Xô mà thực chất là hiệp ước liên minh quân sự nhằm chống Trung Quốc (11-1978); việc đưa hai mươi vạn quân sang xâm chiếm Cam-pu-chia.

Để nói rõ quá trình phản bội của Lê Duẩn, phần hồi ký này sẽ thuật lại những biến cố hữu quan trong nhiều năm, qua các mục sau đây:

- Những sự việc xảy ra ở Liên Xô sau khi Sta-lin mất và thái độ của Đảng Lao động Việt Nam.
- Những sự việc xảy ra sau khi Liên Xô viện trợ quân sự cho Việt Nam chống Mỹ.
- Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước với vai trò của Lê Duẩn.
- Cách mạng Việt Nam với sự phản bội của Lê Duẩn.
- Quyết tâm rời Tổ quốc để tiếp tục làm cách mạng.

- Những văn kiện kèm theo.

I. Những sự việc xảy ra ở Liên Xô sau khi Sta-lin mất và thái độ của Đảng Lao động Việt Nam

Trước Đại hội lần thứ ba của Đảng Lao động Việt Nam, một sự việc bất ngờ đã xảy ra ở Liên Xô là sau khi Sta-lin mất (tháng 3-1953) không lâu, thì Khrushchov lật đổ Ma-len-cốp và nắm chức Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Liên Xô, rồi làm một số việc nguy hại đến sự đoàn kết trong phe xã hội chủ nghĩa và trong phong trào Cộng sản quốc tế:

- Tháng 2-1956, tại Đại hội lần thứ hai mươi của Đảng Cộng sản Liên Xô, trong bản báo cáo tổng kết trình Đại hội, Khrushchov đã đưa ra chủ trương “thi đua hòa bình với đế quốc” làm đường lối chung cho các nước xã hội chủ nghĩa, chủ trương “tiến lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường nghị viện” làm đường lối chung cho các Đảng cộng sản và công nhân ở các nước tư bản. Và cũng trong Đại hội này qua một buổi họp kín không có đại biểu các đảng anh em tham gia, Khrushchov đã đưa ra một bản báo cáo “mật” bôi nhọ Sta-lin, mà thực chất là bôi nhọ Liên Xô. Vì trong lúc này, các nước tư bản đứng đầu là đế quốc Mỹ đang tìm đủ mọi cách bôi nhọ Liên Xô, thì bản báo cáo “mật” của Khrushchov là một sự tiếp tay có hiệu quả cho các đế quốc. Bản báo cáo mật đó, Mỹ đã lấy được và đã lập tức cho công bố ngay trong thời gian đó.

- Tháng 6-1957, Khrushchêv lên án Ma-len-cốp, Mô-lô-tốp, Ca-ga-nô-vích là tập đoàn phản Đảng, mà thực ra thì đó chỉ là một sự vu khống nhằm tiến tới choán toàn bộ quyền hành trong Đảng.
- Tháng 11 năm 1957 nhân dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười, Hội nghị các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa họp ở Mạc Tư Khoa có Hồ Chủ tịch tham gia, đã ra một bản Tuyên bố chung có đoạn viết:
“Trong quan hệ với nhau, các nước xã hội chủ nghĩa dựa trên những nguyên tắc hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ, độc lập và chủ quyền quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Đó là những nguyên tắc quan trọng” ^[6].
- Năm 1959, Trung Quốc và Ấn Độ có sự tranh chấp về vấn đề Biên giới, Khrushchêv ép Trung Quốc phải nhượng bộ Ấn Độ, nhưng Trung Quốc không chịu vì đoạn Biên giới tranh chấp đó là do Mác-ma-hông, nguyên Tổng đốc Anh ở Ấn Độ tự vạch ra mà Trung Quốc chưa bao giờ thừa nhận.
- Tháng 6-1960, tại cuộc họp đảng các nước xã hội chủ nghĩa ở Bu-ca-rét, Thủ đô Ru-ma-ni, Khrushchêv công khai chỉ trích Đảng Cộng sản Trung Quốc, buộc đại biểu Đảng Cộng sản Trung Quốc là Bành Chân phải phê phán lại Khrushchêv ngay trong cuộc họp.
- Tháng 7-1960, Khrushchêv đã đơn phương tuyên bố rút toàn bộ chuyên gia Liên Xô đang công tác ở Trung Quốc, xóa bỏ hơn 600 bản hiệp định và hợp đồng ký với Trung Quốc, và khuấy động thành một phong trào rộng rãi chống Trung Quốc.

*

Những việc làm của Khor-rút-sốp đã công khai bộc lộ trước thế giới sự rạn nứt trong phong trào Cộng sản quốc tế, đặc biệt là sự bất hòa giữa hai nước lớn xã hội chủ nghĩa là Liên Xô và Trung Quốc. Đối với tình hình đó, Đảng Lao động Việt Nam hết sức lo lắng. Một Đoàn đại biểu do Hồ Chủ tịch dẫn đầu, Hoàng Văn Hoan, Xuân Thủy là đoàn viên, ngày 10-8-1960 đã gấp rút lên đường đi Liên Xô để thuyết phục Khor-rút-sốp duy trì mối quan hệ hữu nghị với Trung Quốc, nhưng không có kết quả vì Khor-rút-sốp vẫn khẳng khái chống Trung Quốc. Tuy vậy trong thời gian này Hồ Chủ tịch vẫn chủ trương phải bảo vệ uy tín của Liên Xô, vẫn xem Liên Xô là *“người anh cả” trong phong trào Cộng sản quốc tế, vẫn chủ trương phải đoàn kết Liên Xô, đoàn kết Trung Quốc và đoàn kết phe xã hội chủ nghĩa*. Các chủ trương đó đã thể hiện rõ trong các văn kiện của Đại hội lần thứ ba của Đảng Lao động Việt Nam họp từ ngày 5 đến ngày 10 tháng 9 năm 1960.

Sau ba mươi năm đấu tranh gian khổ, lần đầu tiên Đảng họp Đại hội ở Thủ đô Hà Nội, có sự tham gia của đại biểu Đảng các nước xã hội chủ nghĩa, đại biểu của một số Đảng cộng sản lớn như Đảng Pháp, Đảng Ấn Độ, Đảng In-đô-nê-xi-a, Đảng Ca-na-da và đại biểu một số đảng cần giữ bí mật không nêu tên. Đó là Đại hội *“xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh thống nhất nước nhà”*, là Đại hội *“góp phần tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong phe xã hội chủ nghĩa, tăng cường sự thống nhất phong trào Cộng sản quốc tế”*.

Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành Trung ương gồm 71 ủy viên trong đó có 43 ủy viên chính thức, 28 ủy viên dự khuyết. Tiếp đó, Hội nghị Ban Chấp hành

Trung ương mới đã bầu Hồ Chủ tịch làm Chủ tịch Trung ương Đảng, Lê Duẩn làm Bí thư thứ nhất Trung ương Đảng. Hội nghị Trung ương cũng bầu Bộ Chính trị gồm 11 ủy viên chính thức là Hồ Chủ tịch, Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng, Võ Nguyên Giáp, Lê Đức Thọ, Nguyễn Chí Thanh, Nguyễn Duy Trinh, Lê Thanh Nghị, Hoàng Văn Hoan và hai ủy viên dự khuyết là Trần Quốc Hoàn, Văn Tiến Dũng.

Đại hội kết thúc trong bầu không khí tung bừng phấn khởi. Mọi người đều mong chờ ở Lê Duẩn những kết quả công tác tốt đẹp trong nhiệm vụ đoàn kết Liên Xô, đoàn kết Trung Quốc, đoàn kết phe xã hội chủ nghĩa, đoàn kết phong trào Cộng sản quốc tế. Nhưng sau Đại hội không bao lâu, thì Lê Duẩn đã dần dần ngả theo Khơ-rút-sốp, càng ngày càng có những hành động trái ngược với nhiệm vụ cao cả đó!

*

Sau Đại hội lần thứ ba của Đảng, Hồ Chủ tịch dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ đi Mạc Tư Khoa để dự lễ kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười. Nhân dịp này, Khơ-rút-sốp đột kích triệu tập một cuộc hội nghị các đảng cộng sản và công nhân để bàn về phong trào Cộng sản quốc tế. Trong hội nghị, một số đại biểu đã thẳng thắn phát biểu ý kiến, nhẹ nhàng phê bình cách làm của Khơ-rút-sốp, nhưng rồi thỏa thuận thông qua một bản thông cáo chung có tính chất xây dựng. Bản thông cáo chung đó có đoạn viết: *“Tất cả các đảng theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin đều độc lập, bình đẳng, đều xuất phát từ những điều kiện cụ thể của nước mình và dựa vào những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lê-nin mà đề ra chính sách, đồng thời ủng hộ lẫn nhau”* ^[7]. Điều đó nói lên sự ước mong của các đảng anh em trong phong trào Cộng sản quốc tế là độc lập tự chủ quyết định đường lối của đảng mình,

không bị bắt buộc phải làm theo càn chỉ huy của một đảng nào khác. Thế nhưng sau đó, Khơ-rút-sốp vẫn ép một số đảng anh em chống Trung Quốc, phong trào Cộng sản quốc tế càng rạn nứt. Biểu hiện cụ thể là tại Đại hội của các đảng, như Đảng Cộng sản Bun-ga-ri, Đảng Công nhân xã hội Hung-ga-ri, Đảng Cộng sản Tiệp Khắc vào cuối năm 1962, Đảng Xã hội thống nhất Đức vào đầu năm 1963, trong bản báo cáo chính trị của Trung ương các đảng đó đều có chỗ công khai phê phán Trung Quốc, làm cho đại biểu Đảng Trung Quốc phải công khai tỏ thái độ bác lại những lời phê phán đó ngay ở trước đại hội. Với tư cách là Trưởng đoàn đại biểu Đảng Lao động Việt Nam đến dự những cuộc đại hội đó, tôi được chứng kiến một tình trạng đau xót là tình trạng bất hòa trong phe xã hội chủ nghĩa mà khi về đến Hà Nội tôi đã báo cáo rõ với Hồ Chủ tịch và Bộ Chính trị Trung ương Đảng. Đến như các đảng anh em chưa nắm chính quyền thì từ đông sang tây đảng nào cũng có sự phân hóa: Nhóm được gọi là “chính thống” thì theo chủ trương của Khơ-rút-sốp chống Trung Quốc; nhóm “mác-xít” thì chống chủ trương của Khơ-rút-sốp và ủng hộ Trung Quốc. Các nhóm chống chủ trương của Khơ-rút-sốp đều giương cao ngọn cờ chống chủ nghĩa xét lại vì cho rằng trong khi toàn thế giới đang chống chủ nghĩa đế quốc, mà Khơ-rút-sốp lại chủ trương thi đua hòa bình với đế quốc, chủ trương tiến lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường nghị viện, như vậy là chẳng khác gì giới nước lạnh vào cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới, như vậy là không phù hợp với chủ nghĩa Mác-Lê-nin. Về tình hình này, Đảng Lao động Việt Nam thảo luận nội bộ rất nhiều, đến cuối năm 1963, thì trong Đảng mới cơ bản nhất trí là phải kiên trì nguyên tắc chủ nghĩa Mác-Lê-nin, không thể chấp nhận kiểu “chung sống” của Khơ-rút-sốp trong khi nhân dân miền Nam đang vùng dậy chống Mỹ-ngụy phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ và ráo riết khủng bố bắt kẻ những ai đòi thực hiện thống nhất Tổ quốc. Bây giờ, Hồ Chủ tịch mới chủ

trưng họp hội nghị lần thứ chín của Trung ương Đảng để thảo luận vấn đề chống chủ nghĩa xét lại.

Lê Duẩn trong mấy năm trước đó, đi lại Mạc Tư Khoa nhiều lần, bị Khơ-rút-sốp tìm mọi cách lôi kéo, đã ngấm ngầm đứng về phía Khơ-rút-sốp chống Trung Quốc, nên khi Bộ Chính trị quyết định họp Trung ương để nghiên cứu vấn đề chống chủ nghĩa xét lại, thì Lê Duẩn tránh né không tự mình chuẩn bị bản báo cáo, mà đẩy trách nhiệm đó cho Trường Chinh.

*

Hội nghị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam thảo luận về vấn đề chống chủ nghĩa xét lại họp cuối năm 1963.

Trong hội nghị, sau khi nghe Trường Chinh đọc báo cáo, các đồng chí thảo luận rất sôi nổi. Tố Hữu thì phê phán Liên Xô rất mạnh bằng cách nêu ra mười tội trạng với giọng nói lên bổng xuống trầm của một nhà thơ. Riêng Lê Duẩn thì không phát biểu gì cả. Sau nhiều ngày thảo luận, hội nghị thông qua nghị quyết. Trong bản dự thảo nghị quyết có đoạn nêu rõ tên Khơ-rút-sốp. Lê Duẩn đề nghị không nên nêu tên Khơ-rút-sốp. Cuối cùng Trung ương quyết định không nêu tên Khơ-rút-sốp. Trung ương quyết định rằng nghị quyết này là một văn kiện học tập trong nội bộ chứ không công bố, nhưng tinh thần chủ yếu thì như bản thông cáo đăng ở báo **Nhân dân** ngày 21-1-1964. Thông cáo có đoạn viết:

“Đảng Lao động Việt Nam ra sức đấu tranh để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lê-nin, chống chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh là nguy cơ chủ yếu của phong trào Cộng sản quốc tế, đồng thời chống chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa biệt phái”; “Trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại hiện đại, Đảng ta đứng vững trên lập trường của

chủ nghĩa Mác – Lê-nin, kiên quyết bảo vệ những nguyên tắc của hai bản tuyên bố Mạc Tư Khoa năm 1957 và năm 1960”; “Kiên quyết chống chủ nghĩa xét lại hiện đại không những là nghĩa vụ quốc tế của Đảng ta, mà còn là một yêu cầu cấp bách để bảo vệ sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, bảo vệ đường lối đúng đắn của Đại hội toàn quốc lần thứ ba của Đảng và đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng của nhân dân cả nước.”

Việc Trung ương ra được bản nghị quyết chống chủ nghĩa xét lại như thế là kết quả của một cuộc đấu tranh nội bộ kể từ năm 1960 khi Khrushchov đã ra mặt chống Trung Quốc. Bản nghị quyết ra được mấy hôm thì Liên Xô mời một Đoàn đại biểu Đảng Lao động Việt Nam qua Liên Xô. Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam liền cử Đoàn đại biểu do Lê Duẩn làm trưởng đoàn, Lê Đức Thọ, Hoàng Văn Hoan, Tố Hữu và Nguyễn Văn Kinh là đoàn viên. Ngày 27-1-1964, Đoàn lên đường đi Liên Xô. Khi qua Bắc Kinh, Mao Chủ tịch đã thết tiệc thân mật. Trong bữa tiệc Lê Duẩn đã nói rõ với Mao Chủ tịch rằng, chuyến này chúng tôi qua Liên Xô là để trình bày lập trường và quan điểm của Đảng chúng tôi, đồng thời cũng sẵn sàng nghe lập trường và quan điểm của Đảng Cộng sản Liên Xô, nhưng Bộ Chính trị và Hồ Chủ tịch đã dặn chúng tôi là không ra thông cáo chung. Mao Chủ tịch tỏ lòng khâm phục đối với Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã quan tâm đến phong trào Cộng sản quốc tế, quan tâm đến sự đoàn kết giữa Trung Quốc với Liên Xô. Mao Chủ tịch chúc Đoàn sẽ đạt được thành công trong sứ mệnh của mình.

*

Ngày 31-1-1964, Đoàn đại biểu Đảng Lao động Việt Nam đến Mạc Tư Khoa.

Sau nhiều ngày hội đàm với Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Liên Xô dẫn đầu là Xu-xlốp, Liên Xô đưa ra một bản thông cáo chung, Đoàn đại biểu Việt Nam từ chối không ký, vì trước khi lên đường, Hồ Chủ tịch đã dặn rõ ràng rằng không ký thông cáo chung. Một lý do cụ thể mà Đoàn đại biểu Việt Nam không ký là vì nội dung của bản thông cáo có chỗ không phù hợp với tinh thần chống chủ nghĩa xét lại của Hội nghị Trung ương lần thứ chín.

Việc Đoàn đại biểu Việt Nam không chịu ký thông cáo chung đã làm cho Liên Xô không vui lòng, nên khi Đoàn đại biểu Việt Nam về nước, Liên Xô chỉ mua cho bốn cái vé máy bay hàng không dân dụng^[8], mà thông thường thì một Đoàn đại biểu như vậy là Liên Xô phải phải một máy bay chuyên cơ. Trong khi Đoàn đại biểu Việt Nam đang ngồi chờ máy bay dân dụng ở sân bay Mạc Tư Khoa thì Liên Xô kéo Lê Duẩn đi bàn riêng. Thế là Lê Duẩn tự ý ký bản thông cáo chung với Liên Xô rồi về chỗ ngồi cũ gặp mấy người chúng tôi và giải thích rằng, không ký thông cáo chung với Liên Xô là không xã giao. Tôi liền hỏi, lúc ra đi Hồ Chủ tịch đã dặn là không ra thông cáo chung sao bây giờ lại ra thông cáo chung? Lê Duẩn trả lời rằng, về việc này, tôi sẽ chịu trách nhiệm với Bộ Chính trị và Hồ Chủ tịch.

Được một hồi, cán bộ lễ tân Liên Xô thông tri cho biết là Liên Xô đã chuẩn bị cho Đoàn một chiếc chuyên cơ để đi Bắc Kinh. Rõ ràng đây không phải là một chiếc chuyên cơ thông thường, mà là kết quả của một việc mua bán.

Sau khi Đoàn đại biểu từ Mạc Tư Khoa về đến Hà Nội, Lê Duẩn đọc kỹ lại báo **Nhân dân** thì thấy ngày 21-1-1964 có bài xã luận nhan đề là *“Tăng cường đoàn kết nhất trí, nâng cao ý chí chiến đấu đưa sự nghiệp của chúng ta tiến tới những thắng lợi mới”*, có đoạn viết:

“Hội nghị lần thứ chín của Trung ương Đảng là một sinh hoạt tư tưởng quan trọng của Đảng ta. Nghị quyết của Trung ương là cơ sở lý luận để thống nhất tư tưởng và hành động của toàn Đảng và toàn dân ta”.

Lại có đoạn viết: *“Về thực chất sai lầm của chủ nghĩa xét lại là xuyên tạc và vứt bỏ những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê-nin và những nguyên tắc cách mạng của hai bản tuyên bố Mác Tư Khoa năm 1957 và năm 1960, thi hành chính sách thỏa hiệp giai cấp, chính sách hợp tác vô nguyên tắc với chủ nghĩa đế quốc, xóa bỏ ranh giới giữa ta, bạn, địch, chia rẽ phe xã hội chủ nghĩa và phong trào Cộng sản quốc tế”*. Báo Nhân dân ngày 29-1-1964 lại đăng bài tuyên bố của Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a có đoạn viết:

“Những người mác-xít- lê-nin-nít toàn thế giới hãy đoàn kết lại, tiếp tục đập tan chủ nghĩa xét lại”.

Lê Duẩn đọc xong các bài báo đó, liền gọi Hoàng Tùng đến cảnh cáo rằng, nếu còn đăng những bài như thế này nữa thì sẽ cách chức Tổng Biên tập báo **Nhân dân**. Thế là Hoàng Tùng xin nhận lỗi và hứa sau này sẽ không đăng những bài như thế nữa.

Việc ký thông cáo chung với Liên Xô và việc không cho đăng bài ở báo **Nhân dân** như đã nói trên, thực chất là một việc chống nghị quyết Trung ương về vấn đề chống chủ nghĩa xét lại, thực chất là một sự vào hùa với bọn xét lại trong việc *“thi hành chính sách thỏa hiệp giai cấp, chính sách hợp tác vô nguyên tắc với chủ nghĩa đế quốc... chia rẽ phe xã hội chủ nghĩa và phong trào Cộng sản quốc tế”*.

*

Nhưng chính sách hợp tác vô nguyên tắc với đế quốc không mấy may làm cho đế quốc giảm bớt tính tàn bạo của nó.

Ngày 5-8-1964, Mỹ bịa chuyện Vịnh Bắc Bộ, cho máy bay bắn phá thành phố Vinh (Nghệ An), cửa sông Gianh (Quảng Bình), thị xã Hòn Gai (Quảng Ninh). Đối với sự kiện này, thái độ của Trung Quốc và của Liên Xô là khác

hắn nhau.

Ngày 6-8-1964, Chính phủ Trung Quốc tuyên bố: *“Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là nước láng giềng khăng khít như răng với môi của Trung Quốc, nhân dân Việt Nam là những người thân như ruột thịt của nhân dân Trung Quốc. Mỹ xâm lược nước Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa tức là xâm lược Trung Quốc. Nhân dân Trung Quốc quyết không khoanh tay ngồi nhìn mà không cứu. Nhất định Mỹ phải trả món nợ máu đối với nhân dân Việt Nam”*.

Tiếp đó, ngày 9-8-1964, mười vạn nhân dân Bắc Kinh họp mít tinh có các đồng chí Chu Ân Lai, Lục Định Nhất, La Thụy Khanh, Hoàng Viên Bồi, Lâm Phong, Quách Mạt Nhược, Liêu Thừa Chí tham gia. Tôi và Tổ Hữu thăm Cu-ba về qua Bắc Kinh cũng được mời tham gia. Cuộc mít tinh đó đã gửi đến Hồ Chủ tịch bức thư biểu thị lòng quyết tâm ủng hộ Việt Nam của nhân dân Trung Quốc. Thư có đoạn viết:

“Trung Quốc và Việt Nam là láng giềng thân thiết như môi với răng. Nhân dân hai nước chúng ta là những người anh em cùng chia vui sẻ buồn. Để quốc Mỹ xâm lược chống nhân dân Việt Nam tức là chống nhân dân Trung Quốc. Nhân dân Trung Quốc sẽ không ngồi yên mà không giúp đỡ... Dù việc gì xảy ra đi nữa, 650 triệu nhân dân Trung Quốc chúng tôi vẫn mãi mãi đứng bên cạnh những người anh em Việt Nam...”

Tiếp đó, ngày 10-8-1964, một triệu tám mươi vạn nhân dân Thượng Hải, mười vạn nhân dân ở Phúc Châu, và đông đảo nhân dân ở Hút Hao^[9], ở La Xa^[10], ở đảo Hải Nam và nhiều thành phố khác đã ra phố biểu tình tỏ quyết tâm ủng hộ Việt Nam.

Về tình hình hoạt động của Trung Quốc như đã nói trên, báo **Nhân dân** đều có thuật lại đầy đủ trong các số báo từ ngày 7 đến ngày 15-8-1964.

Khác với Trung Quốc, Chính phủ Liên Xô không tỏ thái độ gì mà chỉ cho Thông tấn xã Liên Xô tuyên bố”

“Các giới có thẩm quyền ở Liên Xô kiên quyết lên án những hành động xâm lược ở Vịnh Bắc Bộ của Mỹ hiện đang làm cho tình trạng Đông Nam Á vốn đã căng thẳng lại nghiêm trọng thêm một cách nguy hiểm. Những hành động đó cùng với những hành động đại dột mới hoặc những sự khiêu khích ở vùng này có thể dẫn tới những sự việc có khả năng biến những vụ rắc rối vừa xảy ra thành một cuộc xung đột quân sự mở rộng với tất cả những hậu quả nguy hiểm của nó” ^[11] .

Cảm nghĩ về thái độ khác nhau giữa Liên Xô và Trung Quốc như trên, nhà thơ Tố Hữu ^[12] đã viết mấy vắn thơ *Nhật ký đường về* đăng ở báo **Nhân dân** ngày 2-9-1964 có những đoạn như sau:

Pra-ha

*Bỗng tin đâu tới, bàng hoàng,
Quê ta giặc đến mấy tràng bom rơi.
Mỹ toan cướp biển, cướp trời,
Quê ta anh dũng tuyệt vời đánh tan.*

Mạc Tư Khoa

*Mạc Tư Khoa của ta ơi,
Dấu chân Cách mạng Tháng Mười còn đây,
Ngôi sao đỏ giữa sương đầy,
Vẫn trông mỗi bước, mỗi ngày ta đi.
Lê-nin đang nghĩ suy gì,
Krem-lin in bóng thành trì, lặng im.*

Bắc Kinh

Sáng rồi rộn rã trong tim,

Đường về phơi phới, cánh chim tung hoành.

Cờ bay Vạn Lý Trường Thành,

Bắc Kinh tay chị tay anh triệu vòng.

Bạn mừng ta những chiến công,

Vui như tiền tuyến giữa lòng hậu phương.

Vì thấy thái độ của Liên Xô đối với Việt Nam lạnh nhạt như vậy là không tốt, nên trong dịp đi dự lễ kỷ niệm lần thứ 47 Cách mạng Tháng Mười, Phạm Văn Đồng và Lê Đức Thọ đã đề nghị Liên Xô cử một Đoàn đại biểu qua thăm Việt Nam tỏ thái độ sẵn sàng viện trợ cho Việt Nam chống Mỹ cả về mặt quân sự để giảm bớt uy tín của Trung Quốc đối với nhân dân Việt Nam. Đề nghị đó được Liên Xô tán thành.

Ngày 6-2-1965, Liên Xô cử một Đoàn đại biểu của Chính phủ Liên Xô^[13] do Cô-xư-ghin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng dẫn đầu sang thăm Việt Nam. Qua mấy buổi hội đàm thẳng thắn, ngày 10-2-1965, Phạm Văn Đồng và Cô-xư-ghin cùng ký bản tuyên bố chung của hai Chính phủ trong đó có đoạn viết: *“Hai Chính phủ đã đi tới một thỏa thuận thích đáng về những biện pháp sẽ được tiến hành nhằm củng cố khả năng quốc phòng của nước Việt Nam”*^[14]. Qua lời tuyên bố đó người ta có thể hiểu Liên Xô sẽ viện trợ quân sự cho Việt Nam chống Mỹ, nhưng chỉ nói một cách lờ mờ không rõ ràng. Tiếp đó, ngày 17-4-1965, Lê Duẩn, Võ Nguyên Giáp lại đi Mạc Tư Khoa để bàn bạc thêm về vấn đề viện trợ quân sự cho Việt Nam. Qua sự bàn bạc lần này, Liên Xô mới thỏa thuận ghi rõ trong bản tuyên bố chung: *“Liên Xô xác nhận rằng từ nay về sau vẫn sẵn sàng có sự giúp đỡ cần thiết cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đánh bại sự xâm lược của Mỹ”*^[15].

- ^[1]Ghi chép của tác giả trùng với quan điểm của Trung Quốc và ngược với quan điểm của Việt Nam về việc ai chủ trương đánh Đông Khê. BT
- ^[2]Ba mươi lăm năm đấu tranh của Đảng *tập II trang 95-96*
- ^[3]báo Nhân dân ngày 11-3-1951
- ^[4]báo Nhân Dân ngày 11-3-1951
- ^[5]gần một tháng
- ^[6]báo Nhân dân ngày 24-11-1957
- ^[7]báo Nhân dân ngày 6-12-1960
- ^[8]Nguyễn Văn Kinh là Đại sứ Việt Nam tại Liên Xô, nên hội đàm xong thì ở lại Liên Xô chứ không về nước
- ^[9]thủ phủ Khu tự trị Nội Mông (Hohhot-BT)
- ^[10]thủ phủ Tây Tạng (Lhasa-BT)
- ^[11]báo Nhân dân ngày 7-8-1964
- ^[12]cùng đi với tôi từ Cu Ba về
- ^[13]chỉ dùng danh nghĩa Đoàn đại biểu Chính phủ chứ không dùng danh nghĩa Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ như thường lệ
- ^[14]báo Nhân dân ngày 11-2-1965
- ^[15]báo Nhân dân ngày 19-4-1965

Hoàng Văn Hoan

Giọt nước trong biển cả

Phần 7: Cách mạng Việt Nam với sự phản bội của Lê Duẩn
(1957-1979)

P7 - Chương 2 đến 4

II. Những sự việc xảy ra sau khi Liên Xô viện trợ quân sự cho Việt Nam chống Mỹ

Những sự việc xảy ra sau khi Liên Xô viện trợ quân sự cho Việt Nam, có thể nói tóm tắt là Lê Duẩn đã ngả hẳn theo đường lối của Liên Xô là chống Trung Quốc và tìm cách đàm phán hòa bình với Mỹ để giải quyết vấn đề miền Nam Việt Nam. Hai việc này liên quan chặt chẽ với nhau, vì sau khi ký Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, Đảng Lao động Việt Nam trao đổi ý kiến với Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Cộng sản Trung Quốc về đường lối đấu tranh thống nhất nước nhà của Việt Nam, thì Liên Xô đề nghị “hai miền Nam, Bắc Việt Nam chung sống hòa bình, thi đua kinh tế, miền Bắc hơn hẳn về mặt kinh tế thì miền Nam sẽ thống nhất vào miền Bắc”. Còn Trung Quốc thì giới thiệu kinh nghiệm công tác trong vùng địch chiếm là “trường kỳ mai phục, liên hệ quần chúng, tích trữ lương thực, chờ đón thời cơ”. Trung ương Đảng Lao động Việt Nam không tán thành ý kiến của Liên Xô, mà tán thành áp dụng kinh nghiệm của công tác của Trung Quốc trong vùng địch chiếm. Nhưng năm 1956, Ngô Đình Diệm cự tuyệt việc Tổng tuyển cử để thống nhất nước nhà, năm 1959 lại ra đạo luật 10-59 chém giết bừa bãi nhân dân miền Nam, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam mới chủ trương miền Nam phải đấu tranh vũ trang để tự vệ,

Trung Quốc nhận định chủ trương đó là hợp lý, và hứa sẵn sàng giúp về mặt quân sự. Biểu hiện cụ thể là năm 1962 Trung Quốc đã giúp riêng cho nhân dân miền Nam chín vạn khẩu súng trường và súng máy để phát triển chiến tranh du kích, về sau cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam càng phát triển thì số lượng viện trợ của Trung Quốc lại càng ngày càng nhiều hơn. Lúc đó Lê Duẩn là một người tích cực đẩy mạnh cuộc đấu tranh vũ trang ở miền Nam, nhưng sau một thời gian bị Khrushchov thuyết phục thì dần dần ngả theo chiều hướng chống Trung Quốc và muốn nhờ Liên Xô dàn xếp việc đàm phán với Mỹ để giải quyết vấn đề miền Nam.

Về chủ trương của Lê Duẩn chống Trung Quốc và đàm phán với Mỹ sẽ được trình bày cụ thể như sau:

Về chủ trương chống Trung Quốc

Chúng ta còn nhớ, sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết (20-7-1954), nhiệm vụ cách mạng Việt Nam là một mặt xây dựng miền Bắc, một mặt đấu tranh giải phóng miền Nam. Về mặt xây dựng miền Bắc thì Trung Quốc và Liên Xô đều viện trợ, còn về mặt đấu tranh giải phóng miền Nam thì khi miền Nam đấu tranh vũ trang chỉ có Trung Quốc viện trợ quân sự cho Việt Nam, còn Liên Xô thì Khrushchov vẫn chủ trương hai miền Nam, Bắc chung sống hòa bình nên không viện trợ cho miền Nam về mặt quân sự. Chẳng những không viện trợ quân sự, mà còn nhồi nhét tư tưởng chung sống hòa bình với đế quốc và tư tưởng chống Trung Quốc cho đám học sinh Việt Nam qua học ở Liên Xô.

Tháng 10 năm 1964, Khrushchov bị đánh đổ. Bờ-rê-giơ-nép lên nắm chức Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Liên Xô. Tháng 11-1964, nhân dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười, Trung Quốc cử Thủ tướng Chu Ân Lai và Nguyên soái Hạ Long qua Liên Xô dự lễ kỷ niệm để tỏ lòng muốn cải thiện quan hệ

với Liên Xô. Nhưng trong bữa tiệc chiêu đãi, Xu-xlốp, Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Liên Xô đã nói thẳng với Thủ tướng Chu Ân Lai rằng, chủ trương của Liên Xô đối với Trung Quốc là chủ trương chung của Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, không phải chủ trương riêng của Khor-rút-sốp. Ma-li-nốp-xki, Bộ trưởng Quốc phòng Liên Xô trắng trợn hơn, đã nói một cách khiêu khích với Nguyên soái Hạ Long rằng, Liên Xô đã đánh đổ Khor-rút-sốp, Trung Quốc cũng nên đánh đổ Mao Trạch Đông. Như vậy là ở Liên Xô tuy Khor-rút-sốp đã bị đánh đổ nhưng chủ trương chống Trung Quốc vẫn được tiếp tục đẩy mạnh một cách không giấu giếm. Biểu hiện cụ thể là quân đội Liên Xô đóng dọc vùng biên giới Xô-Trung trong thời kỳ Khor-rút-sốp chỉ có hơn sáu mươi vạn, mà trong thời kỳ Bờ-rê-giơ-nép tăng lên hơn một triệu. Một biểu hiện cụ thể khác là trong quan hệ giữa các nước anh em Bờ-rê-giơ-nép nêu ra nguyên tắc *“chủ quyền có hạn chế”*.

Vì vậy, việc Liên Xô viện trợ quân sự cho Việt Nam chống Mỹ tuy cũng có lợi cho Việt Nam, nhưng tựu trung đã bao hàm một nhân tố nguy hiểm là thông qua sự phối hợp của Lê Duẩn, để lái Việt Nam đi chệch khỏi đường lối kháng chiến đúng đắn của Hồ Chủ tịch, nhằm xây dựng một căn cứ chống Trung Quốc từ phía nam, đồng thời tạo điều kiện để sau này không chế Việt Nam và không chế luôn cả các nước Đông Dương, uy hiếp nền an ninh ở vùng Đông Nam Á.

Nguyên từ đầu năm 1957, Lê Duẩn mới được Trung ương điều ra miền Bắc tạm quyền chức Tổng bí thư Trung ương thay cho Trường Chinh, người vì mắc sai lầm trong cải cách ruộng đất phải từ chức vụ đó, thì Lê Duẩn đã ngấm ngấm tìm người vây cánh, trước hết là những người ngả nghiêng không có lập trường vững, gió chiều nào theo chiều ấy, những người nghe theo luận điệu chống Trung Quốc của y cụ thể là những người trong ngành quân sự như Văn Tiến Dũng, Nguyễn Văn Vịnh, những người trong ngành

tuyên huấn như Tố Hữu, Trần Quỳnh, Hoàng Tùng, những người trong ngành ngoại giao như Nguyễn Cơ Thạch, những người ở ngành công an như Trần Quốc Hoàn, ở Viện kiểm sát như Hoàng Quốc Việt, và người mà y cho là đáng tin cậy nhất là Lê Đức Thọ, Trưởng ban tổ chức Trung ương Đảng. Có thể nói đó là thời kỳ Lê Duẩn âm mưu chuẩn bị vây cánh, từng bước choán quyền lãnh đạo, để thực hiện những âm mưu đen tối.

Tiếp theo việc ký thông cáo chung với Liên Xô (năm 1964), việc chống nghị quyết Trung ương về vấn đề chủ nghĩa xét lại, nay được dịp Liên Xô viện trợ quân sự cho Việt Nam, thì Lê Duẩn phối hợp chặt chẽ với người lãnh đạo Liên Xô, đẩy mạnh hơn việc chống Trung Quốc.

Việt Nam đang chống Mỹ rất ác liệt, nhưng Liên Xô không giúp vũ khí tốt cho Việt Nam, lấy cớ rằng giúp cho Việt Nam thì Việt Nam sẽ giúp cho Trung Quốc lấy được bí mật về kỹ thuật. Thí dụ như máy bay MiG 23^[1], Liên Xô đã giúp cho Ấn Độ và Ai Cập mà không giúp cho Việt Nam.

Liên Xô vốn có thể chở một phần vũ khí hoặc các thứ hàng viện trợ khác cho Việt Nam bằng đường biển để giảm bớt gánh nặng về việc vận chuyển cho Trung Quốc, nhưng Liên Xô chỉ chở bằng xe hỏa, khi qua đất Trung Quốc tức là phải nhờ đường sắt và toa xe của Trung Quốc. Do đó những thứ hàng viện trợ của Liên Xô, của các nước Đông Âu và cả của Trung Quốc nữa ứ đọng lại rất nhiều ở ga Bằng Tường bên phía biên giới Trung Quốc, vì Việt Nam không có điều kiện bốc dỡ chuyên chở nhanh chóng. Lê Duẩn vẫn biết rõ tình hình này, nhưng lại phối hợp với Liên Xô ngầm ngầm tuyên truyền trong nội bộ rằng Trung Quốc không chịu chở hàng viện trợ của Liên Xô và các nước Đông Âu cho Việt Nam. Về tình hình này, một số ký giả phương Tây được Liên Xô mớm ý, đã đưa tin tuyên truyền rùm beng.

Để bác lại lời tuyên truyền vu khống này, ngày 28-2-1967, Chính phủ Việt Nam đã chỉ thị cho Thông tấn xã Việt Nam phải công khai tuyên bố trên đài

và trên báo chí rằng Trung Quốc vẫn chuyên chở hàng của Liên Xô cho Việt Nam đúng kế hoạch, đồng thời phê phán Thông tấn xã phương Tây tung tin nhằm là nhằm một ý đồ xấu. Ngoài việc vu khống như trên, Liên Xô còn thông qua bọn Lê Duẩn dùng nhiều thủ đoạn thâm độc ly gián mối quan hệ Việt–Trung.

*

Vào khoảng giữa năm 1965, trong dịp thăm Mạc Tư Khoa, Lê Duẩn đã triệu tập nhân viên Sứ quán Việt Nam và đại biểu học sinh Việt Nam học ở Liên Xô về Sứ quán nói chuyện ca ngợi Liên Xô, và phê phán một số chính sách của Trung Quốc. Đại biểu học sinh cho là Lê Duẩn nói không đúng chủ trương của Đảng, đã viết thư về báo cáo Trung ương và đặt hơn bốn mươi câu hỏi về bài nói chuyện của Lê Duẩn. Nhưng bức thư về đến Văn phòng Trung ương thì bị Lê Duẩn hủy bỏ, các đồng chí Bộ Chính trị không được trực tiếp xem bức thư này, mà chỉ được nghe người trong ban văn thư nói riêng cho biết mà thôi. Lúc Lê Duẩn từ Mạc Tư Khoa về qua Bắc Kinh, lại triệu tập nhân viên Sứ quán Việt Nam ở Bắc Kinh phê bình Trung Quốc trên nhiều vấn đề. Nhân viên Sứ quán phải ngồi nghe hơn ba tiếng đồng hồ, không một người nào phát biểu ý kiến, nhưng Lê Duẩn khi về đến Hà Nội, lại nói rằng Trần Tử Bình ^[2] đã đồng ý với luận điểm của y. Sau đó tôi có dịp gặp anh Trần Tử Bình và một số nhân viên Sứ quán thì mới biết, lời nói đó hoàn toàn là một chuyện bịa đặt.

Cũng năm 1965, khi Lê Duẩn còn ở Mạc Tư Khoa, Tổ Hữu đã mở một cuộc hội nghị cán bộ tuyên huấn toàn miền Bắc, cho phép Trần Quỳnh đứng ra phê phán một số chính sách của Trung Quốc với những luận điệu y hệt như luận điệu của Lê Duẩn đã nói chuyện ở Sứ quán Việt Nam tại Mạc Tư Khoa

và ở Sứ quán Việt Nam tại Bắc Kinh.

Luận điệu phê phán Trung Quốc của Lê Duẩn là: Trong thời kỳ chống Tưởng và chống Nhật, Trung Quốc chủ trương lấy nông thôn bao vây thành thị, trong thời kỳ xây dựng, Trung Quốc chủ trương lấy nông nghiệp làm cơ sở, công nghiệp làm chủ đạo, những chủ trương như thế đều là tư tưởng nông dân, chứ không phải là tư tưởng vô sản. Đến như chính sách nông thôn mà Trung Quốc chủ trương dựa vào bản cổ nông và trung nông lớp dưới thì chỉ là một sự mâu thuẫn giả tạo, vì sau khi cải cách ruộng đất rồi, thì nông dân ai cũng như ai. Việc công khai phê phán chủ trương của Trung Quốc như trên, đứng về nguyên tắc tổ chức mà nói, là một việc vi phạm kỷ luật nghiêm trọng, vì muốn phê phán chính sách của một đảng anh em, là phải qua sự thảo luận của Trung ương, ít nhất là của Bộ Chính trị, khi được phép phát biểu thì mới có thể công khai phát biểu.

Ngày 13-3-1967, Lê Duẩn cho đăng trên báo **Nhân Dân** bài thơ *Tâm sự* của Tổ Hữu có nội dung chống Trung Quốc. Sau khi bị Hồ Chủ tịch phê bình, Ban tuyên huấn phải tuyên bố thu hồi số báo này, nhưng báo đã gửi đi khắp trong nước và ngoài nước, thu hồi làm sao được.

Năm 1967, ở Liên Xô đã xảy ra mấy sự kiện đáng đau xót. Một sự kiện là Đoàn học sinh Trung Quốc khi đến thăm Lăng Lê-nin, công an Liên Xô đã đánh họ ngay tại Hồng Trường, quần chúng Liên Xô trông thấy đều lên tiếng la hét đòi không được đánh học sinh Trung Quốc, nhưng công an vẫn đánh. Một sự kiện đau xót khác cũng xảy ra ở Mạc Tư Khoa, là học sinh Việt Nam kéo nhau đến trước Sứ quán Mỹ đòi Mỹ phải chấm dứt việc xâm lược Việt Nam. Đó là một việc bình thường và rất hợp lý, thế mà công an Liên Xô lại đánh học sinh Việt Nam, đánh ác đến nỗi có người bị thương phải chữa mấy tháng mới khỏi. Sau đó không lâu, Lê Duẩn có dịp quan Liên Xô, trong cuộc gặp gỡ người lãnh đạo Liên Xô, Lê Duẩn đã ngỏ lời xin lỗi đến hai lần. Hồ

Chủ tịch và các đồng chí Bộ Chính trị khi xem biên bản về cuộc gặp gỡ đó đều cho rằng việc xin lỗi như thế là hoàn toàn không đúng.

Một sự kiện nữa là trong những năm Việt Nam chống Mỹ rất ác liệt, có một số học sinh và cán bộ Việt Nam sang học ở Liên Xô không muốn về nước chống Mỹ, mà xin tị nạn chính trị ở Liên Xô. Liên Xô đã giữ lại những người tị nạn chính trị này, không chịu cho họ về nước mặc dù Việt Nam đã kháng nghị và chính thức yêu cầu họ về nước. Số người này lên tới bốn mươi tám người, trong đó có Lê Vinh Quốc, một cán bộ cấp sư đoàn trong quân đội, có Văn Doãn, một cây bút của báo **Quân đội nhân dân**, có Nguyễn Minh Cần và Trần Minh Việt là ủy viên Thành ủy Hà Nội. Thử hỏi trong lúc Việt Nam đang chống Mỹ, cứu nước, mà Liên Xô cho học sinh và cán bộ Việt Nam tị nạn chính trị như vậy là có ý đồ gì? Không thể hiểu thế nào khác, là Ban lãnh đạo Liên Xô muốn nuôi dưỡng một số người để sau này lúc cần thì làm chuyện lật đổ.

*

Đối với một số sự kiện như trên, thông thường thì mọi người Việt Nam đang chống Mỹ tự nhiên là phải tỏ thái độ bức tức, nhưng Lê Duẩn thì vẫn dửng dưng như không có chuyện gì, vẫn tán tụng Liên Xô và phổ biến sâu rộng những luận điệu chống Trung Quốc.

Vì sao Lê Duẩn là một người tham gia cách mạng đã lâu năm, mà đối với một người bạn đã từng cùng hoạn nạn, cùng chiến đấu với nhân dân Việt Nam suốt hơn hai mươi năm như Trung Quốc mà lại có một thái độ vong ơn bội nghĩa như vậy? Vì trong đầu óc Lê Duẩn đã sẵn có một thứ tư tưởng chống Trung Quốc do thực dân Pháp nhồi nhét từ trước và sau lại được chủ nghĩa xét lại Khơ-rút-sốp nhồi nhét thêm.

Chúng ta đều biết thực dân Pháp muốn củng cố nền thống trị ở Việt Nam, chúng đã tìm mọi cách phá hoại mối quan hệ sẵn có từ mấy nghìn năm giữa nhân dân hai nước Việt – Trung về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, sự quan hệ đó thể hiện rõ rệt trong tiếng nói Việt Nam có đến mấy chục phần trăm là chịu ảnh hưởng của tiếng nói Trung Quốc. Bọn thực dân Pháp đã lấy tội ác của các triều đại phong kiến Trung Quốc miêu tả thành tội ác nói chung của Trung Quốc đối với Việt Nam. Theo chúng thì dân tộc Trung Quốc là một dân tộc chuyên môn xâm lược các dân tộc khác. Chúng dùng hai tiếng “tai họa vàng”, ý nói tai họa do người da vàng gây ra, để hình dung sự xâm lược của Trung Quốc.

Chúng ta cũng đều biết, ở Liên Xô, khi đã lật đổ Ma-len-cốp, choán được quyền lãnh đạo Đảng, Khor-rút-sốp đã dùng mọi thủ đoạn ép các nước anh em trong “gia đình xã hội chủ nghĩa” và các Đảng trong phong trào Cộng sản quốc tế phải múa nhảy theo càn gậy chỉ huy của mình, đã gây ra một sự bất mãn và chống đối lớn trong phạm vi thế giới, đặc biệt là về vấn đề muốn khai trừ Trung Quốc ra khỏi phe xã hội chủ nghĩa. Khi Khor-rút-sốp còn hoành hành, người ta gọi đó là “*chủ nghĩa Khor-rút-sốp*”. Khi Khor-rút-sốp đã bị lật đổ nhưng chủ trương Khor-rút-sốp vẫn được tiếp tục đẩy mạnh, người ta gọi đó là “*chủ nghĩa Khor-rút-sốp không có Khor-rút-sốp*”.

Lê Duẩn trước kia đã bị tư tưởng chống Trung Quốc do chủ nghĩa thực dân nhồi nhét, thì ngày nay lại được cái tư tưởng chống Trung Quốc do chủ nghĩa Khor-rút-sốp bồi bổ thêm, nên đã lún sâu trong vũng lầy chống Trung Quốc. Nhưng tư tưởng chống Trung Quốc lúc này của Lê Duẩn không phải vì lẽ sợ Trung Quốc xâm lược, mà là vì ngấm ngấm chống đối đường lối kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc của Hồ Chủ tịch và ngấm ngấm từng bước lái theo chủ trương Khor-rút-sốp là hai miền Nam, Bắc chung sống hòa bình, mà cụ thể là nhờ Liên Xô dàn xếp đàm

phán hòa bình với Mỹ để giải quyết vấn đề miền Nam.

Về chủ trương đàm phán hòa bình với Mỹ

Chúng ta còn nhớ rằng, về đường lối chống Mỹ, cũng như đường lối kháng chiến chống Pháp từ trước, Hồ Chủ tịch nhận định là phải “trường kỳ gian khổ nhưng nhất định thắng”. Nhưng từ tháng 8-1964, Mỹ ném bom bắn phá miền Bắc hòng buộc nhân dân Việt Nam phải ngừng chiến đấu thì Lê Duẩn đã có ý muốn nhờ Liên Xô đàm phán hòa bình với Mỹ để giải quyết vấn đề miền Nam, và đã phổ biến trong cán bộ một luận điểm trái với nhận định của Hồ Chủ tịch, luận điểm đó là “trường kỳ gian khổ, nhưng phải tranh thủ một thắng lợi có tính chất quyết định trong thời gian ngắn để giải quyết vấn đề”. Vậy cái gọi là “thắng lợi có tính chất quyết định” là thắng lợi như thế nào? Gọi là “để giải quyết vấn đề” là vấn đề gì? Thì Lê Duẩn áp úng không trả lời, vì Lê Duẩn vẫn vướng vít trong lòng chủ trương muốn đàm phán, mong có một cơ hội nào đó thì nắm lấy để thực hiện việc đàm phán với Mỹ. Đàm phán với Mỹ trong khi trên chiến trường còn ở thế giằng co, bên ta chưa tuyệt đối hơn hẳn đối phương, đối phương cũng chưa ở trong một thế bí, thì giải quyết vấn đề là chia cắt, mặc dù sự chia cắt đó ta được phần lợi nhiều, chẳng hạn như được thêm Trị Thiên, thậm chí được cả toàn bộ Khu 5, Mỹ chỉ nắm Nam kỳ mà thôi, thì vẫn là chia cắt, mà chia cắt như vậy là thừa nhận quyền thống trị của Mỹ ở Nam kỳ. Lê Duẩn áp úng không trả lời được chính là ở chỗ đó.

Ngày 30-1-1968, chiến dịch Mậu Thân bùng nổ. Quân giải phóng miền Nam đồng loạt đánh vào hơn 40 thành phố, thị xã, thị trấn, trong đó có thành phố Sài Gòn và Huế. ở Sài Gòn, Quân giải phóng đã tiến công vào Dinh Độc Lập, Đài phát thanh, Tổng nha cảnh sát, sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ chỉ huy quân nguy, và đánh đến gác ba Sứ quán Mỹ. Ở Huế thì chiếm hẳn cả thành

phố, cờ Mặt trận dân tộc giải phóng Miền Nam tung bay trên Hoàng cung, trên các cơ quan và trên đường phố gần một tháng. Nhưng so sánh lực lượng giữa ta với địch trong lúc đó, thì địch đâu đã chịu chấp nhận tình trạng đó. Mỹ-ngụy bất chấp đến tính mệnh và tài sản nhân dân, đã dùng máy bay, đại bác và mọi thứ hỏa lực là quân ta phải rút lui với một sự thiệt hại rất nặng về người, về binh lực và vũ khí.

Còn về phía địch, thì qua một trận mất vía đã hoàn hồn lại, Mỹ biết chắc là Quân giải phóng không thể chiếm được miền Nam, nên một mặt tiếp tục càn quét, một mặt tung tin muốn đàm phán hòa bình hòng làm cho Quân giải phóng miền Nam mong mỏi được hòa bình, bớt lòng hăng hái chiến đấu. Ngày 31-3-1968 là ngày cách chiến dịch Mậu Thân vừa đúng hai tháng, Tổng thống Mỹ Giôn-xon một mặt tuyên bố cuộc ném bom bắn phá miền Bắc chỉ hạn chế từ vĩ tuyến 20 (Nghệ An) trở vào, một mặt chính thức đưa ra kiến nghị muốn đàm phán với Hà Nội, thì ngày 3 tháng 4 năm 1968, Lê Duẩn tự ý tuyên bố sẽ cử Đại biểu đàm phán với Mỹ. Lúc này Hồ Chủ tịch đang dưỡng bệnh ở Bắc Kinh, Thủ tướng Chu Ân Lai được biết tin này, liền đến hỏi Hồ Chủ tịch, Hồ Chủ tịch cũng ngần cả người ra và nói là không biết gì về việc này.

Đàm phán với Mỹ để giải quyết vấn đề Việt Nam là một việc cực kỳ quan trọng, đáng lẽ Lê Duẩn phải đích thân đến Bắc Kinh báo cáo với Hồ Chủ tịch để cùng trao đổi ý kiến với Trung Quốc, nhưng Lê Duẩn không làm như thế, mà lại tự tiện trả lời Giôn-xon một cách vội vàng như vậy là vì sao?

Nguyên do là từ năm 1964, khi Mỹ ném bom miền Bắc, thì Lê Duẩn và một số người đã có ý định muốn đàm phán với Mỹ, nhưng lại sợ Hồ Chủ tịch không tán thành nên phải nói quanh rằng, việc muốn đàm phán với Mỹ là làm theo kinh nghiệm “vừa đánh vừa đàm” của Trung Quốc. Hồ Chủ tịch nói, nếu như vậy thì còn có thể nghe được, khi chưa giải quyết được vấn đề

trên chiến trường thì làm sao giải quyết được vấn đề trên bàn hội nghị. Phải lấy đánh làm chính, đồng thời cũng có thể tỏ ý sẵn sàng đàm phán. Nhưng vấn đề này cần phải được bàn kỹ với các đồng chí Trung Quốc. Ý kiến của Hồ Chủ tịch như vậy là rất rõ ràng, vừa nắm vững nguyên tắc chiến lược, vừa có sự mềm dẻo về sách lược, đồng thời rất coi trọng sự bàn bạc, trao đổi ý kiến với Trung Quốc. Nhưng Lê Duẩn cố lập lòe để vượt quyền Hồ Chủ tịch và tránh không trao đổi ý kiến với Trung Quốc, cứ tuyên bố thắng với Giôn-xon, làm thành một việc đã rồi, thì Hồ Chủ tịch dù không đồng ý cũng không nói thế nào được nữa.

Có người nghĩ rằng một việc quan trọng như thế, nếu không được sự đồng ý của Hồ Chủ tịch thì Lê Duẩn đâu dám vượt quyền để quyết định?.

Để hiểu rõ việc Lê Duẩn cố ý vượt quyền Hồ Chủ tịch trong việc trả lời Giôn-xon, chúng ta hãy xem lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch đăng trên báo **Nhân Dân** ngày 17-7-1966 có đoạn:

“Giôn-xon và bè lũ phải biết rằng: Chúng có thể đưa 50 vạn quân, một triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam. Chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay, tăng cường đánh phá miền Bắc. Nhưng chúng quyết không thể lay chuyển được chí khí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng. Chúng càng hung hăng thì tội của chúng càng thêm nặng. **Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ!**”.

Chúng ta cũng xem bút thư của Hồ Chủ tịch trả lời Giôn-xon ngày 15-02-1967 về việc Giôn-xon đề nghị “tìm kiếm một giải pháp hòa bình” bằng cách “thu xếp một cuộc nói chuyện trực tiếp giữa những người đại biểu tin cậy”. Bức thư trả lời của Hồ Chủ tịch có đoạn viết:

“Nếu Chính phủ Mỹ thật muốn nói chuyện thì trước hết Mỹ phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. **Chỉ sau khi Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, thì Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ mới có thể nói chuyện và bàn các vấn đề có liên quan đến hai bên. Nhân dân Việt Nam quyết không khuất phục trước vũ lực và quyết không nói chuyện trước sự đe dọa của bom đạn.**“

Lời kêu gọi và bức thư trả lời của Hồ Chủ tịch với một thái độ cương quyết và dứt khoát như vậy cốt là để phá tan cái ảo tưởng của Lê Duẩn muốn đàm phán hòa bình với Mỹ để giải quyết vấn đề miền Nam. Nhưng Lê Duẩn vẫn ảo tưởng, nên khi Giôn-xơn tuyên bố muốn đàm phán với Việt Nam thì Lê Duẩn cả gan dám vượt quyền Hồ Chủ tịch, cứ trả lời thoả thuận, làm thành một việc đã rồi, để gấp rút mở cuộc đàm phán Pa-ri với Mỹ. Chúng ta hãy xem một cuộc hội đàm Pa-ri đã kéo dài bao nhiêu năm và đã diễn ra như thế nào.

*

Ngày 13-5-1968 tại Trung tâm Hội nghị quốc tế ở Pa-ri, phiên họp đầu tiên của cuộc hội đàm giữa Việt Nam và Mỹ bắt đầu. Phía Việt Nam đòi Mỹ chấm dứt việc ném bom bắn phá miền Nam thì phía Mỹ đòi hai bên cùng xuống thang, nghĩa là đòi quân và dân miền Nam phải ngừng chiến đấu. Việc cùng đòi xuống thang như thế cứ cù nhầy hơn năm tháng, mãi đến ngày 01-11-1968 Giôn-xơn mới tuyên bố ngừng ném bom bắn phá toàn miền Bắc, để hai bên có thể bàn đến việc tham gia của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam và của Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu thành cuộc hội

đàm bốn bên. Nhưng cuộc bàn cãi cũng chỉ loanh quanh trên những chuyện lật vạt, hình thoi hay hình tròn v.v... Cuộc bàn cãi kéo dài gần ba tháng mới đi tới thoả thuận.

Ngày 18-01-1969, đại biểu bốn bên ngồi lại chung quanh một cái bàn tròn, và thoả thuận mỗi tuần họp một lần. Nhưng khi họp khi thôi, Mỹ-ngụy vẫn muốn kéo dài cuộc hội đàm để tìm kiếm một thắng lợi có tính chất quyết định về mặt quân sự. Vì vậy, đến phiên họp thứ 29 ngày 19-11-1970, tính ra là gần hai năm cuộc hội đàm vẫn giẫm chân tại chỗ.

Ngày 21-11-1970, Mỹ lại dùng máy bay ném bom Hải Phòng, Quảng Ninh, Hà Tây, Hòa Bình, Quảng Ninh, Hà Tĩnh. Như vậy, đáng lẽ có thể ngừng hội đàm để đẩy mạnh cuộc chiến đấu của quân và dân miền Nam. Nhưng Lê Duẩn chủ trương cứ họp, cho đến phiên họp thứ 148 mà vẫn không giải quyết được vấn đề gì.

Ngày 30-3-1972, quân và dân miền Nam nổi dậy tiến công mãnh liệt ở Quảng Trị, Thừa Thiên, Tây Nguyên, Khu 5 và Nam Bộ.

Ngày 6-4-1972, Mỹ lại dùng không quân và hải quân đánh phá toàn miền Bắc.

Không còn ảo tưởng gì về cuộc hội đàm nữa, ngày 11-4-1972, Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam ra lệnh đánh mạnh, giải phóng quê hương. Tháng 10-1972, quân và dân miền Nam đồng loạt nổi dậy tiến công mãnh liệt bắt hơn ba vạn tên địch, tiêu diệt bốn cứ điểm lớn của lực lượng đặc biệt ngụy, bắn phá dữ dội sáu sân bay, phá tan hàng trăm đồn bót ^[3].

Cuối tháng 12-1972, Mỹ lại mở cuộc tập kích lớn bằng không quân chiến lược vào Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh Vĩnh Phú, Hà Bắc, Thái Bình, Nghệ An v.v... Nhưng cuộc tập kích chiến lược này đã bị hoàn toàn thất bại. Hơn tám mươi máy bay Mỹ trong đó có 34 máy bay B52 và 5 máy bay F.111 bị bắn tan xác. Vì vậy ngày 23-1-1973, trong phiên họp thứ 175 là phiên họp

cuối cùng của cuộc hội đàm Pa-ri, Kít-xinh-gơ mới chịu cùng Lê Đức Thọ ký tắt vào bản “Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam”, và ngày 27-1-1973 thì bản Hiệp định đó mới được ngoại trưởng bốn bên ký chính thức.

Cần phải thấy rằng trong khi cuộc hội đàm Pa-ri kéo dài gần năm năm (13-5-1968 đến 27-1-1973), bốn lần ném bom ác liệt của Mỹ đã không dọa dẫm nổi quân và dân Việt Nam anh hùng, đồng thời cuộc đấu tranh đòi hòa bình của nhân dân và quân đội Mỹ cũng như của nhân dân thế giới liên tục nổ ra. Cuộc đấu tranh anh dũng của quân và dân Việt Nam và tiếng thét đòi chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam làm cho Nhà trắng phải nghĩ đến chuyện “rút lui trong danh dự”.

Rõ ràng, Hiệp định Pa-ri được ký kết là vì:

- a. Quân và dân Việt Nam, đặc biệt là quân và dân miền Nam, với sự tin tưởng vào đường lối đúng đắn của Hồ Chủ tịch thà chết không chịu làm nô lệ, đã bất chấp mọi hy sinh gian khổ, kiên quyết chiến đấu đến cùng.
- b. Quân Mỹ đã bị đánh mạnh và bị thiệt hại nặng trên chiến trường.
Theo tài liệu được biết thì số lính Mỹ bị chết trên chiến trường là năm vạn tám nghìn, số bị thương là ba mươi vạn. Đây chỉ là một con số rút nhỏ lại, nhưng dù nhỏ đến mấy thì vẫn là cái chết uổng vì lợi ích của bọn lái buôn vũ khí của Mỹ.

- c. Vì phong trào đấu tranh của nhân dân và quân đội Mỹ nổi lên khắp nước Mỹ, đi đôi với phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới, đòi Mỹ phải chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.
- d. Vì mắc kẹt ở chiến tranh Việt Nam, việc Mỹ tranh quyền bá chủ với Liên Xô đã bị đẩy lùi. Về mặt khoa học kỹ thuật Liên Xô đã có phần đuổi kịp Mỹ, và có những lĩnh vực thì Liên Xô hơn Mỹ.

Việc Lê Duẩn hấp tấp thoả thuận đưa một bộ máy lớn đến Pa-ri hội đàm với Mỹ như thế, là một việc tính toán sai lầm và nôn nóng không cần thiết. Nếu để sức người sức của phải tiêu hao ở Pa-ri trong gần năm năm tăng cường cho cuộc chiến đấu ở miền Nam và chống bắn phá ở miền Bắc, thì cuối cùng Mỹ vẫn phải hội đàm, phải chịu ký kết “Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam” bằng cách Mỹ phải rút hết quân đội ra khỏi Việt Nam. Đồng thời cuộc hội đàm có thể rút ngắn, thí dụ như cuộc hội đàm Giơ-ne-vơ năm 1954, chỉ độ hai tháng là kết thúc.

Nói tóm lại, thắng lợi của cuộc hội đàm Pa-ri là do thắng lợi ở chiến trường quyết định như Hồ Chủ tịch đã nói, chứ không phải do chủ trương thoả hiệp mà Lê Duẩn tự khoe khoang là mưu lược tài tình, càng không phải là do ba tác lỗi của Lê Đức Thọ ở Pa-ri quyết định.

Tuy vậy, đứng về mặt công tác mà nói, thì Lê Đức Thọ cũng như các người khác công tác ở cuộc hội đàm Pa-ri, đều có sự đóng góp của mình. Sự đóng góp đó là qua các hoạt động trong cuộc hội đàm đã nói lên được sự anh dũng của nhân dân Việt Nam trên chiến trường, đồng thời cũng nói lên được sự tích cực công tác và sự khôn ngoan của những người cán bộ Việt Nam trên bàn hội nghị.

III. Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước với vai trò của Lê Duẩn

Sau khi Hồ Chủ tịch qua đời tháng 9-1969, Lê Duẩn lên nắm quyền lãnh đạo, và ngày 30-4-1975 miền Nam được giải phóng. Như vậy, người ta có thể hiểu làm rằng cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta cuối cùng giành được thắng lợi là nhờ sự chỉ đạo tài tình của Lê Duẩn.

Chính trong đám tay chân của Lê Duẩn cũng thường rêu rao như vậy. Hãy xem tạp chí **Cộng sản** số tháng 12-1984, trong bài *Trang sử đen của nền nghệ thuật quân đội Mỹ* có đoạn nói: “Trong cuộc độ sức gay go, quyết liệt, kéo dài với đế quốc Mỹ, dưới sự chỉ đạo chiến tranh, chỉ đạo chiến lược tài tình, sáng suốt của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn, quân và dân Việt Nam đã viết nên những trang sử vẻ vang nhất trong cuốn lịch sử 2.000 năm nghệ thuật quân sự Việt Nam”. Chỉ nịnh hót và tâng bốc cá nhân Lê Duẩn, mà không nói rõ chủ trương đường lối của Hồ Chủ tịch, không nói rõ tinh thần đấu tranh anh dũng của quân đội và nhân dân, không nêu rõ trí tuệ tập thể đã kịp thời sửa chữa những sai lầm của Lê Duẩn, thì đó chỉ là một sự thiếu hiểu biết của kẻ bôi bút. Để nói rõ sự hiểu biết đó, tôi thấy cần nêu ra mấy điểm như sau:

- Những chủ trương sai lầm của Lê Duẩn sau khi Hiệp định Pa-ri được ký kết.
- Phản ứng của Trung ương cục và cán bộ miền Nam.
- Chiến dịch Tây Nguyên mở ra một triển vọng mới.
- Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước với vai trò của Lê Duẩn.

1. Những chủ trương sai lầm của Lê Duẩn sau khi Hiệp định Pa-ri được ký kết

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta, Lê Duẩn đã có một số chủ trương không đúng, như việc đánh giá sai lực lượng ta và lực lượng địch trong chiến dịch Mậu Thân, việc hấp tấp đàm phán với Mỹ ở Pa-ri, là những việc mà tôi đã phê phán ở phần trên. Giờ đây nói về vấn đề giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và vai trò của Lê Duẩn.

Như chúng ta đều biết, sau khi hiệp định Pa-ri được ký kết, Mỹ-ngụy không hề tôn trọng Hiệp định, vẫn tăng cường càn quét lấn chiếm, hòng thủ tiêu Quân giải phóng và những người cách mạng miền Nam. Thế mà lúc bấy giờ chủ trương của Lê Duẩn là không được đấu tranh vũ trang, chỉ dùng hình thức đấu tranh chính trị và binh vận, để hòa giải dân tộc. Đây là một chủ trương xuất phát từ nguyện vọng chủ quan, không đúng với tình hình thực tế.

Về chủ trương này, ngay cả Trần Văn Trà, một người theo đuôi Lê Duẩn trong việc nói xấu Trung Quốc, cũng đã phải nói lên sự thật trong quyển Hồi ký của mình rằng: “Một số cán bộ, một ít địa phương với tinh thần chấp hành chỉ thị của trên là đấu tranh thi hành triệt để Hiệp định Pa-ri, sợ đánh trả địch thì vi phạm Hiệp định, chấp hành chủ trương công tác binh địch vận vô hiệu hoá quân ngụy một cách hữu khuynh, nguy hiểm, cụ thể hoá ra thành năm cấm: *Cấm tấn công địch, cấm đánh quân địch càn quét lấn chiếm, cấm bao vây đồn, cấm pháo kích đồn ngụy và cấm xây dựng xã chiến đấu*. Tưởng như vậy để ổn định tình hình, tránh gây căng thẳng để đi vào hòa hợp dân tộc. Một số nơi rút các đơn vị ở tuyến trước về sau để chân chính, củng cố. Cho rằng rút về sau thì đơn vị sẽ bị tiêu diệt. Thực tế là khi rút đơn vị vũ trang ta về, thì địch lại lấn lướt, phá cơ sở quần chúng, diệt cơ

sở Đảng ta, xoá trạng thái da beo ở đây” [4] .

Hồi ký của Trần Văn Trà còn nói: “Hiệp định Pa-ri không phải chấm dứt đấu tranh giữa cách mạng và phản cách mạng và cũng không chấm dứt được đấu tranh vũ trang mà nó quy định, vì địch vi phạm lần chiếm như nói trên kia với ý đồ là chỉ còn một chính quyền ngụy, một quân đội ngụy. Thế mà chủ trương ta nên phân định dứt khoát thành hai vùng thôi, vùng địch và vùng ta, để có phương châm đấu tranh thích hợp cho mỗi vùng để ổn định ngay tình hình, để ta có thể củng cố xây dựng lại lực lượng vũ trang của ta đã yếu rồi, xây dựng vùng kinh tế của ta, xây dựng chính quyền của ta, thì thật không phù hợp chút nào”. [5]

Sau khi Hiệp định Pa-ri ký kết không lâu, địch đã lợi dụng chủ trương sai lầm này của Lê Duẩn, xua quân lần chiếm một số vùng quan trọng của ta, như Cửa Việt thuộc Quảng Trị, vùng Bảy Núi thuộc Long Xuyên, đường số 4 ở Mỹ Tho, Đường số 2 ở Bà Rịa và Sa Huỳnh thuộc Quảng Ngãi. Đặc biệt, ở Nam Bộ, địch đã đánh chiếm các vùng kiểm soát của ta trên tất cả các tỉnh trong quân khu. Ở Sài Gòn, chúng còn dùng xe ủi đất để san bằng nhà ở, vườn tược của nhân dân, lập thêm ấp chiến lược, đóng thêm nhiều đồn bót và tung bọ gián điệp về bắt bớ, bắn giết những cán bộ hạ tầng của ta. Đồng thời chúng còn ào ạt càn quét vào những vùng mà từ trước tới nay vẫn là vùng tranh chấp, để biến thành vùng do chúng kiểm soát, và đóng thêm đồn bót mới. Chỉ riêng ở Mỹ Tho, Gò Công, Kiến Tường và Bến Tre chúng đóng thêm gần ba trăm đồn bót. Đi đôi với những hành động đó, địch còn tăng cường củng cố hệ thống ngụy quyền từ trên xuống dưới, lập thêm nhiều chi khu mới ở các xã, kìm kẹp nhân dân một cách khắt khe, tăng cường bao vây lùng bắt những người cách mạng ở miền Nam.

2. Phản ánh của Trung ương cục và cán bộ miền Nam

Thấy rõ nguy cơ đang đến với quân và dân miền Nam, “các đồng chí Trung ương cục miền Nam và Quân uỷ miền đã không đồng ý rút lực lượng phía trước về phía sau, mà ra lệnh phải củng cố, chặn chính tại chỗ, giữ vững thế xen kẽ ba vùng và đã tích cực báo ý kiến này về Trung ương”.^[6]

Vẫn theo Hồi ký của Trần Văn Trà, thì vì đã bất mãn với chủ trương đó của Lê Duẩn, cán bộ và chiến sĩ miền Nam đã tuyên bố là “chúng tôi có muốn đánh nữa cho thoả chí cá nhân đâu, chúng tôi muốn đất nước hòa bình, nhân dân hết chết chóc, nhưng địch hành quân càn quét lần chiếm, chĩa súng bắn chúng tôi, âm mưu xoá sạch thành tựu cách mạng vừa qua, thì chúng tôi phải làm gì? Có phải chúng tôi đứng thẳng người giơ nắm tay lên trời hô khẩu hiệu “Hòa bình muôn năm”? Không! Thật tình chúng tôi không muốn cái trò ngây thơ đau xót hồi những năm 1954-1959 diễn lại. Trong tim mình còn nhức nhối cái tang của không ít đồng chí đã ngã xuống lúc ấy trong tay còn cầm súng mà không dám bắn, cái tang của nhiều phong trào địa phương bị chìm trong máu. Vì sợ bị phê bình làm sai chủ trương^[7], ở Mỹ Tho du kích phải tổ chức đánh lén^[8] đồn bót địch đóng trái phép vào căn cứ mình. Ở Mỏ Cày, Bến Tre, đánh trả, phải lùi mãi, anh em than thở: “Chỉ còn nước chui xuống sà mà ở”. Cuối cùng phải tự động đánh trả mới khôi phục lại được vùng căn cứ của huyện”.^[9]

Ngược với chủ trương của Lê Duẩn, quân và dân miền Nam đã quyết tâm giáng trả địch lần chiếm trái phép. Trung ương cục miền Nam đã cùng với hàng triệu nhân dân, hàng vạn chiến sĩ quân giải phóng, bộ đội địa phương, dân quân du kích ngày đêm vật lộn với kẻ thù, giành nhau từng tấc đất, từng thôn ấp, từng người dân. Kết quả là ta đã thu được nhiều thắng lợi, bẻ gãy nhiều đợt hành quân càn quét của địch, phá huỷ nhiều đồn bót mà chúng đóng trái phép vào đất của ta, giành lại quyền kiểm soát trên hầu hết các vùng mà trước đây chúng lần chiếm trái phép, buộc chúng phải co về vị trí

đã hình thành trước ngày 28-1-1973, tức là ngày Hiệp định Pa-ri có hiệu lực. Kết quả hành động dũng cảm của quân và dân miền Nam không những làm chùn bước ý đồ của Mỹ-ngụy muốn tiêu diệt những người cách mạng miền Nam, mà còn giúp cho Bộ Chính trị sửa lại cách đánh giá tương quan lực lượng giữa ta và địch. Vì vậy, ngày 18-12-1974, trong cuộc họp Bộ Chính trị có sự tham gia của đại diện các chiến trường miền Nam để bàn về phương hướng nhiệm vụ chiến lược hai năm 1975-1976, Lê Đức Thọ đã nói: Từ hiệp định Pa-ri tới nay, nói chung là ta đánh giá địch cao ta thấp... Bây giờ qua thực tiễn rõ ràng là ta mạnh hơn địch.

Tuy vậy, về kế hoạch cụ thể, Bộ Tổng tham mưu vẫn quy định năm 1975 các chiến trường không được đánh lớn, chỉ được đánh nhỏ phá kế hoạch bình định của địch, phải để dành lực lượng cho năm 1976 đánh lớn đạt thắng lợi quyết định. Chỉ sau khi Quân giải phóng đánh chiếm được Phước Long, thì Bộ Chính trị mới quyết tâm mở chiến dịch Ban Mê Thuột, và quyết định cử Văn Tiến Dũng vào Nam truyền đạt chỉ thị của Bộ Chính trị cho chiến trường Tây Nguyên và tổ chức hiệp đồng chiến đấu giữa Quân giải phóng miền Nam, bao gồm quân chủ lực Tây Nguyên, Quân khu 5, Bộ đội địa phương với sư đoàn 316 và một số trung đoàn tăng cường của Bộ Tổng tư lệnh.

3. Chiến dịch Tây Nguyên mở ra một triển vọng mới

Sau một thời gian tích cực chuẩn bị, sáng ngày 10-3-1975, quân ta bắt đầu nổ súng tiến công Ban Mê Thuột. Trước đòn tiến công sét đánh của ta, ngày 11-3-1975 phần lớn quân ngụy đã tháo chạy vào rừng, thế là Ban Mê Thuột được giải phóng.

Hoảng sợ trước chiến thắng Ban Mê Thuột, ngày 14-3-1975, Nguyễn Văn Thiệu đã ra lệnh cho toàn bộ quân ngụy phải rút khỏi Tây Nguyên.

Đồng thời với chiến dịch Ban Mê Thuột, ở Trị Thiên, lực lượng vũ trang quân khu cũng bắt đầu mở các cuộc tiến công bao vây địch, diệt và bức rút nhiều đồn bốt, phá hoại một số kho tàng và cắt đứt các tuyến giao thông quan trọng của địch.

Ngày 19-3, tiến công và giải phóng Quảng Trị.

Ngày 21-3, tiến công Huế và ngày 25-3 thì ta hoàn toàn làm chủ Huế.

Ngày 24-3 và 25-3, quân ta tiến công giải phóng Tam Kỳ và Tuần Dương.

Lực lượng địch ở địa phương tỉnh Quảng Ngãi cũng nổi dậy giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Ngãi.

Do ta liên tiếp giành được nhiều thắng lợi trên chiến trường, trong phiên họp ngày 25-3, Bộ Chính trị đã nhận định: Việc mở màn chiến dịch Tây Nguyên đánh vào Ban Mê Thuột đã làm cho cục diện chiến trường thay đổi theo chiều hướng rất có lợi cho ta. Thời cơ mới đã xuất hiện. Hơn lúc nào hết ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam. Trong cuộc họp này, Bộ Chính trị cũng quyết tâm điều Văn Tiến Dũng từ Tây Nguyên xuống Nam bộ để phối hợp với Phạm Hùng và Trần Văn Trà chỉ huy chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định.

Ngày 25-3, quân ta bắt đầu nổ súng tiến công Đà Nẵng. Cũng giống như ở Huế, tại đây phần đông lính ngụy đã mất tinh thần chiến đấu, bỏ đơn vị tháo chạy, nhiều tên chỉ huy của chúng cũng bỏ vị trí chiến đấu để tìm cách đưa gia quyến chạy trốn vào phía Nam. Một số đơn vị của địch, mặc dù chưa hề bị quân ta tiến đánh đã tự tan rã.

Đứng trước tình hình bi đát đó, ngày 28-3, Ngô Quang Trưởng, Tư lệnh quân đoàn một và vùng một chiến thuật ngụy đã hạ lệnh rút bỏ Đà Nẵng theo chỉ thị của Thiệu.

Ngày 29-3, ta hoàn toàn làm chủ thành phố Đà Nẵng.

Sau những thất bại dồn dập ở Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng, và nhất là sau khi

bị mất tuyến phòng thủ Phan Rang - Xuân Lộc, chế độ ngụy đang đứng trước nguy cơ sụp đổ nhanh chóng cả về quân sự và chính trị. Năm vững thời cơ chiến lược đó, đầu tháng 4, Bộ Chính trị đã nhắc nhở Quân ủy chỉ thị cho các binh đoàn, các quân khu phải hết sức khẩn trương để có thể bắt đầu cuộc tổng công kích vào Sài Gòn càng sớm càng tốt.

Ngày 14-4, theo đề nghị của Quân ủy Trung ương, Bộ Chính trị đồng ý chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định lấy tên là chiến dịch Hồ Chí Minh. Trước khi chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu, quân và dân Nam Bộ đã chuẩn bị đầy đủ về các mặt để phục vụ cho chiến dịch. Quân chủ lực miền liên tục tiến công quân địch, giải phóng nhiều vùng rộng lớn, tạo ra một vành đai giải phóng liên hoàn, bao vây ép sát Sài Gòn. Vì vậy mà khi quân chủ lực của Bộ hành quân từ ngoài vào tham gia chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định đã đến địa điểm tập kết một cách thuận lợi và bí mật.

Đúng nửa đêm ngày 28-4-1975, các cánh quân của ta đồng loạt nổ súng tổng công kích vào các mục tiêu chính ở nội đô Sài Gòn.

Phối hợp với các cánh quân của ta tiến vào Sài Gòn, các Đảng bộ địa phương, các cơ sở cách mạng đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy đấu tranh vũ trang, vận động lính ngụy bỏ súng đầu hàng và cướp chính quyền từ trong tay ngụy, giữ gìn nguyên vẹn các công trình, nhà máy để bàn giao cho chính quyền cách mạng, duy trì trật tự trị an tại chỗ. Lực lượng học sinh sinh viên Sài Gòn, ngoài việc ngăn chặn có hiệu quả các hành động phá hoại của địch, còn tích cực dẫn đường cho bộ đội ta tiến vào các mục tiêu, các công sở trong thành phố.

Đúng 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, quân ta đã cắm cờ lên Dinh Độc Lập, kết thúc chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Ngày 30-4-1975, khắp các đường phố Sài Gòn đâu đâu cũng thấy cờ đỏ sao vàng và cờ nửa đỏ nửa xanh của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa

miền Nam Việt Nam tung bay trước gió. Đông đảo nhân dân thành phố đã vui mừng đón chào Quân giải phóng. Trật tự thành phố và mọi sinh hoạt đều được giữ nguyên, nhiều nhà máy, công xưởng vẫn hoạt động, nhu cầu điện nước của các gia đình vẫn được cung cấp đầy đủ.

Không riêng gì ở Sài Gòn, ngày 30-4-1975, tất cả các nẻo đường, các miền quê của đất nước, đâu đâu cũng vui vẻ, rộn ràng, đâu đâu cũng vang lời ca:

Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng,

Lời Bác nay đã thành chiến thắng huy hoàng...

Việt Nam Hồ Chí Minh.

Việt Nam Hồ Chí Minh.

Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước với vai trò của Lê Duẩn

Trong niềm vui hân hoan mừng thắng lợi, chúng ta không quên nhìn lại chặng đường đấu tranh gian khổ với bao hy sinh anh dũng của dân tộc ta trong suốt mấy chục năm qua. Chặng đường mà chúng ta đã đi là chặng đường đầy chông gai bão tố, đầy máu và nước mắt, nhưng hết sức quang vinh. Vì độc lập tự do của đất nước, không biết bao nhiêu đồng bào, đồng chí của ta đã ngã xuống. Máu đào của họ đã tô thắm non sông đất nước Việt Nam. Họ là những người làm nên chiến thắng.

Trong khi đánh giá nguyên nhân cơ bản của chiến thắng 30-4 và nguyên nhân cơ bản dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta, chúng ta phải đứng trên lập trường cách mạng, phải đánh giá một cách khách quan, đầy đủ và chân thật. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

Phải thấy được chủ trương của Hồ Chủ tịch, trí tuệ của tập thể Bộ Chính trị, của toàn Đảng và công sức của toàn quân, toàn dân ta. Đồng thời phải thấy được sự giúp đỡ to lớn của các nước anh em, đặc biệt là những người cùng chiến đấu trong một chiến hào với chúng ta như các bạn Trung Quốc, Lào và Cam-pu-chia. Tuyệt đối không thể lấy công lao của tập thể và sự hy sinh của

cả dân tộc, của bạn bè đánh tráo thành ra công lao của cá nhân Lê Duẩn. Nếu như sau khi có Hiệp định Pa-ri, quân và dân miền Nam cũng triệt để chấp hành chủ trương sai lầm của Lê Duẩn mà không có sự uốn nắn kịp thời của tập thể, của quân và dân trong cương vị chiến đấu thực tế, thì chúng ta khó có thể lường trước được cái nguy cơ sẽ xảy ra đối với miền Nam, và cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta sẽ đi đến kết quả như thế nào.

Thực tế đã cho thấy, chỉ có kiên trì thực hiện tư tưởng, chỉ đạo của Hồ Chủ tịch, và chỉ có tinh thần chiến đấu anh dũng bền bỉ không sợ hy sinh của toàn thể quân và dân cả nước, thì chúng ta mới có ngày thắng lợi huy hoàng 30-4-1975, đất nước Việt Nam mới có ngày hoàn toàn giải phóng và thống nhất. Vinh quang này mãi mãi thuộc về Hồ Chủ tịch và Đảng Lao động Việt Nam, thuộc về quân và dân Việt Nam, đặc biệt là quân và dân miền Nam anh hùng.

Trong khi nói đến đường lối đúng đắn của Hồ Chủ tịch, nói đến sự lãnh đạo tập thể của Bộ Chính trị và Trung ương Đảng, nói đến công lao của toàn thể nhân dân, đặc biệt là công lao của quân và dân miền Nam, chúng ta không quên phần đóng góp cá nhân. Vì vậy, đối với Lê Duẩn, chúng ta cũng cần đánh giá đúng đắn. Lê Duẩn là một người đã tham gia cách mạng lâu năm, và đã có sự đóng góp nhất định cho cách mạng, mặc dù trong quá trình cách mạng có phạm sai lầm này, sai lầm khác cũng là một việc không thể tránh khỏi. Vì cách mạng luôn luôn là những sự việc mới, không phải ai cũng có thể một lúc nhận thức được hết. Phải vừa làm vừa học, phải kết hợp sát với thực tế từng địa phương từng giai đoạn, phải luôn luôn tổng kết kinh nghiệm, phải thành thực phê bình và tự phê bình, và phải luôn luôn trau dồi phẩm chất để không bị tha hóa, mà việc đó thì không phải ai cũng thực hành được một trăm phần trăm.

Những sai lầm của Lê Duẩn trước ngày đất nước hoàn toàn giải phóng, chúng ta chỉ coi là sai lầm của người cách mạng, sai lầm trong nội bộ nhân dân.

Nhưng từ khi đất nước hoàn toàn giải phóng, Lê Duẩn đã xa rời hẳn chủ trương đường lối của Hồ Chủ tịch, đã xa rời hẳn những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, phá hoại thành quả cách mạng do cuộc đấu tranh gian khổ và hy sinh không bờ bến của nhân dân trong hơn một thế kỷ đã mang lại, biến nước Việt Nam anh hùng thành một nước bị mang tên là xâm lược, gây tình hình căng thẳng và chống đối với các nước láng giềng đời này qua đời khác, biến Việt Nam thành một căn cứ quân sự của nước ngoài, làm tổn hại đến nền hòa bình của đất nước, của Đông Nam Á và thế giới.

Tất cả những sai lầm của Lê Duẩn sau khi đất nước giải phóng, không còn là sai lầm của một người cách mạng nữa, mà là một sự biến chất, một sự phản bội đối với cách mạng, đối với dân tộc, với Tổ quốc.

IV. Cách mạng Việt Nam với sự phản bội của Lê Duẩn

Mục tiêu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là để xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh như Hồ Chủ tịch đã đề ra. Nhưng sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ thắng lợi thì Lê Duẩn làm ngược lại tất cả, xuất phát từ một mục đích chiến lược phản cách mạng là âm mưu biến Việt Nam thành một nước bá chủ ở Đông Dương và ở Đông Nam Á.

Lê Duẩn biết rất rõ là Trung Quốc đối với âm mưu đó nhất định sẽ phản ứng mạnh. Vì vậy, để ngăn chặn sự phản ứng của Trung Quốc, để thực hiện cho bằng được cái mục đích chiến lược phản cách mạng như trên, Lê Duẩn đã nặn óc dùng thủ đoạn dối trá làm một số việc với những hậu quả hết sức nguy hại của nó như sau:

- Việc họp Đại hội lần thứ tư của Đảng vào cuối năm 1976, để gạt bỏ những người không cùng bè cánh.
- Việc ép Trung ương ra nghị quyết chống Trung Quốc.
- Việc ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt – Xô rồi đánh chiếm Cam-pu-chia.

1. Về việc họp Đại hội lần thứ tư của Đảng vào cuối năm 1976

Theo đúng điều lệ Đảng bốn năm họp một lần, thì Đại hội lần thứ tư có thể họp vào cuối năm 1964 hoặc đầu năm 1965, nhưng vì Liên Xô vẫn chủ trương hai miền Nam, Bắc chung sống hòa bình, không chịu viện trợ quân sự cho Việt Nam, như vậy là về tình hình quốc tế còn có chỗ không thuận lợi. Sau khi Liên Xô đã đồng ý viện trợ quân sự cho Việt Nam chống Mỹ (2-1965) là điều kiện quốc tế cũng như điều kiện trong nước đều rất thuận lợi cho việc chuẩn bị họp Đại hội. Nhưng vì Lê Duẩn đang tính toán việc đàm phán với Mỹ, nên chưa dứt khoát về đường lối. Đã không dứt khoát về đường lối thì không có cơ sở viết báo cáo chính trị để trình Đại hội. Còn Hồ Chủ tịch thì suốt mấy năm liền phải chống chọi với bệnh tật, tuy cũng có giục Lê Duẩn chuẩn bị họp Đại hội, nhưng Lê Duẩn cứ nói là chuẩn bị không kịp, thì cũng không làm thế nào được. Sau khi Hồ Chủ tịch mất, quyền đảng đã hoàn toàn nắm trong tay, thì Lê Duẩn có thể tự do đẩy lùi cuộc họp Đại hội cho đến sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng. Miền Nam đã hoàn toàn giải phóng thì việc thỏa hiệp với Mỹ không phải lo tính nữa, ý đồ xâm chiếm Cam-pu-chia và khống chế Lào đã có thể thực hiện được một cách chắc chắn; việc nhờ vào Trung Quốc viện trợ để kháng chiến

nay có thể không cần thiết nữa; việc kéo bè, kéo cánh để gạt bỏ những người chống đối chủ yếu đã có thể thực hiện mà không ngại đến lòng hăng hái chống Mỹ của nhân dân. Cái thắng lợi mà toàn thể nhân dân đã hy sinh tất cả để mang lại, Lê Duẩn đã có thể tự vợ lấy để khoe khoang mình, do đó Lê Duẩn mới quyết định họp Đại hội vào cuối năm 1976.

Tháng 11 năm 1976, trong khi chuẩn bị họp Đại hội, Lê Duẩn đề nghị Bộ Chính trị cử tôi dẫn đầu Đoàn đại biểu Đảng đi dự Đại hội Đảng An-ba-ni. Tôi biết rất rõ ý đồ của Lê Duẩn là muốn điều tôi đi xa để ở nhà chúng có thể tự do bố trí việc lôi kéo bè cánh, gạt bỏ những người không ăn ý, thành lập một ban lãnh đạo mới phù hợp với chủ trương, đường lối phản động của tập đoàn Lê Duẩn. Tôi biết, nhưng tôi rất vui lòng đi An-ba-ni, vì như vậy tôi khỏi phải tham gia vào việc bàn bạc về nhân sự, mà bọn Lê Duẩn thế nào cũng tìm cách gạt tôi ra khỏi cơ quan lãnh đạo Đảng, ít nhất là ra khỏi Bộ Chính trị.

Ngày 1 tháng 12 năm 1976, Đại hội lần thứ tư chuẩn bị họp trừ bị, thì cũng là lúc Quốc hội Cu-ba họp khóa họp đầu tiên, có mời Quốc hội Việt Nam cử Đoàn đại biểu tham gia. Lê Duẩn vẫn muốn cử tôi dẫn đầu Đoàn đại biểu Quốc hội ta đi Cu-ba, nhưng sợ như vậy lộ liễu quá, nên một mặt quyết định cử chị Nguyễn Thị Thập, Phó Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội làm Trưởng đoàn, một mặt lại bảo Xuân Thủy tâm sự với tôi rằng, đi dự Quốc hội Cu-ba mà chị Nguyễn Thị Thập là Trưởng đoàn có thể Cu-ba không vui lắm, nhưng ta đang chuẩn bị họp Đại hội, thì không có cách nào khác. Tôi hiểu ý Xuân Thủy tức là ý Lê Duẩn, nên tôi nói, nếu Đảng thấy cần tôi dẫn đầu Đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam đi dự Quốc hội Cu-ba, thì tôi vui lòng nhận nhiệm vụ, mặc dù tôi sẽ phải vắng mặt trong cuộc họp trừ bị Đại hội. Theo thói quen các đảng, thì cuộc họp trừ bị là một cuộc họp để thảo luận trước về tư tưởng, về nhân sự xong xuôi đã rồi mới đưa ra Đại hội chính

thức. Tôi nhận lời đi Cu-ba như vậy, cũng là cốt để tránh việc phải bàn bạc về vấn đề nhân sự. Quả vậy, sau khi Quốc hội Cu-ba họp xong, ngày 7-12-1976 tôi dẫn Đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam từ Cu-ba về đến Hà Nội, thì cũng là ngày mà cuộc họp trụ bị vừa kết thúc. Lê Đức Thọ gặp tôi để giải thích về việc cuộc họp trụ bị không đề cử tôi vào Ban Chấp hành Trung ương. Việc này đối với tôi không phải là một việc đột ngột, càng không phải là một việc làm cho tôi phải buồn bực, vì tôi biết dưới sự khống chế của Lê Duẩn, thì tôi cũng như các người khác, dù có chân trong Ban Chấp hành Trung ương cũng không thể thật sự phát huy được tác dụng của một uỷ viên Trung ương, vì đã nhiều năm rồi, từ khi sức khoẻ Bác Hồ bị kém sút, thì ngay cả hội nghị Trung ương cũng hầu như không còn tác dụng là một tập thể lãnh đạo cao nhất của Đảng.

*

Tôi còn nhớ vụ án chính trị phát hiện trong năm 1967 do một số học sinh và cán bộ học ở Liên Xô về câu kết với nhau thành một nhóm chống Đảng. Khi lộ tẩy rồi bị bắt, nhóm này đã khai ra nhiều người trong đó có Nguyễn Văn Vịnh, trung tướng Quân đội nhân dân, Chủ nhiệm Ủy ban thống nhất của Quốc hội, là một tên tội phạm quan trọng đã bí mật cung cấp tài liệu quân sự và tình báo chính trị cho nước ngoài. Một vụ án đặc biệt như vậy, thông thường là phải báo cáo đầy đủ với Bộ Chính trị để báo cáo với Trung ương quyết định việc xử lý. Nhưng khi Hồ Chủ tịch đang còn thì Lê Đức Thọ lấy cớ là vụ án đang ở trong giai đoạn điều tra, thỉnh thoảng mới báo cáo với Bộ Chính trị về sự phát triển của vụ án để biết. Sau khi Hồ Chủ tịch mất không lâu, Lê Đức Thọ đề nghị Bộ Chính trị cho lập một ban điều tra gồm ba người là Trần Quốc Hoàn, Nguyễn Lương Bằng là uỷ viên, Lê Đức Thọ là Trưởng

ban, nhưng thực tế thì Lê Đức Thọ và Trần Quốc Hoàn nắm, còn Nguyễn Lương Bằng thì chỉ nghe thế nào thì biết thế ấy. Từ đó Lê Đức Thọ không báo cáo với Bộ Chính trị nữa, mà chỉ ở hội nghị Trung ương khi có người hỏi thì mới báo cáo ở hội nghị Trung ương để biết. Mãi đến năm 1976, trong một cuộc hội nghị Trung ương, Lê Đức Thọ mới đề nghị xin Trung ương quyết định kỷ luật Nguyễn Văn Vịnh là hạ chức trung tướng Quân đội nhân dân xuống cấp thiếu tướng, hạ chức Chủ nhiệm Ủy Ban thống nhất của Quốc hội ^[10] xuống cấp Thứ trưởng. Cả hội nghị Trung ương đều phản đối, nhất trí quyết định phải khai trừ Đảng tịch, tước hết quân hàm, cách chức Chủ nhiệm Ủy Ban thống nhất của Quốc hội, và giao cho Lê Đức Thọ, Trưởng Ban tổ chức Trung ương Đảng làm thủ tục thi hành. Trước hội nghị Trung ương, Lê Đức Thọ không thể không thừa nhận nhiệm vụ thi hành, nhưng lại nói riêng với Nguyễn Văn Vịnh rằng, tuy tuyên bố kỷ luật như vậy, nhưng anh vẫn được tự do, cứ yên tâm chờ đợi một thời gian thì sẽ có cách xóa án. Thế rồi sau Đại hội lần thứ tư của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương được bầu lại, Lê Duẩn đã nắm chắc về tổ chức, thì trong một cuộc họp Trung ương năm 1977, Lê Đức Thọ mới đề nghị xin Trung ương xét lại vụ án Nguyễn Văn Vịnh và quyết định cho thôi chức Chủ nhiệm Ủy Ban thống nhất của Quốc hội, và chỉ hạ một cấp quân hàm từ trung tướng xuống thiếu tướng. Phải chờ đến khi có Ban Chấp hành Trung ương mới mới giải quyết được vấn đề, là vì theo nguyên tắc tổ chức thì chỉ có Trung ương mới phủ quyết được một nghị quyết đã có hiệu lực của Trung ương. Vì sao vụ án phát hiện từ năm 1967 mà để mãi đến mười năm sau là năm 1977 mới giải quyết? Là vì trong vụ anh Nguyễn Chí Thanh bị ám hại, Nguyễn Văn Vịnh là người được biết tất cả mọi chi tiết, nếu xử lý Nguyễn Văn Vịnh đúng theo kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước thì Nguyễn Văn Vịnh sẽ buoi ra hết cả, như

vậy bộ mặt của bọn Lê Duẩn sẽ bị bóc trần, tội ác của bọn Lê Duẩn sẽ phơi bày trước Đảng và trước dư luận nhân dân.

*

Tôi cũng còn nhớ trong một cuộc họp hội nghị Trung ương năm 1968 ^[11], bàn về vấn đề kháng chiến chống Mỹ, anh Nguyễn Thọ Chân, Ủy viên Trung ương dự khuyết, Đại sứ Việt Nam tại Liên Xô phát biểu ý kiến rằng cuộc kháng chiến hiện nay chủ yếu là phải dựa vào sự viện trợ của Trung Quốc, còn Liên Xô tuy có viện trợ ta, nhưng rất sợ Mỹ. Thế là Phạm Văn Đồng đang ngồi trên ghế Chủ tịch hội nghị liền cắt ngang lời, nói một hồi rằng chính Trung Quốc mới là kẻ sợ Mỹ. Anh Nguyễn Thọ Chân nói tiếp được mấy câu lại bị ngắt lời, phải đứng trên diễn đàn để nghe tiếp lời giáo huấn của Phạm Văn Đồng, vì Phạm Văn Đồng là Ủy viên Bộ Chính trị lại là Thủ tướng. Anh Nguyễn Thọ Chân nghe xong vẫn tiếp tục đưa chứng cứ nói Liên Xô là sợ Mỹ. Lại bị ngắt lời một lần nữa. Thế là anh phải bỏ dở lời phát biểu, rời diễn đàn quay về chỗ ngồi.

Lại trong một cuộc họp nghị Trung ương năm 1970 cũng bàn về vấn đề kháng chiến chống Mỹ, đồng chí Phạm Văn Xô, Ủy viên Trung ương phát biểu ý kiến rằng, cần thâm nhuần tư tưởng trường kỳ gian khổ như Hồ Chủ tịch đã dạy. Anh Xô cũng bị ngắt lời ba lần, và cũng đành phải bỏ dở lời phát biểu như anh Nguyễn Thọ Chân lần trước.

Lại trong một cuộc hội nghị Trung ương khác vào năm 1973 sau khi quân Mỹ đã rút hết khỏi miền Nam, mấy đồng chí quân sự có tham gia chiến dịch Mậu Thân đều phát biểu rằng, chiến dịch Mậu Thân kéo dài đã mang lại những tổn thất rất lớn là cơ sở nông thôn cũng như ở thành thị đã bị phá hoại nghiêm trọng. Nhiều cơ sở đến nay vẫn còn chưa khôi phục lại được. Có

đồng chí sợ nói miệng có thể lại bị xuyên tạc, nên đã viết lời phát biểu thành văn bản, trình trọng đọc ở diễn đàn rồi giao văn bản cho Đoàn Chủ tịch. Một vấn đề quan trọng như vậy được các đồng chí có trách nhiệm về quân sự trực tiếp nêu thẳng ra trong hội nghị Trung ương, thế mà Đoàn Chủ tịch gồm các uỷ viên Bộ Chính trị, lại không nêu ra thảo luận và cũng không có một sự giải thích nào. Các đồng chí Trung ương trong hội nghị chỉ nhìn nhau, nói sang vấn đề khác theo sự điều khiển của Chủ tịch điều khiển hội nghị.

*

Vì những sự thực như trên, nên khi nghe Lê Đức Thọ nói lại ý kiến của cuộc họp trù bị không đề cử tôi vào danh sách ứng cử Trung ương, tôi không phản ứng gì cả, mà chỉ đề nghị trong Đại hội chính thức tôi sẽ xin phát biểu để đóng góp ý kiến của mình đối với Đại hội. Lê Đức Thọ liền trắng trợn nói thẳng rằng, chương trình phát biểu ở Đại hội đã xếp đặt đầy đủ, nếu anh phát biểu, người khác cũng xin phát biểu thì khó xử quá. Thế là trong Đại hội, chẳng những tôi không được đề cử vào Trung ương, mà cũng không có quyền phát biểu ý kiến.

Kết quả Đại hội lần này là một phần ba uỷ viên Trung ương bị gạt ra ngoài Ban Chấp hành Trung ương mới, Trung ương khóa ba chỉ có 71 người, thì lần này tăng lên 133 người gồm 101 uỷ viên chính thức, 32 uỷ viên dự khuyết, địa bộ phận là những người theo chủ trương của Lê Duẩn chống Trung Quốc, một số người khác tuy không đồng tình chủ trương chống Trung Quốc nhưng không gắng lắm, hoặc kín miệng không dám phát biểu thẳng thắn.

Sau Đại hội Đảng toàn quốc, thì đến Đại hội tỉnh, rồi đến Đại hội huyện, đại hội cấp nào cũng có đại biểu của Ban Tổ chức Trung ương (do Lê Đức Thọ

nắm) đến tham dự. Theo lời tuyên bố của Ban Tổ chức ^[12] là Trung ương quy định người nào ngoài năm mươi lăm tuổi không được vào Tỉnh uỷ, ngoài năm mươi tuổi không được vào Huyện uỷ, trừ trường hợp đặc biệt do Trung ương quyết định ^[13].

Thế là hàng loạt người không đồng ý với Lê Duẩn từ Trung ương đến địa phương, đều bị gạt ra khỏi ban lãnh đạo của Đảng. Việc chuẩn bị về tổ chức để tiến tới những hành động phiêu lưu của bọn Lê Duẩn đã cơ bản được thực hiện.

Đại hội Đảng họp vào cuối năm 1976, nhưng những sự việc có thể xảy ra trong Đại hội và sau Đại hội như thế nào, là tôi đã dự đoán được. Nên trong dịp đầu xuân năm 1976, tôi đã làm một bài thơ nói rõ cách nhìn và quyết tâm của mình như sau:

*Bảy mươi một tuổi vẫn chưa già,
Vẫn cứ hăng say việc nước nhà.
Mắt tỏ nhìn ra người xấu tốt,
Tai tinh nghe biết chuyện gần xa.
Vạch đường cách mạng nhờ ơn Bác,
Về bức dư đồ góp sức ta.
Mấy chục năm trời quen cặm cuội,
Non sông còn phải điểm thêm hoa.*

^[1]Mig 23. BT

^[2]Đại sứ Việt Nam ở Trung Quốc

^[3]báo Nhân dân ngày 01-12-1972

^[4]Hồi ký Trần Văn Trà trang 54

^[5]Hồi ký Trần Văn Trà trang 70

^[6]Hồi ký Trần Văn Trà trang 68

^[7]binh vận

^[8]lên đối với cấp trên

^[9]Hồi ký Trần Văn Trà trang 83

^[10]ngang chức Bộ trưởng

^[11]Hồ Chủ tịch mệt không đến dự được

^[12]chỉ tuyên bố miệng chứ không có văn bản

^[13]mà thực sự là do Ban Tổ chức quyết định

Hoàng Văn Hoan

Giọt nước trong biển cả

Phần 7: Cách mạng Việt Nam với sự phản bội của Lê Duẩn
(1957-1979)

Hồi Kết

2. Về việc ép Trung ương ra nghị quyết chống Trung Quốc

Như ở phần trên đã nói, tư tưởng chống Trung Quốc của Lê Duẩn vốn có từ lâu, nhưng cách biểu hiện thì mỗi thời kỳ một khác. Thời kỳ chưa thật sự choán được quyền lãnh đạo Đảng (1957-1960) thì dùng thủ đoạn hai mặt, thỉnh thoảng nói tốt Trung Quốc một vài câu, có khi còn tỏ thái độ cho rằng những người đánh giá thấp công lao của các đồng chí cố vấn Trung Quốc là vong ơn bội nghĩa.

Thời kỳ đã chính thức được bầu làm Bí thư thứ nhất Trung ương Đảng từ cuối năm 1960 về sau thì tư tưởng chống Trung Quốc vẫn giấu giếm khôn khéo, nhưng đã lộ đầu mối ra ít nhiều.

Thời kỳ Liên Xô viện trợ quân sự cho Việt Nam và sức khoẻ Hồ Chủ tịch sa sút nghiêm trọng, tức là từ năm 1965 về sau, thì luận điệu chống Trung Quốc theo kiểu Kho-rút-sốp đã được phổ biến khá rộng rãi trong đám cán bộ cùng bè cánh.

Thời kỳ ở Trung Quốc đang tiến hành cuộc cách mạng văn hóa, tuy với những chủ trương quá tả, lũ bốn người đã mang lại cho Trung Quốc những thiệt hại rất lớn, nhưng đối với việc viện trợ Việt Nam chống Mỹ, Trung Quốc vẫn tích cực trước sau như một. Thủ tướng Chu Ân Lai đã cấm hồng vệ binh ở Bắc Kinh không được đầu tổ các đồng chí Phương Nghị và Lý Cường là những người đang phụ trách việc viện trợ Việt Nam; Thủ tướng cũng cấm hồng vệ binh ở Vũ Hán không được ngăn cản các chuyến tàu hỏa chở vũ khí và vật tư cho Việt Nam. Tình hình đó Lê Duẩn biết rất rõ nhưng vẫn tuyên truyền cách mạng văn hóa Trung Quốc có hại cho kháng chiến Việt Nam và cố tình làm một số việc có tính chất khiêu khích đối với Trung Quốc. Lê Duẩn đã ép buộc Hội Liên hợp Hoa kiều ở Hà Nội phải cải tổ bằng cách đưa một tên phản động người Hoa đã từng chống đối cách mạng Trung Quốc lên nắm quyền lãnh đạo thay cho những người phẩm chất tốt và đã có công lao với cách mạng Việt Nam; tên phản động này mỗi lần tham gia hội nghị do Mặt trận Tổ quốc tổ chức, đều lên diễn đàn nói xấu Đảng Cộng sản Trung Quốc. Lê Duẩn còn ép buộc tờ báo **Tân Việt Hoa**, một tờ báo chữ Hán do Hội Liên hợp Hoa kiều xuất bản, phải đóng cửa. Đối với những việc khiêu khích đó Trung Quốc đều cho là việc nội chính của Việt Nam, không tỏ thái độ, thì Lê Duẩn lại cho đó là sự mềm yếu của Trung Quốc, càng tỏ vẻ hí hửng, đắc ý.

Thời kỳ Mỹ rút hết quân đội ra khỏi miền Nam, rồi không lâu miền Nam được hoàn toàn giải phóng, thì chủ trương của Lê Duẩn chống Trung Quốc được đẩy mạnh một cách hết sức trắng trợn.

Một việc nổi bật, là Trung Quốc đề nghị lập lãnh sự quán ở Sài Gòn, Lê Duẩn trở mặt nói rằng ở Việt Nam không có vấn đề Hoa kiều, mà chỉ có vấn đề người Việt gốc Hoa, không đồng ý cho Trung Quốc đặt lãnh sự quán, trong khi ở Trung Quốc, Việt Nam có ba Tổng lãnh sự quán ở Côn Minh, Nam Ninh và Quảng Châu.

Một việc nữa là việc "đánh tư sản mại bản" người Hoa. Nói là đánh tư sản mại bản, nhưng kỳ thực thì đánh tràn lan cả vào những người Hoa làm ăn lương thiện, thậm chí cả vào những người đã có công lao với cách mạng Việt Nam. Đi đôi với việc đánh tư sản mại bản còn có việc ép buộc một số người Hoa đi khu kinh tế mới. Những người đi khu kinh tế mới đều phải bỏ lại những gì là bất động sản, chỉ được mang theo một số đồ đạc nhẹ. Khi đến khu kinh tế mới là những nơi hoang vu trơ trọi, lại không được một sự giúp đỡ nào. Kết quả là có người phải quay về nơi làm ăn cũ, thì nhà cửa đồ đạc đã mất hết, không được nhập lại hộ khẩu và không có phiếu lương thực, phải chui rúc đầu cầu xó chợ, và thường bị xua đuổi chửi mắng; có người không có cách nào khác, đành phải ở lại khu kinh tế mới, thì cũng chết dần chết mòn vì đau khổ, vì đói rét, vì bệnh tật.

Một việc nổi bật nữa là cho đến nay đã có hơn hai mươi bảy vạn người Hoa bị đuổi về Trung Quốc và khoảng mười vạn người Hoa bị đuổi ra biển khơi rồi muốn đi đâu thì đi. Hai loại người này tuy cách đuổi khác nhau, nhưng có một điều giống nhau là tài sản và của cải bị cướp hết với lý do là khi đến Việt Nam hai bàn tay không, thì khi rời Việt Nam cũng hai bàn tay không!

*

Nhưng thế chưa đủ, để đẩy mạnh việc chống Trung Quốc hơn nữa, Lê Duẩn còn đặt việc chống Trung Quốc thành chính sách cơ bản của Nhà nước và

đường lối chung của Đảng. Về mặt Nhà nước, Lê Duẩn đã thông qua Trường Chinh ép Ủy ban dự thảo Hiến pháp ghi rõ trong Hiến pháp rằng nhân dân Việt Nam "phải đương đầu với bọn bành trướng và bá quyền Trung Quốc cùng bè lũ tay sai của chúng ở Cam-pu-chia".

Về mặt Đảng thì vào khoảng giữa năm 1978, Lê Duẩn đã ép Trung ương ra nghị quyết chống Trung Quốc. Nghị quyết nói Trung Quốc là kẻ thù trực tiếp, kẻ thù nguy hiểm của nhân dân Việt Nam; phải đánh đổ nhóm cầm quyền phản động thân Mao ở Bắc Kinh; phải giúp cho lực lượng tiến bộ ở Trung Quốc lên nắm quyền; phải phê phán tư tưởng Mao Trạch Đông trên tất cả các lĩnh vực; phải phái người đi các nước Đông Nam Á vận động các nước này chống Trung Quốc.

Sau khi có nghị quyết chống Trung Quốc thì những luận điệu chống Trung Quốc của Khơ-rút-sốp mà trước kia đã lén lút truyền nhau, bây giờ được phổ biến rộng rãi trong toàn Đảng; tác phẩm phản cách mạng của Vương Minh trước kia chỉ mới in một ít để chuyển tay nhau xem trong đám cán bộ thân cận của Lê Duẩn, thì bây giờ đã in hàng chục vạn quyển, bắt cán bộ từ cấp tỉnh trở lên phải học tập. Vậy Vương Minh là người như thế nào mà tác phẩm lại được Lê Duẩn quý trọng như vậy? Vương Minh là một người đối lập với tư tưởng Mao Trạch Đông, có lúc tả khuynh, như chủ trương phát động quần chúng cướp chính quyền ở thành thị, chủ trương trận địa chiến, không bỏ một tấc đất trong lúc quân Tưởng điều động hàng chục vạn quân hòng tiêu diệt khu Xô-viết Giang Tây; có lúc hữu khuynh, như chủ trương "hết thầy phải phục tùng mặt trận" khi Quốc - Cộng hợp tác chống Nhật.

Những chủ trương tả khuynh và hữu khuynh đó đã làm cho hơn chín mươi phần trăm cơ sở Đảng ở thành thị bị tan rã, đã làm cho Hồng quân ở Giang Tây bị lâm vào cảnh nguy ngập, phải rời bỏ khu Xô-viết, tiến hành cuộc trường chinh gian khổ hơn một năm mới đến được miền bắc Thiểm Tây với

những thiệt hại rất nặng.

Để thực hiện nghị quyết chống Trung Quốc, Phạm Văn Đồng đã đi thăm các nước Đông Nam Á để nói xấu Trung Quốc và cam đoan rằng sẽ không giúp đỡ Đảng Cộng sản của các nước này. Nói không giúp đỡ nhưng sự thực là phá hoại. Chúng đã đuổi những người đại diện Trung ương các Đảng này đang ở Hà Nội phụ trách công tác liên lạc với Trung ương Đảng Việt Nam. Đặc biệt tồi tệ là đối với Đảng Cộng sản Thái-lan, chúng đã đánh lừa, gọi các đồng chí Thái-lan ở Hà Nội đi qua Viêng Chăn để bàn việc, rồi giữ các đồng chí ở lại đó không cho về Hà Nội, cuối cùng vì không đủ điều kiện sống, các đồng chí phải rời khỏi Lào chạy về Thái-lan, trong khi đang bị đương cục Thái-lan lùng bắt. Chúng còn xúi giục một số người Thái-lan phản dân tộc như Nai Bun-dên lập ra một cái đảng gọi là "Đảng mới", sau đổi tên là "Đảng Đông Bắc", nhằm âm mưu chia cắt mười sáu phủ ở Đông Bắc Thái-lan thành một nước độc lập. Bọn Bun-dên thường phải người về các phủ Đông Bắc Thái-lan hoạt động, nhưng khi bị bắt thì khai ra tất cả những âm mưu thủ đoạn và nhiệm vụ mà bọn Lê Duẩn đã giao phó. Rõ ràng cách đối xử của Lê Duẩn với Đảng Thái-lan như đã nói trên, không phải là xuất phát từ nguyên tắc "không xuất cảng cách mạng" theo nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, cũng không phải là xuất phát từ nguyên tắc "không can thiệp vào nội chính của nước khác" như chủ trương chung sống hòa bình đã được thế giới công nhận, mà là một sự phản bội đối với các đảng anh em, một âm mưu lật đổ đối với nước láng giềng.

Để thực hiện nghị quyết chống Trung Quốc, Lê Duẩn tiếp tục bức hại, xua đuổi và cướp bóc tài sản của người Hoa, đưa ra khỏi cơ quan Đảng, Nhà nước và quân đội bất kể người Hoa nào, mặc dù là anh hùng diệt Mỹ, là lao động tiên tiến, là người có công lao trong kháng chiến cũng như trong việc xây dựng đất nước Việt Nam. Một việc rất độc ác là đối với người Việt có

vợ hoặc có chồng là người Hoa thì mặc dù đã có con cái, cũng bắt buộc hoặc phải ly hôn với người Hoa, hoặc phải chịu một số phận như người Hoa là đi khu kinh tế mới hoặc cùng phải lìa bỏ Việt Nam đi nước ngoài. Ở dọc đường biên giới Việt – Trung, chúng cấm hãm không cho nhân dân cả hai bên đi lại trao đổi hàng hóa hoặc thăm hỏi lẫn nhau như trước kia hai Đảng đã thỏa thuận. Chúng còn đào hầm hố, cắm chông gài mìn và khiêu khích bằng quân sự, giết hại những người dân thường đang làm lụng ở đồng ruộng, hoặc đang đi trên đường bên phía Trung Quốc.

Đi đôi với những việc làm trên, là việc thanh lọc nội bộ mà đối tượng là những người có ý kiến muốn hòa mục với các nước láng giềng, những người thường nói đến công ơn của Trung Quốc trong thời gian chống Pháp và chống Mỹ.

3. Về việc ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt–Xô rồi đánh chiếm Cam-pu-chia

Việc Lê Duẩn ép Trung Quốc rồi làm một số việc như đã kể trên, mục đích là cốt làm cho Liên Xô thấy rằng Lê Duẩn đã quyết tâm chống Trung Quốc và phá hoại tất cả những đảng anh em nào không đồng ý với chủ trương của Liên Xô chống Trung Quốc, tự nhiên những việc làm như vậy chẳng những được người lãnh đạo Liên Xô vừa lòng, mà còn được khuyến khích nữa là khác.

Ngày 3 tháng 11 năm 1978, Lê Duẩn và Phạm Văn Đồng đích thân đến Liên Xô ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt – Xô, mà thực chất là một hiệp ước Liên minh quân sự. Hiệp ước có khoản viết: "Trong trường hợp một trong hai bên bị tấn công, hoặc bị đe dọa tấn công thì hai bên ký hiệp ước sẽ lập tức trao đổi ý kiến với nhau nhằm loại trừ mối đe dọa đó, và áp dụng những biện pháp thích đáng có hiệu lực để bảo đảm hòa bình và an ninh của

hai nước”. Rõ ràng điều khoản đó không phải để Lê Duẩn bảo đảm an ninh cho Liên Xô, mà là để Liên Xô bảo đảm an ninh cho Lê Duẩn chống Trung Quốc và những hành động phiêu lưu khác của Lê Duẩn mà Trung Quốc có thể phản ứng bằng quân sự.

Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt – Xô ký xong, thì ngày 25-12-1978, Lê Duẩn đưa hai mươi vạn quân đánh thẳng vào Cam-pu-chia, ngày 7-1-1979 chiếm Phnôm Pênh, và ngày 10-1-1979 đưa tên bù nhìn Hêng Xom-rin ra tuyên bố thành lập cái gọi là "nước Cộng hòa Nhân dân Cam-pu-chia" để hợp pháp sự xâm chiếm của bọn Lê Duẩn.

Kế hoạch của bọn Lê Duẩn là với một lực lượng lớn và cách đánh chớp nhoáng như vậy, thì chỉ trong mấy tuần là tiêu diệt hết lực lượng kháng chiến và thôn tính xong Cam-pu-chia. Nhưng từ tháng giêng năm 1979 đến nay đã hơn bảy năm mà còn bị lún chân ở vũng lầy Cam-pu-chia, con em Việt Nam còn phải đi làm bia đỡ đạn, nông nghiệp Việt Nam ngày càng sa sút, công nghiệp bị đình trệ, nhân dân bị đói khổ, bệnh tật, chết chóc và mất hết tự do dân chủ. Trên trường quốc tế, Việt Nam đã hết sức bị cô lập. Liên hợp quốc đã liên tiếp bảy lần ra nghị quyết đòi Việt Nam phải rút hết quân đội khỏi Cam-pu-chia, nhưng Lê Duẩn chẳng những không chịu rút quân khỏi Cam-pu-chia, mà còn dùng quân đội quấy rối và uy hiếp nền an ninh của Thái-lan nữa.

Lê Duẩn thường tuyên truyền là người lãnh đạo Cam-pu-chia dùng chính sách diệt chủng. Nhưng thực ra thì Lê Duẩn đã dùng chính sách diệt chủng ở Cam-pu-chia bằng cách đốt phá và giết chóc nhân dân Cam-pu-chia bằng cách đưa người Việt di cư đến Cam-pu-chia ^[1], đồng thời bắt ép bọn bù nhìn Hêng Xom-rin phải nhường đất đai nhà cửa cho người Việt di dân, để họ cùng với quân đội Việt Nam khống chế Cam-pu-chia cả về mặt quân sự, chính trị và kinh tế. Chúng còn ép con gái Cam-pu-chia phải lấy người Việt,

bắt các trường học Cam-pu-chia phải dạy chữ và tiếng Việt, để từng bước đồng hóa người Cam-pu-chia thành người Việt, hòng thực hiện cái mộng "Liên bang Đông Dương" mà Việt Nam làm bá chủ.

Bộ mặt lừa thầy phản bạn của Lê Duẩn đã hoàn toàn lộ rõ. Cái gọi là "chủ nghĩa quốc tế", gọi là "liên minh đặc biệt" với Lào và Cam-pu-chia, hoàn toàn chỉ là một sự lừa bịp.

Hậu quả của sự phản bội của Lê Duẩn

Hậu quả của sự phản bội Lê Duẩn đã phá hoại tất cả những gì tốt đẹp của một Đảng mác-xít-lê-nin-nít, phá hoại tất cả những gì là thành quả của cách mạng, phá hoại tất cả những gì là tương lai tươi sáng của Tổ quốc, phá hoại tất cả những gì là sự cống hiến của Việt Nam đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới. Cụ thể thể hiện ở các mặt như sau:

a) Về mặt Đảng. Trước kia Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chủ tịch sáng lập và rèn luyện, là một đảng gồm những người làm đầy tớ trung thành của nhân dân, thì ngày nay dưới sự lãnh đạo của Lê Duẩn, thực tế đã trở thành một tổ chức mà phần lớn là do những người cùng bè cánh của Lê Duẩn hoàn toàn khống chế, chúng bao che đùm bọc lẫn nhau, đè đầu cưỡi cổ nhân dân. Trong Đảng không có một chút tự do dân chủ, không ai dám nói lên ý kiến thật của mình về những vấn đề lớn của đất nước, của xã hội, hễ ai dám mạnh dạn phê bình những sai trái của chúng là bị trù úm, bị hãm hại, ở cấp nào cũng vậy. Dựa vào Đảng, Lê Duẩn đã bất chấp cả hiến pháp, pháp luật, bất chấp cả ý kiến của Quốc hội, của Mặt trận, của các đoàn thể nhân dân mà chính cách mạng đã xây dựng nên. Thực ra chỉ là một hình thức "đảng trị" theo kiểu phát-xít, trái hẳn với nguyên tắc một chính đảng mác-xít-lê-nin-nít. Việc Lê Duẩn tự khoe khoang là trung thành với đường lối của Hồ Chủ tịch, trung thành với chủ nghĩa Mác – Lê-nin, khoe khoang là xây dựng chủ nghĩa

xã hội, khoe khoang là thi hành chủ nghĩa quốc tế vô sản đối với Lào và Cam-pu-chia, hoàn toàn chỉ là một chuyện nói láo trên đài và trên báo, không lừa bịp được ai.

b) Về mặt đối nội. Do chính sách xâm lược và hiếu chiến, tất cả sức người sức của đều dồn cả vào việc chiến tranh và chuẩn bị chiến tranh, con em chúng ta còn phải đi làm bia đỡ đạn trên chiến trường. Vì vậy mà công, nông, thương nghiệp đã bị đình trệ, đời sống nhân dân đã tụt xuống đến mức bị xếp vào hạng thấp nhất trên thế giới. Tệ nạn xã hội như tham ô, móc ngoặc, buôn gian bán lận, trộm cắp, cờ bạc, đĩ điếm, ăn mày, mê tín dị đoan ngày một lan tràn. Một xã hội được khoe khoang là xã hội chủ nghĩa mà ở nông thôn đã xuất hiện tầng lớp cường hào mới, ở nhà máy, xí nghiệp đã xuất hiện tầng lớp cai xếp mới, ở cơ quan Nhà nước đã xuất hiện tầng lớp quan lại mới, ở bộ đội đã xuất hiện tầng lớp quân phiệt mới.

Việc xóa bỏ chế độ tự trị của các dân tộc thiểu số đã gây nên sự chống đối của các dân tộc và tạo cơ hội cho một số phần tử phản động có điều kiện hoạt động phá hoại nền thống nhất của đất nước.

Việc xây dựng khu kinh tế mới là một chủ trương tốt, nhưng bọn Lê Duẩn đã biến nó thành một hình thức trừng phạt để đối phó với những người không được chúng ưa thích, kể cả người Việt lẫn người Hoa, đã gây nên một sự mất mát lớn về sức lao động và của cải của nhân dân, một sự bất mãn lớn trong hầu hết những người bị bắt buộc phải đi khu kinh tế mới.

Chính sách đối với miền Nam cũng là một vấn đề rất lớn về mặt đối nội.

Chúng ta còn nhớ trong những năm 1964-1968, khi được tin bọn Lê Duẩn đang có âm mưu muốn thỏa hiệp với Mỹ, cán bộ miền Nam tuyên bố "thà chết chứ không chịu tập kết ra Bắc một lần nữa". Lời tuyên bố đó đại biểu cho ý chí kiên cường bất khuất trong cuộc đấu tranh chống Mỹ-ngụy để giải phóng miền Nam và thống nhất đất nước. Nhưng khi miền Nam được hoàn

toàn giải phóng thì bọn Lê Duẩn đã vơ lấy toàn bộ thành quả của cuộc chiến đấu làm công lao của mình. Thậm chí còn ép buộc miền Nam phải rập khuôn theo kiểu làm ăn không thích hợp đã thi hành ở miền Bắc, và để cho cán bộ miền Bắc nắm mọi chức quyền trọng yếu trong các ngành, gạt bỏ một phần lớn cán bộ và nhân sĩ yêu nước miền Nam trước đã tham gia kháng chiến, kể cả những người có chân trong Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Đó là những việc làm sai trái đã gây nên sự phản ứng mãnh liệt trong cán bộ và nhân dân miền Nam.

c) Về mặt đối ngoại. Việc động viên toàn bộ lực lượng bóp méo lịch sử, xuyên tạc sự thật, ghi vào Hiến pháp và ra Nghị quyết Trung ương gây thành một phong trào chống Trung Quốc rộng khắp trong toàn Đảng, toàn quốc, chẳng những là một việc vong ân bội nghĩa mà còn là một việc ngu xuẩn đưa nhân dân Việt Nam vào một cuộc chống đối liên miên đời này qua đời khác không biết bao giờ mới có thể chấm dứt. Gần đây bọn Lê Duẩn thường rêu rao là muốn hòa giải với Trung Quốc, nhưng thử hỏi, nếu không tuyên bố xóa bỏ những điều đã ghi trong Hiến pháp và Nghị quyết Trung ương chống Trung Quốc, không rút quân khỏi Cam-pu-chia thì làm sao Trung Quốc có thể hòa giải với Việt Nam.

Việc đưa hàng chục vạn quân đội qua đốt phá, bắn giết nhân dân Cam-pu-chia hòng vĩnh viễn thôn tính nước này cũng là một việc vong ơn bội nghĩa, một việc phản cách mạng. Nhân dân Cam-pu-chia sẽ không bao giờ khuất phục. Đó cũng là một mối tai họa lâu dài cho Việt Nam.

Việc dựa vào Liên Xô để thực hiện chính sách hiếu chiến hòng làm bá chủ Đông Dương và khu vực Đông Nam Á, dẫn đến việc phải phụ thuộc vào Liên Xô về mọi mặt kinh tế, chính trị, quân sự và ngoại giao, phải bán rẻ quyền lợi của Tổ quốc, phải biến Việt Nam thành căn cứ quân sự của Liên Xô. Đó là một hành động phản quốc, phản dân tộc.

Việc khoe khoang Việt Nam là một nước mạnh thứ ba trên thế giới về mặt quân sự, hung hăng xâm phạm lãnh thổ Thái-lan là một việc mà những người có đầu óc chính trị đúng đắn không bao giờ có thể làm.

Những việc làm ngu xuẩn như trên đã đặt Việt Nam vào địa vị thù địch với tất cả các nước láng giềng, vào địa vị phải gằm ghè với tất cả các nước trong khu vực, Việt Nam đã mất hết lòng tin cậy và sự khâm phục của nhân dân thế giới, đã mất hết sự ủng hộ về tinh thần và vật chất của hầu hết các nước, đã bị cô lập rõ rệt trên trường quốc tế.

*

Sự phản bội của Lê Duẩn đối với cách mạng Việt Nam đã mang lại những hậu quả rất to lớn, rộng khắp và sâu xa. Nếu Lê Duẩn còn có lương tâm muốn quay đầu lại với nhân dân Việt Nam, thì sự hàn gắn lại những vết thương về tâm lý về xã hội của nhân dân, và sự bù đắp lại sự mất mát của Tổ quốc cũng phải hàng mấy chục năm mới xong. Nhưng cho đến nay, chúng ta chưa thấy một chút triệu chứng nào của Lê Duẩn muốn quay đầu lại với nhân dân. Vậy con đường mà nhân dân Việt Nam ngày nay phải lựa chọn, chỉ là đoàn kết đấu tranh, đánh đổ ách thống trị tàn bạo và thối nát của bọn Lê Duẩn. Đó là con đường duy nhất, không có con đường nào khác để lựa chọn.

V. Quyết tâm rời Tổ quốc để tiếp tục làm cách mạng

Làm cách mạng gần suốt một đời, mà đến lúc cách mạng thành công lại phải mang cái thân già rời khỏi Tổ quốc, đó quả là một việc hiếm có. Nhưng đối với tôi, lại là một việc không thể nào khác, vì Lê Duẩn phản bội cách mạng,

đã kéo bè kéo cánh tổ chức thành một nền thống trị độc tài phát-xít, dựa trên cơ sở mạng lưới công an mật vụ dày đặc cả trong Đảng cũng như ở ngoài xã hội, khiến cho những người quan tâm đến lợi ích của Tổ quốc không nói lên được ý kiến của mình, những người cách mạng không thể phát huy được tác dụng tích cực trong việc thúc đẩy cách mạng tiến tới.

Là một người có trách nhiệm với cách mạng, tôi không thể nhìn cái cảnh cách mạng bị phản bội, nhân dân bị đau thương, Tổ quốc bị nguy ngập, sự đoàn kết trong phe xã hội chủ nghĩa, trong phong trào Cộng sản quốc tế đang bị bọn Lê Duẩn phá hoại nghiêm trọng. Tôi phải tỏ thái độ đồng tình với nỗi đau khổ của nhân dân, ủng hộ những ý kiến của cán bộ phê bình Lê Duẩn, phải nói rõ cái nguồn gốc của tệ nạn xã hội cho mọi người biết, phải tìm cách giải nguy cho một số người vô tội bị vu khống trong một số vụ án, tuy không giải quyết được tận gốc là trừng phạt những người lợi dụng chức quyền hãm hại nhân dân vì những người này được bọn Lê Duẩn bao che. Vì vậy, mà bọn Lê Duẩn đã xem tôi như một cái gai trước mắt. Trước hết là chúng cách bao vây, cô lập tôi, chúng cho bọn tay chân và bọn mật vụ trắng trợn phao tin trong cán bộ rằng tôi là người đang bị công an theo dõi, làm cho cán bộ nghi ngờ và không dám gần gũi tôi. Mặt khác, chúng tìm cách hạ thấp uy tín của tôi, như trong lễ kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Đảng, chúng không để tôi ở trong Đoàn Chủ tịch của lễ kỷ niệm; trong một số dịp, tôi với danh nghĩa là Phó Chủ tịch Ủy ban thường vụ Quốc hội chủ trì việc tiếp kiến đại sứ nước ngoài, chúng không cho báo chí đưa tin; trong một số trường hợp long trọng tôi có mặt trên Đài Chủ tịch, hoặc trong buổi tiếp kiến khách quốc tế, chúng bảo người chụp ảnh chụp trong lúc tôi bị che lấp. Người chụp ảnh ấy là ai, tôi không muốn nói tên, nhưng là một người được Ban Tuyên huấn của Lê Duẩn cho tiền phụ cấp riêng và giao nhiệm vụ cho làm như vậy. Ngoài ra chúng còn đặt mật vụ trước nhà ở của tôi và nhà ở của vợ con tôi

để thăm dò những ai ra vào. Ngay cả những người bảo vệ, những người công tác y tế cũng được giao nhiệm vụ theo dõi tôi. Chúng cũng đặt cả máy nghe trộm ở chỗ làm việc, trong phòng tiếp khách và trong phòng dưỡng bệnh của tôi ở bệnh viện. Những tình hình này tôi đều biết rất rõ, đồng thời cũng có người có cảm tình đã bí mật nói cho tôi biết để đề phòng. Đối với những việc bố trí của chúng như vậy, tôi không sợ, vì tôi chỉ làm cách mạng, nói cách mạng, dù chúng có dò xét được hoặc nghe trộm được thì cũng chỉ biết tôi là người cách mạng. Tuy vậy, trong phạm vi có thể, tôi vẫn hết sức tranh thủ làm một số việc có ích cho cách mạng, cho nhân dân.

Nhưng đến lúc Lê Duẩn ép Trung ương ra nghị quyết chống Trung Quốc và trắng trợn xâm chiếm Cam-pu-chia, thì tôi thấy rõ là nếu còn ở trong nước cũng không thể làm được gì có ích cho nhân dân, cho cách mạng. Vì vậy, trong dịp đi Đông Đức chữa bệnh, tôi đã tìm cách thoát ly khỏi sự kìm kẹp và hãm hại của bọn Lê Duẩn, đến Trung Quốc để tiếp tục làm cách mạng.

*

Trước khi đi Đông Đức, tôi đã nằm bệnh viện 108 Hà Nội hơn hai tháng. Suốt thời gian đó, nhiệt độ của tôi ngày nào cũng trên 37 độ. Tôi nghi ngờ là mình có bệnh ung thư, nhưng thầy thuốc hội chẩn chỉ nói là tôi có vết đen ở phổi, nghi là lao phổi, đề nghị Trung ương để tôi đi Đông Đức để kiểm tra chắc chắn và điều trị được tốt hơn trong nước. Thế là trên đường đi Đông Đức chữa bệnh, tôi quyết định tìm cách chuyển hướng đi Trung Quốc. Sau khi đến Trung Quốc được mấy hôm, tôi được đưa vào bệnh viện kiểm tra, thì quả là bị ung thư. Cái mà bệnh viện Hà Nội nói nghi là lao phổi, chính là khối ung thư lớn như quả bàng dài 6 xăng-ti-mét, rộng 5 xăng-ti-mét, sau thời gian hơn một tháng chữa bằng phóng xạ kết hợp với thuốc

Trung y có thành phần mật gấu, xạ hương và tê giác là những thứ thuốc rất hiếm và quý, thì khối ung thư bị rút nhỏ lại còn dài 5 xăng-ti-mét, rộng 4 xăng-ti-mét. Hết giai đoạn chữa bằng phóng xạ, tôi được ra khỏi bệnh viện, chữa ngoại trú, để thầy thuốc tổng kết và nghiên cứu phương án chữa tiếp theo.

Khi đã biết rõ bị ung thư phổi nghiêm trọng như thế, thì tôi quyết tâm là phải làm phẫu thuật, nhưng thầy thuốc còn tìm hiểu về mặt sức khỏe của tôi xem có thể chịu đựng nổi một lần phẫu lớn như vậy không? Để có quyết đoán chắc chắn, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã mời một đoàn chuyên gia Nhật Bản, gồm Viện trưởng Viện ung thư Nhật Bản, một bác sĩ chuyên khoa về phẫu thuật phổi, đến Bắc Kinh để cùng với các thầy thuốc Trung Quốc nghiên cứu phương án điều trị. Sau khi nghiên cứu, các bác sĩ Trung Quốc và bác sĩ Nhật Bản đều nhất trí phải mổ cắt lá phổi có khối ung thư. Tôi rất phấn khởi về cuộc hội chẩn và hết sức tin tưởng là một cuộc phẫu thuật thành công. Đoàn y tế Nhật Bản về nước, cuộc phẫu thuật do đồng chí Viện trưởng Viện ung thư Trung Quốc chủ trì, một số chuyên gia về các bộ môn có liên quan cũng có mặt để phối hợp trong khi tiến hành phẫu thuật.

Ngày 5 tháng 9 năm 1979, tôi nằm thiếp đi trên giường mổ bệnh viện suốt bốn giờ đồng hồ. Khi tỉnh dậy, các bác sĩ cho biết là kết quả phẫu thuật rất tốt. Tôi ở bệnh viện điều trị độ hai tuần thì vết thương đã lành, chỉ khâu các vết mổ ở trước ngực và sau lưng đã cắt rút sạch sẽ. Tôi không phải ở bệnh viện nữa, được xếp về chỗ ở riêng để tiếp tục điều trị, luôn luôn bên cạnh có hai bác sĩ và bốn y tá luân lưu nhau trực nhật và săn sóc hết sức chu đáo. Sau một thời gian mấy tháng, bệnh viện kiểm tra lại toàn bộ, kết luận là bệnh ung thư của tôi đã khỏi hẳn. Mừng quá, tôi làm một bài thơ bằng chữ Hán tặng các bạn y tế Trung Quốc như sau:

*Bệnh nhập cao hoang nhất tải da,
Thần Châu hữu hạnh ngộ Hoa Đà.
Như kim bệnh dĩ liên căn trị,
Nguyện bả tàn niên phổ chiến ca.*

Tạm dịch

*Hơn một năm trời bệnh diết da
Thần Châu may được gặp Hoa Đà.
Bây giờ bệnh đã trừ tận gốc,
Ngày cuối đời dành viết chiến ca.*

Cần nói rõ một điều là khi tôi đến Trung Quốc tuy cốt để tiếp tục làm cách mạng, nhưng tôi vẫn muốn đấu tranh qua con đường tổ chức, nghĩa là tôi sẽ viết thư nói rõ những sai lầm hiện hành về các mặt của Lê Duẩn, đồng thời đề ra những phương pháp sửa chữa, rồi nhờ Sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc chuyển về. Nhưng tiếc thay ý nghĩ của tôi đã không thể thực hiện. Vì tôi mới đến Trung Quốc được mấy hôm, thì Đài Hà Nội đã loan tin tôi là "phản quốc", cách chức Đại biểu Quốc hội và Phó Chủ tịch Ủy ban thường vụ Quốc hội, cách chức thành viên Đoàn Chủ tịch của Mặt trận Tổ quốc, đồng thời quyết định Tòa án sẽ xử vắng mặt tôi về cái tội gọi là "phản quốc".

Vì vậy, tôi không có cách nào khác là phải họp báo chí ở Bắc Kinh, tuyên bố *Thư gửi toàn thể đồng bào Việt Nam* của tôi để báo cáo với đồng bào lý do vì sao tôi phải rời khỏi Tổ quốc ^[2].

Sau đó chỉ độ 20 ngày, bọn Lê Duẩn lại ra quyết định khai trừ tôi ra khỏi Đảng. Tôi lại ra một bản thanh minh, nói rõ việc Lê Duẩn có đã tâm choán quyền Đảng và phản bội quyền lợi của nhân dân như thế nào. ^[3]

Tiếp theo đó độ khoảng mười tháng, ngày 26 tháng 6 năm 1980, bọn Lê

Duẩn lại tổ chức tòa án xử vắng mặt, tuyên bố tôi bị tội tử hình và tịch thu toàn bộ tài sản! Tử hình gì? Tôi vẫn còn sống để hoạt động chống lại chúng. Đến như tài sản của tôi thì chỉ có một số quần áo rét mà mùa hè tôi không cần mang theo, một số sách báo cách mạng, một số tặng phẩm và những tập ảnh mà các nước hữu hảo tặng tôi trong các dịp tôi dẫn đầu Đoàn đại biểu Đảng và Nhà nước hoặc Đoàn đại biểu Quốc hội đến thăm các nước đó. Về việc này, phóng viên tờ **Nhân dân nhật báo** Bắc Kinh đã phỏng vấn tôi, và tôi đã trả lời phóng viên đó. Nguyên văn đăng ở tờ **Nhân dân nhật báo** Bắc Kinh ngày 10-7-1980. ^[4]

Tôi đến Trung Quốc không phải chỉ để tránh sự hãm hại của Lê Duẩn mà cốt để tiếp tục làm cách mạng bằng cách vạch rõ sự phản bội của Lê Duẩn để nhân dân thấy sự cần thiết phải đoàn kết đấu tranh để lật đổ ách thống trị tàn bạo và thối nát của nó, khiến cho nước Việt Nam trở thành một nước: Hòa bình và hữu nghị với các nước láng giềng; dân chủ và đoàn kết dân tộc; nhân dân no ấm và xã hội lành mạnh; độc lập tự chủ và trung lập không liên kết – thực chất vẫn là chủ trương của Hồ Chủ tịch cụ thể hóa thành bốn điều và hai mươi và hai mươi biện pháp – như đã nói trong bức thư của tôi gửi toàn thể đồng bào đầu xuân năm Quý Hợi.

Để thực hiện mục đích trên, từ khi rời Việt Nam cho đến nay, tôi đã cùng một số người yêu nước Việt Nam ra tờ tạp chí **Tin Việt Nam** và viết một số tài liệu phát hành rộng rãi ở trong nước cũng như ở ngoài nước. Những tài liệu tôi tự viết lấy và đã công bố là:

- Thư gửi toàn thể đồng bào Việt Nam ^[5] .
- Thanh minh về việc Lê Duẩn khai trừ tôi ra khỏi Đảng ^[6] .

- Sự thực về tình hữu nghị chiến đấu Việt- Trung không thể xuyên tạc ^[7] .
- Cách mạng Việt Nam phải làm lại ^[8] .
- Đấu tranh nhằm khôi phục và phát triển tình hữu nghị Việt – Trung ^[9] .
- Bình luận về hiến pháp mới của Việt Nam ^[10] .
- Tuyên bố về việc Lê Duẩn đánh tráo di chúc của Hồ Chủ tịch ^[11] .
- Khôi phục và phát triển tình hữu nghị Việt – Trung là nhiệm vụ lịch sử của nhân dân Việt Nam hiện nay ^[12] .
- Tuyển tập Hồ Chí Minh với tên phản bội Lê Duẩn ^[13] .
- Thư gửi toàn thể đồng bào Việt Nam nhân dịp đầu xuân Quý Hợi ^[14] .
- Bức thư ngỏ gửi các bạn Lào ^[15] .
- Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 với vấn đề thống nhất đất nước ^[16] .

Tất cả những hoạt động của tôi từ khi rời Tổ quốc đến nay đều nhằm mục đích xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh như Hồ Chủ tịch đã vạch ra. Tôi rất mong muốn Lê Duẩn là người đã phản bội chủ trương đó sẽ mạnh dạn sửa chữa những sai lầm của mình để giải thoát mọi tai ách cho Tổ quốc, cho dân tộc. Nếu Lê Duẩn cứ đâm lao theo lao, thì nhân dân kiên quyết đấu tranh, không chóng thì chày, những sai lầm của Lê Duẩn sẽ bị thanh toán, chủ trương đường lối của Hồ Chủ tịch sẽ được khôi phục, mối tình thắm thiết Việt–Hoa sẽ được lập lại và phát triển không ngừng.

Đứng về phạm vi quốc tế mà nói thì tôi mong muốn những chủ trương không thực tế của những người lãnh đạo Liên Xô sẽ được uốn nắn lại phù hợp với lợi ích của nhân dân Liên Xô và yêu cầu của cách mạng thế giới.

Tôi mong muốn sự rạn nứt giữa các nước xã hội chủ nghĩa và trong phong trào Cộng sản quốc tế sẽ được khắc phục trên cơ sở chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tinh thần hai bản tuyên bố chung của hai cuộc hội nghị họp ở Mạc Tư Khoa năm 1957^[17] và năm 1960^[18] như đã trích dẫn ở đoạn đầu mục I trong phần này.

Về tương lai của thế giới, tôi tin tưởng chắc chắn rằng chế độ xã hội chủ nghĩa đầy sức sống nhất định sẽ thay thế chế độ tư bản chủ nghĩa đã già cỗi. Sự thay thế đó là xu thế tất nhiên của lịch sử, cũng như trước kia chế độ phong kiến đã thay đổi chế độ nô lệ, chế độ tư bản đã thay thế chế độ phong kiến.

Đến như việc các nước xã hội chủ nghĩa, trong sự quan hệ với nhau có lúc không nhịp nhàng, chủ trương này hoặc chủ trương khác trong việc xây dựng có lúc không sát thực tế, đó cũng là điều rất dễ hiểu, vì bất cứ một chế độ nào mới ra đời cũng phải trải qua một thời kỳ non trẻ, đã là non trẻ thì bước đi còn chập chững, có lúc vấp ngã. Nhưng vấp ngã ở chỗ nào thì đứng dậy ở chỗ đó, rồi lại tiếp tục tiến lên.

Những ai thấy cách mạng đang trong lúc thoái trào mà bi quan thất vọng thì hãy tỉnh táo chờ đón cao trào cách mạng sẽ đến. Những ai thù địch với cách mạng, hý hửng trước sự vấp vấp của cách mạng, huênh hoang sẽ tiêu diệt chế độ xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa cộng sản, đều là những kẻ mù quáng mơ ước hảo huyền. Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản nhất định sẽ thực hiện trên phạm vi toàn thế giới. Đó là niềm tin sắt đá của tôi.

VI. Những văn kiện kèm theo

Kèm theo đây có ba văn kiện:

- Thư gửi toàn thể đồng bào Việt Nam.
- Thanh minh về việc Lê Duẩn khai trừ tôi ra khỏi Đảng.
- Trả lời phóng viên **Nhân dân nhật báo** Bắc Kinh về việc Lê Duẩn tổ chức tòa án xử vắng mặt và tuyên bố tôi bị tội tử hình.

1. Thư gửi toàn thể đồng bào Việt Nam (ngày 9-8-1979)

Thưa toàn thể đồng bào thân mến,

Trong những ngày gần đây, bọn Lê Duẩn cho người làm rùm beng về việc tôi ra nước ngoài, làm cho dư luận sôi nổi khắp cả thế giới. Khi biết việc này, chắc hẳn đồng bào ai cũng rất quan tâm, vậy tôi xin có mấy lời báo cáo với đồng bào như sau:

Sau hơn ba mươi năm chiến đấu gian khổ, năm 1975 nhân dân ta đã giành được thắng lợi triệt để trong cuộc chiến tranh giải phóng đất nước. Nhân dân ta đã khao khát được sống yên ổn, xây dựng Tổ quốc, để mở ra con đường tiến tới tương lai tốt đẹp. Nhưng, mọi thành quả cách mạng và tình hình đầy triển vọng đó đã bị bọn Lê Duẩn phá hoại hoàn toàn, nguyện vọng của nhân dân ta đã bị tan đi như mây khói. Chúng lại đưa nhân dân ta trở lại kiếp nô lệ, chịu đựng một cuộc đời thiếu thốn cực khổ chưa từng có, một cuộc đời mất hết tự do, dân chủ, nhục nhã, ngột ngạt chưa từng có. Chúng tự phong cho mình là xã hội chủ nghĩa, nhưng sự thực thì chẳng có một chút gì là xã hội chủ nghĩa cả.

Chúng đổi trắng thay đen, coi bạn là thù, gây chuyện ở biên giới tây nam để đánh chiếm Cam-pu-chia; gây chuyện ở biên giới phía bắc để động viên hàng chục triệu người chuẩn bị chiến tranh chống Trung Quốc; đưa hàng vạn bộ đội qua đàn áp nhân dân Lào và khống chế nước Lào. Chúng ta đều biết: Cam-pu-chia, Trung Quốc và Lào là những nước láng giềng đã từng kề vai

sát cánh, và góp phần xương máu với nhân dân ta trong các cuộc đấu tranh chống Pháp và chống Mỹ cứu nước.

Nước Việt Nam ngày nay dưới sự khống chế của bọn Lê Duẩn, thực tế đã không còn là một nước độc lập tự chủ nữa, mà là một nước phụ thuộc vào nước ngoài cả về mặt kinh tế, chính trị, quân sự và ngoại giao. Tình hình này nếu cứ tiếp tục phát triển nữa, thì một ngày kia không xa lắm, nước Việt Nam sẽ biến thành một chỗ cung cấp nguyên liệu và chế biến hàng hóa, đồng thời là một căn cứ quân sự của nước ngoài mà thôi!

Đứng trước tình thế đó, là một người cách mạng, tôi không thể ngậm miệng ngồi im. Tôi phải làm cách mạng, phải tìm mọi cách thoát khỏi sự kìm kẹp của chúng để tiếp tục cách mạng.

Từ những năm 20, tôi đã theo Bác Hồ chiến đấu cho nền độc lập dân tộc. Tôi mến yêu Tổ quốc và nhân dân. Nhưng do bọn Lê Duẩn chuyên quyền độc đoán, đàn áp những người cách mạng, khiến tôi không cách nào ở trong nước mà có thể làm việc cho nhân dân được nữa. Tôi đành phải rời khỏi Tổ quốc với tấm lòng hết sức phẫn uất và vô cùng lưu luyến. Mặc dù tôi đã tuổi già sức yếu, nhưng còn chút hơi thở cuối cùng, tôi vẫn phải cố gắng đóng góp phần của mình cho sự nghiệp cách mạng chung của nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới.

Tôi biết rằng, sau khi tôi ra đi, bọn Lê Duẩn sẽ buộc cho tôi tội này tội nọ, thậm chí là tội phản quốc với án tử hình. Nhưng, là một người cách mạng, tôi không sợ gì hết, miễn là việc làm của tôi có lợi cho Tổ quốc và nhân dân. Tôi còn nhiều lời muốn nói với đồng bào, nhưng vì điều kiện sức khỏe, hôm nay xin tạm ngừng ở đây.

Nhân dịp này, tôi xin gửi tới đồng bào trong nước cũng như đồng bào ở ngoài nước lời thăm hỏi ân cần và lời chào thân ái nhất!

Hoàng Văn Hoan

Ngày 9 tháng 8 năm 1979

2. Thanh minh về việc Lê Duẩn khai trừ tôi ra khỏi Đảng (ngày 1-9-1979)

Gần đây, Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam do Lê Duẩn khống chế, đã quyết định khai trừ tôi ra khỏi Đảng. Nhân việc này, tôi có mấy lời thanh minh như sau:

Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chủ tịch sáng lập và rèn luyện, là một Đảng vĩ đại. Mấy chục năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đấu tranh bền bỉ và anh dũng đã hoàn toàn giải phóng đất nước khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, khiến cho Việt Nam trở thành một nước độc lập dân chủ, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng chung của nhân dân toàn thế giới. Đó là một điều mà những người Cộng sản Việt Nam có thể tự hào.

Nhưng từ năm 1965, sức khỏe của Hồ Chủ tịch càng ngày càng kém, Lê Duẩn đã âm mưu từng bước, từng bước choán quyền lãnh đạo của Đảng; đặc biệt là sau khi Hồ Chủ tịch mất, thì Lê Duẩn và đồng bọn đã hoàn toàn khống chế Đảng. Chúng tìm đủ mọi cách đưa người thân thuộc và người cùng bè cánh vào nắm các chức vụ trọng yếu, đồng thời quy định Đảng ủy các cấp đều phải có đại biểu của ngành công an là ủy viên, để có thể giám sát Đảng, có thể dò la bịa đặt chứng cứ, hãm hại những người không cùng bè cánh với chúng. Nguyên tắc dân chủ trong Đảng bị xóa bỏ hoàn toàn, đảng viên đối với việc Đảng, việc nước không dám nói sự thật; thậm chí cả Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị cũng hầu như không còn tác dụng là những cơ quan lãnh đạo tập thể nữa. Tình trạng chuyên quyền độc đoán, tình trạng xu nịnh, luồn cúi, và tình trạng tham ô hủ hóa, ức hiếp bóc lột nhân dân, tràn lan khắp nơi, kể từ cấp Trung ương cho đến các ngành, các cấp

tỉnh, huyện, xã, đâu đâu cũng có.

Năm 1976, tại Đại hội lần thứ IV của Đảng, trong bản báo cáo chính trị, Lê Duẩn đã lấy sự hy sinh không bờ bến của nhân dân và thắng lợi vẻ vang của dân tộc ta để khoe khoang mình là người mác-xít tài tình nhất, và để nhồi nhét cái tư tưởng nước lớn trong cán bộ và nhân dân.

- Về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới, y chỉ đưa ra một số công thức rỗng tuếch như chuyên chính vô sản, làm chủ tập thể, sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa v.v... Nhưng lại giấu kín không cho đảng viên biết cách mạng xã hội chủ nghĩa khác với cách mạng giải phóng dân tộc ở chỗ nào? Cách mạng xã hội chủ nghĩa phải dựa vào ai là lực lượng chính, và phải tiến hành như thế nào? v.v...
- Về tình hình thế giới, cũng chỉ đưa ra một số từ ngữ rỗng tuếch, như ba dòng thác cách mạng v.v... Nhưng lại giấu kín không cho đảng viên biết sự phân hóa trong phong trào Cộng sản quốc tế và trong phe xã hội chủ nghĩa, sự đấu tranh trong phong trào độc lập dân tộc, và sự thay đổi về chủ trương đường lối trong phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa.
- Về kế hoạch 5 năm, y đã nêu lên một lô những điều kiện thuận lợi, mà giấu kín sự sai lầm về đường lối trong việc lãnh đạo kinh tế; đồng thời đưa ra những chỉ tiêu khoác lác, hoàn toàn không có cơ sở thực tế, để tự thổi phồng mình lên, và để lừa dối nhân dân.

Cũng tại Đại hội này, bọn Lê Duẩn đã gạt một phần ba số ủy viên Trung ương cũ ra khỏi Ban Chấp hành Trung ương mới, đưa xen vào một số người

ăn cách với chung, thậm chí một số có vấn đề chính trị, mà trong Đại hội III, Hồ Chủ tịch đã không đồng ý đưa vào.

Sau đại hội V, Lê Duẩn đã thành thái thượng hoàng trong Đảng, cùng với động bọn ngồi trên đầu Đảng, trên đầu nhân dân, làm những việc hoàn toàn trái ngược với nguyện vọng của nhân dân, trái ngược với nguyên tắc của Đảng ta mác-xít-lê-nin-nít chân chính, trong đó có những việc xấu xa không thể tưởng tượng nổi. Tuy vậy, tôi vẫn kiên trì lập trường của một người cộng sản, cố gắng vừa đấu tranh, vừa làm một số việc có ích cho cách mạng và cho nhân dân.

Nhưng đến năm 1978 thì một loạt sự việc có nguy hại đến vận mệnh của dân tộc liên tiếp xảy ra. Vào khoảng tháng 7, Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ tư đã thông qua nghị quyết vu khống Trung Quốc muốn "thôn tính" Việt Nam; nhận định Trung Quốc là kẻ thù trực tiếp của Việt Nam; chủ trương đánh đổ "phái phản động theo Mao ở Bắc Kinh" để giúp đỡ cho lực lượng "tiến bộ" ^[19] lên nắm quyền; giao trách nhiệm cho ngành tuyên huấn phải triệt để phê phán "tư tưởng Mao" trên tất cả mọi lĩnh vực; cử người đi hoạt động để lôi kéo các nước Đông Nam Á chống Trung Quốc. Rõ ràng là ý đồ đen tối và ngông cuồng muốn lật đổ, muốn thay đổi cả bộ máy lãnh đạo ở Trung Quốc, như chúng đã thường rêu rao. Để thực hiện được cái ý đồ đen tối, ngông cuồng nhưng to lớn quá sức có thể làm được, chúng phải dựa vào sức mạnh của nước ngoài: Chúng đã ký điều ước đồng minh quân sự - thực chất là như vậy - với một nước lớn, để có thể làm những việc mạo hiểm, uy hiếp các nước láng giềng. Hiệp ước ký vừa ráo mực, thì chúng đưa quân đội đi đánh chiếm Cam-pu-chia.

Qua những sự việc nói trên, tôi khẳng định rằng Lê Duẩn là một người có dã tâm, đã đưa Đảng đi trệch khỏi đường lối cách mạng, đã phản bội lại quyền lợi của nhân dân, và đưa vận mệnh của dân tộc đến chỗ nguy hiểm. Do đó,

tôi đã quyết liệt chống lại.

Việc Lê Duẩn khai trừ tôi ra khỏi Đảng là một việc tôi đã biết trước. Việc đó không phù hợp với ý chí của những người cộng sản chân chính, không may lay chuyển được quyết tâm của tôi tiếp tục làm cách mạng. Trong bức *Thư gửi toàn thể đồng bào Việt Nam* ngày 9 tháng 8 tôi đã nói:

"Mặc dù tôi đã tuổi già sức yếu, nhưng còn chút hơi thở cuối cùng, tôi vẫn phải cố gắng đóng góp phần của mình cho sự nghiệp cách mạng chung của nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới".

Hôm nay, lời thanh minh của tôi đưa ra vừa gặp dịp mười năm ngày Hồ Chủ tịch mất, và ba mươi tư năm ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tôi không thể không tưởng nhớ đến công ơn xây dựng của Đảng và lãnh đạo cách mạng của Hồ Chủ tịch, không thể không tưởng nhớ đến khí thế cách mạng sôi sục của quần chúng sau Cách mạng Tháng Tám. So sánh ngày nay với ngày trước, tôi càng lo lắng đến tiền đồ của Tổ quốc; và tôi tin rằng tất cả những người cộng sản chân chính Việt Nam cũng đều một lòng như tôi.

Để cứu vãn tình hình nguy ngập của cách mạng và của đất nước, những người cộng sản chân chính Việt Nam hãy đoàn kết lại, cùng với nhân dân kiên quyết đấu tranh, nhằm phá tan ách thống trị phát xít của bọn Lê Duẩn.

Hoàng Văn Hoan

Ngày 1 tháng 9 năm 1979

3. Trả lời phóng viên Nhân dân nhật báo Bắc Kinh về việc Lê Duẩn tổ chức tòa án xử vắng mặt và tuyên bố tôi bị tội tử hình (Ngày 10-7-1980)

Hỏi: Gần đây có tin ngày 26 tháng 6, bọn Lê Duẩn đem việc đồng chí sang Trung Quốc ra tòa xử tội. Đồng chí nhận xét như thế nào?

Trả lời: Việc bọn Lê Duẩn làm án tôi, là chuyện tôi đã dự đoán trước.

Tháng 8 năm ngoái, trong bức *Thư gửi toàn thể đồng bào Việt Nam*, tôi có nói: "Tôi biết rằng, sau khi tôi ra đi, bọn Lê Duẩn sẽ buộc cho tôi tội này tội nọ, thậm chí là tội phản quốc với án tử hình. Nhưng là một người cách mạng, tôi không sợ gì hết, miễn là việc làm của tôi có lợi cho Tổ quốc và nhân dân".

Tòa án của bọn Lê Duẩn buộc tội tôi sang Trung Quốc là đứng vào hàng ngũ của địch. Đó là một sự xuyên tạc bĩ ổi. Trung Quốc là người bạn rất tốt của nhân dân Việt Nam. Trong ba mươi năm ròng rã, trong cuộc đấu tranh chống Pháp và chống Mỹ cứu nước, nhân dân Việt Nam đã được Trung Quốc viện trợ cho mấy chục tỷ đô-la. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, Trung Quốc đã cử hàng mấy chục vạn người sang giúp Việt Nam xây dựng hậu phương, và có hàng nghìn người đã hy sinh dưới bom đạn của Mỹ. Do đó, chỉ có những người vong ân bội nghĩa mới gọi Trung Quốc là kẻ thù.

Sự thực là từ ngày Hồ Chủ tịch từ trần, bọn Lê Duẩn đã choán quyền lãnh đạo của Đảng và Nhà nước và thi hành một loạt chính sách đối nội và đối ngoại rất phản động; đặc biệt là việc năm 1978, chúng ép Trung ương Đảng ra nghị quyết chống Trung Quốc, đã bội lộ triệt để bộ mặt của chúng bán rẻ Tổ quốc và làm tay sai cho nước ngoài, mang lại tai họa rất lớn cho nước nhà. Chúng ngang nhiên đàn áp những người có ý kiến bất đồng, chính là nhằm thực hiện chính sách phản động nói trên.

Là một người cách mạng hoàn toàn đối lập với chúng, ở lại trong nước đã không thể phát huy tác dụng tích cực được nữa, tôi đành phải rời khỏi Việt Nam để tiếp tục làm cách mạng. Theo tôi biết, những ý kiến tôi phát biểu trong thời gian gần một năm nay đã có ảnh hưởng khá sâu rộng trong nhân dân và quân đội Việt Nam. Chính vì đó mà bọn Lê Duẩn rất hoảng sợ, và phải ép buộc tòa án nặn ra vụ án này. Việc làm của chúng đối với tôi không có nghĩa lý gì cả. Mục đích đen tối của chúng là nhằm tự gây cho mình một

thanh thế dễ dọa dẫm và đàn áp những người chống đối lại chúng, mà những người đó đâu đâu cũng có, ở trong cũng như ở ngoài nước. Ngày nay, bọn Lê Duẩn đang giãy giụa trên núi lửa chờ ngày nhân dân tuyên án chúng. Đứng về cá nhân tôi mà nói, tôi hết sức khinh miệt chúng, phỉ nhổ chúng. Tất cả những điều chúng bịa đặt và vu khống tôi đều không có giá trị gì hết. Tôi vẫn quyết tâm tiếp tục làm cách mạng để góp phần của mình trong việc xây dựng một nước Việt Nam thực sự hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh như Hồ Chủ tịch mong muốn. Tôi quyết tâm đem sức mình để đấu tranh nhằm khôi phục mối tình hữu nghị Việt – Trung "vừa là đồng chí, vừa là anh em" do Hồ Chủ tịch xây đắp nên mà bọn Lê Duẩn đang rắp tâm phá hoại.

Đây là những ý kiến của tôi đối với vụ án ngày 26 tháng 6 do bọn Lê Duẩn nặn ra.

Hoàng Văn Hoan

Ngày 10 tháng 7 năm 1980

Phần phụ lục

Lý lịch tóm tắt và một số hoạt động cụ thể

I. Lý lịch tóm tắt

Xuất thân từ một gia đình nhà nho nghèo ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

1905

Tốt nghiệp lớp sơ học Pháp- Việt ở huyện nhà.

1923

- 1924 Bắt đầu giác ngộ cách mạng và tích cực hoạt động tìm cách mạng.
- 1926 Được tổ chức cách mạng đưa đi Quảng Châu dự lớp huấn luyện chính trị do Hồ Chủ tịch chủ trì. Xong lớp huấn luyện được tổ chức vào Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, gọi tắt là Thanh Niên, và được phái về nước hoạt động.
- 1928 Bị Pháp lùng bắt, được Kỳ ủy Thanh Niên Trung kỳ giới thiệu qua Xiêm hoạt động cách mạng.
- 1929 Tỉnh ủy Thanh Niên ở Xiêm được thành lập, tôi là một thành viên trong Tỉnh ủy.
- 1930 Gia nhập Đảng Cộng sản Xiêm và là Tỉnh ủy viên Đảng Cộng sản Xiêm.
- 1934 Được cử làm Ủy viên Trung ương lâm thời của Đảng Cộng sản Xiêm (*gọi tắt là Xiêm ủy*).
- 1935 Qua Trung Quốc chữa bệnh. Sau vì mất liên lạc với Xiêm ủy, được Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương đồng ý ở lại Trung Quốc hoạt động cách mạng.
- 1936 Cùng một số anh em Việt Nam ở Nam Kinh lập "Việt Nam độc lập đồng minh hội" (*gọi tắt là Việt Minh*) ở Nam Kinh.
- 1937 Nam Kinh bị Nhật uy hiếp. Rồi Nam Kinh di Vũ Hán.
- 1938 Khi Vũ Hán sắp mất thì rời Vũ Hán đi Trường Sa (Hồ Nam), Quý Dương (Quý Châu), rồi đi Côn Minh (Vân Nam) cùng các đồng chí Việt Nam ở đó hoạt động.
- Đồng chí Phùng Chí Kiên đến Côn Minh lập Ban hải ngoại để lãnh

- 1939 đạo mọi mặt công tác ở Trung Quốc, tôi là một ủy viên trong Ban.
- 1940 Hồ Chủ tịch từ Diên An về Côn Minh. Tháng 6-1940 phát-xít Đức chiếm Pa-ri, Hồ Chủ tịch chủ trương chuyển hướng công tác về phía Quảng Tây, để liên lạc với cách mạng trong nước. Bước đầu là đến Quế Lâm để giao thiệp với Lý Tề Thâm, Chủ nhiệm Hành dinh khu Tây Nam đóng ở đó. Theo sự chỉ dẫn của Hồ Chủ tịch, "Biện sự xứ hải ngoại của Việt Minh" và "Trung – Việt văn hóa công tác đồng chí hội" được thành lập. Qua một thời gian hoạt động, được sự giúp đỡ của Lý Tề Thâm, Hồ Chủ tịch và tất cả chúng tôi đều đi Tĩnh Tây, một huyện của Trung Quốc, giáp giới với tỉnh Cao Bằng Việt Nam.
- 1941 Hồ Chủ tịch về Pác Bó. Tôi được phái đi Long Châu lập Biện sự xứ Việt Minh ở Long Châu, rồi lại về Tĩnh Tây, cùng các anh Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Lê Thiết Hùng, Cao Hồng Lĩnh và một số người trong nước ra công khai hoạt động với danh nghĩa Việt Minh.
- Tháng 5-1941 về Pác Bó tham gia Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tám. Hội nghị quyết định lấy Mặt trận Việt Minh thay Mặt trận Phản Đế. Tôi được chỉ định làm Ủy viên Tổng bộ Việt Minh.
- Cuối năm 1941, do sự tố giác của tên phản Đảng là Trần Báo, hoạt động Việt Minh ở Trung Quốc gặp khó khăn. Phần lớn các đồng chí đều về nước, tôi được Trung ương chỉ định ở lại Tĩnh Tây để duy trì cơ sở, nhưng không lâu bị bắt ở Bình Mãnh, lần lượt bị giải đi Trấn Biên, Tĩnh Tây, rồi Liễu Châu để giám thị.
- 1942 Ở Liễu Châu lãnh đạo nhóm Việt Minh, liên hệ với những người tiến bộ trong nhóm Phục Quốc, đấu tranh với chủ trương của Quốc dân đảng Trung Quốc và bọn tay sai muốn lập Chính phủ bù nhìn Việt Nam để phục vụ cho việc "Hoa quân nhập Việt".
- Tháng 6-1942, với ý đồ "điều hổ ly sơn", Trương Phát Khuê ủy nhiệm tôi làm Dịch thuật quan của "Trung- Việt biên khu chính trị công tác đội" ở Tĩnh Tây. Đến Tĩnh Tây không lâu thì bỏ Tĩnh Tây về nước hoạt động ở Cao Bằng, Lạng Sơn, góp phần xây dựng Khu giải phóng Việt Bắc.

- 1945 Dự Hội nghị toàn quốc của Đảng ở Tân Trào, được bầu làm Ủy viên Trung ương chính thức của Đảng và Bí thư Khu giải phóng Việt Bắc.
Cuối tháng 9-1945 được Trung ương điều về Hà Nội, giữ chức Phó Bộ trưởng Quốc phòng kiêm Chính trị viên Vệ quốc quân toàn quốc (*lúc này Giải phóng quân đội tên là Vệ quốc quân*).
- 1946 Hà Nội bị quân Pháp uy hiếp, Trung ương rời khỏi Hà Nội, tôi được cử làm Bí thư Khu ủy, Đại biểu Chính phủ Trung ương và Chủ nhiệm Việt Minh tại Liên khu 4.
- 1948 Được ủy nhiệm làm Đặc phái viên Chính phủ ở hải ngoại, và Đại biểu Trung ương Đảng chỉ đạo việc chinh đồn một số công tác ở hải ngoại.
- 1949 Được cử làm Trưởng đoàn đại biểu Công đoàn Việt Nam đi dự Hội nghị Công đoàn Á – Úc họp ở Bắc Kinh.
- 1950 Sau khi Trung Quốc tuyên bố thừa nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chủ tịch quyết định tôi ở lại Bắc Kinh với danh nghĩa Đại biểu Đảng và Chính phủ (*sau chuyển thành Đại sứ*) Việt Nam tại Trung Quốc. Đồng thời kiêm làm Đại sứ ở Triều Tiên và ở Mông Cổ, mãi cho đến năm 1957 Trung ương điều về Hà Nội công tác.
- 1951 Tại Đại hội lần thứ hai của Đảng lại được bầu làm Ủy viên Trung ương Đảng.
- 1956 Tại Hội nghị Trung ương Đảng bàn về vấn đề sửa sai cải cách ruộng đất, được bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng.
- 1958 Tại kỳ họp thứ tám Quốc hội khóa I được bầu làm Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Ủy ban thường vụ Quốc hội, đồng thời được bầu làm Chủ nhiệm Ủy ban dự thảo Pháp luật Quốc hội.
Tại kỳ họp Quốc hội này cũng bầu ra Ủy ban sửa đổi Hiến pháp do Hồ Chủ tịch làm Trưởng ban, tôi là một thành viên trong Ủy ban.

- 1960 Tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa II lại được bầu làm Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký UBTV Quốc hội và Chủ nhiệm Ủy ban dự thảo Pháp luật của Quốc hội.
Tháng 9-1960 tại Đại hội lần thứ ba của Đảng lại được bầu làm Ủy viên Trung ương và Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng.
- 1961 Tại Đại hội Đảng thành phố Hà Nội được bầu làm bí thư Thành ủy Hà Nội. Sau một thời gian thôi chức Bí thư Thành ủy Hà Nội để giữ chức Trưởng Ban liên lạc đối ngoại Trung ương Đảng, Trưởng Ban pháp chế Trung ương Đảng, đồng thời phụ trách chỉ đạo Ban CP 38 về công tác Lào, Miên.
- 1964 Tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa III lại được bầu làm Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký UBTV Quốc hội.
- 1971 Tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa IV lại được bầu làm Phó Chủ tịch Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chủ nhiệm Ủy ban dự thảo Pháp luật của Quốc hội.
- 1976 Tại Đại hội lần thứ tư của Đảng bị bọn Lê Duẩn gạt ra khỏi Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Nhưng tại kỳ họp thứ nhất Quốc Hội khóa V (*Quốc hội chung cả nước*) vẫn được bầu làm Phó Chủ tịch Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- 1979 Sau khi Lê Duẩn trắng trợn phản bội cách mạng, thấy rõ dù ở trong nước cũng không thể phát huy được tác dụng của một người cách mạng, tôi đành phải rời Tổ quốc ra nước ngoài để tiếp tục hoạt động.
- 1986 Không ngừng đấu tranh chống chủ trương phản nước hại dân của Lê Duẩn.

II. Một số hoạt động cụ thể

A. Hoạt động với danh nghĩa Đảng và Chính phủ

Đại biểu Chính phủ Việt Nam dự Hội nghị Giơ-ne-vơ về vấn đề Đông Dương.

1954

1955 Cùng Hồ Chủ tịch đi thăm chính thức các nước Trung Quốc, Mông Cổ, Liên Xô.

1957 Cùng Hồ Chủ tịch đi thăm chính thức các nước Triều Tiên, Tiệp Khắc, Ba Lan, Cộng hòa Dân chủ Đức, Hung-ga-ri, An-ba-ni, Bun-ga-ri, Ru-ma-ni, Nam Tư.

1961 Cố vấn đặc biệt Đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam dự Hội nghị Giơ-ne-vơ về vấn đề Lào.

1964 Dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ đi dự lễ Quốc khánh Cu-ba.

1965 Đại biểu Đảng và Chính phủ dự lễ tang đồng chí Gioóc-giu-đây, Bí thư thứ nhất Đảng và Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Ru-ma-ni.

1972 Thành viên Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ dự lễ kỷ niệm lần thứ năm mươi Cách mạng Tháng mười Nga.

1973 Đại biểu Đảng và Chính phủ dự lễ tang đồng chí Un-bơ-rích, nguyên Bí thư thứ nhất Đảng và Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Cộng hòa Dân chủ Đức.

B. Hoạt động với danh nghĩa Đảng

- Dẫn đầu đại biểu Đảng dự Đại hội lần thứ 5 Đảng Xã hội Thống nhất Đức.
- 1958 Dẫn đầu Đoàn đại biểu Đảng dự Đại hội lần thứ 13 Đảng Nhân dân Cách mạng Mông Cổ.
Cùng Hồ Chủ tịch dự Đại hội lần thứ 21 Đảng Cộng sản Liên Xô.
- 1963 Dẫn đầu Đoàn đại biểu Đảng dự Đại hội lần thứ 12 Đảng Cộng sản Bun-ga-ri, Đại hội lần thứ 8 Đảng Công nhân Hung-ga-ri, Đại hội lần thứ 12 Đảng Cộng sản Tiệp Khắc, Đại hội lần thứ 6 Đảng Xã hội Thống nhất Đức.
- 1966 Dẫn đầu Đoàn đại biểu Đảng dự Đại hội lần thứ 5 Đảng Lao động An-ba-ni.
- 1975 Dẫn đầu Đoàn đại biểu Đảng dự Đại hội lần thứ 11 Đảng Công nhân Hung-ga-ri.
- 1976 Dẫn đầu Đoàn đại biểu Đảng dự Đại hội lần thứ 7 Đảng Lao động An-ba-ni

C. Hoạt động với danh nghĩa Quốc hội

- Dẫn đầu đoàn Đại biểu Quốc hội thăm các nước Triều Tiên, Mông Cổ, Liên Xô, Trung Quốc.
- 1965
- 1970 Dẫn đầu đoàn Đại biểu Quốc hội thăm các nước Bun-ga-ri, Cộng hòa Dân chủ Đức, An-ba-ni, Hung-ga-ri.
- 1971 Dẫn đầu đoàn Đại biểu Quốc hội thăm các nước Ba Lan, Tiệp Khắc, Ru-ma-ni, Liên Xô.

1976 Dẫn đầu đoàn Đại biểu Quốc hội dự lễ khai mạc kỳ họp đầu tiên của Quốc hội Cu-ba.

D. Hoạt động sau khi rời Tổ quốc

1979 Đến Bắc Kinh được các đồng chí Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đón tiếp thân mật. Một hôm sau gửi thư báo cáo đồng bào lý do vì sao phải rời khỏi Tổ quốc.

1980 Nói chuyện với kiều bào về vấn đề Cách mạng Việt Nam phải làm lại.

1981 Nói chuyện với kiều bào về vấn đề khôi phục và phát triển mối tình hữu nghị Việt – Trung là nhiệm vụ lịch sử của nhân dân Việt Nam hiện nay.
Tháng 3-1981 cùng các người yêu nước Việt Nam ra tờ tạp chí Tin Việt Nam.

1982 Mở hai lớp học tập cho cán bộ Việt kiều tại Trung Quốc.

1983 Nhân dịp đầu xuân năm Quý Hợi kêu gọi đồng bào đoàn kết đấu tranh, đánh đổ ách thống trị tàn bạo và thối nát của Lê Duẩn.

1985 Nhân dịp kỷ niệm 40 năm Cách mạng Tháng Tám, mở tiệc chiêu đãi cán bộ trong các đoàn cố vấn, đoàn chuyên gia Trung Quốc trước đây tại Việt Nam. Trong buổi chiêu đãi còn có nhiều đại biểu Việt kiều và một số nạn dân Việt Nam tham gia.

1994 Hoàng Văn Hoan mất tại Bắc Kinh, chôn tại nghĩa trang Bát Bảo Sơn, nơi yên nghỉ của các chức sắc cao cấp CHND Trung Hoa.

^[1]theo tin Cam-pu-chia thì hiện nay đã có hơn sáu chục vạn

^[2]toàn văn kèm theo sau

^[3]toàn văn kèm theo sau

^[4]toàn văn kèm theo sau

^[5]ngày 9-8-1979

^[6]ngày 1-9-1979

^[7]tháng 11-1979

^[8]ngày 28-1-1980

^[9]Tin Việt Nam số 1 tháng 3-1981

^[10]một bài hoàn chỉnh, chia ra ba lần đăng ở Tin Việt Nam trong các số tháng 5, tháng 6, tháng 7 năm 1981

^[11]Tin Việt Nam số 7 tháng 9 -1981

^[12]Tin Việt Nam số đặc biệt ngày 19-5-1982

^[13]Tin Việt Nam số 21 tháng 11- 1982

^[14]Tin Việt Nam số 24 tháng 2-1983

^[15]Tin Việt Nam số 34 tháng 12-1984

^[16]Tin Việt Nam số 41 tháng 7-1984

^[17]Hội nghị đảng các nước xã hội chủ nghĩa

^[18]Hội nghị các đảng cộng sản và công nhân

^[19]tức lực lượng chống "Mao"

Nguồn: Talawas

Được bạn: ms đưa lên

vào ngày: 12 tháng 11 năm 2005